TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN CÁC TÁC GIẢ ĐOẠT GIẢI NOBEL

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Emest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...
Henryl
Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Emest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...

Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Emest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...
Henryl
Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Emest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN CÁC TÁC GIẢ ĐOẠT GIẢI NOBEL

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 1997

Lời người tuyển chọn

Không ai có thể phủ nhận ý nghĩa quốc tế của giải Nobel nói chung, bởi vì giải này được trao tặng cho những ai "phụng sự nhân loại ở mức cao nhất" trong lĩnh vực hoá học, vật lý, y học và hoà bình. Về văn chương giải này được giao cho những ai sáng tạo được "những tác phẩm lỗi lạc nhất trong việc thể hiện lý tưởng cao đẹp". Và hàng năm, cứ vào hai tháng cuối cùng, giới văn học, nhất là các nhà xuất bản trên khắp hành tinh lại xôn xao bàn tán, chờ đợi xem ai sẽ là người không những có đủ tài năng, mà còn là người may mắn nữa – được tặng giải Nobel văn chương.

Giải Nobel văn chương khởi thuỷ từ năm 1901, và hàng năm Viện hàn lâm Thụy Điển lại đứng ra tổ chức lễ trao tặng vào ngày 10 tháng 12 – ngày giỗ Alfred Nobel (1833 – 1896). Cho đến nay bản "Phong Thần" về văn chương này đã vượt quá con số một trăm. Đây là giải thưởng quốc tế lớn nhất đối với giới Văn học. Giá trị của nó không phải chỉ là mấy vạn đô la, mà còn là tiếng tăm của những người được giải và tác phẩm của họ sẽ ngay lập tức được nhân bản với số lượng lớn, nhiều khi vượt quá con số một triệu, sẽ được dịch sang nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau của các dân tộc văn minh trên toàn cầu.

Để tết thành một lãng hoa hái trong khu vườn hoa "bách gia" đa sắc mầu, đủ thể loại ấy, thật là khó! Lại chỉ bó khuôn trong một thể loại là truyện ngắn , lại càng khó hơn!

Để xây dựng tập sách này chúng tôi phải gom góp những truyện ngắn của các tác giả được giải Nobel do nhiều người dịch đã được công bố trên nhiều báo, tạp chí, đã được in trong các sách phát hành trong nhiều năm. Điều kiện đó không cho phép chúng tôi gửi lời xin phép trước tới tất cả các dịch giả có tác phẩm in trong tập sách này. Chúng tôi thành thật cáo lỗi!

Với điều kiện như thế, tập sách khó tránh khỏi những sai sót về tín và nhã. Cũng mong được độc giả gần xa bỏ quá và cho lời chỉ bảo.

NGƯỜI TUYỂN CHỌN

Điokle x

(Truyện cổ thành Aten)

SIENKIEVICH
(NOBEL 1905)

Thần Mông đã du thành Aten say ngủ, trong sự im lặng tĩnh mịch của đêm dường như thảng hoặc có thể nghe thấy tiếng thở của thành phố đang ngủ say. Ánh trăng như đang bao phủ những ngọn đồi, Akrôpôl, các thần miếu, những rừng ôlu và những khóm cây trắc bá đen thẫm trong một làn nước ngai ngủ loáng ánh bạc, mông mênh. Các đài phun nước im tiếng, những người lính gác ngủ gà gật đứng lặng bên cổng thành, cả thành phố và vùng chung quanh đang ngủ say.

Trong đêm sau chỉ có mỗi mình chàng Điôklex còn thao thức. Tỳ tran vào chân tượng Nữ thần Paiax trắng toát trong khu vườn Akađêmia, chàng choàng tay ôm gì lấy chân pho tượng, kêu lên:

- Hỡi Athêna, hỡi Athêna! Xưa kia Người đã từng hiện ra cho mắt chúng dân được thấy, vậy xin hãy nghe lời tôi! Xin hãy thương tôi! Xin hãy nghe thấu lời khẩn cầu của tôi!

Và rời tran khỏi đôi chân cẩm thạch của Nữ thần Trinh nữ, chàng ngước mắt nhìn lên mắt nàng, khuôn mặt lúc này được một trùm ánh trăng soi sáng, nhưng đáp lại lời chàng vẫn chỉ là sự im lặng mông mênh. Ngay cả cơn gió nhẹ từ phía biển thường đến vào đêm giờ cũng đã lặng đi, không một chiếc lá cây rung động.

Trong tim chàng trai trào dâng một nỗi thương thân vô bờ, khiến những dòng lệ giàn giụa trên khuôn mặt xinh đẹp của chàng.

- Tôi chỉ thờ phụng và ca ngợi mỗi mình Người trong tất cả các chư thần - chàng tiếp tục than vãn, chỉ mỗi mình người thôi, hỡi Nữ thần hộ mệnh của tôi. Nhưng cũng chính Người đã gieo vào tâm hồn tôi một nỗi khát khao và nhớ nhung ngày đêm, nỗi khát khao thiêu đốt lòng tôi như lửa cháy. Xin hãy hãy dập tắt hoặc thổi bùng nó lên đi, hỡi Nữ thần! Hãy cho tôi thấy Nữ thần Chân lí cao cả. Nữ thần là chân lí của các chân lí, là tâm linh của muôn loài, tôi xin dâng hiến Nữ thần mạng sống của tôi cùng mọi lạc thú cuộc đời này. Tôi sẽ từ bỏ mọi tài sản, sẽ hiến dâng tuổi trẻ, sắc đẹp, tình yêu, hạnh phúc, thậm chí cả niềm vinh quang mà người ta thường coi là của cải và ân phước lớn nhất được chư thần ban tặng.

Rồi chàng lại đập đầu vào đá cẩm thạch và lời nguyện cầu từ thẳm sâu tâm hồn chàng tuôn trào như một làn khói hương thành kính tuôn ra từ lư hương. Toàn bộ sinh lực của chàng như đã biết thành sức mạnh khẩn cầu. Chàng cầu khẩn dưới chân Nữ thần, quên hẳn mình đang ở đâu, điều gì đang xẩy ra, chàng tìm một trạng thái nửa tỉnh nửa mê, chỉ còn chảy lên một ý thức, cũng là một ý nghĩ bướng bỉnh duy nhất, rằng câu trả lời cho sự cầu nguyện khẩn thiết của mình sẽ phải đến.

Và rồi nó đến. Những cành ôliu và ngọn cây trắc bá đột nhiên rung chuyển, bắt đầu nghiêng xuống dường như cơn gió đêm vừa chợt nổi lên, tiếng lá rì rào và tiếng thì thầm của rặng cây trắc và như biến thành tiếng người đâu đó trên cao, vang vọng khắp khu vườn như thể có biết bao người cùng gọi chàng từ mọi hướng.

- Điôklex! Điôklex!...

Chàng trai giật mình tỉnh thức, đưa mắt nhìn quanh, ngỡ các bạn đang tìm mình trong đêm.

- Ai gọi thế? - Chàng hỏi.

Một bàn tay cầm thạch đặt lên vai chàng.

- Chính người đã gọi thì có, - Nữ thần nói, -ta đã nghe thấu lời ngươi và đang ở bên ngươi đây.

Nỗi kinh hoàng khiến tóc chàng dựng ngược cả lên; chàng quỳ sụp xuống, lạp đi lạp lại trong niềm kinh sợ lẫn thán phục.

- Ngươi ở bên tôi? Không sao hiểu nổi, kinh khủng, không thể nói thành lời!...

Nhưng Nữ thần bảo chàng đứng dậy và nói:

Người muốn được biết chân lí cao cả nhất, chân lí duy nhất, là tâm linh của thế gian và bản chất của muôn loài. Nhưng người hãy nhớ rằng cho đến nay chưa một ai trong số cháu con của Đêucalion[1] được thấy mặt Nữ thần khỏi sự dom ngó của người trần và sẽ còn che mãi mãi. Có thể người sẽ phải trả giá rất đắt cho khát vọng táo tợn của mình, nhưng vì người đem cả tính mạng của người thề thốt bên ta, ta sẽ sẵn lòng, giúp người, nếu như vì Nữ thần ngươi thề sẽ từ bỏ mọi tài sản, quyền lực, tình yêu và vinh quang, thứ mà như người nói, là ân phước lớn nhất của chư thần.

---

(1) Theo thần thoại Hi Lạp, Đêucalion là con trai của thần Prôméthêux, một trong hai người còn sống duy nhất sau nạn hồng thuỷ do thần Dêux gây ra để giết chết giống người được coi là thuỷ tổ của loài người.

- Tôi xin từ bỏ toàn thế giới, ngay cả vầng thái dương nữa! Điôklex hứng khởi kêu lên.

Những ráng trắc bá và ôliu vẫn cúi đầu trước người con gái hung mạnh của thần Điôx (2). Hình như Nữ thần đang ngẫm nghĩ về lời thề của chàng trai trẻ.

- Nhưng ngươi cũng sẽ không được thấy Nữ thần ngay đâu, - lát sau nàng bảo. - Mỗi năm một lần, trong đêm tương tự như đêm nay, ta sẽ mang ngươi đến với Nữ thần Chân lí, ngươi sẽ giật một tấm man che Nữ thần, ném về phía sau lưng. Bằng sức mạnh bất tử của mình, ta sẽ giúp cho ngươi không chết trước khi ngươi mở được tấm màn che cuối cùng. Ngươi có đồng ý thế không, Điôklex?

- Ý trí của Người sẽ thực hiện như bao giờ cũng được thực hiện, hỡi Nữ thần Thông thái! - Chàng trai đáp.

Và Nữ thần bèn chút bỏ bộ y phục cẩm thạch, biến thành một hình hài rực sang và cũng nhẹ như ánh sáng, rồi nắm tay Điôklex bay lên trung, với tốc độ của thần linh xuyên qua tầng khí quyển, giống như một trong những vì sao đêm đêm vẫn thường bay ngang bầu trời Archipelag đang say ngủ.

Họ bay nhanh như những ý nghĩ cho đến khi dừng lại ở một miền xa lạ trên đỉnh trời cao hơn các đỉnh núi Ôlimpơ, Iđa, Pêlion và Ôssa. Nơi đó, trên một sườn núi dốc đứng, Điôklex trông thấy một thứ gì đó giống như hình dáng một thiếu nữ, được bao bọc kín đáo trong vô số những lớp vải che, đến nỗi không tài nào hình dung ra những đường nét

thật. Chung quanh hình người đang run rẩy những ánh sáng gì đó, rất kì lạ, bí ẩn, khác hẳn với mọi thứ ánh sáng nơi dương thế.

- Đó là Chân lí, - Nữ thần Athêna bảo, - người thấy đấy, những tia sáng của Nữ thần mặc dù đã bị che, vẫn xuyên qua các tấm màn và vẫn chiếu sáng. Nếu như không có những ánh sáng yếu ớt đó chiếu xuống trái đất, được những đôi mắt của những nhà thông thái nắm bắt, thì con người như các cư dân của vùng Xumer sẽ bị chìm đắm mãi mãi trong bóng tối u minh.

Hỡi người dẫn đường thiên giới, Điôklex nói, - chắc hẳn khi tôi giật tấm vải che thứ nhất, Chân lí sẽ soi sáng tôi rõ hơn.

- Giật đi! - Nữ thần bảo.

Điôklex nắm lấy tấm vải và giật đi khỏi người Nữ thần Chân lí. Làn ánh sáng chói loà hơn liền đập vào mắt chàng, và mải say sưa lặng ngắm dáng toả sáng của Nữ thần, chàng không hay rằng tấm vải che mà chàng vừa buông tay đã xoá thành một con thiên nga trắng muốt bay mất hut về bầu trời tối thẫm mênh mông.

Chàng đứng mãi trước Nữ thần Chân lí, nửa tỉnh nửa mê, bị tách rời khỏi cuộc đời, lòng tràn ngập hứng khởi trong khoảng không gian bao la đầy ánh sáng, không vướng bận chút suy tư trần thế, được hút thu một sức mạnh chưa từng biết từ một thực thể chưa từng biết và dồn nén lại trong mình.

- Ôi Sáng láng! Ôi vĩnh hằng! Ôi Tâm linh thế gian!... Chàng kêu lên.

Chàng giữ trọn lời thề đối với Nữ thần. Chàng vốn giàu có, nên nhiều khi đi cùng các bạn đồng niên trong khu vườn Acađêmôx trên đường dẫn đến Acrôpôl, hay trong những cảnh rừng ôliu nằm giữa thành phố và cảng bạn bè thường ngạc nhiên chê trách chàng.

- Điôklex[1] - họ bảo, - cha anh đã tích góp được bao nhiêu kho báu, anh lại được tuỳ ý sử dụng chúng. Vậy tại sao anh không mở những yến tiệc như ngày nào chàng Alxybiađex sánh ngang các chư thần đã từng mời thanh niên Aten đến dự? Chẳng lẽ anh theo những người khắc kỉ, không cần chăm lo đến nhà cửa, không trang hoàng ở phòng ở, điều mà một ông chủ lớn như anh phải làm? Hãy suy nghĩ xem, tài sản của cải là quà tặng của chư thần, sao anh lại coi thường khinh rẻ thế!

Điôklex hỏi lại họ:

- Xin các bạn hãy nói tôi nghe, chẳng lẽ có thể dùng các kho báu của hoàng đế Ba Tư mà mua được cả Chân lí hay sao?

Vì vậy một số người không thôi bỉ với chàng, nhưng một số khác lại cho rằng chàng đã trở thành một bậc minh triết, có thể còn vĩ đại hơn cả chính Platôn vĩ đại.

Còn chàng vẫn sống khổ hạnh.

Nhưng thay vào đó một đêm kia, khi rời khỏi tay chàng tấm khăn che thứ hai lại biến thành thiên nga bay vút vào không gian tối thẫm và Nữ thần Chân lí lại sáng hơn trước mắt chàng.

Chàng vốn là một sinh viên sinh đẹp. Những bậc quyền quí độ nhất thành Aten, các triết gia những nhà hùng biện và thi sĩ đều mong muốn kết thân với chàng để thông qua việc ngắm nhìn chàng được gần gũi hơn với cái đẹp của những mẫu hình cổ xưa.

Nhưng chàng từ chối mọi thứ quà tặng, sự săn đón và tình thần của họ...

Các thiếu nữ thường hay tụ tập bên đài phun nước trên quảng trường Xtoa và Xeramic hay dùng những bím tóc dài mượt vây bọc chàng trong những vòng tròn khiêu vũ. Các phụ nữ xinh đẹp như tiên nữ nhiều lần ném xuống chân chàng những nhành cây dùng để tế hiến chàng Adônix[1] hoặc cố tình thì thầm vào tai chàng thông qua những bông huệ đang nở xoè và các vòng hoa những lời âu yếm và ngọt ngào như tiếng sáo Arcađi...

Như tất thảy đều vô ích!

- Đến với em đi nào, - cô gái xinh đẹp nhất trong các trinh nữ thành Aten, hiến thân thực sự của tiên nữ duyên sắc Kharyta bảo chàng. - Mắt em sáng như sao lấp lánh, tóc em thơm như huệ dạ hương, lòng em dịu êm như lòng Nữ thần Helena. hãy đi cùng em nào Điôklex, ngay cả chư thần cũng chưa từng biết khoái lạc nào lớn lao hơn tình ái.

Nhưng Điôklex chỉ buồn bã mỉm cười đáp:

- Cánh chim ấy, hỡi Nữ thần, đã rời khỏi tôi và bay xa rồi.

---

(1) Theo thuần thoại Hi Lạp, Adônix là chàng trai trẻ đẹp, được Nữ thần Aphrôditê yêu.

Và cánh thiên nga qua thật đã rời khỏi chang trong đêm huyền diệu thứ ba.

Năm tháng nối nhau trôi qua những đám mây mà về mùa đông thần gió bắc cuồng nộ Bôrêax thường đuổi xua từ những dãi núi Tracki dốc đứng bay mau qua bầu trời thành Aten về phía biển. Từ một chàng trai, Điôklex đã trở thành một người đàn ông tráng niên. Hiếm khi chàng tham dự vào những cuộc tranh luận của các triết gia, hiếm khi chàng phát biểu những vấn đề chung, tuy nhiên trong thành phố người ta bắt đầu thán phục những lời nói, trí thông minh của chàng. Nhiều lần các công dân đã đề nghị chàng giữ những địa vị cao sang, những người quen và bạn bè nài nỉ chàng nắm giữ những bánh lái của con thuyền quốc gia, chèo lái nó vượt qua đá ngầm và xoáy nước để đưa đến vùng bình yên. Nhưng chàng thì thấy ở thành Aten một đời sống xã hội đã bàng hại, tình yêu tổ quốc đã bị chết chìm giữa những hằn thù và sự tranh giành của các thế lực, sự cảnh báo trước của chàng, giống như những hạt giống bị tội đày phải chịu chết, được gieo xuống một mảnh đất hoang hoá cháy rụi, vì vậy chàng cố gắng tránh xa chức quyền như lời chàng đã thề nguyền. Và một lần, khi đám đông dân chúng gần như bắt buộc chàng phải đứng đầu bọn họ, chàng đã thốt lên:

- Ôi, hỡi người dân thành Aten! Các người chính là kẻ thù của nhau. Là một con người tôi chỉ có dòng lệ dành cho các người, nhưng giả như có là Chúa trời chăng nữa, tôi cũng chẳng thể nào chỉ huy nổi các người đâu!

Tuy nhiên ngay sau khi cuộc nội chiến bùng nổ, chàng vẫn cùng với những người khác bảo vệ thành trì quê hương và lúc trở về mình mang đầy thương tích. Song khi người ta tặng vòng hoa cho những người can trường nhất tại Acrôpôl, chàng đã không có mặt tại hàng ngũ các chiến binh và không cho phép người ta khắc tên mình trên tấm biển đồng trong thần miếu.

Chàng coi khinh một vinh quang còn lớn lao hơn mà nhẽ ra chàng đã có thể đoạt trong những cuộc thế vận hội. Lúc về già chàng dùng những cành miêu liễu bện cho mình một túp lều gần mỏ đá Pentêlicôn, và chàng từ bỏ thành đô, lánh xa mọi người. Dần dần ở thành Aten người ta cũng quên chàng, và nếu đôi khi chàng có vào chợ để mua bánh mì và ôliu thì ngay cả những người quen cũng không còn nhận ra chàng nữa.

Và chàng cứ sống như thế, đơn độc, kiêu hãnh, chôn chặt trong lòng và chìm ngập trong một nỗi u hoài nào đó, lớn lao nhưng lặng lẽ và êm dịu.

Vài mùa Thế vận hội nữa qua đi. Tóc đã bạc trắng mái đầu Điôklex dáng người đã còng nghiêng về phía đất, mắt thụt sâu vào trong hốc sọ và tuổi già rút kiện sức chàng. Chàng chỉ còn vững tin bởi mỗi một ý nghĩ rằng nếu chẳng bao lâu nữa chàng phải từ bỏ dương thế, thì trước đó thế nào chàng cũng phải được nhìn thấy Chân lí Cao nhất. Người Mẹ vĩnh hằng của mọi Chân lí khác trên đời.

Đôi khi Điôklex cũng thâm nghĩ rằng, nếu các Nữ thần Parca[1] không cắt đứt sợi dây đời của chàng thì chàng sẽ quay trở về thành đô, đến với con người và sẽ mang lại cho họ nhiều hơn những gì mà Prómêthêux đã từng mang lại.

Rồi cuối cùng cũng đến một đêm huyền thoại vĩ đại nhất, đêm đó Nữ thần Athêna nắm lấy tay Điôklex bay lên chín tầng trời và đặt ông xuống trước mặt Nữ thần Chân lí

- Hãy nhìn đi, - bà bảo. - Nữ thần đang cháy và đang chiếu sáng rực rỡ.

Nhưng trước khi ngươi vươn tay ra lần cuối cùng, hãy nghe những lời ta sắp nói đây đã. Những tấm vải che ma suốt ngần ấy năm qua đã rời khỏi tay người như những con thiên nga, đó chính là những ảo tưởng cuối cùng, nếu nỗi sợ hãi đang tràn ngập trái tim ngươi, thì hãy lùi lại khi hãy còn thời gian, ta sẽ mang ngươi khỏi tầng trời cao vợi này, để ngươi có thể cùng mọi người sống nốt những ngày còn lại của đời mình bên dưới kia.

- Cả cuộc đời tôi đã hiến dâng chính cho một phút giây này! - Điôklex kêu lên.

Rồi chàng tiến lại gần pho tượng đang cháy sáng, tim đập dồn dập, nheo mắt, tay run run túm lấy tấm vải che cuối cùng, giật mạnh nó vào ném ra phía sau lưng.

Nhưng đột nhiên xảy ra một điều gì đó thật khủng khiếp.

---

(1) Theo thần thoại La Mã, Parca là tên gọi chung ba chị em Nữ thần số mệnh (N.D)

Đúng vào giây phút ấy, dường như có sét đánh thẳng vào mắt Điôklex, và một màn đen kinh khủng bao trùm, đen đến nỗi so với nó đêm tối đen nhất dưới địa ngục Hadex cũng vẫn là một ngày sáng trời.

Trong đêm đen đặc nó vang lên tiếng kêu đầy nỗi kinh sợ không thể diễn tả và nỗi đau đớn vô bờ của Điôklex.

- Hỡi Athêna! Athêna hỡi! Sao chẳng có gì hết dưới tấm màn che cuối cùng, sao tôi chẳng thấy gì cả!!!

Đáp lại tiếng kêu tuyệt vọng đó là những lời nghiệt ngã của Nữ thần:

- Đôi mắt ngươi đã mù trước ánh sáng của Nữ thần Chân lí và ảo tưởng cuối cùng của ngươi cũng đã bay đi rồi, ảo tưởng rằng một kẻ người trần mắt thịt có thể nhìn thấy Chân lí không có màn che.

Im lặng bao trùm.

- Ngươi lừa phỉnh những kẻ đặt lòng tin Người! Điôklex rên lên, - và Người đã lừa phỉnh cả tôi, hỡi vị Nữ thần độc ác và dối trá. Nhưng nếu như chẳng bao giờ tôi được nhìn thấy Nữ thần Chân lí Cao cả, xin làm ơn hãy gửi Thần chết đến giải thoát cho tôi.

Và nỗi tiếc nuối vượt qua sức người rung ngân trong giọng nói của Điôklex đã khiến ngay của Nữ thần Athêna cũng phải động lòng.

Đặt tay lên mái đầu bất hạnh của Điôklex và cùng với Thần chết là niềm an ủi cuối cùng, rằng một khi Thần đã

ru người ngu, người sẽ được nhìn thấy thứ ánh sáng khi sống đã làm mù mắt người.

Đêm nhạt dần và trời rạng sang, nhưng bình minh lên xam lạnh và buồn. Từ những đám mây dồn nang trên bầu trời bắt đầu rơi là rả những bông tuyết trắng, dày đặc, phủ lên di hài không bất tử của Điôklex.

NGUYỄN HỮU DŨNG dịch

Người gác đèn biển

SIENKIEVICH
(NOBEL 1905)

Truyện ngắn này viết dựa theo một chuyện có thật mà J Horain đã kể trong một bức thư gửi từ Mỹ về

I

Một lần xảy ra chuyện người gác đèn biển ở Axpinoan - một nơi không xa Panama bị mất tích. Chuyện đó xảy ra trong cơn bão nên người ta cho rằng có lẽ kẻ xấu số nọ đã bị sóng cuốn đi khi lần ra mép nước của đảo đã đặt tháp đèn. Điều đó càng có vẻ có lý, vì ngày hôm sau người ta không tìm thấy chiếc xuồng con mà ông ta vẫn thường xuyên buộc ở kẽm đá. Cần phải tìm ngay người thay chân gác đèn bị

khuyết, bởi ngọn đèn biển này có ý nghĩa không nhỏ đối với giao thông trong vùng cũng như đối với bè chạy từ Niu York đến Panama. Vịnh Muỗi vốn lắm đụn cát và bãi cạn, tìm luồng lạch ban ngày còn khó, huống hồ ban đêm, nhất là giữa những lớp mù thương bao phủ vùng biển nhiệt đới mặt trời liên tục hun nóng nơi đây. Khi đấy đối với số đông tàu bè, ngọn đèn biển trở thành người chỉ đường duy nhất. Mối lo tìm người gác đèn thay thế đổ xuống đầu viên lãnh sự Hợp chủng quốc Hoa Kỳ ở Panama, mà đó là mối lo chẳng nhỏ nhoi gì, bởi lẽ thứ nhất là phải tìm bằng được người thay thế trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, thứ hai, người thay thế phải là người đặc biệt mẫn cán, không phải ai cũng có thể nhận được, và sau nữa, hiện chẳng có ma nào tình nguyện ứng cử vào chân ấy. Cuộc sống trên tháp đèn vốn cùng khắc khổ, chẳng ít cũng chẳng hấp dẫn gì đối với dân miền Nam rỗng tuếch vốn ưa thích phiêu lãnh tự do. Người gác đèn biển chẳng khác chi tù nhân. Trừ chủ nhật anh ta không được phép rời khỏi đảo đá của mình. Mỗi ngày một lần, thuyền từ Axpinoan chở ra đảo lương ăn và nước uống rồi lại rời đi ngay, và khi ấy, cả cái đảo đá rộng chừng một mẫu[1] ấy không còn có một bóng người nào khác. Người gác đèn sống ngay trong lòng tháp đèn và tự lo liệu lấy. Ban ngày trông theo phong vũ biểu mà treo cờ hiệu các màu để báo thời tiết, ban đêm thì đốt đèn. Kể ra, đó cũng không phải là công việc nặng nhọc gì nếu như không phải ngày vài lần leo những hơn bốn trăm bậc trên cái cầu thang cao ngất tròn ốc lên đỉnh tháp. Nói chung, đó là cuộc sống như trong tu viện, mà còn tệ hơn cả tu viện, bởi lẽ người gác đèn chỉ trần mỗi một thân một mình.

---

(1) Nguyên văn: rộng khoảng 1 morga là đơn vị đo diện tích cổ, bằng 5600 mét vuông.

Vì vậy, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu ngài lãnh sự Fancônbritgiơ lo nghĩ không biết tìm đâu cho ra người gác đèn thay thế cho kẻ bạc phận, và cũng dễ hiểu niềm vui sướng của ngài khi ngay trong ngày hôm ấy tự nhiên có một người tìm đến xin nhận chân gác đèn. Đó là một ông lão tuổi ngoại bẩy mươi, [illegible] thước khoẻ mạnh, lưng vẫn thẳng, dáng dấp có vẻ con nhà binh. Tóc ông lão đã bạc trắng, nước da bánh mật như người Krêôn[2] song cứ theo mâu đỏi mắt mà suy thì chắc chắn ông không phải là người phương Nam. Vẻ mặt ông trầm ngâm, đầy u ẩn, song trung hậu. Thoạt trông, ngài Fancônbrigiơ đã thấy hài lòng, song ngài vẫn có nhiệm vụ thẩm tra người xin việc, vì vậy đã diễn ra cuộc đối thoại sau đây:

- Quê ông ở đâu?

- Thưa, tôi người Ba Lan.

- Từ trước đến nay ông làm nghề gì?

- Thưa ngài, tôi đi tìm việc.

- Người gác đèn phải là người thích ngồi yên một chỗ kia đấy.

- Thưa, chính tôi cũng đang cố tìm một chỗ yên thân? Ông có chứng nhận phục vụ trung thành với Chính phủ chứ?

Ông lão rút tư trong hầu bao một mảnh lụa nhàu nát, nom như một mẩu cờ cũ kỹ. Lão vừa mở ra vừa nói:

---

(2) Dòng dõi những người Âu di cư sang châu Mỹ Latinh, không lai với người da đen, da trắng.

- Thưa, chứng nhận đây ạ. Huân chương chữ thập này tôi được thương năm ba mươi. Cái thứ này là huân chương của Tây Ban Nha, tôi được thưởng trong cuộc chiến tranh Caclixtô. Cái thứ ba là huân công của Pháp, cái thứ tư tôi nhận được ở Hunggari. Rồi tôi đánh nhau ở Hoa Kỳ chống lại các bang miền Nam, nhưng ở đó người ta không tặng huân chương, chỉ phát cờ màu giấy này.

Fancônbritgiơ cầm lấy tờ giấy và bắt đầu đọc.

- Hừm, Xkavinxki? Họ của ông đấy à? . . hừm. Tư tay đoạt được hai lá quân kỳ trong một trận đấu lê. ông đã từng là một người lính dùng cảm!

- Tôi sẽ là một người gác đèn mẫu cán,thưa ngài

- Ngoài ấy phải leo lên tận tháp ngày một vài lần cơ đấy, liệu chân ông có còn đủ cứng không?

- Thưa, tôi đã từ đi bộ qua cả biển đông bằng.

- *All Ringll* ![1] Ông có biết qua loa nghề biển chứ?

- Tôi đã làm việc ba năm liền trên tàu săn cá voi, thưa ngài.

- Ông quá nhiều nghề gơm nhỉ?

- Thưa, tôi chỉ chưa tìm được chốn yên thân.

- Sao vậy?

- Cái số tôi nó thế. .

- Theo tôi, để làm nghề gác đèn thì ông hơi quá già đấy.

---

(1) Tiếng Anh: Thôi được!

- *Sir*[2] - ông lão chợt thốt lên bằng giọng đầy xúc động- Tôi đã mệt mỏi, đã chịu đựng nhiều quá rồi. Ngài cũng thấy đấy, đời tôi đã qua bao đận. Giờ tôi chỉ mong sao có một chỗ yên thân. Tôi già rồi..., tôi chỉ cần yên tĩnh! Tôi tưởng được tự nhủ với mình rằng: may sẽ ngồi yên tại chốn này - đây đã là bến cảng của mày. Ôi, sir, việc này chỉ phụ thuộc vào mỗi một mình ngài mà thôi. Khó lòng có cơ hội thế này lần nữa. May mắn làm sao đúng lúc này tôi lại có mặt ở Panama kia chứ... Tôi van ngài... Thế có đúc Chúa lòng lành, tôi như con tàu sẽ bị đắm chìm nếu không tìm được vào bến cảng. Xin ngài rộn tay làm phúc cho thân già này... Xin thề với ngài là tôi ngay thực, nhưng... tôi ngán cảnh lang thang này lắm rồi...

Đôi mắt xanh của ông lão biểu lộ lời khẩn cầu tha thiết còn nỗi ngài Fancônbritgiơ - vốn có tấm lòng nhân hậu và chất phác - cũng xúc động.

- *Well*[3] - ngài nói, - tôi đồng ý nhận ông vào chân gác đèn.

Nét mặt ông lão bừng lên lòng biết ơn khôn tả

- Xin đa tạ ngài.

- Thế hiểu hôm nay ông có thể ra thắp đèn được chưa?

- Thưa, đã.

- Vậy thì *Good-bye*[4] !... À, thêm một điều nữa, chỉ cần vắng mặt một lần là ông sẽ bị thải hồi ngay đấy!

- *All right*!

---

(2) Tiếng Anh :Thưa ngài!

(3) Tiếng Anh : Được rồi!

(4) Tiếng Anh. Tạm biệt!

Ngay chiều hôm đó, khi mặt trời chìm vào làn nước biển, đêm sắp xuống sau một ngày đầy nắng gắn như không hề trải qua hoàng hôn, người gác đèn mới đã nhân việc, ngọn đèn biển đã lại chiếu ánh sáng chói lọi trên sóng nước. Đêm vô cùng thanh tĩnh, một đêm điển hình của vùng nhiệt đới đầy ắp sương mù mau sáng, làm thành một chiếc quầng rõng rực sáng cầu vồng với đường viền mềm mại không rõ nét chung quanh mặt trăng. Chỉ riêng biển là xôn xao thuỷ triều dâng lên mạnh. Ông lão Xkavinxki đứng trên ban công, ngay cạnh ngọn đèn to tướng. Trông từ phía dưới lên, nhìn ông lão như một chấm đen bé xíu. Ông đang cố gắng tập trung suy nghĩ về tình cảnh mới của mình, song những cảm xúc mãnh liệt chưa cho phép ông lão nghĩ suy mạch lạc. Ông lão có cái cảm giác của một con thú bị săn đuổi, cuối cùng đã tìm được một chỗ nấu thân trong một khe đá hay một cái hào nào đó, nơi không một ai tới được. Thế là rốt cuộc thời yên tĩnh cũng đã tới với ông. Cảm giác của sự an toàn khiến tâm hồn ông lão tràn ngập một niềm hoan lạc không thể diễn tả thành lời. Vậy là rốt cuộc, trên cái đảo đá này, ông có thể quên đi cuộc sống lang bạt đã qua, những nỗi bất hạnh, những thất bại của ngày qua. Ông lão giống như một con tàu bị bão tố bẻ gãy cột buồm, xé rách tả tơi cánh buồm, dứt đứt tung dây leo, ném từ cao mây trời xuống tận đáy vực biển sâu, con tàu bị những làn sóng sủi tung bọt trắng đánh cho tơi tả, song cuối cùng cũng tìm được vào bến cảng. Bức tranh của cơn bão tố lướt nhanh qua đầu óc ông, đối lập với tương lai yên ả sắp bắt đầu. Thực ra ông lão mới chỉ kể cho Fancónbrigiơ nghe một phần nhỏ những bước đường trôi nổi của mình, bỏ qua hàng ngàn mỗi năm thăng trầm khác. Bao giờ ông cũng chỉ gặp toàn bất hạnh. Cứ mỗi lần ông hạ trại, nhóm lửa lên ở một nơi

nào đó với ý định sinh cơ lập nghiệp lâu dài tại đó thì ý như rằng gió bão lại nổi lên, giật tung cọc trại, thổi tan tành đồng lúa, xô đẩy ông bước tiếp vào trốn phong trần. Giờ đây, từ bàn công đến nhìn xuống những làn sóng loang loang ánh sáng ông lão bồi hồi nhưng gì đã trải qua. Ông đã từng đánh nhau khắp bốn phương trời, và trong cuộc đời phiêu bạt của mình đã thử làm qua hầu như tất cả mọi nghề để kiếm sống. Cần cù và trung thực, hơn một lần ông dành dụm được chút vốn liếng, nhưng chỉ để rồi sau đó lại bị mất tang, mặc dù đã hết sức thận trọng đề phòng. Ông đã từng đào vàng ở Oxtrالia, tìm kim cương ở châu Phi, làm xạ thủ ở Đông ấn. Đã có thời ông lập nông trại ở Califórnia, song lại bị hạn hán khiến cho phá sản. Ông cũng đã từng thử nghề buôn bán với các bộ lạc nguyên thuỷ sống sâu trong vùng lục địa Braxin, song chiếc bè của ông đã bị vỡ tung trên sông Amazôn, còn ông - gần như trần truồng, không hề có một tấc sắt trong tay - phải mất mò suốt mấy tuần lễ liền trong rừng thẳm, sống cảm hơi bãng quả dại, bao phen suýt làm mồi cho thú dữ. Ông đã từng mở xưởng rèn ở Hêlêna, ở Arcanxôx, xong rồi xưởng bị thiêu trụi trong một nạn cháy lớn bao trùm cả thành phố. Sau đó ông bị rơi vào tay dân Ấdian trong rặng Thạch Sơn, và có lẽ chỉ nhờ một phép mầu nhiệm nào đó ông mới may mắn được các xạ thủ Canađa cứu thoát. Ông cũng đã từng làm thủy thủ trên chiếc tàu chạy tuyến Bahia - Boađô, rồi lại làm thợ săn trên tàu đánh cá voi, song cả hai chiếc tàu đều gặp nạn. Ông đã từng là chủ một nhà máy xì gà ở La habana, để rồi bị kẻ chung lưng cuỗm mất tất cả vốn liếng đúng vào lúc ông phải nằm liệt giường vì bệnh *Vômitô*. Cuối cùng ông phiêu dạt tới Axpinoan, và nơi đây hẳn sẽ là ranh giới chấm dứt những chuyện không may của ông. Liệu có gì còn có thể

theo đuổi ông ra tận cái đảo đa nay nữa cơ chứ? Cả nước, cả lửa, cả con người! Thật ra, nói cho cùng, thì từ phía con người ông lão Xkavinxki cũng không phải nhận quá nhiều điều bất hạnh. Trong đời, ông đã gặp được nhiều người tốt hơn kẻ xấu.

Ngược lại, dường như tất cả bốn thứ hung thần của thiên nhiên đều săn đuổi ông. Nhưng người quen biết ông lão đều nói rằng ông không có hạnh phúc, họ dùng điều ấy để giải thích mọi nỗi bất hạnh của ông. Bản thân ông rốt cuộc cũng đâm ra hơi mê tín. Ông tin là có một bàn tay độc ác và hãn thù nào đó cứ bám theo ông khắp nơi, trên mọi vùng đất, mọi vùng biển. Song ông không thích nói đến chuyện ấy. Thằng hoặc, khi có người hỏi xem đó là bàn tay kẻ nào, ông lão chỉ trỏ tay kín đáo về phía sao Bắc đẩu, ra hiệu nó từ phía ấy đến...

Qua thực sau những điều không may của ông lão xẩy ra thường xuyên đến lạ lùng, dễ khiến cho người ta thoái chí, nhất là những kẻ đã từng phải nếm trải chua cay. Song ông có được sức để kháng lặng thầm nhưng mạnh mẽ bắt nguồn từ lẽ phải của con tim, cùng tính kiên nhẫn của người Idian. Hồi ở Hugggari, ông đã từng bị chọc mười mấy nhát lê cũng chỉ vì không thèm bám lấy cái bàn đạp chân được người ta ném cho để xin cứu mạng mà lại kêu lên: *pardon*! Cũng tương tự như thế, ông không chịu hàng phục những tai ương của cuộc đời. Nhẫn lại như một con kiến, ông cứ bò dần lên. Một trăm lần bị đạp nhào xuống, ông lại bình thản lao tiếp thứ một trăm lẻ một. Ông lão là một người kỳ dị theo một kiểu riêng biệt. Người lính già ấy, người mà hoả chỉ có Chúa hay đã từng bị thiêu trong bao nhiêu ngọn lửa, đã từng luyện tôi trong bao nỗi cơ hàn, đã từng bị đánh đập và cùm kẹp, song vẫn mang một trái tim con trẻ. Trong thời

gian bệnh dịch hoàn thành ở Cuba, ông nhiễm bệnh cùng chỉ vì đã nhường toàn bộ số thuốc kí mình khá nhiều của ông cho những người bệnh, chẳng giữ lại cho mình lấy một mảy may.

Ở ông lão còn một điều kỳ lạ nữa là sau ngàn ấy chuyện đau lòng, ông vẫn không bị mất hy vọng, vẫn trăn đầy niềm tin rồi đây mọi sự sẽ tốt đẹp hơn. Cứ khi mùa đông đến ông lại hoạt bát hẳn lên, và háo hức đón đợi những sự kiện trọng đại, những sự kiện mà ông hằng trông ngóng hằng sống cùng chúng suốt những tháng năm dài dằng dặc... Song những mùa đông cứ nối nhau trôi đi, ông lão chỉ thu được mỗi một điều là mái tóc dần bạc trắng. Ông già đi và mất dần sinh lực. Tính kiên nhẫn của ông ngày càng gần với sự nản lòng. Sự bình tâm xưa nay ngả dần thành khuynh hướng tự thương thân, và người cựu chiến binh phong trần nọ biến thành một kẻ mau nước mắt, có thể xúc động vì bất cứ cớ gì. Thêm vào đó, thỉnh thoảng ông lão lại bị day vò bởi một nỗi hoài vọng sâu thẳm được gợi lên chỉ do những khung cảnh không đâu: một cánh én chao ngang, một đàn chim lông xám trông giống chim se sẻ, một làn tuyết trên đỉnh núi hay chỉ một âm điệu thoáng qua nghe tựa như làn điệu mà ông lão nghe tự thủa nào... Cuối cùng chỉ một ý nghĩ duy nhất chế ngự ông lão, ý nghĩ về sự yên nghỉ, ý nghĩ đó chiếm lĩnh ông lão một cách hoàn toàn, nó cuốn hút mọi ước muốn và hi vọng khác. Kẻ lang thang vĩnh hằng ấy không còn khát vọng nào mãnh liệt và nhiều ý nghĩa hơn là tìm được một cái xó yên ả nào đó, nơi có thể nghỉ ngơi mà chờ đợi kết cục cuối cùng. Có thể một sự kì lạ nào đó của số phận đã ném ông qua hết thảy mọi đại dương và mọi miền đất, không cho ông kịp nghỉ lấy hơi, để giờ đây ông cho rằng đối với kiếp sống con người không có niềm

hạnh phúc nào lớn hơn hạnh phúc không phải phiêu bạt. Quả thực, ông hoàn toàn xứng đáng được hưởng niềm hạnh phúc nhỏ nhoi ấy, song vốn đã quá quen với những điều không may, ông chỉ dám nghĩ về niềm hạnh phúc ấy theo kiểu người ta ước đến một điều gì không sao đạt tới. Thậm chí, ông lão không dám ước điều đó nữa, ấy thế mà, đột nhiên, chỉ trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, ông lão tìm được chính việc làm mà dường như ông đã chọn cho riêng mình trong số tất thảy mọi công việc trên cõi đời. Vì vậy, không có gì lạ, là khi đêm xuống, đốt ngọn đèn biển lên rồi, ông lão vẫn cứ bàng hoàng tự hỏi: phải chăng đây là sự thật? Và vẫn chưa giảm khẳng định: phải, đó là sự thật! Trong khi đó thực tế thuyết phục ông bằng những chứng cớ không bác bỏ nổi. Và thế là giờ nọ nối giờ kia trôi qua, ông lão vẫn cứ đứng thần người ra trên ban công. Lão nhìn ngắm, tan hoàng và tự thuyết phục mình hãy tin vào sự thật. Dường như đây là lần đầu tiên được trông thấy biển, bởi lẽ những chiếc đồng hồ lớn ở Axpinoan đã điểm chuông nửa đêm từ lâu mà lão vẫn chưa chịu rời cái cao nguyên trên không trung của mình, vẫn đứng nhìn ngắm mãi. Biển âm ỉ dưới chân ông. Thấu kính của ngọn đèn pha quét vào đêm những luồng sáng khổng lồ, bên ngoài những luồng sáng ấy mắt ông lão ngập chìm trong một chốn thăm thẳm tối tăm, đầy những điều huyền bí khủng khiếp. Song dường như chốn xa thăm thẳm kia cũng đang chạy dần về phía ánh sáng, những làn sóng dài trong bóng đêm nhô ra, réo lên à a, ùa vào chân đảo, và lúc ấy có thể nhìn rõ những cái bơm đầy bọt của chung lóng lánh sắc hồng trong ánh sáng ngọn đèn pha. Thuỷ triều lên cao mãi, nhấn chìm dần những đụn cát. Tiếng thì thầm huyền bí của đại dương từ khơi xa vọng về mỗi lúc một mạnh lên, ồn ã hơn, lúc nghe

tưa tiếng súng đại bác gầm, lúc nghe tiếng xác xao của những rừng cây khổng lồ, lúc lại nghe tiếng huyên náo của bao giọng nói quyện vào nhau. Đôi khi tất cả lại bặt đi. Sau đó vọng đến tai ông vài tiếng thở dài nào nuốt, tiếng nức nở nghẹn ngào, rồi lại những tiếng nổ dữ dội. Sau rốt, gió xua tan xương mù, sóng lại dồn về những đám mây đen rách tả tơi che khuất cả vầng trăng. Gió tây thổi mỗi lúc một mạnh. Những con sóng cuồng loạn nhảy chồm lên bờ đá dốc đứng, bọt liếm mãi lên cả vách tường xây. Còn giông tố i am phía xa. Trong khoảng không gian tối tăm xao động chợt sáng lên những ngọn đèn mầu xanh lá mạ treo trên đỉnh các cột buồm. Những đốm sáng màu lục ấy nhô lên, lúc chìm xuống, lúc lắc lư sang trái sang phải. Ông lão Xkavinxki đi xuống căn phòng của mình. Giông tố bắt đầu nổi lên ở ngoài kia, trên những con tầu, con người đang phải vật lộn với đêm sâu, bóng tối, sóng biển, nhưng căn phòng này vẫn yên ả tĩnh mịch biết bao.

Thậm chí, ngay cả hồi âm của cơn giông bão cũng bị yếu đi nhiều khi xuyên qua các bức tường dầy, chỉ có tiếng tích tắc đều đều của chiếc đồng hồ như ru đưa ông lão đã quá mỏi mệt vào giấc ngủ miên man.

II

Giờ tiếp giờ, ngày nối ngày, tuần theo tuần cứ thế trôi đi. Dân biển thường kể rằng, thỉnh thoảng, khi biển cả gầm gào dữ dội, họ nghe như tiếng ai đó gọi tên họ giữa đêm khuya tăm tối. Nếu cái vô biên của biển cả có thể lên tiếng gọi, thì cũng rất có thể, khi con người già đi, một thứ vô biên khác, tăm tối hơn và huyền bí hơn, cũng đã lên tiếng gọi. Con người càng mỏi mệt vì cuộc đời bao nhiêu thì đối

với họ những tiếng gọi kia càng trở lên trìu mến bấy nhiêu. Song để có thể nghe thấy tiếng gọi ấy cần có sự yên tĩnh. Thêm nữa, tuổi già thương thích cô đơn, dường như lúc ấy con người đã cảm nhận được hơi hương của nấm mồ. Đối với ông lão Xkavinxki, cây đèn biển cũng đã như phần nửa nấm mộ. Không gì đơn điệu hơn cuộc sống ngoại tháp đèn. Nếu có đồng ý nhận việc ấy chăng nữa thì chóng hay chầy những người trẻ tuổi cũng sẽ bỏ mà đi. Chính vì thế, người gác đèn thường là những người có tuổi, trầm lặng và kiệm lời. Giá có rời cây đèn của mình ra đi kiếm sống giữa đồng loại, người gác đèn sẽ ngơ ngơ ngác ngác như kẻ mới vừa bị đánh thức giữa giấc ngủ say. Trên tháp đèn thiếu đi mọi thứ ấn tượng vật vãnh tạo lên vóc dạng của đời thường. Hàng ngày, người gác đèn tiếp xúc với toàn những mênh mông, không hình thù nhất định. Trời là một, biển là hai, còn ở giữa hai thứ vô biên ấy là một hồn người đơn côi, ấy là kiểu cuộc sống, trong đó sự suy nghĩ biến thành một nỗi trầm tư miên man. Không có gì, thậm trí cả công việc, có thể đánh thức người gác đèn khỏi nỗi trầm tư đó. Ngày nọ giống hệt ngày kia như hai hạt cườm trong cùng một chuỗi hạt, và sự thay đổi thời tiết là thứ duy nhất đổi thay. Song ông lão Xkavinxki chưa bao giờ thấy hạnh phúc đến thế. Lão thường dậy sớm, điểm tâm, lau chùi tấm kính của ngọn đèn pha, rồi sau đó ngồi mãi ở ban công nhìn đăm đắm ra khơi xa. Ông lão ngắm không biết chán những cảnh tượng diễn ra trước mắt. Trên cái phông màu xanh thẳm của biển cả thường nổi lên hàng đàn cánh buồm no gió phồng căng, chói lọi trong ánh mặt trời, khiến ông lão phải nheo mắt lại. Đôi khi, những chiếc tàu thuận mậu dịch phong giăng thành một dãy dài nom giống hệt một chuỗi chim hải âu bay hàng. Những cái phao tiêu màu đỏ đánh dấu luồng lạch

khoan thai lặc lư theo sóng. Hàng ngày, vào chính ngọ giữa những lá buồm thấp thoáng hiện ra một cột khói không lồ màu xám. Đó là chiếc tàu thuỷ trở hành khách và hàng hoá chạy từ Niu York đến Axpinoan, để lại sau đuôi một dải nước ngầu bọt. Từ phía bên kia ban công, ông lão Xkavinxki nhìn thành phố Axpinoan rõ như trên lòng bàn tay, với cái bến cảng nào nhiệt của nó, với một rừng cột buồm và những tàu thuyền lớn bé. Xa hơn nữa là những ngôi nhà màu trắng toát và các đỉnh tháp nhọn hoắt của thành phố. Nhìn từ đỉnh tháp đèn, những ngôi nhà nhỏ xíu hệt như những tổ chim hải âu, thuyền bè nom như những con bọ sừng, còn người thì giống như chấm nhỏ li ti di động trên mặt đường lát đá màu trắng. Sáng sớm làn gió đông nhẹ thổi, mang tới tai ông những thanh âm của cuộc sống loài người, trên đó nổi bật lên những tiếng còi tàu trầm bổng... Vào chính ngọ là giờ nghỉ trưa, toàn bộ khu cảng như ngừng hoạt động, những con chim hải âu ẩn vào các hốc đá, sóng yếu đi và trở nên biếng nhác. Vào lúc ấy, trên bờ, trên biển, cũng như trên tháp đèn, bao trùm một giây phút im lặng tuyệt đối. Những bờ cát vàng óng nhô lên khi sóng rút ra xa trông giống hệt như những đồ vật bằng vàng ròng đặt trên mặt nước, cột tháp nổi nên trên nền trời màu thanh thiên. Từng luồng ánh sáng mặt trời dội từ trên cao xuống mặt nước bằng bờ cát và vách đá dốc đứng. Khi ấy, ngay cả ông lão cũng như chìm vào một sự mệt mỏi đầy dịu ngọt. Ông cảm thấy được nghỉ một cách thật tuyệt diệu, và khi nghĩ rằng cảnh đời ấy sẽ còn kéo dài mãi thì ông chẳng thiết điều gì khác nữa. Ông lão thoả mãn với niềm hạnh phúc của mình. Song bản tính con người thường mau quen với số phận khi nó tốt đẹp hơn, nên lòng tin của ông lão càng ngày càng lớn lên; ông nghĩ rằng nếu con người còn biết xây nhà an dưỡng

cho các cựu chiến binh thì lẽ nào Chúa chẳng dành cho ông lấy một chỗ? Thời gian trôi đi, ông càng ngày càng tìm vào điều đó. Ông sống đam mê với cây tháp, với ngọn đèn, với bờ đá dốc đứng, với những cồn cát và với nỗi cô đơn. Ông quen với những con chim hải âu thường chao lượn trên bãi đá về chiều chiều họp trên nóc tháp đèn. Ông lão thường ném cho chúng những mẩu thức ăn thừa, chúng nhanh chóng quen thuộc với ông, đến nỗi về sau, mỗi khi ném thức ăn cho chúng, ông lão như bị vây bọc giữa một cơn bão những cánh chim trắng toát. Lão đi giữa bầy chim như mục đồng đi giữa đàn cừu của mình. Khi thuỷ triều xuống, ông lão thường lần ra các cồn cát để tìm bắt những con ốc biển ngon lành và nhặt những chú trai ngọc bị sóng đánh dạt vào. Ban đêm, dưới ánh trăng và ánh sáng ngọn đèn biển, ông đi kiếm cá vốn rất sẵn ở ven các bãi đá. Ông lão yêu hòn đảo đá trần trụi của mình, hòn đảo chỉ mọc lưa thưa toàn những loài cây bé nhỏ, thân đầm nhựa đặc quánh. Sự cằn cỗi của đảo được phong cảnh vùng quanh đấy bù đắp lại. Vào những giờ ban trưa, khi bầu không khí trở nên trong suốt, từ đây có thể nhìn thấu toàn bộ vùng eo đất hẹp suốt sang tận Thái Bình Dương, một vùng đất trù phú mọc đầy cây cỏ tốt tươi. Những lúc ấy, ông lão Xkavinxki tưởng như trước mắt là cả một khu vườn lớn. Những chùm dừa và sao sao khổng lồ kết thành những vòng hoa đầy đặn đến ngọn lành, nằm ngay tiếp sau các ngôi nhà của Axpinoan. Xa hơn nữa, vùng giữa Axpinoan và Panama có thể thấy cả một khu rừng bạt ngàn, trên đó nổi bật lên những đám mây đỏ rực rỡ vào sáng sớm hay hoàng hôn. Đó là một khu rừng nhiệt đới thật sự, với làn nước lặng lẽ sát bên chân, dây leo quấn chằng chịt, với những cây sưa, cọ, thiết mộc, cao su, phong lan, ri rào không ngớt.

Qua chiếc ống nhòm công vụ của mình, ông lão không chỉ nhìn thấy các thân cây to, những tàu lá chuối rộng bản, mà còn trông thấy hàng đàn khỉ, hàng đàn chim ông lão và hàng đàn vẹt chốc chốc lại đột ngột bay vút lên như một đám mây ngũ sắc bên trên khu rừng. Ông lão Xkivinxki biết rõ những khu rừng như thế, bởi sau khi chiếc bè của ông bị vỡ tung trên sông Amazôn, ông đã từng lặn lội nhiều tuần liền trong vòm cây cối rậm rì xanh thẫm đó. Ông hiểu rõ biết bao mối nguy hiểm, bao nhiêu cái chết ẩn náu dưới tan lá tuyệt vời trông như tươi cười kia. Trong những đêm lần mò giữa rừng sâu, ông lão từng nghe tiếng vượn hú thảm thiết cùng tiếng beo gầm gào. Ông đã từng gặp những con trăn khổng lồ vặn vẹo thân mình dài ngoẵng trên cây, ông biết rõ những cái hồ về ngại ngủ trong rừng song trong lòng chứa đầy cá sấu và cá đuối điện. Ông lão hiểu rõ lắm kiếp sống cơ cực của con người trong những khu rừng hoang vu thâm thẳm ấy, nơi có những chiếc lá rộng gấp hàng chục lần thân người, nơi dày đặc những đàn muỗi khát máu, nhung nhúc những con vắt háu đói và những con nhện độc không lồ. Chính ông đã từng trải qua, đã từng nếm phải, từng chịu đựng tất cả những thứ đó, nên giờ đây, khi từ trên cao nhìn xuống cái địa ngục ấy, ông cảm thấy niềm sung sướng của một con người có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó mà không bị một mối hiểm nguy đe doạ. Cái tháp đèn bảo vệ cho ông tránh được mọi sự dữ. Cũng chính vì vậy, ông chỉ rời khỏi tháp đèn của mình vào sáng chủ nhật mà thôi. Khi ấy ông thắng bộ lễ phục màu xanh thẫm với những chiếc khuy bạc,

gắn lên ngực áo các loại huân chương, và mái đầu màu ngà ngẩng cao trong một niềm tự hào. Khi ra khỏi nhà thờ ông nghe thấy tiếng xì xào tán thưởng của đám người Krêôn: "Chúng ta có một tay gác đèn bảnh thật!". "Mà ông ấy chẳng hề ra vẻ chút nào, mặc dù là dân Mẽo". Sau lễ mixa, ông lão quay về với tháp đèn, đầy hạnh phúc, bởi ông vẫn chưa dám đạt lòng tin vào đất liền. Cũng thường vào chủ nhật, ông đọc tin tức ở một tờ báo tiếng Tây Ban Nha mua trong phố hoặc tờ "*Diễn đàn Niu York*" mượn của ngài Fancôbritgiơ, và tỉ mẩn dò tìm những mẩu tin về châu Âu. Ôi, trái tim già tội nghiệp! ở trên ngọn tháp đèn tít tận bán cầu xa xôi này vẫn đập về quê hương... Đôi khi, lúc chiếc thuyền chở thức ăn và nước uống ra đảo cho ông, ông lão từ tháp đèn lần xuống chuyện gẫu với gã Giônx, người canh gác cảng. Nhưng rồi một thời gian sau đó, ông có vẻ trở nên hoang dã dần đi. Ông thôi không còn lai vãng vào phố, thôi đọc báo chí và cũng thôi những câu chuyện thời thế với gã Giônx. Hàng tuần liền chẳng ai nhìn thấy ông, mà ông cũng chẳng gặp người nào. Dấu hiệu duy nhất chứng tỏ ông vẫn còn sống là lương thực người ta để lại trên bờ đá cho ông được lấy đi và ánh sáng ngọn đèn biển vẫn được đốt lên một cách đều đặn như mặt trời xứ này đều đặn nhô lên từ mặt biển. Hình như ông đã hoàn toàn dửng dưng với cuộc đời. Nguyên nhân của sự dửng dưng đó không phải là nỗi hoài vọng cố hương, mà ngay cả nỗi hoài vọng kia cũng dần nhuốm màu tuyệt vọng. Giờ đây, đối với ông, cả thế giới bắt đầu và kết thúc chính ngay trên hòn đảo này. Ông vui sướng với ý nghĩ là cho đến lúc chết sẽ không bao giờ phải rời khỏi ngọn tháp đèn, ông hầu như quên hết thảy mọi thứ khác trên đời ngoài tháp đèn của mình. Ông trở nên mê tín, cặp mắt xanh hiền hậu của ông

ngày càng giống đôi mắt trẻ thơ, cứ nhìn đăm đam vào một chốn xa xăm nào đó. Trong cảnh cô đơn triền miên, sống giữa quang cảnh vừa rất mực hoang sơ vừa vô cùng khoáng đạt, ông mất dần đi cảm giác về bản thân mình, ông gần như thôi không còn tồn tại như một cá thể độc lập nữa, mà ngày càng hòa nhập, ngày càng tan lẫn vào môi trường chung quanh. Thực ra ông cũng chẳng ý thức được điều đó mà chỉ cảm nhận nó, song rốt cuộc, đối với ông, cả bầu trời, mặt nước, hòn đảo đá, ngọn tháp đèn, những cồn cát vàng óng, những cánh buồm nơ gió phồng căng, cả lũ chim hải âu cùng làn nước thủy triều lên xuống... tất cả hòa thành một khối duy nhất, mênh mông, một linh hồn bao la, huyền bí, và chính ông cũng đắm trong sự huyền diệu ấy, linh hồn sống động và ủi an. Ông lão chìm đắm, tự ru ngủ trong lãng quên và hoài cảm. Và chính trong cảnh sống đặc biệt ấy, chính trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê ấy, ông lão tìm thấy cho mình một nỗi yên tĩnh vô biên, nỗi yên bình của một kẻ đã gần đất xa trời.

III

Nhưng rồi sự tỉnh thức vẫn cứ đến.

Hôm ấy, khoảng một giờ sau khi chiếc thuyền chở thức ăn và nước uống cập đảo, ông lão Xkavinxki mới lần từ tháp đèn xuống lấy hàng, và ông chợt nhận thấy ngoài những thứ thường ngày còn có thêm một cái gói nữa. Trên mặt vải thô dây bọc bên ngoài có dấu bưu cục Mỹ và nổi bật địa chỉ: "Ngài Xkavinxki". Ngạc nhiên, ông rọc lần vải bọc ngoài và tròng thấy mấy quyển sách. Tay run run, ông cầm lên một quyển nhìn lướt qua rồi lại thẫn thờ đặt xuống. Ông lấy tay dụi mắt, dường như không thể tin vào chính mắt mình, ông ngỡ như

mình đang mơ - bởi vì đó là một cuốn sách tiếng Ba Lan! Chuyện gì thế này? Ai có thể gửi sách cho ông cơ chứ? Thoạt đầu, ông lão không thể nhớ ra được là một lần nọ - ngay từ hồi đầu cuộc đời gác đèn biển của mình,- ông đọc trong tờ "*Diễn đàn*" mượn được, tin về việc thành lập Hội liên hiệp kiều bào Ba Lan tại Niu York, và ông đã lập tức gửi ngay nửa tháng lương của mình cho Hội (thực ra, ngoài tháp đèn, ông lão cũng chẳng biết dùng tiền vào việc gì). Hội liên hiệp cảm cái ơn ấy nên đã gửi sách biếu ông. Sách được chuyển theo cách thức thường tình nhất, song thoạt tiên, vì choáng váng, ông lão không nhớ ra chuyện ấy. Đối với ông, những quyển sách tiếng Ba Lan ở Axpinoan, trên cái tháp đèn của ông, trong nỗi cô đơn vô bờ của ông - là một chuyện siêu phàm, một việc thần kỳ nào đó, giống như chuyện cổ tích. Như những người thủy thủ nọ nghe thấy tiếng gọi của biển giữa đêm sâu thăm thẳm, giờ đây ông lão ngỡ như nghe thấy một tiếng nói yêu thương lắm, gần như đã bị lãng quên rồi, lên tiếng gọi tên mình. Ông lão lặng người đi, mắt nhắm nghiền, ông tin chắc rằng khi mở mắt ra thì giấc mơ nọ sẽ tan biến. Nhưng không! Cái gói bị rọc vẫn đang hiển hiện nguyên vẹn trước mắt ông kia, nhuộm ánh hoàng hôn, và trên đó là quyển sách mà ông đã mở ra. Giữa sự im lặng mênh mông của chung quanh, ông lão nghe rõ tiếng đập gấp gáp của trái tim mình khi lại chìa tay cầm lấy quyển sách. Đó là một tập thơ. Phía trên là tiêu đề in bằng thứ chữ lớn, còn phía dưới là tên tác giả, cái tên không hề xa lạ với ông lão Xkavinxki. Lão biết đó là tên một nhà thơ lớn, nhà thơ có tác phẩm mà ông lão đã từng được đọc ở Pari hồi sau năm ba mươi. Rồi sau đó, trong những ngày chiến đấu ở Angiêri và Tây Ban Nha, ông nghe các bạn đồng hương bàn tán về danh tiếng

ngày càng lớn của nhà thơ vĩ đại ấy, song hồi đó, tay ông đã quen với khẩu súng đến nỗi ông chẳng hề mở tới sách vở bao giờ. Năm bốn mươi lăm, ông lão sang Mỹ, và trong suốt cuộc đời dọc ngang sau đó của mình gần như ông không hề được gặp một người đồng hương nào, cũng chẳng được thấy một quyển sách Ba Lan nào cả. Chính vì thế, giờ đây trái tim ông đập dập dồn hơn và bàn tay ông càng lẩy bẩy hơn khi lật trang đầu sách. Trên đảo đá cô đơn của ông hình như đang diễn ra một điều gì đó hết sức trọng thể. Giây phút ấy mới thanh bình và yên tĩnh làm sao. Các đồng hồ lớn ở Axpinoan điểm chuông năm giờ chiều. Bầu trời trong sáng không một gợn mây, thoáng vài cánh hải âu chao lượn trong sắc xanh thăm thẳm. Đại dương đưa ru dìu dặt. Những con sóng khe khẽ rì rào lan trải êm dịu theo ven bờ cát. Phía xa nổi bật những ngôi nhà màu trắng chói lọi của Axpinoan và vút cao lên những khóm cọ đẹp tuyệt vời. Quả có một cái gì đó trọng thể, trang nghiêm và lặng lẽ. Giữa cái yên tĩnh của thiên nhiên chợt vang lên giọng run run của ông lão: ông đọc thành tiếng những vần thơ, dường như để có thể thấm thía hơn ý nghĩa của chúng.

Hỡi Litva! Tổ quốc ơi! Người như sức khỏe,
Ai đánh mất rồi mới hiểu Người qúi giá dường bao
Hôm nay con ngợi ca Người, diễm kiều và rạng rỡ,
Con tưởng thấy Người trong nhung nhớ khát khao"(1)

Ông lão Xkavinxki nghẹn ngào. Những dòng chữ nhảy múa trước mắt ông. Trong ngực ông dường như có thứ gì đó chợt

---

(1) Đây là tác phẩm "Pan Tadêus" của thi hào Adam Mixkiêvich (1798 - 1855) nhà thơ vĩ đại của nhân dân Ba Lan. Tác phẩm thi ca của ông tràn ngập lòng yêu nước

bục ra và một làn sóng từ trái tim như dâng lên, dâng cao mãi, khiến ông nghẹn lời... Mãi một lúc sau ông mới trấn tĩnh lại và đọc tiếp:

Hỡi thánh nữ đồng trinh, xưa Trenxtôkhôva từng che chở,
Và cổng thành Oxtra từng chiếu sáng khi nao.
Từng bảo vệ cho con dân thành Nôvôgrôt,
Như đã cứu đời con thơ ấu thuở nào
(Lúc mẹ mang xác con tới khóc dâng Người,
Thì mặt chết của con chợt mở bừng như phép lạ,
Chân núi bước đi, đến ngưỡng cửa thánh đường Người
Để cảm tạ Chúa trời, sự sống con đã trả)
Một ngày kia Mẹ cũng sẽ mang con về với lòng Tổ quốc.

Làn sóng cuồn cuộn dâng cao, phá tung đập chắn của ý chí. Ông lão nức lên, ngã xoài ra đất. Mái tóc bạc của ông xõa lẫn vào với cát. Ngót bốn mươi năm ông không được nhìn thấy đất nước, họa chỉ có Chúa mới hay đã bao năm nay ông không được nghe tiếng nói quê hương, ấy thế mà giờ đây, chính tiếng nói ấy lại tự đến với ông, bang qua cả đại dương mênh mông, tìm thấy ông mãi tận tít bên cầu bên kia, ôi tiếng nói yêu thương, thân thiết, tuyệt vời! Trong cơn nức nở rung chuyển cả thân mình ông không hề có nỗi đau, chỉ có một tình yêu vô biên chợt thức tỉnh, bên cạnh tình yêu ấy, mọi thức khác đều trở nên vô nghĩa... Dường như qua tiếng nức nở ấy ông lão muốn xin tổ quốc thân yêu xa xôi hãy tha lỗi cho ông, bởi ông đã già đến thế, đã mải vui thú đến thế với hòn đảo đá cô đơn của mình, đã đinh ninh rằng ngay cả lòng nhớ nhung Tổ quốc rồi cũng sẽ bị nhạt đi... Giờ đây, khi ông lão đã "được trở về bằng một phép nhiệm màu", trái tim của ông chợt lên tiếng nói. Giờ phút nối nhau trôi đi, ông lão vẫn nằm yên không nhúc nhích. Những

con chim hải âu bay lượn chao đảo chung quanh tháp đèn kêu lên xao xác dường như lo lắng cho người bạn già của chúng. Đã đến giờ ông thường ném vụn thức ăn cho chúng nên một số con bay từ đỉnh tháp xuống sát chân ông. Sau đó, chúng kéo tới mỗi lúc một đông thêm và bắt đầu mổ khẽ vào người ông, cánh đập rối rít trên đầu ông lão. Tiếng đập cánh ồn ào thanh thản và rạng rỡ, đôi mắt ông như tràn đầy cảm hứng. Ông ném cho lũ chim toàn bộ số thức ăn, và mặc chúng tao tác chia nhau, ông lại với lấy quyển sách. Mặt trời đã vượt sang bên kia khu vườn cùng cánh rừng hoang Panama và đang lặn dần sau eo đất giữa đại dương bên kia, song Đại Tây Dương hãy còn ngập tràn ánh nắng, bầu không khí vẫn sáng rực. Ông lão đọc tiếp:

Lúc này đây xin hãy mang trái tim con khát khao nhung nhớ
Về với những đỉnh núi rừng, những đồng cỏ xanh kia....

Mãi lúc ấy, hoàng hôn mới xóa nhòa dần những nét chữ trên mặt giấy trắng, thứ hoàng hôn ngắn ngủi như một chớt mắt. Ông lão tựa đầu vào một tảng đá, khẽ nhắm mắt lại. Và khi ấy, "Thánh nữ đồng trinh từng bảo vệ Trenxtôkhôva" mang hồn ông lão về với "những cánh đồng lúa hắc mạch đẹp như tranh. Trên trời hãy còn lưu lại những vệt sáng đỏ và vàng, ông lão bay theo những con đường ánh sáng ấy về phía phương trời thân yêu. Ông nghe thấy tiếng rì rào của những rừng tùng bách, tiếng róc rách của những dòng sông quê hương. Mọi vật vẫn giống hệt như ngày xưa. Mọi vật hỏi ông lão: "Ông còn nhớ chứ?". Ông nhớ chứ! Chính ra, ông vẫn đang nhìn thấy rõ ràng ngay trước mắt này là những cánh đồng rộng mênh mông với những bờ ruộng dọc ngang, này là những đồng cỏ, những cánh rừng, làng mạc. Đã là đêm rồi ư? Thường vào giờ này, ngọn

đèn pha của ông đã chiếu sáng đêm đen trên biển, song lúc này đây ông lại đang ở làng quê ông. Mái đầu già nua gục xuống ngực mơ màng. Những bức tranh kéo nhanh và khá lộn xộn qua trước mắt ông. Ông không trông thấy mái nhà mình đâu cả, bởi chiến tranh đã khiến nó trụi đi, ông cũng không nhìn thấy mẹ cha, bởi song thân đã khuất núi khi ông hãy còn là đứa trẻ. Song ông nhìn thấy làng mình rõ như ông chỉ vừa mới rời làng ngày hôm qua mà thôi; một dãy dài những ngôi nhà với các ô cửa sáng đèn, con đập, cái cối xay, hai chiếc ao cạnh nhau đêm đêm vang lên những dàn đồng ca uềnh oang của lũ ếch nhái.

Đã từng có lúc ông lão thức canh lăng ban đêm, giờ đây kỉ niệm ấy chợt sống lại trong một chuỗi hình ảnh. Này đây, ông lại là chàng lính khinh kỵ, trẻ măng đang đứng canh... Từ phía xa, quán rượu mở những con mắt rực lửa, vang tiếng hát ca, tiếng gót gầy nện rầm rập giữa cái tĩnh mịch của đêm thanh, giọng vĩ cầm và baxer nỉ non. "*U-ha! U-ha!*" Đó là toán lính khinh kỵ, phi ngựa nhanh vun vút, lửa tóe ra dưới móng, chỉ có ông phải ngồi một mình đến phát ngán trên lưng chiến mã nơi đây! Thời gian biếng nhác trôi đi. Mãi rồi những ánh đèn cũng tắt đi, trước mắt giờ chỉ có làn sương mù, sương mù dầy đặc. Hơi nước từ đồng cỏ bốc lên bao trùm gian thế trong một màn mù màu trắng đục. Bạn có thể bảo: trông hệt như đại dương. Song đó chẳng qua chỉ là cánh đồng cỏ đấy thôi, chỉ cần chờ một chút, chim cuốc sẽ lên tiếng kêu trong bóng đêm. Thỉnh thoảng tiếng vạc kêu sương vang lên giữa những khóm lau lách. Đêm thanh bình và mát lạnh, đêm đích thực Ba Lan! Tuy im gió, nhưng xa xa những rừng thông vẫn xạc xào... như sóng biển. Chẳng mấy chốc ánh bình minh đã nhuộm sáng phương

đông: gà đã cất tiếng gáy vang trong chuồng, con nọ đáp tiếng con kia, lan từ nhà này sang nhà khác; đâu đó tít trên cao, đàn sếu để rớt lại những tiếng kêu than. Người lính khinh kỵ thấy tỉnh táo và tràn trề sinh lực. Người ta đang kháo nhau chi đó về trận chiến đấu ngày mai. Nào, nếu vậy anh cũng sẽ xông lên như những người khác, cũng thét lên trong tiếng cờ bay phần phật! Mặc hơi gió đêm se lạnh, dòng máu thanh xuân vẫn sôi lên trong huyết quản như nhịp kèn xuất kích. Nhưng trời đã sáng rồi! Đêm mờ dần, những lùm cây, dãy nhà tranh, chiếc cối xay, những cây bạch dương hiện ra từ trong bóng đêm. Tiếng cần vọt nước ở giếng rít lên như chiếc chong chóng bằng sắt tây trên đỉnh tháp. Ôi mảnh đất quê hương yêu dấu. Người biết mấy tuyệt vời trong ánh hồng rực rỡ của bình minh! Ôi mảnh đất quê hương duy nhất, duy nhất của ta!

Khẽ nào! Người lính canh cảnh giác nghe thấy có ai đang đi lại gần. Hắn người ta đến để bãi gác. Đột nhiên, tiếng ai đó vang trên đầu ông lão Xkavinxki:

- Này! Cụ già! Dậy đi chứ! Cụ làm sao thế?

Ông lão mở mắt ra kinh ngạc nhìn người đang đứng trước mặt. Trong đầu lão, những mảnh cuối cùng của giấc mơ đang còn tranh chấp với thực tại. Cuối cùng, những ảo ảnh mờ đi và tan mất. Trước mắt ông là gã Giônx người gác cảng.

- Sao thế? - gã Giônx hỏi - Cụ ốm à?

- Không.

- Cụ không thắp đèn pha. Cụ sẽ bị đuổi. Một chiếc thuyền từ Xa Ghêrômô bị đâm phải bãi cạn. May không có ai chết đuối, nếu có cụ phải ra tòa. Lên thuyền đi với tôi, tới lãnh sự quán cụ sẽ biết nốt sự tình.

Ông lão tái người: đúng là đêm qua ông không thắp đèn pha.

Vài ngày sau, người ta thấy ông lão Xkavinxki trên boong chiếc tầu thủy rời Axpinoan đi Niu York. Ông lão đáng thương đã bị mất việc. Những chặng đường lang thang mới lại mở ra trước lão; một lần nữa, gió lại dứt tung chiếc lá héo khô, thổi bay qua đất liền và biển cả để thỏa sức hạnh hạ. Trong mấy ngày đó, ông lão già đi, lưng còng xuống, riêng mắt ông vẫn lung linh sáng. Trên những nẻo đường vô định mới của cuộc đời, ông lão mang theo trên ngực quyển sách của mình, thỉnh thoảng ông lại đưa tay ghì chặt lấy như sợ rằng ngay cả nó cũng có thể bị mất đi

NGUYỄN HỮU DŨNG dịch

CÂU CHUYỆN VỢ MỘT NGƯỜI DÂN CHÀI

SELMA LAGERLOF
(NOBEL 1909)

Ở cuối xóm chài, trên một gò thấp cát trắng, có một túp nhà tranh nhỏ. Túp nhà xây dựng chẳng ra gì nên không được đừng cùng hàng với những căn nhà nhỏ khác đều đặn và sạch sẽ xung quanh cái bãi cỏ xanh rộng rãi nơi những vòng lưới màu nâu nằm phơi nắng. Tường như túp nhà này tự tách khỏi hàng lối và bị đẩy ra tận cồn cát. Người đàn bà góa khốn khổ là người đã thiết kế và tự tay xây dựng túp nhà này, đã xây dựng những bức tường thấp hơn tường của tất cả các nhà khác.

Nhưng mũi nhọn thì lại cao hơn bất cứ mái nhà nào trong thôn. Nền nhà thấp hơn mặt đất. Cửa sổ, dù không cao không rộng, nhưng cũng chạy suốt từ mặt đất lên đến tận mai nhà. Bếp lò cũng như chuồng ngỗng đều không đặt được trong căn nhà chật hẹp, có một gian nên phải vẩy thêm ra ngoài tường. Túp nhà này không giống như những nhà khác, chẳng có một mảnh vườn để cho dây bìm bìm leo quanh - cây phúc bên tứ, và cây ngưu bàng che mất một nửa tán lá cây mộc hương. Trong tất cả các loại cây, chỉ có ngưu bàng là chịu mọc theo túp nhà tranh này đến tận cồn cát. Vô mùa hè, những cây ấy cũng khá lộng lẫy với tán lá tươi mát màu xanh thẫm và những bông hoa đỏ nở tung giữa đám gai nhọn có móc. Nhưng đến mùa thu, khi ngọn cây đã cứng lại và hạt đã già thì ngưu bàng không thêm làm dáng nữa, nó khô quắt lại, trở nên xấu xí và đám lá rách của nó phủ màu tang tóc dưới những mạng nhện bụi bám đầy.

Túp nhà tranh này không bao giờ ở được quá hai đời chủ, bởi vì những bức vách torsi của nó chỉ có thể đỡ được cái mái nặng, trong hai thế hệ thôi; và bao giờ chủ túp nhà cũng là những người đàn bà góa khốn khổ. Người quá phụ hiện đang ở trong túp nhà này ưa ngắm những cây ngưu bàng, nhất là về mùa thu khi cây đã khô đi và bám vào những tảng đá. Những cây này nhắc nhở bà nhớ tại người đàn bà trước kia đã ở đây và đã dựng lại túp nhà: đó là một người đã khô héo và úa tàn, nhưng cũng có khả năng bám móc và níu giữ. Con người khốn khổ ấy đã sử dụng tất cả sức lực của mình cho đứa con mà bà phải đẩy vào đời. Nghĩ đến điều này, người chủ hiện tại của túp nhà vừa muốn cười lại vừa muốn khóc. Nếu bà lão đã quá cố ấy không có cái bản chất bám giữ như cây ngưu bàng thì sự việc

có lẽ đã xoay chuyển khác đi, nhưng như vậy liệu có tốt hơn không nhỉ?

Người quả phụ thường ngẫm nghĩ miên man đến sự tình cờ đã đưa bà đến dải bờ biển bằng phẳng của xứ Xeani, bên cạnh eo biển hẹp, giữa những người dân bình lặng và chậm chạp này; bởi vì bà sinh ra ở một hải cảng nhỏ của nước Na Uy, dưới những thung núi dốc đứng, trước mặt biển rộng; và mặc dầu gia đình lâm vào cảnh khó khăn nghèo túng sau khi ông bố mất đi nhưng người con gái con nhà buôn bán này vẫn quen nhìn thấy quanh mình cảnh sống tấp nập. Bà đã nhiều lần tự kể lại cho mình nghe lịch sử của chính mình, như người ta đọc lại một quyển sách khó hiểu để thử rút ra ý nghĩa của nó.

Số phận kỳ lạ của con người này đã bắt đầu như sau: một buổi tối, từ cửa hiệu khâu nơi nàng làm việc trở về nhà, nàng bị hai người thủy thủ tấn công nhưng người thứ ba cứu nàng thoát nạn. Anh ta đã đương đầu với một hiểm họa chết người, và anh ta đưa nàng về đến tận nhà. Nàng đưa anh vào, giới thiệu anh với mẹ và các em gái, rồi phấn khích thuật lại hành động của anh. Nàng thấy như cuộc sống của mình thêm phần giá trị khi có một người khác đám liều thân để bảo vệ nó. Gia đình nàng đã tiếp đón chàng thủy thủ trẻ rất niềm nở và mời chàng luôn luôn trở lại chơi với gia đình khi nào có dịp.

Chàng tên là Borje Ninxơn; làm thủy thủ trên một chiếc tàu nhỏ hai buồm của xứ Xeani, tàu Anbectina. Trong suốt thời gian tàu còn đậu ở cảng, hầu như ngày nào chàng cũng đến nhà những người bạn mới của mình, và chẳng bao lâu cả nhà không ai muốn tin rằng chàng chỉ là một thủy thủ bình thường. Lúc nào chàng cũng diện choáng với cái cổ bẻ trắng lốp và bộ

quần áo thủy thủ bằng dạ đẹp. Thái độ thẳng thắn, cử chỉ nhanh nhẹn, thư thái của chàng chẳng khác gì người cùng đẳng cấp với gia đình này. Chàng chẳng bao giờ nói gì với họ, nhưng cả nhà đều cố cảm tưởng chàng là con trai một bà quả phụ giàu có; sở dĩ chàng đi làm một chân thủy thủ bình thường là vì không sao cưỡng được lòng yêu thích nghề đi biển và là để chứng minh cho mẹ chàng biết sở thích ấy của chàng là nghiêm túc; nhưng sau khi vượt qua thử thách thì mẹ chàng sẽ mua hẳn cho chàng một chiếc tàu.

Thế là gia đình người Na Uy này đã từ lâu không đi lại chơi bời với những người quen biết cũ nữa, đón tiếp chàng chẳng chút nghi ngại. Tính tình xốc nổi và ăn nói lém lỉnh, chàng miêu tả ngôi nhà của mình có mái nhọn và cao, trong phòng có cái bếp lò lớn kiểu cổ, cửa sổ có những ô kính nhỏ. Chang cũng kể về những đường phố lặng lẽ của thành phố quê hương mình và những dãy nhà cùng một kiểu như nhau, còn nhà của chàng với những mảng trang trí nhô ra, thụt vào, đã tạo nên một sự tương phản thú vị với quang cảnh xung quanh. Và những người nghe chàng kể chuyện đều thấy hiện ra sau lưng chàng một ngôi nhà cổ giàu sang có hình trang trí ở đầu hồi, một kiểu nhà cổ có tầng gác nhô ra gây nên một cảm giác dễ chịu về sự phong lưu và cổ kính.

Cô thiếu nữ rất sớm nhận ra là chàng đã yêu mình; và điều đó làm cho mẹ và các em gái nàng rất vui mừng. Chàng trai Thụy Điển trẻ tuổi và giàu có này đã được trời phái đến để bù đắp cho sự nghèo túng của họ. Dù nàng không yêu chàng đi nữa, thì cũng không bao giờ lại nghĩ đến chuyện xua đẩy chàng đi. Một người bố, một người anh, chắc chắn là đã tìm cách dò la tìm hiểu về người khách lạ này, nhưng mẹ nàng cũng như

nàng chàng hề cẩn thận nghĩ đến điều đó. Về sau này, nàng mới hiểu ra rằng chính mẹ con nang đã hầu như đẩy chàng đến chỗ nói dối. Lúc đầu, không hề có ý nghĩ xấu, chàng đã để cho trí tưởng tượng của họ gán cho chàng những tài sản lớn; rồi đến khi thấy họ đã sung sướng biết mấy khi tưởng chàng giàu thì chàng đã sợ mất nàng nên không dám làm cho họ tỉnh ngộ nữa.

Hai người đính hôn với nhau lúc chàng ra đi, và khi con tàu nhỏ hai buồm trở lại thì họ làm lễ cưới. Nàng có hơi thất vọng khi thấy chàng trở lại mà vẫn chỉ là một anh thủy thủ thường; nhưng chắc là hợp đồng thủy thủ của chàng chưa hết hạn. Chàng cũng chẳng mang đến món quà nào của mẹ chàng. Nhưng chắc là bà già đã hy vọng con trai bà sẽ lấy một đám khác. Vậy phải chờ đến lúc Axtriđ về gặp bà và chinh phục được cảm tình của bà. Kể ra nếu họ biết xét đoán cẩn thận thì mặc dù tất cả những điều nói đó của chàng, họ cũng có thể thấy được là chàng nghèo.

Vì người vợ trẻ muốn được đi du lịch trên chiếc tàu buồm, nên ông chủ tàu mời nàng ở trong cabin của ông, và nàng sung sướng nhận lời. Borje hầu như được miễn tất cả mọi công việc, và chàng dành phần lớn thời gian của mình để trò chuyện với Axtriđ ở trên boong. Chàng hào phóng ban cho nàng cái hạnh phúc tường tượng, cái hạnh phúc mà chính chàng đã sống suốt cả đời mình. Chàng càng nghĩ đến túp nhà tranh bé nhỏ nằm ngập trong cát, lại càng vẽ lên thật cao ngôi nhà mà chàng những muốn đưa nàng vào. Theo lời kể của chàng, người thiếu phụ nhẹ nhàng lướt đi giữa một bến cảng kết đầy hoa và chăng đầy cờ để chào đón người vợ mới cưới của Borje Ninxơn. Nàng ngồi xe chạy qua một cổng chào, trong khi những người đàn

ông cứ nhìn theo nàng mãi và những phụ nữ thì tái mặt đi vì ghen tức. Cuối cùng chàng đưa nàng vào một ngôi nhà cổ kính có những người hầu mái tóc bạc phơ cúi gập mình chào nàng và mời nàng ngồi vào bàn tiệc bày la liệt những bộ đồ cổ bằng bạc.

Sau này, khi nàng đã biết rõ sự thật, ý nghĩ đầu tiên của nàng là viên thuyền trưởng đã đồng tình với Borje để lừa dối nàng; nhưng rồi nàng phải thừa nhận là hoàn toàn không đúng như vậy. Trên chiếc tàu này, mọi người đã có thói quen nói về Borje như là một người khá giả. Họ có một kiểu đùa cợt ưa thích là nói chuyện một cách rất nghiêm chỉnh về tài sản và gia đình bề thế của chàng. Họ tưởng nàng cũng nói đùa như họ. Vậy là đến khi chiếc tàu buồm thả neo ở bến cảng gần làng của Borje nhất, nàng vẫn còn tưởng mình là vợ một con người giàu có.

Borje được nghỉ phép một ngày một đêm để đưa vợ về nhà mẹ chàng và sắp đặt cuộc sống mới cho vợ.

Khi hai người đi đến cái bến tàu mà đáng lẽ phải có những lá cờ phấp phới và đám đông reo hò chào đón đôi vợ chồng trẻ thì ở đó chỉ thấy vắng lặng như thường lệ. Borje nhận thấy cô vợ thất vọng đưa mắt nhìn quanh.

- Chúng mình đến sớm quá - chàng nói - Thời tiết tốt nên chuyến đi được rút ngắn rất nhiều! Họ chẳng cho xe đến, giờ ta phải đi bộ một quãng khá xa, vì nhà ta ở ngoài thành phố.

- Có hề gì, anh Borje? - Nàng trả lời - Ngồi im mãi một chỗ rồi, bây giờ đi bộ càng tốt.

Và họ bắt đầu lên đường, con đường ghê tởm mà sau này, cả đến lúc đã già, nàng không thể nghĩ đến mà không rên lên vì

khổ não và co quắp cả ha bàn tay vì đau đớn. Họ đi theo những đường phố rộng vắng vẻ, nàng thấy đúng như chàng đã tả. Nhìn cái nhà thờ âm u và những ngôi nhà trát torsi cao bằng nhau một loạt, nàng tưởng như gặp lại những bạn cũ của mình. Nhưng còn cái đâu hồi nhọn và cái cầu thang viền lan can đẹp thì ở đâu nhỉ?

Borje gật đầu ra hiệu với nàng tưởng như chàng đoán được điều nàng đang nghĩ.

- Còn xa đấy, chàng nói.

Ôi, sao mà chàng không biết thương xót, sao mà chàng không làm cho nàng tiêu tan ảo mộng ngay đi! Giá lúc ấy chàng thú nhận ngay tất cả thì có lẽ nàng cũng không mảy may oán giận, vì nàng còn quá yêu chàng. Chàng đã thấy nỗi lo sợ bị lừa dối của nàng mỗi lúc một tăng lên, mà chàng vẫn còn tiếp tục nói dối! Đó là điều đã làm cho nàng quá đau khổ, là điều nàng không bao giờ hoàn toàn tha thứ cho chàng được. Mặc dù nàng đã tự nhủ rằng lúc đầu chàng muốn đưa nàng đi khá xa để không thể bỏ chàng được nữa; nhưng chàng cứ cố tình nói dối mãi làm cho tâm hồn nàng lạnh giá đi như một tảng băng không tình yêu nào có thể làm tan được.

Vậy là họ đã vượt qua thành phố và đi vào cánh đồng. Nàng nhìn thấy những khúc hầm hào tối om và những lũy đất cao mọc đầy cỏ xanh, đó là những di tích thành lũy phòng ngự ngày xưa của thành phố, ở những chỗ hào lũy, nối nhau vây quanh một pháo đài, nổi lên những tháp canh lớn, màu xám và một vài ngôi nhà dáng rất cổ. Nàng rụt rè liếc qua, nhưng Borje lại rẽ sang phải và đi theo một lũy đất chạy dọc bờ biển.

- Đây là đường tắt, - chàng nói khi thấy nàng ngạc nhiên vì phải đi vào một lối hẹp.

Chàng trở nên lầm lì. Sau này nàng mới hiểu ra rằng lúc ấy chàng đã thấy khổ tâm vì phải đưa vợ đến túp nhà tranh tồi tàn trong xóm, đã thấy chẳng sung sướng gì khi lấy một người ở địa vị cao hơn mình, và đã lo sợ không hiểu lúc biết rõ sự thật thì nàng sẽ xử trí ra sao.

Sau khi hai người im lặng đi một lúc dọc theo các bờ lũy, nàng nói:

- Anh Borje, chúng mình đi đâu thế này?

Chàng giơ tay chỉ vào xóm, nơi mẹ chàng ở trong túp nhà tranh, trên cồn cát. Nhưng nàng lại tưởng chàng chỉ vào một trong những trang trại đẹp ở rìa cánh đồng; và nàng lại tin tưởng.

Rồi hai người đi xuống những đồng cỏ nước mặn vắng tanh vắng ngắt, và nỗi lo âu lại xâm chiếm lòng nàng. Nơi đây, nhiều loại cỏ mọc xanh um vui mắt, nhưng đối với nàng thì chỉ là một đầm lầy xấu xí. Gió thổi không ngừng, rít lên quanh nàng và thì thầm với nàng những chuyện tai ương và phản bội.

Borje bước nhanh. Họ đã vượt qua đồng cỏ nước mặn và đi vào xóm. Trên đoạn đường cuối cùng, nàng không dám hỏi một câu nào khác; nhưng khi thấy một dãy nhà nữa hiện ra thì nàng lại khấp khởi mừng thầm. Có lẽ, có lẽ anh ấy đã không nói dối! Những hy vọng của nàng đã bị lay chuyển một cách tàn nhẫn đến nỗi nàng sẽ rất vui lòng bước vào một trong những căn nhà nhỏ bé xinh xẻo có những bông hoa và những rèm cửa trắng hiện ra sau những ô cửa kính sáng loáng này. Nàng thấy tiếc phải vượt qua..

Bỗng nhiên, nàng thấy ở cuối xóm một túp nhà lụp xụp tồi tàn: và đối với nàng thì nhà ấy hình như nàng đã nhìn thấy từ lâu bằng đôi mắt của tâm hồn, trước khi nhìn thấy nó thật sự.

- Có phải đấy không? - Nàng hỏi và dừng lại ở chân cồn cát.

Chàng gật đầu và tiếp tục đi đến túp nhà tranh.

- Khoan đã! - Nàng kêu lên - Chúng ta cần phải nói cho nhau rõ về chuyện này.

Chàng quay lại phía nàng.

- Anh đã nói dối! Nàng nói với giọng đe dọa - Anh đã lừa tôi: anh đã làm điều tàn tệ hơn cả kẻ thù tàn tệ nhất của tôi. Vì sao vậy?

- Anh muốn lấy em làm vợ, - chàng khẽ lúng túng trả lời.

- Giá anh nói dối vừa vừa thôi thì còn được! Nhưng sao anh lại nhồi vào đầu tôi toàn những chuyện giàu sang? Bịa ra nào là đầy tớ, nào là cổng chào để làm gì? Anh tưởng tôi tham của lắm sao? Anh không cảm thấy tôi đã yêu anh đến mức có thể theo anh đi đến bất cứ nơi nào à? Sao anh lại nhẫn tâm lừa dối tôi cho mãi đến phút cuối cùng như vậy!

- Em có muốn vào nhà nói chuyện với mẹ anh không? - Chàng thì thầm trong cơn tuyệt vọng.

- Tôi chẳng thiết vào.

- Thế em định trở về?

- Làm sao tôi có thể trở về được? Làm sao tôi có thể gây cho gia đình tôi một nỗi buồn lớn lao như vậy, cả nhà tôi đã tưởng tôi được hưởng hạnh phúc và giàu sang! Nhưng tôi cũng sẽ không ở trong nhà anh. Tay làm hàm nhai, tôi chẳng lo gì.

- Em hãy ở lại, em hãy ở lại, - chàng van xin,- Anh làm như vậy cũng chỉ vì muốn lấy được em thôi.

- Nếu anh thú thật với tôi sớm hơn một chút thì tôi đã ở lại.

- Phải, em sẽ ở lại nếu như anh giàu nhưng lại nói là nghèo.

Nàng nhún vai và bỏ đi vừa lúc cánh cửa túp nhà tranh mở ra và bà mẹ của Borje xuất hiện. Đó là một bà già nhỏ bé quắt queo, mồm mớm mém, da nhăn nheo. Trông bề ngoài bà có vẻ già, song chắc chưa nhiều tuổi và cũng còn minh mẫn.

Có lẽ bà đã nghe được một phần câu chuyện và đoán được phần kia, chứng cớ là bà tìm được ngay cách thu xếp.

- Vậy đó, - bà nói - Con đã dẫn về cho mẹ cô con dâu con nhà tử tế đó, và theo như mẹ thấy thì con lại còn bịa chuyện dối trá nữa kia.

Bà dịu dàng lại gần Axtrid và vuốt ve má nàng.

- Con vào đây với mẹ, tội nghiệp cho con. Mẹ biết con mệt mỏi và kiệt sức rồi. Đây là túp lều của mẹ, của riêng mẹ. Thằng kia sẽ không vào đâu. Vào đi, vào đi con. Bây giờ con là con gái của mẹ và mẹ sẽ không để con vào nhà ai khác.

Bà vuốt ve người thiếu phụ, vỗ về nàng, rất dịu dàng đẩy nàng vào cửa. Cuối cùng Axtrid vào nhà; còn Borje ở lại bên ngoài. Bà già bèn hỏi han nàng con cái nhà ai, sự việc xẩy ra như thế nào, và bà khóc lóc cho số phận nàng, làm cho Axtrid cũng tự mình phải khóc. Rồi bà nghiêm khắc lên án con trai. Phải, Axtrid làm vậy là đúng; không thể ở trong nhà một người như hắn được. Hắn luôn luôn nói dối! Nhưng xưa nay dáng người và vẻ mặt của hắn vẫn đẹp làm sao! Ngay từ khi hắn còn bé tẻo, mẹ hắn đã lấy làm lạ sao hắn lại sinh ra làm con nhà

nghèo. Người ta cứ tưởng hắn là một cậu hoàng tử bị lạc. Không bao giờ hắn chịu yên phận. Hắn nhìn mọi vật với con mắt của người quyền quý, và khi lòng tự ái của hắn nổi lên, hắn không còn giữ chừng mực gì nữa. Mẹ hắn đã vì thế mà bao lần phải khóc. Nhưng những chuyện bịa của hắn chưa làm hại cho ai bao giờ. Trong vùng này, người ta biết nó, người ta chỉ cười thôi. Thật ra mà nói thì lần này chắc thằng bé tội nghiệp đã bị cám dỗ ghê lắm... Rất lạ lùng là một thằng con nhà dân chài lại biết đi lừa người ta như vậy? Axtrid có nghĩ đến điều ấy không? Cái thằng này nó thông thạo những lề thói lịch sự và những thói quen của lớp người giàu có, đến nỗi ai cũng tin chắc nó là con nhà giàu. Chắc chắn là nó đã bị lầm lạc trong cuộc sống. Chứng cớ là chưa bao giờ nó có ý định chọn một người vợ cùng đẳng cấp.

Bà già cứ nói, cứ nói; Axtrid lặng im.

- Con thấy không, - bà nói tiếp, - mẹ chẳng có thể làm cho nó bỏ được thói kiêu ngạo và ý muốn huênh hoang, nhưng một người đàn bà khác khôn ngoan hơn mẹ có lẽ sẽ làm được. Thằng con của mẹ, nó tốt bụng và có năng lực: cái đó chắc cũng đáng để thử xem. Nhưng ngày mai mẹ sẽ để con đi! mẹ hứa với con như vậy.

- Đêm nay anh ấy sẽ ngủ ở đâu!- Axtrid đột nhiên hỏi.

- Mẹ nghĩ nó sẽ ngủ ngoài trời, trên bãi cát. Chắc nó không dám đi xa đâu.

- Để anh ấy vào nhà thì hơn, - Axtrid nói.

- Không, con yêu quý của mẹ ạ; chắc con chẳng muốn nhìn thấy nó; vả lại nó có ngủ ngoài trời cũng chẳng hề gì; mẹ sẽ đưa cho nó một cái chăn

Quả thật, đêm ấy chàng ngủ trên bãi cát, và sáng hôm sau bà mẹ sai chàng đi ra thành phố, vì bà không muốn cho Axtrid nhìn thấy chàng. Và bà tiếp tục nói chuyện với nàng; và bà giữ được nàng lại không phải bằng áp lực mà bằng lời nói, không phải bằng mưu mẹo và cung cách màu mè, mà bằng lòng nhân hậu thật sự.

Cuối cùng, khi bà đã thuyết phục được cô con dâu chịu ở lại với người con trai bà, khi bà đã thấy hai người trẻ tuổi hòa giải với nhau và bà đã làm cho Axtrid tin rằng thiên chức của nàng đích thị là làm vợ của Borje Ninxơn và đem lại cho chàng tất cả những điều tốt lành mà nàng có thể làm được; khi bà lão đã hoàn thành cái nhiệm vụ ấy - cái nhiệm vụ không phải chỉ làm trong một ngày hay một tuần - khi ấy bà mới nhắm mắt.

Trong cuộc đời của người đàn bà luôn luôn lo lắng đến đứa con trai của mình ấy, Axtrid thấy ít ra cũng còn có một ý nghĩa; nhưng trong cuộc đời của chính mình, nàng chẳng thấy có chút ý nghĩa nào. Cưới nhau được mấy năm thì Borje bị chết đuối, đứa con độc nhất của họ cũng chết khi còn trẻ. Nàng đã chẳng làm cho chồng sửa đổi được tính nết. Nàng đã chẳng dạy được cho chồng tính thật thà và đứng đắn. Nhưng cuộc sống đã làm cho chính nàng thay đổi. Axtrid càng ngày càng hòa mình với đám dân chài. Nàng không bao giờ muốn gặp lại một người nào trong gia đình mình, bởi nàng lấy làm xấu hổ vì mình đã giống như những người đàn bà trong xóm chài về mọi mặt. Cuộc đời của nàng đã giúp ích được gì cho ai? Nàng sinh sống bằng việc trông nom và vá lại những tấm lưới cho những người đánh cá, nhưng nàng không biết mình sống để làm gì. Giá như ít ra nàng đã làm cho một người, chỉ một người thôi, được sung sướng hoặc trở nên tốt hơn!...

Không bao giờ nàng tự nhủ rằng một con người đã coi cuộc đời của mình là hoài phí vì đã không làm được điều gì tốt lành cho ai cả, lại có thể, do ý nghĩ khiêm nhường như vậy, cứu vớt được linh hồn mình.

NGỌC THỌ dịch

NGƯỜI ĐÀN ÔNG XỨ KABUL

Mini, đứa con gái năm tuổi của tôi, không thể nào không nói chuyện gẫu. Tôi đến phải nghĩ rằng cả đời nó không chịu để một phút im lặng. Mẹ nó thường bực vì chuyện này và chặn cái dòng tía lia của nó lại, nhưng tôi thì không. Bởi vì Mini mà phải im lặng là một chuyện bất thường, tôi không thể chịu được điều đó lâu. Nên chuyện trò giữa tôi với nó bao giờ cũng sôi nổi.

Một sáng nọ, chẳng hạn khi tôi đang tới giữa chương mười bảy của cuốn tiểu thuyết mới của tôi thì Mini lẻn vào phòng, nó nắm lấy tay tôi và hỏi:

- Ba! Chú Ramdayal, gọi con qụa là con kẹ[1]: Chú ấy chẳng hiểu gì cả, phải không ba?

---

(1) Tác giả dùng chữ Crow (con qua - danh từ - gáy - động từ) và crew là hình thức quá khứ của động từ to crow

Trước khi tôi kịp giải thích cho nó sự khác biệt của ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác thì nó đã huyên thuyên sang một đề tài khác.

- Ba thấy làm sao ba? Thằng Bhola nói có một con voi trên trời, lấy vòi phun nước làm thành ra mưa! thành ra mưa! Đúng hông ba?

Trong lúc tôi đang ngỡ ra, ngồi đó cố nghĩ ra cách trả lời thì nó lại nhảy tọt sang một chuyện khác, chẳng hạn:

- Ba à? Ba với má là quan hệ làm sao?

Với bộ mặt nghiêm trang, tôi nghĩ ra câu này:

- Thôi, đi chơi với Bhola đi, Mini! Ba đang bận!

Cửa sổ phòng tôi nhìn ra phố. Nó đã ngồi xuống dưới chân tôi cạnh cái bàn và đang ngồi chơi, vỗ nhè nhẹ vào hai đầu gối của nó. Tôi đang miệt mài với cái chương mười bảy của tôi, trong đó Pratap Singh, nhân vật nam chính, đã ôm được Kanchanlata, nhân vật nữ chính, trong vòng tay và hai người sắp sửa trốn đi từ cửa sổ tầng ba của tòa lâu đài thì chợt Mini ngừng chơi, chạy lại cửa sổ và kêu la:

- Ông Kabul! Ông Kabul!

Dưới phố lúc đó, một người đàn ông xứ Kabul[2] đang chậm rãi đi tới. Ông ta mặc thứ áo quần lụng thụng trông dơ dáy của xứ đó, và một cái khăn quấn trên đầu, ông đeo một cái túi trên lưng và ôm những hộp nho trên tay

---

(2) Kabul: thủ đô Afghanistan.

Tôi không hiểu con gái tôi nghĩ gì khi thấy ông ta nhưng nó bắt đầu kêu ầm lên: "A...A...!. Tôi nghĩ thầm: "Ông ta sẽ ghé vào đây và cái chương mười bảy của mình chẳng đời nào viết xong được!". Lúc đó, ông ta quay lại và nhìn lên con bé. Thấy mặt ông, con bé hết hồn và bỏ chạy tuốt sang phòng mẹ nó, trốn mất. Nó bị người ta dọa rằng trong cái túi trên lưng ông ta có nhốt hai ba đứa trẻ như nó. Người bán rong lúc đó đã bước tới cửa nhà và mỉm cười chào tôi.

Tình cảnh của hai nhân vật trong sách của tôi đang gay cấn quá đến độ tôi đành tạm nghỉ và bước ra mua cái gì đó, vì Mini đã kêu ông ta vào. Tôi mua vài món lạt vặt và chúng tôi nói chuyện về Abdur Rahman, chuyến nước Nga, nước Anh và chính sách biên giới.

Lúc sắp rời đi, ông ta hỏi:

- Bé gái hồi nãy đâu rồi, thưa ông?

Lúc đó, muốn xóa ấn tượng sai lầm trong óc nó, tôi đã gọi nó ra.

Nó ra đứng cạnh ghế của tôi và nhìn ông Kabul và cái túi. Ông đem cho nó mấy quả hạch và nho, nhưng nó không nhận mà còn đeo chặt lấy tôi, nỗi e sợ của nó chỉ có tăng thêm.

Đó là lần đầu nó và ông ta gặp nhau.

Vài bữa sau, một sáng tôi ra khỏi nhà thì ngạc nhiên thấy Mini ngồi trên băng ghế ngoài cửa, huyên thuyên cười nói với cái ông Kabul đang ngồi chồm hổm dưới đất. Có lẽ trong đời đứa con gái nhỏ của tôi, nó chẳng tìm được ai khác, ngoài tôi, lại chăm chú nghe nó nói chuyện như thế, ở vạt áo của nó đã thấy một đống hạt hạnh nhân và nho của ông Kabul cho.

- Sao ông cho nó như thế? - tôi hỏi và móc ra một đồng hào đưa cho ông. Ông ta nhận ngay và bỏ vào túi, chẳng nói gì cả.

Ôi trời, lúc tôi trở về một giờ đồng hồ sau, thì đồng hào đó lại gây rắc rối gấp đôi! Ông Kabul đã tặng nó cho Mini. Mẹ nó thấy liền chộp ngay lấy nó:

- Mày lấy đâu ra đồng bạc này?

- Ông Kabul cho con. -Mini đáp vui vẻ.

- Ông Kabul cho mày!- bà ấy kêu lên, hoảng hốt. Ô, Mini, sao mày lấy của ông ấy?

Ngay lúc đó tôi bước vào, cứu nạn cho nó kịp thời. Tôi bèn hỏi đầu đuôi sự vụ.

Tôi biết ra, đó chẳng phải lần đầu hay lần thứ nhì hai người đó gặp nhau. Ông Kabul đã xóa được sự sợ hãi của con bé bằng những nắm hạnh nhân và quả hạch khôn ngoan và hai người đã thành bạn thiết.

Họ có nhiều trò đùa lạ chơi với nhau rất vui. Mini ngồi trước mặt ông ta chễm chệ trên ghế nhìn xuống, mặt cười tươi rói, nó hỏi: "Ông Kabul! Ông Kabul! Trong túi ông đựng gì đó?"

Ông ta có thể đáp, bằng giọng mũi của người miền núi: "Một con voi". Có lẽ cũng chẳng gì đáng cười, nhưng cả hai đều hào hứng với lối chuyện trò như thế. Còn với tôi, cái kiểu con nít nói chuyện với người lớn bao giờ cũng có nét quyến rũ kỳ lạ của nó.

Rồi ông Kabul, cũng không chịu thua kém, có thể hỏi lại: "Nè, nhỏ, chừng nào cưng về nhà chồng?"

Thời này, hầu như mọi bé gái xứ Bengal đều đã nghe nói tới nhà chồng tương lai của chúng, nhưng chúng tôi thì mới hơn chút đỉnh, đã không nói chuyện đó với con bé nên Mini trước câu hỏi này hơi có vẻ hoang mang. Nhưng nó không lộ ra điều đó, mà rất khôn lanh, hỏi lại:

- Ông có tới đó không?

Trong giới những người như ông Kabul này, ai cũng biết chữ "nhà chồng" có một cái nghĩa hai mặt của nó. Đó là một ngôn ngữ cho chữ ngục tù, nơi chúng ta được coi sóc kỹ mà chẳng tốn kém gì cả. Có thể ông Kabul nghe câu hỏi của con bé trong nghĩa này nên ông kêu lên: "Ồ, - ông vung tay như dọa một ông cảnh sát vô hình nào đó, - tôi sẽ đánh vỡ mặt ông bố chồng ra đấy!-" nghe như thế, mường tượng ra cái ông bố khốn khổ nào đó. Mini sẽ phá ra cười và ông bạn già của nó cũng cười theo.

Đấy là những sáng mùa thu, cái mùa mà các vua chúa ngày xưa bắt đầu đi chinh phạt, còn tôi, chẳng rời khỏi cái hốc nhỏ bé của mình ở Calcutta này, cũng để tâm trí đi lang thang khắp thế giới. Chỉ với tên gọi của một nước khác, cả hồn tôi đã hướng tới nó. Bắt gặp một người ngoại quốc trên đường, cũng đủ cho tôi thêu dệt bao mơ mộng - những núi đồi, thung lũng hay rừng rú của xứ sở xa xôi đó, với mái nhà trong sương mù, và cuộc sống tự do và độc lập, hay những vùng hoang vu diệu vợi. Có lẽ những cảnh lãng du cứ hiện lên trước mắt tôi, cứ diễn đi diễn lại trong trí tưởng ngày một sinh động hơn bởi vì tôi đang sống như một loài cây cỏ mà chỉ một tiếng gọi lãng du thôi cũng như một tiếng sấm. Trông thấy ông Kabul này, lập tức tôi bay tới những mỏm núi khô cằn với những hẻm núi

ngoằn ngoèo luồn lạch giữa các vách núi cao. Tôi tưởng như thấy những đoàn lạc đà chở hàng, những đoàn thương nhân trùm khăn, có người đeo theo những khẩu súng cổ quái của họ, có người thì mang giáo, đang từ miền cao đi xuống đồng bằng. Tôi có thể thấy - nhưng ngay lúc đó, mẹ của Mini có thể chen vào, dặn dò tôi "coi chừng thằng cha đó".

Mẹ Mini chẳng may lại là người rất nhút nhát. Bất cứ lúc nào bà ấy nghe có tiếng động ngoài phố, hay thấy có người đi về hướng nhà mình, là bà nhảy ngay tới kết luận rằng đó là án trộm, hay thằng say rượu, hoặc là rắn, cọp, sâu bọ, gián, hay là bệnh sốt rét không chừng. Qua bao nhiêu năm như thế, bà vẫn không thoát được thói sợ hãi. Nên bà rất e ngại cái ông Kabul này, và cứ xin tôi phải coi chừng ông ta.

Nếu tôi cười cợt để bà đừng sợ hoảng như thế thì bà hỏi lại tôi những câu cực kỳ nghiêm trọng:

- Bộ trẻ con không bị bắt cóc à?

- Ở Kabul bộ không có đầy tớ nô lệ à?

- Bộ một người to lớn như ông này không vác một đứa bé đi được sao?

Tôi cố nói rằng dĩ nhiên những chuyện đó là có, nhưng ít có khả năng xảy ra ở đây. Nhưng chẳng ăn thua, bà ấy vẫn sợ hoảng như thường. Nhưng đó chỉ là nỗi sợ mơ hồ, và không lý gì mà cấm ông ta tới đây chơi, thế là tình bạn đó cứ đâm đà thêm chẳng bị ngăn cản.

Mỗi năm một lần, khoảng giữa tháng Giêng, Rahman, tên ông Kabul, thường về quê. Gần lúc đó, ông khá bận rộn, phải đi từng nhà để thu hồi những món nợ. Nhưng năm nay, ông vẫn

có được thì giờ để ghé chơi với Mini. Với một người ngoài thì làm như có một âm mưu gì giữa một già một trẻ đó, vì khi không tới vào buổi sáng được, ông ta sẽ đến vào buổi chiều.

Ngay cả tôi đôi khi cũng ngạc nhiên đến giật mình với người đàn ông cao lớn, áo quần lụng thụng với đủ thứ túi bị này, ngồi trong góc tối căn phòng, nhưng khi Mini chạy à vào, cười toe, rồi "A, ông Kabul! Ông Kabul" rồi hai người, dù tuổi tác chênh lệch lại chìm vào với những trò đùa vui, tôi mới thấy an tâm.

Một sáng nọ, vài ngày trước khi ông ta quyết định về quê, tôi đang sửa bản in thử trong phòng. Trời thì lạnh, mấy tia nắng lọt qua cửa sổ rọi vào chân tôi, hơi ấm nhỏ bé đó thật dễ chịu. Lúc đó đã gần 8 giờ, những người đi dạo sớm đã trở về nhà. Đột nhiên tôi nghe tiếng ồn ngoài phố bèn nhìn ra và thấy Rahman bị điệu đi giữa hai người cảnh sát, theo sau là cả một lũ trẻ tò mò. Trên áo ông có vệt máu, một trong hai cảnh sát cầm một con dao. Tôi chạy vội ra chặn họ lại, hỏi chuyện ra làm sao. Nghe người này một chút người kia một chút, tôi biết được rằng có một ai đó mua chịu của ông một chiếc khăn quàng Rampuri, nhưng lại chối là không mua, trong lúc cãi lộn, Rahman đã đánh người đó. Đến lúc này, ông ta vẫn còn chửi rủa người đó bằng đủ thứ tên gọi. Đột nhiên, Mini từ đâu chạy ra trước thềm nhà, với tiếng gọi quen thuộc:

- Ôi! ông Kabul. Ông Kabul!

Khuôn mặt Rahman sáng lên khi quay lại nhìn nó. Ông chẳng còn đeo cái bị nào nên Mini chẳng hỏi về chuyện đựng con voi được. Nên nó hỏi sang câu hỏi kẽ:

- Ông có tới nhà bố chồng không?

- A ha! - Rahman bật cười. - Bây giờ đang tới nè, cưng! -rồi thấy câu trả lời không làm Mini vui, ông giơ đôi tay bị còng lên và tiếp: - Tôi sẽ đánh bể mặt bố chồng, nhưng tay bị trói rồi!

Với tội hành hung đà thương người, Rahman bị kết án mấy năm tù.

Thời gian qua, không ai còn nhớ tới ông nữa. Những công việc quen thuộc tại một nơi quen thuộc của chúng tôi cứ thế diễn ra, và chẳng bao giờ chúng tôi nhớ tới một người bán hàng rong bây giờ đang phải ngồi tù. Ngay cả con Mini vô tư kia cũng vậy, tôi xấu hổ phải nói thật như thế, nó quên hẳn người bạn vong niên. Bây giờ nó có những bạn mới. Càng lớn nó lại càng dành thì giờ cho các bạn gái, nhiều đến độ nó chẳng còn mò tới phòng của tôi như hồi xưa nữa, nên tôi lại càng ít có dịp chuyện với nó.

Nhiều năm đã trôi qua. Rồi lại tới một mùa thu, và chúng tôi đang lo toan cho đám cưới của Mini sẽ diễn ra vào ngày lễ Puja. Mọi niềm vui, ánh hân hoan trong nhà tôi cũng sẽ theo nó về nhà chồng. Chỉ để lại bóng tối.

Buổi sáng tươi tắn. Sau cơn mưa, không gian như tinh khiết hơn và những tia nắng thì cứ như vàng thật. Nó tươi đến độ làm cho những bức tường hai bên những con phố Calcutta như sáng rực lên. Từ sáng sớm, đã nghe ban kèn đám cưới trỗi lên. mỗi nhịp kèn lại khiến tôi nhói cả tim. Giọng kèn khàn như lại càng tăng thêm nỗi buồn chia tay sắp tới. Mini của tôi sẽ kết hôn tối nay.

Từ sáng sớm, trong nhà đã ồn ào cả lên. Trước sàn, lều bạt đã được dựng lên, những chùm đèn với tiếng leng keng của nó được treo trong các phòng và hiên nhà. Cả một không khí vội

vàng sôi nổi. Tôi ngồi trong phòng làm việc, xem qua mớ sổ sách thì có một người bước vào, kính cẩn cúi chào và đứng trước mặt tôi. Đó là Rahman, ông Kabul. Ban đầu tôi không nhận ra ông. Ông chẳng mang giỏ túi gì cả, tóc thì cắt cụt, và cái vẻ sung sức ngày xưa thì đã mất. Nhưng khi ông ta mỉm cười, tôi nhận ra ngay.

- Đến lúc nào vậy, Rahman? - tôi hỏi.

- Tối qua, - ông đáp, - tôi vừa được phóng thích.

Câu trả lời tôi nghe ù cả tai, tôi chưa từng nói chuyện với một người nào đã thương đồng loại, và trái tim tôi thắt lại khi nghĩ tới điều đó; vì tôi nghĩ ông ta đừng xuất hiện hôm nay thì sẽ có điềm lành hơn.

- Nhiều nghi lễ phải làm lắm, - tôi nói, - tôi rất bận. Có lẽ bữa khác mời ông tới chơi.

Ông ta lập tức quay lưng trở ra, nhưng tới cổng, ông ngập ngừng và nói:

- Tôi không thể gặp cháu bé một chút sao?

Ông vẫn nghĩ rằng Mini vẫn nhỏ xíu như xưa. Ông vẫn nghĩ sẽ thấy nó chạy ra và kêu lên: "A! Ông Kabul! Ông Kabul!". Ông cũng tưởng tượng rằng họ sẽ cười đùa và chuyện trò y hệt ngày xưa. Mà quả vậy, vì nhớ ngày xưa, ông đã mang theo mấy trái nho, hạt hạnh nhân gói cẩn thận trong một tờ giấy, chắc là xin xỏ được của ai đó, bởi vì chắc gì ông còn chút tiền bạc nào. Tôi lập lại:

- Nhà đang có đám, ông chẳng thể gặp ai được đâu.

Mặt ông buồn hiu, ông nhìn tôi ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Chào ông, - rồi quay đi.

Tôi thấy hơi ái ngại và định gọi ông lại. Nhưng ông đã quay lại đưa cho tôi gói quà và nói:

- Tôi mang mấy thứ này cho cháu bé. Ông chuyển giùm được không?

Tôi nhận lấy và định trả ông một ít tiền, nhưng ông chặn tay tôi lại và nói:

- Ông thật tử tế. Chỉ cần nhớ tới tôi là tốt rồi. Đừng cho tôi tiền. Ông có đứa con gái nhỏ; tôi cũng vậy, có đứa con gái như nó ở quê nhà. Tôi nhớ nó, nên thường mang bánh trái cho cháu nhỏ của ông, chứ đâu định buôn bán gì.

Nói vậy, ông thò tay vào trong chiếc áo thùng thình và móc ra một tờ giấy nhỏ bẩn thỉu. Mở nó ra hết sức cẩn thận, ông vuốt thẳng nó ra bằng cả hai tay. Trên đó là dấu một bàn tay nhỏ bé in trên đó. Không phải một bức ảnh hay một bức vẽ, mà chỉ là dấu một bàn tay nhỏ xíu bôi mực rồi in trên đó thôi. Dấu in bàn tay đứa con gái nhỏ này ông ta đã mang theo, trong túi áo kề bên trái tim, trong bao nhiêu năm đến Calcutta này để bán hàng rong trên đường phố.

Nước mắt chực trào ra. Tôi quên hẳn ông ta là một người Habula nghèo khổ bán trái cây rong, trong khi tôi là... mà không, tôi có hơn gì ông ta đâu? Ông ta cũng là một người cha.

Dấu bàn tay của đứa con gái nhỏ ở tận quê nhà niềm núi xa xôi nhắc tôi nhớ đến Mini của tôi.

Tôi cho người vào trong gọi Mini ra ngay. Biết bao là phiền phức và phản đối, nhưng tôi gạt hết sang một bên. Quấn trong tấm lụa đỏ của ngày vu quí, trang điểm như một cô dâu, Mini bước vào và đứng khép nép bên tôi.

Ông Kabul hơi ngỡ ngàng khi thấy nó như thế. Ông không thể sống lại với tình bạn cũ. Sau cùng ông mỉm cười và nói:

- Cháu nhỏ, sắp về nhà chồng hả?

Nhưng Mini bây giờ đã hiểu chữ "nhà chồng" nên không thể trả lời ông như xưa. Nó đỏ mặt và cứ cúi gằm đầu xuống.

Tôi nhớ tới ngày ông Kabul và Mini lần đầu gặp nhau và chợt thấy buồn bã. Khi nó đã vào trong Rahman thở dài và ngồi xuống sàn. Đột nhiên ông nhận ra rằng con gái của ông cũng vậy, đã lớn trong bao năm ông đi xa, bây giờ trở lại sẽ phải làm quen lần nữa với nó. Chắc chắn nó không thể còn nguyên như hồi ông rời nhà đi xa nữa. Và ngoài ra, biết bao điều xảy đến với nó trong tám năm qua?

Tiếng kèn đám cưới lại vang lên, ánh nắng dịu dàng của mùa thu tỏa đầy quanh chúng tôi. Nhưng Rahman cứ ngồi đó trên một con phố nhỏ của Calcutta và nhìn về miền núi non trơ trụi của Afghanistan.

Tôi móc ra mấy đồng tiền đưa cho ông và bảo:

- Về thăm con gái đi, Rahman. Cầu mong hạnh phúc gặp lại con gái của ông sẽ đem may mắn cho con gái tôi.

Đem tặng khoản tiền này đi, tôi phải bỏ bớt nhiều khoản trong lễ cưới. Sẽ không có được đèn điện như dự định, không có dàn nhạc, các bà các cô rất nản vì chuyện này. Nhưng với tôi, đám cưới hình như huy hoàng hơn với ý nghĩ rằng ở một nơi xa xôi, một người cha biệt tăm đã lâu nay gặp lại được đứa con độc nhất của ông ấy

PHẠM VIÊN PHƯƠNG dịch

ẢO ẢNH TAN VỠ

RABINDRANATH TAGORE
(NOBEL 1913)

Khi tôi tới thị trấn Đajilinh, các ngọn núi chìm trong màn mây mù dầy đặc. Tôi không muốn bước chân ra khỏi nhà chút nào, lại càng không muốn ở lại trong nhà. Vì vậy, sau bữa ăn sáng, tôi đi thơ thẩn ngoài khách sạn, chân đi ủng, áo mưa trùm kín người.

Mưa đã tạnh, nhưng bốn bề xung quanh không nhìn thấy gì hết ngoài lớp sương mù mịt, như thể các vị thần linh đã xóa sạch phong cảnh các dẫy núi Himalaya. Tôi dạo bước, vẩn vơ đi lại trên con đường Cancơta vắng ngắt, cảm thấy rất cô đơn và buồn chán vì phải lưu lại ở xứ sở của sương mây bồng bềnh mênh mang này, nhớ da diết những vẻ đẹp đa dạng của quả đất. - Mẹ chúng ta và chỉ muốn bấu víu lấy Đất bằng tất cả các giác quan của mình.

Bỗng nhiên, tôi có cảm giác nghe thấy một âm thanh mơ hồ như tiếng khóc đàn bà. Trong thế giới đầy đau khổ này, điều đó không có gì lạ. Ví như ở nơi khác có lẽ tôi đã không để tâm, nhưng ở đây, giữa khung cảnh mờ mịt mênh mông này, tôi tưởng như đó là tiếng than vãn thật sự của cái thế giới đã bị xóa nhòa, nên không thể coi thường bỏ qua.

Tôi đi về phía tiếng khóc và gặp một người đàn bà khoác một tấm áo vàng nhà tu khổ hạnh, những mớn tóc hung hung

rồi tung cuộn thành một búi trên đầu. Người đàn bà ấy ngồi trên một phiến đá bên vệ đường kề bên [illegible] nữ. Nỗi sầu muộn của bà có lẽ không [illegible] sâu xa của một tâm hồn suột quệ nay [illegible] ngã trước sức nặng của cô đơn.

"Như phần mở đầu của cuốn tiểu thuyết thật sự" - tôi tự nhủ. Một nữ thất sư khóc trên đỉnh núi, một điều tôi không hề nghĩ mình sẽ được tận mắt chứng kiến. Tôi không nhận ra nổi người đàn bà ấy là người vùng nào, cho nên dùng số vốn ít ỏi tiếng Hindi của mình, tôi hỏi.

- Bà là ai?

Thoạt tiên bà ta không nói mà chỉ nhìn tôi qua màn sương mù với con mắt đẫm lệ.

- Bà đừng sợ gì hết, tôi là một người đứng đắn, - tôi bảo.

Nghe thấy vậy, bà ta bật cười và trả lời tôi bằng thứ tiếng Ôcđu trong sang nhất:

- Từ lâu tôi không còn biết sợ là gì và không biết cả hổ thẹn nữa. Thưa *Babu ji*[1], đã từng có thời ngay anh trai tôi cũng phải xin phép trước mới được vào buồng tôi. Còn bây giờ, tôi bỏ cả mạng che trước mặt mọi người.

Ban đầu, tôi hơi khó chịu. Ăn mặc theo đúng kiểu Anh như tôi thế này, cớ sao người đàn bà khốn khổ kia lại gọi tôi là *Babu-Ji* kia chứ? "Kết thúc chuyện này ngay đi thôi", tôi nhủ thầm, tự ái định bỏ đi, miệng nhả khói thuốc lá như một đầu xe

---

(1) Tôn ông, ý kính trọng.

lừa oai vệ. Nhưng tính tò mò của tôi đã thắng. Tôi ướn người hỏi với một giọng kênh kiệu bề trên:

- Tôi có thể giúp bà được gì không? Bà có cần cầu xin gì không?

Người đàn bà nhìn chằm chằm vào mặt tôi với con mắt điềm tĩnh một lúc rồi dõng dạc:

- Tôi là con gái tiểu vương Gôlam Kađe Khan ở Badraôn.

Tôi chưa hề bao giờ nghe nói đến một nơi nào tên Badraôn cũng như không hề biết tiểu vương nào tên là Gôlam Kađe Khan. Tai họa nào đà xẩy ra với con gái của tiểu vương xa xôi kia để bà ta đến nỗi ngồi khóc bên đường DaJilinh này, ăn mặc như một nhà tu khổ hạnh Hinđi. Tôi không sao đoán được, với lại tôi cũng không tin. "Nhưng thôi, ta chớ nên làm hỏng chuyện, - tôi nghĩ. - câu chuyện có chiều lý thú đấy".

Khoát tay chào một cách cung kính, tôi thưa với bà ta với tất cả vẻ nghiêm trang thích hợp:

- *Thưa Bibi-Xahép*[1] xin lệnh bà hãy thứ lỗi cho tôi đã không nhận ra lệnh bà.

Dĩ nhiên không nhận ra là có vô vàn lý do. Trước hết, tôi chưa hề bao giờ gặp bà ta. Với lại, giữa đám sương mù dầy đặc đến chính mình cũng hầu như không nhìn ra mình nữa. Dẫu sao bà ta tỏ vẻ hoàn toàn khoan dung đối với tôi. Bà dịu dàng chỉ cho tôi một phiến đá bên cạnh và bảo:

- Tôn ông hãy ngồi xuống đây.

---

(1) Cách gọi tôn kính đối với phụ nữ Hồi giáo thuộc đẳng cấp cao.

Rõ ràng người đàn bà này biết bàn lộn. Và tôi phải [illegible] thực rằng, tôi cảm thấy phần nào phấn chấn trước vẻ [illegible] lão bà dành cho tôi khi bà ân cần cho phép tôi ngồi [illegible] một phiến đá ẩm ướt, sần sùi vô trơn nhẵn, trước mặt cô [illegible] lệnh ái Muranisa hay Mêbérunisa, hay thậm chí là Nurdjahan, không biết tên nào là tên của con gái tiếu vương Bundelkhand. Tôi không thể mơ tưởng sẽ có dịp may tuyệt vời như thế khi tới khách sạn, mình trùm áo mưa. Bỗng đứng, giữa một vùng cao nguyên trong dẫy núi Himalaya, một người đàn ông và một người đàn bà ngồi yên lặng bên nhau trên một phiến đá ẩm [illegible] tất cả sự việc xảy ra làm tôi có cảm giác như đang sống trong một khúc ca trữ tình. Này, bạn đọc có thể lắng nghe tiếng thác đổ từ phía dẫy núi xa xa, vẳng vẳng điệu nhạc huyền ảo mà Kalidasa từng mô tả trong truyện thơ Mégadût Kuma Samvaba.

Tự nhiên, thật hiếm có cảnh tượng một chàng thanh niên thời mới của xứ Bengan, chân mang ủng và mình khoác áo mưa, lại ngồi một cách kính cẩn như vậy bên cạnh một người đàn bà khốn cùng của miền Bắc Ấn Độ. Tôi cất tiếng hỏi:

- Thưa lệnh bà, tôi xin phép hỏi: cớ sao lệnh bà lại đến ngồi ở đây.

Bà ta lấy lòng bàn tay vỗ trán [1] rồi nói:

- Tôi làm sao biết được ai là kẻ gây ra những chuyện của đời tôi, cũng như ai là kẻ đã cho phép đám mây nhẹ tênh như một

---

(1) Một mẹo [illegible] phổ biến trong dân chúng Ấn Độ [illegible] số phận [illegible] được ghi ngay trên trán. Vì vậy vỗ trán [illegible] là thánh vô [illegible] cũng là một cách tỏ ý chán ngán số phận mình.

tấm mạng, xóa mờ khung cảnh bao la của những ngọn núi Himallaya nặng nề kia?

- Thưa đúng, thưa đúng - tôi vội vã nói. - con người ta chỉ là con sâu cái kiến, không có quyền vận hỏi số phận.

Lẽ ra tôi đã không để cho *Bibi-Xahep* thoát được dễ dàng như thế nếu tôi không bị lúng túng vì vốn tiếng Hindi ít ỏi, đa học được của những người hầu xuất xứ từ vùng quê ở các tỉnh miền Bắc. Vốn liếng tiếng Hindi ấy hoàn toàn không đủ cho một cuộc làm cái triết lý về vận mệnh và ý chí tự do, không đủ để sắp đặt thành những câu cú lịch sử, thích hợp với lỗ tai tinh tế của một bà công chúa con gái tiểu vương, đồng thời các câu nói cao nhã của bà làm tôi vất vả mới hiểu được.

Bibi-Xahép tiếp tục:

- Câu chuyện kỳ lạ của đời tôi đã đi đến chỗ kết thúc đúng hôm nay, tại thị trấn Dajilinh này. Nếu ông thích, tôi sẽ kể cho ông nghe.

- Thích ư? - tôi thưa. Nếu lệnh bà vui lòng hạ cố kể chuyện, tức là lệnh bà đã rót một bình hương thơm vào tai kẻ hạ thần xiết bao mong mỏi được nghe tiếng nói của lệnh bà.

Các bạn chớ tưởng rằng tôi đã thật sự nói ra được tất cả các câu đó. Phải hiểu rằng tôi hết sức bày tỏ các ý nghĩ của mình, nhưng đã thất bại thảm hại. Khi bà công chúa con gái tiểu vương nói thì khác nào một cánh đồng ngô chín rộ màu ngọc bích rập rờn nhè nhẹ, trong làn gió ban mai, còn tôi thì như một kẻ cục mịch, vụng về, đáp lại bằng những câu cộc lốc, rời rạc, nhát gừng, với những từ thô kệch hoàn toàn không có những hình thức sơ đẳng của phép lịch thiệp bình thường nhất.

Ba ta bắt đầu câu chuyện của mình.

- Chúng trong các huyết quản gia đình thân phụ tôi là dòng máu hoàng đế Môgôn. Tôi thuộc dòng dõi cao sang đến nỗi khi đến tuổi thành hôn khó tìm được một ai thích hợp với tôi. Khi cha tôi đang còn nhắc đến lời cầu hôn của tiểu vương Lucnô thì đúng vào thời gian ấy xảy ra cuộc binh biến chống lại các quan thầy người Anh và toàn bộ Hinđuxtan mu mịt khói đạn...

Đây là lần đầu tiên tôi được nghe tiếng Ôđu nói ra một cách thanh tao từ miệng một phụ nữ, một phụ nữ rất cao sang và tôi nghĩ rằng đó đúng là một tiếng nói xứng đáng với các vị tiểu vương thời xưa, nhưng hoàn toàn không thích hợp với thời đại xe lửa, điện thoại ngày nay và với thế giới bận rộn hối hả này. Trong khi những lời nói từ miệng *Bibi-Xahep* tuôn chảy, tôi tưởng tượng đến những cung điện bằng đá cẩm thạch cao vời vợi những sân thượng mà những đại sảng chơi, bơm và đuổi cùng bay trước gió, những dân vệ mang trên lưng những chiếc khiên trang hoàng lộng lẫy; những đường phố vui vẻ với những vành khăn đủ màu sắc, những đôi hài mũi cong thêu kim tuyến của thị dân, những lượt mục sáng lòa của quan lính cùng những tà áo duyên dáng, mềm mại và những nghi lễ miễn man.

Người con gái tiểu vương tiếp tục kể:

- Pháo đài của chúng tôi nằm trên bờ sông Jumna. Người chỉ huy đạo quân của chúng tôi là một người Hinđi đẳng cấp Bà La Môn, chàng tên là Kesáclan...

Cái tên Kesáclan ấy hình như được bà ta trút vào đó trong giây lát tất cả âm thanh êm ái vẫn còn dự trữ trong tiếng nói

của đạo Hồi. Tôi ngồi thẳng người trên chiếc ghế, rất chăm chú lắng nghe, bỏ mặc cái cặp của tôi lan tuột xuống đất.

- Kesâdan là một người theo đạo Bà La Môn chính thống. Mỗi sáng, vào lúc tinh mơ, qua khung cửa sổ nhỏ tôi nhìn thấy chàng đứng giữa dòng sông Jumna nước tới ngang ngực làm lễ tắm rửa, hai bàn tay giơ cao dâng nước chào mặt trời vừa mọc, mái đầu, vai và bộ quần áo ướt đẫm trên mình, chàng bước lên và ngồi xuống bậc bốn tầng cao nhất để cầu kinh trước khi trở về nhà, vừa đi vừa tụng những lời ngợi ca.

Tuy sinh ra trong một gia đình Hồi giáo nhưng tôi chưa bao giờ được nghe nói về tôn giáo của tôi và chưa được dạy cho biết các cách thành lễ của một tín đồ. Bây giờ, ý thức thờ phụng bị lu mờ và xung quanh tôi chỉ toàn là những chuyện phóng đãng, bậy bạ, vô ích kỳ. Nhưng có lẽ vì Thượng đế đã phú cho tôi mọi thiên hướng bẩm sinh về tôn giáo, hay vì một lý do nào khác tôi không biết, những hành động tôn ngưỡng hàng ngày kín đáo lẻ sáchan trên nhưng bậc đá hoa trắng cẩm xuống dòng nước trong xanh êm ả của con sông Jumna trong cảnh êm đềm lúc bình minh, dưới những tia nắng đầu tiên trong ngày, làm tràn ngập tâm trí thơ ấu của tôi một niềm sùng bái không bờ bến đối với chàng. Hình bóng mảnh khảnh, trẻ trung và sang trọng của Kesâdan làm tôi tưởng như đây là một ngọn lửa tinh khiết không vẩn chút khói. Nếp sống sùng đạo và phong thái tư chu của chàng trai Hindi đưa đẩy các ngày thơ của cô gái Hồi là tôi vào một trạng thái ngây ngất, vừa tôn kính vừa yêu thương.

Tôi có một nữ tỳ người Hindi cùng tuổi để hầu hạ. Hàng ngày nó đến chào Kesâdan, cúi gập người tiến chậm chân chàng để thể hiện người Hindi gọi đó là chấm bụi ở chân. Cứ chu

ấy khiến tôi vui sướng và cũng làm tôi ghen tị. Thường vào những ngày lễ cúng Hindi, cô gái ấy mời các vị sư Bà La Môn đến và biếu họ các lễ vật. Tôi bảo nó nên mời Kesáclan và nhận đứng ra giúp. Nó bạm môi tỏ ý muốn khước từ lời gợi ý này của một kẻ ngoại đạo và nói "Sư thầy Kesáclan sẽ không khi nào hạ mình nhận các lễ vật đâu".

Không có cách nào để bày tỏ niềm quý mến của tôi với chàng, dù trực tiếp hay gián tiếp, nỗi khao khát trong lòng tôi càng không sao dịu nổi. Tổ tiên tôi có một vị trước kia đã cưới về làm vợ một cô nữ tỳ Bà La Môn. Tôi cảm thấy chính dòng máu của vị tổ tiên Bà La Môn đó chảy trong huyết quản khi tôi sống riêng trong khuê phòng và ý nghĩ về mối quan hệ máu mủ ấy với Kesáclan khiến tôi phần nào tâu thái.

Nhờ đứa nữ tỳ, tôi học được khá nhiều về đạo Ấn, về các vị nam nữ thần linh, các phong tục, tập quán của đạo này, và đã rất nhiều lần nghe kể về các nhân vật kỳ diệu trong các trường ca *Ramayana* và *Mahabarata*, đến nỗi tâm trí tôi chất đầy những cảnh tượng diệu kỳ kho tàng, những tượng thần, những mái đền chạm vàng, những tiếng chuông, tiếng mõ, những nén hương nghi ngút cháy, mùi hoa thơm bay lan với hương trầm ngào ngạt, những phép lạ của các vị khất sư, sự khổ hạnh siêu phàm của giới đạo Bà La Môn, các phép hóa thân, các hành vi kỳ diệu của các thần linh giả dạng làm người, tất cả hiện ra với tôi trong một thế giới huyền ảo và mênh mông; tâm hồn tôi như một con chim bé nhỏ lạc tổ, chập chững bay từ phòng này qua phòng khác dưới các mái vòm của một toa lâu đài cổ xưa, đồ sộ.

Đúng vào lúc bấy giờ nổ ra cuộc binh biến, và các đợt sóng chấn động của nó ào cả vào cái pháo đài nhỏ bé của chúng tôi ở Badraôn.

Kesáclan tuyên bố: "Bây giờ là lúc tống khứ bọn da trắng ăn thịt bò đi. Sau đó sẽ đến lượt chúng ta, người Hindi chúng tôi và người Hồi giáo các bạn, rút thăm để phân chia các chức vị và quyền hành ở miền Hindustan này của chúng ta".

Nhưng cha tôi là một con người thận trọng. Sau khi tuôn ra hàng tràng những lời nguyền rủa bọn tiếm quyền da trắng cha tôi nói: "Nhưng không có việc gì trên quả đất này mà bọn ấy không làm được. Người dân Hindustan chúng ta không đương đầu nổi với họ.

Ta sẽ không, theo bọn khởi loạn đưa vương quốc nhỏ bé của ta vào chuyện ngụy hiểm với hy vọng mơ hồ ở những khả năng tấp bênh ..."

Vào lúc mà dòng máu của con xứ Hindustan sôi sục, thái độ tính toán lạnh lùng của cha tôi làm tức giận chúng tôi ai cũng cảm phẫn. Ngay cả mẹ tôi và những tỳ thiếp khác của cha tôi cũng tức giận.

Trước tình thế đó, Kesáclan dẫn đầu quân lính của chàng đến nói với cha tôi: "Thưa tiểu vương, xin ngài hãy nghe tôi nói. Ngài có muốn đứng về phía chúng tôi hay không? Nếu ngài cự tuyệt, tôi sẽ giam ngài lại tại nơi ở của ngài cho đến khi cuộc chiến đấu kết thúc. Trong khi đó tôi sẽ nắm quyền chỉ huy pháo đài". "Thực vô lý! - cha tôi nói - Đừng xử sự gay gắt đối với ta. Ta hoàn toàn đứng về phía các anh!" "Vậy giờ đây tôi cần có tiền" - Kesáclan nói. Cha tôi đưa cho Kesáclan một món

tiền không đáng kể, hứa sẽ đưa thêm và bảo: "Ta sẽ đưa cho các anh thêm, chừng nào các anh cần đến"

Tôi có rất nhiều châu báu quý giá trang sức khắp người, từ đỉnh đầu cho chí ngón chân. Tôi gỡ cả lại làm một gói, sai nữ tỳ đưa đến cho Kesaclan. Chàng mừng rỡ nhận lấy và toàn bộ cơ thể tôi, lúc này đã trút bỏ mọi đồ trang sức, run lên vì sung sướng.

Kesaclan đang bận bàn chọn các thanh kiếm gỉ và các khẩu súng cũ cất giữ trong pháo đài thì bất ngờ một buổi chiều, viên sĩ quan Anh chỉ huy khu vực xông vào doanh trại cùng với lính mặc quân phục đỏ, tung bụi mù trời. Cha tôi đã phản bội các thuộc hạ trung thành của người!

Kesaclan cố gắng tiếp tục nói với binh lính của chúng tôi đến nỗi tất cả mọi người đều quyết tâm chiến đấu với những cây súng gẫy và những lưỡi kiếm cùn cho đến lúc hy sinh.

Còn tôi, phải ở lại dưới mái nhà của người cha đã phản bội dân tộc mình, thật là sống trong địa ngục. Lòng đầy đau khổ, hổ nhục và chán chường, chẳng một giọt lệ. Mặc bộ quần áo của người anh trai lớn nhất, tôi rời bỏ pháo đài và giữa cảnh hỗn độn ấy, chẳng một ai để tâm đến những việc làm của tôi.

Khói đạn, cát bụi, tiếng hò reo của quân lính tràn ngập trời đất, rồi sau đó nhường chỗ cho sự yên tĩnh rùng rợn của cái chết. Nước sông Jumna đỏ ngầu vì máu và khi màn đêm buông xuống mặt trăng tròn vành vạnh rọi chiếu xuống khung cảnh thê lương này.

Chiến trường, với các xác chết trông thật khủng khiếp. Vào lúc khác, có lẽ tôi đã vỡ ra vì đau buồn và thương cảm.

nhưng hôm ấy, tôi đi lang thang giữa nơi đó như người đi trong cơn mê ngủ, tìm kiếm Kesáclan. Tôi chìm đắm trong tìm kiếm đến nỗi tất cả mọi thứ khác đối với tôi đều hư ảo. Tôi tìm, tìm mãi. Sau cùng, vào lúc nửa đêm, ánh trăng sáng chói rọi cho tôi thấy hai xác người nằm cạnh nhau trong một lùm cây xoài gần con sông Jumna: một xác là Kesáclan, xác kia là Đêôkinadan, người trợ thủ tận tụy của chàng. Hai người bị tử thương khác đã bò lết đến nơi vắng vẻ này để trút hơi thở cuối cùng.

Việc làm đầu tiên của tôi lúc bấy giờ là thỏa mãn nỗi mong chờ từ lâu của trái tim: tôi phủ phục xuống bên chân Kesáclan, quỳ xuống, xõa tóc lau chùi những hạt bụi vây bẩn chân chàng rồi áp vào vầng trán nóng bỏng của mình đôi bàn chân lạnh giá, đôi bàn chân đẹp tựa hoa sen và đặt môi hôn. Những giọt lệ cầm lại cho đến lúc đó cuối cùng trào ra. Vừa lau sạch tấm thân Kesáclan khô cứng và nói tiếng rên yếu ớt thoát ra từ đôi môi chàng. Tôi giật thót mình buông chân chàng ra và nghe thấy chàng cố nói, hơi mất nhạm nghiệm: "Nước"

Tôi vội chạy ra sông, dùng tấm khăn choàng của mình cho sũng nước rồi đem về áp lên đôi môi khô nẻ của chàng. Sau đó, tôi cởi vết thương đã gần làm hỏng một con mắt chàng và lấy một mảnh áo của tôi băng bó lại.

Trở lại lấy thêm nước, tôi lót nếp thấm vào mặt và cổ cho chàng cho đến khi tỉnh.

"Em mang nước lại cho anh nhé?" - tôi hỏi. "Cô là ai?" - *Kể tôi tớ hơn nơm của chàng*, tôi trả lời, rồi không khỏi nói thêm. "*Con gái tiểu vương Gôlan Kade Khan*" *Tôi hy vọng rằng trong cuộc hoạn nạn này Kesáclan sẽ mang theo tấm lòng thành của tôi dâng lên chàng và tôi sẽ giữ được một niềm vui không ai có thể tước đoạt.*

Nhưng chàng có sức ngồi bật dậy, lớn tiếng quát: "Cút đi, đứa con bất trung của một tên bố bất nghĩa. Sao ngươi dám hủy hoại tín ngưỡng của ta vào giây phút ta chết". Rồi Kesáclan tát mạnh một cái vào mặt tôi khiến tôi lao đảo, suýt ngất.

Hồi bấy giờ tôi mới mười sáu tuổi. Đấy là lần đầu tiên tôi rời khỏi khuê phòng. Tôi chưa bao giờ ra ngoài nắng cho nên mặt trời nóng bỏng chưa làm mất đi màu sắc tươi mát của đôi má. Thế mà vừa mới đặt chân ra thế giới bên ngoài, tôi đã phải nhận lấy một cái tát của chính vị thiên thần của tôi, Kesáclan.

Điếu thuốc chưa châm vẫn còn kẹp giữa các ngón tay trong khi tôi chăm chú lắng nghe, không nói một lời, không có một cử chỉ cắt ngang. Tuy nhiên, đến đoạn này, tôi không kìm nổi, thốt lên:

- Đồ súc sinh!

Ai súc sinh? - Con gái tiểu vương nổi giận hỏi. -Súc vật có từ chối nước trong lúc hấp hối không?

- Tôi xin lỗi,- tôi vội chữa. - tôi định nói: Thật là một vị thần!

- Thần ư?- người con gái cao quý thốt lên. - Thần thanh có khước từ trái tim của kẻ tôn thờ mình không?

- Đúng vậy, đúng vậy. - tôi đành lẩm bẩm như thế và lại im thinh.

Bà công chúa tiếp tục kể:

- Thoạt tiên, bị tổn thương đến tận đáy lòng, tôi thấy như thể bầu trời và cả thế giới sụp đổ xuống đầu. Tuy nhiên, chỉ một lát sau, tôi bình tâm lại và cùng bái tù xa hiện thân đó của

đạo bà La Môn, lòng tự nhủ: "Hãy người thanh khiết nhất trong đám người thanh khiết. Người không chịu nhận mảy may gì của bên ngoài, cả sự phục dịch của những kẻ không xứng đáng, cả sự hào phóng của những kẻ giàu sang, cả tuổi thanh xuân của một cô gái, tình yêu của một người đàn bà. Độc lập, cô đơn, luôn luôn thanh khiết, cách biệt không ai có thể đến gần, cho nên em càng không xứng đáng được xá thân vì chàng chăng?"

Kesáclan nghĩ gì khi nhìn thấy người con gái tiểu vương sụp quỳ sát đất sáng bái mình, tôi không biết, có nhớ nổi chăng vẫn trơ trơ bất động. Chàng, nhìn vào mặt tôi, rồi vẫn hết sức thản nhiên rút chống tay định đứng dậy. Tôi bước vội vẽ phía chàng để đỡ nhưng chàng không đến mà gì đến cử chỉ ấy, không cần ai giúp đỡ. Kesáclan cố loạng choạng bước đến cây cọc bên bờ sông, ở đó có một chiếc thuyền nhỏ, cột vào một cây cọc. Chàng tìm cách bước lên thuyền, cởi dây neo và đẩy thuyền ra giữa dòng sông. Con thuyền mang chàng trôi đi xa dần cho đến khi tôi không nhìn thấy nữa. Tất cả sự thể xảy ra quá nhanh, một khát vọng muốn được hiến dâng, sự tươi trẻ và nhiệt huyết của mình cho sự tôn sùng không ai vâng chịu nhận, trong cử chỉ ngưỡng mộ cuối cùng đối với kẻ đã tan biến vào cõi hư vô. Thế rồi, trong cảnh tĩnh mịch của cái đêm có một khung hai ấy, tôi đã muốn nhấn chìm cuộc đời vô vọng của tôi, như một cánh hoa bị bứt khỏi cuống rồi thả gian xuống dòng nước trong vắt của con sông Jumna, dưới sự soi rọi của ánh trăng. Nhưng tôi không làm được. Con thuyền mỏng manh với vật chở yêu ấy của nó bị dòng nước phẳng lặng nhẹ nhẹ đưa trôi đi khuất đã bứt tôi ra khỏi cùng tay của tử thần mà tôi mong muốn, kéo tôi lại với cuộc sống...

Đến đây, câu chuyện của người con gái tiều vương dừng lại, vì đó bà ta lại chìm vào trong những suy nghĩ miên man nên tôi không muốn khuấy động bà.

Một lúc sau, bà ta phá tan sự im lặng.

- Trong mấy ngày cuối cùng ấy, tôi dần hiểu ra rằng đối với con người không có việc gì là không thể làm nổi, không có việc gì con người không có khả năng làm.

Có lẽ ông cho rằng đối với tôi người con gái chưa hề bao giờ ra khỏi khuê phòng, thế giới bên ngoài hẳn phải đầy dẫy khó khăn. Nếu ông nghĩ vậy là không đúng. Một khi đã ra khỏi khung cảnh giam hãm kia rồi, trong thế giới mênh mông bao giờ cũng có thể tìm thấy một con đường, không phải là con đường của các tiều vương, mà là con đường người nào cũng đi qua, một con đường đầy trở ngại, đầy niềm vui và đau khổ, phức tạp vô cùng, nhưng dẫu sao nó cũng là một con đường.

Người con gái của tiều vương, một thân một mình, mang trĩu sầu muộn, đau đớn và nhục nhã, bước đi trên con đường đó như thế nào? Tại sao người con gái ấy lại không từ bỏ công cuộc tìm kiếm của mình? Toàn bộ câu chuyện là một mớ sự việc rắc rối, phức tạp, chắc không làm ông thích thú mấy cho dù tôi có cố sắp đặt lại cho thứ tự ngăn nắp để ông nghe, mà hiện nay tôi không còn hứng đâu nào mà sắp đặt lại. Như một hỏa tiễn, càng cháy tôi càng đi xa. Và trong khi bước đi tôi không cảm thấy sức nóng của ngọn lửa đó.

Bây giờ, ngọn lửa sáng chói trong cuộc vật lộn tột cùng ấy với những vực thẳm đau khổ và những đỉnh cao mừng vui của nó đã tắt ngấm, bỏ lại tôi bên vệ đường, kiệt quệ. Cuộc hành

trình của tôi đã kết thúc và cùng với nó là tất cả câu chuyện của tôi...

Bà ta lại ngừng. Nhưng trong thâm tâm, tôi lắc đầu: "Không, đây chưa phải là chỗ kết thúc của câu chuyện". Vì vậy, để bà ta nghỉ một lát, rồi tôi đánh bạo hỏi:

- Thưa *Bibi - Xahép*, nếu bà đoái rủ lòng thương tha thứ cho sự mạo muội của tôi, xin bà kể tiếp phần kết thúc câu chuyện rõ ràng hơn chút nữa, để làm dịu bớt nỗi khắc khoải trong tâm trí kẻ đầy tớ này.

Bà công chúa con gái tiểu vương bật cười. Tôi nhận thấy vốn tiếng nghèo nàn về tiếng Hindi của tôi đã đem lại kết quả chờ đợi. Nếu tôi nói thông thạo, chắc bà ta đã chẳng khi nào bộc lộ hết điều bí ẩn của lòng mình. Chính việc tôi không quen nói tiếng mẹ đẻ của bà đã được dùng làm tấm bình phong giữa bà ta và tôi.

Bà ta lại kể tiếp:

- Thỉnh thoảng tôi nhận được tin về Kesáclan, nhưng không khi nào tôi đến được tận nơi chàng ở. Chàng đã cùng với những người khởi nghĩa khác ra "bưng biền" và khi ở nơi này, khi ở nơi khác, chàng tiến công chớp nhoáng như một mũi tên rồi vụt biến đi như một tia chớp.

Tôi ăn mặc như một cô gái mới nhập đạo Hindi đến gặp *Xoanui (1)* Xivanan ở Bénarét xin thụ giáo. Tin tức khắp mọi miền đất nước đều được đưa về đến tận chân con người thánh thiện. Tôi ở cạnh người, tiếp thu sự giảng dạy của người về đạo

---

(1) – Người đứng đầu một tăng hội, đứng riêng ra cho tất cả các vị sư.

Hindi, đồng thời nhận được cả những tin tức về cuộc khởi nghĩa cho đến khi tôi được biết nó cuối cùng đã bị quân Anh dập tắt hẳn. Tin tức về Kesáclan không đến với chúng tôi nữa. Những con người dùng dằng với những chiến công vang dội như những đứa cướp chơi lòe dần dần mờ đi và chìm vào bóng tối.

Không chịu đựng nổi thêm nữa, tôi rời am của giáo sĩ thầy tôi và lại lên đường. Tôi đi khắp các thánh địa, thăm hết đền này đến đền khác mà không tìm thấy vết tích Kesáclan. Một vài người biết tiếng chàng bảo tôi là chắc chàng đã hy sinh trên chiến trường hay đã bị quân Anh bắt được giết chết. Nhưng trái tim tôi vẫn nhủ: "Kesáclan không thể chết. Ngọn lửa của đạo Bà La Môn không thể tắt. Chàng hẳn đang chờ đợi ở một nơi xa lạ không ai đến được để đón nhận sự cống hiến tình yêu của tôi"

Kinh thánh Hindi có nói đến những người Xuđra (người Hindi thuộc đẳng cấp thấp) trở thành người Bà La Môn nhờ có tri thức và lối sống khổ hạnh. Đúng là không có chỗ nào nói đến người Hồi giáo trở thành người Bà La Môn, nhưng lý do duy nhất có lẽ là bởi bấy giờ chưa có người Hồi giáo. Tôi biết còn phải trải qua rất nhiều thời gian rồi tôi mới được đoàn tụ với Kesáclan, vì trước hết tôi phải trở thành một phụ nữ Bà La Môn đã.

Những năm dài lần lượt trôi qua. Cuối cùng, trong nội tâm cũng như ở vẻ ngoài, trong tiếng nói và trong ý nghĩ, trong tình cảm và hành động, tôi đã trở thành một phụ nữ Bà La Môn, chứng minh cho dòng máu của vị tổ tiên nọ đang chảy trong người tôi. Và được hoàn toàn xác nhận bằng tâm trí của bản thân bên chân người Bà La Môn đầu tiên ấy ở buổi đầu tuổi

thanh xuân của tôi, người Bà La Môn cuối cùng ấy ở thời cuối tuổi thanh xuân của tôi, người Bà La Môn duy nhất đối với tôi trong toàn thế giới, người tôi ngời lên một ánh sáng kỳ dị cũ.

Tôi đã được nghe kể nhiều chuyện, nhiều chiến tích táo bạo của Kesáchan trong thời gian xảy ra cuộc tình biến khiến tôi rất vui sướng, nhưng cái khác sâu trong ký ức tôi là hình ảnh của kẻ đã biến đi trong cái đêm trăng nào, một mình trên con thuyền nhỏ được dòng nước Jumna lạng lẽ đưa trôi. Và từ ngày ấy, lúc nào trong óc tôi cũng hiện lên hình ảnh của gương mặt nghiêm khắc, bị tôi cuốn không sao cưỡng nổi về một điều huyền bí lớn lao nào đó, không kẻ đồng hành, không người phục dịch và cũng không muốn ai phục dịch, tự mình lo liệu hết, tâm trí ngời sáng, dưới sự chiêm ngưỡng của mặt trăng và các vị sao trong niềm khâm phục lặng lẽ.

Cuối cùng, tôi được nghe nói chàng đã thoát khỏi sự trả thù của những kẻ chiến thắng và đến nương thân ở Nêpan. Thế là tôi vội vã đi Nepan. Sau một thời gian dài tìm kiếm, tôi lại được biết trước đó ít lâu, chàng đã vượt qua các ngọn núi cao đi xa hơn nữa về phía đông, tôi không ai cho tôi biết thêm gì hơn.

Kể từ ngày đó, tôi ở lại vùng này trong dãy núi Himalaya, một nơi hoàn toàn không thích hợp với người Hindi, vì người dân Butan và Lepcha thờ những vị thần khác hẳn và có những nghi lễ, những phong tục tập quán khác hẳn. Tôi bắt đầu lo cho sự thuần khiết Bà La Môn ở tôi, kết quả của những nỗ lực suốt một đời, sự nó sẽ bị vấy bẩn. Tôi hết sức cẩn thận giữ mình khỏi bị va chạm lấy nhiễm vì tôi linh cảm con thuyền của tôi đã gần tới bến, sự hoàn thiện của đời tôi không còn xa nữa. Tôi sẽ kể gì với ông về phần kết nhỉ! Phần cuối lại là phần ngắn nhất.

trong câu chuyện. Chỉ cần thổi phù một cái là đủ làm tắt ngọn nến. Việc gì phải kể dài. Vào cuối phần sáng đẹp nhất của đời tôi, sau ba mươi tám năm trời, sáng nay tôi tới Dajilinh và gặp Kesáclan

Bà ta dừng lại.

Trong lúc nóng vội, tôi quên mất cả ý tứ:

- Gặp ở đâu? Bà thấy ông ấy như thế nào?

- Tôi gặp một Kesáclan già nua trong đám thổ dân Butan với người vợ Butan đầu tóc rối bù, cùng đám con cháu bẩn thỉu, nhếch nhác xung quanh. Ông ta ngồi ở một góc sân nhớp nhúa đang bóc vỏ đậu.

Câu chuyện của bà ta quả thực là hết.

Thấy cần phải nói đôi lời an ủi, vì vậy tôi đã mạnh dạn lên tiếng:

- Ta phải miễn thứ cho một kẻ trốn tránh, bị săn đuổi bao nhiêu năm trời, không thể chờ đợi ông ta còn giữ được hoàn toàn cái chất Bà La Môn của mình sau tất cả những thử thách đã phải trải qua.

Người con gái tiểu vương lãnh đạm đáp lại:

- Điều đó tôi khá biết. Nhưng tôi nghĩ là nghĩ về tôi, về cái ảo ảnh khó hiểu đã ám ảnh tôi, theo đuổi tôi trong suốt bao nhiêu năm trời đằng đẵng kia. Làm sao tôi có thể biết được, làm sao tôi có thể ngờ được rằng, cái tinh thần của đạo Bà La Môn đã chinh phục trái tim phụ nữ của tôi giữa lúc trái tim ấy xòe mở chỉ là một thứ tập quán, một thói quen mù quáng mà thôi? Đối với tôi, nó đã hiện ra như tôn giáo, như toàn bộ giáo

quy, như đường đi của vĩnh cửu, như chân lý muôn đời. Cử chỉ lăng nhục ghê tởm của bàn tay một người Bà La Môn ban thường cho sự tôn sùng, hiến dâng cả tâm hồn lẫn thể xác của tôi vừa mới bừng nở ra trước cuộc sống, làm sao tôi có thể chấp nhận một cách khác được nếu không coi nó là một biểu tượng thụ pháp êm ái.

Hỡi ôi, hỡi chàng Bà La Môn, chàng đã dễ dàng vứt bỏ toàn bộ những nề nếp tín ngưỡng hàng ngày để tiếp nhận những cách sống khác, nhưng còn tôi, làm sao tôi có thể thay thế được cuộc sống, tuổi trẻ mà tôi đã mất, đã phung phí?...

Người đàn bà đứng dậy, nói mấy tiếng sau đây chào tôi theo kiểu Hindi:

- Xin chào tôn ông, *Babu-Ji*.

Sau đó, định thần lại, bà chào tôi theo kiểu Hồi giáo.

- *Xalam, Babu-xahép*

Sau những lời vĩnh biệt ấy đối với các tàn tích của đạo Bà La Môn trong mình đã bị nghiền tan thành cát bụi một cách xiết bao tàn nhẫn, và khi tôi chưa kịp có một lời nhận xét, bà ta đã biến đi trong màn sương mù của dãy núi Himalaya.

Còn tôi cứ ngồi như vậy, nhắm mắt mơ màng. Những hình ảnh hiện lên trước mắt tôi, thoạt tiên là một cô gái mười sáu tuổi, ngồi trên tấm nệm dệt bằng chỉ vàng, bên cạnh khung cửa sổ nhìn xuống dòng sông Jumna, sau đó là một nhà tu nữ khổ hạnh ngồi trong sân đền, ngước con mắt thiết tha thành kính lên hình ảnh sáng ngời của thần linh trong buổi lễ chiều, rồi đến người đàn bà tuổi tác, tuyệt vọng, chìm trong màn sương mù, trái tim tan nát với các ảo ảnh rơi lả tả bên vệ đường từ

Dajilinh đi Cancơta. Tiếng nhạc nẩy ra từ sự hội tụ giữa hai trào lưu đối lập nhau là đạo Bà La Môn và đạo Hồi trong cơ thể một phụ nữ nhảy cảm, cuồng nhiệt tiếp tục ngân lên như những đợt sóng trong tâm trí tôi không biết bao nhiêu lâu.

Bừng mở mắt, tôi thấy mây đã tan và mặt trời rực rỡ đã trải nắng tràn ngập các khoảng không xanh thẳm trên dẫy núi. Những phụ nữ Anh ngồi trên xe kéo, những người đàn ông Anh cưỡi ngựa và thỉnh thoảng những người Bengan, khăn quàng quấn kín cả mũi lẫn miệng, qua lại nhìn tôi với vẻ tò mò.

Tôi đứng bật dậy. Trong thế giới trần trụi này, dưới ánh sáng bóc trần mọi việc, câu chuyện kỳ quái kia đối với tôi hình như không thật nữa. Thậm chí, tôi cũng không thể quả quyết rằng đó chỉ là một sản phẩm kỳ quái của trí tưởng tượng ở tôi, sinh ra từ sự hòa trộn giữa sương mù và khói thuốc lá; và cái pháo đài bên sông Jumna, bà công chúa Hồi giáo, chàng trai Bà La Môn làm binh biến, khác khổ và táo bạo, cùng tất cả câu chuyện này chỉ là hoàn toàn hoang tưởng

HOÀNG CƯỜNG dịch

QUAN CHÁNH ÁN

RABINDRANATH TAGORE
(NOBEL 1913)

Sau nhiều chuyện dan díu, Khirôđa tuy không còn trẻ lắm xong vẫn kiếm được một bạn trai mới để cưu mang mình, nhưng rồi chẳng bao lâu cả người này nữa cũng lại bỏ rơi chị như người ta vứt một tấm áo cũ. Chị cảm thấy ê chề, nhục nhã, và một lần nữa lại phải đi tìm một chốn nương thân khác để có miếng ăn hàng ngày.

Cũng như mùa thu, đoạn cuối tuổi thanh xuân đến với ta như một thời kỳ êm đềm, đầy quyến rũ, ở đó quả cây cuộc đời như hạt thóc đang chín vàng trong một bầu không khí êm ả, thanh thản. Những náo động của tuổi trẻ không còn thích hợp với thời kỳ này nữa. Nền tảng của cuộc đời ta ít nhiều đã được xây dựng vững chắc, nhân cách của ta đã được phát triển qua những khổ đau và vui sướng, trong một thế giới mà cái ác cũng như cái thiện đã hình thành nên tính cách ta. Đến lúc đó, ta đã rút bỏ các ước vọng của ta ra khỏi cái vương quốc kỳ ảo ở ngoài tầm tay và đặt chúng vào trong ranh giới của những sự việc có thể thành hiện thực. Ta không còn khả năng thu hút những ánh mắt choáng ngợp của một người tình trẻ, nhưng ta trở nên thân thiết hơn đối với những người quen biết cũ. Trong khi vẻ rực rỡ của tuổi trẻ chầm chậm tàn phai thì nội tâm, vốn không

biết đến tuổi già, biểu lộ trên nét mặt và trong ánh mắt, bởi đã từng trú ngụ lại những nơi đó lâu dài.

Nụ cười ánh mắt và tiếng nói, tất cả đều hòa hợp với nhau ở con người và nội tâm con người.

Ta từ bỏ hy vọng về tất cả những gì đã không đạt được, và không còn thương khóc nữa những ai đã rời xa ta.

Ta tha thứ cho những kẻ đã làm ta thất vọng, nhưng còn có những người khác ở gần ta hơn, yêu mến ta thì ta gắn bó với họ. Những người còn ở lại với ta sau những bão táp, những tang tóc, những chia ly, ta kéo họ lại và cùng nhau xây dựng những tổ ấm vững chãi, giữa tình yêu thương của các bạn bè cũ tin cẩn, chắc chắn, chính ở đó, mọi nỗ lực của ta dừng lại và các ước vọng của ta được thực hiện.

Trong buổi chiều êm ái đó của tuổi trẻ, khi đến thời gian dành cho những niềm vui yên tĩnh, không gì bi đát cho bằng lại phải bắt đầu tạo lập những mối quan hệ mới, tìm những người quen biết mới, lao vào những cố gắng phù phiếm để gây dựng những mối liên hệ mới, dốc sức vào công việc tìm kiếm mỏi mệt và không biết đến đâu là cùng để có một cái gì vững chắc.

Thật đáng buồn cho số phận của ai đó ngay đến thời kỳ này vẫn không có một chiếc giường để ngả lưng, một ngọn đèn thắp sáng đón mình lúc bước chân về nhà ban tối.

Khirôđa nay đã đến đoạn cuối của thời thanh xuân. Một buổi sáng, chị thức dậy để nhận ra người tình đã bỏ trốn hồi đêm, cuốm theo tất cả tiền bạc và các đồ trang sức của mình. Chị không còn chút gì để trả tiền thuê nhà, và cả để mua sữa cho đứa con trai mới lên ba.

Chị bỗng hiểu ra rằng trong suốt ba mươi tám năm của cuộc đời, chị đã không gây tạo được cho mình một người bạn thân nào, không có lấy một nếp nhà riêng nào để sống và để chết. Và một lần nữa, hôm nay, chị lại phải gạt nước mắt, tô hai hàng mi, quệt son lên môi, đánh phấn hồng lên má che giấu tuổi xuân tàn dưới một dáng dấp giả tạo, và kiên nhân bên bỉ đi bẫy những trái tim mới bằng những nụ cười.

Khi nghĩ đến tất cả những chuyện đó, chị không sao chịu nổi. Chị đóng cửa lại và lăn ra nhà, đập đầu xuống đất mãi không thôi. Suốt một ngày, chị cứ nằm sống soài như thế, không ăn uống, như người chết dở. Tối đến căn buồng không ánh sáng mỗi lúc một tối đen. Ngay lúc ấy, như đã từng xẩy ra, một người tình cũ đến gõ cửa gọi: "Khirô Khirô", Khirôđa lao ra ngoài cửa, tay cầm một cán chổi, gầm lên như một con hổ cái. Người bạn tình trẻ tuổi kia vội lủi mất.

Đứa con chị khóc mãi vì đói đã chui vào gầm giường ngủ thiếp đi. Tiếng động làm nó tỉnh dậy và lại khóc, gọi mẹ trong bóng tối: "Mẹ ơi, mẹ".

Khirôđa bế thốc đứa con đang khóc lên, ghì chặt vào ngực, chạy nhanh về phía cái giếng gần nhà, gieo mình xuống giếng.

Nghe tiếng rơi hàng xóm láng giềng cầm đèn chạy đến xúm quanh miệng giếng. Không để mất thời gian, họ lôi lên được hai mẹ con. Khirôđa mê man bất tỉnh còn đứa trẻ thì đã chết.

Chị được đưa vào bệnh viện và ít lâu sau bình phục. Sau đó, chị bị quan tòa khép vào tội giết người.

2

Môhit Môhan Đút là một quan tòa nghiêm khắc. Ông đòi xử thật nặng và khép chị vào tội bị treo cổ. Các thầy cãi bàn luận về tình huống xẩy ra hành động của người đàn bà tội nghiệp, cố tìm cách cứu lấy mạng chị nhưng không được. Quan chánh án dứt khoát coi chị không đáng được hưởng một sự khoan hồng nào.

Có một lý do khiến ông không thể khoan hồng.

Trước hết, ông gọi tất cả phụ nữ Ấn đều là nữ thần. Nhưng mặt khác, ông không tin một chút nào ở họ. Theo cách suy nghĩ của ông, phụ nữ có quá nhiều xu hướng phá vỡ các sợi dây gắn bó với gia đình, và chỉ cần hơi lỏng kỷ luật một chút là chẳng bao lâu sẽ không còn một người phụ nữ gia giáo nào trong cái lồng xã hội.

Còn một lý do khác khiến ông đi đến quyết định trên. Để bạn đọc được biết lý do này, chúng tôi thấy cần phải kể lại một phần tiểu sử của Môhit Môhan hồi trẻ.

Khi Môhit học năm thứ hai bậc trung học, ông hoàn toàn khác bây giờ, cả ở con người lẫn cách sống. Bây giờ, Môhit có thể khoe cái đầu hói điểm một vài sợi tóc phất phơ đằng sau đỉnh đầu và bộ mặt râu mày nhẵn nhụi. Xưa kia, với cặp kính trắng gọng vàng, bộ râu và hàng ria mép, mái tóc húi theo kiểu Anh, ông là hình ảnh của vị thần Các tích, vị thần hào hoa sang trọng của người Ấn, theo thời trang thế kỷ XIX.

Anh chàng Môhit thời trẻ chăm chút từng ly từng tí đến cách ăn mặc, không nể hà thịt rượu, và ngoài ra còn có một hai tật xấu khác đại loại như vậy

Gần nhà Môhit là nhà một ông đã đứng tuổi, nguồn thu nhập ít ỏi. Ông ở với một trong mấy cô con gái, cô góa chồng trẻ tuổi, tên là Hemsasi. Cô còn trẻ lắm vì tuổi mới xấp xỉ mười lăm.

Bờ sông xa xa với lùm cây xanh nhạt trông đẹp lung linh như tranh vẽ nhưng khi đặt chân tới nơi thì nó không còn gì mê hồn quyến rũ nữa.

Trong cảnh cô đơn góa bụa ở mảnh đất heo hút này, các quan hệ giữa người với người diễn ra ở xa như một khu vườn bí hiểm đầy lạc thú đối với Hemsasi. Cô biết đâu rằng sự hoạt động của thế giới này thật phức tạp và tàn nhẫn, và cũng đâu có biết rằng trong cái thế giới đó lẫn lộn chằng chịt những đau buồn, mệt mỏi, vui sướng, giàu sang, cũng như những mối ngờ vực, những nỗi hiểm nguy, những niềm ân hận và những khó khăn không cùng. Cô thấy cuộc sông ấy trôi đi nhẹ nhàng như một con suối trong trẻo, rì rầm. Cô những tưởng mọi con đường của thế giới trước mặt cô đều rộng rãi, thẳng tắp và huy hoàng. Cô nghĩ tất cả hạnh phúc đợi chờ ngay ngoài cửa sổ nhà mình. Chỉ có trong trái tim khốn khổ xốn xang của cô các ham muốn không được thỏa mãn mới tìm thấy chất nuôi dưỡng chúng. Ngọn gió xuân nhè nhẹ thổi vào từng thớ thịt con người cô, trái đất mênh mông được bao bọc trong một làn hơi ấm áp. Hemsasi có cảm tưởng bầu trời xanh rờn run rẩy theo mỗi rung động của trái tim cô và xung quanh hạt nhân thơm ngát này cả vũ trụ đã xòe mở các cánh hoa của nó.

Ở nhà cô chỉ có bố mẹ và hai đứa em trai. Ăn sáng xong hai đứa em đi học, trưa về ăn cơm rồi lại đi học thêm ở một trường buổi tối gần nhà. Ông bố không kiếm đủ tiền thuê riêng một thầy giáo đến nhà dạy tư

Những lúc ngơi tay công việc nội trợ, Hemsasi thường ngồi trong gian buồng cô quạnh của mình, đôi mắt buồn mơ màng nhìn người qua lại trên đường cái. Cô nghe thấy những tiếng kêu than the thé của bọn phu khuân vác đi qua. Cô tưởng như mọi khách qua đường đều vui vẻ, ngay cả những người hành khất cũng được tự do và những người bán hàng rong không phải đang vất vả, nhọc nhằn kiếm miếng ăn hàng ngày mà là những diễn viên vui sướng trong một vở kịch diễn trên sân khấu di động của cuộc đời.

Hết sáng đến chiều, lại tối, cô thấy anh chàng Môhit Môhan sang trọng ngạo nghễ đi lại với vẻ kiêu kỳ. Đối với cô, anh là hình ảnh của cái tận thiện tận mỹ của thánh thần, được Thượng đế phú cho mọi tài năng một người đàn ông có thể mong ước. An diên và điển trai, anh chàng có mọi thứ trên đời, và đáng được ban phát mọi thứ. Cũng như con búp bê trở thành người thực đối với em bé chơi búp bê, người góa phụ trẻ phủ lên Môhit một vầng hào quang tưởng tượng như thế và đùa giỡn với vị thần mà cô đã tự tạo ra.

Thỉnh thoảng vào ban tối, cô thấy nhà Môhit rực rỡ ánh đèn, nghe thấy tiếng lanh tanh nhè nhẹ của những chiếc chuông nhỏ xinh móc ở các vòng chân các vũ nữ vọng đến cùng với tiếng hát của họ. Thế là Hemsasi ngồi suốt đêm, đôi mắt thèm khát dõi theo những hình bóng chuyển động trên mặt đất. Trái tim cô bị tổn thương và đập mạnh trong ngực như con chim bị giam giữ trong lồng.

Cô không chê bai và cũng không trách móc vị thần cô đã tự tạo ra về những trò chơi phóng đãng của anh ta. Như ánh lửa thu hút các con thiêu thân, như một ảo ảnh của các vì sao, ngôi

nhà của Môhit tràn ngập ánh sáng và không khí vui vẻ, vô ưu đã hút lấy cô như thôi miên. Lời ca tiếng nhạc tạo ra một ảo ảnh thần tiên. Những ánh đèn cùng những hình bóng, những bài ca từ sân nhà bên ấy vượt sang hòa lẫn với những mơ ước và ham muốn của cô. Cứ thế cô xây lên trong óc tưởng tượng của mình một lâu đài kỳ ảo, và trong cảnh cô đơn giữa đêm khuya, cô đặt thần tượng tôn sùng của mình vào trong đó. Cô say sưa, ngây ngất chiêm ngưỡng nó, và như nén hương đốt trên bàn thờ, cô đem đốt trước hình ảnh đó tất cả tuổi thanh xuân của mình, những giờ phút vui buồn, cuộc sống ở thế giới này và thế giới bên kia, trong ngọn lửa của một khát vọng không sao cưỡng nổi.

Không bao giờ cô có thể tưởng tượng được rằng bên trong gian buồng kia, đằng sau tấm màn che của những đam mê ám ỉ có biết bao nhiêu cặn bã của mệt nhọc, hổ nhục, xấu xa và một cơn đói ghê gớm đang bốc cháy trong một làn hơi nóng bỏng tàn phá linh hồn. Từ xa, người đàn bà góa trẻ không biết rằng, đằng sau ánh đèn rực rỡ của những đêm không ngủ có một sự tàn bạo nhẫn tâm với con mắt ác độc đang đứng rình mò.

Hemsasi sẽ sống như thế suốt đời, chìm đắm trong những mơ mộng về một thiên đường giả cùng với vị thần hàng mã của cô nếu như không có chuyện bất hạnh cho cô là vị thần kia quay mặt lại, thiên đường lúc đó chạm đất, bầu trời tan ra thành mảnh vụn và kẻ đã từ bao nhiêu lâu một mình xây nên thiên đường này bây giờ bị ngã ngục, nằm sống soài trong cát bụi.

Một hôm, cặp mắt dâm dãng của Môhit nhìn vào người thiếu phụ choáng ngợp ngồi bên cửa sổ. Sau khi đã gửi cho cô

nhiều lá thư dưới cái tên giả "Binốt Chandra", anh ta cuối cùng nhận được một bức thư trả lời run rẩy, ngập ngừng, đầy những lỗi chính tả và một tình cảm sâu nặng. Ngày tháng trôi qua đầy dông tố, khi thì say sưa hoặc lo lắng, khi thì chồng chất ngờ vực hoặc hy vọng hão huyền. Trong tâm trí u mê và choáng váng của người gái góa non trẻ, thế giới cứ quay mãi không ngừng cho đến khi nó chỉ còn là một cái bóng và biến mất.

Cuối cùng, con người khốn khổ tội nghiệp kia bỗng bị văng mạnh ra khỏi cái thế giới xoay tròn tít mù của giới đàn ông và bắn ra xa tít. Chung tôi thấy không cần phải đi vào chi tiết.

Một tối, vào lúc khá khuya, Hemsasi trốn bố, trốn mẹ, trốn các em, cùng với Môhit Môham dưới cái tên giả Binốt Chandra lên một toa tầu. Thần tượng bây giờ ở ngay cạnh, với tất cả cái chất thô, những sợi rơm, cùng những vật trang trí vàng son. Ngay tức thì cô gần như phát ốm vì hổ then, hối hận, và những muốn chui ngay xuống đất vì tủi nhục.

Sau cùng, khi tầu bắt đầu chuyển bánh, cô phủ phục bên chân Môhit khóc lóc, van xin anh ta đưa về nhà, Môhit vừa lo vừa bực, lấy tay bịt miệng cô. Bấy giờ con tầu đang lao nhanh trên đường.

Những biến cố trong đời hiện lên dồn dập trong óc kẻ sắp chết đuối, toàn bộ quá khứ được nhớ lại vào giây phút khủng khiếp đó. Ở đây cũng vậy, trong ngăn buồng tối om, kín mít trên tầu, Hemsasi trải qua những giờ phút tương tự. Cô thấy lại tất cả những người thân, người cha khi nào ngồi vào bàn ăn cũng có cô ngồi bên, thằng em út thích được cô dọn cơm cho ăn khi đi học về. Hemsasi nhớ lại những lúc mẹ và cô têm trầu buổi sáng, tối đến mẹ chải đầu cho cô. Mỗi góc nhà, mỗi việc

nhỏ trong các công việc hàng ngày hiện lên thân thuộc trong óc cô. Lúc này, Hemsasi thấy cuộc sống cô đơn và ngôi nhà bé nhỏ của mình thực sự là thiên đường: têm trầu, tết tóc, quạt cho bố ngồi ăn, nhổ tóc bạc cho bô những hôm bố nghỉ, chơi đùa với hai thằng em trai, tất cả những điều đó hiện ra với cô như một hạnh phúc hiếm có, đắm chìm trong một bầu không khí êm đềm, yên tĩnh. Cô tự hỏi: tại sao với chừng ấy báu vật trong cuộc đời người ta vẫn còn có thể cần đến một thứ hạnh phúc khác?

Hemsasi nghĩ giờ này tất cả những người con gái đoan chính đang ngủ tại nhà họ. Trước kia, cô chưa bao giờ hiểu được rằng giấc ngủ như vậy là tuyệt diệu, ngủ say khỏe khoắn, trong chính gian buồng của mình, trên chiếc giường của mình trong đêm yên tĩnh. Sáng hôm sau, những người con gái ấy thức dậy tại ngôi nhà của họ, bắt tay ngay vào công việc hàng ngày không chút ngập ngừng. Hemsasi giờ đây không còn nhà, cô không biết sau đêm không ngủ này, sáng mai sẽ thức dậy ở đâu. Và ngày mai, trong buổi sáng khốn khổ ấy, cô sẽ phải nếm trải nỗi hổ nhục nào, và bao nhiêu sự lăng nhục, bao nhiêu nỗi ân hận sẽ chồng chất lên cô. Ánh nắng quen thuộc sẽ rọi chiếu xuống một ngôi nhà rất xa, ở một ngách phố nhỏ hẹp, Hemsasi òa khóc trong nỗi khắc khoải của trái tim tan nát, và kêu van, lặp đi lặp lại: "Trời còn tối, mẹ và các em tôi chưa dậy đâu, xin anh hãy đưa tôi về nhà", nhưng thần tượng của cô không thèm nghe. Nó đưa cô đi trên một toa tầu hạng hai đến cái thiên đàng mà cô đã mong ước từ bao nhiêu lâu.

It lâu sau thần tượng đó rời bỏ con tầu này lên một toa tầu hạng hai khác cũng tồi tàn như toa trước và trốn đi. Người đàn bà bị bỏ rơi chìm ngập trong tủi nhục

Đó là một trong nhiều sự việc đã diễn ra trong quá khứ của Môhit. Thêm nhiều ví dụ khác nữa sẽ làm cho câu chuyện tẻ nhạt.

Sự việc mà ông ta là nhân vật chính dưới cái tên Binốt Chandra có lẽ không còn ai nhớ nữa.

Môhit bây giờ là một người sống thanh khiết, tuân theo mọi lễ nghi của đạo Ấn một cách đều đặn, khắc khổ và dành phần lớn thời gian của mình vào việc luận bàn kinh thánh. Ông dạy dỗ con cái theo chế độ Yôga. Phụ nữ trong nhà ông bị đối xử nghiêm khắc, và để được che chở khỏi những cái xấu xa, họ bị giữ chịt trong khuê phòng, nơi mặt trời, mặt trăng và không khí thoáng đãng không được phép len vào. Vì những sai trái của mình đối với khá nhiều phụ nữ, giờ đây Môhit trừng phạt thật nặng bất kỳ người đàn bà nào phạm phải một lỗi lầm xã hội, dù là bé nhỏ.

Sau buổi kết án tử hình Khirôđa được hai hôm. Môhit vốn thích ăn rau tươi, vào vườn rau nhà tù tự tay hái những thứ rau mà ông thích. Sực nghĩ tới vụ án Khirôđa, tò mò muốn xem người phụ nữ ấy nay có hối hận hay không khi nhớ lại những tội lỗi trong quá khứ xấu xa của mình, ông rẽ vào khu nữ tù.

Từ xa Môhit đã nghe thấy tiếng cãi cọ. Bước vào phòng giam ông thấy Khirôđa đang cãi nhau với người giám thị. "Đúng là bản tính đàn bà", ông cười thầm, "cái chết kề cổ mà vẫn không thôi cãi nhau, có lẽ xuống địa ngục họ còn cãi nhau với sứ giả của Thần chết".

Môhit nghĩ bụng cần lập tức bảo cho chị ta biết điều hay lẽ phải và quở mắng thật nghiêm khắc để chị ta hối cải. Ông bước

về phái Khirôđa với ý định đạo đức đó, nhưng vừa nhìn thấy quan tòa Khirôđa đã ca thán: "Bẩm quan chánh án, con lạy quan, con xin quan bảo hắn trả lại cho con chiếc nhẫn".

Hỏi ra ông được biết Khirôđa đã giấu trong mái tóc một chiếc nhẫn, tên giám thị tình cờ nhìn thấy đã giữ lấy.

Môhit lại cười thầm trong bụng: "Một hôm nữa thôi là bị treo cổ, thế mà chị ta còn bận tâm đến chiếc nhẫn. Đúng là các đồ trang sức chiếm một chỗ lớn trong đời sống phụ nữ".

Theo lệnh Môhit, người giám thị trao lại chiếc nhẫn cho ông.

Lật đi lật lại chiếc nhẫn trong tay, ông gật bắn người như đụng phải cục than hồng. Một mặt nhẫn có khảm một bức tiểu họa, chân dung một chàng trai trẻ vẽ trên ngà, và mặt kia có dòng chữ "Binốt Chanđra" khắc bằng vàng.

Môhit thôi ngắm chiếc nhẫn và nhìn vào khuôn mặt Khirôđa. Một gương mặt khác hiện lên dĩ vãng, xa xăm, hai mươi bốn năm về trước, một gương mặt đẫm lệ, chan chứa yêu thương, rụt rè, nhút nhát. Hai gương mặt có những nét giống nhau dễ nhận ra.

Ông lại nhìn chiếc nhẫn vàng và khi ngước mắt lên, người đàn bà tội lỗi, người đàn bà sa đọa trước mặt được bọc trong một vầng hào quang. Chiếc nhẫn nhỏ bé đã biến chị thành hình ảnh sáng ngời của một nữ thần.

HOÀNG CƯỜNG dịch

TIẾNG GỌI ĐỜI THƯỜNG

KNUT HAMSON
(NOBEL 1920)

Ở gần khu cảng của Copenhagen, có một con đường tên là Vestervold, tuy mới nhưng vắng vẻ. Ở đó chỉ có vài ngôi nhà, mấy ngọn đèn hơi đốt và hầu như không người qua lại. Ngay cả lúc này, mùa hè, cũng khó mà thấy ai đi dạo ở đó.

Vậy mà, đêm qua tôi đã gặp một chuyện ngạc nhiên trên con đường ấy.

Tôi đang đi loanh quanh thì có một phụ nữ từ phía ngược đi tới. Quanh đó không bóng người. Ngọn đèn đường có đốt, nhưng vẫn tối, tối đến tôi không nhìn rõ mặt bà ta. Tôi thầm nghĩ, hẳn cũng là loài đi ăn đêm đây, và đi qua bà ta.

Đến cuối đường tôi thả bộ vòng lại. Bà ấy cũng quay lại và chúng tôi chạm mặt lần nữa. Tôi nghĩ bà ta đang chờ ai đó và bỗng tò mò muốn biết người đó là ai, thế là tôi lại đi qua bà ta.

Khi chạm mặt lần thứ ba, tôi khẽ bỏ mũ và nói:

- Xin chào bà! Chắc bà đang đợi ai?

Bà ta giật mình. Không - tức là, phải - bà ta đang đợi.

- Bà có phiền khi tôi cùng đi dạo với bà cho đến khi người ấy tới không?

Không - ít nhất bà ta cũng không phản đối điều đó, và còn cám ơn tôi nữa. Thật ra, bà ta giải thích, bà chẳng đợi ai cả. Bà chỉ muốn hít thở khí trời, mà ở đây thì yên tĩnh.

Chúng tôi đi loanh quanh bên nhau, và bắt đầu nói về đủ thứ chuyện tầm phào. Tôi giơ tay cho bà khoác.

- Không, cám ơn ông - bà ta nói, và lắc đầu.

Đi dạo kiểu này mãi thì chẳng có gì hứng thú. Tôi không nhìn rõ được bà trong bóng tối, tôi bèn đánh một que diêm để xem đồng hồ. Tôi giữ yên cây diêm và nhìn bà ta

- Chín rưỡi rồi, - tôi hỏi. - Hay ta ghé vào chỗ nào đó uống cái gì đi? Ở Tivoli nhé? Hay National?

- Nhưng, ông không hiểu là tôi không thể đi đâu được sao?

Và đến bây giờ tôi mới nhận ra bà đeo một tấm mạng đen dài. Tôi, vội vàng xin lỗi, và đổ thừa cho bóng tối khiến tôi không được rõ. Và cung cách bà nhận lời xin lỗi của tôi khiến tôi tin rằng bà không thuộc loại gái ăn đêm thường thấy

- Bà không khoác tay tôi được sao? - Tôi lại đề nghị - nó sẽ làm bà ấm hơn một chút.

Và bà khoác tay tôi

Chúng tôi lại đi lên đi xuống vài vòng nữa, bà bảo tôi xem giờ.

- Mười giờ rồi, bà ngụ ở đâu vậy?

- Ở Gamle Kongevei.

Tôi dừng bà ta lại:

- Tôi có thể đưa bà về nhà không?

- Không tiện đâu, - bà đáp. - Không, tôi không thể để ông... Ông ở Bredgade phải không?

- Sao bà biết vậy? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Ồ, tôi biết ông là ai mà, - bà ta trả lời.

Ngưng một lát, chúng tôi khoác tay nhau đi về phía những phố sáng đèn. Bà đi nhanh nhẹn, tấm mạng dài phất phơ đằng sau.

- Ta nên nhanh nhanh một chút, - bà nói.

Đến cửa nhà bà ở Gamle Kongevei, bà quay lại như để cảm ơn tôi đã đưa bà về. Tôi mở cửa cho bà và bà chậm chạp bước vào. Tôi nhẹ nhàng đẩy vai vào cánh cửa và bước vào theo. Đến bên trong, bà nắm lấy tay tôi. Cả hai đều không nói một lời.

Chúng tôi theo cầu thang vượt hai tầng lầu và dừng lại ở tầng ba. Tự tay bà mở khóa và xô cánh cửa ra, bà nắm lấy tay tôi và dẫn vào. Có lẽ đó là một phòng khách nhỏ, tôi nghe tiếng đồng hồ tích tắc trên tường. Khép cửa lại, bà ta sựng lại một chút rồi đột nhiên giơ tay ôm chầm lấy tôi và run rẩy, mê đắm hôn ngay vào môi tôi. Ngay vào môi của tôi.

- Ông ngồi xuống đi, - bà bảo. - Có cái trường kỷ đây, để tôi đi thắp đèn.

Và bà ta đốt một ngọn đèn.

Tôi nhìn quanh, bàng hoàng, nhưng lại tò mò. Tôi thấy mình ngồi trong một phòng khách rộng rãi, bài trí sang trọng với những cánh cửa khép hờ dẫn sang các căn phòng cạnh đó. Cả đời tôi cũng không thể nhận ra mình vừa tình cờ gặp loại người nào đây.

- Phòng đẹp quá! - Tôi kêu lên - bà sống ở đây hả?

- Phải, đây là nhà tôi.

- Nhà của bà à? Bà còn sống với bố mẹ hả?

- Ồ, không, - bà ta cười. - Tôi già rồi, như anh sẽ thấy đây. - Và bà gỡ tấm mạng ra.

- Đó... thấy chưa! - Bà ta nói và ôm chầm lấy tôi lần nữa, thật đột ngột, như bị thôi thúc không kìm được.

Bà ta (phải gọi là nàng mới đúng) chỉ mới khoảng hai mươi hai, hai mươi ba, có một cái nhẫn trên tay phải, và do đó hẳn đã có chồng rồi. Xinh đẹp ư? Không hẳn nàng có nhiều tàn nhang, chân mày hầu như không có. Nhưng ở nàng có vẻ gì rất sôi nổi, và đôi môi của nàng đẹp kỳ lạ.

Tôi muốn hỏi nàng là ai, chồng ở đâu, nếu quả nàng có chồng, và căn nhà này là của ai, nhưng nàng lao vào ôm lấy tôi mỗi khi tôi mở miệng và ngăn không để tôi hỏi.

- Tên tôi là Ellen,- nàng giải thích. - Ông có muốn uống gì không? Bây giờ tôi có rung chuông gọi thì cũng chẳng có ai phiền. Nhưng có lẽ mời ông qua đây, trong phòng ngủ, chờ cho một chút.

Tôi đi vào phòng ngủ. Anh đèn từ phòng khách soi qua đây phần nào. Tôi thấy hai cái giường. Ellen rung chuông và gọi rượu vang, rồi tôi nghe tiếng người hầu mang rượu vào và đi ra. Một lát sau Ellen đi vào phòng ngủ, nhưng nàng sựng lại ngay cửa. Tôi vội bước tới. Nàng khẽ kêu một tiếng nhỏ và bước lại tôi.

Đó là đêm hôm qua.

Rồi chuyện gì xảy ra? A, xin hãy kiên nhẫn! Nhiều chuyện lắm!

Đến mờ sáng hôm nay tôi mới thức dậy, ánh sáng tràn vào qua hai bên tấm màn. Ellen cũng thức giấc và mỉm cười với tôi. Đôi cánh tay của nàng trắng và mượt mà, bộ ngực vươn cao khác thường. Tôi thì thầm với nàng và nàng dùng môi để khép miệng tôi lại, hết sức dịu dàng. Ngày rạng dần.

Hai giờ sau tôi mới đứng dậy được. Ellen cũng đang lo mặc y phục, rồi nàng đi giày vào. Chính lúc đó tôi mới thấy một điều mà đến nay còn làm tôi bàng hoàng như một giấc mộng kinh khủng. Lúc đó tôi đang ở chỗ bồn rửa mặt, Ellen đã qua phòng bên cạnh làm việc vặt gì đó, và vì nàng không khép cửa nên tôi liếc nhìn được sang phòng bên. Một luồng gió lạnh thổi vào người tôi qua ô cửa sổ, và giữa căn phòng đó tôi nhìn thấy một xác người nằm dài trên bàn. Một xác chết, trong quan tài, có bộ râu xám, xác đàn ông. Hai đầu gối xương xẩu nhô lên dưới tấm vải phủ trông như hai nấm đất, khuôn mặt tái mét, nhợt nhạt một cách kinh khủng. Dưới ánh sáng ban ngày tôi nhìn rõ mọi thứ và tôi quay mặt đi, không nói nên lời.

Khi Ellen trở lại, tôi đã áo quần tươm tất và sẵn sàng đi ra. Tôi chẳng còn thần trí đâu đáp lại vòng tay ôm của nàng. Nàng khoác thêm tấm áo nữa, có vẻ như muốn đi cùng tôi xuống tới mặt đường, và tôi để nàng đi theo, vẫn chẳng nói một lời. Đến cổng dưới, nàng nép sát vào tường như sợ bị nhìn thấy

- Thôi, tạm biệt - nàng thì thầm.

- Đến mai nhé? - Tôi hỏi, phần nào vì muốn thử nàng.

- Không, mai không được.

- Tại sao không được?

- Đừng hỏi nhiều thế. Mai tôi phải đi dự đám tang, một người họ hàng vừa chết. Ông biết rồi đó.

- Thế còn ngày kia?

- Được, ngày kia, cũng ở cửa này. Mình sẽ gặp lại. Tạm biệt.

Tôi bước đi.

Nàng là ai? Còn cái xác nữa? Với bàn tay nắm chặt và khóe miệng trễu xuống như thế... thật trớ trêu kinh khủng. Ngày kia nàng sẽ chờ tôi. Liệu tôi có nên gặp lại nàng không?

Tôi đi thẳng tới quán cà phê Bernina và hỏi mượn cuốn danh bạ điện thoại. Tôi tìm xem số nhà đó, đường Gamle Kongevei như thế, như thế... và.... cái tên đây rồi. Tôi chờ một lúc tới khi người ta phát hành tờ báo buổi sáng. Tôi vội lật tới trang đăng cáo phó. Và như đã tin chắc tôi tìm thấy tên nàng ở đó, ngay dòng đầu; in chữ đậm "Chồng tôi, năm mươi ba tuổi, đã qua đời hôm nay sau một thời gian dài lâm bệnh". Lời cáo phó được ghi ngày hôm trước.

Tôi ngồi một lúc lâu và ngẫm nghĩ.

Một người đàn ông lập gia đình. Bà vợ trẻ hơn ông ta ba mươi tuổi. Ông bị một căn bệnh mãn tính dai dẳng. Một ngày đẹp trời kia ông ta chết.

Và người góa phụ trẻ thở ra một hơi dài nhẹ nhõm

PHẠM VIÊM PHƯƠNG dịch

NỖ LỆ CỦA TÌNH YÊU

KNUT HAMSUN
(NOBEL 1920)

I

Tất cả những dòng này là do chính tay tôi viết, vào ngày hôm nay, để cho lòng nhẹ bớt. Tôi đã mất việc và đánh mất luôn cả niềm vui sống. Tôi đã mất tất cả. Còn trước đó tôi đã từng làm công trong tiệm cà phê "Macximilian".

Chàng trai trong bộ vét tông màu xám tối nào cũng ghé lại quán cà phê của chúng tôi với hai người bạn. Và họ thường ngồi vào một trong số những chiếc bàn do tôi phục vụ. Quán cà phê thường rất đông khách, và khách hàng vẫn nói với tôi những lời tốt đẹp, chỉ có anh là không. Đó là một chàng trai vóc dáng cao gầy, với mái tóc màu đen mềm mại, cặp mắt xanh da trời đôi khi vẫn hướng về phía tôi, còn trên môi là hàng ria mỏng.

Rõ ràng ngay từ đầu chàng trai đã chẳng để ý đến tôi.

Trong suốt một tuần lễ tối nào chàng trai cũng đến. Tôi đã quen với sự có mặt của anh, và những lúc vắng anh tôi cảm thấy lòng mình trống vắng. Có một lần chàng trai không đến. Tôi bối rối tìm kiếm khắp quán cà phê và bất chợt nhìn thấy anh đang ngồi bên chiếc bàn đằng sau cây cột lớn, cạnh lối ra vào thứ hai. Anh ngồi cùng với cô diễn viên xiếc. Cô gái mặc chiếc áo váy màu vàng, đi đôi găng tay dài quá khuỷu. Cô gái

còn rất trẻ, cặp mắt đẹp màu nâu sẫm, còn mắt tôi màu xanh da trời.

Tôi đứng lặng trong một lát, cố lắng tai nghe những lời trò chuyện của họ. Cô gái trách móc anh về một việc gì đó, rằng anh đã làm cho cô ta phát ngán và yêu cầu anh hãy đi đi. Lạy đức mẹ đồng trinh, tôi nhủ thầm, giá anh ấy đến với mình!

Tối hôm sau chàng trai lại đến, và như thường lệ với những người bạn của mình. Họ lại ngồi vào một trong số những chiếc bàn của tôi. Tôi phải phục vụ khách ở nam chiếc bàn cả thảy. Tôi đã không chạy ngay đến chỗ anh như mọi khi, tôi đỏ mặt và làm như không nhìn thấy anh. Khi đó anh liền gọi tôi đến.

Tôi nói:

- Tối qua anh đã không đến đây

- Các bạn hãy nhìn xem, - anh nói với những người bạn của mình. - Cô hầu bàn của chúng ta có thân hình đẹp đấy chứ.

Trông cô ấy rất tuyệt.

- Các anh dùng bia? - Tôi hỏi.

- Phải, - anh đáp

Tôi không bước nữa mà chạy như bay để lấy ba vại bia.

II

Vài ngày nữa trôi qua.

Một lần chàng trai chìa cho tôi tấm danh thiếp và nói.

- Cô hãy trao tấm danh thiếp này cho cô gái kia...

Chẳng cần nghe hết câu, tôi cầm tấm danh thiếp và mang đến cho cô gái mặc áo vàng. Trên đường đi tôi đọc được tên của anh Vladimia T

Khi tôi quay lại bàn của anh, anh nhìn tôi bằng ánh mắt dò hỏi.

- Em đã trao cho cô ấy. - Tôi nói

- Không có trả lời à?

- Không.

Chàng trai cho tôi một mác và mỉm cười nói:

- Không trả lời cũng là một cách trả lời.

Suốt cả buổi tối chàng trai không rời mắt khỏi cô gái và những người bạn của cô ta. Vào lúc mười một giờ anh đứng lên và bước lại bàn của họ. Cô gái tiếp anh với vẻ lạnh nhạt, nhưng hai người bạn trai của cô ta thì ngược lại, họ trò chuyện với anh, tuôn ra những câu hỏi nhạo báng và những tràng cười hô hố. Vài phút sau chàng trai quay lại chỗ của mình và tôi nhận thấy một chiếc túi áo bành tô mùa thu của anh bị ướt vì bia. Ngay lúc ấy anh cởi áo bành tô ra rồi quay lại ném về phía bàn của cô diễn viên xiếc một cái nhìn căm tức. Tôi đã cố gắng chải lại chiếc áo bành tô thu cho anh, và anh đã mỉm cười với tôi:

- Cam ơn nô lệ.

Tôi giúp anh mặc áo bành tô và vuốt nhẹ lên lưng anh.

Anh cứ ngồi mãi như thế, đăm chiêu suy nghĩ. Một người bạn của anh gọi bia, tôi cầm lấy chiếc cốc vại và định cầm luôn cả chiếc cốc của anh nữa. Nhưng anh đã đặt tay mình lên tay tôi và nói:

- Không.

Sự đụng chạm của anh đã làm cho tay tôi như hóa đá. Anh nhận ngay ra điều đó, liền nhấc tay ra.

Đêm ấy, tôi đã qủy xuống bên giường và cầu nguyện cho anh. Tôi sung sướng hôn lên bàn tay đã được anh chạm vào.

III

Một lần anh đã tặng hoa cho tôi, cả một bó hoa lớn. Anh đã mua của người bán hoa ngay sau khi vừa bước chân vào quán. Những bông hoa tươi, đỏ thắm, cả một bó lớn, gần hết cả giỏ hoa của bà bán hoa, anh đặt bó hoa lên bàn. Hôm nay anh đến có một mình. Rành được phút nào tôi liền đứng nấp sau chiếc cột, nín thở nhìn về phía anh và nghĩ: Tên anh là Vladimia T.

Anh cứ ngồi như vậy, rất lâu, mắt luôn nhìn vào đồng hồ.

Tôi hỏi:

- Anh chờ ai à?

Anh nhìn tôi bằng ánh mắt vô hồn rồi đột nhiên đáp:

- Không, tôi không chờ ai cả. Tôi có chờ ai đâu?

- Thế mà em lại nghĩ rằng có lẽ anh đang chờ ai đó, - tôi lại nói.

- Cô lại đây, - anh nói. - Tặng cô đấy.

Và anh đã đưa cho tôi cả bó hoa.

Tôi muốn nói một câu gì đó cảm ơn anh, nhưng tôi bỗng thấy mình lạc cả giọng, chỉ lắp bắp được hai từ "Cảm ơn". Tôi đứng bên quầy hàng, dường như ngợp thở vì hạnh phúc, không nhớ phải nói gì nữa.

- Cô cần gì? - Cô gái đứng quầy hỏi.

- Thế chị không biết à? - Tôi hỏi lại.

- Làm sao tôi biết được? Cô làm sao thế, điên à?

- Chị có biết ai đã tặng cho tôi bó hoa này không? - Tôi lại hỏi.

Người quản lý đi ngang qua.

Tôi nghe ông ta nói:

- Cô đã quên mang bia cho người đàn ông đi chân gỗ đấy.

- Anh Vladimia đã tặng bó hoa này cho tôi, - tôi nói rồi vội vàng mang bia đến cho các bàn.

T vẫn chưa đi. Cuối cùng khi anh đứng lên, tôi lại cám ơn anh một lần nữa. Anh đứng lại và nói:

- Thật ra tôi mua chúng không phải cho cô.

Thì đã sao. Rất có thể anh đã mua bó hoa cho một cô gái khác, nhưng anh đã tặng cho tôi. Tôi đã nhận những bông hoa chứ không phải cô gái mà anh định tặng. Và anh đã cho phép tôi cám ơn anh. Chúc anh ngủ ngon, Viladimia.

IV

Sáng hôm sau trời mưa.

Hôm nay tôi sẽ mặc bộ áo váy nào đây - bộ màu đen hay màu xanh lá cây? - Tôi tự hỏi. Bộ màu xanh lá cây còn mới, bởi vậy tôi đã mặc bộ ấy. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc.

Tại bến đỗ xe điên có một người đàn bà đang đứng dưới mưa. Bà ta không có ô. Tôi nhường ô của mình cho người đàn bà, nhưng bà ta từ chối. Khi đó tôi liền cụp ô lại. "Bà ấy sẽ không bị ướt một mình" - tôi thầm nghĩ.

Buổi tối Vladimia lại đến quán cà phê.

- Cám ơn anh vì những bông hoa hôm qua. - Tôi kiêu hãnh nói.

- Hoa nào? - Anh hỏi lại. - Cô đừng nhắc đến những bông hoa ấy nữa.

- Em chỉ muốn cám ơn anh. - Tôi nói.

Anh nhún vai đáp:

- Không phải tôi yêu cô đâu, nô lệ ạ.

Anh không yêu tôi, thì đã sao. Tôi biết và không hề đau khổ vì điều đó. Nhưng tối nào tôi cũng được gặp anh, anh ngồi vào bàn của tôi chứ không phải bàn của người khác. Còn tôi, tôi là người mang bia ra cho anh. Mời anh, Vladimia!

Tối hôm sau anh đến muộn. Anh hỏi tôi:

- Cô có tiền không, nô lệ?

- Rất tiếc là không, - tôi đáp. - Em là cô gái nghèo.

Anh nhìn tôi mỉm cười và nói:

- Cô không hiểu ý tôi rồi. Tôi chỉ cần mượn tạm ít tiền đến ngày mai thôi.

- Ở nhà em còn một trăm ba mươi mac.

- Ở nhà chứ không phải ở đây à?

Tôi đáp:

- Anh hãy chờ mười lam phút nữa, quán đóng cửa, em sẽ mang đến cho anh.

Anh chờ đúng mười lăm phút và chúng tôi cùng về với nhau.

- Tôi chỉ cần một trăm mác thôi, - anh nói.

Anh không ngần ngại bước cạnh tôi trên suốt quãng đường, không đi trước hoặc đi sau như những qúy ông sang trọng khác.

- Em có một căn phòng nhỏ xíu, - tôi nói khi hai người về đến nhà tôi.

- Tôi sẽ không lên với cô đâu, - anh nói.- Tôi sẽ chờ ở đây.

Anh đứng chờ tôi.

Khi tôi quay xuống, anh liền đếm tiền rồi nói:

- Ở đây có hơn một trăm mác. Tôi "buốc boa" cho cô mười mác. Đúng vậy, tôi muốn cho cô mười mác.

Anh chìa cho tôi mười mác và nói: "Chúc ngủ ngon" rồi đi ngay. Tôi thấy anh dừng lại ở góc phố và cho bà lão ăn mày thọt chân một đồng silinh.

V

Tối hôm sau anh nói với tôi rằng, rất tiếc là anh chưa thể trả món nợ cho tôi được. Tôi cám ơn anh vì anh chưa trả nợ cho tôi. Anh cởi mở tiết lộ cho tôi biết, anh đã phung phí hết số tiền ấy rồi.

- Biết làm sao được, nó lệ! - Anh nói. - Cô biết đấy, cũng chỉ vì cô gái áo vàng thôi!

- Tại sao cậu lại gọi cô hầu bàn của chúng ta là nô lệ? - Một người bạn của anh hỏi. - Cậu còn nó lê hơn cô ta đấy.

- Các anh uống bia chứ? - Tôi hỏi để cắt ngang cuộc nói chuyện của họ.

Lát sau cô gái mặc áo vàng bước vào. T đứng dậy, nghiêng mình chào. Anh nghiêng mình thấp đến nỗi mái tóc xòa xuống mặt. Cô gái bước ngang qua và ngồi vào chiếc bàn trống, sau đó cô ta kéo hai chiếc ghế khác, xoay lưng của chúng vào mép bàn, ý muốn nhắc cho mọi người biết cô không muốn ngồi với ai. Mặc dù vậy, T vẫn bước đến bàn của cô ta, ngồi vào một trong hai chiếc ghế. Sau vài phút anh đứng dậy và nói to:

- Thôi được rồi, tôi sẽ đi và không bao giờ quay lại nữa.

- Cám ơn. - Cô ta nói.

Tôi cảm thấy đất như sụt dưới chân mình vì hạnh phúc. Tôi chạy lại chỗ quầy và bắt đầu kể lể, hình như tôi đã nói rằng, anh sẽ không bao giờ quay lại với cô ta nữa. Ông quản lý đi ngang qua, khiển trách tôi bằng một giọng gay gắt, nhưng tôi chẳng thèm để ý.

Khi quán đóng cửa, T đã tiễn tôi về nhà.

- Cô hãy đưa cho tôi năm mác trong số mười mác tôi đã cho cô hôm qua. - Anh nói.

- Tôi đề nghị anh cứ lấy luôn cả mười mác, anh đã lấy cả mười nhưng "buốc boa" lại cho tôi năm mác và không muốn nghe những lời từ chối của tôi.

- Hôm nay em hạnh phúc quá, - tôi nói. - Giá như em có thể mời anh lên phòng, nhưng phòng của em chật lắm.

- Tôi không lên đâu, - anh nói. - Chúc cô ngủ ngon.

Rồi anh đi ngay. Anh đã quên bố thí cho bà lão ăn mày đứng ở góc phố mặc dù bà lão đã chìa tay ra. Tôi liền chạy lại chỗ bà lão, cho bà một đồng xu và nói:

- Đây là của chàng trai mặc bộ đồ màu xám vừa đi ngang qua.

- Chàng trai mặc bộ đồ màu xám à? - Bà lão ăn mày hỏi lại.

- Phải, của chàng trai có mái tóc màu đen ấy. Của anh Vladimia.

- Cô là vợ của anh ấy sao?

- Không, tôi là nô lệ của anh ấy. - Tôi đáp.

VI

Mấy tối liền anh nhắc đi nhắc lại với tôi rằng, anh rất tiếc chưa thể trả tiền cho tôi được. Tôi xin anh đừng xúc phạm tôi vì việc ấy. Anh nói to đến nỗi mọi người xung quanh đều nghe được, và nhiều người đã cười nhạo anh.

- Tôi là thằng khốn nạn, là đồ vô lại, - anh nói. - Tôi đã vay tiền của cô mà không trả được. Tôi sẵn sàng cho người ta chặt đứt cánh tay phải để lấy năm mươi mác.

Tôi cảm thấy khiếp hãi vì những lời anh nói, tôi cố vắt óc nghĩ xem có thể kiếm tiền cho anh bằng cách nào. Nhưng tôi không biết kiếm ở đâu cả.

Một lát sau anh lại nói với tôi:

- Nếu cô muốn biết có chuyện gì xảy ra, thì đây, cô gái áo vàng đã ra đi cùng với đoàn xiếc của mình rồi. Và tôi đã quên cô ta, thậm chí cũng chẳng thèm nhớ đến cô ta nữa.

- Nhưng dù sao thì hôm nay cậu lại viết thư cho cô ta, - một người bạn của anh nói.

- Lần cuối cùng, - Vladimia đáp.

Tôi mua một bông hồng của người bán hoa. Tôi muốn gài vào ve áo của anh, nhưng hơi thở của anh cứ mơn man trên làn da tay làm tôi loay hoay mãi mà không sao tìm được cái khuy áo.

- Cám ơn, - anh nói.

Tôi hỏi người đứng quỹ vài mác mà quán còn thiếu của tôi rồi đưa hết cho anh. Số tiền quả là ít ỏi.

- Cám ơn, - anh lại nói.

Tôi cảm thấy hạnh phúc suốt cả buổi tối cho đến khi anh nói:

- Tôi sẽ ra đi bằng số tiền này. Sau một tuần nữa tôi sẽ trả lại cho cô, cô sẽ nhận được tiền của mình...

Nhận thấy sự xúc động của tôi, anh liền nói thêm:

- Tôi yêu cô, - tôi anh nắm lấy tay tôi.

Tôi vô cùng sửng sốt trước quyết định ra đi của anh, mặc dù tôi đã hỏi nhưng anh không nói sẽ đi đâu. Tiệm cà phê, những chùm đèn trần và vô số những khách hàng - tất cả như bồng bềnh trước mắt tôi. Không kìm nổi, tôi liền nắm lấy tay anh.

- Sau một tuần nữa tôi sẽ trả tiền lại cho cô. - Anh nói rồi đột ngột đứng dậy.

Tôi nghe thấy người quản lí nói:

- Cô nên đi tìm một chỗ làm khác.

"Thì đã sao, - tôi nghĩ - Có nghĩa lí gì đâu!".

Sau một tuần nữa Vladimia sẽ trở về với mình!". Tôi muốn cám ơn anh vì điều đó nhưng khi tôi quay lại anh đã bỏ đi.

VII

Một tuần sau, buổi tối khi trở về nhà tôi nhận được một bức thư của anh. Anh viết, anh đã đi tìm cô gái mặc áo vàng nhưng vô vọng, rằng anh không thể trả lại tiền cho tôi vì đã thành một kẻ bần hàn. Anh lại tự nguyền rủ mình là đồ hèn hạ, bên dưới anh viết thêm: "Tôi là nô lệ của cô gai áo vàng".

Tôi đã khóc suốt cả một ngày đêm. Tôi không biết phải làm gì nữa. Một tuần sau tôi bị đuổi việc và bắt đầu đi tìm chỗ làm mới. Hết ngày này sang ngày khác tôi gõ cửa các tiệm cà phê và khách sạn, gọi điện các gia đình giàu có, nhưng đều vô hiệu.

Một đêm đã muộn, tôi mua một tệp báo hạ giá và vừa đi vừa đọc tất cả các thông báo. Tôi nghĩ: Rất có thể mình sẽ tìm được một công việc nào đó và sẽ cứu được cả hai, cả anh và cả mình...

Tối hôm qua tôi đã bắt gặp tên anh trên báo và đã đọc tất cả những gì người ta viết về anh. Ngay sau đó tôi vùng chạy ra đường, lang thang trên các phố, cho đến tận sáng mới quay về. Rất có thể tôi đã ngủ ở đâu đó, mà cũng có thể tôi đã ngồi bất động trên bậc cầu thang. Tôi không nhớ nữa.

Hôm nay tôi đã đọc lại mẩu tin đó, lần đầu tiên tôi đọc nó là vào tối hôm qua. Tôi run rẩy đổ vật xuống ghế. Sau đó không hiểu sao tôi thấy mình đang ngồi bệt trên sàn, dựa người vào

thành ghế. Tôi cứ đập mãi hai tay xuống sàn, miên man suy nghĩ, mà cũng có thể tôi chẳng nghĩ gì cả. Trong đầu trống rỗng, tôi chẳng nhớ gì nữa. Sau đó, hình như tôi đã đứng lên và bước ra khỏi nhà. Ở góc phố, tôi nhớ mình đã cho bà lão ăn xin một đồng xu và nói:

- Đây là của chàng trai mặc bộ đồ màu xám. Bà cũng biết anh ấy.

- Cô là vợ chưa cưới của anh ấy à? - bà lão hỏi.

- Không, tôi là vợ góa của anh ấy, - tôi đáp.

Tôi đã lang thang trên đường phố cho đến tận sáng Còn bây giờ tôi đang đọc lại những dòng này. Tên của anh là Vladimia T.

ĐÀO MINH HIỆP dịch

LUIDƠ BÉ BỎNG

THOMAS MANN
(NOBEL 1929)

Có những cặp nên vợ nên chồng kỳ lạ đến nỗi óc tưởng tượng văn học lão luyện nhất cũng không tài nào hình dung nổi. Người ta đành phải chấp nhận chúng như khi trong rạp hát người ta chấp nhận những sự kết hợp oái oăm giữa tuổi già và tài năng với vẻ đẹp và sự tươi trẻ, những thứ được đặt ra như điều kiện có trước; tạo cơ sở cho một kết cấu mang tính toán học của một dàn cảnh.

Còn nói đến bà vợ ông luật sư Yacôby ư, bà ta quả là trẻ và đẹp, một người phụ nữ với những vẻ quyến rũ khác thường. Cách đây cứ cho là ba chục năm, ba ta đã được làm lễ đặt tên theo những cái tên Anna, Macgaret, Rosa, Anialie, nhưng bằng cách nối những chữ cái đầu của chúng lại, từ bấy đến nay người ta chẳng gọi bà ta bằng cái tên nào khác ngoài cái tên Amra lạ tai, phù hợp với tính cách của bà ta hơn bất cứ một cái tên nào. Bởi vì mặc dù mái tóc thô sợi, mềm mại - mà bà ta rẽ ngôi lệch trên cái trán hẹp xõa xuống hai bên - chỉ có màu nâu của hạt dẻ, thì nước da của bà ta vẫn cứ để lộ một màu vàng dịu hoàn toàn theo kiểu phương nam và sẫm màu, làn da đó phủ lên cái hình thể lõ lô cũng chín mọng như vậy bởi mặt trời phương nam; và với cái vẻ sum sê sung sức của cây cỏ mà lại thiếu hoạt động, hình thể ấy gợi nhớ đến một vị nữ hoàng hôi giáo. Dung vơi ấn tượng mà thể xác cử động có vẻ uể oải của bà ta gây ra, lý trí của bà ta rất có thể bị con tim chế ngự. Bà ta chỉ cần nhìn vào người nào đó mỗi một lần thôi với đôi mắt nâu ngây ngô của mình, bằng cách rướn đôi lông mày đẹp nằm ngang trên cái trán hẹp theo một kiểu rất độc đáo khiến người ta phải nao lòng và thế là người ta biết được điều đó. Nhưng chính bà ta, bà ta cũng chưa đủ ngốc để mà không biết điều này. Chẳng cầu kỳ gì, bà ta cô không để lộ mình bằng cách rất hiếm khi mới nói và nói rất ít. Đối với một người đàn bà đa đẹp lại làm thinh, thì chẳng còn lấy một điều gì để mà chê nữa cả. Ở cái từ "ngốc" chác hẳn là hết sức thiếu chính xác để lột tả bà ta. Anh mắt của bà ta không phải chỉ ngốc nghếch mà còn mang một vẻ xảo quyệt dâm đãng nào đó, và người ta hẳn cũng nhận thấy rằng bà ta không phải đến mức sẵn sàng gây ra những tai họa chẳng lành... Ngoài ra khi trông nghiêng, cái mũi của bà ta có

lẽ là hơi thô và mập quá, nhưng cái miệng tươi mọng và rộng của bà ta thì thật là đẹp tuyệt, mặc dù nó chẳng mang một nét biểu hiện nào khác cả, ngoài biểu hiện về mặt nhục dục.

Vậy là người đàn bà đáng ngại này làm vợ của ông luật sư trạc bốn mươi tuổi Yacôby, và ai trông thấy ông ta cũng đều kinh ngạc. Ông ta béo phì, cái ông luật sư ấy, ông ta lại còn hơn cả béo phì nữa cơ, ông ta đích thực là một gã đàn ông khổng lồ! Đôi chân thường xỏ vào hai ống quần màu xám tro của ông ta nom chẳng ra hình thù gì, cứ hệt như hai cái cột đình làm người ta liên tưởng đến những cái chân của một con voi, cái lưng phồng lên, nung núc những mỡ của ông ta là lưng của một con gấu, và phủ lên cái bụng tròn quay to đến dị thường của ông ta là một chiếc áo vét nhỏ màu xanh xám nom rất khác thường mà ông ta hay mặc, cố gắng lắm mới cài được lấy một chiếc khuy nên nó liền bung ngay ra hai bên và tụt xuống đến tận vai mỗi khi chiếc khuy bị buột ra. Trên tấm thân đồ sộ hầu như không có đoạn nối tiếp của một cái cổ, ấy vậy lại nằm ngay ngắn một cái đầu tương đối bé, với đôi mắt nhỏ, hím híp và ướt át, cái mũi ngắn, mập và đôi má phì phị xệ xuống mà ở giữa hai cái má đỏ cái miệng tí xíu với hai khóe miệng trễ xuống râu ri chẳng còn nhìn thấy đâu cả. Cái sọ tròn cũng như bên trên mép phủ đầy những sợi lông vàng sáng mau thưa thớt và cứng, để cái phần da không được che đậy gì cứ lộ ra bóng nhẩy ở khắp chỗ như da của một con chó được cho ăn đầy quá . Ôi dào! Cả thiên hạ cũng phải nhận rõ là cái thân thể phì nộn của ông luật sư chẳng có gì là mạnh khỏe cả. Cái cơ thể không lồ cả về chiều ngang, lẫn chiều dài của ông ta quá uc ịch chẳng có một tí cơ bắp nào và thường thường người ta có thể quan sát thấy một cơn nhồi máu đột ngột trào lên trên khuôn mặt hùm hụp của

ông ta để rồi cũng đột ngột như vậy nó lại nhường chỗ cho một cơn làm cho mặt mày ông ta tái nhợt, vàng ệch, trong lúc cái miệng của ông ta méo xệch lại một cách khổ sở.

Việc hành nghề của ông luật sư rất hạn chế, nhưng vì ông ta có được một gia tài khấm khá một phần nhờ bên vợ, nên cặp vợ chồng - nói thêm là không có con cái gì cả - ở cả một tầng gác đầy đủ tiện nghi tại phố Kaidơ và duy trì một quan hệ xã giao rất nhộn nhịp, mà chắc chắn chỉ là theo ý thích của bà Amra, bởi vì không thể nào cái ông luật sư, con người dường như chỉ tham gia vào mọi chuyện với một tâm trạng bị hành hạ, lại cảm thấy sung sướng vào những lúc như vậy. Tính cách của người đàn ông béo phệ này thật hết sức kì dị. Không có một người nào đối với tất cả thiên hạ lại lịch sự hơn, xởi lởi hơn, nhũn nhặn hơn là ông ta. Nhưng có thể chả phải nói ra, người ta đều nhận thấy cái thái độ đối xử quá ư thân thiện và xun xoe của ông ta là bị ép buộc bởi những nguyên do nào đó, nó dựa trên một tính khí nhu nhược và một tâm trạng bất ổn, và người ta cảm thấy bị xúc phạm đến khó chịu. Không có ánh mắt nào xấu xa hơn ánh mắt của một người tự khinh bỉ chính bản thân mình, một kẻ đã vậy - do hèn nhát và kiêu ngạo - lại vẫn cứ muốn tỏ ra đáng yêu và thích làm đẹp lòng người khác: và đối với ông luật sư, theo tôi thừa nhận thì chẳng khác gì như vậy cả, một con người co rúm lại, gần như quá quỵ lụy ở mức độ khá dễ giữ được cái danh dự cá nhân cần thiết. Ông ta có thể nói được với một *mơ đam* mà ông ta mời vào bàn ăn như thế này: "Thưa quý bà, tôi là một con người tai quái, nhưng xin bà rủ lòng tốt mà .." Và cái câu ông ta nói ra chẳng phải tài cán gì trong việc tự giễu mình, mà nghe ngọt phát khé cổ, thảm hại và ghê tởm. Cái giai thoại sau đây, tương tự như vậy cũng dựa

trên sự thật: Ngày nọ, khi ông luật sư đang đi dạo, một lão người ở lỗ mãng kéo một chiếc xe chẹt rô mạnh vào chân ông ta. Lão dừng xe lại quá muộn và quay mặt lại. Ngay lập tức, ông luật sư, - hoàn toàn bối rối chẳng còn biết làm gì, mặt mày nhợt nhạt với hai gò má giật giật, - kéo sụp hẳn cái mũ xuống và lắp bắp: "Xin ông tha lỗi cho tôi". Lên cơn phẫn nộ như vậy đấy. Nhưng cái ông khổng lồ kỳ dị này dường như lúc nào cũng bị lương tâm xấu xa dày vò. Khi cùng bà vợ xuất hiện trên "Núi Sơn Ca", chỗ dạo mát chủ yếu của thành phố, giữa lúc thăng hoặc mới đưa một cái nhìn bên lên về phía bà Amra đang bước những bước nhún nhẩy tuyệt vời, ông ta chào hỏi khắp xung quanh thật hết sức nhiệt tình, sợ sệt và đon đả, cứ như ông ta cảm thấy có như cầu phải hạ mình cúi đầu trước mỗi một viên trung úy và xin lỗi rằng ông ta, chính ông ta, là người đang hưởng quyền sở hữu đối với người phụ nữ xinh đẹp đó, và cái miệng của ông ta có vẻ xun xoe khôn khổ như thể muôn van xin người ta đừng nhao báng mình.

Thế là phân nào cũng rõ: tại sao Amra lại lấy ông luật sư Yacôby; sự thế là như vậy. Nhưng về phần mình, ông luật sư lại yêu vợ, với một tình yêu quá đỗi nông nàn, một tình yêu như vậy hẳn rất hiếm thấy ở những người có vóc dáng như ông ta, và quá đỗi quỵ luỵ, đây sơ sết, nó thật phù hợp với phần bản tính còn lại của ông ta. Rất nhiều lần, vào những lúc đêm khuya, khi Amra đã đi nằm trong phòng ngủ lớn có những ô cửa sổ cao được treo những tấm rèm điểm hoa, gập nếp, thì ông luật sư bước vào, nhẹ nhàng đến mức người ta không nghe thấy tiếng bước chân, mà chỉ nghe có tiếng rung chuyển chậm chãm của sàn nhà và của các thứ đồ gỗ, tiến đến cái giường nang nê của bà ta, quỳ xuống và cầm lấy tay bà ta với một sự

thận trọng vô hạn. Amra, trong trường hợp như vậy, thường rướn cao đôi lông mày trên trán, và lẳng lặng với vẻ độc ác dâm đục, bà ta quan sát ông chồng khốn lỗ bấy giờ phủ phục trước mặt mình trong ánh sáng yếu ớt của chiếc đèn ngủ. Còn ông ta, đôi tay lóng ngóng, vừa run rẩy thận trọng vén tay áo của bà ta lên vừa áp khuôn mặt béo phị và râu rỉ của mình vào cái khuỷu mềm mại của cánh tay đầy đà mầu nâu ngà, đúng chỗ những mạch máu nhỏ mầu xanh hiện trên nước da sẫm mầu. Ông ta bắt đầu nói bằng một giọng nghẹn ngào và thổn thức mà một người mà ta có thể hiểu được đăng ra thường không nói như vậy trong cuộc sống hàng ngày. "Amra", ông ta thì thầm. "Amra yêu dấu của anh! Anh không quấy rầy em đấy chứ? Em chưa ngủ à? Lạy chúa, suốt ngày anh cứ nghĩ mãi một điều rằng em mới đẹp làm sao và anh yêu em biết nhường nào! . Em hãy chú ý nhé, điều mà anh muốn nói với em (diễn đạt được điều đó thật khó quá .. anh yêu em nhiều lắm, đến nỗi con tim anh nhiều khi thót lại và anh chẳng biết là anh phải đi đâu nữa, anh yêu em quá cả sức của anh! Em hẳn là không hiểu được điều đó đâu, nhưng em sẽ tin anh như vậy, và em phải nói với anh, ít một lần thôi, rằng em cũng sẽ hàm ơn anh ti chút về điều đó, bởi vì, em thấy đấy, một tình yêu như vậy, như tình yêu của anh đối với em, có cái giá trị của nó trong cuộc sống này - và rằng em sẽ không bao giờ phản bội và lừa dối anh, ngay cả khi em thậm chí không thể yêu anh được, nhưng do hàm ơn, chỉ do hàm ơn thôi. . Anh đến với em, để cầu xin em điều đó, cầu xin hết sức nhiệt thành, hết sức thiết tha..." Và những lời diễn đạt kiểu ấy thường kết thúc bằng cái cảnh ông trưởng sự cứ nằm nguyên ở tư thế như vậy, không hề nhúc nhích, bắt đầu khóc tỉ tỉ và tức tưởi. Vậy mà Amra lại lấy làm

động lòng, đưa tay vuốt những sợi lông đầu của ông chồng và nói rất nhiều lần với cái giọng kéo dài, an ủi và nhạo báng mà người ta nói với một con chó khi nó đến để liếm chân mình: "Ờ! - Ờ! - Ngoan lắm!"

Cách cư xử đó của Amra chắc hẳn không phải cách cử xử của một người đàn bà có đạo đức. Và lại cũng đã đến lúc tôi nói toạc sự thật ra cho nhẹ người, cái sự thật mà cho đến bây giờ tôi vẫn giữ lại, cái sự thật thế này; rằng bà ta thế mà lại đã phỉnh gạt ông chồng, rằng bà ta, tôi nói, đã lừa dối ông ta, và cụ thể là với một tay tên là Anphơrêt Loitơnơ. Tay này là một nhạc sĩ trẻ có năng khiếu, nhờ những bản nhạc mua vui nho nhỏ, mới hai mươi bảy tuổi đầu đã tạo cho mình một danh tiếng khá đẹp đẽ, một con người dong dỏng với bộ mặt trơ tráo, mớ tóc vàng buông lơi và những tia cười ánh lên ở trong đôi mắt, nom rất đắc ý. Gã thuộc vào cái loại những tiểu nghệ sĩ nọ của thời nay, những kẻ chẳng đòi hỏi ở mình nhiều lắm, mà trước tiên là muốn trở thành những người hạnh phúc và đáng yêu, sử dụng chút tài mọn dễ ưa của mình để tang sự đáng yêu của cá nhân lên, và trong xã hội thì lại thích chơi cái trò vĩ đại ngây ngô. Trẻ con một cách cố tình, vô đạo đức, chẳng ngần ngại điều gì, vui vẻ, tự mãn theo cách riêng, và vẫn đủ lành mạnh để có thể tự lấy làm thích thú trong những căn bệnh của mình, cái tính kiêu căng của họ thực tế vẫn đáng yêu chừng nào nó còn chưa hề bị tổn thương. Thế nhưng hãy coi chừng những con người may mắn tầm thường, những tay diễn viên hý kịch này, một khi có điều bất hạnh hẳn hoi ập đến với họ, một sự đau khổ mà họ không muốn để nó đùa cợt với mình, một sự đau khổ không còn có thể làm họ đắc ý được nữa. Họ sẽ không hiểu được là phải chịu đựng bất hạnh một cách đàng hoàng, họ

sẽ chẳng còn biết phải "bắt đầu" thế nào với sự đau khổ nữa, họ sẽ suy sụp hẳn... Chỉ riêng điều đó không thôi tự nó cũng đã là cả một câu chuyện rồi. Ông Loitơnơ làm ra những thứ khá hay ho. Những bản Vanxơ và những bản Mazyôka là chủ yếu, mà sự vui thú do chúng mang lại hơi bình dân quá cái mức (theo như tôi hiểu về điều này) để nhẽ ra chúng đã có thể được xếp vào hạng "Âm nhạc", giá như không phải bất cứ một bản nhạc nào trong số những bản nhạc này cũng đều chứa đựng một đoạn nhỏ nhỏ đọc đáo, một đoạn chuyển tiếp, một đoạn phụ họa, một đoạn chuyển hòa âm, một tác động bối rối nhỏ nhỏ như thế nào đó, bộc lộ cái tinh khôi hãi và sáng tạo mà dường như vì chúng mà những bản nhạc đó được làm ra, là cái đã làm cho những bản nhạc đó trở nên thú vị đối với cả những người sành sỏi nghiêm túc. Rất nhiều khi hai nhịp đơn điệu này, bản thân nó mang nét gì đó u buồn mà sâu muộn đến kỳ lạ, lại vang lên một cách đột ngột, và nhanh chóng lắng đi trong không khí vũ trường náo nhiệt của những bản nhạc nhỏ nhỏ.

Thế mà đối với tay đàn ông trẻ này, Amra Yacôby lại ấp ủ một thiện cảm cháy bỏng đáng để bị trừng trị, còn về phần mình, gã này cũng không đủ đạo đức để cưỡng lại những sự quyến rũ của bà ta. Người ta gặp nhau nơi này, người ta gặp nhau nơi kia, và một mối quan hệ không e dè gì nữa đã gắn bó cả hai lại với nhau kể từ nhiều năm tháng. Một mối quan hệ mà cả thành phố đã biết và cả thành phố đã bàn tán sau lưng ông luật sư. Còn đối với con người vừa được nhắc tới này thì sao? Amra quá ngu đần không hề cảm thấy bị lương tâm xấu xa dày vò và vì thế cũng không để lộ ra với chồng. Còn ông luật sư, dù con tim lúc nào cũng bị những nỗi lo lắng và sợ hãi đe

nặng đến mấy, cũng không thể mảy may nảy ra một ý nghĩ ngờ vẽ vợ mình. Điều này cứ như là đã được thỏa thuận hoàn toàn.

Giờ đây, để làm rõn ràng con tim mỗi người, mùa xuân đã ập đến khắp vùng, và Amra nảy ra một ý nghĩ hết sức đáng yêu. "Cơritxtian", bà ta nói. Ông luật sư tên là Cơrixtian. "Chúng mình sẽ làm một buổi liên hoan, một buổi liên hoan thật to để mừng bia xuân mới ủ xong - tất nhiên là hoàn toàn đơn giản thôi, chỉ có món thịt bê rán nguội, nhưng phải có mặt thật đông người"

"Chắc chắn rồi", ông luật sư trả lời. "Thế nhưng chúng mình hoãn nó lại, có lẽ là ít lâu, có được không em?"

Sau câu nói đó, Amra không trả lời gì cả, mà lập tức đi ngay vào những việc cụ thể

"Sẽ có rất nhiều người đến dự, anh biết chứ, nên gian phòng của chúng mình ở đây sẽ trở nên quá chật chội, chúng mình phải thuê lấy một nhà hàng, mà khu vườn, một gian phòng lớn kế từ ngoài cổng trở vào để có đủ chỗ và đủ thoáng. Cái đó rồi anh sẽ hiểu. Ngay từ đầu em đã nghĩ ngay đến gian phòng lớn của ông Vendêlin nằm dưới chân núi Sơn Ca. Gian phòng này đang rảnh và được nối chính với nhà hàng và xưởng bia bằng một hành lang. Người ta có thể trang trí nó theo kiểu ngày hội, có thể kê những dãy bàn dài vào đó và uống bia xuân. Người ta có thể nhảy ở đó và chơi nhạc, có lẽ cả diễn kịch một chút nữa, vì em biết ở đó có một sân khấu nhỏ - điểm mà em đặc biệt coi trọng... Ngắn gọn thế này: Đó phải là một buổi liên hoan hoàn toàn độc đáo và chúng mình sẽ cùng giải trí một cách thật tuyệt vời".

Cái mặt của ông luật sư trong suốt lúc trò chuyện đã có hơi bệch ra, và hai khóe miệng của ông ta giần giật xuống phía dưới. Ông ta nói:

"Từ trong thâm tâm, anh rất vui mừng, đón chờ điều đó. Anh biết là anh được phép phó mặc mọi chuyện cho sự khéo léo của em. Anh xin em, hãy tiến hành những công việc chuẩn bị..."

Và Amra tiến hành những công việc chuẩn bị. Bà ta bàn bạc với những ông nọ, bà kia, bà ta đích thân đi thuê lấy gian phòng lớn của ông Vendêlin, bà ta thậm chí còn thành lập ra một cái kiểu như tiểu ban bao gồm các quý vị, được yêu cầu hoặc tự nguyện tham gia đóng góp vào những tiểu mục trình diễn vui nhộn để tô điểm thêm cho buổi liên hoan. Tiểu ban này chỉ gồm các bậc mày râu, rồi mới đến bà vợ ông diễn viên cung đình Hindơbơrant, ông trợ giáo Vitxơnaghen, một ông họa sĩ trẻ và ông Anphơrét Loitơnơ cũng được tính vào số đó. Không kể một vài cậu sinh viên - được thâu nạp thông qua ông trợ giáo và để trình diễn những điệu nhảy của người da đen.

Tám ngày sau khi Amra đưa ra quyết định của mình, tiểu ban này nhằm mục đích trưng cầu ý kiến, đã nhóm họp tại phố Kaidơ, tại phòng khách của Amra, một gian phòng nhỏ, ấm áp, trang bị đầy đủ: một tấm thảm dày, một tràng kỷ dài Ottôman với nhiều những tấm đệm, một cây cọ xòe, những chiếc ghế bành bọc da theo kiểu Anglê và một cái bàn theo kiểu Mghagani với những cái chân khuỳnh, bên trên trải một tấm khăn bàn bằng nhung với vô số những đồ quý giá hào nhoáng. Lại còn có cả một cái lò sưởi được đốt lên cho ấm áp chút, trên cái bệ đá màu đen bày biện cái đa với những lát bánh mỳ được phết một lớp bơ mỏng, những chiếc cốc và hai cái bình đựng

rượu Sery. Amra, hai chân vắt nhẹ lên nhau, tựa lưng vào cái đệm của chiếc tràng kỷ Ottôman đặt dưới bóng cây cọ xòe, trông xinh đẹp như một bầu trời đêm ấp áp. Một chiếc áo sơ mi bằng lụa sáng màu và rất mỏng mảnh trùm lên bộ ngực của bà ta, nhưng cái váy của bà ta lại bằng một thứ vải thô nặng, sẫm màu, có thêu những bông hoa lớn, thỉnh thoảng bà ta lại đưa tay gạt mái tóc màu hạt dẻ ra khỏi vầng trán hẹp.

Bà Hintơbơrant, nữ ca sĩ, cũng cùng ngồi cạnh trên cái tràng kỷ Ottôman, bà này có mái tóc màu hung đỏ và mặc một bộ quần áo cưỡi ngựa. Còn đối diện với hai *ma - dơm* là các bác mày râu đang ngồi chen chúc thành hình bán nguyệt - trong số đó có ông luật sư, người chỉ vớ được độc chiếc ghế bành bọc da rất thấp và trông bộ điệu bất hạnh hết chỗ nói; thằng hoặc ông ta lại thở một hơi rất nặng nhọc và nuốt đánh ực một cái, như kiểu đang gắng gượng chống lại cơn buồn nôn dâng lên đến tận cổ. Ông Anphơrét Lơitơnơ trong bộ quần áo chơi quần vợt ở bãi đã từ chối không ngồi lên ghế mà tựa lưng một cách rất đom dáng và vui vẻ vào cái lò sưởi, vì ông ta cả quyết rằng ông ta không ngồi yên một chỗ lâu được.

Ông Hindơbơrant nói với một giọng nghe rất êm tai về những bài hát Ăng lê. Ông ta là một người đàn ông vận đồ đen trông hết sức cường tráng và đẹp đẽ với cái đầu Xêda to bự và phong thái rất tự tin. Một diễn viên cung đình có giáo dục, có những kiến thức đáng tin cậy và những sở thích tinh tế. Ông ta rất thích lên án Ibsen, Zola và Tônxtôi trong những cuộc trò chuyện nghiêm túc, những người hẳn là cùng theo đuổi những mục đích xấu xa như nhau. Nhưng hôm nay ông ta lại tỏ ra rất vui vẻ với mọi người trong câu chuyện hơi kém phần trọng đại này.

"Các qúy vị có lẽ là đã biết cái bài hát hay tuyệt *Thats Maria* rồi chứ?". Ông ta nói "Nó hơi có tính chất châm chọc một chút nhưng lại công hiệu khác thường. Hoặc già còn có bài nổi tiếng. .", và thế là ông ta lại đề nghị một số bài nữa là những bài mà rốt cục người ta cũng chấp thuận để chọn và bà Hinđơbơrant tự nhận sẽ hát. Tay họa sĩ trẻ, một gã với đôi vai xệ hẳn xuống và bô ria mép vàng, sẽ phải bắt chước một nghệ sĩ ảo thuật, trong khi ông Hinđơbơrant có ý định sắm vai những người nổi tiếng... Nói ngắn gọn là mọi việc đã tiến triển một cách hết sức tốt đẹp, và khi cái chương trình dường như đã được sắp đặt xong xuôi đâu đấy rồi thì ông trợ giáo Vitxơnaghen, người có những cử chỉ nịnh đầm vô vập và rất nhiều những vết sẹo danh dự, đột nhiên lại nói tiếp:

"Hay lắm và được lắm, thưa các qúy vị, mọi việc hứa hẹn sẽ thực sự trở nên vui nhộn. Duy có một điều nữa mà tôi không ngần ngại nói ra. Tôi thiết tưởng chúng ta vẫn thiếu một cái gì đó mà thực ra là tiết mục chính, tiết mục đặc sắc, mấu chốt, một đỉnh cao - một cái gì đó thật đặc biệt, thật ngờ ngàng, một trò đùa, cái trò sẽ nâng không khí vui nhộn lên đến tột đỉnh ấy... nói ngắn gọn, tôi xin để tùy mọi người, tôi không có một ý nghĩ gì rõ ràng cả; thế nhưng tôi có cảm tưởng..."

"Quả là đúng như vậy!". Từ phía lò sưởi ông Loitơnơ cất lên cái giọng nam cao the thé của mình cho mọi người nghe. "Vitxơnaghen nói đúng. Một tiết mục chính và là tiết mục để kết thúc chương trình có lẽ là rất đáng phải có. Chúng ta hãy nghĩ xem nào!" Và trong khi nhanh nhẹn cắm cái dây thắt lưng màu đỏ của mình xốc lại cho ngay ngắn, ông ta liếc nhìn một cách thăm dò khắp xung quanh. Cái bộ điệu trên nét mặt ông ta trông quá thực là đáng yêu.

"Giờ thì tùy thôi", ông Hindơbơrant nói "Nếu người ta không muốn coi tiết mục về những con người vĩ đại là đỉnh cao..."

Tất cả đều đồng tình với ông trợ giáo. Một tiết mục chính đặc biệt vui nhộn là rất đáng phải có. Ngay cả ông luật sư cũng gật đầu và nói nho nhỏ: "Đúng thật - một cái gì đó thú vị và nổi bật...". Mọi người lặng yên suy nghĩ và vào lúc kết thúc chặng nghỉ giữa chừng kéo dài chừng một phút của cuộc bàn bạc và chỉ bị gián đoạn bởi những đề xuất nhỏ nhỏ, thì điều kỳ lạ đã diễn ra.

Amra ngồi ngả lưng tựa vào những cái đệm của chiếc trang kỷ Ottôman và đang thoan thoát, say sưa cạo cái móng nhọn hoắt trên ngón tay nhỏ bé của mình như một con chuột, trong lúc khuôn mặt bà ta biểu lộ một vẻ rất đặc biệt. Môi nụ cười phảng phất quanh cái miệng của bà ta, nụ cười lơ đãng, gần như là ngố ngấn, vừa toát lên vẻ đăm đăng, vừa như đau đớn lại đồng thời có vẻ tàn nhẫn, còn đôi mắt của bà ta, đôi mắt mở to xa sáng lạnh, đào dân về phía lò sưởi, nơi chúng đừng lại một giây khi bắt gặp cái nhìn của tay nhạc sĩ trẻ. Nhưng rồi tức thì, với một cử động đột ngột, bà ta ngoẹo hẳn lưng sang một bên ngả về phía ông chồng của mình, cái ông luật sư ấy, và hai tay đặt vào lòng, nhìn chăm chăm vào mặt ông ta với một cái nhìn xoán xuýt vô vọi mới, mắt tái nhợt hẳn đi, bà ta nói với giọng đinh đạc và chậm rãi.

"Cơrítxtian, em đề nghị là đêm kết thúc chương trình anh sẽ xuất hiện trên sân khấu như một Chanteuse[1] với cái áo dài

---

1. Ca sĩ nữ

bằng lụa để may theo kiểu áo của trẻ em sơ sinh và mua cho tất cả chúng em xem một điệu gì đó"

Công hiếu của lời nói ấy đó mới kỳ lạ làm sao. Chỉ có tay họa sĩ trẻ là gương cười để làm ra vẻ tốt bụng, trong khi ông Hindơborant mặt lạnh như tiền phủi phủi hai cánh tay áo, mấy cậu sinh viên thì họ khủ khụ và xỉ mũi hơi mạnh vào những chiếc khăn mùi xoa nghe đến thiếu tế nhị, bà Hindơborant thì đỏ dừ cả mặt lên - điều này không phải xảy ra thường xuyên, còn ông trơ giáo Vitxơnaghen thì cứ thế bỏ chỗ chạy lấy bánh mì phết bơ. Ông luật sư ngồi ở tư thế hết sức khổ sở trên cái ghế bành thấp tè của mình và liếc nhìn khắp xung quanh với bộ mặt vàng ệnh và một nụ cười đầy lo sợ, khi ông ta lắp bắp từ chối:

"Nhưng lạy Chua... Tôi... làm gì có đủ khả năng... đừng để như là... xin lỗi các quý vị..."

Anphơrét Lotơnơ không còn giữ được vẻ mặt vô tư lự nữa. Dường như mặt ông ta đã đỏ lên một chút, và với cái đầu rướn về phía trước, ông ta nhìn vào mắt của Amra, bối rối, không hiểu cái gì cả, vẻ như thăm dò..

Còn bà ta, Amra, thì không hề thay đổi thái độ một mực quả quyết của mình, vẫn tiếp tục nói với sự nhấn mạnh có trọng lượng như cũ:" Mà anh lại còn phải hát một bài hát nữa, anh Cơritxtian ạ, cái bài hát do ông Loitơnơ phổ nhạc và sẽ đệm đương cầm cho anh. Đó sẽ là đỉnh cao hay nhất và gây được nhiều ấn tượng nhất trong buổi liên hoan của chúng mình".

Lại một khoảng khắc yên lặng, một khoảnh khắc yên lặng nặng nề. Thế nhưng sau đó hoàn toàn đột ngột, cái điều đi

thường đã diễn ra, ông Loitơnu, như cùng bị lây, bị lôi kéo vào kích động đã tiến một bước lên phía trước và run lên trước một kiểu phấn khích mãnh liệt, bắt đầu nói liến láu.

"Có Chúa chứng giám, thưa ông luật sư, tôi sẵn sàng, tôi xin nói là tôi sẵn sàng soạn cho ông một bài hát gì đó... Ông sẽ phải hát, phải múa theo nó... Nó là cái đỉnh cao duy nhất mà người ta có thể nghĩ ra được cho buổi liên hoan...Ông sẽ thấy, ông sẽ thấy. Nó sẽ là một cái gì đó tuyệt nhất so với những thứ mà tôi đã sáng tác ra và sẽ còn có lần sáng tác ra nữa.. Trong chiếc áo dài bằng lụa đỏ may theo kiểu áo của trẻ sơ sinh! Ồ, bà vợ của ông là một nữ nghệ sĩ, một nữ nghệ sĩ, tôi khẳng định như vậy đấy! Nếu không thì có nhẽ bà ta đã không thể nghĩ ra được những điều như thế. Ông hãy ừ đi, tôi van ông, ông hãy đồng ý đi! Tôi sẽ tạo ra một cái gì đó, tôi sẽ làm một cái gì đó, rồi ông sẽ thấy..."

Lúc này tất cả như xổ tung ra, và tất cả bắt đầu chuyển động, không hiểu là do độc ác hay do lịch sự - tất cả bắt đầu tấn công ông luật sư bằng những lời cầu xin dồn dập và bà Hindơbơrant đã đi xa đến mức dám nói lên rất to với cái giọng Boruynhinđen của mình: "Ông luật sư, ông thường vẫn là một người vui tính và thích đùa cợt mà!" Nhưng ngay bản thân ông ta, ông luật sư ấy, lúc này cũng đã tìm ra được những lời lẽ và mặt mày vẫn còn hơi nhơi nhạt, nhưng bằng sự vận dụng cao độ lòng quyết tâm ông ta nói:

"Các vị hãy nghe tôi nói, thưa các quý vị! Tôi cần phải nói với các vị thế nào nhỉ? Tôi không phù hợp, các vị hãy tin tôi. Tôi có rất ít năng khiếu hài hước, và chưa kể là... ngắn gọn là thế này, không, điều đó đáng tiếc là không thể được".

Lời từ chối này ông ta cứ một mực giữ nguyên và vì Amra không tiếp tục tham gia vào cuộc tranh luận nữa, vì bà ta ngồi tựa ra phía sau với vẻ mặt gần như lơ đãng và vì cả ông Loitơnơ cũng không nói một lời nào nữa mà cứ nhìn chằm chằm một cách hết sức trầm tư mặc tưởng vào một cái hoa văn trên tấm thảm, vậy nên ông Hinđơbơrant mới có thể lái được câu chuyện sang một hướng khác, và một lúc sau thì mọi người giải tán mà chẳng đi đến một quyết định gì về vấn đề cuối cùng này. Thế nhưng vào tối ngày hôm đó, khi Amra đã lên giường và đang nằm mở mắt, thì ông chồng của bà ta nặng nề bước vào, kéo một cái ghế đến cạnh giường bà ta, ngồi xuống nói nho nhỏ và ngập ngừng:

"Nghe anh, Amra, chẳng giấu gì em, anh thấy trong lòng trĩu nặng vì những suy nghĩ dày vò. Nếu như hôm nay anh đã tiếp đón các quý vị đó với cái vẻ quá ư là lạnh nhạt, nếu như anh đã bốp chát làm mất lòng họ - có Chúa biết - đó không phải là do anh chủ đính. Hay là nếu ví thử em có ý nghĩ như vậy thật... anh xin em. "

Amra lặng im một chốc, trong khi cặp lông mày của bà ta từ từ rướn lên trên trán. Thế rồi bà ta vạn mình và nói:

"Em không biết phải trả lời anh thế nào nữa, anh bạn a. Anh đã cư xử với một thái độ mà em chưa bao giờ ngờ tới. Với những lời lẽ bất nhã, anh đã từ chối không chịu hỗ trợ những tiết mục trình diễn bằng sự tham gia đóng góp của anh, một sự đóng góp, mà đối với anh đó chỉ có thể là một sự vô vẻ chiều chuộng mà thôi, khi nó được mọi người xem như là một sự đóng góp cần thiết. Diễn đạt một cách nhẹ nhàng thì em phải nói rằng anh đã làm cho cả thiên hạ thất vọng ở mức độ nặng

nê nhất và bằng thái độ thô lỗ khó chịu của mình anh đã gây rối cho toàn bộ buổi liên hoan, trong khi nghĩa vụ khổ chủ của anh nhẽ ra đa phải là. .".

Ông luật sư từ từ cúi đầu, rồi vừa thở một cách nang nhọc vừa nói:

"Đâu mà, Amra, anh có muốn gây khó chịu đâu, em hãy tin anh như vậy. Anh không muốn làm mếch lòng một ai và không muốn làm ai phải khó chịu, còn nếu như anh đã cư xử một cách xấu xa, thì anh sẵn sàng khắc phục điều đó. Nó là một trò đùa, một trò hóa trang, một trò cười vô hại - tại sao lại không nhỉ? Anh không muốn phá rối buổi liên hoan, anh xin nhận là anh sẵn sàng. ."

Vào buổi chiều hôm sau Amra lại đi ra phố để "lo các khoản". Bà ta dừng lại ở số nhà 78 phố Honzơstơraxơ và bước lên lầu hai, nơi mà người ta đợi bà ta. Và trong khi dưỗi người ra, rạo rực yêu đương ép đầu người tình vào ngực mình, bà ta thì thầm với vẻ rất hào hức:

"Hay soạn cho hai người chơi, anh nghe đấy chứ! Chúng mình sẽ cùng nhau đệm cho ông ấy, trong khi ông ấy hát và múa. Còn em, em sẽ lo chuẩn bị để hóa trang..." Và một cơn rùng mình kỳ dị, một tràn cười bị nén lại và quằn quại lan truyền khắp tứ chi của cả hai người.

Đối với bất cứ một ai có ý muốn tổ chức một buổi liên hoan, một cuộc vui có tầm cỡ đôi chút ở ngoài trời thì tốt nhất là nên giới thiệu đến những dinh cơ nhà ông Vendơlin bên núi Sơn Ca. Từ một đường phố đầu ô duyên dáng, qua một cổng sắt cao người ta bước vào một khu vườn giống như kiểu công viên liên

với khu nhà hàng và ở giữa khu vườn đó là gian phòng dài rộng dùng để tổ chức những buổi liên hoan. Cái gian phòng đó, gian phòng mà chỉ có một đường hành lang hẹp nối với nhà ăn, nhà bếp và xưởng bia, và được xây dựng bằng gỗ quét sơn nhiều màu rất vui mắt theo kiểu cách pha tạp lô lang giữa kiểu Tàu và kiểu phục hưng có những cánh cửa lớn mà nếu đẹp trời người ta có thể để ngỏ để đón hơi thở của cây cối, và chứa được rất nhiều người

Hôm nay, những cỗ xe lăn bánh tới đây ngay từ xa đã được những ánh đèn màu lập lánh chào đón, bởi khắp hàng rào sắt, cây cối trong vườn và cả gian phòng rửa đều được trang hoàng bằng những chiếc lồng sắc sỡ treo sát cạnh nhau, còn ở phía trong phòng liên hoan ư, thì quả là cả một khung cảnh thực sự vui nhộn. Dưới trần nhà chang nhưng giải hoa lớn, và những dải hoa đó lại được gắn vô số những chiếc đèn lồng bằng giấy, mặc dù giản nhưng đồ trang hoàng trên các bức tường gồm những cành lá và hoa giả, những ngọn đèn điện chiếu ra đã làm cho gian phòng sáng choang hết mức rồi. Ở cuối gian phòng là sân khấu mà xung quanh nó đặt những chậu cây cảnh lá to và phía trên tấm màn đỏ của sân khấu một thiên thần có cánh do bàn tay nghệ sĩ vẽ ra đang bay lơ lửng. Nhưng từ đầu kia của gian phòng, kéo dài gần đến tận sân khấu là những bàn ăn dài, có cắm hoa trang điểm, bên những bàn ăn đó, những vị khách của ông luật sư Yacôby đang tranh thủ gờ gạc lấy phần bia xuân và thịt bò rán: luật sư, sĩ quan, thương nhân, nghệ sĩ, các quan chức cao cấp cùng với các bà vợ và những cô con gái của họ. Chắc chắn là phải hơn một trăm năm mươi vị quan khách. Người ta ăn vặn hoàn toàn rất đơn giản khi tới dự, com lê đen và áo dài ngày xuân gần như sặng màu, vì thoải mái vui

vẻ là luật của ngày hôm nay. Các bậc mày râu đích thân cầm những cái bình chạy đến chỗ những thùng bia lớn được đặt cạnh bức tường bên, và trong gian phòng rộng, sặc sỡ và rực rỡ, tràn ngập bầu không khí hội hè có vị ngòn ngọt và ngột ngạt của những cây thông, của hoa, người, bia và thức ăn, nhưng tiếng lách cách, những câu trò chuyện to và qua quít, những tiếng cười oang oang, lịch sự, say sưa và vô tư của tất cả những con người này vang lên thật náo nhiệt và ầm ĩ... Ông luật sư ngồi ì ra và chẳng còn biết làm gì ở cuối một cái bàn ăn, cạnh sân khấu; ông ta uống không nhiều và thỉnh thoảng lại thốt ra một tiếng nghe rất vất vả với cái bà ngồi cạnh ông ta, bà chánh án Haverơman. Ông ta thở có vẻ rất khó nhọc với hai khóe miệng xệ xuống, và đôi mắt sưng húp, ướt đục của ông ta nhìn trân trân một cách xa lạ, rầu rĩ vào cái cảnh vui vẻ nhốn nháo, cứ như là trong bầu không khí hội hè này, trong cái cảnh vui vẻ ầm ĩ này có cái gì đó quá đỗi buồn bã và không sao hiểu nổi. .

Vào lúc này, những chiếc bánh kem lớn được dọn ra khắp lượt, kèm theo đó người ta bắt đầu uống rượu vang ngọt và trình bày những lời phát biểu. Ông Hindơbơrant, nghệ sĩ cung đình, đón mừng bìa xuân với một bài phát biểu gồm toàn những câu trích dẫn cổ điển, đúng vậy, cả những câu tiếng Hy Lạp nữa, và ông trơ giáo Vitxơnaghen với những cử chỉ nhỉnh đầm nhàt của mình, trong cung cách hết sức tế nhị đã nâng cốc chúc tụng tất cả các bà hiện đang có mặt bằng cách rút từ cái lọ hoa ngay bên cạnh và lấy ở trên tấm khăn bàn một nắm hoa và so sánh mỗi một bông trong số đó với một bà. Nhưng Amra Yacôby, người mặc một chiếc áo dài bằng lụa mỏng màu vàng ngồi đối diện với ông ta lại được gọi là "người chị em có phần nhan sắc hơn của bông hong trà".

Ngay tức thì bà ta lấy tay vuốt lên đường ngôi mềm mại của mình, rướn đôi lông mày và gật đầu với ông chồng nom có vẻ rất trịnh trọng. Thế là cái ông to béo này nhổm người dậy và suýt nữa làm mất cả vui, khi ông ta - trong cung cách hết sức ngượng ngập - nở một nụ cười xấu xí và lắp bắp một vài từ nghe đến là khổ sở: chỉ có vài tiếng hoan hô già tạo vang lên, và tiếp đến một khoảnh khắc yên lặng nặng nề. Ấy thế nhưng ngay sau đó, cái không khí vui vẻ lại thắng thế và người ta cũng đã bắt đầu đứng dậy, vừa hút thuốc lại vừa có vẻ hơi ngà ngà, và âm ỉ tự tay khênh những chiếc bàn ra khỏi phòng, vì người ta muốn nhảy đầm... Lúc đó vào khoảng sau mười một giờ, và không khí tự nhiên thoải mái đã đạt đến mức trọn vẹn. Một phần số người dự liên hoan đã tràn ra ngoài khu vườn được thắp sáng sác sỡ để hít thở không khí trong lành, trong khi số người khác ở lại trong phòng đứng thành từng cụm, hút thuốc, tán gẫu, rót bia ra, vừa đứng vừa uống. Thế rồi từ sân khấu vang lên một hồi kèn *trompêt* rất to, gọi tất cả quay trở lại phòng. Nhạc công - những người thổi kèn và đánh đàn - đã tề tựu và ngồi xuống phía trước màn: những dãy ghế phía trên có đặt những bản ghi các tiết mục, đã được kẻ xong và các bà ngồi xuống, trong khi đó thì các bậc mày râu đứng ở phía sau hoặc ở hai bên. Một sự yên lặng đầy hồi hộp đang ngự trị.

Sau đó cái dàn nhạc bé nhỏ chơi một bản dẫn khúc ầm ào, mờ mờ. Và xem kìa một lô những ông da đen ghê tởm đứng đó, với những bộ trang phục lòe loẹt và những đôi môi đỏ như máu, nhe răng ra và bắt đầu rú lên man rợ. Nhưng tiết mục này thực sự đã tạo đỉnh cao của buổi liên hoan của Amra. Những tràng vỗ tay cuồng nhiệt vang lên và cái chương trình được sắp đặt một cách thông minh cứ tiếp tục phát triển hết

tiết mục này đến tiết mục khác: Bà Hindơbơrant bước lên sân khấu với một bộ tóc giả rắc đầy phấn, chống một cái gậy dài xuống sân và hát ông ổng: "That's Maria!" Một ông nghệ sĩ ảo thuật xuất hiện trong tấm áo choàng phủ đầy huân chương để trình diễn cái điều kinh ngạc nhất. Ông Hindơbơrant sắm vai Gớt, Bixmác và Napôléông giống đến giật mình, và ông chủ bút Đôc tờ Videnspơrung trong phút chốt đã đảm nhận trình bày một bài diễn thuyết khôi hài về đề tài: "Bia xuân trong ý nghĩa xã hội của nó". Thế nhưng đến phần kết thúc, sự hồi hộp đã đạt đến tột đỉnh, bởi vì tiết mục cuối cùng sắp sửa bắt đầu, cái tiết mục đầy bí hiểm đó, cái tiết mục được viên bằng một vòng nguyệt quế trong bản ghi các tiết mục và lại còn được gọi là thế này: "Luiđơ bé bỏng. Hát và múa. Âm nhạc của Anphơrét Loitơnơ".

Cả gian phòng náo động, và những ánh mắt nhìn nhau. Khi các nhạc công xếp những thứ nhạc cụ của mình sang một bên, và ông Loitơnơ, người từ nay tới giờ lặng lẽ đứng tựa vào một cánh cửa, một điếu thuốc cam ở giữa đôi môi dấu ra một cách phớt đời, cùng với Amra Yacôby đến ngồi xuống bên cạnh chiếc đàn dương cầm được kê ở chính giữa phía trước màn, khuôn mặt ông ta đỏ ửng, và ông ta luống cuống lật lật những bản chép nốt nhạc, trong khi Amra thì ngược lại, hơi có phần tai tái, một tay chống vào thành ghế, nhìn thẳng vào khán giả với một ánh mắt lấm lét chờ đợi. Thế rồi một tiếng chuông sắc gọn vang lên, trong khi mọi cái cổ rướn lên. Ông Loitơnơ và Amra chơi một vài nhịp dẫn khúc xoàng xĩnh chẳng có gì đáng để ý cả, màn mở, Luiđơ bé bỏng xuất hiện...

Một sự rùng mình ngơ ngẩng và chết lặng lan truyền khắp đám khán giả, khi cái khối thịt đồ sộ đầy vẻ buồn bã và được

bôi son trát phấn trông đến kinh dị ì ạch tiến vào sân khấu theo điệu nhún nhẩy lạc lẻ của một con gấu. Đó là ông luật sư. Một cái áo choàng rộng, không gấp nếp, bằng lụa đỏ như máu, buông thõng đến tận gót chân, trùm lên cái thân thể phì nộn của ông ta và cái áo choàng đó được cắt cốt sao cho cái cổ trát đầy bột của ông ta lộ ra một cách gớm ghiếc. Cả hai cái tay áo được cắt rất ngắn và khâu bồng lên ở ngay hai bên vai, thế nhưng hai cái găng tay dài, màu vàng nhạt lại trùm lên hai cánh tay mũp míp chẳng có chút cơ bắp nào, trong khi đó thì ở trên đầu là một bộ tóc bông, vàng ruộm, được uốn thành từng mớn quăn quăn mà bên trên lại cắm một cái lông màu xanh ngất nghểu đung đưa hết bên này sang bên kia. Dã vậy dưới bộ tóc giả đó lại ló ra một khuôn mặt vàng ốch, húp híp, bất hạnh, tính tao đến không thể tương được mà hai gò má cứ liên tục dập dành hết lên lại xuống trông rất tội nghiệp, hai con mắt tí hí, viền những quầng đỏ chẳng trông thấy gì cả, gắng gượng nhìn chằm chằm xuống sàn, trong khi cái ông béo phị đó ì ạch bước hết bước này đến bước khác, với cái điệu bộ hoặc là đưa hai tay túm vào cái áo choàng hoặc nâng hai cánh tay yếu ớt chĩa cả hai ngón trỏ lên trời. Ông ta chẳng còn biết động tác nào khác nữa, cất cái giọng tắc nghẹn và rên rỉ hát theo tiếng đệm dương cầm một bài hát ngớ ngẩn.

Đã có lúc, cái thân hình khốn khổ đó toát ra một luồng âm khí lạnh lẽo đau thương, cái đa giết đi mọi không khí vô tư vui vẻ và trùm lên tất cả mọi người như sức ép không sao tránh khỏi của một tâm trạng ái ngại hay chưa?... Sự rùng rợn thực sự nằm trong đây bây nhiêu con mắt đang bị bức bách phải hướng vào đôi anh a đang ngồi bệt chiếc đàn dương cầm và vào cái ông chồng đang ở trên sân khấu. Cái cảnh chướng tai

gai mắt lặng lẽ, quá đáng đó kéo có đến năm phút dài dằng dặc

Thế rồi đến một khoảnh khắc mà không ai đã được chứng kiến lại có thể quên được trong suốt cuộc đời mình.

Chúng ta nhìn lại xem cái gì đã diễn ra trong khoảng thời gian ngắn ngủi, khủng khiếp và phức tạp này

Người ta biết cái *Couplet*[1] được gọi là "Luiđơ bé bỏng" và chẳng nghĩ ngợi gì cũng nhớ ngay đến câu vè sau đây:

"Điêu Vanxơ va điêu Ponke
Chưa co ai nhẩy như tôi vậy.
Tôi là Luiđơ be bỏng vôn thường dân
Mà lam rung tim vô số kẻ mày râu cơ đây..."

Cái câu vè chẳng hay ho gì mà ý tứ lại quá dễ dãi no đã tạo thành điệp khúc của ba khổ thơ kha dài đó. Vậy mà bây giờ, khi phổ nhạc lại cho những lời vè đó, Anphơrêt Loitơnơ đã hoàn tất tuyệt tác của mình, bằng cách đột ngột đưa ra giữa một trò thô tục và khôi hài một mẫu eo tính chất nghệ thuật của âm nhạc cao siêu khiến người ta phải ngơ ngàng, ông ta đã nâng tài nghệ của mình lên đến tột đỉnh. Cái giai điệu đang uyển chuyển ở cung Đô thang trường trong những khổ đầu tiên nghe khá hay và hoàn toàn nhàm rồi. Vào lúc bắt đầu cái điệp khúc được nêu thì trường độ trở nên dồn dập hơn, và những quãng nghịch chói tai xuất hiện với tiếng ngân nổi bật lên mỗi lúc một dồn dập của một nốt sì, chung để cho chúng ta trông đợi một đoạn chuyển tiếp sang cung Pha - thang - trường. Những sự không hòa điệu chói tai này cứ phức tạp dần lên đến

---

(1) *Couplet: bài vè chăm biếm khôi hài*

cái câu "nhẩy như tôi vậy" và sau "tôi là", cái đã làm cho sự rối loạn và cang thẳng trở nên trọn vẹn, phải tiếp đến cái đoạn nối thẳng sang cung Pha - thăng - trưởng mới phải. Dáng lẽ là như vậy thì một điều vô cùng ngạc nhiên lại xảy ra. Mà ở đây sự thực là bằng việc đảo phách đột ngột nhờ một sự nhanh trí gần như thiên tài, cái cung giọng ở đoạn này lại lộn trở lại cung Pha trưởng, và cái đoạn này, cái đoạn tiếp tục được trình bày với việc sử dụng cả hai cái Pêđan theo ba từ vẫn được ngân dài *Luidơ - bé - bỏng*, có một tác dụng không sao tả nổi, thật ghê gớm hết chỗ nói! Nó là một đòn hoàn toàn ngờ ngàng đến choáng váng, chạm ngay vào thần kinh, làm rợn cả sống lưng, nó là một sự kinh ngạc, một sự lột tả sống sượng, một sự rụ bỏ mọi thứ che đậy đột ngột đon man rợ, một bức màn bị xé toạc.

Và đến hợp âm Pha trưởng này, ông luật sư Yacôby ngừng múa. Ông ta đứng lặng người đi, ông ta đứng như trời trồng ở ngay chính giữa sân khấu, hai ngón tay trỏ vẫn con chĩa lên trời. Ngón này thấp hơn ngón kia một chút - cái chữ i của từ Luidơ bé bỏng khựng lại trong môm ông ta, ông ta im bặt, và trong khi gần như đồng thời cả tiếng đàn đương cầm đệm theo cũng dừng lại một cách sắc gọn, cái hình thù oái ăm và nực cười kinh tởm đó ở trên sân khấu nhìn trừng trừng về phía trước với cái đầu rướn lên như một con cãi cọ đôi mắt bị nhiễm trùng. Ông ta nhìn trừng trừng vào gian phòng được trang hoàng sáng sủa và chật ních người này, gian phòng chất chứa cái điều chướng tai gai mắt gần như đã cô đặc lại thành bầu không khí cùng với hôi hám của tất cả những con người đó...

Ông ta nhìn trừng trừng vào tất cả những khuôn mặt đang rướn lên, nhìu lại và được chiếu sáng rất rõ, nhìn vào hàng

trăm con mắt này, tất cả những con mắt với cùng một vẻ thông tỏ đang hướng vào cái đôi phía dưới, trước mặt ông ta và vào chính ông ta nữa... Trong khi một sự im lặng rung rợn, không hề gián đoạn bởi một tiếng động nào đang trùm lên tất cả, thì ông ta cứ để đôi mắt mỗi lúc một trơn lên to hơn của mình từ từ và lạ lùng đảo hết từ cái đôi đó lại sang khán giả và từ khán giả sang cái đôi đó... Một biểu hiện nhận thức dường như đột ngột vụt qua trên nét mặt ông ta, một cơn nhồi máu dồn lên khuôn mặt đỏ, làm cho nó sưng húp lên, đỏ như cái áo choàng lụa rồi lập tức sau đó lại để cho nó trở lại vàng ệch như sáp và cái ông béo phì này ngã nhào xuống, làm những tấm lót sàn kêu rang rác

Trong một khoảnh khắc, sự yên lặng tiếp tục ngự trị, sau đó những tiếng hét bắt đầu vang lên, tất cả trừ lên nhôn nhão, một vài ông hảo tâm, trong đó có cả một viên bác sĩ trẻ, từ chỗ ngồi của dàn nhạc nhảy lên sân khấu, mãn được hạ xuống .

Amra Yacôby và Anphơrêt Loitơnơ, vẫn còn ngồi trước đàn dương cầm, mỗi người ngoảnh mặt sang một bên. Ông ta, đầu cúi xuống, dường như vẫn còn đang mải tiếp tục lắng nghe cái đoạn chuyển tiếp sang cung pha trưởng của mình; bà ta, bất lực, với cái óc chim sẻ làm sao mà nhận thức ra nhanh như thế được điều gì xảy ra, nên đang nhìn quanh với gương mặt hoàn toàn trống rỗng

Ngay sau đó, viên bác sĩ trẻ lại xuất hiện lần nữa trong phòng - một người Do Thái bé nhỏ có bộ mặt nghiêm trang và bộ râu nhọn màu đen. Với vài quan khách đang xúm quanh ông ta cạnh cửa, ông ta nhún vai trả lời. "Thế là hết"

HOÀNG HỮU KỲ dịch

SAY NẮNG

IVAN BUNIN
(NOBEL 1913)

Sau bữa chiêu, từ cái phòng ăn sáng ánh đèn và nóng nực, họ bước lên boong tàu và dừng lại bên hàng lan can. Nàng nhắm mắt lại, đưa hai bàn tay lên má, lòng bàn tay để lộ ra ngoài, rồi cười không kiểu cách rất đáng yêu, - từ người đàn bà nhỏ nhắn này toát ra một cái gì thật đáng say mê. Nàng nói:

- Tôi hình như đang say phải không? Anh từ đâu tới? Ba giờ trước đây tôi cũng không thể ngờ rằng có anh tồn tại trên đời này. Ngay cả điều anh lên tàu từ bến nào tôi cũng không biết nữa. Từ bến Xamara ư? Nhưng thôi, điều ấy cũng chẳng hệ trọng gì. Đây là tôi chóng mặt hay là chúng ta đang quay về phía nào?

Phía đằng trước là màn đêm điểm những đốm sáng. Từ phía bóng tối ấy, những làn gió mạnh, dịu mềm, phả vào mặt, còn những đốm sáng ráp rình lùi mãi về một bên: con tàu có cái vỏ sặc sỡ của sông Vonga quay lái chạy một vòng rộng, cập vào một bến nhỏ.

Viên thiếu úy cầm lấy tay nàng đưa lên môi. Cánh tay nhỏ và khỏe, rám nắng. Trái tim anh như thắt lại đầy ghê sợ và sung sướng đến ngây ngất khi nghĩ rằng đằng sau tấm xiêm áo bằng lụa nhẹ mỏng kia, toàn thân nàng hiện lên chắc lẳn, nước da bánh mật sau một tháng nằm phơi nắng mặt trời phương

Nằm trên bãi cát biển nóng (nàng nói nàng đi từ Anapa[1]). Viên sĩ quan nói lẩm bẩm trong miệng:

- Ta xuống bến đi.

- Xuống đâu? - Nàng hỏi giọng ngạc nhiên.

- Xuống bến này

- Để làm gì?

Anh im lặng. Nàng lại đưa mu bàn tay áp lên đôi má nóng.

- Anh điên..

- Xuống tàu đi, - anh ta nói giọng khô khốc. - Tôi van cô.

- Thôi được, anh muốn thế thì thế, - nàng nói và quay người đi.

Tàu thủy khẽ chạm mũi vào bến mờ mờ tối, và họ suýt nữa thì ngã vào nhau. Những cuốn dây cap to tướng nằm qua đầu họ lên bờ, con tàu chòng chành, nước chảy xối xả, tiếng cầu tàu hạ xuống bờ. Anh chạy bổ vào cabin lấy đồ đạc.

Một phút sau họ đã qua cửa kiểm soát đầy uể oải, bước xuống bơ cát hằn thành bậc sâu và lặng lẽ ngồi lên chiếc xe ngựa bám đầy bụi cát. Con đường dốc thoai thoải, hai bên lác đác có những cây đèn cong cong, mặt đường êm vì phủ đầy cát bụi, tưởng chừng như kéo dài vô tận. Nhưng rồi xe cũng lên tới đỉnh dốc, và chạy lộc cộc trên đường phố, qua một quảng trường nho nhỏ nào đó, những công sở, tháp cao, cái ấm áp và mùi vị của một phố huyện vào một đêm hè. Người xà ích dừng

---

(1) Tên một thị trấn nghỉ mát bên bờ biển miền Á-âm Ngộ

xe lại bên cạnh một cái cửa sáng anh đèn; qua cánh cửa mở thoáng hiện chiếc cầu thang bằng gỗ cũ kỹ gân như dựng đứng, một nhân viên già đầy râu ria, không cạo, vận chiếc áo sơmi cổ chéo mầu hồng, bên ngoài khoác chiếc áo dài đến đầu gối miễn cưỡng cầm lấy đồ đạc và đi vào nhà trên đôi chân chữ bát. Họ bước vào một phòng rộng nhưng rất ngột ngạt vì suốt ngày bị mặt trời hun nóng, căn phòng có những rèm cửa trắng bỏ xuống và hai cây nến còn chưa thắp để trên giá gương. - và khi người nhân viên khách sạn vừa đóng cửa lại, viên sĩ quan liền bổ đến bên nàng rồi cả hai người cùng run rẩy chìm đắm trong cơn hôn mà sau này họ còn phải nhớ mãi đến phút ấy: cả hai người suốt đời chưa bao giờ lại trải qua một phút như thế.

Vào mười giờ sáng hôm sau, một ngày nóng bức, chan chứa ánh mặt trời và tràn đầy hạnh phúc, vang vẳng tiếng chuông nhà thờ, tiếng chợ họp ồn ào trên quảng trường nhỏ trước khách sạn, thoang thoảng mùi rơm rạ, mùi xạ hương và tất cả những gì toát ra từ một phố huyện nước Nga - ồn ào, rộn rịp và sực nức mùi hương, nàng, người đàn bà nhỏ nhắn, không tên, cuối cùng vẫn không nói tên mình, tự gọi đùa là "Người đẹp không quen biết", đã đi khỏi nơi đó. Họ ngủ ít thôi, nhưng sáng sớm hôm sau, bước ra khỏi tấm rèm đỏ đặt bên cạnh giường, sau năm phút rửa mặt và mặc quần áo, trông nàng vẫn trẻ tươi như thời con gái mười bảy. Nàng có ngượng ngùng không? Không, chỉ ngượng một chút thôi. Trông nàng vẫn giản dị, vui vẻ như trước và đã có vẻ suy tính:

- Không, không, anh thân yêu, - nàng đáp lại yêu cầu của sĩ quan muốn cùng nàng đi xa nữa. - Không, anh phải ở lại đây đến chuyến tàu thủy sau. Nếu chúng ta cùng đi nữa, thì tất cả sẽ trở nên chẳng hay ho gì. Cả quyết với anh rằng, em hoàn

toàn không phải như người mà anh đã có thể tưởng tượng về em. Chưa bao giờ và sẽ không bao giờ trong đời em lại có gì giống với cái điều vừa xảy ra. Đúng là một màn đen đã đổ sập xuống tâm trí em. Hay, đúng hơn, cả hai ta đều bị một cái gì giống như say nắng...

Không hiểu sao lúc ấy viên sĩ quan lại đồng ý với nàng rất dễ dàng. Anh tiễn đưa nàng đến bến, lòng cảm thấy nhẹ nhàng, sung sướng. Lúc ấy con tàu hiệu "Tự bay" mầu hồng đã sắp nhổ neo. Anh hôn nàng trước mặt mọi người trên boong tàu và vội vàng nhảy lên cầu tàu đã bắt đầu lùi lại đằng sau.

Anh trở về khách sạn với một cảm giác nhẹ nhàng khoan khoái như thế. Nhưng đã có cái gì khang khác. Căn phòng vắng bóng nàng trở nên khác hẳn, không giống như khi còn có nàng. Từng vật nhỏ trong căn phòng ấy còn nhắc nhở, gợi đến nàng mà căn phòng thì lại quá trống trải. Điều ấy thật là lùng! Mùi nước hoa Anh Cát Lợi của nàng còn phảng phất hương thơm, cốc nước nàng uống dở còn đặt trên khay, mà nàng thì đã vắng... Trái tim anh bỗng thắt lại, tràn ngập dịu dàng đến nỗi anh phải vội vàng lấy thuốc ra hút và đi đi lại lại trong gian phòng.

- Thật là một cuộc phiêu lưu kỳ lạ! - Anh nói thành tiếng, vừa cười vừa cảm thấy nước mắt trào ra. "Cả quyết với anh rằng, em hoàn toàn không phải như người mà anh đã có thể tưởng tượng về em...". Và thế rồi nàng đi mất...

Tấm ri đô đã bị để sang một bên, chăn gối còn để nguyên chưa dọn. Viên sĩ quan cảm thấy mình không còn đủ sức để nhìn lên cái giường ấy nữa. Anh kéo tấm ri đô lại cho giường đi, đóng cửa sổ để khỏi phải nghe thấy tiếng ồn ào, huyên náo

ngoài chợ, tiếng những bánh xe lăn trên đường. Anh hạ tấm màn cửa trắng lăm bằng một thứ vải xôm xốp xuống và thả mình lên đi văng... Thôi, thế là chấm dứt "cuộc phiêu lưu trên đường đi". Nàng đã đi - và giờ đây đã ở một nơi xa lắm; chắc nàng đang ngồi trong phòng xa lông bằng kính hay ngồi trên boong tàu và nhìn dòng sông mênh mông lấp loáng dưới ánh mặt trời, nhìn những bè gỗ trôi xuôi, những cồn cát vàng vươn dài ra khỏi bờ, nhìn chân trời xa tít tắp, nơi màn trời và mặt nước nhập làm một, nhìn cả khoảng không gian vô cùng vô tận trên dòng Vonga này... Nàng đã đi và thế là đi mãi mãi, vĩnh biệt, không bao giờ trở lại... Bởi vì làm sao mà biết được giờ đây họ có thể gặp nhau ở đâu? - "Mình không thể nào, - anh nghĩ, - không thể vì bất cứ lý do gì lại đi đến cái thành phố, nơi có chồng nàng và đứa con gái ba tuổi, nơi có cả gia đình nàng và cuộc sống bình thường của nàng!" - Thành phố ấy bỗng trở nên một thành phố khác thường, có cái gì linh thiêng và cái ý nghĩ rằng nàng sẽ sống ở đây một cuộc sống cô đơn buồn tẻ và có lẽ sẽ nhớ đến anh luôn, nhớ đến cuộc gặp gỡ tình cờ ngắn ngủi giữa hai người, còn anh thì không bao giờ được trông thấy nàng nữa, - ý ấy làm anh ngạc nhiên và sửng sốt. Không, không thể thế được! Điều ấy quá kỳ quặc, trái với tự nhiên, trái với sự thật! Anh bỗng cảm thấy lòng quan đau và thấy cả cuộc đời sắp tới của anh, cuộc đời thiếu vắng nàng, sẽ thừa, sẽ không cần thiết biết bao nhiêu! Ý nghĩ ấy làm anh thất vọng, làm anh kinh sợ.

"Thật là khi! - Anh nghĩ thế rồi đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, mắt cố không nhìn ra phía giường sau tấm màn che. - Điều gì đã đến với mình thế? Nàng có gì đặc biệt và cái gì đã xảy ra? Đúng là một cái gì giống như sự say nắng đã đến! Và

cái chính là bây giờ mình làm sao có thể sống qua một ngày, không có nàng, ở đây, ở nơi hẻo lánh này?"

Anh còn nhớ nàng như in, với tất cả những nét đặc biệt của nàng, nhớ cái mùi da rám nắng và tấm áo lụa nhẹ bồng bồng, tấm thân chắc lẳn, nhớ cái giọng vang vang, giản dị, đầy sức sống của nàng .. Cái cảm giác sung sướng đến ngây ngất mà tấm thân dịu dàng non trẻ của nàng vừa đem lại còn nóng hổi trong anh một cách kỳ lạ, nhưng giờ đây cái chính vẫn là cảm giác khác, một cảm giác thứ hai, hoàn toàn mới - đó là một cảm giác rất lạ lùng, khó hiểu, mà anh không hề thấy, không thể thấy trước được khi mà anh còn bên nàng, khi anh bắt đầu cái cuộc làm quen này, cuộc làm quen, anh nghĩ, chỉ để giải trí một cách ngộ nghĩnh. Bây giờ anh không sao nói được với nàng cái cảm giác đó nữa: "Diêu chủ yêu ta, giờ đây không sao nói được với nàng nữa, làm gì và làm sao sống qua được cái ngày dài vô tận này với chuỗi dài kỷ niệm, với nỗi đau khổ dằn vặt không lối thoát này, ở giữa cái nơi sơn cùng thủy tận ngay bên cạnh dòng sông Vonga lấp loáng ánh nước mà chính theo dòng sông này con tàu màu hồng ấy đã đưa nàng đi!"

Cần phải kiếm chuyện gì mà làm cho khuây khỏa, cần phải đi đâu đó. Anh vội vã đội mũ lưỡi trai, cầm lấy cái roi cứng rồi bước thật nhanh, ra ngoài hành lang, gót giày đóng cả của anh kêu lọc xọc. Anh vội vàng chạy theo cầu thang dựng đứng xuống cửa ra vào . Nhưng mà, đi đâu? Trước cửa, anh nhìn thấy một người xà ích trẻ tuổi ăn vận gọn gàng đang điềm nhiên hút thuốc. Anh ngơ ngác nhìn người đánh xe và sững sờ tự hỏi: Làm sao mà lại có thể điềm nhiên ngồi trên ghế xe như thế, chậm rãi hút thuốc và lúc nào cũng cảm thấy cuộc đời giản đơn, vô tư, lãnh đạm? - "Có lẽ chỉ có một mình mình là đang

khổ sở dần vặt giữa cái thành phố hẻo lánh này" - Viên sĩ quan vừa nghĩ vậy, vừa đi về phía chợ.

Chợ đã bắt đầu đông đúc lắm. Không hiểu sao tự nhiên anh cứ giẫm chân lên những mặt đường nhầy nhụa những bùn phân rơm ra, giữa những hàng xe ngựa, bên những đống dưa chuột, đĩa bát mới nguyên. Những người đàn bà ngồi ngay trên mặt đất, lòng bàn tay lắc lắc vốc hạt đỗ khoe phẩm chất của chúng, mồm gọi anh liên tiếp. Những người đàn ông đứng cạnh thì gào to lên: "Thưa ngài, đây là một thứ dưa chuột thượng hào hạng đây!" Tất cả những điều vừa thấy thật là ghê sợ vô nghĩa, và anh vội vàng chạy ra khỏi chợ. Anh đi vào nhà thờ, nơi các con chiên đang hát cầu kinh, giọng rất to và thật hào hứng, rành rẽ, tràn đầy cảm giác trách nhiệm. Anh đi dạo rất lâu trong cái vườn nhỏ ở bên sườn đồi chan hòa ánh nắng nóng bức, nhìn xuống dòng sông rộng đang lập loang... Lon và cúc áo anh nóng lên đến mức không dám sờ tay vào nữa. Mũ anh đầm đìa mồ hôi, mặt nóng ran... Trở về khách sạn, anh khoan khoái bước vào phòng ăn rộng lớn trống trải mát mẻ đặt ở tầng dưới cùng, khoan khoái bỏ mũ ra và ngồi xuống bên chiếc bàn đặt gần cửa sổ để mở. Nóng từ ngoài trời vẫn phả vào phía trong cửa sổ, nhưng không khí thì vẫn thoáng đãng. Anh gọi món cá trộn với hành tươi và cà rốt ướp lạnh... Tất cả là những cái gì thật nhẹ nhàng, thật hành phúc. Niềm vui sướng vô bờ bến ấy, như ở khắp mọi nơi, ở ngay trong cái nóng nực ghê gớm này, trong cái mùi vi ôn ào của chợ, trong cái thị trấn nhỏ bé xa lạ, cái khách sạn cổ lỗ của một phố huyện, duy chỉ có điều là trái tim anh như đang bị xé ra thành từng mảnh cùng với niềm sung sướng ấy. Anh uống vội mấy chén rượu vốtka, nhấm với dưa chuột muối nhạt và thì là, cảm thấy rằng có thể chết ngay

ngày mai nếu có cách chiếu kỳ nào trả lại nàng cho anh hôm nay, để anh cùng sống với nàng thêm một ngày nữa, một ngày nữa thôi, cùng sống chỉ nhằm một mục đích, chỉ để thổ lộ với nàng, giãi bày với nàng, làm cho nàng tin rằng anh đang ngây ngất, say sưa yêu nàng đến đau đớn. Nhưng giãi bày mà làm gì? Để nàng tin mà làm gì? Anh không biết tại sao, chỉ biết điều ấy đối với anh còn cần thiết hơn bản thân sự sống.

- Đầu óc hoàn toàn loạn xạ rồi! - Viên sĩ quan vừa nói vừa tự rót cho mình chén rượu vôtka thứ năm.

Anh gạt đĩa cà trộn hành tươi sang một bên, gọi tiếp cà phê đen rồi châm thuốc hút. Đầu óc anh căng thẳng: phải làm gì bây giờ đây, làm sao thoát khỏi tình yêu bất ngờ này? Nhưng anh cũng cảm thấy rõ rệt rằng không sao thoát khỏi được mối tình ấy. Thình lình anh đứng vụt dậy, vơ vội chiếc mũ và cái roi cứng. Sau khi hỏi xem nhà dây thép ở đâu, anh bèn rảo bước đi về phía ấy, trong đầu đã chuẩn bị sẵn một bức điện ngắn ngủi: "Từ ngày hôm nay, cuộc đời anh là của em, trong quyền lực của em, mãi mãi, cho đến khi chết". Nhưng vừa bước đến bên tường dày đô sô của ngôi nhà bưu điện, anh bỗng đứng sững lại sơ hãi: anh biết tên thành phố nàng ở, biết nàng có chồng và đứa con gái ba tuổi, nhưng không hề biết tên, biết họ của nàng! Hôm qua lúc ăn chiều, đã mấy lần anh hỏi nàng về điều ấy, nhưng lần nào nàng cũng chỉ cười và nói:

- Việc gì mà anh phải cần biết em là ai, em tên là gì?

Trong góc phố bên cạnh nhà bưu điện có một hiệu ảnh nhỏ. Anh đứng lặng nhìn chăm chú vào bức ảnh một viên sĩ quan nào đeo lon viền tua, đôi mắt lồi ra, trán thấp lè tè, có một bộ râu quai nón rất oai vệ và một bộ ngực nở nang đầy mề đay. .

Cuộc sống đơn điệu hàng ngày trở nên thật kỳ quặc, thật ghê sợ khi mà trái tim bị trúng, đúng là "bị trúng", giờ đây anh mới hiểu điều đó, - một quả đấm khủng khiếp - "quả đấm của mặt trời" - bị say nắng. Trái tim anh đang bị một tình yêu quá lớn, một hạnh phúc quá lớn đâm rách! Anh nhìn lên tấm ảnh chụp một đôi trai gái mới cưới, - người con trai mặc chiếc áo vét dài, cổ đeo cà-vạt trắng, tóc cắt ngắn, đứng sóng đôi bên cô gái vận bộ đồ lụa trắng, tay cầm lấy tay cô. Anh đưa mắt nhìn sang bức ảnh một tiểu thư đội lệch chiếc mũ, gương mặt xinh đẹp, tươi tắn... Sau đó, lòng tràn đầy niềm khổ đau ghen tỵ với những người không quen biết vừa rồi, những người không phải chịu đau đớn, anh đăm đăm nhìn dọc theo dãy phố.

- Đi đâu đây? Làm gì đây?

Phố xá vắng tanh. Nhà nào cũng giống nhà nào, đều màu trắng, hai tầng, đều là những cửa hiệu kề bên những cái vườn rất rộng; có cảm giác rằng trong những ngôi nhà ấy không có lấy một người nào. Trên mặt đường, cát trắng lấp lánh sáng lên như đang bị rang dưới ánh mặt trời nóng bức, rực lửa, chói chang niềm vui mà cũng vô vị ở đây. Đằng xa, con đường phố dốc thoai thoải chạy cao dần lên phía bầu trời không gợn một đám mây nào và sáng xám. Có cái gì gợi lại những thành phố phương Nam như Xêvaxtôpôn, Kéc .. Anapa. Hồi tưởng ấy làm viên sĩ quan không chịu nổi. Và anh vội vàng quay trở lại cúi đầu, nheo mắt nhìn chằm chằm những bước chân của chính mình. Anh loạng choạng bước đi va vấp, giày đá vào nhau.

Viên sĩ quan trở về khách sạn, người thấy mệt mỏi la lùng, tưởng chừng như vừa đi một đoạn đường dài vô tận ở Turơkextan, ở sa mạc Xakhara. Cố thu hết sức còn lại, anh bước vào căn phòng rộng lớn vắng ngắt của mình. Người ta đã

thu dọn xong cả phòng anh, những dấu vết cuối cùng của nàng không còn nữa, chỉ có chiếc cặp tóc của nàng là nằm sót lại trên bàn nhỏ đặt cạnh giường! Anh cởi bỏ bộ quân phục rồi nhìn vào gương: khuôn mặt anh, - như bao khuôn mặt sĩ quan bình thường khác, đen xạm đi vì nắng, có bộ ria mép khô cứng vì nóng, đôi mắt xanh biếc dường như sáng thêm bên nước da xạm nâng, giờ đây lộ rõ những nét cảng thẳng điên dại. Cái cổ đứng áo sơ-mi trắng mỏng gợi một cái gì trẻ trung mà cũng thật là bất hạnh. Anh nằm ngửa xuống giường và gác đôi giày xám đầy bụi lên thành giường. Cánh cửa sổ mở rộng, rèm cửa rủ xuống và chốc chốc những làn gió nhẹ lại khẽ đung đưa tấm rèm, đem vào trong phòng cái nơi nóng hừng hực của những mái tôn đang bị thiêu đốt, cái hơi nóng của cả một bầu trời sông Vonga trống trải, lặng yên giờ đây đang chan hòa ánh sáng. Anh vòng đạt hai tay dưới gáy mình và chăm chú nhìn ra trước mặt. Một lát sau, anh mím chặt môi, từ từ nhắm đôi hàng mi và cảm thấy nước mắt trào ra ở đó, - anh ngủ thiếp đi và khi tỉnh dậy, đằng sau tấm rèm cửa, mặt trời chiều đã ống vàng đỏ rực. Gió đã ngừng thổi, căn phòng trở nên nóng bí, khô rang như trong một cái lò. Anh nhớ lại ngày qua, sáng nay, và tưởng chừng như mười năm đã trôi qua.

Anh chậm rãi đứng dậy, chậm rãi tắm rửa, kéo tấm rèm cửa lên rồi gọi người hầu phòng đưa ấm trà đến, và tính tiền. Anh lặng lẽ ngồi rất lâu uống cốc nước chè có bỏ những lát chanh. Sau đó, anh cho gọi người xà ích đến, mang đồ đạc ra ngoài. Anh ngồi lên chiếc ghế đệm đã vàng khè và cho hắn người hầu phòng nâng rúp.

- Thưa ngài, hình như cũng chính tôi chở ngài tối hôm qua thì phải! - Người đánh xe cầm lấy dây cương, vui vẻ nói.

Khi anh xuống bến, trên mặt sông Vonga man đen [illegible] xanh biếc đã phủ xuống. Trên khắp dòng sông lấp lánh [illegible] sáng nhiều màu rực rỡ. Trên cột buồm con tàu đang [illegible] ánh đèn lờ mờ rõ dần.

- Tôi đã chở ngài đến nơi đến chốn bình yên vô nhé! Người đánh xe nói giọng xun xoe.

Viên sĩ quan cung thưởng cho anh ta năm rúp, lại mua vé tàu và xuống bến. Cũng như hôm qua, tàu cũng khe chậm vào bến, người cũng hơi chống mặt vì chán như lụ hẳng xuống, tiếng dây cáp ném lên bờ, và sau đó là tiếng nước xôi xả quanh bánh lái con tàu đã từ từ lùi lại. Có cái gì vôn vã niềm nở khác thường từ cái con tàu đông nghịt hành khách mà tất cả đen đã bật sáng và mùi thức ăn thơm phức từ nhà bếp đã bay ra.

Tàu thủy lại chạy ngược dòng sông cung về phía mà chỉ mới sáng nay thôi nàng đã đi.

Anh chiếu he đỏ sẫm đang dần tắt từ một nơi xa lắm, để lại trên mặt sông gợn sóng lan tan phía chân trời xa tít tắp những vệt sáng mờ mờ, ảm đạm, khe lấp lánh. Những ánh lửa tan man giữa màn đêm chung quanh cứ lui dần lui dần về phía sau.

Viên sĩ quan lặng ngồi trong văn phòng trống trải bốn phía bên boong tàu và anh cảm thấy mình già thêm chục tuổi.

Bờ biển Anpơ, 1925

***PHAN HỒNG GIANG** dịch*

HƠI THỞ NHẸ

IVAN BUNIN
(NOBEL 1913)

Ngoài nghĩa địa, trên nấm mộ còn tươi mầu đất sét có cắm cây thánh giá mới bằng gỗ sồi, trông nặng nề, phẳng phiu và chắc chắn.

Những ngày tháng tư, trời u ám; từ xa qua những hàng cây trơ cành trụi lá đã có thể nhìn thấy những lăng xây trong nghĩa trang thoáng đãng của một phố huyện, và gió lạnh réo lên từng hồi dài qua vòng hoa sứ đặt bên chân cây thánh giá.

Gắn với cây thánh giá là một tấm *Mêdaigiông* khá to bằng sứ nổi vồng lên, hiện rõ ảnh chân dung một nữ học sinh với đôi mắt đầy vui sướng và vô cùng linh lợi.

Đó là Ôlia Mêserxkaia

Khi còn nhỏ, cô bé Ôlia chẳng có gì nổi bật giữa đám nữ sinh mặc đồng phục mâu nâu; có thể nói gì về cô, ngoài điều rằng cô thuộc loại xinh xắn, con nhà giàu có, sung sướng, rằng cô học khá, nhưng tinh nghịch và rất vô tâm trước những lời chỉ bảo mà bà giáo chủ nhiệm lớp đã nói với cô? Ít lâu sau cô bỗng đẹp rực rỡ như đóa hoa nở rộ, đổi thay không phải từng ngày mà là từng giờ. Năm mười bốn tuổi Ôlia đã có hình dáng thon thả, đôi chân thẳng, ngực tròn căng, cô đã có những đường nét mà vẻ đắm đuối của chúng xưa nay ngôn ngữ loài người chưa bao giờ diễn tả được; năm mười lăm tuổi, Ôlia đã

nổi tiếng là một cô gái xinh đẹp. Mấy đứa bạn gái của Ólia thì lúc nào cũng chải chuốt kỹ càng, ăn vận sạch sẽ, chăm chút cho từng cử chỉ, dáng điệu đầy ý tứ cả mình! Còn Ólia thì chẳng kiêng dè gì cả - cô không sợ các vết mực dính vào ngón tay, không sợ để má mình ửng đỏ, đầu tóc rối tung hay đầu gối lộ trần ra khi bị ngã. Chẳng cần cô phải quan tâm, cố gắng gì, những điều làm cô nổi bật lên trong trường hai năm gần đây cũng tự nhiên đến với cô - đó là vẻ yêu kiều, dáng dấp, uyển chuyển khoan thai và ánh mắt sáng long lanh... Trong các buổi vũ hội không ai nhảy đẹp như Ólia, không ai trượt băng nhanh như cô, không ai được nhiều người theo đuổi tán tỉnh trong các dạ hội như cô, không hiểu vì sao bọn học trò các lớp dưới cũng ngưỡng mộ cô nhiều nhất. Ólia trở thành thiếu nữ từ lúc nào không hay, và không biết từ bao giờ ánh hào quang đã bao quanh tên cô trong trường học. Người ta đã đồn đại rằng tính tình cô nông nổi, cô không thể sống thiếu người ngưỡng mộ, rằng cậu học trò Sansin phải lòng Ólia đến mất trí, rằng hình như cô cũng yêu cậu ấy, nhưng cách đối xử của cô thay đổi luôn luôn, khiến cậu ta đã mấy lần tính kế quyên sinh...

Vào mùa thu cuối cùng của mình, như người ta bàn tán trong trường, Ólia đã hoàn toàn phát điên lên vì vui sướng. Tiếp đó là một mùa đông lạnh giá, tuyết rơi nhiều, mà chói chang ánh nắng; mặt trời khuất sớm sau tán cây vân sam cao mọc trong vườn trường phủ đầy tuyết, mặt trời trong sáng lóe lên muôn vàn tia nắng báo hiệu một ngày mai giá rét, chan hòa ánh sáng, hứa hẹn cuộc dạo chơi trên phố Nhà Thờ, trượt băng trong công viên thành phố, vào buổi tối hồng hồng, khi tiếng nhạc nổi lên, giữa đám người đang lướt nhẹ trên sân băng, Ólia sẽ nổi bật như là người thanh thoát nhất, hạnh phúc nhất.

Có lần, vào giờ nghỉ dài giữa hai tiết học, khi Olia đang chạy như bay trong hội trường dựng len bằng cách lắp ghép, đằng sau có la đám nữ sinh lớp một vừa đuổi theo, vừa hò reo vui vẻ, thì người ta bất ngờ cho gọi cô lên gặp bà hiệu trưởng. Olia đang chạy, đứng sững lại, thở vào một cái rất sâu, rồi bằng một động tác nhanh nhẹn quen thuộc của người phụ nữ, cô sửa lại mái tóc, kéo dài áo yếm lên vai và chạy vội lên gác, mắt sáng long lanh. Bà hiệu trưởng gương mặt trông còn trẻ hơn tuổi thật, nhưng mái đầu đã bạc, bà điềm nhiên ngồi sau chiếc bàn viết đặt dưới tấm ảnh Sa hoàng, tay cầm cuộn len đan.

- Chào *mi-lle* Olia, - bà ta nói bằng tiếng Pháp, mắt vẫn không rời mũi đan. - Rất tiếc là không phải lần đầu tôi phải cho gọi cô tới đây để nói về cách ứng xử của cô.

- Em nghe đây, thưa *madame*. - Olia trả lời, bước lại gần bàn, đưa cặp mắt sáng linh lợi nhìn lên bà hiệu trưởng, gương mặt cô bình thản như không. Tiếp đó cô ngồi xuống một cách nhẹ nhàng và yểu điệu như thể chỉ mình cô biết cách ngồi như thế.

- Cô sẽ bỏ ngoài tai nhưng lời tôi nói, rất tiếc là tôi phải tin như vậy, - bà hiệu trưởng nói, tay kéo sợi đan làm cuộn len đi trên nền gỗ bóng nhẵn nơi Olia đang nhìn xuống đầy vẻ tò mò, bà đưa mắt nhìn lên và nói tiếp. - Tôi sẽ không nói lại, sẽ không nói nhiều.

Olia rất thích căn phòng rộng rãi và sạch như lau như lý này, nơi vào những ngày băng giá, chiếc lò sưởi kiểu Hà Lan vẫn tỏa hơi ấm áp và thoang thoảng hương hoa linh lan đặt trên bàn. Olia nhìn lên chân dung nhà vua trẻ tuổi được vẽ toàn thân giữa một gian phòng bóng loáng; nhìn lên đường

ngồi đêu đạn trên mái tóc trắng mầu sữa được uốn rất khéo của bà hiệu trưởng và im lặng chờ đợi

- Cô không còn bé bỏng nữa đâu, - bà hiệu trưởng nói bóng gió xa xôi, trong lòng đã bắt đầu cảm thấy bực bội.

- Vâng, thưa *madame*, - Ôlia đáp lại một cách thản nhiên, gần như là vui vẻ nữa

- Nhưng cũng chưa phải là đàn bà, - bà hiệu trưởng nối tiếp với ngụ ý xa xôi hơn nữa, gương mặt trắng nhờ nhơ của bà hơi ửng đỏ - Điều trước tiên,- cô chải đầu kiểu gì vậy? Đó là kiểu tóc của đàn bà!

- Thưa *madame*, em không có lỗi gì, nếu em có bộ tóc đẹp, - Ôlia trả lời và hai bàn tay cô khẽ chạm vào mái đầu chải rất đẹp của mình

- À ra thế, cô không có lỗi hả! - Bà hiệu trưởng nói - Cô không có lỗi khi để đầu tóc như vậy, không có lỗi khi dùng những thứ lược đắt tiền, không có lỗi khi làm cha mẹ khánh kiệt vì phải sắm cho cô đôi giày cao gót giá những hai mươi rúp! Nhưng, tôi nhắc lại cho cô, cô đã hoàn toàn bỏ qua những điều rằng cô đang là nữ học sinh. .

Liền đó, Ôlia không còn giữ được vẻ giản dị và bình thản nữa, cô bất ngờ lịch sự ngắt lời bà hiệu trưởng:

- Xin lỗi *madame*, bà nhầm rồi: em đã là đàn bà rồi. Ai có lỗi trong chuyện này - Bà có biết không? Người đó là bạn, là hàng xóm của ba em và là em trai của bà: ông Alêcxây Mikhailôvích Maliuchin. Chuyện này xảy ra mùa hè năm ngoái ở làng quê .

Một tháng sau lần nói chuyện đó, một viên sĩ quan *kazắc* xấu xí, chẳng có chút gì là mã thượng phong lưu, chẳng có chút gì tương đồng với môi trường của Ôlia, viên sĩ quan ấy đã bắn chết cô trên sân ga, giữa đám người đông đúc - khi tàu vừa đến. Và cái điều Ôlia tự thú vừa khó tin, vừa đã từng làm bà hiệu trưởng kinh ngạc, đã hoàn toàn được xác nhận: viên sĩ quan thông báo với viên dự thẩm của tòa án rằng Ôlia đã quyến rũ y, chung sống với y, đã hứa sẽ làm vợ y, thế mà ở ngoài ga vào hôm xảy ra vụ án mạng, khi tiễn y đi Nôvôtrerơcát, cô đã bất ngờ nói rằng cô chưa hề bao giờ nghĩ tới chuyện yêu y cả, rằng tất cả những lời lẽ về chuyện hôn nhân chẳng qua chỉ là sự giễu cợt của cô đối với y. Tiếp đó Ôlia đã đưa cho Maliuchin đọc trang nhật ký ghi về y

- Tôi liếc mắt xem mấy dòng ấy và liền sau đấy, ngay trên sân ga, nơi cô ta đang đi dạo chờ tôi đọc xong, tôi đã bắn cô ta, - viên sĩ quan nói. - Đây, xin mời ông, nhưng gì đã được viết trong nhật ký ghi ngày mười tháng bảy năm ngoái.

Trong nhật ký có ghi những dòng sau:

"Bây giờ là hai giờ đêm. Tôi đã thiếp đi, nhưng một lúc sau thì tỉnh lại. . Giờ thì tôi đã thành đàn bà rồi! Ba, mẹ và Tôlia, tất cả đều vào thành phố, có mình tôi ở lại. Tôi đã cảm thấy thật hạnh phúc, khi còn lại một mình! Buổi sáng tôi dạo chơi trong vườn, ngoài đồng, tôi vào rừng, có cảm tưởng rằng trong thế giới này chỉ có mình tôi, tôi cảm thấy đầu óc mình sáng khoái như chưa từng bao giờ gặp thế trong đời. Tôi ngồi ăn một mình, sau đó chơi đàn suốt một giờ liền, trong tiếng nhạc, tôi cảm giác rằng mình sẽ sống mãi, sẽ được hạnh phúc hơn hết thảy mọi người. Sau đó tôi ngủ thiếp đi trong phòng làm việc của ba, nhưng đến bốn giờ thì Kachia đánh thức tôi dậy và báo

rằng có ông Maliuchin đến. Tôi rất mừng thấy ông tới chơi, tôi cảm thấy khoan khoái khi được tiếp, chuyện trò đầy thú vị với ông. Ông đến bằng cỗ xe song mã của mình, hai chú ngựa nom rất đẹp, chúng cứ đứng cạnh thềm mãi, còn ông thì lưu lại chưa về ngay được vì trời mưa, ông ấy mong sao cho tới chập tối thì lạnh. Ông tiếc không gặp được ba, tỏ ra rất hoạt bát, đối xử với tôi như một hiệp sĩ, nói đùa nhiều lần rằng từ lâu ông đã phải lòng tôi. Trước lúc uống trà, chúng tôi dạo chơi trong vườn, thời tiết lại tuyệt vời, ánh mặt trời lấp loáng qua khu vườn còn đọng nước mưa. Tuy khí trời rất lạnh nhưng ông vẫn khoác tay tôi đi dạo và nói rằng ông là Phaoxtơ đi bên nàng Macgarit. Ông đã năm mươi sáu tuổi, nhưng còn rất đẹp và ăn vận lúc nào cũng chỉn chu - tôi chỉ thích một điều là khi tới đây, ông đã mặc chiếc áo khoác ngoài rộng thùng thình, - người tỏa ra mùi nước hoa Anh Cái Lợi, còn cặp mắt đen thì trông rất trẻ, bộ râu mềm mại tách ra thành hai phần dài và đã hoàn toàn bạc trắng. Chúng tôi ngồi uống trà ở ngoài hiên có kính ngăn, tôi cảm thấy mình hình như không được khỏe và nằm xuống chiếc đi văng, còn ông thì hút thuốc, sau đó ngồi sang chỗ gần tôi, bắt đầu nói những lời êm ái, ngắm nghía rồi hôn lên tay tôi. Tôi lấy chiếc khăn lụa che mặt, còn ông thì mấy lần hôn vào môi tôi qua làn khăn ấy. Tôi không hiểu sao điều ấy lại có thể xảy ra, tôi điên mất rồi, tôi không bao giờ nghĩ rằng mình lại như thế! Bây giờ tôi chỉ còn một lối thoát. Tôi cảm thấy ghê tởm ông ta đến mức không thể nào chịu nổi điều này!..."

Vào những ngày tháng tư ấy, thành phố trở nên khô ráo, sạch sẽ, những phiến đá lát đường như trắng ra, đi trên đấy thật nhẹ nhàng và dễ chịu. Mỗi chủ nhật sau lễ cầu kinh buổi sáng, dọc theo phố Nhà Thờ dẫn ra ngoài thị trấn; thường thấy

một người phụ nữ nhỏ nhắn đang đi, ba vân đô tang, đi găng tay da mềm màu đen, cầm chiếc ô làm từ gỗ mun. Bà đi qua quảng trường bẩn thỉu, nơi có nhiều lò rèn ám khói và không khí trong mát ngoại đong thổi về; tiếp đó bà đi giữa nam tu viện và nhà lao, mây trắng vần vụ ngang trời và cành dông mùa xuân ngả màu xám xám; sau đó, khi đi qua những vũng nước dưới chân tường tu viện và re sang trái, bà thấy hiện ra trước mắt một khu vườn khá rộng, cây cối thấp có hàng rào mầu trang bao quanh, phía trên cổng vào đây có đề dòng chữ: "Đức thánh Bà tạ thế". Người phụ nữ nhỏ nhắn vội lần dâu rồi theo thói quen đi tiếp trên con đường chính giữa hai hàng cây xanh. Tới bên chiếc ghế đôi liền với cây thanh gia làm bằng gỗ sồi, bà ngồi xuống trong gió lạnh mùa xuân chừng một hai giờ, cho tới lúc đôi chân đi giầy mỏng và tay đeo găng da chật nhỏ cảm thấy tê cóng. Bà nghe chim mùa xuân hót ngọt ngào cả giữa trời giá rét, nghe tiếng gió reo qua chiếc vòng hoa sứ, có lúc bà nghĩ rằng bà sẵn lòng hiến nửa cuộc đời mình chỉ để sao cho khỏi phải thấy trước mặt cái vòng hoa chết chóc này. Cái vòng hoa này, nấm đất này, cây thanh giá gỗ sồi này! Có thể nào tin được rằng dưới đó là cô gái với đôi mắt bất tử sáng long lanh từ tấm ảnh trong chiếc *medaiyông* bằng sứ gắn vào cây thanh gia? Làm sao có thể nhạp hòa làm một ảnh mắt trong sáng ấy với cái điều khủng khiếp từ giờ đã gắn liền với tên tuổi Ôlia? - Nhưng tư trong đáy lòng, người phụ nữ nhỏ nhắn thấy mình hạnh phúc, như tất cả những người trung thành với một ước mơ nồng cháy của mình.

Người phụ nữ này là bà giáo chủ nhiệm lớp Ôlia, một cô gái quá lứa, từ lâu đã sống bằng những thần tượng thay thế cho cuộc đời thực. Đau đớn thần tượng đó là người anh trai của bà.

một viên hạ sĩ quan nghèo xác chẳng có gì nổi bật, - bà gắn bó cả tâm hồn mình với anh trai, với tương lai của anh mà không biết vì sao bà lại hình dung là xuất chúng. Khi anh bị giết ở gần Mukden, bà tự coi mình là một viên chức có đầu óc tiến tiến. Cái chết của Ôlia thu hút ám ảnh bà bởi một niềm mơ ước mới. Giờ đây Ôlia trở thành đối tượng cho những ý nghĩ và tình cảm triền miên không dứt của bà. Ngày nghỉ nào bà cũng ra tham mộ cô, ngắm nhìn hàng giờ liền cây thánh giá gỗ sồi, nhớ lại gương mặt nhợt nhạt của Ôlia nằm trong quan tài giữa những vòng hoa. Bà nhớ lại một lần bà đã nghe lỏm được - có lẽ, vào giờ nghỉ dài giữa hai tiết học, khi đi dạo trong vườn trường, Ôlia đã nói rất nhanh với Xúphôchina, cô bạn gái thân cao to, đầy đặ

- Tớ đọc được trong một cuốn sách của ba tớ, - ba tớ nhiều sách cổ buồn cười lắm cơ, - phụ nữ phải có vẻ đẹp thế nào... Cậu biết không, trong sách ấy nói nhiều điều đến nỗi chẳng nhớ hết được đâu; này nhé, tất nhiên cặp mắt phải đen, sôi lên như nhựa, có trời biết được trong sách viết như thế - sôi lên như nhựa! - Lông mi phải đen như trời đêm, má mịn màng phơn phớt hồng, eo lưng thon thả, cánh tay dài hơn bình thường, - cậu hiểu không phải dài hơn bình thường! Chân nhỏ nhắn, ngực đầy đan vừa phải, bắp chân tròn đều, đầu gối mầu vỏ hến, vai hơi xuôi xuống, - tớ gần như thuộc lòng nhiều điều lắm nhé, điều nào cũng đúng cả! - Nhưng cái chính, cậu biết là gì không? - Là phải có hơi thở nhẹ! Tớ cũng có cái đó đây, - cậu nghe tớ xem tớ thở thế nào nhé, - đúng là tớ có phải không?

Giờ đây hơi thở nhẹ ấy lại lan tỏa đi trong thế giới này, dưới bầu trời đầy mây, trong gió xuân lành lạnh.

PHAN HỒNG GIANG lược

TRÊN BIỂN ĐÊM KHUYA

IVAN BUNIN
(NOBEL 1913)

Con tầu chạy từ Ôđétxa đến Krưm dừng lại đêm khuya trước bến Êpatôria.

Trên tầu và bên cạnh nó bỗng hình thành một địa ngục thật sự. Tiếng dây tời quáng xuống tới tấp, đám người dỡ hàng từ dưới chiếc sà lan lớn và nhận hàng từ trên tầu đều kêu lên hỗn loạn; dân chúng địa phương vừa cãi cọ ầm ĩ, vừa xô đẩy chen lấn nhau bu lấy cầu tầu, rồi với vẻ vội vàng điên rồ, khó hiểu, họ chạy lên tầu như lao vào một đợt xung phong với đủ thứ túi xách, bao bì lỉnh kỉnh quanh người; ngọn đèn điện mắc trên bãi cầu tầu soi rõ dòng người hỗn độn chen chúc đội những chiếc mũ phớt, mũ chỏm, khăn xếp bẩn thỉu, chiếu vào những cặp mắt như lồi ra, những đôi vai dướn về phía trước, những bàn tay run rẩy bám vào hàng lan can; tiếng rên la vọng lên cả từ phía mấy bậc thấp phía dưới chốc chốc lại bị sóng biển trào lên; phía đó người ta cũng đang chen lấn xô đẩy nhau, kêu gào, tiếng mái chèo khua lên, những chiếc thuyền chở đầy người va vào nhau, - chiếc trồi cao lên ngọn sóng, chiếc lại trụt thấp xuống biến mất trong màn đêm dưới con tầu. Và con tầu có hình dáng như con cá heo lớn nhịp nhàng đung đưa như căng trên dây cao su, khi ngả sang phía này, lúc ngả sang phía kia...

Cuối cùng, im lặng đã trở lại.

Một người đàn ông sang trọng, dáng rất thẳng, vai ngang, bước lên boong tầu trong số những người sau cùng; ông đưa tấm vé và cái xắc của mình cho người hầu ở bên cạnh buồng khu hạng nhất: khi biết trong các phòng riêng đã hết chỗ, ông đi về mạn đuôi tầu. Ở đây bóng tối nhờ nhờ, có mấy chiếc ghế tựa bằng vải, trên một chiếc ghế duy nhất hiện lên bóng đen đen của một người đang nửa ngồi nửa nằm, mình phủ chiếc chăn ấm. Vị hành khách mới lên chọn cho mình một chiếc ghế cách người kia mấy bước. Chiếc ghế tựa rất thấp, và khi ông ngồi xuống, tấm vải võng xuống căng ra, tạo thành một chỗ ngồi rất thuận tiện và thoải mái. Còn tàu dập dềnh lên xuống, từ từ trôi đi, ngả nghiêng theo dòng nước. Ngọn gió đêm miền Nam mềm mại thổi tới thoang thoảng mùi biển cả. Đêm hè dung dị, bình yên với bầu trời lốm đốm những vì sao li ti, xung quanh bóng tối mịn màng, trong trong. Những ánh đèn xa nhợt nhạt, trông ngái ngủ khi trời đã về khuya lắm. Một lúc sau mọi chuyện trên tàu đã đâu vào đấy, đã nghe thấy những hiệu lệnh đều đều phát ra, tiếng xích neo tàu loảng xoảng ... Sau đó man lái tầu rung lên, nghe rõ tiếng bánh xe quạt nước xối xả. Những ánh đèn dãng thấp trên đường chân trời thấp thoáng từ bờ xa lùi dần lại phía sau. Con tàu không còn chòng chành nữa...

Có thể tưởng rằng cả hai hành khách đang ngủ, bởi họ ngả người nằm bất động trên chiếc ghế tựa của mình. Nhưng không, họ không ngủ, họ đang chăm chăm nhìn vào nhau qua màn đêm mờ tối. Và cuối cùng, vị hành khách lên trước, người phủ chăn ấm qua đôi chân, cất tiếng hỏi bằng giọng chất phác, điềm nhiên:

- Anh cũng đi Krưm à?

Vị hành khách lên sau, người có đôi vai bạng, chậm rãi trả lời cũng bằng cái giọng như thế:

Vâng, tôi đến Krưm và đi xa hơn. Tôi sẽ dừng lại ở Alupka rồi đến Gagra.

- Tôi nhận ra anh ngay, - người lên trước nói.

- Tôi cũng nhận ra anh tức thì, - người lên sau đáp.

- Thật là một cuộc gặp gỡ lạ lùng và bất ngờ.

- Không thể nào khác hơn thế được.

- Nói cho đúng ra, không phải là tôi đã nhận ra anh, mà trước đó trong tôi hình như đã tiềm ẩn một cảm giác rằng không hiểu vì lẽ gì anh thế nào cũng xuất hiện, thế cho nên tôi cũng chẳng cần phải mất công nhận ra anh.

- Tôi cũng có cảm giác hoàn toàn giống hệt như vậy.

- Đúng thế ư? Lạ thật. Chỉ còn cách phải thừa nhận rằng trong cuộc đời vẫn có những phút, biết nói thế nào nhỉ, những phút phi thường, phải thế không? Có thể rằng cuộc đời thật ra không đến nỗi đơn giản như ta tưởng.

Có thể thế lắm. Nhưng cũng có thể có khả năng khác: đó là vừa rồi chẳng qua chúng ta chỉ cùng tưởng tượng ra những cảm giác vẽ cái gọi là niềm tiên cảm của chúng ta mà thôi.

- Có thể thế. Phải đấy, rất có thể như thế. Thậm chí hợp lý hơn cả là đúng thế.

- Đấy, anh thấy chưa. Chúng ta thì cứ lý sự cao siêu, mà cuộc đời có thể là rất đơn giản. Nó giống hệt cái cảnh hỗn loạn vừa diễn ra bên chân cầu tàu. Cái đám người ngu si nọ chen chúc, giẫm đạp nhau hấp tấp đi đâu vậy?

Hai vị hành khách cùng im lặng một lát. Tiếp đó họ lại nói chuyện.

- Bao nhiêu lâu rồi tôi và anh không gặp nhau nhỉ? Hai mươi ba năm phải không? - Vị hành khách lên trước, người phú tăm chan ấm, hỏi.

- Phải rồi, gần như thế, - người lên sau đáp. - Mùa thu này là vừa tròn hai mươi ba năm. Tôi và anh có thể rất dễ dàng tính ra điều này. Hầu như là một phân tư thế kỷ.

- Một thời gian dài đây. Cả một đời người chứ còn gì. Ấy là tôi muốn nói rằng cả đời tôi, đời anh hầu như đều kết thúc.

- Đúng, đúng thế. Nhưng mà sao mới được? Chẳng lẽ chúng ta lại thấy sợ hãi vì nó đã chấm hết?

- Hừm, tất nhiên là không sợ. Hầu như chẳng sợ chút nào cả. Đây chẳng qua toàn là chuyện láo toét, khi chúng ta tự nói với mình rằng "đáng sợ", tức là khi chúng ta cố tự dọa mình rằng, đây, cuộc sống thế là đã qua rồi, chỉ còn mươi năm nữa là nằm dưới mộ. Mà anh cứ thử nghĩ xem: nằm dưới mộ - đó đâu phải chuyện đùa!

- Hoàn toàn đúng thế. Thậm chí tôi còn có thể nói nhiều hơn thế nữa. Chắc anh cũng biết rằng, như người ta nói, tôi cũng khá nổi tiếng trong giới y học chứ?

- Ai lại không biết điều này! Tất nhiên là tôi biết. Thế anh có biết rằng người bạn hèn mọn của anh cũng nổi tiếng không?

- Lẽ đương nhiên là thế. Có thể nói rằng tôi là một độc giả chuyên cần, một người ngưỡng mộ anh - người lên sau nói.

- Thế đấy, cả hai đều nổi tiếng. Nhưng mà anh muốn nói điều gì kia chứ?

- Tôi muốn nói rằng nhờ sự nổi tiếng của mình, tức là nhờ một số kiến thức chẳng phải là uyên thâm gì cho lắm nhưng cũng khá là có căn cứ, tôi biết gần như đích xác rằng tôi còn sống thậm chí không phải là mười năm, mà là vài tháng nữa thôi. Hay lâu nhất thì cũng chỉ một năm. Chính tôi và các bạn đồng nghiệp của tôi đã xác định chắc chắn rằng tôi mắc một thứ bệnh vô phương cứu chữa. Tôi có thể đoan chắc với anh rằng tôi vẫn sống bình thản, hầu như không có chuyện gì xảy ra cả. Tôi chỉ tự cười giễu mình rằng: anh thử nghĩ mà xem, tôi muốn hiểu biết hơn mọi người về đủ thứ nguyên nhân dẫn đến cái chết để trở thành nổi tiếng, được sống đường hoàng, thế rồi lại nhận rõ ngọn ngành cái chết của chính mình. Nếu không thì người ta đã có thể giễu cợt, lừa gạt tôi. - này, ông bạn, chúng mình còn cố chữa chạy, không sao đâu! - Nhưng với tôi thì làm sao có thể đánh lừa hay nói dối được nữa? Đó là một việc làm ngu xuẩn và vụng về. Vụng về đến nỗi họ còn tỏ ra cởi mở thái quá, thứ cởi mở pha lẫn vẻ xúc động dịu dàng và nịnh bợ: "Biết nói thế nào nhỉ, ông bạn đồng nghiệp kính mến, chúng tôi không thể nói quanh co cùng ông được... *Finita la comedia!*"[1].

- Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ? - Người hành khách lên trước hỏi.

- Hoàn toàn nghiêm chỉnh, - người lên sau trả lời. - Nhưng mà điều chủ yếu là gì mới được? Nếu có một vị tên Cai nào đó là hữu hạn thì *Ergo*[2] tôi cũng sẽ chết, điều này trước sau gì cũng tới! Nhưng đáng tiếc ở đây có chuyện hoàn toàn khác kia: không phải một lúc nào đó tôi sẽ chết mà là sau một năm. Một năm có phải lâu là gì không? Hè sang năm anh sẽ lại chu du

(1) Hài kịch đã kết thúc (tiếng Italia trong nguyên bản)

(2) Ergo: Vậy là (tiếng Italia trong nguyên bản)

đâu đó trên sóng biển xanh, còn ở Matxcơva, trong nghĩa trang Tân Nữ những mảnh xương cao qúy của tôi sẽ được vùi sâu dưới đất. Rồi thì điều gì sẽ đến với tôi ư? Tôi hầu như chẳng có cảm xúc gì hết, khi nghĩ tới điều này, và điều tệ hại nhất là đó không phải kết quả của một thứ lòng dũng cảm nào như đám sinh viên vẫn cho là như thế khi tôi miêu tả cho họ bệnh trạng của mình cùng diễn biến của bệnh đó như là một điều thú vị từ góc độ lâm sàng. Mà chỉ đơn giản vậy thôi - như là kết quả của một thứ vô cảm giác ngu ngốc nào đó. Và cả những người chung quanh tôi, những người biết điều bí mật bi thảm của tôi, cũng đều không cảm thấy gì hết. Như anh đây chẳng hạn, - lẽ nào anh lại sợ hãi thay cho tôi?

- Sợ hãi thay cho anh ư? Không, tôi xin thú nhận rằng quả tình tôi không hề có cảm giác đó.

- Và tất nhiên là anh cũng không xót thương gì tôi chứ?

- Không, cũng chẳng xót thương. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng, anh cũng chẳng tin chút nào vào cái chốn cực lạc, nơi không hề có nỗi buồn, không hề có sự than vãn mà chỉ có những quả táo thiên đường, phải thế không?

- Thì thế, tôi với anh đâu có đức tin như vậy...

Và cả hai lại im lặng. Sau đó họ rút hộp thuốc lá ra và hút.

- Anh cũng nên để ý điều rằng, - người lên trước, người phủ tấm chăn, nói - tôi với anh không hề làm bộ làm tịch gì, không hề đóng kịch gì trước mặt nhau hay trước mặt một thính giả tưởng tượng nào cả. Quả tình là chúng ta nói với nhau rất thoải mái và không hề có vẻ trơ tráo cố ý nào, không hề có vẻ tự tâng bốc cay độc nào mà ở đó lúc nào cũng vẫn có sự bù trừ:

đấy, các vị thử nhìn xem, chúng tôi đang ở trong tình trạng ra sao - không một ai giống thế cả. Chúng ta đàm đạo với nhau thoải mái và khi im lặng cũng chẳng ngụ ẩn ý nào, chẳng tỏ vẻ thâm thúy cao siêu nào. Nói một cách khái quát thì trên trái đất này không có động vật nào thèm khát lạc thú hơn con người; tâm hồn khôn ngoan của con người ở đâu và lúc nào cũng tìm được cách tự thỏa mãn. Nhưng trong trường hợp của anh và tôi đây thì thậm chí tôi cũng không nhận thấy cả điều này. Và điều này còn kỳ dị hơn nữa, bởi còn phải cộng thêm vào cái trạng thái "vô cảm giác ngu ngốc" như anh vừa nói đến, tất cả tính chất đặc biệt của mối quan hệ giữa chúng ta. Bởi tôi và anh gắn bó hết sức mật thiết với nhau. Nói đúng hơn tức là chúng ta đã buộc phải gắn bó với nhau.

- Còn thế nào khác nữa! - Người lên sau đáp. - Thật tình tôi đã gây ra cho anh một tai họa ghê gớm thế nào. Tôi hình dung được những gì anh đã phải chịu đựng.

- Phải rồi, nhưng thực ra thì còn kinh khủng hơn nhiều so với điều anh có thể hình dung được. Nói gọn lại thì đó quả là ghê sợ, là cả một cơn ác mộng mà một người đàn ông, người tình, người chồng bị giành giật, bị cướp mất vợ đã phải trải qua, suốt ngày đêm này qua ngày đêm khác, hầu như liên tục, từng phút một, người đó phải quằn quại vì những cơn tự ái đau đớn, vì những điều tưởng tượng kinh hoàng đầy ghen tức về hạnh phúc mà kẻ tình địch của anh ta đang được hưởng, vì tình cảm dịu dàng vô vọng, bế tắc, - nói đúng hơn là cái cảm giác khát khao dịu dàng về thể xác, - đối với người đàn bà vừa bị mất, người đàn bà mà anh ta vừa muốn sôi máu hằn thù bóp chết, vừa muốn phủ khắp thân thể nàng những cử chỉ tự hạ mình tới mức hèn mọn nhất để tỏ bày sự ngoan ngoãn trung

thành vô hạn của một con chó. Đó quả là điều khủng khiếp khôn tả. Thêm nữa, tôi không hẳn là người bình thường, mà là một kiểu người nhạy cảm, đầy trí tưởng tượng. Đấy, anh cứ thử hình dung xem, những gì tôi đã phải nếm trải trong vòng mấy năm liền.

- Mấy năm liền kia ư?

- Tôi đoán chắc với anh rằng không ít hơn ba năm. Rất lâu sau đó chỉ cần nghĩ về anh và về cô ta, về sự gần gũi chung đụng giữa hai ngươi, là ý nghĩ đó đã như thanh sắt nung đỏ làm rát bỏng thân xác tôi. Điều đó cũng dễ hiểu. Nếu ai đó cướp đi của anh giả dụ như là vợ chưa cưới - thì điều này còn có thể chịu được. Nhưng nếu lại cướp đi người tình, hay như trong trường hợp của chúng ta đây, là cướp đi người vợ! Người mà, anh tha lỗi cho lời nói quá bộc trực của tôi nhé, anh đã chung chăn chung gối, người mà anh biết hết mọi đặc điểm thân xác và tâm hồn như nằm ngón tay của mình! Anh cứ nghĩ mà xem, đấy quả là một khoảng trống bao la cho trí tưởng tượng đầy ghen tuông. Làm sao chịu được cái cảnh người khác đã chiếm đoạt mất cô ta? Tất cả chuyện này quả là quá sức con người. Vì cái gì vậy mà thiếu chút nữa tôi đã thành thằng nghiện ngập, vì lẽ gì tôi đã tự phá hoại sức khỏe của mình, ý chí của mình? Vì lẽ gì tôi đã bỏ mất thời gian chín rộ nhất của sức lực và tài năng của mình? - Không một chút cường điệu, tôi có thể nói rằng quả là anh đã chặt đứt đôi con người tôi. Tất nhiên vết thương đã liền, nhưng thế thì có nghĩa gì? Dù thế nào thì con người trước kia của tôi đã chẳng còn và chẳng thể nào còn nữa. Bởi anh đã xâm phạm vào chốn thiêng liêng nhất trong cả sự tồn tại của con người tôi! Hoàng tử Gantam, khi tìm kiếm vị hôn thê cho mình, đã trông thấy nàng Iaxốtkhara,

người có "dáng vẻ óng ả của một nữ thần và đôi mắt của con hoẵng mùa xuân". Được nàng khích lệ, hoàng tử đã làm được những việc phi thường trong cuộc đua tài với các chàng trai khác, - chẳng hạn, hoàng tử đã bắn cung mà xa tới bảy nghìn dặm còn nghe thấy, - rồi sau đó chàng tháo chuỗi ngọc trai quàng lên cổ nàng Iaxốtkhara và nói. "Ta đã chọn nàng vì ta đã từng chơi với nàng trong rừng từ ngày xửa ngày xưa, khi ta còn là con của một người thợ săn, và nàng là bà chúa của rừng xanh: lòng ta chợt nhớ ra nàng!" Hôm đó trên mình nàng khoác tấm khăn vàng pha lẫn mầu đen; hoàng tử nhìn nàng và nói. "Nàng khoác tấm khan vàng - đen, bởi hàng ức triệu năm trước đây, khi ta còn là người thợ săn, trong rừng ta đã gặp nàng dưới lốt báo: lòng ta chợt nhớ ra nàng!"

- Anh bỏ quá cho tôi về cái chuyện đầy thơ mộng trên đấy, nó chứa đựng một sự thật to lớn và khủng khiếp. Anh hãy suy ngẫm kỹ càng ý nghĩa của những lời nói đáng kinh ngạc về "tấm lòng chợt nhớ", suy ngẫm về điều rằng thật là khủng khiếp thế nào khi cuộc gặp gỡ thiêng liêng nhất trên đời này đã bị một người ngoài phá hoại. Biết đâu tôi đã chẳng có thể giương cung bắn tên đến nỗi người ngoài xa vạn dặm còn nghe thấy. Thế rồi bất ngờ anh xuất hiện.

- Vậy thì bây giờ anh có cảm giác thế nào đối với tôi? - Vị có đôi vai bằng hỏi - Anh thấy giận dữ, ghê tởm, khao khát trả thù ư?

- Anh hình dung mà xem: tôi chẳng có cảm giác gì hết. Dù tôi cao giọng xổ ra hàng tràng dài như vừa rồi, thì quả là cũng chẳng có cảm giác gì hết. Kinh khủng, kinh khủng thật! Đấy, cái "tấm lòng chợt nhớ ra" là thế đấy! Mà chính anh chắc cũng

biết rõ điều này, tức là biết rõ rằng tôi chẳng có cảm giác gì cả. Nếu không thế thì anh đã chẳng hỏi làm gì.

- Anh nói đúng. Tôi biết thế. Và điều này cũng rất đáng sợ.

- Tuy vậy, tôi và anh chẳng có gì đáng sợ cả. Cái sợ quá khủng khiếp rồi thì cũng chẳng còn đáng sợ.

- Phải rồi, quả là chẳng còn gì đáng sợ nữa. Người ta hay nói: quá khứ, quá khứ! Đó là chuyện láo toét. Nói cho nghiêm khắc ra thì con người chẳng có thứ quá khứ nào hết. Chỉ còn có một tiếng vọng yếu ớt nào đó của tất cả những gì ngày xưa đã sống qua

Hai người lại im lặng. Con tàu rung rung, tiếp tục chạy, âm điệu mềm mại của làn sóng nước ngái ngủ trôi qua bên mạn tàu đều đều vang lên và tắt dần đi: chiếc máy đo tốc độ đặt sau mạn lái tàu đơn điệu quay nhanh, chốc chốc lại phát ra tiếng kêu thanh thanh, đầy bí ẩn: tinh, tinh... Sau đó người hành khách có đôi vai bằng cất tiếng hỏi:

- À mà anh hãy nói xem... Anh đã cảm thấy gì, khi biết tin cô ấy qua đời? Cũng không xúc động gì cả à?

- Vâng, hầu như không, - vị hành khách phủ tấm chăn đáp. - Đúng hơn cả là có đôi chút ngạc nhiên về sự vô cảm của mình. Một buổi sáng giở tờ báo ra xem - có một cái tin hơi dập vào mắt: vâng mệnh trời, bà gì đó đã... Do chưa từng gặp nhiều trường hợp như vậy nên tôi cảm thấy rất lạ lùng khi gặp tên người quen thân trong cái khung đen đặt ở cái góc bi thảm của trang báo và được in bằng thứ chữ to đầy trang trọng...Tiếp đó tôi cố tỏ ra buồn rầu; phải rồi, đây chính là người phụ nữ mà mình đã... Nhưng -

Tôi đã nghe tin nàng ra đi từ miệng người lãnh đạm.
Và tôi cũng dửng dưng đón nhận tin này . . .

Thậm chí tôi cũng không cảm thấy buồn. Chỉ có một cảm giác thương thương thoáng qua thôi .. Mà đó chính là người con gái mà "lòng tôi đã chợt nhớ ra", là mối tình đầu, mối tình vật vã dai dẳng của tôi. Tôi đã gặp nàng vào thời kỳ nàng đáng yêu nhất, thời kỳ trong trắng, và thơ ngây như trẻ nhỏ cùng với vẻ ngập ngừng e lệ thường vẫn làm trái tim đàn ông xúc động khôn tả, có thể ví rằng nữ tính nào cũng hàm chứa một vẻ yếu ớt đầy tin cậy, một vẻ gì trẻ thơ, đó là thể hiện của điều rằng người con gái, người phụ nữ nào cũng tiềm ẩn trong mình một đứa bé tương lai. Mà chính tôi là người đầu tiên nàng đã trao hiến tất cả những gì thượng đế ban cho, trao hiến với nỗi niềm sợ hãi và hạnh phúc vô cùng. Chính tôi đã hàng triệu lần hôn lên tấm thân trinh trắng của nàng - cái đẹp nhất có thể có trên thế gian này - hôn trong cơn xúc động run rẩy đến tận cùng mà suốt cả đời tôi chưa từng nếm trải. Chính vì nàng mà tôi đã mất trí từng ngày, từng đêm, suốt bao năm ròng. Vì nàng mà tôi khóc, tôi vò đầu, bứt tóc, đã mấy lần tính chuyện quyên sinh, đã uống rượu, rong ruổi trên những cỗ xe ngựa sang trọng, điên rồ hủy bỏ những tác phẩm có thể là hay nhất, qúy giá nhất của mình... Thế rồi hai mươi năm qua đi - tôi ngày độn nhìn lên cái tên nàng trong khung đen cáo phó, đờ đẫn hình dung ra nàng nằm trong quan tài... Một hình ảnh không thú vị gì, nhưng rồi chỉ thế thôi. Tôi đoán chắc với anh rằng, chỉ đến thế thôi. Còn anh nữa, anh bây giờ, tất nhiên là bây giờ thôi, - chẳng lẽ anh lại có cảm giác gì chăng?

- Tôi ấy à? Không, có gì phải giấu giếm đâu? Tất nhiên là gần như chẳng có cảm giác nào cả...

Con tàu vẫn đi; phía trước sóng tiếp sóng trào sôi, ào ào lướt qua mạn tàu; một dòng nước trắng xóa rào rào đơn điệu trôi theo đuôi tàu. Làn gió ngọt ngào từ đâu thổi tới, nhưng vì sao chi chít, đứng yên giữa bầu trời cao xa, phía trên ống khói tàu đen đen trên cột buồm cao nhọn với vô số dây chằng...

- Mà này, anh có biết gì không? - Bất ngờ vị khách lên trước hỏi như vừa chợt tỉnh. - Anh biết cái gì là điều chủ yếu không? Đó là điều tôi không sao có thể gắn liền lại người đã qua đời với người phụ nữ mà tôi vừa kể với anh. Không thể nào gắn được. Hoàn toàn không thể. Người phụ nữ trước kia hoàn toàn khác hẳn. Nói rằng tôi không có chút cảm giác nào với người phụ nữ ấy là nói dối. Nghĩa là tôi đã nói không chính xác. Hoàn toàn không đúng thế, không phải thế.

Người lên sau ra chiều nghĩ ngợi.

- Vậy thì sao mới được? Ông ta hỏi.

- Vậy là cả cuộc nói chuyện của chúng ta trở nên vô nghĩa.

- Chà, có đúng là vô nghĩa không? - Vị hành khách co đôi vai bằng nói. - Người phụ nữ trước kia, như anh nói ấy, chẳng qua chỉ là anh, là sự hình dung của anh, là cảm xúc của anh, nói gọn là một cái gì đó của anh. Vậy có nghĩa rằng chẳng qua anh chỉ tự làm xúc động chính mình thôi. Anh hãy thử bình tâm mà nghĩ kỹ xem.

- Anh cho là thế à? - Tôi không biết... Có thể... Vâng, có thể như thế lắm...

- Mà liệu anh có xúc động lâu với chính bản thân mình không? Chừng mười phút chăng? Hay là nửa giờ. Hay cứ cho là một ngày đi.

- Đúng, đúng. Thật là đáng sợ quá, nhưng có lẽ anh nói đúng. Và bây giờ thì nàng ở đâu? Ở trên bầu trời đẹp đẽ kia sao?

- Chỉ có Đấng chí tôn mới biết được thôi, anh bạn của tôi ạ. Nói cho đúng ra thì chẳng ở đâu cả.

- Anh nghĩ thế sao? Phải đấy, phải đấy.. Đúng hơn cả là như thế...

Mặt biển khơi bằng phẳng như hiện ra giữa một vòng đen bao la dưới vòm trời đêm mờ mờ, bàng bạc. Con tàu nhỏ như lạc giữa bình nguyên tròn tròn đen sẫm này và lặng lẽ miệt mài đi tiếp con đường của nó. Dòng nước trắng nhờ nhờ mầu sữa trào sôi ngái ngủ kéo dài mãi về phía xa, nơi trời đêm lẫn vào biển cả, nơi chân trời trở nên sẫm tối, ám đạm tương phản với ánh nước mầu ngà. Chiếc máy do tốc độc vẫn đều đều quay đi, chốc chốc lại phát ra âm thanh mảnh mai, buồn buồn, bí ẩn: tinh, tinh...

Hai vị hành khách im lặng một lúc rồi khẽ khàng và bình thản nói với nhau:

- Chúc anh ngủ ngon.

- Chúc anh yên giấc.

Bờ biển Anpơ, 1923

***PHAN HỒNG GIANG** dịch*

RUXIA

IVAN BUNIN
(NOBEL 1933)

Quá mười giờ tối, tàu tốc hành Mátxcơva - Xêvaxtôpôn dừng lại một ga nhỏ gần Pôđônxcơ, nơi lẽ ra nó không phải đỗ - nó phải chờ gì đó ở đường thứ hai. Trên tàu một ông và một bà bước gần lại cánh cửa sổ đã hạ xuống ở toa hạng nhất. Có một người phục vụ toa đi qua đường ray, tay giơ cao chiếc đèn đỏ; bà nọ bèn hỏi.

- Này ông kia, sao chúng tôi lại phải dừng thế này?

Người phục vụ toa trả lời rằng đoàn tàu tốc hành chạy ngược chiều bị chậm.

Trên ga trời tối, cảnh vật trông buồn tẻ. Hoàng hôn xuống đã lâu, nhưng ở phía tây, khuất xa sau ga, sau cánh đồng xen lẫn rừng, vẫn còn thấp thoáng ánh chiều hè Mátxcơva tắt muộn. Mùi nước đầm ẩm thấp thoáng tới cửa sổ. Trong khoảng không yên ắng từ đâu vọng tới tiếng cuốc kêu đều đều, nghe dường như cũng có mùi vị ẩm ướt.

Ông hành khách nọ tỳ khuỷu tay lên cửa sổ, còn bà thì tựa vào vai ông.

- Có lần anh đã sống ở vùng này vào dịp nghỉ hè, - ông nói. - Dạo ấy anh làm gia sư tại một trang ấp dành để ở mùa hè cách đây chừng năm dặm. Một vùng buồn tẻ. Rừng thưa thớt, có chim ác là, muỗi và châu chấu. Chẳng có cảnh đẹp nào. Ở

trang ấp muốn ngắm nhìn chân trời phải leo lên gác nhỏ. Ngôi nhà tất nhiên là xây theo phong cách nhà nghỉ Nga, trông rất tiêu điều,- chủ nhân bị phá sản mà - sau nhà là khu đất na ná như vườn, sau vườn không hẳn là hồ, không hẳn là đầm mọc đầy cỏ gấu, cùng hoa súng, và hiển nhiên là có một chiếc thuyền đáy bằng đậu cạnh bờ lầy.

- Và tất nhiên là còn một cô nàng buồn tẻ ở nhà nghỉ, người mà anh đã cùng bơi thuyền dạo chơi trên đầm này nữa chứ!

- Đúng thế, đã có những gì phải có. Tuy nhiên cô nàng thì hoàn toàn không buồn tẻ chút nào. Anh bơi thuyền cho cô ấy đi chơi thường là về đêm, và mọi chuyện xem ra còn có vẻ thơ mộng nữ là khác. Suốt đêm trời phía tây cứ sáng nhờ nhờ pha màu xanh lục, và ở tít đường chân trời có cái gì leo lét cháy như lúc này đây... Mái chèo thì có mỗi một cái mà lại giống như cái xẻng, anh đã chèo thuyền như một kẻ moi rợ khi thì chèo bên phải, khi thì bên trái. Ở bờ bên kia có khoảnh rừng cây nhỏ nên tối sẫm, nhưng sau cánh rừng ấy suốt đêm cứ có cái mầu sáng nhờ nhờ lạ lùng như thế này. Chung quanh là cảnh yên lặng tuyệt đối - chỉ còn nghe tiếng muỗi vo ve và châu chấu bay. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng đêm đêm chúng lại bay như thế, - hóa ra là chúng bay để kiếm tìm cái gì đó. Đáng sợ thật đấy.

Cuối cùng thì đoàn tàu ngược chiều cũng đã tới, nó xé gió ầm ầm chạy qua, các ô cửa sáng ánh đèn kéo thành một dải vàng. Toa tàu trên đường bên này lập tức chuyển động. Người phục vụ toa bước vào ngăn buồng nhỏ, châm đèn lên và soạn dọn giường ngủ.

- Thế rồi giữa anh với cô ta đã có chuyện gì xảy ra vậy? Một thiên tình sử thật sự chứ? Sao anh chưa bao giờ kể với em về cô ta? Cô ta trông người thế nào?

- Người cao cao, gầy gầy. Mặc *xaraphan*[1] hoa vàng, chân không tất đi hài sảo đan bằng thứ len đủ màu.

- Thế nghĩa là cũng theo phong cách Nga chứ?

- Anh cho rằng theo phong cách nghèo túng thì đáng hơn. Không có gì mặc thì đành mặc *Xaraphan* vậy. Thêm nữa cô ta còn là họa sĩ, học ở Trường trung cấp mỹ thuật Xtơrôganốp. Bản thân cô ấy trông cũng rất đẹp, đáng được họa lại, thậm chí còn có nét của Đức Mẹ. Bím tóc đen dài thả sau lưng, khuôn mặt bầu bĩnh với những nốt ruồi nhỏ, mũi cao thanh tú, mắt đen, lông mày đen. . Mái tóc khô cứng, hơi xoăn xoăn. Tất cả những nét ấy bên cạnh chiếc *Xaraphan* và cái áo cánh lót bằng vải trắng mỏng, khiến cô ấy trông thật đẹp. Bắp chân và mu bàn chân lộ ra trên đôi hài sảo thon gầy, làn da mỏng mịn.

- Em biết típ này rồi. Hồi đi học em cũng có một cô bạn như thế. Chắc là có máu tâm thần ittêri chứ gì.

- Có thể thế lắm. Thêm nữa gương mặt cô ta trông giống mẹ, mà mẹ thì dòng giống xuất thân vốn là một tiểu thư phương Đông mắc bệnh gì đó đại loại như là bệnh trầm cả. Chỉ đến bữa ăn mới xuất hiện. Bước ra, ngồi xuống và im lặng, húng hắng ho, không nhìn lên và cứ đặt đi đặt lại dao đĩa. Còn nếu bất ngờ bà ta lên tiếng thì nói rất to khiến mọi người phải giật thót.

- Thế còn ông bố?

- Ông ta cũng ít nói và khô khan, người cao dong dỏng, là sĩ quan về hưu. Chỉ có cậu con trai anh dạy thêm là giản dị và đáng yêu.

---

(1) Xaraphan, một kiểu váy áo không tay (N.D)

Người phục vụ toa bước ra khỏi căn buồng, nói rằng giường nằm đã chuẩn bị xong xuôi và chúc ngủ ngon.

- Tên cô ta là gì?

- Ruxia.

- Nguyên cả tên là thế nào?

- Rất đơn giản thôi - Maruxia

- Thế rồi sao nữa, anh phải lòng cô ta như điếu đổ chứ?

- Tất nhiên, dường như mê kính khủng nữa là khác.

- Thế còn cô ta?

Ông im lặng một lát rồi trả lời, giọng khô khốc:

- Chắc là phía cô ấy cũng cảm thấy như vậy. Nhưng thôi đi ngủ thôi. Cả ngày hôm nay anh mệt lắm rồi.

- Tuyệt thật đấy. Anh chỉ vô tình gợi chuyện thế thôi. Nào, anh hãy kể đôi ba câu cũng được, thiên tình sử giữa hai người đã kết thúc như thế nào?

- Chẳng thế nào cả. Anh rời khỏi chỗ đấy và mọi chuyện kết thúc.

- Sao anh không cưới cô ta?

- Chắc vì anh linh cảm rằng sẽ được gặp em.

- Không, nói nghiêm chỉnh là sao?

- Thì cứ cho là anh đã rút súng ra tự sát, còn cô ta, thì tự đâm dao vào bụng...

Họ rửa mặt, đánh răng rồi vào trong ngăn buồng chật hẹp, cởi bỏ quần áo. Với vẻ khoan khoái của kẻ đi đường, họ nằm

vào tấm vải lót thơm láng bóng, gối đầu lên tấm gối cũng như vậy; chiếc gối chốc chốc lại bị trượt đi vì đầu giường dốc cao.

Ô khoang tròn nhỏ màu xanh tím phía trên tấm cửa như đang lặng lẽ nhìn xuống bóng tối. Bà hành khách lát sau đã yên giấc, còn ông thì chỉ nằm không ngủ, châm thuốc hút và nhớ lại mùa hè năm ấy...

Trên mình nàng cũng có nhiều nốt ruồi nhỏ - đặc điểm này thật là khả ái. Nàng đi giày mềm không có gót cao, nên toàn thân nàng uyển chuyển dưới chiếc *xaraphan*. *Xaraphan* may rộng, vải nhẹ mỏng choàng lấy tấm thân trinh nữ dong dỏng của nàng. Có lần nàng bị mưa ướt hết cả chân, nàng chạy từ vườn vào phòng khách, còn anh thì bổ tới cởi giày cho nàng, và hôn lên mu bàn chân nhỏ ướt nước mưa của nàng - cả đời anh chưa khi nào có được niềm hạnh phúc như thế. Cơn mưa thanh mát, ngát hương thơm mỗi lúc một thêm nặng hạt, đổ mau ngoài cửa thông ra ban công để mở. Trong nhà tối tối, mọi người đều ngủ sau bữa trưa - và cả nàng lẫn anh đều được một phen khiếp đảm khi con gà trống màu đen pha lẫn mảng lông xanh mượt, màu đỏ to bống từ vườn chạy vào, móng vuốt gõ lạch canh lên sàn nhà đúng vào cái phút say mê nhất, khi cả hai đều không còn biết thận trọng giữ gìn. Nhìn thấy hai người bật dậy từ *divăng*, nó vội vàng cúi mình bỏ chạy ra ngoài mưa như thể vì giữ lịch sự, bộ lông đuôi bóng mượt của nó cụp xuống...

Thời gian đầu nàng như còn để ý quan sát anh; khi anh nói chuyện với nàng, gương mặt nàng ửng đỏ và nàng trả lời với giọng lấu bấu giễu cợt; khi ngồi ăn nàng thường hay chọc tức anh bằng cách nói to với bố:

- Đừng mời anh ấy ăn ba ạ, vô ích thôi. Anh ấy không thích bánh mằn thắn đâu. Thêm nữa, cái món súp lạnh cũng không ưa, mì dẹt cũng chán, sữa chua đặc thì khinh, còn *phomát* tươi thì căm ghét.

Sáng sáng anh bận dạy học cho cậu bé, còn nàng thì bận nội trợ - mọi việc trong nhà đều đến tay. Mọi người thường ăn trưa vào một giờ, sau bữa trưa nàng bỏ về phòng mình trên căn gác nhỏ, hoặc nếu trời không mưa thì đi vào vườn, nơi nàng đặt giá vẽ dưới cây bạch dương, nàng vừa vẽ từ cảnh thật, vừa xua muỗi. Sau đó nàng bước ra ban công, nơi sau bữa trưa anh thường ngồi đọc sách trong chiếc ghế bành đan bằng cói, lưng ngả về phía sau. Nàng đứng bên cạnh, tay chắp ra sau lưng và nhìn anh với nụ cười khẩy.

- Xin cho biết anh đang bồi bổ kiến thức uyên bác nào thế?

- Lịch sử cách mạng Pháp.

- Chà, chao ơi! Không ngờ rằng trong nhà chúng tôi lại có một nhà cách mạng!

- Sao cô lại bỏ cái nghề hội hoa của cô thế?

- Sắp tới cũng đến phải bỏ hẳn thôi. Tôi đã tin chắc mình là kẻ bất tài.

- Nhưng cô thử cho tôi xem một bức nào đó mình vẽ xem nào.

- Anh cho rằng anh cũng hiểu biết ít nhiều về mỹ thuật sao?

- Cô tự ái quá đáng đấy.

- Cũng có cái tật như thế ..

Cuối cùng thì nàng gợi ý anh cùng bơi thuyền chơi trên hồ. Nàng quả quyết nói:

- Hình như mùa mưa vùng nhiệt đới chúng ta đã qua rồi. Ta phải giải trí chứ. Quả tình mà nói thì cái thuyền của nhà tôi khá ọp ẹp, đáy có lỗ thủng, nhưng tôi và Pêchia đã lấy cỏ gấu bịt hết các chỗ thủng rồi...

Hôm ấy trời nóng nực oi bức, đám cỏ mọc ven bờ xen lẫn những bông hoa quáng gà màu vàng như bị hun lên bởi cái nóng ẩm ướt, trên đó thấy bò lổm ngổm vô số sâu bướm nhỏ màu xanh nhàn nhạt.

Anh đã học được cái giọng giễu cợt thường xuyên của nàng; bước đến gần thuyền, anh nói:

- Cuối cùng thì cô đã chiếu cố tới tôi!

- Cuối cùng thì anh đã tập trung được ý nghĩ để trả lời tôi! - Nàng hăng hái nói và nhảy lên mũi thuyền làm đàn ếch nhái từ bốn phía nhảy rào rào xuống nước. Nhưng rồi nàng bỗng hét lên thất thanh và nắm lấy gấu, *xaraphan* kéo lên tận đầu gối, hai chân đập đập xuống:

- Rắn! Rắn!

Anh nhìn thoáng thấy đôi chân trần mềm mại trắng ngần của nàng, giật lấy mái chèo từ mũi thuyền đập vào con rắn đang bò ngoằn ngoèo trong đáy thuyền. Khều được rắn vào đầu mái chèo, anh quẳng nó xuống nước thật xa.

Mặt nàng tái mét, nốt ruồi trên mặt nàng trông như sẫm màu hơn, mái tóc và cặp mắt đen huyền dường như đen thêm. Nàng thở phào nhẹ nhõm:

- Chao, sao mà khiếp vậy! Chẳng thế mà chữ "*kinh sợ* lại phát sinh từ chữ "*rắn*"[1]. Ở vùng này đâu cũng thấy chúng, trong nhà, ngoài vườn... Thế mà anh thử hình dung xem, Pêchia lại cầm rắn trên tay đấy!

Lần đầu tiên nàng nói với anh bằng giọng bình thường, không kiểu cách, lần đầu tiên họ nhìn thẳng vào mắt nhau.

- Anh tài thật đấy! Anh đập nó trúng thế!

Nàng đã hoàn hồn trở lại, nhoẻn miệng cười, chạy từ phía mũi thuyền vào trong khoang và ngồi xuống vui vẻ. Vẻ đẹp của nàng trong cơn sợ hãi làm anh choáng váng; lúc đấy một ý nghĩ dịu dàng chợt đến với anh: nàng quá là còn thơ trẻ quá!

Nhưng anh lại làm ra vẻ lãnh đạm, chăm chú bước vào thuyền, chống mái chèo xuống bờ lấy, để mũi thuyền quay ra phía trước, túm lấy đám cỏ gấu dày mọc ngầm dưới nước, lách qua những bông súng với tán lá to tròn phủ đầy ven hồ mà kéo thuyền ra chỗ nước sâu, ngồi xuống thanh gỗ kê giữa thuyền rồi khỏa mái chèo khi bên phải, khi bên trái.

- Cô đúng là thích không anh? - Nàng thốt lên

- Thích thật! - Anh trả lời, bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống rồi quay về phía nàng: - Cô làm ơn đặt bên cạnh mình kẻo tôi lại đánh rơi xuống lòng thuyền vì, nói xin lỗi cô chứ, nước vẫn chảy vào và đầy những đỉa là đỉa.

Nàng đặt chiếc mũ lưỡi trai lên đầu gối.

---

(1) Trong tiếng Nga chữ ul nghĩa là rắn, còn chữ ulas nghĩa là kinh sợ

- Cô khỏi phải bận tâm thế, quẳng đâu cũng được. Nàng áp chiếc mũ lên ngực:

- Không đâu, tôi thích cầm thế này!

Trái tim anh dịu dàng thắt lại, nhưng anh quay mặt đi và mạnh tay hơn khỏa mái chèo xuống mặt nước lấp loáng giữa đám cỏ gấu và hoa súng.

Muỗi bám lên mặt, lên tay; chung quanh như chỉ - trong ánh sáng bạc ấm áp; làn không khí trong lành, ánh mặt trời nhợt nhạt còn vương lại, những đám mây trắng bông bềnh cuộn tròn mờ mờ hiện ra trên nền trời và dưới mặt nước xen giữa những đám cỏ gấu và hoa súng, trên hồ chỗ nào cũng nông đến nỗi có thể nhìn rõ đáy với đám rong rêu mọc ngầm dưới nước, tuy nhiên đáy nông cũng không làm mất đi cái cảm giác sâu thẳm của bầu trời cùng mây đã in hình trong đó. Bỗng nàng lại kêu lên thất thanh - con thuyền bị đảo nghiêng: nàng khỏa tay xuống nước, túm được thân cây hoa súng rồi kéo mạnh nó lên và kết quả là bị lật nghiêng cùng với thuyền. Anh kịp thời nhảo tới và túm lấy vai nàng. Nàng cười phá lên, ngả lưng xuông khoang thuyền, lấy tay ướt vẩy nước thẳng vào mắt anh. Lúc đó anh lại giữ chặt lấy nàng; không biết phải làm gì, anh hôn vào môi nàng đang cười sặc sua. Nàng nhanh nhẹn ôm lấy cổ anh và vụng về hôn lên má anh .

Từ đạo ấy họ thường đi bơi thuyên đêm. Ngày hôm sau, ăn trưa xong, nàng gọi anh vào vườn rồi hỏi:

- Anh có yêu em không?

Anh nhớ lại những cái hôn trên thuyền hôm trước và sôi nổi trả lời:

- Yêu ngay từ ngày đầu chúng mình gặp nhau!

- Em cũng thế, - nàng nói. - Không, đúng ra thì mới đầu em cảm ghét anh cơ - em cố cảm giác rằng anh chẳng để ý gì đến em cả. Nhưng may thay, mọi chuyện đó qua rồi. Tối nay, lúc mọi người đi ngủ, anh lại ra đấy đợi em nhé. Chỉ có điều ra khỏi nhà anh phải hết sức kín đáo đấy, - mẹ em theo dõi em từng bước, ghen tức ghê gớm với bất cứ ai yêu em.

Đêm khuya nàng ra tới bờ hồ tay cầm một tấm khăn choàng len rộng. Vì sung sướng, anh bối rối đón nàng và chỉ biết hỏi:

- Tấm choàng này để làm gì vậy?

- Anh ngốc lắm. Đêm khuya chúng mình sẽ bị lạnh đấy. Thôi, anh lên thuyền nhanh nhanh đi và chèo sang phía bờ bên kia...

Trên thuyền lúc chèo đi, cả hai đều im lặng. Khi bơi gần đến cánh rừng phía bờ bên kia, nàng nói:

- Đến rồi đấy. Bây giờ thì anh đến cạnh em đi. Tấm khăn choàng đâu nhỉ? À, em ngồi lên nó đây. Anh quàng cho em đi, em lạnh quá, ngồi xuống đây đi anh. Thế thế... Không, khoan đã, ngày hôm qua chúng mình hôn nhau chẳng ra sao cả, bây giờ thì để em hôn anh trước, thật khẽ, thật khẽ thôi. Còn anh thì ôm em...ôm cả người cơ...

Dưới tấm *xaraphan* nàng chỉ mặc chiếc áo cánh lót. Nàng chỉ khẽ chạm hôn nhẹ vào khóe môi anh. Đầu anh quay cuồng, nửa tỉnh nửa mê; anh ngả mình nàng xuống sàn thuyền. Nàng run rẩy ôm lấy anh...

Nàng nằm yên bất động, hơi ngẩng đầu lên, nụ cười trên môi nàng mệt mỏi và hạnh phúc. Nàng nói:

- Từ giờ chúng mình đã là vợ chồng. Mẹ nói rằng bà không thể chịu nổi cảnh em đi lấy chồng, nhưng lúc này em chẳng muốn nghĩ đến điều ấy đâu... Anh biết không, em thèm tắm quá, em rất thích tắm đêm...

Nàng cởi áo qua đầu, thân mình cao dong dỏng của nàng hiện ra trắng trắng trong bóng tối mờ mờ. Nàng vấn bím tóc dài quanh đầu, tay giơ lên, để lộ bộ ngực cao cao. Nàng không cảm thấy ngượng ngùng với sự khỏa thân của mình. Quấn tóc xong, nàng hôn anh thật nhanh, đứng bật dậy rồi nhảy tùm xuống nước, đầu ngả ra phía sau, chân đập nước loạp roạp.

Một lúc sau anh cập rập giúp nàng mặc áo và quàng tấm khăn rộng lên mình nàng. Trong bóng tối mờ mờ đôi mắt huyền và mái tóc đen với bím tóc quàn quanh hiện lên thật kỳ ảo. Anh không dám chạm đến nàng nữa, chỉ hôn đôi bàn tay nàng và lặng người đi trong cảm giác hạnh phúc nôn nao, [illegible] ngất. Dường như có ai đó đứng trong bóng tối khu rừng [illegible] đầy những ánh đom đóm lập lòe - đứng trong đó mà nghe ngóng. Đôi lúc lại có tiếng xào xạc đầy cẩn trọng từ phía ấy. Nàng ngẩng đầu lên:

- Đứng lại, cái gì thế?

- Đừng sợ em a, đấy chắc là ếch nhảy lên bờ thôi.

Hay là con dím trong rừng...

- Nhưng nếu có con dê rừng thì sao?

- Con dê rừng nào kia?

- Em không biết nữa. Nhưng anh cứ thử nghĩ mà xem, có con dê từ cánh rừng đi ra, nó đứng lại và nhìn chăm chăm . Ôi, em thấy sung sướng quá, em muốn nói đủ điều ngớ ngẩn, lẩm cẩm!

Anh lại áp đôi tay nàng lên môi mình, chốc chốc lại hôn vào ngực nàng lạnh ngắt như nàng nìu một vật gì thiêng liêng nhất. Nàng đã trở thành một con người hoàn toàn khác đối với anh! Sau dải đen thẫm của cánh rừng còn ngưng đọng và chưa tắt hẳn một vầng sáng nhờ nhờ ngả màu xanh lục in xuống mặt nước trăng trắng từ xa; cây cỏ đẫm sương ven hồ tỏa ra mùi hăng hắc như mùi cần tây; đàn muỗi vô hình kêu vo vo đầy bí ẩn như van xin điều gì, những con châu chấu đáng sợ, không biết ngủ cứ xè xè bay trên mạn thuyền và ngoài xa trên mặt nước lấp loáng dưới trời đêm. Và ở đâu đó có cái gì đang xào xạc, bò đi, lách qua...

Một tuần sau anh bị đuổi khỏi nhà cô gái một cách nhục nhã vô lối, lòng bàng hoàng kinh hãi vì sự chia ly hoàn toàn đột ngột với nàng.

Một lần sau bữa trưa, hai người đang chụm đầu ngồi bên nhau trong phòng khách và xem tranh in trong các số tạp chí "Niva" cũ.

- Em còn chưa chán anh đấy chứ? - Anh khẽ hỏi làm ra vẻ đang chăm chú nhìn.

- Anh ngốc lắm. Ngốc kinh khủng! - Nàng thì thào. Bất ngờ có tiếng chân chạy nhẹ êm - trên ngưỡng cửa hiện ra bà mẹ dở người của nàng, bà mặc chiếc áo choàng lụa đen nhàu nát,

chân đi dép da dê sờn cũ. Cặp mắt đen của bà ánh lên một cách bi thương. Bà chạy vào phòng như ra sàn khấu và hét lên:

- Tao hiểu cả rồi mà! Tao đã biết trước rồi, tao theo dõi rồi! Thằng đểu kia, mày đừng có hòng mà lấy con tao!

Bà vung tay áo rộng lên, bóp cò khẩu súng lục cổ lỗ nổ vang - khẩu súng này Péchia vẫn dùng để dọa chim sẻ và chỉ nhồi thuốc súng không thôi. Trong đám khói mù mịt, anh lao về phía bà, túm lấy cánh tay chắc khỏe của bà. Bà ta vùng ra, đập súng lục vào trán anh làm bật máu trên lông mày, quẳng súng vào người anh; và khi nghe thấy có tiếng chân người chạy trong nhà theo tiếng hô hoán và súng nổ thì bà ta càng hét to hơn, đầy vẻ đóng kịch hơn, dãi dớt sùi ra trên môi thâm sì:

- Có bước qua xác tao nó mới lấy mày được! Nó mà chạy theo mày, thì ngay tức khắc tao sẽ treo cổ tự tử, sẽ nhảy từ mái nhà xuống! Đồ đểu, cuốn xéo ngay khỏi nhà tao! Còn cô kia, cô hãy chọn đi, mẹ hay là nó!

Nàng thì thào run rẩy:

- Mẹ, mẹ...

... Anh chợt tỉnh, mở mắt ra - ở khoang tròn nhỏ màu xanh tím trên cánh cửa ra vào vẫn miệt mài, bi ẩn, lạnh lẽo nhìn xuống anh từ trong khoảng tối, toa tàu vẫn lắc lư, nhịp nhành và cũng miệt mài như thế lao nhanh về phía trước. Cái ga xép nhỏ hoang vắng kia đã lùi lại rất xa, rất xa. Và cũng đã hai mươi năm trôi qua từ những ngày ấy - cánh rừng nhỏ, chim ác là, đầm nước, hoa súng, những con rắn và sếu trời... Phải rồi, còn có cả sếu trời nữa chứ - anh làm sao quên được chúng! Mọi

chuyến mùa hè năm ấy đều dị thường, cả cặp sếu không biết từ đâu thình thoảng bay tới ven đầm nữa cũng dị thường. Thật lạ lùng nữa, chúng chỉ cho mỗi mình nàng lại gần, cúi cong cái cổ dài thanh thanh, từ phía trên nhìn xuống nàng với vẻ rất nghiêm nghị nhưng đầy tò mò hiền lành, khi nàng nhẹ nhàng thanh thoát chạy đến bên chúng, chân đi hài sảo sạc sỡ. Bất [illegible] nàng ngồi xổm trước đôi sếu, tấm váy *xaraphan* màu [illegible] trên bãi cỏ xanh ven đầm ẩm ướt, ấm áp; với vẻ [illegible] thơ trẻ nàng nhìn vào đôi mắt đẹp đen dữ tợn của đàng đôi mắt lọt vào giữa mép vòng viền màu xám sẫm. Anh nhìn lên nàng và đôi sếu từ xa qua ống nhòm; anh thấy rõ đầu sếu nhỏ mau sáng bóng, thậm chí còn nhìn thấy lỗ mũi xương xương, cái mỏ hình ống to dài chỉ cần mổ một cái là làm rắn hết. Mình sếu ngắn phủ một lớp lông đen nhánh màu thép với vạt lông đuôi lòa xòa, đôi chân xương xương đầy vẩy mốc của chúng quá dài và nhỏ - một con có chân đen tuyền, còn con kia chân lại ngả màu xanh lục nhạt. Đôi khi chúng đứng hàng giờ liền trên một chân, bất động một cách khó hiểu. Có lúc tự nhiên chúng lại nhảy tưng tưng lên, xoạc dài đôi cánh ra, hoặc có lúc lại dạo chơi đầy vẻ bệ vệ, bước đi chậm rãi, đều đặn; lúc giơ cao chân lên thì ba móng chụm lại, khi hạ xuống thì móng lại xòe ra như móng cú diều, và đầu thì lúc nào cũng lúc lắc... Nói cho đúng thì khi nàng chạy lại chỗ đôi sếu, anh đã chẳng còn nghĩ được gì, chẳng còn nhìn thấy gì - anh chỉ thấy tấm *xaraphan* của nàng xòe ra trên mặt cỏ, toàn thân anh run rẩy ngây ngất chơt hình dung tới thân thể nàng mềm mại ẩn sau tấm *xaraphan*, với những nốt ruồi nhỏ ly ty. Vào ngày cuối cùng của họ, vào lần cuối họ ngồi gần nhau trên đi văng trong phòng khách xem tập tạp chí "Niva" cũ, nàng cũng cầm lấy

chiếc mũ lưỡi trai của anh, áp mũ lên ngực mình như cái lần ngồi trên thuyền hồi nào. Cặp mắt đen huyền long lanh của nàng ánh lên niềm sung sướng, nàng nhìn thẳng vào mắt anh và nói:

- Bây giờ thì em yêu anh lắm anh ạ, đến nỗi với em chẳng còn gì thân thiết hơn mùi hương trong mũ của anh, mùi mồ hôi tóc anh và mùi nước hoa ngai ngái anh dùng!

...Tàu chạy qua Kurxcơ, trong toa ăn, sau bữa sáng, ông khách uống cà phê cùng rượu *cônhắc*, bà vợ nói với ông:

- Anh làm sao mà uống nhiều thế? Có dễ phải tới ly thứ năm rồi đấy. Vẫn còn buồn nhớ tới cô nàng co mu bàn chân thon gầy ở nhà nghỉ chứ?

- Ồ, ờ, đang buồn đây, - ông trả lời, mỉm cười gượng gạo. - Cô nàng nơi nhà nghỉ...*Amata nobis quantum amabitur nulla!*[1]

- Tiếng La tinh đây à? Thế nghĩa là gì?

- Mình không cần biết điều này đâu.

- Sao anh thô lỗ thế, - bà hành khách nói, thở dài không y tứ, và đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ đầy ánh mặt trời.

***PHAN HỒNG GIANG** dịch*

---

1. Người con gái ta yêu, chẳng bao giờ còn ai được yêu đến thế!

HÃY SUY NGHĨ ĐI, BIACÔMINÔ !

LIEIGI PIRANDELLO
(NOBEL 1934)

Mới ba ngày hôm nay, trong nhà giáo sư Agôxtinô Tôti mất đi không khí vui tươi và thanh thản mà ông nghĩ rằng ông hoàn toàn có quyền được hưởng.

Giáo sư đã gần bảy chục tuổi, và ai thiện chí đến mấy cũng không thể bảo rằng ông đẹp: thấp như người lùn, thân mình ông lại vạm vỡ, cổ ngắn tịt, đặt trên hai chân khẳng khiu như chân nhện, và cuối cùng là cái đầu to tướng... Đúng như thế! Giáo sư Tôti hiểu rất rõ bản thân và không hề có ảo tưởng gì hết; làm sao cô vợ trẻ Mađalênina xinh đẹp, chưa đầy hai mươi sáu tuổi có thể yêu được ông kia chứ?

Thật ra ông lấy cô chỉ vì thấy cô là con gái nhà nghèo, ông muốn nâng cô lên vị trí của ông. Con gái một viên chức quèn ở trường tiểu học trở thành vợ một giáo sư giảng dạy môn khoa học tự nhiên tại một trường Trung học, chỉ còn mấy tháng nữa là sẽ về hưu và hưởng một khoản lương hưu trí đặc biệt rất lớn. Thêm vào đó, hai năm trước đây ông bỗng nhiên được thừa hưởng một gia tài, giống như từ trên trời rơi xuống, anh của giáo sư Tôti đã bỏ nước sang sinh sống ở Rumani từ nhiều năm nay, vừa mới qua đời, không có vợ con, đã trao quyền thừa kế cho em một tài sản rất lớn, gần hai trăm ngàn lia.

Tuy nhiên giáo sư Tôti cho rằng, không phải thứ ấy khiến ông có quyền được hưởng niềm vui và yên tĩnh tuổi già. Ông là

triết gia và hiểu rất rõ rằng, chỉ riêng tài sản vật chất chưa đủ đem lại hạnh phúc cho một phụ nữ trẻ và xinh đẹp.

Giá như số tài sản được thừa kế kia ông nhận được trước khi cưới, thì có lẽ ông đã yêu cầu cô Mađalénina chịu khó kiên nhẫn thêm ít lâu, nghĩa là chịu khó đợi cho đến khi ông chết, vì cũng chẳng còn bao lâu nữa, chứ không phải thực hiện một sự hy sinh là lấy ông. Nhưng đáng tiếc món tài sản thừa kế ấy ông lại được nhận quá chậm, hai năm sau khi cưới.. Đúng lúc giáo sư Tôti triết gia kịp nhận thức ra rằng, khoản lương hưu trí mà ông sẽ để lại cho vợ chưa đủ xứng đáng với sự hy sinh của nàng cho ông.

Từ lâu giáo sư đã vui lòng chấp nhận tất cả những thứ đó và ông cho rằng, nhờ vào số tài sản to lớn được thừa kế kia, hơn bao giờ hết, ông có quyền được hưởng những ngày tháng cuối cùng thanh thản và tươi vui ngay trong ngôi nhà của ông. Hơn nữa, vốn là con người hiểu biết, tỉnh táo và luôn mong muốn điều tốt cho người khác, ông không chỉ bó hẹp trong việc làm điều tốt cho vợ, ông còn muốn làm điều tốt cho cả... Chính thế! Anh ta tên là Giacôminô, một chàng trai tuyệt diệu, một trong những học trò yêu của ông, tính tình khiêm nhường, đứng đắn, tế nhị, đồng thời đẹp trai, có làn tóc mềm mại, lượn sóng vàng óng, trông như thiên thần vậy.

Chắc chắn là như thế! Ông đã làm tất cả những chuyện ấy, chăm lo tất cả những điều ấy, ông giáo sư già Agôxtinô Tôti! Anh chàng Giacôminô đang chưa có công việc gì để làm. Thấy sư rồi rãi làm anh ta vừa buồn bã vừa tủi thân, ông đã xoay xở cho anh một chỗ làm tại nhà băng Địa chính, nơi ông gửi số tiền hai trăm ngàn lira được thừa kế.

Trong nhà bây giờ có một đứa trẻ, một tiểu thiên thần hai tuổi rưỡi. Và ông giáo sư già gắn bó với nó bằng cả tâm hồn, chẳng khác gì tên nô lệ gắn bó với ông chủ mà y tôn kính và yêu mến. Ngày nào cũng vậy, hết giờ lên lớp ở trường là ông vội về nhà và cúc cung phục vụ những ý thích oái oăm của thằng bé, một bạo chúa tí hon. Thật ra mà nói, bây giờ được hưởng khoản thừa kế rồi, ông rất có thể khước từ khoản lương hưu kếch xù kia, thôi không đi làm nữa để hoàn toàn rảnh rang ở nhà chơi với đứa bé. Nhưng không! Làm như thế là không tốt. Ông thấy có phận sự phải vác cây thánh giá cho đến cùng, dù có nặng nề đến mấy! Bởi vì ông lấy vợ chỉ nhằm mục đích duy nhất là làm điều tốt cho vợ, trong khi cuộc hôn nhân ấy đem lại cho ông bao nhiêu nỗi khổ tâm.

Đúng vậy. Ông giáo sư lấy cô gái trẻ kia chỉ với một ý nghĩ: làm điều tốt cho nàng. Ông yêu Madalênina không phải với tình cảm người chồng mà là tình cảm người cha, nhất là từ ngày nàng sinh đứa bé. Giá nó gọi ông là "ông" chứ không phải là "bố" thì ông còn sung sướng hơn biết bao nhiêu! Điều dối trá một cách vô ý thức thốt ra từ cái miệng trong trắng, vô tội kia chỉ làm ông khổ tâm. Ông cảm thấy dường như sự dối trá ấy xúc phạm tình cảm của ông đối với đứa trẻ. Nhưng biết làm sao được! Kèm theo cái hôn, từ cái miệng xinh xắn kia thốt ra tiếng "bố" làm cho những kẻ xấu bụng nhếch nụ cười giễu cợt. Họ không thể hiểu nổi tình cảm của ông đối với đứa trẻ thơ ngây kia. Họ cũng không hiểu được hạnh phúc của ông khi thấy mình đem lại hạnh phúc và sẽ tiếp tục đem lại những điều tốt lành cho cô gái trẻ, cho chàng trai tuyệt diệu, cho đứa bé và cho cả bản thân ông nữa. Đúng thế! Cho cả chính ngay bản thân ông, tất nhiên rồi. Còn hạnh phúc nào bằng được sống những

năm tháng cuối cùng trong không khí vui tươi, giữa những người thân thiết, bằng được dần bước đến nơi an nghỉ cuối cùng cảm thấy lọt trong bàn tay bản thân một bàn tay nhỏ xíu ấm áp của một tiểu thiên thần.

Tuy vậy, những kẻ độc ác, xấu bụng chê cười ông, giễu cợt nhạo báng ông: " Lão khọm già ngu ngốc thật đáng thương! Sao số kiếp lão thảm hại đến như thế!". Nghe tiếng cười của họ, ông thấy sao họ tồi tệ và ngu xuẩn đến như vậy! Nhưng thôi, cũng chỉ vì họ chưa hiểu... Họ làm sao tự đặt họ vào hoàn cảnh của ông, họ làm sao thấu hiểu được một lố bịch trong hoàn cảnh của ông, họ làm sao thấu hiểu được những ý nghĩ, những cảm xúc thầm kín trong đáy lòng của ông?... Nhưng ông quan tâm làm gì đến họ! Ông hạnh phúc đến thế còn gì!

Chỉ mới trong vòng ba ngày hôm nay...

Nhưng chuyện gì đã xảy ra vậy? Vợ ông mắt sưng mọng, đỏ hoe. Cô kêu váng đầu và suốt ngày không chịu ra khỏi phòng riêng.

- Chà, tuổi trẻ! ... Tuổi trẻ! - Ông giáo sư thở dài lắc đầu, trên môi ông nở một nụ cười buồn bã và thấu hiểu.- Chắc hai anh chị lại giận dỗi nhau chứ gì? Cơn giận thoáng qua ấy mà, rồi lại đâu vào đấy thôi...

Rồi cùng với thằng bé Nini ông lang thang trong nhà ngoài sân, buồn bã lo lắng, thậm chí hơi bực bội tý chút, bởi vì... nói cho đúng ra, cô vợ ông cũng như cậu Giacôminô lẽ ra không nên đối xử với ông như thế. Họ còn trẻ, họ chưa hiểu đối với người già mỗi ngày đều qúy giá, và đều cần phải được tươi vui yên tĩnh. Mất một ngày phải chịu buồn bã là một mất mát lớn đối với những người già như ông.

Vì suốt ba ngày nay, do thái độ của cô vợ mà ông ban khoán lo lắng. Cô Mađalênina không còn hát cho ông nghe bằng cái giọng trong trẻo những bản tình ca và không còn săn sóc ông như ông vẫn quen được hưởng nữa.

Thằng bé Nini cũng trầm ngâm và cau có, như thế nó hiểu được rằng mẹ nó không quan tâm gì đến con nữa. Giáo sư dắt thằng bé hết phòng này sang phòng khác, và ông không phải cúi xuống lần nào, đủ biết vóc người ông quá thấp. Ông nhấc nó lên đàn pianô, gõ lăng nhăng vài phím, thờ hổn hển, ngáp, rồi ngồi xuống, đặt thằng bé lên đầu gối, cho nó lắc lư. Nhưng sau đấy ông lại đứng ngay dậy vì cảm thấy trong lòng không yên. Đã năm sáu lần ông bảo cô vợ trẻ kể xem chuyện gì đã xảy ra song đều không kết quả.

- Đâu vắn vảng à? Vẫn khó chịu lắm phải không?

Mađalênina vẫn nín thinh, nhất định không chịu thổ lộ điều gì, chỉ lặng lẽ khóc thút thít, rồi nhờ ông khép cánh cửa sổ lại và dắt con cô ra ngoài. Cô muốn được nghỉ ngơi một mình, trong bóng tối.

- Đâu vắng lắm à? Có phải không?

Tội nghiệp, chắc cô ấy vắng đâu lắm!... Chắc hẳn hai đứa giận dỗi nhau chuyện gì lớn lắm đây!

Ông giáo sư Tôti xuống bếp gợi chuyện chị người làm, xem có biết thêm được điều gì không, nhưng khốn nỗi ông không biết cách bắt chuyện, bởi vì chị ta rất ghét ông. Chị ta cũng giống những người khác, chuyên nói xấu ông và đặt chuyện để chế nhạo ông với hàng xóm. Rút cuộc ông chẳng moi được gì ở chị người làm ngu xuẩn và nông cạn kia

Ông giáo sư đành thực hiện một hành động táo bạo. Ông bế thằng Nini vào phòng mẹ nó và yêu cầu cô mặc thêm áo ấm cho con.

Để làm gì kia chứ? - Mađalênina hỏi.

- Tôi đưa thằng bé đi dạo, - ông giáo sư đáp. - Hôm nay chủ nhật bắt nó ở nhà cũng tội.

Mađalênina không muốn cho con ra đường, vì biết rằng mỗi khi nhìn thấy ông già với thằng bé con, dân phố bao giờ cũng cười cợt, nhạo báng. Cô còn biết rõ ràng, đã có lần một thằng cha thô lỗ, ác khẩu dám nói toạc vào mặt ông chồng của cô: "Sao mà thằng bé giống ông đến như thế, ông giáo sư?"

Thế nhưng thằng bé Nini khăng khăng đòi:

- Không, con muốn đi dạo. Nhất định hai bố con con sẽ đi dạo

Thế là ông giáo sư cùng với thằng bé đến nhà Giacôminô Đêlidi. Anh ta sống cùng với bà chị độc thân và bà chăm sóc anh như mẹ chăm con. Xưa nay bà Agata này rất biết ơn ông giáo sư Tôti bởi vì bà thấy quá rõ những động cơ tốt của ông. Nhưng bây giờ người phụ nữ đạo đức giả ấy quay ngược thái độ, coi ông như quỷ sứ dưới địa ngục chui lên, đã đẩy em trai của bà vào tội lỗi chết người.

Giáo sư kéo chuông, và phải đợi khá lâu cửa mới mở. Chẳng là bà Agata rón rén đến cạnh cửa, nhìn qua khe cửa ra ngoài rồi chạy vào báo cho em biết, bấy giờ mới quay ra để trả lời rằng Giacôminô không có nhà.

Bà ấy đấy. Mặc bộ áo liền váy mầu đen, gây gò, cau có, mặt vàng nhợt như nặn bằng sáp, mắt thâm quầng. Vừa mở cửa ra bà đã run lên vì giận dữ, trách cứ ngay khách:

- Thì ra là ông... Khổ thân thằng em tôi. Muốn được yên, người ta cũng không để nó yên. Mà ông đem cả thằng bé đến đây nữa..Ra ông đem cả thằng bé theo nữa...

Ông giáo sư Tôti không ngờ lại được đón tiếp kiểu này. Ông sửng sốt rồi ngước mắt nhìn bà Agata, sau đấy nhìn thằng bé, lúng túng gượng cười và đáp lí nhí:

- Thưa bà, có chuyện gì vậy? ... Bà cho tôi gặp ... Cho tôi gặp...

- Em nó không có nhà! - Bà Agata xẵng giọng đáp cộc lốc. - Cậu Giacôminô không có nhà.

- Tốt lắm, - giáo sư Tôti gật đầu. - Nhưng thưa bà... Xin bà tha lỗi, hôm nay bà tiếp tôi quá... Tôi chưa hiểu tại sao? Tôi nghĩ có làm điều gì xấu cho bà hay cho em trai của bà đâu nhỉ?

- Thưa ông giáo sư, - bà Agata nói giọng đã bớt phần gay gắt. - Chúng tôi ... chúng tôi rất biết ơn ông, nhưng ông cũng phải hiểu ra ràng...

Giáo sư chau mày, lại mỉm cười, rồi giơ tay, trỏ vào ngực mình vài ba lần, như thể định nói, ai không hiểu chứ ông thì rất hiểu.

- Tôi đã già rồi, thưa bà, - ông nói, - tôi hiểu nhiều điều, tôi hiểu chứ! Song trước tiên tôi nghĩ là, không bao giờ nên tức giận. Và mỗi khi xảy ra chuyện hiểu lầm, ta nên nói thẳng với

nhau... đúng thế, nên nói thẳng, thưa bà, không úp mở gì hết và cũng đừng nóng nảy...Có phải như thế không nhỉ?

- Đã đành rồi... - bà Agata bối rối tán thành.

- Chính vì thế,- giáo sư Tôti nói tiếp. - Bà cho phép tôi vào nhà và bà hãy mời cậu Giacôminô ra đây gặp tôi.

- Nhưng em nó đi vắng.

- Bà lại vẫn cứ thế! Bà bảo tôi cậu ấy đi vắng để làm gì? Cậu Giacômicô có nhà và bà phải gọi cậu ấy ra gặp tôi. Hai chúng tôi sẽ từ tốn trò chuyện! Tôi đã già rồi và tôi rất hiểu, bởi vì tôi cũng đã từng có lúc trẻ trung, thưa bà. Tôi sẽ nói chuyện từ tốn với cậu ấy. Bà nói với cậu ấy như vậy. Và bây giờ thì bà để chúng tôi vào nhà.

Trong gian phòng tiếp khách đơn sơ, giáo sư Tôti ngồi xuống một chiếc ghế tựa và đặt thằng bé Nini lên đầu gối. Ông phải chờ rất lâu trong khi bà Agata cố thuyết phục cậu em.

- Con ngồi yên, Nini... ngoan nhé! - Ông giáo sư già thỉnh thoảng nhắc thằng bé, nó chỉ chực đứng xuống sàn, chạy đến chiếc bàn nhỏ bày các thứ đồ chơi bằng sứ bóng loáng. Trong lúc đó ông giáo sư cố đoán xem chuyện xích mích gì chắc là khá lớn đã xảy ra ở nhà ông mà ông không thể ngờ tới được. Cô Madalênina hiền lành đến như thế? Cô ấy làm chuyện gì sai trái được nhỉ? Tại sao bà Agata lại tỏ vẻ giận dữ đến như vậy?

Giáo sư Tôti, trước đây chỉ đoán là chuyện giận dỗi nhau bình thường giữa đôi trẻ, lúc này bỗng lo lắng thực sự.

Giacôminô kia rồi! Lạy Chúa, sao nét mặt anh ta căng thẳng đến thế kia! Giận dữ nữa chứ! Thế nghĩa là sao nhỉ? Sao

anh ta dám có thái độ như thế với mình? Thằng Nini chạy đến với anh ta, anh ta phũ phàng gạt ra, trong khi nó chìa hai bàn tay bé xíu: "Giami, Giami!"

- Anh Giacôminô! - Giáo sư Tôti bị thương tổn đến tận đáy lòng, thét lên.

- Ông muốn nói gì với tôi, ông giáo sư? - Giacôminô hỏi rất nhanh, cố tránh luồng mắt của ông già. - Tôi không được khỏe... Tôi đang nằm nghỉ... Tôi không thể nói chuyện gì được. Và lúc này tôi không muốn tiếp ai...

- Nhưng đứa trẻ thì sao anh nỡ. .

- À, phải rồi... - Giacôminô sực nhớ, cúi xuống hôn thằng bé.

- Anh thấy trong người khó chịu à? - Giáo sư nói tiếp, trong lòng hơi yên tâm khi thấy anh ta hôn đứa trẻ. - Tôi cũng đoán thấy thế cho nên tôi tự tìm đến đây. Anh vắng đâu à? Ngồi xuống đây, ngồi xuống đi... Ta nói chuyện với nhau một chút. Lại đây, Nini... Con thấy chú Giami ốm rồi chứ? Chú vắng đâu... Con phải ngoan, lát nữa về thôi. Tôi đến hỏi anh một câu, - ông già quay sang anh chàng Giacôminô,- ông giám đốc ngân hàng Địa chính đã nói gì với anh chưa?

- Chưa, nhưng chuyện gì thế ạ? - Giacôminô lo lắng hỏi.

- Có chuyện này thôi. Hôm qua tôi có gặp ông ta và bàn về chuyện của anh, - giáo sư Tôti mỉm cười vẻ bí mật đáp. - Lương anh không cao gì lắm. Và anh thừa biết, tôi chỉ cần nói một tiếng...

Giacôminô ngồi trên ghế, nắm chặt hai bàn tay lại như muốn bóp nát vật gì.

- Thưa giáo sư, tôi rất biết ơn giáo sư, - anh ta nói

- Nhưng tôi van giáo sư hãy vì Chúa, đừng lo lắng thêm điều gì cho tôi nữa. Tôi van giáo sư đấy!

- Ra thế! - Giáo sư Tôti tiếp tục nói, miệng vẫn mỉm cười. - Hay lắm, nghĩa là tôi và anh, ta không cần gì đến nhau nữa chứ gì? Song nếu đặt vấn đề cách khác, tức là tôi làm mọi việc ấy nhằm thỏa mãn thích thú riêng của tôi thì sao? Anh bạn trẻ thân mến ạ, nếu vậy anh hãy mách cho tôi, có ai khác ngoài anh đáng cho tôi quan tâm giúp đỡ nữa? Tôi đã già rồi, Giacôminô ạ. Mà người già thì, tất nhiên họ không phải kẻ ích kỷ, nhưng người già mà cả cuộc đời đói nghèo, vất vả khốn khổ mới tạo dựng được vị trí như hiện nay, họ nhìn thấy những người bạn trẻ đang gặp khó khăn, họ rất muốn giúp đỡ. Những người già như tôi rất thèm được chia sẻ niềm vui của học trò mình, chia sẻ những mong ước và hy vọng. Họ rất vui sướng được nhìn thấy đám hậu sinh dần dần từng bước chiếm lĩnh những vị trí xứng đáng trong xã hội. Riêng đối với anh, anh thừa biết thái độ tôi đối với anh như thế nào. Tôi coi anh như con trai . Anh làm sao thế? Anh khóc à?

Giacôminô quả đang úp hai bàn tay lên mặt và cả người anh rung lên trong tiếng nức nở mà anh không sao nén lại được

Thằng bé Nini sợ hãi nhìn, rồi quay sang bảo ông giáo sư:

- Giami nhè, bố ạ

Ông già đứng dậy, định đặt bàn tay lên vai Giacôminô nhưng anh bật đứng dậy như thể ghê tởm. Mặt anh đột nhiên méo xệch và anh thét lên như điên:

- Dừng! Giáo sư đừng đến gần tôi! Giáo sư hãy về đi! Tôi van giáo sư! Do giáo sư mà tôi phải chịu bao nhiêu nỗi dằn vặt khủng khiếp. Tôi không xứng đáng được giáo sư quan tâm và cũng không muốn! Giáo sư nghe tôi nói gì rồi chứ? Tôi không muốn!...Mời giáo sư về đi và dẫn cả thằng bé nữa. Xin giáo sư quên tôi đi! Hãy coi như không có tôi trên cõi đời này!

Giáo sư Tôti kinh ngạc. Ông bán khoăn hỏi:

- Nhưng tại sao kia chứ?

- Tôi xin nói ngay bây giờ! - Giacôminô hét lên.- Tôi đã đính hôn, thưa giáo sư, tôi đã đính hôn, giáo sư hiểu chứ?

Giáo sư Tôti loạng choạng, như thể bị ai giáng một đòn vào giữa đỉnh đầu. Giơ cao tay, ông lẩm bẩm:

- Anh ấy ư? Anh đã đính hôn ấy ư?

- Vâng, thưa giáo sư.- Giacôminô đáp.- Chính vì thế mà quan hệ giữa giáo sư với tôi không còn gì nữa, không bao giờ còn gì nữa! Bây giờ thì chắc giáo sư đã hiểu tại sao tôi không thể gặp...gặp các người được nữa...

- Anh đuổi tôi?- Ông già thốt lên, rất thấp giọng.

- Không phải thế, - Giacôminô cay đắng trả lời. - Nhưng có điều giáo sư nên ra khỏi cái nhà này ..

Ra khỏi ư? Giáo sư Agôxtinô Tôti ngã phịch xuống ghế. Hai chân ông khuỵu xuống. Ông ôm đầu rên rỉ:

- Lạy Chúa! Ra tai họa đến như thế này! Ra sự thể là như vậy! Khốn khổ cái thân tôi! Khốn khổ thân tôi! Nhưng chuyện này xảy ra từ bao giờ? Xảy ra như thế nào? Không ai nói gì với tôi cả? Anh định hôn với cô nào vậy?

- Thưa giáo sư.. đã khá lâu rồi. .- Giacôminô lúng túng.- Cô ấy mồ côi và rất nghèo, cũng gần như tôi...và quen với chị của tôi.

Giáo sư chầm chầm nhìn anh bằng cặp mắt không nhìn thấy gì. Miệng ông thốt lên những lời rời rạc:

- Anh vứt bỏ mọi thứ...dễ dàng. .đến thế kia...ư? Anh hoàn toàn ..không...bàn khoăn gì . về ai hết...và không . suy tính...

Giacôminô lại hiểu đó là lời trách anh vô ơn, anh bèn phản đối:

- Xin lỗi. nhưng giáo sư định coi tôi là kẻ nô lệ của giáo sư hay sao?

Tôi mà coi anh là nô lệ?- Giáo sư không cầm được nước mắt, ông nói trong tiếng nức nở.- Tôi ấy ư? Anh nỡ mở miệng nói những lời ấy ư? Bởi vì tôi đã biến anh thực sự thành ông chủ tại ngay cái nhà của tôi! Còn gì vô ơn bằng câu anh vừa nói! Hay anh nghĩ rằng tôi làm điều tốt cho anh để mong được hưởng lợi lộc gì? Và thực tế tôi đã được cái gì lợi, hay chỉ chuốc lấy bao lời dị nghị chê cười nhao nhao của thiên hạ? Những kẻ ngu xuẩn không có khả năng hiểu được những tình cảm đẹp của một ông già bất hạnh. Bây giờ tôi lại thấy chính anh cũng không hiểu nổi. Anh không đánh giá được những tình cảm của một ông già bất hạnh, đang chuẩn bị cho việc rời khỏi cõi đời, đang cảm thấy trong lòng thanh thản và vui mừng, thấy sau

khi mình chết, mọi sự đều đâu vào đấy, cái gia đình nhỏ bé của ông ta không phải chịu thiếu thốn, mà sẽ hạnh phúc. Tôi đã bảy mươi tuổi. Chỉ nay mai tôi đi. Giacôminô ạ. Tại sao bỗng nhiên anh lại có những ý nghĩ kỳ quái ấy? Tôi không biết và cũng không muốn biết anh đã đính ước với ai. Nếu anh đã chọn, nghĩa là cô ấy đáng giá, bởi vì bản thân anh cũng là người tốt... nhưng anh nên nghĩ lại.. không thể như vậy được, Giacôminô. Anh không thể tìm được cô gái nào hơn là... về tất cả mọi phương diện. Ý tôi không phải chỉ nói về mặt vật chất...Với lại anh đã có gia đình riêng rồi còn gì? Chỉ mỗi tôi là người thừa, song cũng chẳng phải đợi lâu nữa... Và tôi cũng không muốn len vào đó.. Hay tôi làm phiền cho anh? Nhưng anh vẫn coi tôi như cha kia mà... thậm chí tôi có thể.. tôi có thể... nếu như làm như thế anh dễ chịu hơn... song anh hãy nói cho tôi biết, đã xảy ra chuyện gì? Dấu đuôi như thế nào? Tại sao bỗng nhiên anh lại thay đổi hẳn thái độ như vậy?... Nói cho tôi biết đi, Giacôminô.

Giáo sư Tôti bước đến gần Giacôminô, đỉnh thân mát vỗ vai anh, nhưng anh ta co rúm người lại, như khiếp sợ và lùi lại.

- Thưa giáo sư!- Anh ta hét lên. - Tại sao ông không hiểu, tại sao ông không thấy là toàn bộ lòng tốt của giáo sư...

- Làm sao?

- Xin giáo sư hãy để yên! Đừng buộc tôi phải nói! Tại sao giáo sư không hiểu rằng, tất cả những chuyện giữa chúng ta chỉ có thể tiến hành một cách hoàn toàn bí mật? Thế nhưng bây giờ giáo sư thấy rồi đấy, mọi người xung quanh chế nhạo, nói xấu, chê cười chúng ta, tôi không chịu nổi.

- Ôi, thì ra anh sợ dư luận, anh hoảng hốt trước những lời đàm tiếu?- Giáo sư Tôti quát.- Và anh...

- Xin giáo sư để tôi yên!- Giacôminô lặp lại, giận dữ vung mạnh hai tay. - Giáo sư thử ra ngoài xem. Xung quanh giáo sư còn biết bao thanh niên khác cũng cần đến giáo sư giúp đỡ!

Giáo sư Tôti cảm thấy những lời nói của người học trò yêu thốt ra như những mũi dao nhọn đâm thẳng vào giữa tim ông, vì những lời ấy chứa đựng cả sự lăng nhục cô vợ trẻ của ông. Mặt ông tái nhợt và người run lên, ông gào to:

- Mađalênina còn trẻ trung nhưng hoàn toàn trong sạch, trong cách xử sự của cô ấy không hề có một vết nhơ. Và anh cũng thừa biết như thế. Nếu biết những chuyện này, cô ấy rất có thể khung sông nổi, bởi vì lúc này cô ấy đang ốm, mà bệnh lại nằm trong trái tim. Đúng là như thế đấy, hỡi con người vô ơn kia ơi! Và anh lại còn dám nói đến những thanh niên nào khác nữa ư? Đồ vô liêm sỉ! Anh không thấy lương tâm dằn vặt gì ư? Anh còn dám nhìn vào mặt tôi nữa à? Anh dám nói những lời tế đốn mạt thế vào giữa mặt tôi sao? Anh cho rằng cô Mađalênina có thể chuyển từ tay thằng này sang tay thằng khác được hay sao? Cô ấy, mẹ của thằng bé này? Anh nói nhưng gì vậy? Sao anh dám mở miệng nói những câu như thế?

Giacôminô tái mặt, sửng sốt ngước nhìn ông già.

- Tôi ấy ạ?- Anh ta lúng túng.- Người phải hỏi chính là tôi kia chứ. Nhưng thưa giáo sư, sao giáo sư nơ mắng mỏ tôi như thế? Giáo sư nghi như thế thật sao?

Giáo sư Tôti úp hai bàn tay lên mặt, hai mi mắt ông rung rung, đầu ông cúi gục và ông đang nức nở khóc. Nini thấy vậy

cũng ào lên khóc ầm ĩ. Ông già nghe thấy tiếng khóc của đứa trẻ, nhấc bổng nó lên rồi ôm ghì vào ngực.

- Ôi, con yêu quý của ta... Ôi, tội nghiệp Nini! Rồi mẹ con sẽ sao đây? Và cả số phận cuộc đời con sau này nữa chứ? Bởi vì mẹ con quá non nớt, làm sao sống nổi nếu thiếu nơi dựa dẫm... Ôi, khổ cả ta nữa! Ta thương các người biết chừng nào!

Ông ngẩng đầu lên và qua hàng lệ ngước nhìn Giacôminô.

- Tôi khóc,- ông nói tiếp.- và lương tâm của tôi cắn rứt: chính ta đã che chở anh, đã đưa anh vào gia đình, nói với anh toàn lời tốt đẹp... tôi đã phá tan mọi nỗi nghi ngại cản trở cô ấy yêu anh... và đến bây giờ, cô ấy gạt đi được mọi nỗi băn khoăn, đã yêu anh và đã sinh thằng bé này... thì anh...

Ông ngừng lại, rồi giận dữ dằn từng tiếng:

- Cẩn thận đấy, Giacôminô! Ta đủ sức dẫn thằng bé này đến nhà cô vợ chưa cưới nào đó của anh!

Những câu nói lộn xộn và nước mắt của giáo sư khiến Giacôminô hoang mang bối rối cực độ. Bây giờ nghe ông già đe doạ như vậy, anh vội chắp hai tay nài nỉ:

- Thưa giáo sư, giáo sư định biến thành trò cười cho khắp mọi người sao?

- Trò cười ư? - Giáo sư hét lên. - Tôi sợ gì tiếng cười, khi tôi nhìn thấy anh tàn phá cuộc đời của một người phụ nữ bất hạnh, phá hủy cuộc đời của bản thân anh và thằng bé này? Ta về thôi. Nini, ta về thôi!

Giacôminô lao chạy theo:

- Xin giáo sư đừng làm như thế!

- Không được. Nhất định ta sẽ làm! - Giáo sư tuyên bố với giọng kiên quyết. - Và để phá đám cưới của anh tôi sẽ còn yêu cầu nhà ngân hàng sa thải anh! Tôi cho anh ba ngày để suy nghĩ.

Dắt tay đứa bé, ông già bước ra phía cửa. Đến cửa, ông quay đầu lại đe dọa thêm lần nữa:

- Hãy suy nghĩ đi, Giacôminô! Hãy suy nghĩ cho thật kỹ vào.

QUỲNH DUNG dịch

VÒNG HOA

LUIGI PIRANDELLO
(NOBEL 1934)

Bác sĩ Xima dừng lại ở cổng toa thị chính, ngôi nhà nhỏ cao trên ngọn đồi, ngay ở lối ra vào miền này: ông đứng im lặng một lát, nhìn hàng rào sắt thô sơ, hai bên có hai cột cái cũng không kém phần sơ sài chống đỡ, sau cột có hai cây trac bá nhỏ nom ảm đạm (ảm đạm, mặc dù có một vài dây hồng leo uốn lượn quanh cây giữa màu xanh la sẫm). Ông nhìn lối đi dốc đứng từ cổng rào lên đỉnh đồi, giữa đám cây hiện ra một lầu bát giác nom giống như ngôi chùa. Để thay đổi giòng tư tưởng, ông muốn đi dạo một vòng quanh ngôi biệt thự cũ kỹ này hòng khắc phục tình trạng tê cứng của chân tay đang bị cái nóng của nắng mới làm nàng chình chịch.

Bóng mát quả đồi phía bắc đượm đầy hương thơm hoang dại; mùi thơm đang đắng của mận rừng, hương thơm ngào ngạt đến nhức mũi của đan sâm và bạc hà. Từ đám cây nổi lên tiếng ríu rít liên chi hồ đẹp của những con chim nhỏ chào đón niềm vui, mừng xuân êm dịu đã trở về. Và bác sĩ Frăngxenxcô Xima châm rãi bước lên phía ngôi biệt thự nhỏ bé, hít thở một cách khoái trá làn không khí sực nức hương thơm kia. Nó khiến ông hoan hỉ và ngây ngất đến nỗi ông gần như nới nãng lần thần trong tình trạng say sưa tuyệt diệu.

Cảnh tượng những cây cối trở lại xanh tươi mở ra trước mắt trong sự phóng túng yêu kiều, đàn bướm trắng bay lượn trên các luống hoa, đã khiến cho những ý nghĩ không thể nào vui của bác sĩ có một vòng hào quang gần như nhẹ bỗng, một dáng dấp của giấc mơ...

Sao mà nó đẹp thế, ngôi biệt thự nhỏ bé, yên tĩnh, giữa một khung cảnh vắng lặng!

- Giá nó là của mình nhỉ. .

Và kìa, lồng ngực ông phồng lên vì một điều mong muốn không thỏa mãn được, nào ai biết đã có bao nhiêu người đến đây dạo chơi, chỉ để thờ dài như ông lúc này: *Giá nó là của mình*!...

Bởi vì chính số phận các cảnh vật thuộc về tất cả mọi người là không của riêng ai.

Cứ mỗi bước, một cái cọc lại hiện ra với tấm bảng: "*Cấm dẫm lên luống hoa, cấm chạm vào cây cối*"; "*Cấm hái hoa*".

Khi đi qua, chúng ta chỉ có độc một cái quyền là liếc mắt nhìn. Vì chưng, dinh cơ muốn nói: "tôi" chứ không nói "chúng

ta". Và đây, có một người có thể nói "tôi"; bác làm vườn. Bác là ông chủ thực sự, lại còn được trả tiền để làm ông chủ nữa chứ. Bác có một ngôi nhà để ở, và bác bán những bông hoa thuộc về tất cả mọi người, không của riêng ai.

Một tiếng hát rung động hơn tất thảy, bỗng gợi lên trong tâm trí bác sĩ kỷ niệm cụ thể về một lần nghỉ mát xa xưa ở cái trại cũ kỹ, giữa đám cây trên đồng quê bát ngát. Trại được vui thêm vì ngay bên là biển. A! Hồi ấy ông bác sĩ còn trẻ, một chàng trai khá xấu nết, rất mê săn bắn. Bao nhiêu chim chóc bé nhỏ tội nghiệp đã bị cậu ta giết chết!

Những lo âu, bực bội và thất vọng mà nghề thầy thuốc đã gây ra cho ông hầu như lắng đọng trong đáy lòng. Nhưng nỗi luyến tiếc cái tuổi bốn mươi đã qua đi mấy tháng nay vẫn chưa nguôi; thời kỳ đẹp đẽ nhất của cuộc đời ông hầu như đã trôi qua, vậy mà ông chẳng được tận hưởng tuổi thanh xuân.

Nhất định phải có bao nhiêu hoan lạc có thể hưởng thụ được trong cuộc sống ấy chứ! Phải rồi! Cuộc đời có thể đẹp lắm; một ban mai sáng lan như buổi này chẳng bù đắp được bao nỗi phiền muộn và bao chuyện trái ý hay sao?

Bác sĩ dừng lại khi sực nghĩ đến một điều: quay về nhà tìm người vợ trẻ (bác sĩ mới cưới vợ bảy tháng nay) để cho cả vợ cũng được nếm mùi vị kỳ diệu của cuộc dạo chơi này. Ông dừng lại, do dự một lát, rồi từ từ bước trên lối đi.

Không, sự kỳ diệu này là của mình ông thôi; có lẽ vợ ông cũng cảm thấy y như vậy, nếu tự cô ta đến đây dạo chơi không phải do ông mời. Nhưng nếu họ cùng có mặt ở đây thì sự kỳ diệu sẽ tan biến cho cả hai. Đây này! Chỉ mới nghĩ đến thôi mà

nó đã tan biến đi với ông rồi đó. Vị cay đắng của nỗi buồn man mác ấy, mới đây ông chỉ cảm thấy đôi chút, lúc này đã xiết chặt tim ông.

Chẳng phải vì ông có điều gì chê trách vợ. Cô bé tội nghiệp, hiền lành biết bao. Nhưng cô ta kém ông khoảng mươi tám tuổi, cô mới vừa tròn hai mươi; còn ông thì râu tóc hai bên thái dương đã hoa râm cả.

Bảy tháng trước đây, khi cưới cô, ông đã hy vọng tấm lòng qúy mến của cô đối với ông trong thời gian đính hôn ngắn ngủi sẽ chuyển nhanh sang tình yêu. Chỉ cần cô thấy được mặc dù tóc ông đã bạc, ông vẫn yêu cô như một đứa trẻ. Trước cô, ông chưa từng yêu một người đàn bà nào khác.

Mơ ước đấy thôi! Tình yêu, tình yêu thực sự (ông cảm thấy rõ ràng) vẫn chưa nảy nở trong lòng vợ ông; có lẽ nó sẽ không bao giờ nảy nở. Cô cười nụ với ông, tỏ ra bằng nghìn cách là cô yêu ông, nhưng đó chỉ vì bổn phận.

Có lẽ nỗi buồn của ông cũng không đến nỗi nặng nề lắm nếu một vấn đề danh dự nào đó đa không ngấm ngầm làm cho nó thêm nghiêm trọng. Vấn đề danh dự ấy ngăn trở không cho ông có những suy nghĩ hơi cay đắng nhưng đầy tính chất phác, bao dung đối với người bạn đời trẻ trung của mình, qua đó ông vẫn có thói quen tha thứ và chịu đựng bao nhiêu việc khác trong đời.

Hồi còn con gái, với nhiệt tình của tuổi mười tám, vợ ông đã say mê một chàng học sinh trung học, chết vì bệnh truyền nhiễm. Ông biết chuyện đó bởi vì bấy giờ ông được mời đến bên giường chàng - lại mời trung ông - với tư cách là thầy thuốc

Và ông biết, hồi đó, chỉ một suýt nữa là nàng phát điên vì đau khổ; nàng đã cấm cung trong một căn buồng tối qua nhiều tuần, từ chối không tiếp ai hết; nàng không ra khỏi nhà và muốn đi tu. À! Trong vùng người ta đã nói ra nói vào bao nhiêu điều. Tất cả lớp người thành thị đều cảm động trước tình huống ác nghiệt; tình yêu của đôi trai gái bị cai chết làm tan nát. Bởi vì con người tội nghiệp đã quá cố kia được mọi người quy mến. Chàng có một trí óc linh lợi, có nét mặt thanh tú, phong cách lịch sự, thái độ vui vẻ, lễ phép; còn nàng, khóc thương chàng một cách tuyệt vọng, nàng được đánh giá đúng đắn là một trong những cô gái đẹp nhất vùng.

Một năm sau, khi chiều theo sự nài ép của cha mẹ, nàng bằng lòng đến dự một vài buổi hội họp, diện mạo, thái độ, vẻ buồn rầu và nụ cười gượng gạo của nàng đã gợi lên cho tất cả, nhất là trong đám trai trẻ, một sự ngưỡng mộ thành kính, một sự trìu mến đầy nhiệt tình. Được nàng yêu, dứt nàng ra khỏi nỗi đau đớn khôn khuây, nhấn nhủ nàng về với cuộc sống, với tình yêu, với tuổi trẻ đã trở thành ước mơ và hy vọng của tất cả lớp thanh niên

Nhưng nàng vẫn cứ khăng khăng đeo cái tang của mối tình dang dở. Không phải chuyện làm điệu làm bộ đâu, không phải. Nhưng dần dà có kẻ nào đã bắt đầu xì xào một cách độc ác rằng tuy khiêm nhường và kín đáo đến thế, nhưng nàng cũng cảm thấy một sự thích thú nào đó trong nỗi đau khổ của mình, nó khiến nàng thêm thân thương và thêm xứng đáng được ngưỡng mộ trước mọi người.

Có lẽ người nào phát biểu như thế chỉ vì ghen tị hay hờn giận mà thôi, chứ trong bộ quần áo tang quả thực nàng không

có ý muốn hấp dẫn mạnh hơn; chứng cớ là chỉ trong vài tháng nàng đã từ chối bốn năm đám cầu hôn, những đám đứng đắn và kha nhất vùng.

Từ ngày xảy ra điều bất hạnh đối với nàng, sau những lời khước từ kiên quyết đến như vậy, đã hai năm trời qua chưa ai dám đến hỏi nàng, thì bác sĩ Xima bất chấp lời khuyên nhủ của bạn bè đã tự dẫn thân đến. Vậy mà thưa qúy vị, bỗng nhiên ông được chấp thuận đấy...

Tuy nhiên, sự kinh ngạc ban đầu qua đi, ai nấy bắt đầu giải thích lý do thắng lợi đó. Cô ấy bằng lòng bởi vì bác sĩ không còn trẻ nữa, không ai còn có thể cho rằng cô lấy ông vì tình, một tình yêu thực sự. Cô ấy ưng thuận bởi vì ông cũng chẳng bao giờ đòi hỏi được yêu như một chàng trai trẻ; ông sẽ hài lòng với một mối tình lặng lẽ và ấm áp, xây dựng trên sự qúy trọng, biết ơn và tận tụy.

Cả ông nữa, ông cũng sớm hiểu rằng chẳng thể khác được. Và ông đã đau khổ ghê gớm; ông vẫn còn đang đau khổ. Hàng ngày, bao lần ông phải tự kiềm chế hết sức, lúc thì để kìm hãm một niềm hứng khởi bồng bột, lúc gắng không để lộ một nỗi đắng cay gay gắt. Đối với ông, đúng là một sự dày vò thực sự khi thấy mình có một trái tim son trẻ mà không thể nói ra, không thể bộc lộ, vì sợ sẽ mất đi lòng qúy trọng và sự hàm ân mà nàng đã đem cho với giá đó. Ông phải kìm hãm nỗi hưng phấn của tình yêu, đối với ông nó là mối tình đầu mà cũng sẽ là mối tình vĩnh cửu.

Ô! Còn trẻ, hơn nữa nếu còn nhỏ, ông có thể sống mãi mãi cho một người đàn bà duy nhất; cho người mẹ già của ông, nhưng bà cụ mất đã ba năm nay rồi! Bà cụ có thể cảm thấy

cùng với con mình sự kỳ diệu của buổi sáng tuyệt vời này, và không do dự gì hết, ông sẽ chạy về nhà tìm mẹ, bà mẹ già thuần khiết, để cùng hưởng với ông cái thú vị của nắng ấm đầu mùa. Nhất định ông sẽ thấy mẹ ngồi gọn lỏn trong một góc, chuỗi tràng hạt trên tay, miệng lầm rầm cầu nguyện cho tất cả các bệnh nhân mà ông đang điều trị. Nghĩ đến đó, bác sĩ Xima mỉm cười, lòng buồn dìu dịu, vừa khẽ lắc đầu vừa đi vào con đường nhỏ dẫn tới biệt thự trên đồi. Cầu nguyện cho tất cả các bệnh nhân ông đang chữa chạy, bà cụ đáng kính đã tỏ ra chẳng tin tưởng gì lắm vào ông, vào khoa học của ông. Một hôm, ông vừa vui đùa vừa trách bà cụ, thì cụ đáp lại ngay là cụ không cầu nguyện vì chuyện đó, mà là cốt để Chúa giúp đỡ ông chữa khỏi các bệnh nhân thôi.

- Thế mẹ tưởng không có sự hỗ trợ của Cháu Trời thì?. .

Bà cụ chẳng để ông nói hết lời.

- Con nói sao? Sự hỗ trợ của Chúa thì bao giờ mà chúng ta chả cần, hả con?

Và cụ cứ cầu nguyện, cầu nguyện từ sáng đến tối đến nỗi ông hầu như mong muốn số bệnh nhân bớt đi để mẹ đỡ mỏi miệng.

Ông lại mỉm cười. Nhớ đến mẹ, những ý nghĩ của ông lại mang hình thái huyền ảo của giấc mơ; sự kỳ diệu đã lại được tái tạo.

Bác làm vườn mới đang rẫy cỏ ở một bãi cỏ nhỏ phía trên bỗng làm ông sực tỉnh giấc mơ.

- Ô! Thưa bác sĩ, tôi đang ở đây! Ông tìm tôi có lâu lắm không ạ?

- Tìm ấy à, không, thực r[illegible]

- Xong rồi ạ, xong ngay từ lúc tám giờ.

Tay cầm chiếc mũ nồi, trán rảm rấp mồ hôi, vừa nói bác vừa tiến đến gần bác sĩ.

- Nếu bác sĩ muốn xem thì xin mời vào trong lầu bát giác. Mời bác sĩ đi.

- Xem cái gì nhỉ? bác sĩ đứng im hỏi, tôi không rõ...

- Thế nào, bác sĩ! vòng hoa ấy mà!

- Vòng hoa à?

Bác làm vườn đứng im nhìn ông, đến lượt bác cũng ngạc nhiên như ông

- Xin lỗi ông, có phải hôm nay là ngày 12 không? Hôm nay ý?

- Thì sao?

- Thế hôm kia, ông không sai bà giúp việc đến đặt tôi làm một vòng hoa cho hôm nay hay sao?

- Tôi ấy à. . đặt cho ngày 12? À mà phải... Bác sĩ làm ra bộ như sực nghĩ ra. Tôi đã sai . phải rồi... Tôi có sai bác giúp việc...

- Hoa hồng với lại hoa tím mà? Ông không nhớ à? Và bác làm vườn lại cười ông bác sĩ hay quên. Vòng hoa đã xong từ tám giờ sang nay! Mời ông đến xem nhé.

May sao, bác làm vườn bước đi và do đó không nhận thấy nét mặt bác sĩ chợt biến sắc. Ông đi theo bác như một người

may, mắt lộ vẻ ngạc nhiên, buồn bã, miệng và hai bàn tay mở rộng.

Một vòng hoa? Vợ ông đã lén đặt làm một vòng hoa? Mà phải, ngày 12 đúng là ngày giỗ cậu kia. Sau ba năm, mà vẫn còn nhớ ngày ấy sao? Và bây giờ, đã lấy chồng rồi mà cô ta vẫn còn gửi vòng hoa đến cho cậu ấy? Vợ của một người khác kia mà! Cô ta e lẽ là thế, khiêm nhường là thế, sao lại có thể táo tợn quá vậy? Cô ta yêu cậu đó đến thế kia à? Kỷ niệm về cậu ta vẫn còn mãnh liệt trong thâm tâm cô ấy đến thế sao? Nhưng vậy thì tại sao cô ta lại lấy chồng? Nếu trái tim cô vẫn còn thuộc về cậu ta và phải thuộc về riêng cậu ta thôi? Tại sao? Tại sao vậy?

Vừa ngẫm nghĩ như vậy, bác sĩ vừa đi theo bác làm vườn. Ông muốn xem cái vòng hoa đó: đúng, ông muốn xem để được thấy tận mắt vợ ông đã có gan làm cái chuyện lừa dối như vậy, phản bội như vậy.

Khi ông nhìn thấy nó trong góc lầu bát giác, dựng trên cái bàn sát, dựa vào tường, ông thấy dường như nó là để dành cho ông vậy, và ông cứ đứng ngắm mãi

Bác làm vườn lại hiểu cái việc ông đứng ngắm vòng hoa theo ý bác.

- Đẹp đấy chứ? bác hỏi Bông hồng nào, bông tím nào cũng tươi rói rồi, hái từ tinh mơ mà... Làm biếng ông đấy, một trăm *lia* thôi! Nếu ông biết tôi đã tốn bao nhiêu công sức để ghép từng bông tất cả những hoa tím ấy! Lại còn những bông hồng nữa. Mùa đông hiếm hoa, sang xuân ai cũng đòi hỏi... Một trăm *lia* thật chẳng đáng bao nhiêu, nhẽ ra ông phải cho tôi thêm ít ra là hai chục nữa.

Bác sĩ định nói, nhưng ông cảm thấy bị hụt giọng: ông hé môi để lộ nụ cười nhợt nhạt và gắng gượng

- Tôi .. trả tiền vòng hoa cho bác à? Phải rồi, trăm đồng có là bao... Hoa hồng với hoa tím, phải. . Trăm hai à? Thì đây.

- Xin cảm ơn bác sĩ. Bác làm vườn vừa cầm lấy tiền vừa vội trả lời. Xin ông hãy tin cho là tôi đáng được món tiền ấy.

- Bác cứ để nó ở đây, bác sĩ miễng ngắt lời, tay bỏ ví vào túi. Nếu bà giúp việc đến bác đừng có giao cho bà ấy. Tôi sẽ đích thân đến lấy.

Và ông ra khỏi lầu bát giác đi xuống, rẽ ngoặt. Khi cảm thấy chỉ còn có một mình và đã ở vào chỗ khuất, ông đứng dừng lại, nắm chặt tay. Nét mặt ông nhăn lại thành một cái nhếch mép cay đắng.

- Chính mình lại trả tiền vòng hoa cho cô ta!...

Bây giờ ông phải làm gì đây? Túm lấy cô ta, chẳng làm gì để cô ấy đau đớn, dẫn cô ấy về trả bố mẹ, đó, cô ấy xứng đáng như vậy. Và cô ta cứ việc khóc người tình quá cố của mình ở mãi tận đâu đâu mà không được cướp đoạt mối tình của một người đàn ông lịch sự, ít nhất cô ta cũng có bổn phận phải kính trọng. Chà có sự kính trọng gì hết! A, cô ta đã khước từ đám trai trẻ và chọn cho mình một anh già (so với cô ta) bởi vì anh này chẳng thể nghĩ đến chuyện đòi hỏi tình yêu với bộ râu và mớ tóc đã hoa râm. Đối với nỗi đau khổ cũ của cô ta, anh già sẽ phải làm ngơ và không thể có ý kiến gì cả.

Thế nhưng cô ta đã lén lút gửi vòng hoa tới cho cậu đó! Chuyện dở nhẹ nhất đấy! Ừ phải! là vợ một người khác, cô ta thấy đích thân tới đó là bất tiện. Dù chồng già đến đâu thì thái

độ hỗn xược như vậy cũng là quá đáng. Cô ta đã sai người giúp việc đặt làm vòng hoa, đó là bằng chứng của mối tình chung thủy, và có lẽ cô ta cũng nhờ người giúp việc đem đặt vòng hoa trên nấm mồ của con người xấu số.

Ôi! Sao mà cái chết của chàng trai kia bất công đến thế! Nếu cậu ta còn sống, nếu cậu ta có thời gian để trở thành một con người lịch duyệt và hiểu biết, về mọi sự tráo trở, khôn ngoan của cuộc đời, và nếu cậu ta lấy cô ấy, cái cô bé thân yêu đa tình của cậu ta đó, cô ta sẽ thấy được rất nhanh là đùa rơn với tình yêu từ trên một ô cửa sổ khi người ta mới mười tám tuổi, là chuyện thật khác hẳn với việc sống trong thực tế phũ phàng hàng ngày, khi mà ngọn lửa tình đầu tiên đã dịu đi và sự buồn chán của chuỗi ngày, ngày nọ hệt ngày kia, bắt đầu. Bây giờ những sự bất đồng ý kiến đầu tiên nảy nở và anh chồng trẻ chán vợ sẽ nghĩ đến chuyện lừa dối cô ta... Ôi! Sao mà ông muốn trong một thời gian cô ta có được kinh nghiệm hoàn chỉnh về anh chàng đó thế! Bây giờ anh già này... Nhiều lần ông nắm chặt tay đến nỗi móng tay cắm sâu vào lòng bàn tay, rồi ông nhìn bàn tay run rẩy, cuối cùng ông cựa quậy và thở phào một tiếng thật sâu.

Cảm xúc mãnh liệt đầu tiên đã lắng xuống. Ông đứng một lúc nhìn về phía trước và thấy một chiếc ghế dài nhỏ gần đây, ông bất giác bước tới ngồi xuống.

"Này! Cái anh già kia, ông tiếp tục nghĩ, cả anh nữa, liệu có định cư xử như một chàng trai xấu nết không? Mắng cho cô ta một mẻ ư? Bêu xấu ư? Ồ! Bây giờ tất cả những kẻ đã đoán được một cách dễ dàng lý do vì sao yêu cầu của anh được chấp thuận ngay, họ sẽ la lên: bêu xấu hả? Thôi đi! Rút cục, tại sao lại thế? Chỉ vì một vòng hoa tang thôi!..."

Thực tình năm nào cô bé tội nghiệp cũng gửi một vòng hoa đến nghĩa trang vào ngày 12. Bác làm vườn mới đến không biết chuyện đó. Năm nay cũng vậy, tất nhiên cô lại nhớ đến... Tất nhiên. Phải rồi, bởi vì anh bác sĩ đáng thương này dẫu sao cũng chẳng đủ quyền lực để làm cô ta quên được cậu kia. Cô ta sực nhớ đến và đã không cưỡng lại được sự cám dỗ. Qúa tình, ồ quá tình, cô ta đã làm một việc dở... Nhưng tình cảm có lý luận gì đâu! Mà đây, rút cục chỉ là đối với một người đã chết!

Đây là điều mà tất cả mọi người sẽ nghĩ đến!

Vậy thì ông phải làm gì bây giờ? Buông trôi bỏ mặc à? Lờ như không biết gì hết à? Lại trở lên trên kia đến bảo bác làm vườn cứ giáo vòng hoa cho người giúp việc, vòng hoa mà lúc đầu ông đã muốn giữ lại để dùng làm bằng chứng. À không! Điều đó thì không! Ông lại còn phải đòi lại món tiền đã trả, rồi dặn bác làm vườn đừng nói...

Vậy thì sao? Về nhà, đòi hỏi vợ những lời giải thích vô ích, trách vợ về mưu mô của cô ta, về sự lừa dối của cô ta, và trừng phạt cô ta à?

Như vậy thì quá ty tiện! Còn ty tiện hơn cả chuyện làm rầm rĩ lên...

Hành động đó nghiêm trọng thật, nhưng mà đối với riêng trái tim ông thôi, vì chuyện đó mà nó mang một vết thương; còn nghiêm trọng nữa, vì tính chất lố bịch có thể nảy sinh nếu chuyện đó vỡ ra, bởi vì điều đó chứng tỏ vợ ông chẳng coi trọng ông mấy nỗi.

Ông phải chế ngự chính trái tim ông, nhủ nó rằng nếu ông tự cảm thấy mình còn rất son trẻ thì tất cả mọi người đều cho

là ông đã già rồi. Một chàng trai trẻ, đúng thế, còn có quyền làm râm rỹ lên; còn ông, một anh già, thì không được thế! Ông phải tỏ ra là bề trên, và buộc vợ ông phải kính trọng ông bằng cách khác.

Ông đứng dậy thật bình tĩnh, nhưng với một cảm giác yếu ớt ở tứ chi. Những con chim nhỏ trong khu biệt thự vẫn tiếp tục líu lo vui vẻ, cái kỳ diệu của thời khắc trước đó giờ đã biến đâu rồi?

Bác sĩ rời biệt thự đi về nhà. Tuy nhiên, khi ông vừa đặt chân tới cổng thì ông cảm thấy mất bình tĩnh. Nỗi buồn bóp nghẹt tim ông, và ông tự hỏi không biết làm thế nào để leo lên gác với đôi chân run rẩy. Ý nghĩ lại nhìn thấy mặt vợ, lúc này . Vào ngày hôm nay, chắc cô ta phải âu sầu hơn thường lệ.. Nhưng có lẽ cô ta biết giấu kín nỗi buồn; cô ta đã quen, đã biết nhẫn nại. Còn ông, ông yêu cô ta biết bao, ôi! đau khổ bao nhiêu, ông yêu cô ta biết ngần nào... và trong thâm tâm, ông cảm thấy cô rất xứng đáng được yêu; phải, bởi vì cô rất mực hiền hậu, vẻ hiền hậu toát ra từ dáng điệu khả ái, từ đôi mắt đen sâu thẳm dịu dàng, từ sắc mặt xanh xao.

Bà giúp việc ra mở cửa cho ông. Nhìn thấy bà, ông đâm bối rối. Bà lão này, kẻ tòng phạm để lừa dối, biết được điều bí ẩn kia. Bà ấy đã làm việc bao nhiêu năm ở nhà ông nhạc và rất khăng khít với cô ta, có lẽ bà ta sẽ không nói ra đâu; dẫu sao, nhất định bà ta chẳng biết đánh giá, mà có lẽ còn không hiểu được điều ông đã quyết định. Bề nào thì bà ta cũng chỉ là một nhân chứng không đáng kể. Còn ông, ông muốn rằng việc ông định làm sẽ chỉ là chuyện thầm kín giữa ông với vợ mà thôi.

Ông vào thằng buồng người vợ trẻ và thấy nàng đang chải tóc trước gương. Giữa hai cánh tay giơ lên quá đầu, ông nhìn thấy khuôn mặt nàng trong gương và bắt gặp cặp mắt nàng lộ vẻ ngạc nhiên thấy ông ở nhà vào cái giờ khác thường này...

- Anh về, ông nói, để rủ em đi chơi với anh.

- Bây giờ ạ? Nàng hỏi, quay lại nhưng vẫn chưa hạ đôi tay đang đỡ mớn tóc đen lộng lẫy vẫn còn bù rối trên mái đầu; và nàng uể oải mỉm cười với ông.

Nhìn nụ cười nhợt nhạt đó, ông thấy xúc động đến rơi nước mắt, dường như ông đã cảm thấy thương hại nàng sâu sắc, thương hại cho mối tình ông mang nặng bên lòng; thương hại cho nỗi đau khổ mà nàng còn chưa đoán ra nhưng rồi lát nữa nàng sẽ biết.

- Ừ, bây giờ, ông đáp, ngoài kia trời đẹp quá... Mau lên em. Chúng mình sẽ đến ngôi biệt thự xinh xinh, có khi còn xa hơn một chút, về đồng quê... chúng ta sẽ đi xe ngựa...

- Tại sao thế ạ? nàng hỏi hầu như bất giác, đúng vào ngày hôm nay ạ?

Ông sợ sau câu hỏi ấy, mắt ông sẽ làm tiết lộ lòng ông. Ông đã phải cố gắng bao nhiêu để giữ cho giọng ông bình thản.

- Vào ngày hôm nay thì không thích hợp với em sao? Ông nói. Nhưng rồi em xem, việc đó sẽ làm em dễ chịu đấy. Mau lên em, mau lên em, anh muốn thế.

Ông sắp đi ra khỏi phòng. Đến bậu cửa, ông quay lại.

- Anh đợi em ở phòng lớn nhé.

Một lát sau, nàng đã chuẩn bị xong. Phải công nhận là bao giờ nàng cũng nghe theo lời ông, nàng hiền lắm: bao giờ nàng cũng làm điều ông mong muốn; riêng về trái tim của nàng, nơi đây thì không! Ông không có chút hiệu lực nào hết. Nàng chỉ hơi có ý chống lại một cách dụt dè: "Đúng vào ngày hôm nay ạ?" Tuy nhiên, đấy nhé, mặc dầu ngày hôm nay lòng nặng trĩu phiền muộn, nàng đã vâng lời, nàng đã sẵn sàng đi chơi với ông về đồng quê, như ý ông muốn.

Họ ra đi: đi bộ thật nhanh ra khỏi vùng, rồi thuê một xe ngựa, dặn bác đánh xe dừng lại trước ngôi biệt thự nhỏ; đến đây, ông một mình xuống xe, bảo vợ chờ ông một lát.

Khoảng mười lăm phút sau, nàng đã cảm thấy lo ngại và khiếp sợ khi trông thấy ông từ biệt thự đi xuống, rồi thấy theo sau ông là bác làm vườn nâng trên tay vòng hoa thì nàng suyt ngất người đi, nhưng luồng mắt ông đã cổ vũ nàng.

Vừa bước vào trong xe, ông đã bảo bác đánh xe.

- Đến nghĩa trang.

Xe vừa bắt đầu chuyển bánh, người thiếu phụ đã đưa chiếc khăn tay từ mắt xuống che miệng, òa lên nức nở.

- Đừng khóc đi em, ông nhẹ nhàng bảo vợ. Ở nhà, anh không muốn nói với em gì hết; lúc này, anh cũng không muốn nói gì với em. Anh chỉ xin em đừng khóc. Vì tình cờ mà anh biết đó thôi. Anh lên chỗ biệt thự để đi dạo, rồi bác làm vườn, ngỡ chính anh đã đặt vòng hoa ấy, mới nói cho anh biết. Nào, đừng khóc nữa đi! Chúng mình cùng đi đặt vòng hoa lên mộ, được không?

Nàng cứ giấu mặt trong chiếc khăn tay cho đến khi cỗ xe đứng trước cổng nghĩa trang.

Ông giúp nàng bước xuống, đỡ vòng hoa và cùng vào với nàng.

- Em có biết ở chỗ nào không?

Nàng lắc đầu, ra hiệu không biết.

- Đi em, ông vừa nói vừa bước trên lối đi đầu tiên bên trái, mắt nhìn vào từng ngôi mộ sắp hàng bên lối.

Đó là ngôi sát với ngôi mộ cuối cùng. Bấy giờ ông liền bỏ mũ, đặt vòng hoa lên đá lát, nhẹ nhàng rút lui ra đằng sau nàng. Ông lánh ra xa để nàng không trông thấy, như muốn cho nàng có thì giờ đọc một lời cầu nguyện. Nhưng nàng đứng đó, lặng thinh, không thể rút khăn tay ra khỏi mắt. Không một ý nghĩ, không một giọt nước mắt cho người đã khuất.

Bối rối, nàng quay lại tìm chồng, gọi chồng như cho đến nay chưa bao giờ nàng gọi như vậy; rồi nàng dựa vào cánh tay chồng, thảng thốt:

- Tha lỗi cho em! Tha lỗi cho em! đưa em về với.

HOÀNG HẢI dịch

CUỘC BÁO THÙ CON CHÓ

LUIGI PIRANĐELLO
(NOBEL 1934)

Chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao mà một ngày kia, Jacô Naca bỗng trở thành ông chủ của cả một quả đồi rực ánh mặt

trời, dưới chân thành phố. Từ đấy, người ta được thưởng thức phong cảnh huy hoàng của đồng quê giữa những thung lũng, gò đồi, đồng bằng xa xa, phía chân trời thấp thoáng mặt biển xanh ngắt một màu với đủ mọi sắc thái của màu xanh lá.

Một người xa lạ với miền nay, mang chân gỗ, mỗi bước chân đi kêu lên cót két, mồ hôi nhễ nhại, đến gặp hắn trong cái cơ ngơi nhỏ bé ở thung lũng Thánh Annơ. Ở đây bệnh sốt rét rừng hoành hành. Da dẻ vàng khè vì sốt, lúc nào cũng run rẩy liên miên, hai tai ù đặc, hắn vào làm tá điền ở đó. Người khách này báo cho hắn biết rằng sau khi đã điều tra nghiên cứu tỉ mỉ ở Sở lưu trữ văn thư, ông ta được biết quả đồi này trước đây cứ tưởng vô chủ, hóa ra lại thuộc về Jacô Naca và ông ta thương lượng với hắn để mua một phần đất nhằm thực hiện một vài dự kiến còn đang phác họa, giá cả sẽ do một nhà chuyên môn giám định.

Chỉ rặt một thứ đá tảng, chẳng có gì khác, đây đó vài khóm cỏ, thứ cỏ mà đàn cừu đi qua cũng chả thèm gặm.

Buồn bực vì nọc độc của căn bệnh đã gặm mòn gan, thịt, Jacô Naca chẳng lấy làm ngạc nhiên hay vui thú thấy mình được gặp may, hắn đã nhượng phần lớn những tảng đá đó cho người khách lạ tập tễnh để lấy miếng ăn. Nhưng chưa đầy một năm sau, hắn thấy hai tòa biệt thự dựng trên đồi, tòa này đã đẹp, tòa kia lại đẹp hơn, với những sân thượng bằng đá hoa và những mái hiên trang trí bằng kính màu chưa từng có trong vùng. Khi hắn trông thấy hai tòa biệt thự thần tiên đó, mỗi tòa có một vườn hoa tươi thắm bao quanh, với những lầu bát giác và bể cạn về phía thành phố, với vườn quả và dàn hoa leo, về phía đồng quê và mặt biển, khi tai hắn được nghe người ta tán

dương, với lòng khâm phục và ghen tị, sự tinh khôn của con người chẳng biết từ đâu đến và đã không được tạo hóa ưu đãi đó, chỉ trong vài năm, bằng cách cho thuê hai căn nhà có phòng đầy đủ tiện nghi tại nơi phong cảnh hữu tình ấy, đã thu lại được vốn liếng và đã gom được một món tiền lời nho nhỏ hay hay, thì hắn cảm thấy mình đã bị lừa gạt và thiệt thòi.

Tính chất ủ ê của một con vật ốm yếu, sẵn có bấy lâu vì phải chịu đựng mọi nỗi cực nhọc, bỗng nhiên biến thành một sự cay cú rồ dại. Rồi qua những cơn thịnh nộ với những giòng nước mắt bực dọc, hết dậm chân, cắn tay, lại vò đầu bứt tóc, hắn ta bắt đầu cậy đến luật pháp và lớn tiếng thét đòi trả thù tên lưu manh đó.

Nhưng *Hỡi ô*, để tránh một điều tệ hại, người ta thường rơi vào một sự tệ hại còn quá quẩn hơn. Để được yên thân, người ta cho Jacô Naca một món tiền nhỏ, cũng ít thôi, thêm vào giá tiền mua đất. Nhưng tất nhiên, Jacô Naca lại ngờ là y đã lót tay cho hắn số tiền ấy là vì y không tin chắc vào quyền của y, y chỉ cốt để làm hắn dịu đi thôi. Các luật sư không làm gì được, hắn kiện lên tòa án và trong khi món tiền nhỏ bé mà hắn lượm lặt được tan ra thành giấy tiến chỉ dùng cho các việc tống đạt và kháng cáo, hắn hăng hái bắt tay vào việc trồng trọt trong cơ ngời còn lại của hắn, là đáy cái thung lũng nằm bên dưới các tảng đá, ở đây những trận mưa đã chảy thành rãnh lớn trên sườn dốc toàn đá sỏ, bồi lên được một tí đất.

Bấy giờ thiên hạ vì hắn như một con chó dần độn, sau khi đã để bị cướp giật mất tảng đùi cừu ngon lành, đành gặm gãy cả răng miếng xương mà kẻ đã xơi mất thịt bỏ lại cho. Trong suốt hai năm làm hùng hục, vài ngọn rau cần cối, độ hai chục

cây hạnh đào cỗi cằn chẳng kém, trông cứ như những bụi rậm giữa các tảng đá, mọc lên trong cái thung lũng, nhỏ hẹp như cái hố. Trong khi đó, trên kia, thanh thoát trước khung cảnh của đồng quê và mặt biển là hai tòa biệt thự lộng lẫy, rực rỡ dưới nắng vàng. Những người sống trong đó là những người sung túc, và theo Jacô, tất nhiên họ cũng là những người sung sướng trên nỗi khổ cùng cực của hắn, rõ ràng là thế.

Để làm cho họ tức điên lên và ít ra cũng báo thù được người lạ mặt trong khi chẳng hề làm gì khác được, hắn đã lôi vào thung lũng một con chó to giữ nhà. Hắn buộc nó vào một giây xích to cột vào đất, và hắn cứ để nó đấy suốt ngày đêm, cho chết đói, chết khát và chết rét.

- Mày kêu lên thay cho tao!

Ban ngày, khi hắn đang đào xới đất trong vườn quả, lòng nung nấu căm hờn, cặp mắt hung ác trên khuôn mặt vàng vọt, con chó khiếp sợ, im tiếng. Nằm soài, mõm vươn dài trên hai chân trước, nó ngước đôi mắt lên và thở phì một cái, hay vừa rên ư ử vừa ngáp một cái thật dài làm cho hàm răng như muốn long ra. Nó chờ mẩu bánh của chủ, thỉnh thoảng hắn ném cho nó như ném hòn đá, đôi lúc còn thích chí thấy con tức điên lên khi mẩu bánh lăn xa quá tầm. Nhưng buổi tối và suốt cả đêm, con vật tội nghiệp còn lại một mình, sủa, rít rên để cầu xin giúp đỡ và thương xót, thảm thiết đến mức những người ở thuê trên hai biệt thự phải tỉnh giấc và không thể ngủ lại được nữa.

Từ gác này sang gác khác, từ căn nhà này đến căn nhà khác, trong cảnh tịch mịch đêm khuya, người ta nghe thấy tiếng xì xào, phản kháng, chửi rủa của tất cả những ai đang ngủ say bị đánh thức dậy, lẫn với tiếng trẻ con sợ hãi kêu khóc,

tiếng chân dất hay tiếng giày vải của các bà mẹ chạy đến để dỗ con. Không thể kéo dài mãi thế được! Tứ phía, mọi người kêu ca với chủ nhà. Ông này sau nhiều lần tìm cách thuyết phục và dọa dẫm để cho tên khốn nạn kia thôi không hành hạ con vật tội nghiệp nữa, nhưng lần nào cũng vô hiệu, bèn khuyên những người thuê nhà đệ đơn khiếu nại lên tòa thị chính.

Nhưng biện pháp ấy cũng lại vô ích. Giữa các biệt thự và chỗ xích chó, đã có một khoảng cách cần thiết. Nếu như do vị trí của các biệt thự so với thung lũng, mà những tiếng ư ử kia dường như từ dưới các cửa sổ vẳng lên thì đâu có phải lỗi của Jacô Naca. Hắn không thể dạy chó sủa êm ái để khỏi làm điếc đôi tai tế nhị của chư vị. Nếu cho sủa, thì đó là việc của nó. Bảo hắn không cho nó ăn là điều không đúng, cái gì có thể cho được thì hắn đã cho. Cũng đừng nghĩ đến chuyện cởi xích ra, bởi vì con chó sẽ trở về nhà, mà công việc của nó là canh giữ rau quả, bảo vệ hoa lợi mà hắn đã phải đổ biết bao nước mắt ra mới có. Bốn cái bụi rậm ý ư? Này, cả bàn dân thiên hạ không có cái may mắn trong chớp mắt làm giàu trên lưng một anh chàng đốt nát tội nghiệp đâu nhé!

- Thế thì, không còn cách nào nữa ư?

Một đêm, dưới ánh trăng lạnh giá tháng giêng, con chó đang rống lên sầu thảm hơn bao giờ hết, thì bỗng nhiên, một ô cửa sổ biệt thự thứ nhất bỗng mở ra đánh sầm một cái và tiếp sau đó hai tiếng súng nổ ầm kèm theo tiếng vang ghê rợn. Bầu không khí im lặng ban đêm, bị tiếng nổ khuấy động, như giật nảy lên cùng với đồng quê và biển cả. Và trong sự nhốn nháo chung, nổi lên những tiếng rú, tiếng kêu thất vọng! Đó là tiếng sủa dữ dội thay cho tiếng rít, tất cả chó quanh vùng đều sủa

đáp lại hồi lâu. Giữa tiếng ầm ỹ đó, một cánh cửa sổ khác ở biệt thự thứ hai mở ra và một giọng phụ nữ cáu kỉnh với một giọng nhỏ nhẹ của em bé cũng cáu kỉnh đã quát sang phía bên cửa sổ vừa có hai tiếng súng nổ.

- Oanh liệt chưa! Ưy hiếp một con vật bị xích kìa!

- Đồ độc-ác, xấu xa!

- Nếu ông có chút cam đảm thì phải bắn vào chủ nó ấy chứ!

- Đồ độc ác, xấu xa!

- Con vật tội nghiệp ở đó đã chịu cực khổi vì lạnh, vì đói, vì khát, ông còn chưa thấy đủ sao? Ông cần giết nó à? Oanh liệt nhỉ? Bụng với dạ!

- Đồ độc ác, xấu xa!

Và cánh cửa sổ lại đóng sập lại một cách giận dữ. Cánh cửa sổ kia vẫn mở, và người thuê nhà đang còn xúc động về sự thô bạo của mình, có lẽ đang chờ được tất cả xóm giềng tán đồng, thì lại bị lời nói cáu kỉnh và cay chua kia như một ngọn roi giáng xuống. À! Té ra thế đấy? Và trong hơn nửa giờ đồng hồ, quần áo phong phanh gần như ở trần trong giá lạnh đêm khuya, ông đã nguyền rủa thâm tệ, không những con vật chết tiệt nó đã làm ông một tháng nay mất ngủ, mà còn nguyền rủa dữ hơn lòng thương dễ dãi của một vài mụ đàn bà có hoàn cảnh ngủ ngày, và ban đêm không cần ngủ nữa và còn lấy làm thích thú... Phải rồi, lấy làm thích thú đem phô phang lòng thương của họ, bằng cách thương xót một con vật đã không cho những người phải làm việc căng đầu óc từ sáng chí tối được nghỉ ngơi. Và ông ta nói "*đầu óc*" để khỏi nhắc đến cái khác.

Những lời bàn ra tán vào trong hai ngôi biệt thự kéo dài trong đêm khuya. Nhiều cuộc tranh cãi sôi nổi nổ ra trong các gia đình, giữa những kẻ cho người thuê nhà là đúng và những kẻ cho cái bà đã bảo vệ con chó là đúng.

Mọi người đều công nhận, con chó này thật khó chịu; nhưng tất cả đều đồng ý rằng cái lối đối xử ác nghiệt của chủ nó đáng để mọi người thương hại nó. Không phải hành động độc ác của Jacô Naca chỉ nhằm vào con vật, mà vào cả chính họ, vì lẽ họ mất cả nghỉ ngơi lúc đêm hôm. Đó là một hành động độc ác cố tình, một cách trả thù ra mặt được dự định trước. Giờ thì lòng thương của họ đối với con vật chắc chắn sẽ bị thằng súc sinh ấy lợi dụng; xích con chó và để mặc nó chết đói, chết khát và chết rét, hình như hắn muốn thách thức tất cả mọi người và bảo họ:

- Nếu các người có gan thì cứ giết nó đi xem!

Vậy thì cần phải giết nó, cần phải nén lòng thương lại và giết nó, chứ không để cho thằng súc sinh ấy thắng thế. Giết nó ư? Thế có phải là để con chó tội nghiệp rửa tội cho chủ nó một cách bất công không! Tội ác này chồng lên tội ác khác, bất công gấp đôi, vì người ta công nhận không những con vật không có tội, mà nó phải kêu la như vậy là đúng! Tội ác nhân lên gấp đôi của tên khốn nạn kia sẽ chống lại con vật, nếu người khác cũng chống lại nó và giết nó! Tuy nhiên, mặt khác, liệu có cách nào ngăn cản tên này không cho hắn hành hạ mọi người được không?

- Từ từ, từ từ thôi, các ông ơi - sáng hôm sau người chủ hai biệt thự đã rên đe họ như vậy - Hãy vì chúa mà từ từ thôi, các ông ạ!

Qủa nhiên, ít lâu sau, Jacô Naca, mặt càng vàng vọt hơn bao giờ hết, súng khoác trên vai, đến đứng trước hai tòa biệt thự; quay nhìn từng cửa sổ một, vì hắn không biết những tiếng súng phát ra từ cửa sổ nào - hắn đã lầm bầm đe dọa, thách kẻ định giết con chó của hắn dám đi ra khỏi nhà.

Các cửa sổ đều đóng kín; riêng có cửa sổ bà thuê nhà đã bảo vệ con chó, bà Crinelli, vợ góa trẻ của ông chủ sự ngân khố, là mở, và em bé gái, bé Rôrô, đứa con gái độc nhất của bà, đã chạy sổ ra, khuôn mặt nhỏ nhắn đỏ bừng, mắt nẩy lửa, cất tiếng choe chóe nói cho hắn biết em đã nghĩ gì về hắn, vừa nói em vừa lắc những búp tóc đen nháy trên cái đầu nhỏ táo bạo.

Thoạt đầu, nghe thấy tiếng cửa sổ mở, Jacô Naca đã nắm lấy khẩu sung, rồi thấy một em bé ló đầu ra, miệng hắn nhếch lên gớm ghiếc, lắng nghe lời mắng nhiếc kiêu kỳ dành cho mình, và hỏi em với giọng ngạo mạn cay cú:

- Ai sai mày? Bố mày hử? Vào bảo bố mày ra đây, đồ nhóc con!

Từ ngày ấy trở đi, những tình cảm mãnh liệt đối kháng nhau trong tư tưởng những người ở đây, một mặt tức giận vì mất ngủ, mặt khác đầy lòng thương xót số phận hẩm hiu của con chó tội nghiệp - tình thương mà họ cố xua đẩy ngay đi, bực bội với tên khốn nạn đã dùng cái đó để làm vũ khí chống lại họ, những tình cảm mãnh liệt ấy, không những đã khuấy động cuộc sống của họ trong hai ngôi biệt thự ai cũng xuýt xoa khen đẹp, mà còn khiến quan hệ giữa các người thuê nhà trở nên cay độc đến mức từ chuyện mất lòng này đến chuyện mất lòng khác, họ đã đi đến cuộc xung đột công khai. Nhất là những người ngay từ đầu đã biểu lộ những tình cảm trái ngược: bà

góa Crinelli và ông thanh tra học chính Bacxi, người đã nổ súng.

Người ta bóng gió nói vụng với nhau là nguyên nhân sự đối địch của họ không phải chỉ do con chó mà thôi, mà còn vì ông thanh tra học chính sẵn sàng chịu mất giấc ngủ nếu như người vợ trẻ của ông chủ sự dành cho ông ta một chút lòng thương mà bà đã dành cho con chó. Người ta nhắc lại rằng, mặc dầu bà góa trẻ kia lúc nào cũng tỏ vẻ ghê tởm ông ta, một con người nặng nề thô bỉ, bộ điệu kiểu cách và nhõng nhẽo như sáp ông bôi xoa, nhưng ông ta vẫn khăng khăng tán tỉnh bà một cách vô hy vọng, gần như chỉ để chọc tức, để hưởng cái thú bị sỉ nhục và bị đuổi khéo bởi bà và con gái, em bé Rôrô. Em cứ giương cặp mắt ác cảm lén mà nhìn mọi người, dường như em tưởng mình đang ở trong một xã hội được tổ chức ra chỉ cốt để làm khổ bà mẹ xinh đẹp bé bỏng của em, trong đó cái gì cũng làm cho mẹ em đau khổ, và mẹ em cứ khóc hoài, khóc lặng lẽ, nom bề ngoài thì hình như chẳng vì cái gì cả. Biết bao thèm muốn, biết bao ghen tị và hờn giận đã hòa lẫn với lòng căm ghét của ông thanh tra học chính đối với con chó kia!

Bây giờ, đêm đêm nghe tiếng rên rỉ của con vật, tội nghiệp, hai mẹ con ôm chặt lấy nhau trên giường như để cùng chống chọi với nỗi vò xé mà những tiếng kêu than kia đã gây ra cho họ, lòng đầy khiếp đảm, họ chờ đợi cảnh cửa sổ của biệt thự bên mở ra và với sự a tòng của bóng tối, những phát súng mới từ đó bắn ra.

- Mẹ ơ, ôi! mẹ ơi, - em bé rên rỉ, người run lẩy bẩy.

- Lão sắp bắn đấy, Mẹ có nghe lão quát tướng lên không? Lão sắp giết nó hả mẹ?

- Không mà, con cứ yên tâm, mẹ em tìm cách nói cho em yên lòng. Con gái yêu của mẹ, con cứ yên tâm, lão không giết nó đâu! Lão sợ cái tên độc ác kia lắm lắm! Con không thấy lão chẳng dám ló mặt ra ngoài cửa sổ đó sao? Nếu lão giết con chó thì cái tên ác độc kia hắn sẽ giết lão. Con cứ yên tâm.

Nhưng bé Rôrô chẳng yên tâm được. Dã từ lâu rồi nỗi đau đớn của con vật ám ảnh em. Suốt ngày, em ở bên cửa sổ để nhìn xuống thung lũng và em cứ héo hắt đi vì thương hại. Em muốn xuống dưới đó để an ủi, vuốt ve nó, đem thức ăn cho nó; và nhiều lần, thấy cái tên độc ác không có ở đấy, em đã xin phép mẹ để xuống đó. Nhưng bà mẹ sợ tên khốn nạn đột nhiên tới đó hoặc sợ em trượt chân ngã trên dốc đá, nên không bao giờ cho phép cả.

Cuối cùng, sau cuộc mưu hại vào cái đêm khó quên kia, để chọc tức Bacxi, bà mẹ nhượng bộ. Lúc mặt trời lặn, khi thấy Jacô Naca ra đi, vai vác mai, bà liền đặt vào tay bé Rôrô bốn góc chiếc khăn tay đầy những mẩu củi bánh và thức ăn thừa, và bà dặn con phải thật cẩn thận để khỏi bước hụt lúc xuống dốc. Bà sẽ ra bên cửa sổ để nhìn con.

Cùng với bà, hàng xóm cũng ra đứng cửa sổ để tỏ ý thán phục bé Rôrô can đảm đang cố lần xuống cứu trợ con vật tội nghiệp dưới lòng thung lũng tiêu điều. Bacxi cũng ra đứng cửa sổ nhà ông ta nhìn theo con bé, và xoa xoa đôi má thô nhám với một bàn tay áp trên miệng. Cái việc từ thiện làm với tính cách phô trương ấy có phải là cố ý thách thức hay không? Nếu vậy, ông ta sẽ trả lời sự thách thức đó. Sáng nay, ông ta đã mua một nắm thức ăn trộn thuốc độc, rồi sẽ vất cho con chó một đêm nào đó để im lặng thủ tiêu nó. Ông ta sẽ vất cho nó ngay đem

nay. Trong khi chờ đợi, ông ta cứ đứng đấy để ngắm cái cảnh từ thiện đó và nghe những lời cổ vũ êm ái của bà mẹ thân yêu kia, đang từ trên cửa sổ kêu đứa con gái, dạn đừng đến gần con vật quá, nó không quen, có thể nó sẽ cắn.

Quả vậy, con chó sủa lên khi thấy con bé tới gần và bị giây xích giữ lại, nó nhảy sang phải sang trái, vẻ dữ dội. Nhưng tay nắm chặt bốn góc chiếc khăn, Rôrô tiến lên vừng vàng và tin chắc lúc này con vật đã hiểu thiện chí của em. Đấy, vừa mới gọi tiếng đầu, nó đã vẫy đuôi tuy vẫn tiếp tục sủa; và giờ đây, mẩu bánh đầu tiên vứt ra, nó đã không sủa nữa. Ôi! Con chó tội nghiệp, nó nhai ngấu nghiến những mẩu cùi bánh một cách hau đói ghê chưa, hết mẩu này đến mẩu khác! Nhưng bây giờ, bây giờ mới là cái lúc hay ho nhất... Không chút e sợ Rôrô giơ hai bàn tay nhỏ xíu cầm tờ giấy đựng thức ăn thừa buổi sáng đưa vào dưới mõm con chó; sau khi đã ăn hết và liếm khắp tờ giấy đựng thức ăn con vật nhìn em bé, lúc đầu ngạc nhiên, sau đó với một vẻ hàm ơn âu yếm. Bấy giờ con bé tha hồ vuốt ve nó, mỗi lúc một thêm bạo dạn, sung sướng vì nó đã xứng với lòng tin cậy của em; em nói với nó bao nhiêu lời êm dịu! Em còn ôm hôn lên đầu nó, nhấc nó lên tay, trong khi trên kia mẹ em nước mắt rưng rưng, mỉm cười gọi em về. Nhưng lúc này con có lại muốn đùa với em; nó ngồi xổm, chồm lên, mình vạn vẹo đủ kiểu, chẳng để ý đến sợi giây xích bị nó giựt lên gựt xuống, và nó vừa rít vừa lăn mình, vì sung sướng.

Đêm hôm đó, Rôrô không thể tưởng tượng được là con chó đã im lặng vì em đã đem cho nó ăn và úy lạo nó, bằng cách vuốt ve nó! Có mỗi một lần, một lúc nào đó, người ta nghe thấy nó sủa, rồi thôi hẳn. Con chó đã no nê và thỏa mãn chắc đang ngủ. Nó ngủ và nó để cho mọi người ngủ.

- Mẹ ơi, Rôrô nói, sung sướng vì cuối cùng đã tìm thấy được liều thuốc chữa. Sáng mai, con lại trở lại đấy nhé?

- Ừ, ừ, mẹ em còn đang ngái ngủ, chưa hiểu rõ lắm, đáp lại.

Và sáng hôm sau, ý nghĩ đầu tiên của Rôrô là ra đứng cửa sổ để nhìn xem con chó mà suốt đêm qua người ta thấy vắng tiếng sủa

Nó đây kia: nằm nghiêng trên mặt đất, bốn chân duỗi thẳng đơ, nó ngủ mới say làm sao! Và trong thung lũng nhỏ chẳng có một bóng người: dường như im lặng hoàn toàn bao trùm lên đó, sự im lặng đêm nay là lần đầu tiên không bị khuấy rối.

Cùng với Rôrô và mẹ em, làng giềng cũng ngạc nhiên nhìn sự yên lặng kia. Và con chó vẫn đang nằm soài để ngủ. Có đúng là bánh mì và những cái vuốt ve của em bé tạo nên phép mầu ấy hay không và nhờ đó tất cả mọi người đều được ngủ ngon, kể cả con chó tội nghiệp kia nữa?

Chỉ riêng có cửa sổ của Bacxi vẫn đóng. Rồi, vì người ta không nhận thấy con người độc ác, và có lẽ suốt ngày người ta sẽ không thấy hắn như thỉnh thoảng vẫn thường xảy ra như vậy, hàng xóm láng giềng thuyết phục bà Crinelli hãy chiều lòng bé Rôrô, em muốn, theo lời em, mang cho con chó bữa ăn sáng.

- Nhưng cẩn thận hết sức đấy, đi từ từ thôi con nhé, mẹ em bảo em - Rồi con lên ngay, đừng đứng lại, nghe không?

Từ trên cửa sổ, bà tiếp tục dặn với theo, trong khi em bé gái lon ton bước những bước nhẹ nhàng nhưng thận trọng, cái đầu nhỏ cúi cúi, miệng tươi tỉnh cười một mình khi nghĩ đến anh bạn chí thân của em đang ngủ sẽ đón em vui vẻ thế nào.

Dưới kia, dưới những tảng đá, Jacô Naca nấp với cây súng như một con thú săn mồi. Đến chỗ quẹo, em bé bỗng chậm trán ngay với hắn: em chỉ kịp giương đôi mắt khiếp hãi lên nhìn hắn: súng nổ và em bé ngã ngửa ra, mẹ em và hàng xóm thét lên thất thanh khi thấy thân hình bé nhỏ của em lăn xuống dốc, ngừng lại bên cạnh con chó vẫn đang nằm bất động, bốn chân thẳng đờ.

HOÀNG HẢI dịch

ĐÊM TÂN HÔN

LUIGI PIRANĐELLO
(NOBEL 1934)

Bốn cái áo sơ mi
Bốn chiếc khăn trải giường
Bốn cái váy

Tóm lại, mỗi thứ bốn. Như con nhện kiên nhẫn chăng từng sợi tơ, bà mẹ dành dụm hôm nay một xu, mai một xu, tạo nên được cho cô con gái món hồi môn mà bà không ngớt đem khoe với làng giềng.

- Ít ỏi thôi nhưng mà chu tất.

Hai bàn tay nhẫn nhục của bà xanh lướt, co quắp, cả đời chỉ làm những công việc nặng nhọc, lôi từ trong chiếc hòm cũ kỹ hẹp và dài như chiếc áo quan, những đồ đạc xinh đẹp. Nâng niu như trong buổi rước thánh thể bà lấy ra, đem bày trên giường,

nào khăn voan, nào áo dài, một chiếc để con gái mặc trong lễ cưới, cổ thêu và gấu viền lua, ba chiếc kia may bằng vải len nhưng không diền bằng. Ngắm nghía những thứ đó, miệng nở nụ cười thỏa mãn bà lẩm bẩm: "Hơi mỏn ít thôi, nhưng mà chu tất" Niềm vui làm hai bàn tay bà run run và giọng nói đứt quãng:

- Các bác biết rồi đấy, tôi góa bụa, - bà nói. - Hai bàn tay này đã làm đủ thứ việc nặng nhọc cho nên bây giờ đã tê dại. Tôi đã vất vả ngày mưa cũng như ngày nắng, hết giặt giũ dưới sông lại ngoài suối. Nào bóc hạnh nhân, nào hái ôliu. Trong vùng này không có làng nào tôi không đến làm thuê, không nhân gánh nước, hay quét dọn... Mà việc gì phải kể ra kia chứ? Hoa chỉ Đức Chúa Trời mới biết tôi đã đổ bao nhiêu nước mắt, tôi đã cực khổ đến mức nào. Chắc vì thương tình nên Ngài đã ban cho tôi sức lực và tránh cho tôi bệnh tật. Nhưng tôi làm lụng đã không phí công. Bây giờ thì tôi có thể yên tâm mà nhắm mắt được rồi. Chồng tôi lúc này đang đợi tôi trên Thiên đường, nếu như khi ấy có hỏi về đứa con gái của chúng tôi, thì tôi có thể thanh thản trả lời: "Mình yên tâm, không phải lo lắng gì hết. Tôi đã thu xếp cho con một chỗ chắc chắn rồi. Con nó không phải chịu khổ cực gì nữa, bởi vì khi ở dưới trần, tôi đã chịu đủ khổ cực cho cả hai xuất rồi". Tôi khóc vì vui đấy thôi, các bác đừng lưu tâm làm gì.

Rồi bà Antô đưa góc tấm khăn choàng màu đen lên lau nước mắt, tấm khăn bà chít lại dưới cằm.

Mặc vào người toàn những thứ mới may, hôm ấy trông bà khác hẳn, và lời bà nói bỗng nhiên gợi cho người nghe một cảm giác không giống mọi khi

Bà con láng giềng thì nhau ca ngợi và phụ hoa thêm giọng đồng cảm. Cô con gái bà tên là Maraxtela đã mặc chiếc áo cưới bằng gấm màu tro (trông sang trọng hẳn lên!) tấm khăn lụa màu xanh da trời quàng cổ, đang tự ngắm vuốt cẩn thận trước cái sự kiện trọng đại đến như vậy trong cuộc đời cô. Thấy mẹ khóc, cô cũng thổn thức.

- Maraxtela, cô làm sao thế?

Bà con hàng xóm xúm quanh cô gái, ai cũng cố tìm cách khuyên giải.

- Phải vui lên chứ! Sao lại khóc thế? Ngày hôm nay mà lại khóc ư?... Tục ngữ có câu, dù trong lòng có buồn đến mấy thì hôm nay cũng hãy thấy bổn phận là phải vui!

- Cháu nhớ đến bố cháu! - Maraxtela đưa hai bàn tay lên che mặt khẽ nói.

Cách đây bảy năm cha cô qua đời chỉ vì một tai nạn. Bấy giờ ông đang làm ở phòng Hải quan ngoài Cảng, đêm nào cũng ngồi trên xuồng máy đi tuần tra. Một lần chiếc xuồng bị lật lúc đang chạy gần mỏm Duc Riviera, thế là chìm xuống đáy biển, dìm chết cả ba người ngồi trong đó.

Dân ven biển vẫn nhớ rất rõ sự việc hôm ấy. Họ còn nhớ rằng, cô Maraxtela cùng với mẹ vừa gào khóc vừa chạy ra mỏm đá gần cảng mới, nơi ba xác người thiệt mạng còn nằm ở đó. Người ta phải mò suốt hai ngày trời mới tìm được ba cái xác ấy. Hai mẹ con đứng lại đau đớn đến tuyệt vọng, hai tay giơ lên trời không để ý thấy gió thổi mạnh và nước biển bắn lên lạnh buốt. Sau đấy, đáng lẽ qùy xuống trước thi hài cha thì cô

Maraxtela lại đứng lặng đi trước thi hài một người khác, hai tay ôm ngực rên rỉ:

- Anh yêu qúi! Anh yêu qui của em! Sao anh nỡ bỏ em lại một mình!...

Bà Antô, họ hàng của người bị nạn và tất cả những ai có mặt trên bờ biển lúc đó sững sốt nghe lời thú nhận bất ngờ kia. Riêng bà mẹ chàng trai xấu số (tên anh ta là Tinô Xpanti, vốn là một chàng trai đáng qúy vô cùng), khi nghe thấy Maraxtela gào lên như thế, đã ôm chầm lấy cô gái, ghì chặt cô vào ngực mình, rồi như tỏ sự thân tình giữa cô và bà ta cũng như con trai bà vừa thiệt mạng, bà đã nói rất to, cho tất cả mọi người đều nghe thấy:

- Con thân yêu của mẹ! Con than yêu của mẹ.

Chính vì vậy mà hôm nay, khi nghe cô gai Maraxtela nói rằng "cháu nhớ đến bố cháu", hàng xóm đều đưa mắt nhìn nhau và trong bụng ai cũng thương cho cô. Không phải cô ấy nhớ đến cha đâu, tội nghiệp! Mà cũng có thể là cô ấy nghĩ đến bố, bởi vì nếu ông ta còn sống không đời nào ông ta chịu gả con gai cho đám này, cái đam mà bà vợ ông do góa bụa và nghèo túng coi là một đám rất hời

Bà Antô đã phải đấu tranh gay gắt đến mức nào để buộc con gái phải chấp thuận cái đám ấy!

- Mày thử nhìn tao xem! Tao đã già rồi, sắp xuống lỗ rồi. Không lấy chồng đi, đợi tao chết mày sẽ dựa vào ai mà sống?

Mà bà mẹ nói thế là đúng. Nhưng cô Maraxtela đưa ra những lý lẽ cũng rất vững chải để bác lại. Cô thừa nhận ông Lidi Kirieô mà bà mẹ bắt cô lấy là người đáng giá. Nhưng quá

nhiều tuổi, lại đã có một đời vợ. Vợ ông mới chết cách đây chưa đầy một năm, và bây giờ ông đi bước nữa là do cần người chứ đâu phải vì tình yêu. Ông đang cần người trông nom nhà cửa lo cơm nước, chính vì vậy mà ông lấy vợ kế.

- Thế thì đã sao? - Bà mẹ vạn lại con gái. - Mày cần phải lấy người nào hiểu biết để làm chỗ dựa. Ông ấy nhiều tuổi ư? Đã làm gì đến bốn chục? Lấy ông ấy mày không bao giờ sợ thiếu thốn tiền bạc. Ông ấy có chỗ làm tốt, lương lại cao. Mỗi ngày những năm lia, bằng cả gia tài của người khác.

- Đúng là chỗ làm tốt thật!

Chính đấy là trở ngại lớn nhất! Thoạt nghe, bà Antô đã hiểu ngay con gái định ám chỉ cái gì. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ làm của Ngài Kiricô.

Và thế là vào một ngày đẹp trời tháng Năm, người phụ nữ bất hạnh ấy rủ một vài bạn gái đạo chơi đến đó, lên đỉnh quả đồi cao nhất trong vùng.

Ông Liđi Kiricô nhìn thấy đám phụ nữ thấp thoáng bên kia hàng rào sơn trắng của nghĩa trang nằm trên sườn đồi, bèn mời họ vào chơi.

- Thế nào? Mày nghĩ sao hả? Sao mà lắm hoa thế, chỗ nào cũng hoa, chẳng kém gì ở vườn hoa. - bà Antô bảo cô Maraxtela lúc họ trên đường trở về nhà - mà hoa ở đây không bao giờ héo. Xung quanh là đồng ruộng mênh mang. Mày chỉ cần ngó qua cái hàng rào ấy xuống dưới, sẽ nhìn thấy quang cảnh cả làng mình, nghe rõ cả mọi tiếng động dưới đó .. Mày có thấy, có để ý can phòng không? Đúng là tuyệt vời, vôi quét trắng tinh, sạch sẽ, rộng rãi. Buổi tối mày chỉ cần khép cửa lại,

cả cửa ra vào lẫn cửa sổ rồi thắp đèn lên, thế là mày cảm thấy ấm cúng ngay. Không thua gì người khác. Mày còn suy tính gì nữa chứ?

Dám láng giềng cũng hùa theo:

- Đúng thế! Đúng như thế! Với lại cái gì rồi cũng quen đi tất. Chỉ ở đấy vài ngày là cô không còn để ý thấy gì nữa hết. Rồi cô xem. Vơi lại, cháu ạ, người đã chết không làm hại ai được. Sợ là sợ người sống ấy chứ. Cháu ít tuổi hơn chúng tôi, tất cả chúng tôi rồi sẽ lần lượt đến đấy với cháu. Dinh cơ lớn thế này mà cháu được làm chủ tất cả.

Cô gái trẻ vẫn còn đang sụt sịt thì ông Lidi Kiricô đã bước vào nhà, cáp dưới nách hai bọp to tướng. Trông ông hôm nay khác hẳn mọi khi.

- Lạy Đức bà Maria! - bà Antô kêu lên, - Sao ông vất vả làm vậy?

- Tôi ấy ư? À, đây là Râu chứ gì... - Ngài Lidi Kiricô lúng búng cặp môi dày và nhợt nhạt.

Hôm nay ông không chỉ cạo râu mà cạo luôn cả nhiều chỗ không có râu. Bộ râu của ông tua tủa và cắm chặt vào da thịt đến nỗi lúc này trông ông như vừa bị tróc da.

- Tôi thấy. Tôi bắt anh ấy cạo bộ râu đi - Bà em gái chú rể vội vã đỡ lời ông anh. Đấy là bà Nêia, béo phị nhưng nhanh nhẹn lạ lùng.

Ôm mấy chai rượu vang bọc trong tấm khăn choàng, bà vừa thở hồn hển vừa bước qua ngưỡng cửa. Vạt áo dài lụa màu

xanh lá cây sột soạt như tiếng suối chảy và chiếm phần lớn không gian của căn phòng.

Chồng bà gầy khẳng khiu giống như ông Lidi Kiricô, đi theo sau vợ.

- Nhưng tôi làm thế là đúng chứ? - bà Nêla quăng cái khăn ra. - Để cô dâu cho ý kiến xem thế nào? Nhưng cô dâu đâu rồi? Anh Lidi ạ, em đã bảo rồi mà. Cô ấy đang khóc. Mà cô ấy khóc là đúng. Chúng tôi đến chậm quá. Tại anh Lidi đây. Cứ loay hoay, không biết có nên cạo râu đi hay không. Suốt hai tiếng đồng hồ mà chưa quyết định được. Có phải bây giờ trông anh ấy trẻ hẳn ra không nào? Chú rể đến đám cưới ai lại mang theo bộ râu kia chứ?

- Cưới xong, tôi sẽ lại để râu như cũ. - Kiricô ngắt lời cô em gái rồi buồn bã nhìn cô dâu trẻ măng. - Cạo râu đi tôi cũng không trẻ thêm được tý nào mà lại còn khó coi hơn trước nhiều.

- Anh ngốc lắm! Đàn ông cần đẹp làm gì! - Bà Nêla giận dữ lên giọng ran dạy ông anh.- Và đừng có quên anh đang mặc bộ quần áo mới! Anh sắp làm nhầu nó bây giờ

Bà vội vã phủi bột bánh trên ống tay áo của ông anh, bột bánh rơi từ trong hai chiếc hộp ông Kiricô vẫn đang cặp ở nách.

Đã muộn rồi. Trước hết phải ra Tòa Thị chính để Ngài Thư ký thị chính khỏi phải chờ lâu. Sau đấy ra nhà thờ. Đám cưới phải làm xong trước khi trời tối. Ông Kiricô đòi phải tiến hành đúng như thế, bởi vì ông rất thận trọng trong công vụ. Lúc ngồi ở bàn tiệc, ông cứ nhấp nhổm sốt ruột, đặc biệt tại bà em gái, cố thứ hễ ăn uống no say là rất thích ba hoa và no giờn.

- Nhạc đâu? Sao đám cưới mà lại không có đàn nhạc gì cả thế này? Ta nhảy nào! Cứ ai đi mời ông Xiđôrô mù mau... Đem đàn lại đây, cả mãngđôlin, ghi-ta nữa!

Bà Nela hết dữ dội đến nỗi ông anh phải kéo bà em ra một góc:

- Có im đi không nào, Nela? Có phải biết là tôi không thích đàn hát nhảy nhót gì hết chư?

Bà em trợn tròn mắt nhìn ông anh:

- Sao vậy? Tại sao lại thế?

Ông Kiricô cau mày thở dài:

- Thì cô cũng phải hiểu chứ. Chị vừa mới mất chưa được một năm...

- Thế ra anh vẫn còn nghĩ đến chi ta kia a? - Bà Nela ngắt lời ông anh với nụ cười mỉa mai trên môi.- Vậy mà anh đã lấy vợ khác rồi? Tội nghiệp bà chị cả Nunxiata!

- Đúng thế, tôi lấy vợ khác. - Ngài Kiricô tái mặt, cúi gằm đáp. - Nhưng tôi không muốn đám cưới lại có cả đàn nhạc, nhảy nhót. Bụng dạ tôi không chịu nổi những cái trò ấy.

Mặt trời sắp lặn, ông đứng dậy sửa soạn ra về và bảo mẹ vợ sắp các thứ để cô dâu đem theo về nhà chồng

-Ba biết đấy, tôi còn phải kéo chuông buổi cầu kinh chiều, ở trên kia.

Trước khi bước ra khỏi nhà, cô Maraxtela ôm ghì lấy cổ bà mẹ rồi lại khóc nức nở, cô khóc như không sao ngừng lại được.

Cô gái tội nghiệp kia rất không muốn một mình đi theo con người lạ lẫm ấy về nhà ông ta.

- Mẹ đưa con đi kia mà, đừng khóc nữa,- bà Antô an ủi con gái, - Đừng khóc nữa con!

Nhưng rồi chính bà cũng không cầm được nước mắt, và khách khứa cũng khóc theo họ.

Một cuộc tiễn đưa không vui vẻ gì!

Riêng bà Nela, em gái ông Kiricô thì mặt đỏ ửng hơn cả lúc bình thường, không hề xúc động gì hết. Theo bà nói thì bà đã đi dự mười hai đám cưới nhưng chưa hề khóc và cũng chưa hề thấy vui thú gì.

- Con gái chia tay mẹ khóc, mẹ chia tay con gái cũng khóc. Đấy là chuyện bình thường. Bây giờ mỗi người ta nốc thêm một lý rượu nữa rồi biến mau khỏi đây cho nhanh, nếu như anh Lidi tôi đang vội.

Họ lên đường. Đám cưới giống như đám táng. Thấy cảnh tượng buồn bã đến như vậy, dân làng đứng hết ra cửa nhìn, hoặc thò đầu ra ngoài cửa sổ, hoặc đưng lại trên đường xem và thở dài: "Tội nghiệp cô dâu".

Trên đồi, ở trên cái sân nhỏ trước cổng va nghĩa trang mọi người đi tiễn đứng lại, để chia tay với cô dâu Muraxtela khích lệ cô và nói thêm vài lời nhắc nhủ. Mặt trời đã lặn. Chân trời đỏ rực, và mặt biển cũng đỏ rực. Từ dưới làng vọng lên tiếng ồ ầm như tiếng vọng của sấm nơi xa. Những âm thanh nào nhiệt ấy đập vào bức tường trắng tinh và câm lặng của nghĩa trang.

Hồi chuông trong vắt, ngân lên báo buổi cầu kinh chiều do ngài Lidi kéo, như nhắc họ rằng đã đến lúc họ phải trở về làng. Tiếng chuông ngân làm những bức tường của nghĩa trang như càng trắng hơn mọi khi. Cũng có thể do bóng tối bao quanh khiến họ có cảm giác như thế. Trời đã tối. Phải quay về thôi. Mọi người vội vã chào cô dâu và chúc cô hạnh phúc.

Riêng ba mẹ và hai cô bạn thân vẫn đứng không nhúc nhích bên cạnh cô dâu hoang mang. Những đám mây chiều, mới rồi còn đỏ rực, giờ đã chuyển sang màu đen và như được phủ bằng làn khói dày đặc.

- Hay bà với các cô hãy vào nhà đã. - Ngài Kiricô hỏi mấy người phụ nữ vẫn còn chần chừ đứng lại bên cạnh cổng.

Nhưng bà Anto ra dấu khẽ với chú rể, ý bảo đừng nói gì và đợi thêm một chút. Maraxtela nước mắt lưng tròng van nài bà mẹ cho cô quay về làng.

- Vì Chúa, mẹ ơi! Vì đức Chúa lòng lành mẹ ơi! - cô lạy van.

Cô không gào thét mà nói rất khẽ, giọng run rẩy, khiến tim bà mẹ như vỡ tung. Tất nhiên rồi, con gái bà hoảng sợ nhìn những cây thấp tự kia và cả bóng đêm đang len lỏi giữa những ngôi mộ.

Ông Lidi Kiricô vào chàm ngọn đèn trong căn phòng nhỏ bên trái cổng. Ông soát lại mọi thứ xem có đâu vào đấy không, rồi dừng lại lúng túng. Nên vào nhà hay đợi bà mẹ vợ khuyên được con gái để cô chịu vào.

Kiricô rất hiểu và rất thương hại cô. Ông thừa biết rằng một người đàn ông nhiều tuổi và hình dáng xấu xí như ngài làm sao có thể khiến cho một cô gái trẻ yêu mến và tin cậy

được. Và chính bản thân ông cũng thấy trong lòng trào lên một nỗi buồn.

Tối hôm qua ông đã qùy xuống trước một ngôi mộ khiêm nhường có cây thánh giá nhỏ cũng nằm trong nghĩa trang này. Và giống như một đứa trẻ con, ông đã khóc thổn thức, chia tay cùng người vợ trước. Từ đây, ông không có quyền nghĩ đến bà nữa. Ông sắp phải đóng vai cả chồng lẫn cha cho cô gái trẻ sẽ về sống với mình. Nhưng bận bịu về người vợ trẻ đến đâu, ông cũng không có quyền coi nhẹ bổn phận mà dã bao nhiêu năm nay ông nhận được trước những người nằm kia, dù quen hay lạ, những người đang nằm thanh thản bên trong cái hàng rào này. Đêm qua ông đã long trọng thề với tất cả những cây thánh giá kia như vậy, lúc ông đi dạo quanh nghĩa trang.

Cuối cùng Maraxtela đành vâng lời mẹ, đi vào nhà. Bà Antô vội khép cánh cửa lại, như để con gái khỏi hoảng sợ khi nhìn ra bên ngoài. Mà đúng thế. Nhìn thấy những đồ đạc quen thuộc cô gái dần dần trấn tĩnh trở lại

- Con cởi khăn quàng ra. - bà Antô bảo con gái. Mà thôi, để mẹ cởi cho. Bây giờ thì con đã ở nhà của con rồi. .

- Và cô ấy là chủ thực sự của cái nhà này, - ông Kiricô rụt rè nói, môi nở một nụ cười buồn bã và trìu mến.

- Con nghe thấy chồng con vừa nói gì không? -bà mẹ của Maraxtela bắt luôn câu nói kia như để khuyến khích chàng rể tiếp tục nói thêm nữa.

- Đúng thế! Cô sẽ là chủ của tôi và của tất cả mọi thứ ở đây. - Ông Kiricô nói tiếp.- Cô hãy nhớ cho kỹ điều ấy. Cô sẽ sống

cùng với người yêu mến cô; chăm sóc cô như mẹ cô ở nhà chăm sóc cô vậy. Và cô đừng sợ hãi gì hết.

- Đã đành rồi. Ở đây có cái gì mà sợ nào? - bà Antô khẳng định thêm. - Với lại còn bé bỏng nữa đâu! Có gì đáng sợ kia chứ? Và lại thì giờ đâu, bao nhiêu công việc con phải làm... Đúng không nào?

Maraxtela chốc chốc lại gật đầu. Nhưng khi bà mẹ và hai cô bạn thân sửa soạn ra về thì Maraxtela lại òa lên khóc nức nở, ôm chầm lấy mẹ, ôm chặt cổ bà như nhất định không chịu buông. Bà mẹ nhẹ nhàng nhưng kiên quyết gỡ tay con ra, lần cuối cùng nhắc con phải tin cậy vào chồng và giao phó cuộc đời cho Chúa. Xong rồi bà cùng hai cô bạn gái của con bước ra. Hai cô cũng lau nước mắt.

Maraxtela đứng sững như pho tượng bên cạnh cửa, nơi bà mẹ khi đi ra đã không khép chặt. Cô ôm hai tay lên mặt, cố đè xuống những tiếng nấc cứ chợt bùng lên. Trong khi đó, một làn gió nhẹ đẩy cánh cửa mở toang.

Lúc đầu do hai bàn tay che kín mặt, cô không nhìn thấy. Bỗng nhiên, cô chợt linh cảm không biết do đâu, một nỗi trống rỗng dễ chịu giống như cô thường thấy trong giấc mơ; tiếng dế kêu từ xa vẳng tới, mùi hoa thơm ngát tỏa vào phòng. Cô buông hai bàn tay ra và nhìn thấy bên ngoài nghĩa trang ánh trăng đang tỏa sáng. Ánh trăng như quyện vào mặt đất khiến mọi vật đều nổi lên, bất động và rõ ràng.

Ông Lidi bước ra định đóng cửa lại. Bỗng nhiên Maraxtela hoảng sợ run lên bần bật, nép vội vào một góc, hét toáng lên:

- Đừng, em van ông! Đừng đụng vào người em!

Sửng sốt trước tiếng hét đầy vẻ ghê tởm, ông Kiricô đứng sững lại.

- Tôi đã đụng vào người em đâu nào? - ông lầm bầm. - Tôi chỉ định ra đóng cửa.

- Đừng! Đừng! Maraxtela vội vã nói rất nhanh, cố tránh cho xa khỏi chồng. - Cứ để mở cũng được. Em không sợ nữa đâu.

- Thế bây giờ chúng ta làm gì? - Ông Kiricô lắp bắp cảm thấy hai tay rã rời.

Đột nhiên không khí vắng lặng hẳn đi. Từ rất xa vang đến tiếng hát vui vẻ của một bác nông dân nào trên đường về nhà dưới ánh trăng. Từ dưới chân đồi đưa đến mùi cỏ khô mới cắt hăng hắc, đêm khuya càng hắc hơn.

- Nếu em cho phép thì tôi đi ngang qua em, tôi sẽ ra đóng cánh cổng ngoài kia lại. Hình như cổng vẫn còn để mở. - Ông Kiricô nói giọng buồn bã và nhịn nhục.

Maraxtela vẫn đứng nép ở góc phòng, bất động. Ông Lidi từ từ bước ra phía cổng. Đóng xong, ông sắp quay vào bỗng nhìn thấy cô gái chạy như bay ra.

- Bố em nằm ở đâu? Ông chỉ cho em đi! Mó bô em ở chỗ nào?

- Được thôi. Em làm thế là đúng. Tôi sẽ dẫn em ra đấy, - Kiricô đáp giọng khàn đặc lại, - Tối nào trước khi đi ngủ tôi cũng đi một vòng khắp các ngôi mộ. Nhiệm vụ của tôi mà.

Riêng hôm nay tôi đã định bỏ một buổi vì em. Nào ta đi Không cần mang theo đèn làm gì. Tràng sáng lắm!

Họ bước trên những lối đi trải sỏi, giữa những bụi cây đầy hoa.

Dưới ánh trăng, những ngôi mộ nhà giàu trắng toát. Những cây thánh giá bằng sắt của những ngôi mộ nhà nghèo đen dủi, khiến người ta có cảm giác như những cây thánh giá ấy nằm ngang trên mặt đất.

Tiếng đế từ dưới chân đồi vọng lên nghe càng rõ, và tiếng sóng biển vọng lại cũng vậy.

- Đây rồi, - Kiricô nói trỏ ngôi mộ khiên nhường và thấp trên có phiến đá khắc câu chuyện không may đã làm mấy người thiệt mạng. - Dưới này chôn cả cậu Xpácti, - ông Kiricô nói thêm, khi nhìn thấy Maraxtela qùy xuống trước ngôi mộ. - Em ngồi khóc một lát, tôi phải đi tiếp đến đằng kia nữa.

Mặt trăng thản nhiên rọi sáng xuống nghĩa trang nhỏ bé. Và chỉ mỗi vầng trăng nhìn thấy trong cái đêm tháng Năm tuyệt diệu này hai bóng đen trên nền sỏi vàng bên cạnh hai ngôi mộ.

Ông Kiricô xuống ngôi mộ người vợ thứ nhất, khóc thổn thức;

Nunxia, Nunxia, em có nghe thấy tiếng anh gọi không?!

QUỲNH DUNG dịch

NHỮNG MẢNH HỒN SẦU XỨ

PEARL S. BUCK
(NOBEL 1938)

Anh chàng David Lin đứng rầu rĩ trong góc của gian đại sảnh và nhìn độ chục cặp bạn bè mình đang khiêu vũ một cách trang trọng. Dòng nhạc của ban kèn đồng cần mẫn cứ vang ra từ đằng sau những chậu dừa kiểng. Dĩ nhiên, anh hiểu đây là một căn phòng rất sang trọng và giàu có, và nó là của ông Fang, một trong những chủ nhà băng sừng sỏ của cái đất Thượng Hải này. Ông Fang không chịu nổi bất cứ thứ gì không đắt tiền và sang trọng. Những vách tường được treo đầy nhưng bức sơn dầu hiện đại cùng với những bức tranh cổ trên giấy cuộn rất tinh tế và sắc sảo, bởi vì, như ông Fang thường tuyên bố, với bộ mặt bóng lóa và béo núc cứ nhăn lên vì cười: "Tôi có toàn hạng tuyệt hảo của mọi thứ, cả tân lẫn cổ. Trong nhà tôi luôn có chỗ cho các thứ đó".

Bây giờ ông Fang đang ngồi xem đám trẻ khiêu vũ. Cạnh ông là hai cô gái xinh xắn. Một trong hai cô là Phyllis, con gái ông ta; còn cô kia là nàng hầu non mới nhất của ông, vốn là một ca kỹ trẻ tuổi. Hai cô đều trẻ như nhau nhưng họ hoàn toàn khác biệt. David ngay từ hồi đầu hôm đã nhận ra rằng Phyllis là cô gái xinh nhất ở đây. Anh chẳng hiểu được tại sao một người mập và xấu xí như ông Fang lại có được một cô con gái mảnh mai như trúc vậy. Cô quả thật như một ngọn trúc. Da trắng và hơi cao, có lẽ cao cũng bằng anh, cô mặc một chiếc

váy dài màu xanh dịu và khuôn mặt không son phấn, nên nó lộ nguyên màu của một thứ ngà non. Mái tóc cô cũng không như tóc các phụ nữ khác. Nó không có màn uốn, kẹp, chải hay sấy siếc gì cả. Nó chỉ đơn giản là thẳng, dài, đen tuyền và được búi lên. Cô trầm lặng ngồi đó nhìn các khách khứa, đôi môi xinh xắn lộ ra một vẻ an nhiên bình lặng. Còn cô hầu non, quả là ca kỹ. Đôi mắt có cứ liếc tới liệc lui rồi đong đưa thân hình, mái tóc thì bung ra quanh gương mặt quá tròn và quá hồng. David chỉ đưa mắt nhìn sơ qua là đã thấy ghét ngay. Cô ta hẳn sẽ tán chuyện - tán chuyện bằng cái thứ hồ lôn pha trộn giữa tiếng Anh và tiếng Tàu.

Cả mời phút rồi, anh đã định đến và mời Phyllis khiêu vũ, nhưng anh lại ngần ngại vì cô hầu non đó. Anh thâm nghĩ, ngộ lỡ cô ả lại chìa tay ra trước thì sao, ả ta là loại luôn luôn chìa sẵn tay ra với mọi chàng trai đang tiến gần, rồi trước khi anh kịp hiểu ra điều gì thì đã phải khiêu vũ với ả ta; anh tư nhủ rằng sẽ không bao giờ khiêu vũ với các cô uốn tóc quăn nữa, cũng không luôn cả với các cô son phấn. Tóc các cô cứ đâm vào cổ anh, rồi son phấn trên mặt họ dây đầy chiếc áo vest ngoại quốc của anh nữa. Anh liếc xuống vai và đưa tay phủi những vết phấn ấy đi. Có một vệt phấn ở đó, có lẽ là của Doris Li khi cô ta tựa mặt vào đó lúc nãy. Anh ghét Doris Li - thứ người ngộc nghếch vờ làm như không biết nói tiếng mẹ đẻ vì đã ở Paris quá lâu.

Còn Phyllis, anh chưa hề khiêu vũ với cô, vì đây là lần đầu anh gặp cô. Cô làm việc ở một trường học nào đó không phải trong nội ô và bây giờ cô về nhà nhân dịp đầu xuân. Ông Fang đã giới thiệu cô ta là: "một đứa con gái chăm chỉ duy nhất của tôi. Những đứa kia thì chẳng chịu làm gì cả".

"Ông phải tự hào về cô ấy", David lẩm bẩm mà không nhìn cô. Anh đã mệt với việc ngắm khuôm mặt của các cô. Nhưng lúc đó, ông Fang đã cười vang "No đâu có kiếm được bao nhiêu tiền để tôi được tự hào, - ông vui vẻ tiếp. - Nó đi làm cho vui vậy mà".

Lúc đó, anh mới nhìn cô - một thiếu nữ đi làm cho vui! Anh chưa bao giờ gặp ai như thế. Lần đầu tiên trong suốt mấy tháng nay, anh mới cảm thấy hứng thú được một chút với một cô gái. Với một cái gì đó hơn hẳn một nụ cười thông lệ có hữu trên mặt, anh đã nói "Xin mời cô nhảy một bản". Nhưng cô đã lỡ hứa nhảy tất cả mọi bản với đủ thứ b an bè. Anh thoáng lấy làm tiếc rồi sau đó tự nhủ là cũng chẳng thành vấn đề gì. Sau cùng, cô ấy cũng chỉ là con gái của ông Fang, còn có khối các cô khác. Anh khiêu vũ vớ vẩn suốt buổi với dăm ba cô. Bây giờ anh chẳng nhớ được đó là những cô nào, chỉ râu rĩ ghi nhận rằng cô nào cũng bôi phấn lên áo anh mà thôi.

Ông Fang đã quyết định là không dừng chương trình vui chơi lại như dự tỉnh. Ông khoái nhảy, cứ nảy tưng tưng khắp phòng như một trái ban to tướng trong chiếc áo dài lụa, khuôn mặt tròn bạnh lúc nào cũng hơn hớn cười, và tiếng cười ông còn giòn giã hơn mỗi khi lỡ đạp vào chân ai đó. Bây giờ ông đang dòm qua mấy cây kiểng vào chỗ của ban nhạc và la lên "Chơi thêm ba bản nữa, tiền hoa gấp đôi nghe!". Nói xong, ông ôm ngay cô hầu non và hai người nhảy ngay. Cô ả vui vẻ tựa vào cái bụng phệ của ông và đôi mắt cứ láo liên nhìn khắp phòng.

Đó là cơ hội cho David. Anh vội vàng vì thoáng thấy có ba anh chàng bảnh bao khác cũng đang muốn tiến lại phía cô. Anh lẹ làng tới đứng trước mặt cô "Xin mời..."

Nhưng ba anh kia cũng vội vàng không kém. "Xin mời..." "Xin mời..." "Xin mời..." Tiếng nói của họ cứ như một bè hát đuổi mà anh thường chơi ở ngôi trường Mỹ nơi anh học. Anh cứng người bước lui lại - để tùy cô ấy chọn. Cô lựa chọn rất dễ dàng, cô đứng dậy và bước tới phía anh "Anh trước phải không?" cô nói với giọng nhỏ và trong "Vâng" anh đáp và họ tiến vào giữa phòng

Trong ồn ào tiếng nhạc thật không thể nói chuyện. Làm như thế ông Fang đã đi thuê thêm một ban nhạc nữa cho buổi hôm nay. Căn phòng rung lên vì ồn Anh dìu cô đi theo đúng kiểu thịnh hành, ngực sát vào ngực, đùi sát vào đùi. Má cô tựa vào vai anh. Anh biết rõ là mình nhảy giỏi, rồi anh nhận ra cô cũng giỏi không kém Cô nương theo, thuận theo người anh rất nhẹ nhàng đến đó anh phát nghi ngại phải nhìn xuống cô. Phải chăng cô cũng khá dễ dàng để bị chinh phục? Anh đã phát ớn với các cô gái chinh phục quá dễ dàng Nhưng khuôn mặt nhỏ nhắn trắng trẻo của cô lại hoàn toàn bình thản, và đôi mắt, khi ngước nhìn anh thì hoàn toàn vô cảm. Cô mỉm cười và nói gì đó, nhưng anh không thể nghe ra. Anh nhướng mắt lên và cô bật cười, và họ chẳng cô nói thêm gì Cuối bản nhạc, vì những chàng trai kia cứ kiên định chờ cô nên anh đưa cô về chỗ với chỉ một lời cảm ơn nồng nhiệt một cách cẩn trọng thông lệ chứ không gì hơn "Cô nhảy tuyệt lắm, cô Fang. Ồ, có bạn nhảy giỏi thì thuật tuyệt".

"Cảm ơn, ông Lin. Ông nhảy cũng rất giỏi" cô đáp thoải mái. Anh không nhảy nữa, mặc dù có nhiều cô đang thiếu bạn nhảy trong số đó có Doris Li. Cô ta cười nói và mòn mỏi đi qua chỗ anh đứng. Nhưng anh cứ quyết chí cúi xuống cột dây giày. Anh sẽ không nhảy nữa. Anh ngẫm nghĩ về Phyllis một lát tuy rằng

từ lâu nay anh đã không còn nghĩ về bất kỳ một thiếu nữ nào cả. Anh chẳng nghĩ tới gì ngoài công việc mà vốn anh rất yêu Đó là công việc quản lý nhà máy in của ba anh. Lúc nào anh cũng nghĩ đến việc cải tiến chất lượng in sách. Xưa anh cũng thường nghĩ tới các cô, nhưng đó là trước khi anh thấy phát chán lên với họ. Họ cùng một giuộc với nhau cả. Từ lâu anh đã xác tín rằng, các cô gái ở cái đất Thượng Hải này thì giống nhau tuốt tuột. Anh lắng nghe một cách cười cợt mỗi khi bạn bè làm um sùm lên vì một nhan sắc mới mẻ nào đó. Làm quái gì có được cái mới mẻ.

Buổi liên hoan tàn và người ta bắt đầu ra về. Từng cặp vui vẻ đan tay nhau rời đi tìm một trò vui khác. Ban nhạc đã ngừng chơi, trong phòng chỉ còn lao xao những lời cám ơn và từ giã. Những câu những chữ tiếng Anh tiếng Tàu lộn xộn. Nói được như thế là ngon lành lắm, giống như có tên kiều ngoại quốc cũng là ngon lành lắm. Anh cũng nói được cái thứ biệt ngữ đó nếu cần. Thực ra, anh nói được đủ thứ kiểu. Anh có thể nói theo kiểu một sinh viên Mỹ hoặc thứ tiếng Anh của dân Oxford hay là thứ tiếng Tàu súc tích mà ba anh vẫn đòi hỏi ở anh, và cái thứ biệt ngữ pha trộn Anh - Tàu mà bạn bè của anh hiện vẫn dùng. Tất cả tùy thuộc là anh đang ở hoàn cảnh nào mà thôi.

Nhưng trong thâm tâm anh yêu tiếng Tàu nhất, mặc dù trong chỗ bạn bè anh vẫn cười cợt về thứ tiếng đó. Họ cứ nói đi nói lại với nhau kiểu như "Có rất nhiều vấn đề hiện đại không thể diễn đạt được bằng tiếng Tàu mình. Thí dụ, làm sao nói được thế này... thế kia..." Anh luôn đồng ý với họ, và họ đã đùa bằng cách thử dùng thứ ngôn ngữ cổ xưa điểm đạm đó để diễn đạt những câu như "Nhỏ hứng tình". "Em là bồ ruột của anh"

hay "Đến phát điên vì em được" Nhưng sau đó anh lại cảm thấy khó chịu, cứ như anh đã dạy một đứa trẻ nói tục một cách ngây thơ. Bởi vì thứ ngôn ngữ cũ không diễn đạt những chuyện như vậy. Nên có vặn vẹo đi, nó cũng chẳng ra cái ý nghĩa gì, chẳng nói được điều gì, nó cứ còn nguyên vẻ bình thản của nó, không chịu bị biến dạng đi.

Anh bước theo dòng người ra cửa. Phyllis đang đứng đó, mỉm cười, vui vẻ đáp lễ và chìa tay thoải mái cho mọi người khách. Anh nhìn cô và buồn bã thầm nghĩ rằng có lẽ mình đã sai lầm khi cho rằng cô khác hẳn những người khác. Lúc này đây trông cô như hệt bất kỳ ai đó, bất kỳ một cô gái nào. Có lẽ cô cũng son phấn như ai. Anh bất giác nhìn xuống vai áo mình. Nhưng không, nó vẫn còn sạch. Lập tức anh quyết định.

"Tôi có thể ở lại nói chuyện chút được không?" anh hỏi.

Cô ngập ngừng.

"Tôi định đi sòng bạc với mấy người bạn"

"Tôi có thể đi với cô không?" anh lập tức hỏi tiếp.

"Tôi nghĩ cũng được thôi" cô đáp.

Một gia nhân mang áo khoác của cô tới, anh đón lấy và khoác lên vai cô. Đột nhiên anh nhìn thấy những sợi tóc mịm màng ở gáy của cô, màu đen tuyền nổi bật trên nền da màu trắng ngà. Anh chợt cảm thấy một cơn xúc động dịu dàng nổi lên.

Đó là bước khởi đầu, nhưng kết thúc thì hầu như ngay ở đó. Chưa qua hết đêm anh đã cảm thấy yêu cô kinh khủng, mặc dù sự chán ghét của anh với mọi cô gái trên đời này ngày càng

đậm nét hơn. Anh phát tởm với mọi cô gái anh thấy ở sòng bạc tối hôm đó. Anh nghĩ đây là những cô tệ nhất trong các cô và bên dưới bộ mặt tươi cười anh chỉ có một lòng khinh bỉ. Anh nhảy với họ khi anh không mời được Phyllis, cũng làm đủ trò tế nhị bành bao lịch thiệp trong khi anh vẫn chán ghét họ. Khi anh cầm một bàn tay, anh chán ghét cái vẻ trau chuốt và những móng tay sơn tím lim ấy. Nó khiến anh tò mò muốn biết bàn tay Phyllis ra sao. Lúc nào có dịp anh phải để ý nhìn ngay. Trong góc tường khuất nơi anh ngồi nghỉ sau một bài nhảy cùng với một cô gái khác, anh đã hôn cô ấy một cách lãnh đạm khi cô ấy nghiêng đầu tới cho anh hôn. Hôn một cô gái thì chẳng là cái gì cả, chẳng là cái gì đối với anh. Anh lén lau miệng mình khi giả vờ lấy khăn tay ra lau mồ hôi. Anh ghét các loại son, nhưng còn môi Phyllis, anh bắt đầu ngẫm nghĩ về đôi môi của cô ấy.

Và thế đấy. Một khi anh đã khởi sự ngẫm nghĩ kiểu này thì không thể dừng lại được, và ngày lại ngày, nắng xuân cứ thúc dục anh. Và lại, cô ấy có thể lại đi xa. Anh phải gấp lên. Anh xin ba anh cho nghỉ một đợt và săn đón cô mỗi ngày, dùng đủ mọi kỹ thuật. Sau cùng, anh tự nhủ, cô ấy cũng là một thiếu nữ tân thời, và có lẽ cô thích mọi trò như thế. Anh gửi cho cô hoa và kẹo, tìm mua những cuốn sách mới in và kè kè dưới nách mỗi khi tới thăm cô, như thể chẳng bao giờ anh tới mà không có qùa.

Nhưng dĩ nhiên tất cả những món qùa đó, chúng tất phải có ý nghĩa. Anh quan sát cô để xem chúng có ý nghĩa gì không. "Thích kẹo này không, nhỏ?", anh lơ đãng hỏi cô khi chìa ra một hộp Sôcôla, thứ kẹo nhập. Mặt cô hơi xụ xuống phải không? Nhưng giọng nói vẫn mang vẻ nhiệt thành cần thân "Ồ,

tuyệt lắm, Dave", cô đáp. Hầu như họ chỉ nói với nhau bằng tiếng Anh, và bởi vì họ đều từng học ở đại học Mỹ nên họ cứ ăn nói theo cái kiểu ở đó "Chắc cú là thích chứ?" anh hỏi gặng. "Thích điên lên đấy" cô đáp. Anh chăm chú nhìn cô. Cô ăn nói như mọi người trẻ tuổi khác, nhưng nghe chừng đó không phải thứ ngôn ngữ của cô ấy. Cô mở hộp kẹo và reo lên vui vẻ "Ồ, dễ thương quá chừng... Ồ, thật tuyệt" Rồi cô đặt nó xuống bàn.

Phải, anh sử dụng những kỹ thuật của mình, tất cả mọi kỹ thuật tân kỳ người ta áp dụng đối với nhau. Anh đưa cô đi khắp nơi, đi khiêu vũ, xem hát và cô vui vẻ đi theo. Trong xe taxi, anh thò tay nắm lấy tay cô, và có lần đã quàng vai cô và chồm tới hôn, nhưng bất ngờ cô lại nghiêng đầu đi nên môi anh chỉ chạm vào má cô thôi và vào mũi. Anh đã dự định nụ hôn sẽ cực kỳ nồng nàn - nồng nàn hơn bất kỳ lần nào khác anh cảm thấy đối với chuyện kiểu đó. Nhưng, hỏng toẹt, anh chẳng cảm thấy nồng nàn gì cả. Gò má cô lạnh tanh. Cô cũng chẳng rút tay khỏi tay anh, nhưng nó nằm đó xuôi xị, và anh nghĩ nếu như nó đừng thô bạo quá thì anh đã buông bàn tay đó ra rồi.

Tuy vậy anh vẫn yêu cô hơn lúc nào hết. Có lẽ vì anh chưa nắm được cô nên càng yêu hơn. Cô chẳng cự tuyệt anh, chưa bao giờ cự tuyệt. Cô tham gia vào mọi dự định của anh, không từ chối với anh việc gì. Nếu anh cầm tay cô, cô sẽ hơi tựa vào anh một tí - cô không có nét gì cổ lỗ cả. Nhưng cô cứ như thế. Cô làm tất cả những việc đó như thế đó là khuôn mẫu cô đã được giáo dục phải làm như vậy. Đó là một kỹ thuật đối với cô, cũng là một kỹ thuật yêu của cả hai người. Anh muốn cô biết rằng anh yêu cô, mà anh chẳng có cách nào thổ lộ điều đó ngoài trừ kiểu ăn nói thời thượng ấy "Anh phát điện lên vì nhỏ

đó, nhỏ ơi" anh nói thế. "Ồ, em cũng phát điên lên đây" cô sẽ lịch thiệp đáp lại, và trái tim anh tê tái.

Và cứ thế những ngày đó qua đi, những ngày tháng ngắn ngủi anh có được, và anh chẳng thể đột phá được cái hàng rào của trò kỹ thuật tân tiến ấy. Một lần đưa cô về tới công nhà sau một buổi khiêu vũ về muộn, anh đã nghiêng người tới "Hôn tạm biệt nào, Phyllis?"

"Dạ" cô đáp ngay và đôi môi bình thản của cô chạm vào má anh.

Tất cả chẳng là gì hết. Họ không trở nên gần gũi hơn mà nghe chừng xa cách nhau hơn. Những câu chuyện và đụng chạm thân xác chỉ đẩy rời họ ra. Anh không biết làm sao bây giờ, nên đành cứ phải làm những chuyện họ đang làm với nhau.

Rồi đột nhiên, vào ngày trước khi cô đi làm xa trở lại, họ khám phá ra nhau. Hôm đó họ lại khiêu vũ với nhau ở sòng bạc, thật gần nhau, quyện vào nhau, thì bỗng dưng cô dừng lại, bước lui ra và nhìn anh.

"Anh có thực sự thích việc này không?" cô hỏi anh.

Anh ngạc nhiên. Giọng của cô đã khác, dịu hơn, sâu hơn. Cô lại nói bằng tiếng Tàu, tiếng mẹ đẻ! Tại sao họ chưa bao giờ nói chuyện bằng tiếng Tàu nhỉ? Có vài điều trục trặc giữa các phương ngữ với nhau. Cô chẳng phải dân gốc Thượng Hải, gia đình cô từ miền Bắc chuyển xuống - tiếng Anh thì thợi thượng hơn, nên họ cứ làm như tiếng Anh là dễ hơn. Nhưng đâu phải thế. Anh hiểu rõ cô khi cô nói bằng tiếng Tàu. Anh chăm chú nhìn vào mắt cô. Cả cái sàn nhảy phù hoa quanh họ như mờ đi.

"Anh chẳng thích, - anh đáp. - Không biết nói sao cho em hiểu là anh ghét nó tới cỡ nào?

"Vậy mình đi thôi" cô chỉ nói như thế

Cô hoàn toàn khác hẳn mọi điều anh đã biết về cô trước đó. Trong xe cô ngồi nghiêm trang và kín đáo đến độ anh chẳng dám cầm tay cô nữa. Nhưng lúc đó anh lại cảm thấy gần cô hơn. Đến cổng nhà cô, anh ngần ngừ. Nhưng cô nói:

- Anh vào được không? Em nghĩ mình có nhiều chuyện cần đàm đạo.

- Anh cũng nhiều chuyện muốn nói.

Bây giờ tưởng như họ chưa từng nói với nhau điều gì cả. Tất cả những chuyện trò bằng tiếng Anh họ đã trao đổi với nhau đã không nói được điều gì cả. Bây giờ mấp máy bờ môi anh là những ngôn từ khác, ngôn từ của chính dân tộc họ. Mọi chuyện còn nguyên đó cần phải nói ra. Cô ngồi xuống chiếc trường kỷ bọc sa tanh và anh ngồi xuống một chiếc ghế gần đó. Cô nhìn anh rồi nhìn quanh căn phòng.

Em không ưa tất cả những thứ này, - cô nói và phác bàn tay ra xung quanh. - Anh đâu hiểu rõ em, thậm chí tên thật của em anh cũng chưa biết. Em chẳng phải như anh đã biết đâu. Bây giờ thì em sắp đi xa nên em muốn anh biết rằng em rất cổ lỗ. Cả tháng nay em đã phải làm những việc em không thích cùng với anh. Nên có lẽ anh biết rõ mọi sự thì tốt hơn. Em không thích khiêu vũ, không thích kẹo ngoại quốc. Em cũng chẳng thích hôn hít ai. Phải hôn ai hay cảm thấy ai hôn lên mặt hay tay mình là em thấy khó chịu, ngay cả với anh cũng vậy

- Khoan đã, - anh ngắt lời. - Bây giờ anh hiểu ra những điều chỉ cảm thấy mơ hồ về em trước đây. Anh hiểu tại sao, lâu nay, mình không hề gần gũi nhau hơn. Tại sao em lại chịu theo anh đi tiệm nhảy, tại sao em lại để anh hôn em? Nếu em nói trước là không thích thì chẳng đời nào anh làm điều đó.

Cô cúi đầu nhìn đôi tay vặn chặt vào nhau đặt trên lòng. Cô trả lời, bẽn lẽn:

- Em cứ nghĩ anh thích những kiểu cách ngoại quốc và em muốn được như điều anh thích. Em nghĩ, nếu em từ chối, có thể anh sẽ... anh sẽ... không ghé tham nữa. - Những chữ cuối câu cô nói nhỏ lí rí.

- Tên thật của em là gì? - Anh hỏi.

- Em là Minh Tâm, - cô đáp.

- Tên anh là Dũng An.

Họ im lặng một lát.

Rồi anh lên tiếng, người hơi chồm tới trước:

- Em muốn nói là... em thực nghĩ là em thích cung cách của dân mình nhất?

- Thích nhất, em rất thích, - cô áp úng.

- Em không thích một căn nhà như thế này? - anh hỏi cô nghiêm trang.

- Không.

- Cũng không thích khiêu vũ, lái xe đi chơi hay mọi thứ trò mà các phụ nữ đời nay vẫn làm?

- Không.

- Chúng ta chẳng bao giờ phí thì giờ như thế nữa - anh nói, sau một lát im lặng.

- Không bao giờ nữa - Cô đáp.

Anh im lặng một lát, rồi nói:

- Anh cũng chẳng thích hôn.

- Vậy chúng ta đừng bao giờ hôn nhau nữa, - cô nói.

- Mình sẽ nói tiếng dân mình và anh sẽ không mặc y phục ngoại quốc nữa. Anh sẽ mặc lại áo dài của dân mình, sống theo kiểu cũ và hút ống tẩu.

- Em cũng không bao giờ đi giày da nữa, - cô nói. Không bao giờ ăn bơ hay tất cả món ăn ngoại quốc nào. Trên bàn mình sẽ dọn bát đũa. Em sẽ ở trong một căn nhà có sân và không có cầu thang. Em thích có nhiều con cái.

Anh thấy tất cả những điều đó khi nghe cô nói, căn nhà, tổ ấm của họ, tất cả những thứ họ có và là chính họ như họ đã từng thực sự ao ước. Anh định thốt ra câu "Em có chịu lấy anh không? Chúng ta sẽ ..." thì anh dừng lại kịp thời.

- Anh, - anh nói, - trao thư Fang, ba anh sẽ viết thư cho bà em. Thư sẽ tới sớm thôi - ngay tức thời.

Anh đã ra tới cửa. Đứng đó, anh ngoảnh lại nhìn. Cô đứng dậy và cúi người, rồi đứng đó nhìn anh đó, tươi tỉnh và nồng ấm như một con người tự nhiên, dễ thương cùng loại với anh. Họ sẽ trồng sen dưới hồ trong sân nhà, có một khóm trúc nhỏ và đọc thơ trong những ngày hè, những bài thơ cổ tứ tuyệt. Anh lúc nào cũng muốn có lúc được như thế.

- Anh về nhé, anh Lin? - cô nói đúng câu chào tạm biệt kiểu xưa.

Lời cô nói ngọt ngào đến độ khiến anh bất giác lui lại một bước nhưng anh dừng lại kịp. "Không theo lối ngoại quốc nữa" anh nói chắc nịch. Anh đi ra dại sảnh nhưng rồi lại nghiêng đầu nhìn cô một lần nữa. Cô vẫn ngồi lặng lẽ trên trường kỷ, đôi tay nhỏ xếp lại, đôi bàn chân xinh xắn đặt ngay ngắn bên nhau, hệt như kiểu mẹ anh ngồi lúc còn con gái. Cô đang nhìn tới phía trước và thấy, anh hiểu, ngôi nhà, cái sân, lũ con cái, lối sống ngày xưa êm đềm. Cô ngồi đó chờ đợi, xinh làm sao, xinh xắn làm sao.

- Tạm thời thì chưa, anh nghĩ thêm và vội vã bước đi.

PHẠM VIÊM PHƯƠNG dịch

BÔNG HỒNG CHO EMILY

UILIAM FAULKNER
(NOBEL 1949)

Khi cô Êmily Grixơn qua đời, cả thành phố đã đến viếng. Cánh đàn ông bị lôi cuốn bởi một thứ tình cảm lẫn lộn giữa lòng kính trọng và mối cảm tình đối với một thân tượng sụp đổ, bọn đàn bà thì không sao nén nổi tính tò mò và ước muốn được bước vào trong ngôi nhà ít ra phải đến mười năm nay

không có lấy một dấu chân người, nếu không tính đến lão đầy tớ da đen già kiêm đầu bếp và làm vườn

Ngôi nhà khung lớn hình vuông, còn đôi chút dấu vết của nước vôi cũ, trang trí bằng những mái vòm, tháp nhọn và ban công trong phong cách có phân dễ dãi của những năm bảy mươi thế kỷ 19, nằm trên một đường phố trước đây từng được coi là nơi tập trung tất cả những gì là quý tộc trong thành phố chúng tôi. Dần dà những ga-ra ô-tô và xưởng kéo sợi đã đẩy bật khỏi nơi này những dòng họ đáng kính nhất, và chỉ riêng có mỗi một mình ngôi nhà của họ Grixơn là vẫn như cũ, kiêu hãnh và bướng bỉnh vươn mình lên trên những xe thùng chở bông và trạm tiếp xăng như muốn trả lời xung quanh bằng một sự thách thức. Nhưng rồi cũng đến lượt cô Êmily phải lãnh lấy chỗ mình trong nhà mồ của thành phố, tại một nghĩa địa đầy cây bá hương, nơi vẫn còn giữ lại được mồ mả (có nhiều cái vô danh) của những người lính Bắc Mỹ và Nam Mỹ đã bỏ mạng trong những trận giao tranh ở Giepphécxơn.

Cô Êmily khi còn sống là hiện thân của một truyền thống lâu đời, một nghĩa vụ và một thứ trách nhiệm tinh thần mà thành phố đã nhận lấy rồi truyền lại cho các thế hệ tiếp sau từ cái thuở 1894, khi thị trưởng Giepphécxơn, đại tá Xatôrix (chính là người đã ban hành lệnh cấm dân da đen ra phố khi không đeo tạp dề) tuyên bố miễn thuế cho cô - ngay sau lúc cha cô chết và mãi mãi về sau. Thế mà cô Êmily vẫn không coi đó là một cử chỉ từ thiện. Đại tá Xatôrix bịa ra một câu chuyện rối rắm, tuồng như cha cô cho thành phố vay nợ và chỉ bằng cách ấy mới có thể hoàn tiền lại một cách dễ dàng nhất. Chỉ có một kẻ thuộc thế hệ của đại tá Xatôrix mới bịa nổi một trò như thế và cũng chỉ có đàn bà mới tin được điều ấy.

Nhưng khi các thế hệ sau - những kẻ được giáo dục khác hẳn, với những tư tưởng tân tiến hơn - bước vào tòa thị chính, hiệp ước ấy đã gây ra một sự khó chịu nào đây. Vào ngày đầu tiên của năm mới, người ta gửi cho cô Emily một trát đòi thu thuế. Tháng hai đã đến nhưng không thấy một câu trả lời nào. Người ta viết cho cô một bức thư chính thức, yêu cầu cô tìm thời gian thuận lợi ghé vào chỗ văn phòng ông cảnh sát trưởng. Một tuần sau, đích thân ông thị trưởng viết thư cho cô, đề nghị đến thăm cô, hoặc đưa ôtô mời cô đến và ông đã nhận được câu trả lời viết trên một lá thư với khổ giấy cũ kỹ, bằng một nét chữ hoa hòe hoa sói và một loại mực đã biến màu. Nội dung bức thư gói gọn trong một điều là cô Emily đã từ lâu không ra khỏi nhà, trong phong bì có để kèm theo bản giao kèo thuế vụ.

Tòa thị chính họp phiên đặc biệt, một đoàn đại biểu được cử đến nhà cô Emily, người ta gõ vào cánh cửa đã tám hay mười năm nay đóng im ỉm không đón một khách khứa nào kể từ thuở trong ngôi nhà ấy thôi không có những buổi dạy vẽ hoa văn lên đồ sứ nữa. Lão già da đen đưa họ vào phòng đợi tranh tối tranh sáng, từ đấy chiếc cầu thang dẫn họ lên trên, vào một phòng khác còn âm u hơn. Thoáng mùi bụi bặm và hoang phế, khắp nơi phảng phất mùi hang hác của sự tàn lụi. Lão già da đen dẫn họ vào phòng khác bày nhưng đồ gỗ nạng nề bọc da. Khi lão mở một cánh cửa chớp, trên lớp da bọc thấy có những vết rạn và một đám mây bụi nhỏ bốc nhẹ phía trên các đệm ngồi, tạp loãng ra rồi cuộn tròn trong tia nắng duy nhất lọt vào phòng. Trước lò sưởi, trên cái giá vẽ phủ một lớp thếp vàng đã xỉn có một bức chân dung vẽ cha cô Elimy bằng sáp màu.

Họ đứng cả dậy khi cô bước vào, tựa người lên chiếc gậy gỗ mun đen có tay nắm bằng vàng cùng đá xỉn màu. Một người

đàn bà thấp, béo, mặc toàn đồ đen, đeo sợi dây chuyền vàng buông xuống đến tận bụng và lẩn vào tấm thắt lưng rộng bản. Cô thuộc loại lùn và khá nhỏ xương - bởi thế nên nếu ở trường hợp khác gọi là béo, ở đây chỉ gây một ấn tượng phỉ nộn bệnh hoạn.

Người cô có vẻ phình ra và chương lên như thể đã nằm quá lâu dưới đáy ao tù. Trong những nếp nhăn núng nính trên khuôn mặt nhợt nhạt như của tử thi có giấu hai con mắt như hai hòn than trong nắm bột - Cái nhìn của cô lướt trên khuôn mặt những người mới đến khi họ trình bày đầu đuôi câu chuyện.

Cô không mời họ ngồi: cô đứng giữa cửa và bình tĩnh nghe cho đến lúc kẻ đang nói phải ngây người ra và lặng thinh. Lúc bấy giờ mọi người đều nghe rõ tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ vô hình treo đầu sợi dây chuyền.

Cô thốt lên lạnh lùng và khô khan:

- Tôi không nộp thuế ở Giepphécxơn. Đại tá Xatorix đã giải thích cho tôi như thế. Bất cứ ai trong số các ông đều có thể xem lại những giấy má của tòa thị chính, nếu quả có quan tâm đến việc ấy.

- Chúng tôi đã làm đúng như thế, thưa cô. Chúng tôi là nhà chức trách thành phố. Chẳng nhẽ cô không nhận được những bức thư do ông cảnh sát trưởng ký?

- Vâng, tôi có nhận được một cái gì đó - Cô Émily nói - Thế đấy, ông ấy là cảnh sát trưởng phải không? Nhưng tôi không nộp thuế ở Giepphécxơn.

- Trong sổ sách của thành phố không đâu có ghi như thế cả. Chúng tôi chắc có lẽ là ..

- Các ông đi mà gặp đại tá Xatôrix. Tôi không có nợ nần gì Giepphécxơn cả.

- Nhưng, thưa có Êmily.

- Các ông đi mà nói chuyện với Xatôrix - (Đại tá Xatôrix chết đã mười năm nay) - Tôi không có nợ nần gì Giepphécxơn cả. Lão Tôbơ! - Lão già da đen xuất hiện trong khung cửa - Hãy tiễn các ngài đây ra cửa

II

Thế là có đã tháng, đã quát thẳng vào mặt họ dù họ tấn công cô bằng quân bộ hay bằng đội hình kỵ binh, cũng như ba mươi năm trước đây cô đã chế ngự được hàng cha chú của họ, khi người ta đặt câu hỏi về cái mùi thối nọ. Chuyện xảy ra hai năm sau khi cha cô chết, và chẳng bao lâu sau việc người có yêu rời bỏ cô - thế mà ai cũng nghi chẳng chống thì chày thì họ sẽ cưới nhau. Từ khi cha cô chết, thằng hoạc lắm cô mới ra khỏi nhà và sau khi anh chồng chưa cưới bỏ trốn thì cô có vẻ như mất tam luôn. Một đôi lần các bà các cô trong phố lấy hết can đảm vội vàng gõ cửa nhà cô, nhưng không ai tiếp họ, người ta biết rằng cuộc sống trong nhà chưa lui tất chỉ là vì vẫn thấy gã da đen, lúc bấy giờ hãy còn trẻ, thỉnh thoảng lại xách giỏ đi mua thức ăn về.

- Chả có nhẽ chỉ độc một tay đàn ông - nhanh nhảu mấy cũng vậy thôi - lại có thể trông coi bếp núc được chu đáo. - Các bà các cô nói vậy, cho nên khi cái mùi hôi ấy xuất hiện, không

ai thấy ngạc nhiên. Cái đó hệt như một chiếc mắt xích đem nối cái thế giới cộc cằn thô thiển này vào những thành viên cao quý đáng trong vượt hẳn lên trên của họ Grixơn.

Nhưng bà hàng xóm của Êmily lại đến kêu cứu với thị trưởng, ông quan tòa tám mươi tuổi Xtiven.

- Bà cần gì ở tôi ấy nhỉ? - thị trưởng dò hỏi.

- Xin ngài bảo giúp cô ấy cho. Chả nhẽ không có điều luật nào như thế cả?

- Ồ, chuyện này chẳng có gì cần thiết đặc biệt - quan tòa Xtiven nói - Có lẽ là rắn hay chuột cống gì chết đấy. Chắc lão da đen giết ẩu chúng trong sân. Tôi sẽ bảo hắn.

Ngày hôm sau lại có thêm hai người nữa kêu ca, trong số đó có một người đàn ông tiếp cận vấn đề hoàn toàn từ phía khác.

- Phải làm một cách gì bây giờ thôi, thưa ngài thẩm phán. Bằng bất cứ giá nào tôi cũng không muốn quấy rối sự yên tĩnh của cô Êmily, nhưng cần phải làm một việc gì để tẩy uế chứ.

Tối hôm ấy hội đồng thành phố họp. Ba vị trưởng lão râu bạc và một vị trẻ hơn, đại diện cho những thế hệ sắp thay thế.

- Mọi việc hết sức đơn giản - vị đó nói - Cần phải gửi giấy báo để cô ấy dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ - nếu đã thế mà không có kết quả, thì lúc bấy giờ..

- Không đâu, thưa ngài - quan tòa Xtiven cắt lời - Liệu có ai dám nói thẳng vào mặt một bà mệnh phụ quý phái rằng người bà bốc mùi không nào?

Thế là tối hôm sau, đã quá nửa đêm, bốn gã đàn ông đành băng qua bãi cỏ nhà cô Êmily, và, hệt như bọn kẻ cắp, họ rón

rén đi vòng quanh nhà, thò mũi vào ngửi tất cả các khe hở ở nền nhà và các cửa thông hơi, lại có một kẻ trong số đó, như một người gieo hạt, cứ luôn thọc tay vào chiếc túi đeo trên vai. Mở cửa tầng hầm ra xong họ rắc vào đấy và vào cả tầng trệt cũng như lều trại phụ trong sân một lớp vôi bột. Khi họ theo bãi cỏ trở ra, một cửa sổ trước đây tối om bỗng sáng đèn, trong khung cửa xuất hiện hình dáng cô Êmily, bất động như một pho tượng. Đám đàn ông thận trọng lẻn qua bên cạnh và biến mất trong bóng tối hàng cây dọc phố. Một hai tuần trôi qua, rồi cái mùi ghê tởm nọ cũng bớt dần.

Từ buổi ấy mọi người bắt đầu thương xót cho cô Êmily. Nhớ lại chuyện bà cụ Oaiet, bà cô của Êmily, tự dưng phát điên như thế nào, người ta đi đến kết luận là tất cả mọi người trong họ Grixơn đều hơi có chút ấm đầu. Ít ra thì trong con mắt của những người bà con, cô Êmily bấy giờ quá xinh đẹp so với lớp trẻ của thành phố chúng tôi. Như một bức tranh sinh động, trong trí nhớ dân thành phố xuất hiện hình ảnh của cô Êmily và cha cô: ông đứng phía trước, chân dang rộng trên thềm nhà, tay cầm chiếc roi ngựa, và hơi dịch về phía sau một chút là thân hình mảnh mai của cô Êmily mặc toàn đồ trắng. Bởi thế, khi cô đã ba mươi tuổi mà vẫn chưa có chồng, cả thành phố dù không đến nỗi khoái chí trong bụng nhưng ít ra cũng cảm thấy là mình được trả thù. Đến cả chuyện gia tộc cô có chứng điên cũng vậy, chúng tôi nghĩ, vì tất cô đã từ chối một đám ưng ý, nếu quả thật bỗng nhiên có được dịp như vậy.

Khi cha cô chết mới vỡ nhẽ rằng cô không thừa kế được một của cải gì của ông hết, ngoài tòa nhà, và, chả giấu giếm gì, nhiều người đã hả hê vì thế. Cuối cùng rồi cũng có thể thương hại được cô ấy, chúng tôi nghĩ. Khi phải sống trong túng thiếu

và cô đơn, cô Êmily sẽ quên thói kiêu căng của mình, và sẽ quan tâm đến số phận người khác, bây giờ cô cũng sẽ hiểu, thế nào là nỗi khủng khiếp vĩnh cửu và nỗi thất vọng vĩnh cửu, khi phải tự mình lo liệu chạy vạy đắp đổi qua ngày.

Buổi sang hôm cha cô chết, tất cả các bà các cô trong thành phố tụ tập lại để, theo đúng truyền thống, bày tỏ lòng cảm thông sâu sắc và chia buồn, cũng như biểu lộ sự sẵn lòng giúp đỡ. Trong mắt cô không có lấy một giọt nước mắt khi cô tiếp họ với bộ y phục ngày thường. Cha cô không chết, cô tuyên bố và khăng khăng khẳng định điều đó trong ba ngày liền, cho dù các vị linh mục và mấy ông bác sĩ tìm đủ mọi cách để đưa cái xác ra ngoài. Người ta đã sắp sửa áp dụng những biện pháp cần thiết mà pháp luật cho phép trong trường hợp ấy, lúc bấy giờ cô mới đành đầu hàng, và mọi người tổ chức mai táng thật nhanh.

Dù sao đi nữa, vẫn như trước, người ta không cho là cô bị điên. Có thể hiểu tâm tư cô ấy, chúng tôi suy luận, chẳng phải cha cô đã đuổi khỏi nhà bao nhiêu chàng trai trẻ đó sao, và bây giờ, như mắc cạn trong nỗi cô đơn tuyệt đối, muốn hay không muốn cô cũng phải bấu víu lấy cái hình ảnh đã từng chiếm hữu cuộc đời cô, như bất cứ ai cũng thường làm thế.

III

Sau đó cô ốm rất lâu. Khi chúng tôi lại thấy mặt cô, cô đã cắt tóc ngắn và vì thế trông giống một thiếu nữ, lại còn có vẻ hơi giống một thiên thần trên tranh kính nhà thờ với khuôn mặt tường ung dung tính lại nhưng đầy một nỗi buồn bí ẩn.

Đúng vào thời gian ấy nhà chức trách thành phố dự định lát vỉa hè trên các phố, các giao kèo đã được ký kết, và đến mùa hè

(sau cái chết của bố cô) công việc bắt đầu bận rộn. Trong thành phố xuất hiện một toán thợ xây với những anh da đen, những con lừa cùng với dụng cụ đồ nghề, do Hôme Berơn, một gã Yanki miền Bắc chỉnh tông - tóc đen, to con, ham việc, có giọng nói sang sảng và cặp mắt rất sáng màu trên khuôn mặt rám nắng - dẫn đầu. Bọn trẻ con tranh nhau chạy theo gã; chỉ mong được nghe gã quát tháo bọn da đen và nhìn bọn này cất tiếng hát tay đưa lên đưa xuống những cái cuốc chim nặng để đánh nhịp. Chẳng bao lâu Hôme Berơn đã làm quen với cả thành phố. Và nếu đâu đấy trên đường phố có tiếng cười oang oang và có nhiều người tụ tập thì thế nào gã cũng đứng ở trung tâm. Ít lâu sau, người ta bắt đầu quen thấy gã và cô Êmily cùng đi dạo chơi vào ngày chủ nhật trên chiếc xe hai chỗ ngồi hở mui có những bánh xe màu vàng, hai con ngựa màu xám kéo xe là loại ngựa thuê theo giờ ở trong phố.

Ban đầu chúng tôi ai cũng phấn khởi, vì cô Êmily thế là đã có mộ đôi chút quan tâm nào đấy đến cuộc sống, hơn nữa đám đàn bà trong phố còn nói "Ồ, chưa thấy một ai trong họ Grixơn lại có thể chấp nhận nghiêm chỉnh một anh chàng miền Bắc, đã thế lại còn là một anh chàng đi làm thuê công nhật nữa". Còn những người già hơn một chút thì nghĩ "Một phụ nữ quý phái chân chính đang chịu nỗi đau khổ lớn không được phép quên *điều luật danh dự*", họ cho là thế, dù điều đó không được nói ra. Người ta chỉ bảo "Êmily đáng thương. Lẽ ra họ hàng nhà cô phải trông coi cô chứ". Mà quả thật cô có họ hàng ở Alabama, nhưng cha cô cãi vã với họ đã lâu về quyền thừa kế gia sản của bà lão Oaiet mất trí, và từ đó đến giờ hai bên không hề đi lại với nhau. Từ Alabama, thậm chí không ai đến dự tang lễ.

Ngay sau khi mấy tiếng "cô Êmily đáng thương" vừa được người ta nói ra, lập tức những tiếng đồn xuất hiện. "Chà nhẽ mọi việc đúng như thế?", một câu hỏi được đặt ra "Dĩ nhiên là thế rồi, chứ còn gì nữa!!" Và sau lưng cô, sau những tấm cửa chớp che kín ánh nắng chói chang của ngày chủ nhật, sau lưng đội thợ xây đi ngang phố, như có một tiếng thì thào đuổi theo: "Êmily đáng thương".

Và dù mọi người đều coi cô là một kẻ sa cơ, cô Êmily, như trước đây, vẫn ngẩng cao đầu, dường như cô có nhiều lý do hơn bất cứ bao giờ để khẳng định lòng tự trọng của kẻ đại diện cuối cùng dòng họ Grixơn, và sự độ bỉu của người đời chỉ làm tăng thêm sự tin tưởng vào lẽ phải và sự cao sang của dòng họ ấy. Cô vẫn giữ tư thế ấy ngay cả khi vào hiệu thuốc mua bả chuột - thạch tín. Chuyện đó xảy ra nửa năm sau ngày người ta nghe thấy nói "Êmily đáng thương", và vào dịp có hai người chị em họ đến thăm và ở lại nhà cô.

- Tôi cần mua ít thuốc độc - Cô bảo chủ hiệu thuốc.

Lúc bấy giờ cô Êmily đã ngoài ba mươi; cô vẫn có thân hình cân đối như trước đây, mặc dù hơi gầy sút hơn, đôi mắt đen nhìn lạnh lùng và kiêu ngạo, làn da ở thái dương và quanh mắt như bị mọng ra - một khuôn mặt, theo chúng tôi, giống như của một người coi đền biển.

- Tôi cần thuốc độc - Cô bảo.

- Xin vâng, cô Êmily nhưng là loại nào? Để bẫy chuột, chắc là thế Tôi xin khuyên...

- Tôi cần loại mạnh nhất, dù nó được gọi là thế nào cũng được.

Chủ hiệu thuốc xướng tên một vài loại.

- Những thứ thuốc này có thể quật ngã cả voi. Nhưng có lẽ tốt hơn là cô nên...

- Thạch tín? - Cô Êmily nói - Chắc là thứ thuốc độc tốt chứ?

- Thạch tín ấy ạ? Vâng, thưa cô, Nhưng cô cần...

- Tôi cần thạch tín.

Chủ hiệu thuốc ngước mắt nhìn cô, và cô đáp lại bằng một cái nhìn không chớp. Khuôn mặt cô trông thách thức như một ngọn cờ căng gió.

- Biết làm sao được - Chủ hiệu nói - Nếu cô cần chính loại thuốc độc ấy Nhưng theo luật, cô phải nói cô định sử dụng nó như thế nào.

Cái nhìn của cô Êmily lại càng trở nên cáng thẳng hơn, cô hơi ngửa đầu về phía sau, không rời mắt khỏi chủ hiệu và rốt cục chủ hiệu không chịu đựng nổi, ông ta quay lui và đi ra khỏi phòng ông không quay lại nữa, gói thạch tín do thằng bé loong toong người da đen đưa cho cô. Về nhà mở gói ra, dưới hình vẽ chiếc đầu lâu và hai khúc xương bắt chéo, cô đọc thấy dòng chữ: "Dùng để bẫy chuột".

IV

"Cô ấy sẽ tự sát" - ngày hôm sau chúng tôi bảo nhau thế và tất cả đều đồng ý đấy là lối thoát tốt nhất khỏi tình huống đạt ra. Khi cô mới bắt đầu đi lại với Hômơ Bơrơn, ai nấy đều đinh ninh rằng cô sẽ lấy gã. "Rồi cô ta sẽ thuần hóa được gã cho mà

xem" - Chúng tôi nói với nhau, khi nghe kể rằng Hôme - gã này vốn vẫn ưa đứng với bọn trẻ ở quán rượu "câu lạc bộ Con Hươu" - đánh cuộc với mọi người là gã quyết chí sống độc thân. Ít lâu sau khi, vào một ngày chủ nhật nắng chói chang, sau các tấm cửa chớp người ta bắt đầu xì xào câu "Êmily đáng thương" mỗi lúc thấy họ đi qua bên cạnh, trên chiếc xe ngựa lấp lánh ánh mặt trời - cô Êmily kiêu hãnh ngẩng cao đầu và Hôme Berơn đội chiếc mũ phớt bóp vành lại một cách ngạo nghễ, môm ngậm xì gà, bàn tay đi găng màu vàng cầm dây cương và roi ngựa rất thành thạo.

Ngay lúc bấy giờ có ai đó trong đám đàn bà đã nói rằng đấy là một gương xấu cho bọn trẻ và là một vết nhơ trên uy tín của thành phố. Đám đàn ông thì cho rằng không nên can thiệp vào, nhưng các bà vợ của họ đã thuyết phục được vị mục sư dòng Tây lễ đến thăm cô Êmily - cô ta cũng như họ hàng đều là con chiên nhà thờ xứ đạo. Vị linh mục không kể cho ai nghe một lời nào về cuộc gặp gỡ, nhưng nhất định chôi từ đến thăm lần thứ hai. Ngày chủ nhật tiếp đó, họ lại dạo chơi trên xe ngựa khắp các đường phố, và một ngày sau, vợ ông mục sư viết thư cho họ hàng cô Êmily ở Alabama.

Giờ đây cô lại ở trong nhà không chỉ một mình, và cả thành phố bắt đầu chờ đợi sự phát triển của các biến cố. Ban đầu chẳng hề có tin gì mới. Còn sau đó thì người ta chắc rằng họ sẽ lấy nhau. Được biết rằng cô đã có đến chỗ ông thợ kim hoàn và đặt cho ông làm một bộ đồ trang điểm cho đàn ông bằng bạc, có chữ lồng G B trên mỗi thứ. Hai ngày sau chúng tôi biết tin là cô đã mua đầy đủ một bộ comlê, bao gồm cả sơ mi lót, và tất cả thở phào nhẹ nhõm: "Họ đã lấy nhau". Và chúng tôi đã vui mừng thật lòng.

Không ai ngạc nhiên khi Hôme Berơn biến mất vài ngày sau khi công việc sửa chữa hè phố đã kết thúc. Chúng tôi hơi thất vọng một chút vì không thấy một sự ra mắt công khai nào, nhưng cho rằng gã đi để chuẩn bị mọi thứ cho cô Êmily chuyển đến chỗ gã, hoặc để cô có khả năng thoát cái nợ là hai người chị em họ ở đó (có hẳn một âm mưu được bày ra chống hai người này, trong đó chúng tôi đều ở vê phía cô Êmily). Và quả thực chưa đầy một tuần sau, hai cô kia đã ra đi. Rồi ba ngày tiếp nữa, như tất cả đều đợi, Hôme Berơn lại xuất hiện trong thành phố. Hàng xóm của cô Êmily để ý thấy, vào lúc chập choạng tối người đầy tớ da đen mở cổng hậu cho gã vào.

Từ ngày ấy không ai còn trông thấy Hôme Berơn đâu nữa. Và cô Êmily cũng hiếm thấy. Tên đầy tớ da đen thường ra khỏi nhà với chiếc giỏ mua thực phẩm rồi trở về, nhưng cửa chính lại cài then chặt. Thỉnh thoảng lắm cô Êmily lại xuất hiện bên cửa sổ (như trong cái đêm người ta rải vôi quanh nhà cô, nhưng cô không hề ra phố đến hàng nửa năm). Không ai thấy điều đó là bất ngờ - hương hồn cha cô, người đã bấy nhiêu lần can thiệp vào đời cô, chắc là quá ngang ngạnh và bát trí.

Khi chúng tôi thấy lại cô Êmily, cô đã phì ra đáng kể và trong mái tóc đã có nhưng sợi bạc. Mỗi năm tóc bạc một nhiều hơn, màu sắc chúng thay đổi cho đến lúc ngả sang màu xám thép, giống như màu muối trộn tiêu. Mái tóc bạc ấy thường thấy ở những người đàn ông cương nghị, ưa hoạt động, và cô Êmily giữ mái tóc như thế cho đến lúc chết, khi cô đến tuổi bảy mươi tư.

Trong suốt thời gian ấy cửa vào nhà cô lúc nào cũng đóng kín, nếu không tính sáu hay bảy năm gì đó (cô Êmily lúc bấy

giờ đã ngoài bốn mươi), cô có mở lớp dạy vẽ trên đồ sứ. Cô lấy một phòng tầng dưới làm xưởng vẽ, học trò bắt đầu đến học cô, đó là con gái và cháu gái của lứa các ông các bà cùng tuổi với đại tá Xatorix, họ đến đấy cũng thường xuyên và với tâm trạng giống như khi đi vào nhà thờ, nơi bố mẹ họ bắt phải đến và dúi vào tay họ đồng hai mươi lăm xu để quyên góp. Chính vào thời gian này người ta đã miễn thuế cho cô Êmily.

Nhưng rồi trên sân khấu đã xuất hiện thế hệ mới mang trong mình linh hồn và máu thịt của thành phố. Những học trò gái của cô Êmily đã lớn lên, từ giã cô và cũng không gửi tiếp con cái mình đến cho cô với những chiếc bút lông xoàng xĩnh, những hộp màu vẽ và những bức tranh con cắt ra từ các tạp chí phụ nữ nữa. Hai cánh cửa chính đóng sập lại sau lưng cô bé học trò cuối cùng và không còn mở ra nữa. Khi trong thành phố người ta bắt đầu sử dụng mạng lưới phục vụ bưu điện không mất tiền, chỉ có một mình cô Emily là cấm không cho đóng vào tường chiếc biển kim loại để số nhà và hòm thư. Người ta tìm cách thuyết phục cô, nhưng cô chẳng thèm nghe ai.

Ngày lại ngày, tháng lại tháng, năm lại năm, và chúng tôi nhận thấy tóc bạc thêm nhiều trên đầu lão da đen thường lê bước dọc phố với chiếc giỏ thức ăn trong tay, lưng lão ngày một còng gập xuống. Mỗi độ tháng chạp cô Êmily lại nhận được trát đòi thu thuế và lần nào cũng thế, cứ một tuần sau cô lại gửi trả nó theo đường bưu điện, không hề động đến. Thỉnh thoảng có ai đấy nhìn thấy cô trong một khung cửa nào đó ở tầng dưới - các phòng tầng trên chắc là khóa chặt. Không bao giờ có thể nói được một cách chắc chắn, là cô có nhìn thấy ai đó trong số chúng tôi hay không. Bất động hoàn toàn, trông cô giống một

pho tượng thờ bằng đá. Cứ như thế cô đi từ thế hệ này đến thế hệ khác lạ lùng và gần gũi với tất cả chúng tôi, câm lặng, khó hiểu và bất chấp.

Thế rồi cô qua đời. Cô ốm và không dậy nổi trong ngôi nhà đầy bụi bặm và bóng tối, nơi bất quá chỉ có lão da đen già nua là có thể chăm sóc được cho cô. Thậm chí không một ai trong thành phố biết rằng cô ốm, chúng tôi đã lâu không buồn hỏi lão đầy tớ chút gì nữa. Lão không nói chuyện với một ai, với cô chắc cũng thế, vì vậy giọng lão trở nên khàn khàn, như thể bị han rỉ, bởi đã lâu không dùng đến.

Cô qua đời tại một trong những gian phòng tầng dưới, trên chiếc giường gỗ hồ đào lớn có phủ màn mỏng, mái đầu bạc của cô nằm yên trên chiếc gối đã ngả vàng và mốc meo vì cũ kỹ và thiếu ánh nắng mặt trời.

V

Lão da đen tiếp đám phụ nữ ở cổng và đưa họ vào nhà - những tiếng xì xào ầm ĩ nổi lên, trên tường lướt qua những cái nhìn vội vàng và ngạc nhiên - rồi lão biến mất. Lão ta đi qua tất cả các phòng, tụt xuống ở bậc thềm phía sau và từ lúc đó không ai thấy lão đâu nữa. Chẳng bao lâu, hai người chị em họ xuất hiện, và ngay ngày hôm sau cả thành phố đã đến dự tang lễ cô Emily. Cô nằm dưới một vầng hoa mua ngoài chợ, ở đầu giường có đặt bức chân dung sáp màu vẽ cha cô với khuôn mặt ngưng đọng trong một nỗi suy tư thâm trầm, con xung quanh là các bà các cô trong thành phố đứng chen chúc và thì thầm với nhau với một vẻ mặt ảm đạm. Trên bậc thềm và ngoài bãi cỏ là những cụ già lụ khụ, một vài người mặc những bộ quân

phục lính ngày xưa vừa mới được tẩy sạch tính trong hồi ức của họ, cô Êmily là người đông lứa, và họ nhớ rằng đã nhiều lần họ khiêu vũ với cô Êmily, chưa biết chừng, lại còn theo đuổi cô. Họ nhầm lẫn các biến cố và ngày tháng, như tất cả những người có tuổi, đối với những người này quá khứ không giống như hai thanh ray nhập lại thành một ở phía xa xa, mà lại giống một trảng cỏ đời đời xanh tươi chỉ bị ngăn cách với ngày hôm nay bằng một dải hẹp của thập niên cuối cùng.

Bây giờ mọi người đã được biết rằng ở tầng trên có một căn phòng không ai ra vào đã hơn bốn mươi năm nay với cánh cửa khóa chặt. Người ta đã phá cửa, nhưng chỉ sau khi linh cữu của cô Êmily được hạ huyệt một cách bằng an.

Sức phá cửa dường như làm bốc lên một lớp bụi nhiều năm tụ lại trong căn phòng được xếp đặt và bài trí giống như gian phòng tân hôn. Mùi hăng hắc như tự đáy mồ xông lên lơ lửng trong không khí; một lớp bụi mỏng phủ khắp nơi. Trên các nếp gấp của cái điềm đình màn bằng vải hồng đã bạc màu, trên những ngọn đèn cơ chụp màu hồng, trên bàn trang điểm, nơi giữa các chai lọ pha lê có vứt lẫn lộc những bộ phận của dụng cụ cạo râu bằng bạc đã xỉn, xỉn đến mức khó nhận ra những chữ lồng trang trí. Cũng ở đây, nhưng vừa được tháo ra khỏi cổ, người ta thấy một chiếc cổ cồn cung với cà vạt, và khi nhấc lên, nó để lại một vệt sắc nét hình trăng lưỡi liềm trên lớp bụi. Trên lưng ghế có treo một bộ complê gấp cẩn thận. Đôi giày cao cổ để trên sàn nhà, tất vắt bên cạnh. Còn người đàn ông thì nằm trên giường.

Chúng tôi đứng lặng một lúc lâu nhìa vào hàm răng mở hé kinh khủng như đang ngưng đọng trong một nụ cười mỉa mai

của chiếc đầu lâu trần trụi. Người chết nằm như đang ôm một ai đó, nhưng giấc ngủ triền miên kéo dài hơn tuổi thọ của tình yêu và dần dần làm dịu đi những nỗi trớ trêu của nó, đã cướp mất từ tay kẻ xấu số người đàn bà yêu quý hắn. Những mảnh thi hài, được phủ bởi những tàn tích mục nát của cái trước đây đã là chiếc sơ mi lót, có cảm tưởng như dính lẫn vào chiếc giường hắn đang nằm, và chính hắn cũng như chiếc gối để bên cạnh đều bị phủ kín dưới một lớp bụi lụi tàn dứng dưng và bằng phẳng.

Đến lúc bấy giờ chúng tôi mới nhận thấy một vết lõm nhẹ, dấu vết của mái đầu trên chiếc gối thứ hai. Có ai đấy trong chúng tôi khẽ chạm tay vào đó, và, cúi người về phía trước bỗng nhiên hít phải vào mũi cái mùi khô và hắc của lớp bụi vô hình, đồng thời chúng tôi nhìn thấy rõ một nạm tóc bạc dài màu thép xám.

HOÀNG HỮU PHÊ dịch

CHIẾC THANG MÁY ĐI XUỐNG ĐỊA NGỤC

PAER LAGERKVIST
(NOBEL 1951)

Ông Smith, một thương gia giàu có, mở cửa chiếc thang máy sang trọng cửa khách sạn và âu yếm dìu vào thang một cô nàng thanh lịch. Nàng tỏa mùi phấn sáp và lông thú của áo khăn.

Họ dựa sát vào nhau trên chiếc băng êm ái và chiếc thang máy bắt đầu đi xuống.

Người phụ nữ nhỏ bé mở to đôi mắt và họ hôn nhau. Họ đã ăn tối trên sân thượng dưới ánh sao: giờ đây họ ra ngoài tìm nơi vui thú

Nàng thì thầm:

- Anh yêu, ở trên đó mới thần tiên làm sao. Ngồi bên anh thơ mộng quá, tưởng như ở giữa những vì sao Chính lúc ấy, người ta mới rõ tình yêu là gì. Anh yêu em, đúng không nào?

Ông Smith đáp bằng một nụ hôn dài hơn nữa. Thang máy đi xuống, ông nói:

- Em đến thật là hay, em yêu. Nếu không thì anh phải sống trong cảnh ngộ khủng khiếp.

- Vậy mà anh có tưởng tượng là anh ta khó chịu đến thế nào không. Lúc em sửa soạn, anh ta hỏi em đi đâu. Em đáp: Đi nơi nào tôi thích, tôi có phải là tù đâu Thế rồi anh ta ngồi ì ra nhìn em thay áo, mặc cái áo mới màu len mộc này - à, anh thấy nó có hợp với em không? Anh cho cái gì là hợp hơn cả, hay là màu hồng, hở anh?

Người đàn ông nói:

- Em mặc gì mà chẳng hợp, em yêu. Nhưng chưa bao giờ anh thấy em xinh đẹp tuyệt vời như tối hôm nay.

Nàng mỉm cười mãn nguyện mà cởi áo choàng lông. Họ hôn nhau dài dài, Thang máy đi xuống.

- Đến lúc em sắp đi thì anh ta nắm lấy bàn tay em siết chặt đến đau điếng dù không nói năng chi. Tính anh ta thế, anh

phải biết! Em mới nói: Thôi, xin chào! Nhưng anh ta vẫn không hở môi. Thật là vô lý, đáng sợ, em không chịu nổi anh ta.

Ông Smith nói:

- Tội nghiệp cho em.

- Cứ như là em bị cấm đoán đi tìm chút niềm vui. Anh ta nghiêm trọng đến khiếp, anh không biết đâu. Anh ta không thể chấp nhận điều gì đơn giản và tự nhiên. Lúc nào cũng cứ như là vấn đề sinh tử ấy.

- Tội nghiệp cưng, cưng phải chịu đựng nhiều quá.

- Ôi chao, em đau khổ kinh khủng, kinh khủng. Chưa ai từng đau khổ như em. Chỉ đến khi gặp được anh, em mới hiểu tình yêu là gì.

Smith nói:

- Em yêu!

Ông ôm ghì nàng. Thang máy đi xuống. Khi thở lại được sau cái hôn, nàng nói:

- Nghĩ mà xem, ngồi bên anh trên đó nhìn lên sao mà mơ mộng. Ồ, không bao giờ em quên được. Anh thấy đó, Arvid thì đâu như thế. Anh ta chẳng biết cảm hứng là gì.

- Thật là quá quát, em nhỉ?

- Vâng, quá quát thật đấy. Có mà...

Nàng đưa bàn tay cho ông rồi mỉm cười nói tiếp:

- Chẳng lẽ ngồi đây mà bàn mãi chuyện ấy. Mình đi chơi mà, anh có yêu em thật không?

- Hẳn rồi

Ông uốn nàng ngả ra sau khiến nàng thở hổn hển. Thang máy đi xuống. Ông cúi sát nàng mà ve vuốt làm cho nàng đỏ bừng mặt. Ông thì thầm:

- Đêm nay mình làm tình như mới lần đầu tiên nhé?

Nàng kéo tay ông vào mình và khép mắt lại. Thang máy đi xuông. Xuống và xuống mãi, thang máy cứ đi.

Cuối cùng Smith đứng bật dậy, mặt nóng bừng. Ông kêu lên:

- Nhưng thang máy sao thế này? Sao nó vẫn chưa chịu ngừng? Mình cứ ngồi đây nói chuyện vĩnh viễn sao?

- Có lẽ thế, anh yêu. Thời gian trôi vùn vụt.

- Trời đất, mình ngồi đây qua bao thời đại! Có lạ chưa?

Ông nhìn qua lưới sắt. Chỉ có bóng tối tham thẳm. Và thang máy cứ đi, đều đều, càng lúc càng dấn xuống sâu.

- Trời ơi, gì thế này? Cứ như tuột xuống hố thẳm. Có trời biết kéo dài bao lâu.

Họ có nhìn xuống vực. Tối đen như mực. Họ cứ chìm sâu, chìm sâu. Smith nói:

- Diệu này đi xuống địa ngục hẳn thôi!

Người đàn bà bám chặt tay ông mà kêu:

- Em sợ quá. Kéo phanh cấp cứu đi anh!

Smith ra sức kéo phanh, hy vọng hãm thắng máy. Không hiệu quả, thang máy cứ lướt xuống, lướt xuống vô tận

Nàng rên rỉ:

- Ghê quá, mình làm gì bây giờ?

Smith nói:

- Làm quái gì được? Điên loạn rồi!

Người đàn bà mảnh dẻ tuyệt vọng òa lên khóc.

- Thôi, em yêu, chớ khóc, mình phải tỉnh táo. Chẳng làm gì được đâu, chỉ nên ngồi yên. Thế đấy, mình cứ ngồi yên lặng với nhau mà chờ xem. Đằng nào nó cũng phải dừng lại thôi, hoặc là qủi tha ma bắt nó đi!

Họ chần chờ. Người đàn bà nói:

- Tự dưng sinh chuyện rắc rối trong khi lẽ ra mình được vui thích.

- Qủi quái thật! Smith nói.

- Anh yêu em chứ?

- Em yêu.

Smith choàng tay ôm nàng. Thang máy đi xuống

Cuối cùng, nó dừng lại đột ngột. Ánh sáng chói quanh, đau cả mắt. Họ đang ở địa ngục.

Qủi sứ đứng đó, lịch sự kéo cửa lưới cho họ. Hắn cúi mình thật thấp:

- Chào ông bà.

Hắn ăn vận rất hợp thời trang. Cái đuôi áo treo trên đốt xương sống trên cùng, nơi có phủ tóc, như thể treo trên một chiếc đinh gỉ.

Bàng hoàng, Smith và người đàn bà lảo đảo bước ra. Họ kêu lên:

- Chúng tôi đang ở đâu thế này?

Cái hình ma dị thường này làm họ khiếp đảm. Nhưng thực ra, quỷ sứ có dáng vẻ của một cái bóng xấu hổ và hắn còn cố làm cho họ tươi tỉnh:

- Coi vậy chứ có gì tệ hại đâu.

Hắn tiếp ngay:

- Tôi hy vọng ông bà sẽ được hài lòng. Chắc ông bà chỉ ghé qua đêm thôi?

Smith vội vã đồng ý:

- Vâng, đúng thế! Chỉ qua đêm. Chúng tôi không ở lại lâu, ồ không!

Người phụ nữ mảnh dẻ bám chặt tay ông mà run rẩy. Anh sáng thì nhàm nhở và xanh xám đến độ hầu như không thấy gì. Dường như có một mùi nóng bức đâu đây. Khi đã quen dần họ thấy mình đang đứng đâu như trong một quảng trường, chung quanh là những ngôi nhà có các ô cửa sổ lấp lánh trong bóng tối, tuy có màn che nhưng qua các kẽ hở, họ vẫn nhìn thấy bên trong đang đốt cái gì đó.

Quỷ sứ hỏi:

- Hai người yêu nhau à?

- Vâng, điên cuồng.

Người phụ nữ trả lời và liếc nhìn hắn với đôi mắt đẹp của mình. Hắn nói:

- Vậy thì đi lối này!

Và hắn yêu cầu họ đi theo.

Họ lần vào một ngõ âm u dẫn ra khỏi quảng trường. Trên một ô cửa nhem nhuốc mỡ có treo một chiếc đèn lồng nứt rạn cũ kỹ.

- Đây này.

Hắn mở cửa rồi tế nhị rút lui.

Họ bước vào. Đón tiếp họ là một quỷ sứ mới rất xun xoe. Mập mạp, bộ ngực đồ sộ, mụ có râu mép bôi đầy phấn tím. Mụ cười khò khè, đầy vẻ vui tính, đôi mắt sáng lên cái nhìn đồng tình. Quanh đôi sừng trên trán, tóc được tết lại và buộc các dải lụa xanh nho nhỏ. Mụ nói:

- Ồ, ông Smith và bà đấy ạ? Phòng số tám. - Và mụ trao cho họ một chìa khóa to.

Họ leo lên cầu thang trơn trượt mờ tối. Các bậc thang dầy mỡ. Phòng ở tầng hai. Smith tìm thấy số tám và đi vào.

Đó là một căn phòng ẩm mốc khá rộng. Ở giữa là một chiếc bàn phủ khăn bụi bặm. Một chiếc giường trải chăn phẳng phiu kê sát tường. Họ cho là rất tốt.

Cởi bộ áo choàng, họ hôn nhau rất lâu. Bằng một cánh cửa khác, một người đàn ông âm thầm bước vào. Ăn mặc như một người hầu nhưng áo vét rất vừa vặn và áo sơ mi của gã sạch đến nỗi nó ống ánh một cách ma quái trong tranh tối tranh sáng của căn phòng. Gã đi lặng lẽ, chân không vang tiếng, và cử động máy móc hầu như vô thức. Nét mặt nghiêm nghị, đôi mắt gã nhìn thẳng phía trước. Trông gã xanh như chết, bên

thái dương có vết thương do đạn bắn. Gã dọn phòng, lau bàn, mang chậu và bô vào.

Họ không mấy chú ý đến gã, nhưng khi gã sắp bước ra thì Smith nói:

- Anh thấy mình nên uống chút rượu. Mang cho chúng tôi nửa chai Madeira

Gã đàn ông cúi đầu và biến mất.

Smith bắt đầu cởi áo. Người đàn bà do dự:

- Anh ta quay lại bây giờ, - nàng nói.

- Ái chà, ở chỗ thế này cần gì giữ ý. Cứ cởi áo đi thôi!

Nàng cởi bỏ áo, làm duyên làm dáng kéo xilip rồi ngồi lên đầu gối ông. Thật là tuyệt

Nàng thì thầm:

- Nghĩ mà xem, ngồi đây với nhau, anh và em, một mình, trong một nơi chốn lạng man kỳ lạ thế này. Quả là nên thơ. Chẳng bao giờ em quên được.

Ông nói:

- Em yêu.

Họ hôn nhau thật dài

Gã đàn ông lại vào, lẳng lặng. Dịu dàng, máy móc, gã đặt cốc xuống, rót rượu. Ánh sáng từ chiếc đèn bàn chiếu lên gương mặt gã. Chẳng có gì nổi bật ngoài cái vẻ xanh như xác chết và vết thương do đạn bắn bên thái dương.

Người đàn bà thốt nhiên bật dậy mà kêu lên:

- Trời ơi! Arvid! Anh đấy à! Ôi trời, anh ta đã chết! Anh ta tự tử bằng súng!

Gã đàn ông vẫn đứng lặng, chỉ nhìn phía trước. Gương mặt không lộ đau đớn gì, vẫn trang nghiêm như trước, rất nghiêm nghị.

- Nhưng Arvid à, anh làm gì vậy, làm gì kia chứ! Sao lại thế Anh ơi, nếu biết cơ sự này thì em ở nhà cho xong. Mà nào anh có nói gì đâu. Anh tuyệt nhiên không nói gì, chẳng một lời nào! làm sao mà em biết khi anh không bảo gì em! Ôi trời...

Cả thân thể nàng run rẩy. Gã đàn ông nhìn nàng như nhìn người lạ, cái nhìn bàng giá và u ám, xuyên thẳng mọi thứ. Gương mặt tái xám ánh lên, không có lấy một giọt máu ở vết thương, chỉ là một lỗ thủng, thế thôi.

- Ôi, quái gở, quái gở! - nàng kêu lên. - Tôi không ở đây nữa. Đi ngay thôi. Không thể chịu nổi

Nàng vớ lấy áo, mũ, đồ lông thú và lao ra ngoài. Smith chạy theo. Họ trượt xuống cầu thang, nàng ngồi bệt ngay trên những bãi nước bọt và tàn thuốc lá vương vãi.

Con qủy có râu mép đang đứng ở phía dưới, Mỉm cười vui vẻ ra chiều hiểu biết và gật gù đôi sừng.

Ra tới đường, họ mới trấm tĩnh lại một chút. Người đàn bà mặc áo, sửa sang lại mình và đánh phấn lên mũi. Smith choàng tay ôm ngang eo nàng một cách chở che, hôn những giọt lệ sắp rơi ra. Ông ta quả là tốt. Họ đi tới quảng trường.

Qủy sứ trưởng đang đi dạo ở đó, họ lại đụng độ hắn.

- Các bạn gấp quá nhỉ, hắn nói. - Hy vọng các bạn được thoải mái. Người phụ nữ nói:

- Ôi, thật là khủng khiếp!

- Không, chớ nói thế, sao lại nghĩ thế! Nếu trước đây các bạn có đến thì sẽ thấy khác hẳn. Địa ngục bây giờ chẳng có gì đáng than phiền. Chúng tôi hết sức làm cho nó thành một nơi thú vị, mà không quá lộ liễu.

Ông Smith nói:

- Vâng, tôi cũng thấy là nó có vẻ nhân bản hơn tí chút, đó là sự thật.

Qủy sứ nói:

- Ồ, chúng tôi đã hiện đại hóa mọi điều, tân trang lại hết cho hợp lệ.

- Vâng, dĩ nhiên, các ông đã theo kịp thời đại.

- Vâng, chỉ có linh hồn là còn đau khổ trong thời buổi này mà thôi.

Người phụ nữ nói:

- Điều đó thì tạ ơn trời.

Qủy sứ lịch sự đưa họ đến tận thang máy. Hắn cúi mình nói:

- Chào ông bà, trở lại nữa nhé!

Hắn đóng cửa lưới và thang máy đi lên.

- Tạ ơn trời, thôi thế là yên.

Cả hai cùng lên tiếng, nhẹ nhõm, và ngồi sát vào nhau trên băng ghế. Nàng thì thầm:

- Không có anh thì vụ vừa qua em không thể nào kham nổi.

Ông ghì lấy nàng, họ hôn nhau dài dặc. Chừng thở lại được, nàng nói:

- Nghĩ mà xem, anh ta đã làm gì! Cơ mà anh ta luôn luôn có những ý tưởng kỳ quặc. Chẳng bao giờ chịu nhìn đời một cách đơn giản và tự nhiên đúng như bản chất của nó. Lúc nào cũng cứ như là chuyện sinh tử ấy.

- Vô lý thật, - Smith nói.

- Lẽ ra anh ta phải bảo em chứ! Vì em ở nhà thôi. Thay vì thế để tối hôm khác chúng ta đi chơi cũng được mà.

- Phải, dĩ nhiên, - Smith nói, - dĩ nhiên là thế.

- Nhưng, anh yêu dấu à, hơi đâu mà ngồi nghĩ ngợi chuyện ấy. Nàng choàng tay ôm cổ ông, thì thầm:

- Chuyện ấy coi như xong.

- Phải, em nhỏ của anh, xong hết rồi.

Ông vòng tay ôm ghì nàng. Thang máy đi lên.

NHẬT CHIÊU dịch

BỐ VÀ TÔI

PAER LAGERKVIST
(NOBEL 1951)

Tôi còn nhớ một buổi chiều Chủ nhật khi tôi mới khoảng mười tuổi, bố dắt tay tôi và chúng tôi đi dạo vào rừng để nghe chim hót. Chúng tôi vẫy tay chào mẹ tôi, bà phải ở nhà làm bữa ăn chiều nên không thể đi cùng chúng tôi. Chúng tôi không quan tâm lắm đến vụ chim hót, tuy rằng đấy là một điều gì đặc biệt và khác thường. Bố và tôi, đều là những người nhậy cảm. Chúng tôi, quen thuộc với khu rừng và các loài thú trong đó nên cũng chẳng quan trọng hóa gì về điều đó. Có điều chỉ vì hôm ấy là chủ nhật và bố được nghỉ. Chúng tôi thả bộ dọc đường ray xe lửa vốn là chỗ người ta không được phép đi, nhưng bố thì làm ở hãng xe lửa nên được cái quyền đó. Đi đường này chúng tôi vào thẳng khu rừng không cần phải đánh một đường vòng xa hơn. Rồi tiếng chim hót và mọi chuyện khác bắt đầu ngay lập tức. Chúng ríu rít trong các bụi cây; Lũ chim chích, chim hét, chim sáo; chúng tôi còn nghe cả tiếng của đủ mọi sinh vật bé nhỏ khác khi vào tới rừng. Mặt đất mọc đầy những cỏ chân ngỗng. Bên cây phong đã mọc lá mới, thông cũng đầy những chồi non xanh. Chỗ nào cũng có một mùi dễ chịu. Mặt đất đầy rêu hơi tỏa sương vì nắng chiếu. Mọi nơi là cuộc sống và tiếng động; những con ong nghệ bay khỏi lỗ ổ, ruồi nhuê bu quanh những chỗ ẩm. Những con chim trong bụi vụt ra bắt chúng rồi bay trở vào. Đột nhiên một con tàu lao tới

và chúng tôi phải lui xuống mé dốc đường tàu. Bố chào người tài công bằng cách đưa hai ngón tay chạm vào vành mũ: ông ta chào lại và vẫy tay. Mọi thứ như đều chuyển động. Chúng tôi đi dọc con đường, những thanh tà vẹt nằm đó rỉ nhựa đường trong ánh nắng, có một cái mùi của đủ mọi thứ, mùi dầu máy và cây hạnh trổ hoa, mùi nhựa đường và cây thạch nam, tất cả quyện vào nhau. Chúng tôi bước dài để đặt chân đúng vào những thanh tà vẹt, khỏi phải bước trúng lớp đá rải gồ ghề, khó đi, lại làm mòn giày nữa. Đường ray chói trong nắng. Hai bên đường là những cột điện thoại cứ kêu lên u u khi chúng tôi đi qua. Vâng! Đó là một ngày đẹp trời! Bầu trời rất trong, chẳng thấy có đám mây nào. Bố nói là khó có một ngày nào như thế này. Một lát sau, chúng tôi tới một cánh đồng lúa mạch ở mé phải đường rãy ; ở đó có những người nông dân chúng tôi quen đang dọn đất. Lúa mạch mọc đầy và đều; bố nhìn cảnh đó với vẻ hiểu biết và tôi có thể cảm thấy bố hài lòng. Tôi không hiểu việc nhà nông lắm vì tôi sinh ra ở thành phố. Khi chúng tôi đến một cây cầu bắc ngang một con suối vốn chẳng có mấy tí nước, nhưng hôm nay nước cũng lên đầy. Chúng tôi nắm tay nhau để khỏi bị lọt giữa hai thanh tà vẹt. Từ đây đến chỗ của người gác cổng xe lửa cũng chẳng còn xa là mấy, nơi đó chỉ thấy xanh um vì những cây táo và ly gai mọc đầy đến sát bên nhà. Chúng tôi vào đó thăm và họ mời chúng tôi uống sữa. Chúng tôi ngắm những con heo, con gà, những cây ăn trái cây nào cũng rộ hoa rồi chúng tôi lại đi. Chúng tôi muốn tới bờ sông vì đó là chỗ đẹp hơn bất kỳ nơi nào khác. Có một điều đặc biệt về con sông, bởi vì ở khúc trên nó có chảy qua nhà cũ của bố. Chúng tôi chưa tới được chỗ đó thì chẳng muốn trở về, và cũng như mọi khi, lần này chúng tôi tới được đó sau khi đi bộ đã kha khá. Đây cũng

gần xa xe lửa kể, nhưng chúng tôi không đến đó. Bố chỉ muốn xem các dấu hiệu dọc đường ray có còn ổn không. Ông lo nghĩ đến đủ mọi thứ. Chúng tôi dừng bên bờ sông, chỗ này nó chảy rộng rãi và hiền hòa trong nắng, những cội cây um lá soi bóng trên mặt nước tĩnh lặng. Trời thật sáng và tươi mát. Một ngọn gió nhẹ từ những cái hồ nhỏ phía trên thổi tới. Chúng tôi men xuống mé sông thả bộ dọc theo đó. Bố chỉ cho tôi những chỗ để câu cá. Khi bố còn nhỏ, bố thường ngồi đó trên những tảng đá và rình câu cá mãng suốt ngày. Thường thì ông chẳng câu được con nào, nhưng đó cũng là một cách thoải mái để vui chơi cho hết ngày. Bây giờ thì bố chẳng lúc nào có thời gian. Chúng tôi chơi loanh quanh một lúc dọc bờ sông, liệng nhưng mảnh vỏ cây để xem chúng bơi theo dòng nước, rồi ném những hòn đá để xem ai ném xa hơn. Thế đấy, chúng tôi rất vui và sung sướng, bố với tôi. Một lúc sau chúng tôi hơi thấy mệt. Chúng tôi nghĩ chơi thế là đủ và chúng tôi khởi hành trở về nhà.

Rồi trời bắt đầu tối. Rừng trông thay đổi hẳn. Không hẳn tối hù, nhưng gần như thế. Chúng tôi đi vội vàng. Có lẽ mẹ lo lắng và chờ bữa tối. Bà lúc nào cũng sợ rằng có chuyện gì xảy ra, mặc dù chẳng có gì cả. Hôm nay là một ngày đẹp trời. Mọi sự hầu như xảy ra theo đúng kiểu của nó và chúng tôi rất hài lòng. Trời càng lúc càng tối, cây cối coi có vẻ kỳ quái hơn. Chúng đứng đó lắng nghe tiếng chân của chúng tôi như thể không biết chúng tôi là ai, có một con đom đóm dưới một tàng cây. Nó nằm đó trong bóng tối và chăm chú nhìn chúng tôi. tôi nắm chặt tay bố nhưng bố hình như không để ý cái ánh sáng lạ lùng đó: bố cứ đi tới miết. Trời tối hẳn khi chúng tôi tới được chiếc cầu ngang con suối. Nước chảy ào ào bên dưới như chực nuốt chửng lấy chúng tôi. mặt đất như mở ra bên dưới. Chúng

tôi cẩn thận bước trên những thanh tà vẹt, nắm chặt tay nhau để phòng khi lỡ té. Tôi nghĩ bố sẽ bế tôi qua, nhưng bố chẳng nói gì chuyện đó. Tôi nghĩ bố muốn tôi giống như bố, không nghĩ gì tới điều đó cả. Chúng tôi cứ đi. Bố rất bình thản trong bóng tối, bước đi mà chẳng nói gì. Bố đang nghĩ những điều riêng của bố. Còn tôi thì không thể hiểu được tại sao bố lại bình thản được khi mọi sự đều có vẻ ma quái đến thế. Tôi sợ nãi nhìn quanh. Nơi nơi chỉ là bóng tối. Tôi thậm chí không dám thở sâu, bởi vì như thế sẽ hít cả bóng tối vào mình, và tôi nghĩ điều đó thật nguy hiểm. Người ta lúc đó sẽ phải chết sớm. Tôi rõ mình đã nghĩ như lúc đó. Bờ đường sắt thì rất dốc. Nó chìm vào đêm đen. Những cột điện thoại đứng im ma quái trên nền trời, lầm bầm thì thầm gì đó cứ như ai đang nói trong khi giấu mình dưới đất. Những cái chụp bằng sứ trên cột điện năm đó sợ hãi, rúm lại vì kinh hoàng, chúng đứng đó lắng nghe. Qùa là phát ớn. Không có gì là thực, không có gì tự nhiên, tất cả đều như một bí mật. Tôi đi sát vào bố và thì thào:

- Sao lúc trời tối cái gì trông cũng phát ớn vậy bố?

- Đâu có, con, đâu có gì phát ớn. - Bố đáp vào nắm tay tôi.

- Nhưng nó phát ớn thật mà, bố

- Không đâu, con đừng nghĩ thế. Mình biết rõ là có một thượng đế, phải không?

Tôi cảm thấy lẻ loi, bơ vơ quá. Thật là kỳ cục khi chỉ có tôi thấy sợ hãi, còn bố thì không. Thật là kỳ cục khi bố tôi với tôi không cùng cảm giác như nhau. Lại kỳ cục hơn nữa là những điều bố nói chẳng giúp, chẳng ngăn được tôi khỏi sợ hãi. Ngay cả điều bố nói về thượng đế cũng không ngăn được sự hãi. Ý

nghĩ về thượng đế cũng làm người ta phải sợ luôn. Thật đáng ớn khi nghĩ rằng ông thượng đế cũng có mặt khắp nơi trong bóng tối này, cho tới tận dưới kia bên dưới những cội cây, hay trong cả những cột điện thoại đang lầm bầm kia nữa - có lẽ rằng quả là Ông ấy có ở mọi nơi. Nhưng mà người ta chẳng bao giờ thấy được Ông ấy.

Chúng tôi cứ im lặng đi tới, mỗi người theo một cách nghĩ. Tim tôi như nghẹn lại, tưởng chừng bóng tối đã lọt vào tới đó và siết quả tim tôi lại.

Rồi khi chúng tôi đến một khúc quanh thì đột nhiên nghe thấy tiếng ầm ầm sau lưng. Chúng tôi giật mình đến không nghĩ suy kịp. Bố kéo tôi xuống khỏi bờ dốc đường ray và giữ chặt lấy tôi; một chuyến xe lửa chạy vụt qua; một chuyến xe đen ngòm. Nó chạy vụt qua, trên các toa không một ánh đèn. Vậy là sao? Không thể có chuyến tàu nào giờ này. Chúng tôi đứng nhìn nó, sững sờ Cái lò gầm lên trong đầu máy chỗ người ta đang hắt những xèng than vào, những đốm đỏ bay tung tóe trong màn đêm. Thật kinh hoàng. Người tài công trông mờ nhạt và gần như bất động với cái nhìn trừng trừng lạnh lẽo. Bố không nhận ra người đó - không biết ông ấy là ai. Ông ấy chỉ nhìn tới trước như thế đang lao thẳng vào bóng đêm, rất sâu vào bóng đêm, không cùng.

Bàng hoàng thờ hồn hển tôi nhìn theo chuyến tàu man dại đó Bóng đêm nuốt chửng nó. Bố dìu tôi lên bờ dốc và chúng tôi vội vã về nhà. Bố bảo: "Lạ thật! Bố vẫn không hiểu đó là chuyến tàu nào. Mà bố cũng không nhận ra mặt tay tài công luôn". Rồi bố chẳng nói gì thêm.

Tôi run rẩy khắp người. Điều đó dành cho tôi, vì tôi. Tôi nghĩ nó là như thế. Đó chính là tất cả những sợ hãi sẽ đến với tôi, tất cả đều mới lạ, chưa từng biết: tất cả những điều bố cũng chưa biết, và cũng chẳng thể cứu giúp gì tôi. Cuộc đời với tôi sẽ như thế, và tôi sẽ phải sống trong một cuộc đời lạ lẫm, không giống như đời của bố, trong đó tất cả mọi người đều quen biết và an tâm. Nó không phải một thế giới thực, một đời thực; nó chỉ biết một mực lao vào bóng tối không cùng.

NHẬT CHIÊU dịch

RƠI XUỐNG BIỂN

WINSTON CHURCHILL
(NOBEL 1953)

Lúc hơn 9 giờ rưỡi một chút người đàn ông đó té xuống biển. Con tàu chở thư ấy đang vội vã vượt Biển Đỏ để bù lại quãng thời gian tàu bị trôi dạt vì những dòng hải lưu ngoài Ấn Độ Dương.

Đêm trong veo, tuy rằng mặt trăng bị khuất sau những đám mây. Bầu không khí ấm đầy những hơi ẩm. Mặt nước biển chỉ bị xao động theo đường con tàu vừa chạy qua, từ hai bên hông tàu, những gợn sóng dạt ra như những cái lông gắn ở đuôi mũi tên, những bọt sóng ở đuôi tàu chỗ cánh quạt cứ sủi lên vạch một đường hẹp dài chạy tới cuối chân trời đen sẫm.

Trên tàu đang có một buổi hòa nhạc. Hành khách vốn quá chán với sinh hoạt đơn điệu của chuyến hành trình đã tụ tập

quanh chiếc dương cầm ở phòng hội. Các boong tàu vắng hoe. Người đàn ông đã nghe nhạc và hát theo những bản đàn, nhưng căn phòng quá nóng và ông muốn ra ngoài hút một điếu thuốc, hứng chút gió do tốc độ con tàu mang lại. Đó là luồng gió duy nhất trên Biển Đỏ này đêm nay.

Chiếc thang dây bên hông tàu người ta đã không gỡ ra từ khi rời cảng Aden và ông ta bước ra ngoài như bước ra một bao lơn. Ông tựa lưng vào lan can và trầm tư nhả từng ngụm khói vào không khí. Chiếc dương cầm trổi một nhịp điệu sống động và một giọng hát cất lên những câu đầu của bài "the Rowdy Dowdy Boys". Tiếng quay của chân vị tàu bị chìm đi nhưng vẫn còn nghe đều đặn theo tiếng nhạc. Ông ta biết bản nhạc này, nó đã từng làm mưa gió ở mọi nhà hát hồi ông rời quê nhà sang Ấn Độ bảy năm trước. Nó khiến ông nhớ lại những đường phố đông đúc và tươi vui đã lâu rồi không gặp nhưng sắp được thấy lại. Ông đang định hát theo bản nhạc thì thanh lan can, do không được bắt vít chặt, bất ngờ tuột ra và ông té ngửa xuống mặt nước ấm áp phía dưới làm nước bắn tung lên.

Trong giây lát đầu tiên ông ta quá ngạc nhiên không nghĩ được gì cả. Rồi ông nhận ra mình phải gào lên. thế là ông gào lên trước khi kịp trồi lên tới mặt nước. Nên chỉ phát ra một tiếng kêu bị bóp nghẹt, khản đặc, không thành lời gì cả. Trí óc kinh hoàng của ông bật ra chữ "Cứu tôi với!" và ông gào nó lên một cách mê hoảng liên tiếp sáu bảy lần. Rồi ông lắng nghe.

Nào! Nào! Tránh đường ra

Cho bọn trai du thủ du thực nào.

Đoạn điệp khúc đồng ca bay la đà mặt nước tới chỗ của ông vì con tàu đã vượt qua hẳn chỗ ấy. Tai nghe nhạc nhưng một nỗi kinh hoàng vô hạn đâm suốt trái tim ông. Bây giờ ý thức ông mới nhận ra rằng có thể chẳng ai biết mà vớt ông lên được. Tiếng hát lại tiếp tục:

Rồi... tao... nới... Máy nhóc,

Trời sinh những cuộc chơi cho ai?

Rum... tum... tidli... um...

Thằng nào dám uống với tao đây?

- Cứu tôi với! Cứu tôi với! - ông ta gào lên, lần này thì với nỗi kinh hoàng đến tuyệt vọng.

Lâu lâu lại thèm một cốc

lại thèm chốn la lối chơi

È! È! tránh đường coi

Cho cái lũ du côn đây!

Những lời hát cuối kéo dài và nhỏ dần đến tắt hẳn. Con tàu vẫn lao tới trước. Lời ca đoạn hai bắt đầu nghe thấp thoáng và rời rạc với khoảng cách lúc mỗi xa. Cái khối sắt đen ngòm ấy cứ mờ dần đi, ánh đèn ở đuôi tàu ngày càng héo hắt.

Ông khởi sự bơi theo nó với tất cả sức lực, độ mươi sải tay thì dừng lại gào rú lên điên dại. Mặt biển chao sóng vì con tàu chạy qua đã bắt đầu bằng yên lại, những đợt sóng lan ra chỉ còn lại gợn lăn tăn. Tiếng chân vịt quẫy động xì xịch loang dần lên cao rồi tan mất. Âm thanh của chuyển động, của cuộc sống và âm nhạc tắt hẳn

Con tàu chỉ còn là một đốm sáng mờ lẻ loi tàn dần trong tối đen của biển. Bóng lờ mờ của nó in trên nền trời xám đục.

Rồi sau cùng, ông ta cũng nhận thức ra và ngừng bơi. Chỉ còn một mình - bị bỏ rơi. Khi hiểu ra thì trí óc bắt đầu quay điên cuồng. Ông lại bắt đầu bơi, có điều thay vì thỉnh thoảng gào lên thì ông cầu nguyện, những lời cầu rối loạn, rời rạc, những lời lẽ cứ trộn lộn vào nhau.

Đột nhiên một tia sáng lóe lên và sáng dần ở xa xa.

Một nỗi vui mừng và hy vọng cuồn cuộn chạy qua trí óc. Họ đã dừng lại, quay mũi tàu và đi ngược lại. Cùng với hy vọng là lòng tạ ơn. Lời cầu nguyện của ông đã được đáp ứng. Những câu tạ ơn lắp bắp tràn qua đôi môi. Ông ngừng bơi và nhìn chăm chăm đốm sáng - linh hồn để cả trong con mắt. Trong khi đó, ánh sáng cứ nhỏ dần đi một cách từ tốn nhưng chắc chắn. Ông rồi hiểu ra số phận mình đã được định đoạt. Sự tuyệt vọng thay thế niềm hy vọng; câu nguyền rủa thay cho lời tạ ơn quạt cánh tay đập vào mặt nước, ông gào lên bất lực. Những câu chửi thề điên khùng nhất bật ra, cũng rối loạn rời rạc y nhưng những lời nguyền cầu lúc nãy, và cũng không hề được đoái hoài.

Cơn mê loạn qua đi, càng bị thúc qua mau vì cảm giác mệt mỏi mỗi lúc càng tăng. Ông trở nên im lặng - im lặng như mặt biển, vì ngay cả những gợn sóng lăn tan giờ cũng khuất hẳn và trở thành một bề mặt phẳng lì loang loáng. Ông bơi một cách máy móc theo hướng tàu chạy, lặng lẽ khóc thầm trong nỗi bi thảm của sự sơ hãi. Ngọn đèn sau lái tàu chỉ còn là một đốm vàng vọt chẳng lớn hơn mây vì sao rải rác đâu đó sau màn mây trên trời.

Gần hai mươi phút sau, sự mệt mỏi biến thành kiệt quệ. Ý thức về điều tất yếu, điều không thể tránh khỏi đè lên ông. Trong nỗi rã rời đó lại có cảm giác thoải mái kỳ lạ ông chẳng việc gì phải cố bơi cho tới kênh Suez cả. Có một con đường khác. Cái chết. Ông sẽ lui ra khỏi cõi tồn sinh này một khi ông đã bị bỏ rơi như thế. Ông bất giác giơ hai tay lên và chìm xuống.

Ông chìm xuống, xuống nữa trong khối nước ấm áp. Cái chết vật lý tóm lấy ông, ông bước vào cái chết đuối. Nỗi đau đớn vì cũ tóm đã man ấy khiến ông nóng máu. Ông điên cuồng chống lại nó. Vung đạp chân tay, ông tìm đường trở lại với khí trời. Đó là một cuộc chiến gian nan, nhưng ông đắc thắng thoát được và trồi lên tới mặt nước. Trên đó, nỗi tuyệt vọng đã chờ sẵn. Mệt mỏi quạt đôi tay qua lại, ông rên lên trong nỗi bi thảm đắng cay:

- Không được rồi... Tôi phải chết. Chúa ơi: Hãy để tôi chết.

Vầng trăng lưỡi liềm chui ra khỏi những đám mây vây bủa, rọi một ánh nhợt nhạt dịu dàng xuống mặt biển. Dựng thẳng đứng trên mặt nước, cách chỗ ông chừng năm mươi thước là một vật tam giác đen bóng. Đó là cái vây lưng. Nó chậm rãi tiến về phía ông ta.

Lời kêu cầu sau cùng của ông đã được lắng nghe tới.

PHẠM VIÊN PHƯƠNG dịch

GÃ VÕ SỸ

ERNEST HEMINGWAY
(NOBEL 1954)

Nick đứng dậy. Hắn không hề gì. Hắn nhìn dọc đường xe lửa theo toa xe chạy khuất dần ở một khúc quanh. Hai bên đường ray đều có nước, rồi tới đầm lầy mọc đầy lạc diệp tùng.

Hắn rờ đầu gối. Cái quần bị rách, da bị trầy. Bàn tay hắn bị chà sát, cát và bụi than bám đầy móng tay. Hắn ra khỏi bờ đường rãy, xuống bờ dốc thoải tới mí nước và rửa tay. Hắn rửa cẩn thận trong nước lạnh, moi sạch đất cát trong móng tay. Hắn lại ngồi qui xuống và rửa đầu gối.

Thằng cha gác thắng xe lửa khốn nạn. Một ngày kia thế nào mình tóm được lão. Thế nào lão cũng biết tay mình. Lão chơi đểu thật.

- Lại đây nè, nhóc, - lão nói. - Có cái này cho mày nè.

Hắn đã bị gạt. Thật là trò ngớ ngẩn. Sẽ không bao giờ chúng lừa mình kiểu đó được nữa.

- Lại đây nè, nhóc. Có cái này cho mày nè - rồi, bình, hắn té bò xoài cạnh đường ray.

Nick dụi mắt. Một cục u to tướng nổi lên ở đó. Chắc mắt mình bị bầm, được rồi. Nó đau lên rồi. Cũng tại thằng cha gác thắng quái qủy.

Hắn đưa ngón tay rờ rẫm cục u trên mắt. Thôi được, chỉ là bầm mắt thôi. Chỉ bị có thế thôi. Cũng rẻ chán. Hắn mong nhìn rõ được nó. Nhìn trong bóng nước thì không được. Trời đã tối mà hắn chẳng ở gần khu dân cư nào cả. Hắn chùi tay vào quần và đứng dậy rồi ngược dốc lên đường ray.

Hắn đi theo đường ray. Nó được rải đá cẩn thận nên cũng dễ đi, sỏi và cát lèn đầy giữa các thanh nối, làm lối đi vững chắc. Nền đường phẳng phiu cứ như một đường đắp cao chạy thẳng qua đầm lầy. Nick cứ đi tới. Hắn phải đến một nơi nào đó.

Nick đã đu lên toa xe chở hàng lúc nó chạy chậm lại khi qua sân ga Walton. Chuyến tàu, với Nick trên đó, đã vượt Kalkaska khi trời bắt đầu sụp tối. Bây giờ chắc hắn đang ở gần Mancelona. Ba hay bốn dặm vượt đầm lầy. Hắn đi theo đường ray, tính toán bước chân sao đặt trên lớp đá giữa hai thanh nối, khu đầm lầy trông ma quái với mù sương đang bốc lên. Mắt hắn đau nhức và bụng thì đói. Hắn cứ bước đi, bỏ sau lưng mấy dặm đường ray. Hai bên lúc nào cũng chỉ là đầm lầy.

Phía trước là một cây cầu, Nick vượt qua nó, tiếng giày kêu om om trên sườn sắt. Mặt nước phía dưới hiện ra đen ngòm trong khoảng hở giữa hai thanh nối. Nick đá một cây đinh đường ray bị long ra và nó rơi tòm xuống nước. Vượt qua cầu là những ngọn đồi cao và đen cạp hai bên đường ray. Trên con đường tuốt đàng kia, Nick nhìn thấy ánh lửa.

Hắn dè dặt tiến lại gần ánh lửa. Đống lửa nằm lệch một bên, dưới bờ dốc. Hắn chỉ thấy ánh sáng bốc lên từ đó. Con đường chỗ này phẳng nhẵnh và chỗ lửa đốt, khung cảnh như rộng ra mở tới ven rừng. Nick cẩn thận thả xuống bờ dốc và đi

xuyên rừng cây tiến về hướng đống lửa. Đó là một rừng sồi, và những trái sồi kêu lào xào dưới chân hắn khi hắn bước len lỏi giữa các gốc cây. Đống lửa giờ đã thấy ro, gần ngay cạnh bìa rừng. Có một người đàn ông ngồi bên. Nick đứng sau một thân cây và nhìn. Ông ta có vẻ như chỉ có một mình, ngồi đó hai tay ôm đầu nhìn ngọn lửa. Nick bước ra và đi về hướng đống lửa

Người đàn ông vẫn ngồi đó nhìn lửa. Khi Nick đến sát bên ông ta vẫn không động đậy.

- Xin chào! - Nick lên tiếng.

Ông ta ngước lên.

- Mắt sao bầm tím vậy? - ông ta hỏi.

- Thằng cha gác thắng xe lửa tống tôi lọt xe.

- Cái xe chở hàng đó hả?

- Phải.

- Tôi có thấy thằng cha đó, - ông ta nói. - Xe chạy qua đây chừng tiếng rưỡi rồi. Thằng chả đi lơn tơn trên mui, vỗ vỗ tay hát hò lung tung

- Đúng cha chó đẻ đó!

- Tống chú lọt xe chắc thằng chả khoái dữ, - ông ta nói nghiêm trang.

- Tôi sẽ tống thằng lại chả.

- Rình lúc nào xe chạy qua phang cho thằng chả một cục đá, - ông ta cổ vấn.

- Tôi sẽ tóm cổ thằng chả.

- Chú có ngầu dữ ha?

- Dâu có, - Nich đáp

- Bọn trẻ như chú thằng nào cũng ngầu

- Mình đành phải ngầu thôi. - Nick nói.

- Thì vậy.

Ông ta nhìn Nick và mỉm cười. Trong ánh lửa, Nick thấy mặt ông ta méo mó. Sống mũi gẫy, mí mắt rách, đôi môi kỳ cục. Nick không nhận ra điều đó ngay; hắn chỉ thấy khuôn mặt đó quái lạ và thương tật. Da mặt có màu mat tít, nhìn dưới ánh lửa thấy phát kinh.

- Thấy mặt tôi, ghê quá hả? - ông ta hỏi.

Nick bối rối, hắn đáp:

- Chắc vậy.

- Coi nè! - ông ta dở cái mũ kết ra.

Ông ta chỉ còn một vành tai. Nó dầy cui và bẹp dí vào sọ. Chỗ vành tai bên kia chỉ còn một mẩu thịt.

- thấy ai như vày chưa?

- Chưa, - Nick đáp. Nó làm hắn phát ớn.

- Tôi chịu được nó, - ông ta nói. - Chú không nghĩ rằng tôi có thể chịu được nó sao?

- Đương nhiên!

- Chúng nó cứ đấm tôi, - ông ta nói. - Chúng chẳng làm gì được.

Ông ta nhìn Nick:

- Ngồi xuống đi. Muốn ăn không?

- Đừng bậm tâm, - Nick đáp.- Tôi sẽ đi vào thị trấn.

- Nghe nè! - ông ta nói. - Kêu tôi bằng Ad.

- Được rồi!

- Nghe nè, - ông ta nói tiếp. - Tôi không hoàn toàn bình thường đâu.

- Có chuyện gì?

- Tôi điên

Ông ta đội mũ lên. Nick thấy buồn cười.

- Thấy ông cũng bình thường mà.

- Không có đâu. Tôi điên. Nghe nè, chú có bao giờ điên không?

- Chưa, - Nick đáp. - Làm sao ông điên vậy?

- Tôi đâu có biết, - Ad nói. - Khi mắc cái vụ này thì biết gì được. Chú biết tôi mà, phải không?

- Không biết. Phriaimrxix

- Tôi là Ad.

- Chưa ơi!

- Không tin hả?

- Không.

Nhưng Nick biết chắc ông ta nói thật.

- Chu biết tôi đánh tụi nó cỡ nào?

- Không, - Nick đáp.

- Tim tôi chậm lắm. Chỉ bốn mươi nhịp một phút. Thử coi.

Nick ngần ngừ.

- Thử đi, - ông ta cầm tay hắn. - Cầm cổ tay tôi đi. Để ngón tay chỗ này nè

Cổ tay ông ta to, các bắp thịt nổi gò lên. Nick cảm được nhịp đập chậm rãi dưới ngón tay mình.

- Có đồng hồ không?

- Không.

Tôi cũng không, - ad nói. - Không có đồng hồ thì chẳng được cái tích sự gì.

Nick bỏ tay ông ta ra

- Nghe nè, - Ad Phranxix nói - Cầm lấy đi. Chú đếm nhịp còn tôi đếm tới sáu mươi.

Nhận được nhịp đập chậm chạp dưới đầu ngon tay, Nick bắt đầu đếm. Hắn nghe ông ta cũng đếm thong thả. Một, hai, ba, bốn, năm... lớn giọng dần.

- Sáu mươi. - Ad kết thúc - Một phút rồi. Chú đếm được bao nhiêu?

- Bốn mươi, - Nick đáp.

- Vậy đó, - Ad nói sung sướng - Nó không bao giờ nhanh hơn.

Một người đàn ông bước xuống bờ dốc đàng kia, vượt qua khoảng trống tiến về phía đống lửa.

- Chào Bâcx - Ad nói.

- Chào!- Bâcx đáp. Đó là giọng người da đen. Coi cái tướng đi thì Nick biết đó là người da đen. Anh ta đứng lom khom bên ngọn lửa, quay lưng về phía họ. Rồi anh thẳng lưng lên.

- Bạn tôi, Bâcx,- Ad nói - Nó cũng điên luôn.

- Hân hạnh được gặp, - Buga nói. - Ông từ đâu tới?

- Chicago, - Nick đáp.

- Đó là một thành phố đẹp, - anh da đen nói. - Ông tên là gì nhỉ?

- Adamx. Nick Adamx

- Nó nói nó chưa từng điên bao giờ, Bâc,- Ad nói.

- Đời ông ấy còn dài mà, - anh da đen nói. Anh đang dở một gói gì đó bên đống lửa.

- Chừng nào mình an đây, Bâcx?- ga vó sĩ hỏi.

- Ngay bây giờ.

- Đói không, Nick?

- Đói muốn khùng luôn

- Nghe hông Bâcx ?

- Tao nghe hầu hết những chuyện đang nói.

- Tao đâu hỏi mày vụ đó.

- Được. Tao có nghe ngài ấy nói.

Anh ta đặt những miếng thịt vào chảo. Khi chảo nóng, mỡ lèo xèo Bâcx lom khom trên đôi chân dài ngoẵng bên đống lửa lật mấy miếng thịt và đập trứng bỏ vào, nghiêng chảo qua bên này rồi bên kia cho mỡ thấm đều vào trứng

- Ông vui lòng xắt bánh mì trong túi kia ra được không, ông Ađamx? - Bâcx quay mặt lại nói.

- Được thôi.

Nick thò tay vào túi lấy ra một ổ bánh mì. Hắn cắt ra sáu khoanh. Ad nhìn hắn và nghiêng người tới trước.

- đưa dao cho tôi, Nick, - ông ta nói.

- Không đừng, - anh da đen chặn lại. - Giữ lấy dao, ông Ađamx. Tay võ sĩ ngồi lại như cũ.

- Đưa bánh mì cho tôi, ông Ađamx - Bâcx nói. Nick mang lại

- Anh có thích chấm bánh mì với mỡ chiên thịt không? - anh da đen hỏi.

- Đương nhiên rồi!

- Có lẽ mình nên đợi một lát. Lúc cuối bữa thì hay hơn. Dậy. Anh da đen đặt một lát thịt lên một miếng bánh mì rồi gạt thêm một quả trứng lên đó.

- Kẹp lại thành xăng đuých, được không, và đưa cho ông Phranxis. Ad nhận miếng xăng đuých, và bắt đầu ăn.

- Coi chừng miếng trứng tuột, - anh da đen cảnh giác. - Miếng này cho anh, Ađamx ạ. Còn lại là phần tôi.

Nick cắn xang đuých. Anh da đen ngồi đối diện hắn, bên cạnh Ad. Trứng và thịt chiên còn nóng ăn thật tuyệt.

- Ông Adamx quả là đang đói, - anh da đen nói. Còn ông kia người nhỏ con Nick nghe tên vốn là một cựu võ sĩ thì ngồi im. Ông ta chẳng nói gì từ khi anh da đen chặn lại về vụ con dao.

- Ông ăn thêm một miếng bánh mì nhúng mỡ chiên nghe?- Bâcx nói.

- Rất cám ơn.

Ông võ sĩ nhìn Nick.

- Dùng thêm không, ông A đôngph Phranxix - Bâcx chìa cái chảo ra. Ad không trả lời, mà cứ nhìn Nick.

- Ông Phranxix ? - giọng anh da đen nhẹ nhàng.

Ad không trả lời, mà cứ nhìn Nick.

- Tôi đang nói với ông đây, ông Phranxix , - anh da đen nói dịu dàng

Ad cứ tiếp tục nhìn Nick, cái mũ kết đã kéo xuống sát mắt. Nick thấy bồn chồn.

- Làm cái chó gì mà mày đi qua đường này? - giọng nói với Nick phát ra gay gắt từ dưới vành mũ.

- May nghĩ mày là cái chó gì? Đồ đê hoang thối tha. Mày tới đây không ai mời, ăn đồ an của người ta rồi khi người ta hỏi mượn con dao thì mày lại cà chớn.

Ông ta lõ nhìn Nick, khuôn mặt ông trắng bệch còn đôi mắt thì hãu như khuất hẳn dưới vành mũ.

- Mày tưởng ngon hà? Có thằng chó nào xúi mày lết tới đây không?

- Đâu có ai.

- Đúng là đâu có ai xúi. Cũng không có ai rủ mày ở lại. Mày tới đây rồi cà chớn về cái khuôn mặt của tao, hút thuốc của tao, uống nước của tao rồi ăn nói cà chớn. Mày nghĩ rồi mày sẽ bỏ đi đường nào?

Nick chẳng nói gì. Ad đứng dậy.

- Nói cho mày nghe nghe, thằng chó đẻ vàng da Chicago kia. Mày sẽ bị đánh bể sọ, nghe chưa?

Nick bước lui lại. Gã đàn ông nhỏ thó cứ từ từ tiến lại, bước tới một cách vững chắc, chân phải đi trước, chân trái kéo theo sau.

- Đánh tao đi, - ông ta lúc lắc cái đầu, - Thử đánh coi.

- Tôi không muốn đánh ông

- Mày đau có tránh né được kiểu đó. Mày sẽ bị cho một trận, hiểu chưa? Tiến tới thử đánh tao coi.

- Thôi ông ơi, - Nick nói.

- Được rồi, đồ chó.

Ông ta nhìn xuống chân Nick. Khi ông vừa nhìn xuống thì anh da đen, đã theo sát ông từ khi ông rời đống lửa, trụ lại và đập cái gì đó vào gáy ông ta. Ông ngã tới trước, còn Bâcx buông rơi cây dui cui bọc vải xuống cỏ. Ông ta nằm đó, sấp mặt trên cỏ. Anh da đen xốc ông lên, đầu ông ta rủ sang một bên, và lôi ông về chỗ đống lửa. Bộ mặt ông ta coi thảm thương, đôi mắt

mở thò lố. Bâcx nhẹ nhàng đặt ông ta xuống. - Lấy giùm nước trong cái xô kia đi, ông Adamx, - anh nói. - Chắc tôi đập hơi mạnh tay.

Anh da đen dùng tay hắt nước vào mặt ông ta và nhẹ nhàng kéo tai ông. Đôi mắt nhắm lại.

Bâcx đứng dậy:

- Hắn khỏe thôi. Chẳng gì phải lo. Rất tiếc, ông Adamx ạ.

- Đâu có gì, - Nick nhìn xuống ông ta. Hắn thấy cây dùi cui và cầm lên. Nó có tay cầm mềm và gọn trong nắm tay của hắn. Nó có một lớp da bọc màu đen lại thêm một lớp khăn tay bọc ở đầu nữa.

- Tay cầm bằng xương cá voi, - anh da đen nói. - Thứ này hết sản xuất rồi. Tôi chưa biết anh có thể tự vệ đến cỡ nào, nhưng tôi không muốn anh đánh hắn hoặc làm hắn nghĩ là mình ngon lành hơn thực lực của hắn

Anh da đen lại mỉm cười.

- Nhưng ông lại đánh ông ấy.

- Tôi biết cách. Hắn sẽ chẳng nhớ gì đâu. Tôi cứ phải làm thế để chặn lại mỗi lần ông ta nổi cơn.

Nick vẫn nhìn người đàn ông trên cỏ, đôi mắt khép lại, trong ánh lửa. Bâcx thấy thêm vài khúc củi vào đống lửa

- Ông khỏi quan tâm đến hắn làm chi. Vụ này tôi đã gặp rất nhiều lần trước đây.

- Ông ta bị làm sao mà điên vậy? - Nick hỏi.

- Ôi, thiếu gì chuyện. - anh da đen nói bên đống lửa. - Làm một cốc cà phê này không? ông Stevens?

Anh đưa Nick một tách cà phê và vuốt lại chiếc áo khoác anh đã đặt dưới đầu ông võ sĩ.

- Hắn bị đánh nhiều quá, đó là một chuyện - anh da đen nhấp chút cà phê, - nhưng chuyện đó cũng đơn giản thôi. Lúc đó em gái hắn làm quản lý cho hắn mà báo chí cứ viết đủ thứ chuyện về anh em này, chuyện hắn yêu em gái thế nào rồi hai người cưới nhau ở Niu Iooc ra sao, mấy chuyện đó gây đủ điều khó chịu.

- Tôi nhớ ra chuyện đó rồi.

- Phải. Dĩ nhiên họ đâu phải anh em ruột khỉ gì đâu, nhưng có cả đống người không ưa chuyện đó và bắt đầu phát biểu linh tinh, đến một ngày kia thì cô ta đi mất, không trở lại nữa.

Anh uống cà phê và đưa tay lên chùi miệng

- Thế là hắn điên. Uống chút cà phê nữa nhé, ông Adamx?

- Cảm ơn.

- Tôi gặp cô ấy đôi lần, - anh da đen tiếp. - Cô ta xinh dễ sợ. Mà coi giống hắn đến độ có thể nghĩ là anh em sinh đôi. Mặt mũi hắn coi đâu đến nỗi tệ nếu đừng bị đánh quá như thế.

Anh ngừng lời. Câu chuyện có vẻ đã kết thúc.

- Ông gặp ông ấy ở đâu vậy? - Nick hỏi.

- Trong tù, - anh da đen đáp. - Hắn gây lộn xộn đánh nhau suốt từ lúc cô ấy bỏ đi, thế là người ta tống giam. Tôi thì đi tù vì chém một thằng nọ.

Anh mỉm cười, rồi nói tiếp với giọng nhẹ nhàng:

- Lập tức tôi thấy ưa hắn, khi ra tù liền tìm hắn. Tôi thích sống chung với hắn. Hắn thì khoái nghĩ rằng tôi điên mà tôi cũng chẳng quan tâm chuyện đó. Tôi thích ngao du đây đó mà tôi cũng chẳng phải ăn cắp ăn trộm gì để được đi chơi như thế. Tôi khoái sống như một người đàng hoàng.

- Thế hai ông làm cái gì?

- Ồ. Chẳng làm gì cả. Chỉ ngao du. Hắn có tiền.

- Ông ta chắc kiếm được nhóc tiền.

- Dương nhiên rồi. Mà hắn tiêu sạch, hoặc bị người ta moi sạch. Cô ấy gửi tiền cho hắn.

Anh khơi lửa lên.

- Cô ấy quả là người đàn bà tuyệt vời, - anh tiếp. - Giống y chang như hắn đến độ tưởng là anh em sinh đôi.

Anh da đen nhìn qua người đàn ông đang nằm thở nặng nề. Mớ tóc vàng của ông rũ xuống trán. Bộ mặt méo mó trông như trẻ con, trong giấc ngủ.

- Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể gọi hắn dậy, ông Adamx ạ. Nếu không phiền thì tôi mong rằng ông nên lui đi. Tôi không muốn đuổi khách, nhưng sợ hắn nổi cơn khi lại nhìn thấy ông.

Tôi buộc lòng phải đập hắn mà đó là cách duy nhất mỗi khi hắn lên cơn. Tôi lúc nào cũng phải lo giữ cho hắn đừng tiếp xúc với ai. Ông không phiền chứ, ông Ađamx? Thôi, đừng cám ơn tôi, ông ạ. Tôi đã cảnh giác ông về hắn nhưng hắn coi bộ thích ông nên tôi tưởng mọi chuyện cũng ổn. Theo đường ray ông sẽ gặp một thị trấn cách đây chừng hai dặm. Nó tên là Manxelona. Tôi cũng định rủ ông ở lại qua đêm nhưng bây giờ thì không được rồi. Ông cầm theo ít bánh mì với thịt nhé? mà thôi, tốt hơn là ông mang theo một miếng xăng đuých, - anh ta nói tất cả điều này bằng một giọng trầm, nhẹ và khiêm tốn của một người da đen.

- Vậy thôi. Tạm biệt, ông Ađamx. Tạm biệt và chúc may mắn.

Nick sải bước khỏi chỗ đống lửa, băng qua khoảng trống và trở lên đường ray. Khuất khỏi tầm anh lửa, hắn đứng lại lắng nghe. Giọng trầm dịu của anh da đen vẫn tiếp tục, nhưng hắn không nghe được nội dung. Rồi hắn nghe tiếng ông võ sĩ nói:

- Tao nhức đầu dễ sợ Bâcx à.

- Rồi sẽ khỏe thôi, ông Phranxix , - giọng anh da đen trấn an. - chỉ cần làm một cốc cà phê nóng này thôi.

Nick vượt hết bờ dốc và lên tới đường ray. Hắn thấy tay mình đang cầm một miếng Xăng đuých nên bỏ nó vào túi. Đứng ở chỗ cao này trên đường ray trước khi nó quẹo khuất vào những ngọn đồi, hắn vẫn còn nhìn thấy ánh lửa ở khoảng trống bìa rừng đó.

***PHẠM VIÊN PHƯƠNG** dịch*

HẠNH PHÚC NGẮN NGỦI CỦA MẮC CÔMBƠ

ERNEST HEMINGWAY
(NOBEL 1954)

Đã đến lúc ăn sáng, họ cùng ngồi dưới lớp mái kép màu xanh lá cây của lều ăn, làm như không có chuyện gì xảy ra.

- Các vị dùng nước chanh ép hay xi rô? - Mắc Côm bơ hỏi.

- Cho tôi một ly cốc tai, - Rơ bớt Uynxơn trả lời

- Tôi cũng thế, - vợ Mắc Côm bơ nói.

- Ừ, có lẽ thế là tốt nhất, - Mắc Côm bơ đồng ý.

- Bảo thằng nhỏ cho ba ly cốc tai.

Cậu bé tuân lệnh ngay, và rút các chai rượu từ trong túi nước đá ra. Thành chai đọng từng giọt nước. Một làn gió thổi qua tán lá đang rủ bóng lên mái lều.

- Giả cho chúng nó bao nhiêu?

- Một đồng bảng là đủ lắm rồi, - Uynxơn trả lời. Đừng chiều chúng nó quá làm gì.

- Đưa cho đứa lớn hơn, rồi sau chúng nó sẽ chia nhau chứ?

- Đúng thế đấy.

Nửa tiếng đồng hồ trước đó, Mắc Côm bơ đã được long trọng kiệu từ ven trại vào lều của mình trên tay anh đầu bếp, mấy đứa loong long và bọn phu khuân vác. Bọn giữ súng thuê không tham gia vào nghi lễ ấy. Khi những người bản xứ đặt ông ta

xuống đất phía trước lều vải. Mắc Cômbơ dắt tay tất cả mọi người nghe hết những lời chúc tụng của họ, và sau đó vào trong lều ngồi trên giường cho đến lúc vợ tới. Nàng không nói gì với chồng, và ông ta lập tức ra ngoài, rửa mặt bằng cái chậu xếp rồi đến lều ăn, ngồi vào chiếc ghế tựa êm lắng vải buồm trong bóng râm ngay trước gió.

- Thế là ông đã hạ được sư tử rồi đấy, - Rôbớt Uynxơn nói với ông. - Con thú khá lắm.

Hà! Mắc Cômbơ liếc nhanh sang phía Uynxơn. Đó là một người đàn bà rất đẹp và đỏm dáng. Năm năm trước đây, sắc đẹp và địa vị xã hội mang lại cho nàng nam nghìn đô la tiên trả công cho ý kiến của mình về thứ thuốc trang sức mà nàng chưa hề dùng đến. Nàng lấy Mắc Cômbơ đã mười một năm.

- Con sư tử khá lắm, có phải không? - Mắc Cômbơ nói.

Bây giờ thì vợ ông nhìn ông. Nàng nhìn hai người đàn ông như mới thấy lần đầu.

Một trong hai người, tay thợ săn da trắng Uynxơn, nàng đúng là mới thấy lần đầu. Đây là một người đàn ông tầm vóc trung bình, tóc hung, có bộ ria mép cứng, khuôn mặt đỏ ửng và cặp mắt xanh rất lạnh, với những nếp nhăn vui vẻ mỗi khi ông ta cười. Lúc này ông đang nhìn nàng, và nàng đưa mắt khỏi khuôn mặt ông, nhìn xuống đôi vai xuôi trong chiếc áo cổ cứng rộng rãi, nhìn vào bốn viên đạn súng săn dính ở chỗ lẽ ra là túi ngực trái, nhìn vào đôi bàn tay vạm vỡ rám nắng, đôi ghệt lấm bẩn, và sau đó lại nhìn vào bộ mặt đỏ ửng của ông ta. Nàng thấy nước da rám nắng trên mặt chấm dứt bằng một dải máu trắng, dấu vết của chiếc mũ rộng vành mà ông ta vừa mắc lên cọc lều.

- Nào chúng ta hãy nâng cốc về chuyện con sư tử. - Uynxơn nói. Ông ta một lần nữa mỉm cười với nàng và nàng, không hé môi, tò mò nhìn chồng.

Phranxix Mác Combơ có tầm vóc rất cao lớn và cân đối - nếu như không cho rằng khung xương dài ngoằng ấy là nhược điểm - có bộ tóc sẫm màu cắt ngắn như một chú ngựa non, và đôi môi khá mỏng. Người ta cho rằng ông ta đẹp dáng. Ông cũng mặc bộ đồ đi săn như của Uynxơn nhưng mới hơn. Năm nay Mác Combơ ba mươi lăm tuổi, rất dẻo dai, là một tay leo núi cừ, một vài lần giật giải nhất trong các cuộc thi câu cá, và vừa mới rồi, trước con mắt của tất cả mọi người, đã tỏ ra là một thằng hèn.

- Ta hãy nâng cốc, về chuyện con sư tử, - ông nói. - Chả biết lấy gì để cám ơn ông đã giúp tôi.

Maga rét, vơ ông, một lần nữa lại đưa mắt nhìn Uynxơn.

- Đừng nhắc đến con sư tử nữa, - nàng nói.

Uynxơn nhìn nàng nhưng không cười, và bây giờ nàng mới mỉm cười với ông.

- Ngày hôm nay lạ lùng thật, - nàng nói. - Còn ông thì tốt hơn là nên đội mũ vào đi, lúc giữa trưa ngay ở trong lều cũng nắng đấy. Chính ông vừa bảo thế.

- Đôi cũng được thôi, - Uynxơn nói.

- Ông Uynxơn có biết không? Mặt ông đỏ lắm, - nàng nói một lần nữa mỉm cười.

- Tôi uống nhiều rượu.

- Không, tôi cho rằng không phải vì thế Phranxix cũng uống nhiều, nhưng không bao giờ đỏ mặt.

- Hôm nay thì tôi phải đỏ, - Mắc Cômbơ thừ đùa.

- Ồ không, - Magarét một. - Hôm nay chính tôi mới là đỏ mặt. Còn mặt ông Uynxơn thì bao giờ cũng đỏ.

- Chắc là đặc tính dân tộc đấy thôi, - Uynxơn trả lời. - Có lẽ nói về vẻ đẹp của tôi như thế đủ rồi đấy. Các vị có thấy thế không?

- Tôi mới chỉ bắt đầu, - Magarét đáp.

- Nào, thế thì ta hãy chấm dứt.

- Nhưng nếu thế thì chẳng biết nói gì nữa. - Maga rét nói.

- Magô, đừng vớ vẩn,.. Chồng nàng nói.

- Sao lại không có gì để nói? - Uynxơn phản đối. - đấy, chúng ta vừa hạ một con sư tử rất khá.

Magarét nhìn theo hai người và họ hiểu rằng nàng sắp bật khóc. Uynxơn biết trước điều ấy và rất sợ. Mắc Cômbơ thì đã lâu không còn sợ những trò ấy nữa rồi.

- Sao chuyện đó lại xảy ra, trời ơi, sao chuyện đó lại xảy ra? - Nàng nói và bước về phía lều của mình. Họ không nghe tiếng khóc nhưng đều thấy rõ vai nàng rung lên dưới chiếc áo vải thô màu hồng.

- Chuyện đàn bà, - Uynxơn nói. - Cái đó chẳng sao. Thần kinh không chịu nổi đấy thôi mà.

- Không. - Mắc Cômbơ nói. - Cho đến chết tôi cũng không thể tha thứ cho mình được.

- Vớ vẩn. Tốt hơn hết là ta nên uống rượu. Quên chuyện đó đi. Có nhiều cái đáng nói hơn

- Tôi còn thử xem, - Mắc Cômbơ nói. - Dù sao thì tôi cũng sẽ không quên những gì ông giúp tôi.

- Xin anh dẹp đi cho, - Uynxơn nói. - Toàn chuyện vớ vẩn.

Họ ngồi như thế trong bóng râm, trong căn lều đặt dưới tán lá rộng của những cây gai, giữa gò đá và bãi cỏ xanh chạy dài đến bờ con suối phủ đầy sỏi đất mà bên kia là rừng, họ uống nước chanh ép hơi ấm ấm, và cố gắng không nhìn nhau, trong khi các cậu bé phục vụ dọn bữa ăn sáng.

Uynxơn chắc chắn rằng bọn trẻ đã biết hết mọi chuyện, nên khi nhận thấy cậu nhỏ của Mắc Cômbơ vừa xếp đĩa lên bàn, vừa tò mò liếc nhìn ông chủ của mình. Uynxơn chửi nó một câu bằng tiếng Xuahili. Cậu bé quay lại, khuôn mặt tỏ ra hoàn toàn bất chấp.

- Ông nói gì với nó đấy? - Mắc Cômbơ hỏi.

- Không có gì cả. Tôi chỉ bảo nó nhanh lên không thì tôi ra lệnh cho mười lăm con chạch.

- Ông bảo thế nào? Đánh nó à?

- Cái đó tất nhiên là phạm pháp, - Uynxơn nói. - Đúng ra phải phạt tiền.

- Chỗ các ông bây giờ vẫn đánh bọn trẻ à?

- Bao nhiêu cũng được. Ông hãy thử tưởng tượng nếu chúng nó đi kiện thì sẽ lôi thôi to đấy. Nhưng chúng nó không kêu ai. Chúng nó cho rằng phạt tiền còn tệ hơn.

- Lạ thật. - Mắc Cômbơ nói.

- Chẳng có gì lạ lắm đâu. Thế giả sử ở địa vị chúng nó ông sẽ chọn cái gì nào? Ăn một trận đòn ra trò hay chịu cúp tiền công? - Uynxơn nói, nhưng lập tức cảm thấy khó xử vì mình đã hỏi như thế. Và không để cho Mắc Cômbơ trả lời, ông ta tiếp tục: - Thế nào tí nữa thì tất cả chúng ta đều bị đánh ngày nay qua ngày khác

"Còn tệ hại hơn nữa. qủy quái!" Uynxơn nghĩ. "Mình chẳng hề biết xã giao là gì".

- Vâng, tất cả chúng ta đều bị người ta đánh. - Mắc Cômbơ nói, và, vẫn như cũ, không nhìn Uynxơn. - Tôi thấy bực mình kinh khủng về chuyện con sư tử. Chuyện này sẽ không lan ra chứ, có phải không? Tôi muốn hỏi rằng sẽ không ai biết về chuyện đó chứ?

- Ông muốn hỏi tôi có mang chuyện này ra kể ở câu lạc bộ Mataiga không chứ gì?

Uynxơn lạnh lùng nhìn sang Mắc Cômbơ. Ông không ngờ điều đó. Như thế nghĩa là Mắc Cômbơ không những là thằng hèn mà còn là thằng ngốc. Thế mà ban đầu mình có cảm tình với hắn đấy. Ô, ai mà biết được bọn người Mỹ ấy.

- Không. - Uynxơn nói. - Tôi là thợ săn chuyên nghiệp. Chúng tôi không bao giờ nói chuyện về khách hàng của mình Ông có thể yên tâm về điều đó. Nhưng yêu cầu chúng tôi như thế thì không nên.

Bây giờ thì Uynxơn quyết định rằng thà cãi nhau còn tốt hơn nhiều. Lúc bảy giờ ông về an riêng và đọc báo trong bữa

ân. Họ cũng sẽ ăn riêng. Ông sẽ ở lại với họ cho đến hết mùa san, nhưng quan hệ giữa giữa ông và họ sẽ chỉ hoàn toàn xã giao, như người Pháp vẫn nói: "considération disting née"[1]. Ngàn lần tốt hơn là tham gia vào những mạc cám ngu xuẩn của họ, sẻ cãi nhau. Lúc bấy giờ ông sẽ được dọc trong bữa ăn và sẽ uống uýtki của họ như cũ. Người ta thường nói như thế khi trong cuộc đi săn có xảy ra những chuyện không hay. Anh gặp một người thợ săn da trắng nào đó và hỏi: "Sao, công việc thế nào?" còn anh ta thì trả lời: "Không sao cả, vẫn uống uytki của họ như cũ", như thế nghĩa là không còn gì tồi tệ hơn nữa.

- Xin lỗi, - Mắc Côntơ nói và quay về phía ông khuôn mặt Mỹ của mình, khuôn mặt cho đến lúc già vẫn có vẻ trẻ con. Uynxơn thấy rõ mái tóc cắt ngắn, đôi mắt đẹp nhưng hơi đảo nhanh quá, cái mũi thẳng cạp mỏi mỏng và chiếc cằm có ngấn. - Xin lỗi, tôi không nghĩ ra. Tôi còn quá nhiều điều chưa biết đến.

Đối xử thế nào bây giờ? Uynxơn nghĩ. Ông muốn cãi nhau thật nhanh và dứt điểm, thế mà thằng cha vô lại ấy, người mà ông định lăng mạ, lại nghĩ ra trò xin lỗi. Ông thử một lần nữa.

- Đừng lo, tôi không ba hoa với ai đâu. Tôi không muốn mất kẻ sinh nhai. Ở châu Phi này, ông biết không, ngay cả đàn bà cũng không bao giờ bắn hụt sư tử, còn người da trắng thì không bao giờ bỏ chạy.

- Tôi đã bỏ chạy như mới con thỏ.

Hừ, Uynxơn nghĩ. Biết xử sự thế nào với một kẻ có thể mở miệng nói được như thế?

---

[1] *Lòng tôi trong đã "bẩn"*

Uynxơn nhìn Mắc Cõmbơ bằng đôi mắt xanh dửng dưng của mình, đôi mắt của một xạ thủ súng máy, còn ông ta thì mỉm cười với Uynxơn. Nụ cười tươi đấy, nếu như không thấy đôi mắt của Mắc Cõmbơ bất hạnh đến thế nào.

- Có lẽ tôi sẽ bù lại phần nào trong lúc săn trâu rừng, - Mắc Cõmbơ nói. - Bởi vì bây giờ hình như đến lượt chúng ta sẽ săn thứ ấy?

- Ngay ngày mai cũng được, nếu ông muốn. - Uynxơn trả lời. Có thể mình nổi giận vô ích chăng. Mắc Cõmbơ nói đúng, cần phải xử sự như thế. Dù có nghĩ đến nát đầu cũng không làm sao hiểu nổi bọn người Mỹ ấy, và ông lại bắt đầu có cảm tình với Mắc Cõmbơ. Giá có thể quên được buổi sáng hôm nay Nhưng lẽ nào quên được! Buổi sáng hôm nay tồi bê đến không thể tồi tệ hơn nữa.

- Bà chủ đến đấy, - ông nói. Nàng bước đến phía họ từ lều của mình, nghỉ ngơi xong, vui vẻ và quyến rũ. Nàng có một khuôn mặt trái xoan hoàn thiện quá. Hoàn thiện đến mức có thể ngờ rằng phải chăng nàng đần độn. Nhưng nàng không đần, Uynxơn nghĩ, dù thế nào đi nữa nàng cũng không đần.

- Ngài Uynxơn mặt đỏ tuyệt diệu, sức khỏe ngài thế nào? Anh Phranxix, kho báu của em, anh cảm thấy khá rồi chứ?

- Khá hơn nhiều. - Mắc Cõmbơ đáp.

- Em quyết định quên chuyện ấy đi, - nàng vừa nói vừa ngồi vào bàn. - Phải chăng chẳng có gì quan trọng ở chỗ Phranxix san sư tử giỏi hay tồi. Đấy không phải là nghề nghiệp của anh ấy. đấy là nghề của ngài Uynxơn. Ngài Uynxơn đúng

là đáng ngưỡng mộ lúc ngài hạ con sư tử. Chẳng phải là ông đã giết tất cả đó sao, phải không nào?

- Vâng, tất cả. - Uynxơn nói. Tất cả mọi thứ. Những người đàn bà như thế này đây, ông nghĩ, cay nghiệt nhất trên đời, tàn nhẫn nhất, hung hãn nhất và hấp dẫn nhất, họ cay nghiệt đến mức những người đàn ông của họ trở nên quá mềm yếu hay chỉ đơn giản là những đứa trẻ chậm phát triển. Hay là họ cố tình chọn những người đàn ông như thế để có thể dễ hòa thuận. Nhưng họ biết đâu được, vì họ lấy chồng quá sớm, ông nghĩ. Ừ, thật may rằng đàn bà Mỹ đối với ông chẳng lạ lùng gì nữa. Bởi thế nên người đàn bà này, không nghi ngờ gì nữa, rất hấp dẫn.

Ngày mai đi bắn trâu rừng, - ông nói với nàng.

- Tôi đi với các ông.

- Bà không đi được đâu.

- Tôi nhất định đi. Chẳng nhẽ lại không được, Phranxix?

- Có thể em ở lại trại tốt hơn chăng?

- Không bao giờ! - Nàng nói. - Những chuyện như đã xảy ra hôm nay, tôi không bỏ qua bằng bất cứ giá nào.

Khi nàng đi khỏi, Uynxơn nghĩ, khi nàng đi khỏi để khóc cho đã, mình tưởng rằng nàng là một phụ nữ tuyệt diệu. Có vẻ như nàng hiểu, thông cảm, thấy tổn thương cho mình cũng như cho chồng và nhìn thấy rõ mọi việc sảy ra như thế nào. Thế mà hai người phút sau nàng quay lại, như được học kín trong bản tính phụ nữ tàn nhẫn kiểu Mỹ của mình. Họ là những người đàn bà đáng sợ, vâng, đúng là đáng sợ.

- Ngày mai lại một lần nữa chúng tôi làm trò cho cô em - Phranxix nói.

- Bà không đi được đâu - Uynxơn lên tiếng.

- Ông nhầm rồi, - nàng phản đối. - Tôi còn muốn chiêm ngưỡng ông. Sáng hôm nay trông ông đáng yêu lam. Ừ mà tất nhiên đáng yêu sao được khi người ta bắn vỡ sọ một sinh vật nào đây.

- Bữa sáng như thế đấy, - Uynxơn nói. Bà vui lắm có phải không?

- Sao lại không nhỉ? Tôi chẳng đến đây để mà buồn đâu

- Vâng, chưa phải buồn tí nào - Uynxơn nói. Ông nhìn những tảng đá dưới suối, nhìn bờ cao phía xa, nhìn vào những ngọn cây nơi xảy ra sự kiện ấy, và nhớ lại buổi sáng.

- Còn gì nữa, - nàng nói, - lúc ấy tuyệt thật. Còn đến ngày mai... Ông không thể tưởng tượng được tôi mong ngày mai như thế nào đâu.

- Mời các vị thử món bít tết làm bằng thịt giống nai Kudu

- Thịt rất ngon. - Mác Cômbơ nói.

- Đấy là những con thú giống như bò nhưng lại nhảy như thỏ có phải không?

- Mô tả khá chính xác, - Uynxơn nói.

- Anh giết được nó đấy à? Phranxix?

- Vâng.

- Chúng nó có nguy hiểm không?

- Không, chỉ trừ có việc sợ nơ ngã vào đầu, - Uynxơn trả lời nàng.

- Cái đó còn có thể an ủi được.

- Có thể thôi những trò nhảm nhí ấy đi được không Magô?- Mắc Cômbơ nói. Ông ta cắt một miếng bít tết, chọc dĩa vào và phơt lên bột khoai tây, cà rốt và nước xốt cà chua

- Vâng anh yêu, - nàng nói, - khi mà anh đề nghị em một cách nhã nhặn đến thế.

- Buổi chiều ta sẽ uống một chầu rượu sâm banh ăn mừng chuyện con sư tử. Bây giờ thì nóng quá. - Uynxơn nói.

- Ừ nhỉ, con sư tử. Thế mà tôi quên mất nó rồi.

Đấy - Rôbớt Uynxơn nghĩ. Bây giờ thì nàng bắt đầu chế nhạo ông rồi đấy. Hay nàng nghĩ cần phải tỏ ra như thế khi trong lòng quá day dứt? Người đàn bà cần phải xử sự thế nào khi hiểu ra rằng chồng mình là một thằng hèn nhát mạt hạng nhất? Nàng tàn nhẫn đến quái lạ. Nhưng tất cả bọn có quyền bính trong tay thỉnh thoảng phải trở nên tàn nhẫn. Nói thế chứ họ lòng quyền với tôi đủ rồi

- Bà dùng một ít thức ăn nữa, - ông nói với nàng một cách lễ phép

Gần tối, Uynxơn và Mắc Cômbơ lên xe đi cùng với anh tài xế người bản xứ và hai người giữ súng. Bà Mắc Cômbơ, ở lại trong trại. Nóng quá, không muốn đi, nàng nói, hơn nữa ngày mai nàng sẽ đi sớm cùng họ. Khi xe chuyển bánh, nàng đứng dưới một gốc cây lớn, trông xinh xẻo hơn là đẹp, trong bộ quần áo vải thô màu hồng, mớ tóc sẫm chải hất lên trán và buộc

thành búi sau gáy, khuôn mặt tươi tỉnh quá. Uynxơn nghĩ, như là ở nước Anh vậy. Nàng vẫy tay chào họ, và chiếc ô tô đi xuyên qua thung lũng phủ đầy cỏ cao, bắt đầu đi ngoằn ngoèo giữa những thân cây về phía những ngọn đồi nhỏ mọc đầy bụi cây thấp.

Giữa bụi rậm họ đánh động một đàn nai nước. Sau khi ra khỏi ô tô, họ chọn một con nai đực với cặp sừng rất dài và Mắc Cômbơ hạ nó bằng một phát đạn rất chính xác ở khoảng cách hai trăm fít[1], trong khi những con khác bỏ chạy, tuyệt vọng, nô đầy và chồm lên nhau, co cẳng nhảy những bước dài uyển chuyển và không thể tưởng tượng nổi, như những bước nhảy ta thường thấy trong mơ.

- Phát đạn khá lắm - Uynxơn nói. - Bắn trúng lũ nai này không phải dễ.

- Thế nào, cái đầu đáng giá chứ?

- Cái đầu rất tuyệt. - Uynxơn trả lời. - Lúc nào ông cũng bắn như thế nhé, và mọi chuyện sẽ rất tốt đẹp.

- Ông nghĩ thế nào, ngày mai chúng ta tìm thấy trâu rừng chứ?

- Chắc chắn là tìm thấy. Buổi sáng chúng nó đi ăn và nếu gặp may, ta sẽ bắt gặp chúng trong khu rừng thưa.

- Tôi muốn bằng cách nào đấy làm nguôi đi câu chuyện con sư tử, - Mắc Cômbơ nói. - Chẳng có gì thú vị khi ở vào hoàn cảnh như thế ngay trước mắt chính vợ mình.

---

1. Yard, đơn vị đo chiều dài của Anh, bằng 0,914 mét (M.D)

Theo mình, bản thân việc ấy đã khó chịu nổi rồi, Uynxơn nghĩ, cần gì phải vơ thấy hay không; và thật là ngu xuẩn khi nói đến điều ấy. Nhưng ông trả lời:

- Ông đừng nghĩ thế làm gì. Tất cả chuyện ấy đã kết thúc. Con sư tử nhìn thấy lần đầu có thể làm hoảng hồn bất cứ ai.

Nhưng buổi tối, sau bữa cơm và cốc uýtki với xôđa bên đống lửa, khi Phranxix Mắc Cômbơ nằm trên giường mình, trong màn, và lắng nghe những tiếng động ban đêm, chuyện ấy vẫn chưa kết thúc. Không kết thúc và không bắt đầu, chuyện đó hiện ra trước mắt ông đúng như khi xảy ra, chỉ có điều một số tình tiết cứ tái hiện rõ mồn một, và ông ta hổ thẹn vô kể. Nhưng mạnh hơn cả nỗi xấu hổ là nỗi sợ hãi, lạnh ngắt, như hút chặt lấy ông. Nỗi sợ hãi hệt như khi rơi xuống vực thẳm, lạnh lẽo và trơn tuột, rơi vào khoảng trống không, mà trước đây chứa đầy niềm tự tin trong ông và ông cảm thấy suy nhược hẳn. Nỗi sợ hãi vẫn ở trong ông, không chịu buông tha.

Tất cả bắt đầu vào đêm hôm trước, khi ông tỉnh dậy và nghe thấy tiếng sư tử gầm ở đâu đấy ngược lên phía trên dòng suối. Đó là một tiếng gầm trầm, kết thúc bằng tiếng khò khè và tiếng ho, bởi thế nên có cảm giác là con sư tử ở ngay bên cạnh lều, và khi Phranxix Mắc Cômbơ tỉnh dậy giữa đêm và nghe thấy nó, ông ta hoảng sợ. Ông lắng nghe tiếng thở đều đặn của vợ ông, nàng ngủ yên. Không có ai để có thể kể cho họ nghe rằng ông sợ đến thế nào, không có ai chia sẻ nỗi sợ ấy với ông, ông ta nằm một mình và không biết một câu tục ngữ Xômali nói rằng: người can đảm ba lần trong đời sợ sư tử: khi lần đầu nhìn thấy vết chân của nó, lần đầu nghe tiếng gầm và lần đầu gặp nó. Sau đấy lúc họ điểm tâm trong lều ăn dưới ánh

sáng đèn bão, trước khi mặt trời lên, con sư tử lại gầm một lần nữa, và Phranxix Mắc Cômbơ tưởng rằng nó đang ở cạnh trại.

- Có lẽ một con sư tử già - Rô bớt Uynxơn nói và ngẩng đầu khỏi tách cà phê và đĩa cá hun khói. - Các vị có nghe thấy nó ho không?

- Nó ở gần đây lắm phải không?

- Khoảng một dặm ngược theo dòng suối.

- Chúng ta sẽ thấy nó chứ?

- Thử cố gắng làm thế.

Lúc nào cũng nghe thấy nó từ xa thế nào? Như là ở ngay trong trại ấy.

- Có thể nghe thấy nó từ rất xa, - Uynxơn - Thậm chí đến ngạc nhiên. Hy vọng rằng nó sẽ đi cho ta bắn hạ dân bản xứ bảo rằng ở đây có một con sư tử rất to.

- Nếu như phải bắn thì nhằm vào đâu để có thể ngăn nó lại ngay?- Vào ngực. Nếu có thể thì vào cổ. Nhằm vào xương mà bắn. Cố gắng bắn chết ngay lập tức.

- Hy vọng rằng tôi sẽ bắn trúng. - Mắc Cômbơ nói.

- Ông bắn rất tốt, - Uynxơn nói - Chớ có vội. Bắn thật chắc ăn. Phát đầu tiên là phát quyết định

- Ở khoảng cách nào có thể bắn?

- Khó nói đấy. Về chuyện này con sư tử có thể có ý kiến riêng của mình. Nếu quá xa thì đừng bắn, cần phải thật chắc ăn.

- Gần hơn một trăm fít?

Uynxơn ném một cái nhìn rất nhanh về phía Mắc Cômbơ.

- Một trăm có thể là vừa. Có thể gần hơn một chút. Nếu xa hơn thì đừng nên. Một trăm fít là cự ly tốt. Với khoảng cách ấy có thể bắn vào bất cứ đâu anh chọn. Bà chủ đến rồi kia.

- Chào ông, - nàng bảo. - Thế nào đi chứ?

- Ngay sau khi bà ăn sáng xong, - Uynxơn nói. - Bà có khỏe không?

- Rất khỏe, - nàng nói. - Tôi hồi hộp lắm.

- Tôi đi xem mọi thứ đã sẵn sàng chưa. - Uynxơn đứng dậy. Khi ông ta bước ra, con sư tử lại gầm một lần nữa.

- Ò nó lại mất trật tự rồi. - Uynxơn nói. - Chúng ta sẽ kết liễu điều nhạc ấy.

- Anh làm sao đấy, Phranxix?

- Không sao, - Mắc Cômbơ trả lời

- Không, anh phải nói thật. Anh có điều gì khó chịu đấy?

- Không có gì

- Anh nói đi nào, - Nàng chăm chú nhìn ông. - Anh mệt có phải không?

- Tiếng gầm ấy, qủy tha ma bắt nó đi, - ông nói. - Suốt cả đêm hôm qua nó chẳng để tôi yên.

- Sao anh không thức em dậy? Chắc là lúc bấy giờ em thích lắm.

- Thế mà tôi phải giết cái của kinh tởm ấy, - Mắc Cômbơ nói một cách oán thán.

- Nhưng anh đến đây chỉ để làm việc ấy kia mà!

- Ừ, nhưng anh cảm thấy bực dọc. Tiếng gầm ấy cứ kích thích khó chịu lắm.

- Vậy thì hãy giết nó đi và kết liễu điệu nhạc ấy như ông Uynxơn nói.

- Vâng, em yêu của anh, nói thì dễ lắm, có phải không nào?

- Hay anh sợ?

- Tất nhiên là không. Anh phải nghe nó suốt đêm và bây giờ thấy rất khó chịu.

- Anh sẽ bắn chết nó; và mọi việc sẽ rất tuyệt, - nàng bảo. - Em biết thế. Em rất hảo hức muốn xem việc ấy sẽ diễn ra như thế nào.

- Ăn nhanh lên rồi đi.

- Đi đâu sớm thế này? - Nàng nói. - Hãy còn chưa sáng cơ mà.

Đúng vào phút ấy con sư tử lại cất tiếng gầm. Tiếng gầm trầm đột ngột biến thành tiếng rung trong cổ họng càng ngày càng to, như thể làm lay động không khí và kết thúc bằng một tiếng thở hắt ra cùng với tiếng khò khè.

- Có thể nghĩ rằng nó ở ngay đây, - vợ Mắc Cômbơ nói

- Đồ quỷ sứ, - Mắc Cômbơ nói. - Tôi không làm sao chịu nổi tiếng gầm ấy.

- Tiếng gầm oai vệ đấy chứ

- Oai vệ? Kinh khủng thì có.

Rôbớt Uynxơn bước về phía họ, tay cầm khẩu súng trường Ghipx ngắn, thô kệch với nòng dày khác thường, cỡ 0,505 và vui vẻ mỉm cười.

- Nào, ta đi, - ông bảo. - Khẩu Xpringphin của ông cùng với một khẩu nữa thằng giữ súng đã cầm rồi. Tất cả đều ở trên xe. Đạn ông giữ phải không.

- Vâng.

- Tôi đã sẵn sàng, - bà Mắc Cômbơ nói.

- Cần phải dạy cho nó biết lịch sự. - Uynxơn nói. - Ông hãy ngồi cạnh tài xế. Còn bà chủ có thể ngồi đây với tôi.

Họ ngồi lên ô tô, và trong ánh sáng buổi sớm màu xám đục, họ tiến theo đường rừng, ngược lên phía trên dòng suối. Mắc Cômbơ mở khóa nòng, kiểm tra chắc chắn là đã nạp đạn vỏ kim loại, đóng khóa nòng và cài chốt an toàn. Ông nhìn thấy tay mình run lên. Ông sờ những viên đạn trong túi và lướt bàn tay lên những viên đạn treo trên ngực. Ông quay lại nhìn Uynxơn ngồi trên hàng ghế sau cùng với vợ ông - Xe không có cửa, giống như một cái thùng đặt trên bốn bánh, - và nhìn thấy hai người hồi hộp mỉm cười, Uynxơn nghiêng người về phía trước và thì thầm:

- Ông nhìn xem, chim đang sà xuống, đấy là dấu hiệu cụ sư tử già đã rời khỏi con mồi.

Mắc Cômbơ nhìn thấy trên bờ suối bên kia, cao hơn những ngọn cây, có một đàn diều hâu lượn vòng và lao thẳng xuống.

- Chắc là con sư tử trước khi nằm nghỉ sẽ đến đây uống nước, - Uynxơn thì thầm.

Họ cho xe đi chậm dọc bờ suối cao mà ở khoảng này ăn xa vào giữa dòng. Chiếc ô tô di dịch dắc giữa những thân cây già. Trong khi đang nhìn sang bờ bên kia Mắc Cômbơ bỗng đứng nhân thấy Uynxơn tum lấy vai ông, ô tô dừng lại.

- Nó kia. - Ông nghe thấy Uynxơn thì thầm. - Phía trước bên phải. Ông hãy xuống xe và bắn đi. Con sư tử tuyệt lắm.

Bây giờ thì Mắc Cômbơ đã nhìn thấy con sư tử. Nó đứng quay sườn về phía chiếc ô tô, ngẩng cái đầu to và hướng mặt về phía họ. Cơn gió nhẹ buổi mai khẽ lay động cái bờm sậm của nó, và trong ánh sáng ban mai xám đục, ẩn hình lên bờ suối dốc, con sư tử trông thật khổng lồ, với bộ ngực lạ lùng và thân hình trơn tru bóng nhẫy.

- Từ đây đến chỗ nó khoảng bao nhiêu? - Mắc Cômbơ vừa hỏi vừa rút súng ra

- Khoảng bảy mươi fít. Ông xuống xe và bắn đi.

- Thế từ đây không bắn được à?

- Người ta không ai bắn sư tử trên xe ô tô

Mắc Cômbơ nghe giọng Uynxơn ngay bên tai. - Xuống ngay! Nó không đứng thế suốt ngày cho ông đâu.

Mắc Cômbơ bước qua lỗ khoét hình tròn gần ghế trước bước xuống bậc và từ bậc xuống đất. Con sư tử vẫn đứng như thế, kiêu hãnh và bình tĩnh nhìn vào một vật lạ trước mắt mà nó chỉ tưởng như là một con tê giác khác thường. Mùi người không bay về phía đó, và nó cứ nhìn mãi vật lạ lùng ấy, đưa

qua đưa lại cái đầu to sù. Nó quan sát cặn kẽ, không sợ hãi nhưng cũng không bước xuống suối khi "cái đó" còn đứng ở bờ bên kia, và bỗng nhiên nó nhận thấy một hình người tách ra từ vật lạ, rồi, quay chiếc đầu nặng nề, nó tiến về phía các lùm cây để né tránh. đúng vào khoảnh khắc ấy nó nghe một tiếng nổ choang tai và cảm thấy sức mạnh của viên đạn với hai trăm hai mươi mành cỡ 0,36-0,60 cắm vào sườn, xuyên dạ dày, gây một cảm giác buồn nôn, nóng bỏng. Con sư tử cất bước chạy nặng nề - với những cái chân lớn, ì ạch vì vết thương và vì bụng no căng - về phía cỏ cao và các lùm cây, thì một lần nữa tiếng nổ lại vang lên và xé không khí lướt qua cạnh nó. Lại một lần nữa súng nổ và nó cảm thấy trúng thương. Viên đạn xuyên vào xương sườn dưới và phía tung ra bên kia. Với màu trên lưỡi, nóng bỏng và sủi bọt, con sư tử phóng về phía cỏ cao, nơi có thể dấu mình. bất bọn người ấy phải mang cái vật vừa phát hỏa đến, lúc ấy nó sẽ xổ ra và giết chết người giữ cái vật ấy.

Mắc Cômbơ trong khi xuống xe không nghĩ con sư tử phải chịu những gì lúc này. Ông chỉ biết là tay mình run bắn lên, và khi rời khỏi ô tô, ông không tài nào bắt chân mình bước đi được. Cặp giò như hóa đá, mặc dầu ông cảm thấy các bắp thịt đều giật giật. Ông giương súng, nhắm bờm con sư tử mà bóp cò. Phát súng không thấy nổ mặc dù ông bóp mạnh đến gần gãy ngón tay. Lúc bấy giờ ông mới nhớ là đã gài chốt an toàn, và, bỏ súng xuống để tháo thốt, ông bước một bước e ngại về phía trước, thế là con sư tử nhìn thấy có hình người tách ra khỏi ô tô, nó quay lại và cất bước chạy thẳng. Mắc Cômbơ nổ súng, và khi nghe tiếng "uồng" quen thuộc, ông hiểu rằng đã không bắn trượt, nhưng con sư tử đã chạy xa. Mắc Cômbơ bắn một phát nữa và mọi người đều nhìn thấy viên đạn dựng một

cột bùn phía trước con sư tử đang chạy. Mắc Cômbơ lại nổ súng lần nữa, lần này đã nhớ, cần ngắm thấp hơn, và mọi người đều nghe tiếng viên đạn cắm soạt vào thân sư tử, nhưng nó vùng lên phi nước đại và biến vào trong cỏ trước khi ông kịp tháo khóa nòng.

Mắc Cômbơ đứng bất động, ông cảm thấy buồn nôn, hai tay vẫn giữ súng đang run bần bật, bên cạnh ông là vợ ông và Rôbớt - Uynxơn

Ngay cạnh đó, hai người bản xứ đang ồn ào gì đấy bằng tiếng Vacămba.

- Tôi bắn trúng nó, - Mắc Cômbơ nói. - Trúng hai lần.

- Ông bắn thủng bụng nó và còn có lẽ trúng ngực nữa - Uynxơn nói không có vẻ gì là phấn khởi. Những người bản xứ có khuôn mặt rất lo lắng. Bây giờ thì họ im lặng.

- Có thể ông đã giết chết nó, - Uynxơn tiếp tục. - Chúng ta đợi một chút, sau đó đến gần xem sao.

- Nghĩa là thế nào?

- Khi nào nó kiệt sức ta sẽ tìm theo vết nó.

- Ừ nhỉ. - Mắc Cômbơ nói.

- Con sư tử tuyệt lắm, qùy bắt nó đi, - Uynxơn vui vẻ nói. Chỉ tội nó trốn vào chỗ tai hại quá.

- Sao lại tai hại?

- Không thể nhìn thấy nó nếu không đến ngay sát bên cạnh.

- Ừ nhỉ, - Mắc Cômbơ nói.

- Nào, đi đi. - Uynxơn nói. - Bà chủ tốt hơn hết là ở lại đây trong ô tô. Cần phải nhìn xem vệt máu.

- Em ở đây nhé! - Mắc Cômbơ bảo vợ. Ông thấy trong miệng khô bỏng và nói một cách khó khăn.

- Tại sao?

- Ông Uynxơn bảo thế.

- Chúng tôi đi xem mọi việc ra sao. - Uynxơn nói. Bà cứ ở lại đây. Nhìn từ chỗ này có khi còn rõ hơn cơ đấy.

- Tốt thôi.

Uynxơn nói một cái gì đấy bằng tiếng Xuahili với người lái xe. Ông ta gật đầu và trả lời.

- Vâng, thưa ông.

Sau đó họ lần theo bờ dốc xuống suối, vượt qua suối trên những tảng đá và leo lên bờ bên kia, bám vào rễ cây lồi ra khỏi mặt đất và đi dọc theo bờ đến chỗ con sư tử bỏ chạy khi Mắc Cômbơ bắn phát đầu tiên. Trên cỏ thấp có những vệt máu sẫm, những người bản xứ lấy gậy dài chỉ vào chúng. Vệt máu chạy vào phía sau những lùm cây gần bờ

- Chúng ta làm gì bây giờ? - Mắc Cômbơ hỏi.

- Không có cách nào khác, - Uynxơn trả lời. Ô tô không cho qua đây được. Bờ dốc lắm. Để cho nó yếu đi chút nữa, sau đây tôi với ông đi vào tìm nó

- Thế có đốt cỏ được không?

- Cỏ tươi lắm không bắt lửa được đâu.

- Thế có sai bọn bản xứ đi sục được không?

Uynxơn đánh giá ông ta bằng mắt.

- Tất nhiên có thể được, - ông nói. - Nhưng như thế sẽ giống như là giết người. Ta biết rằng con sư tử bị thương. Khi sư tử không bị thương, có thể đuổi nó được. Nó sẽ tránh tiếng động. Nhưng sư tử bị thương lại xông vào, sẽ không nhìn thấy nó cho đến lúc tới gần bên cạnh. Nó rạp mình trên mặt đất ở những chỗ mà tưởng chừng đến con thỏ cũng không trốn được. Để cho người bản xứ làm việc ấy không đành. Thế nào nó cũng làm tàn tật một ai đấy.

- Thế những người giữ súng?

- A, họ sẽ đi với chúng ta. Đấy là nghĩa vụ của họ. Họ bị ràng buộc bởi hợp đồng cơ mà. Nhưng chắc là chẳng ai cảm thấy thích thú gì.

- Tôi không muốn vào đấy, - Mắc Cômbơ nói. Câu ấy thốt ra trước khi ông kịp nghĩ mình nói gì.

- Tôi cũng thế. - Uynxơn nói một cách tỉnh táo. - Nhưng chẳng làm thế nào được cả. Sau đó, như sực nhớ một cái gì, ông nhìn Mắc Cômbơ và nhận thấy ông này đang run, với một bộ mặt thật thiểu não.

- Ông, tất nhiên, có thể không đi. Chính thế mà người ta thuê tôi. Vì thế mà tôi rất cao giá.

- Có nghĩa là ông muốn đi một mình. Hay là để nó yên thân?

Rôbớt Uynxơn nãy giờ chỉ bận tâm vì con sư tử và hoàn toàn không nghĩ đến Mắc Cômbơ, mặc dù có nhận thấy rằng ông này dao động, bỗng nhiên thấy có cảm giác như khi mở nhầm cửa buồng trong khách sạn và nhìn thấy trong đó một cái gì tục tĩu.

- Thế nghĩa là thế nào?

- Chỉ đơn giản để cho nó yên thân.

- Làm như chúng ta không bắn trúng nó?

- Không. Chỉ đi khỏi đây thôi.

- Không ai làm thế cả.

- Tại sao?

- Trước hết con sư tử sẽ bị hành hạ đau đớn. Thứ nữa có thể một ai đấy sẽ chạm phải nó.

- Tôi hiểu.

- Nhưng ông hoàn toàn không nhất thiết phải đi với chúng tôi

- Tôi nghĩ tôi nên đi. Tôi chỉ hơi sợ.

- Tôi sẽ đi đầu tiên. - Uynxơn nói. - Ông già Côngôni sẽ tìm vết. Ông theo sát tôi, hơi chếch về một bên.

- Rất có thể nó sẽ cất tiếng và chúng ta sẽ thấy. Lúc vừa trông thấy nó, cả hai chúng ta sẽ bắn. Ông đừng lo. Tôi không rời ông đâu. Mà có thể thực là ông không nên đi. Như thế chắc tốt hơn. Nên đi đến chỗ bà chủ, còn tôi sẽ kết liễu nó.

- Không, tôi sẽ đi.

- Tuy ông đấy, - Uynxơn nói. - Nhưng không muốn thì đừng đi. Đây là nghĩa vụ của tôi

- Tôi sẽ đi đấy, Mác Cômbơ nói.

Họ ngồi dưới gốc cây và hút thuốc lá

- Ông có muốn nói chuyện với bà chủ không? - Uynxơ hỏi. - Hãy còn kịp đấy.

- Không.

- Tôi đến bảo bà ấy kiên nhẫn.

- Tốt thôi, - Mác Cômbơ nói. - Ông ta ngồi toát mồ hôi, trong miệng khô đắng, cảm thấy thon thót dưới mạng sườn và ông không đủ can đảm nói với Uynxơn để ông ta một mình kết liễu con sư tử không cần đến mình. Ông không thể biết rằng, Uynxơn đang nổi khùng vì đã không nhận thấy tình trạng của ông trước và không bảo ông đến với vợ cho xong.

Uynxơn quay lại ngay.

- Tôi cầm thêm cho ông khẩu Státxơ, - ông bảo. - Này, ông cầm lấy, chúng ta đã cho nó đủ thời gian. Nào đi!

Mác Cômbơ cầm khẩu Státxơ, và Uynxơn nói:

- Bám sát theo tôi, khoảng năm i at chếch về phía phải và làm tất cả những gì tôi nói. - Sau đó ông nói bằng tiếng Xuahili với cả hai người bản xứ, nét mặt họ ảm đạm không thể tả nổi.

- Nào đi! - Ông nói.

- Tôi muốn uống ngụm nước. - Mác Cômbơ đề nghị

Uynxơn nói cái gì đấy với người giữ súng già cổ đeo bi đông nước bên sườn, người ấy tháo nó ra, mở nắp và đưa cho Mắc Cômbơ. Mắc Cômbơ đón lấy, cảm thấy sức mạnh của bi đông và lớp vỏ bông sù sì bọc ngoài. Ông ta đưa lên môi, nhìn vào đám cỏ cao rồi nhìn xa hơn về phía những cây rừng với tán lá phẳng. Cơn gió nhẹ thổi vào mặt và cỏ gợn sóng. Ông nhìn người giữ súng và hiểu rằng người ấy cũng đang bị nỗi sợ hãi giày vò

Cách họ ba mươi nhăm thước, con sư tử lớn đang nằm, dán mình xuống mặt đất. Nó nằm bất động, tai cụp xuống, chỉ có cái đuôi dài với túm lông đen là ve vẩy. Nó phủ phục xuống ngay sau khi tìm thấy chỗ nấp. Vết thương xuyên qua bụng nó càng làm nó buồn nôn, nó suy yếu hẳn vì vết đạn xuyên phổi làm cho bọt máu đỏ trào lên cổ cùng với mỗi hơi thở. Hai bên sườn nó đẫm mồ hôi và nóng hầm hập, ruồi bâu kín những lỗ đạn xuyên trên bộ da phủ lông màu hung sáng, và hai mắt lớn màu vàng thu hẹp lại vì căm giận và đau đớn nhìn thẳng về phía trước, khẽ chớp vì cơn đau trong mỗi hơi thở, và vuốt nhọn của nó bám ngập vào đất mềm. Tất cả những gì chứa trong nó - nỗi đau đớn, cơn buồn nôn, lòng căm thù và chút sức mạnh còn sót lại - đều căng lên đến mức tột cùng cho bước nhảy xổ ra. nó nghe thấy giọng người và chờ đợi, thu mình hoàn toàn vào một ước vọng: vồ lấy người khi họ đi vào đám cỏ cao. Khi nghe thấy giọng người đến gần, đuôi nó thôi ve vẩy, và khi họ đi vào đám cỏ, nó sẽ gầm lên khàn khàn và nhảy bổ ra.

Côngôni, ông già người bản xứ đi phía trước lần theo vết máu. Uynxơn cầm khẩu Státxơ lên đạn sẵn sàng, rình mò mỗi chuyển động trong cỏ, người bản xứ thứ hai nhìn về phía trước

và nghe nóng. Mắc Cômbơ lên cò và đi theo sau Uynxơn. Họ chưa kịp bước vào cỏ thì Mắc Cômbơ đã nghe thấy đột ngột một tiếng gầm sặc máu và nhìn thấy cỏ dạt ra cùng với tiếng gió huýt. Ngay sau đó ông nhận thấy rằng mình đang chạy, trong một cơn hoảng sợ điên cuồng cắm đầu chạy khỏi những lùm cây về phía suối.

Ông nghe thấy khẩu Stắtxơ của Uynxơn vang lên "cà rà uồng", lại một phát nữa "cà ra uồng", và quay lại, nhìn thấy con sư tử, thảm hại và kinh tởm, như bị người ta phạt đi nửa đầu, đang bò lết về phía Uynxơn ở mép vạt cỏ cao, và người mặt đỏ giật quy lát khẩu súng trường ngắn nòng thô kệch, chăm chú ngắm, sau đó lửa chớp lên và "cà rà uồng", rồi thân hình nặng nề to lớn màu vàng của con sư tử đang bò bỗng chừng lại, cái đầu khổ lồ vỡ toác, ngã về phía trước, và Mắc Cômbơ - đứng một mình giữa bãi, cầm khẩu súng đã lên đạn, trong lúc hai người da đen và một người da trắng khinh bỉ nhìn ông ta - hiểu rằng con sư tử đã chết gục. Ông bước lại phía Uynxơn - ngay tầm vóc cao lớn của ông đã là một sự oán trách câm lặng. - Uynxơn nhìn ông và hỏi:

- Ông có chụp ảnh không?

- Không, - ông trả lời.

Sau đó không ai nói gì thêm cho đến lúc họ đi đến chỗ chiếc ô tô đỗ. Bây giờ Uynxơn mới nói:

- Con sư tử khá thật. Bây giờ người ta sẽ lột da, chúng ta tạm thời ngồi đây trong bóng râm.

Vợ Mắc Cômbơ không nhìn ông ta lần nào, ông cũng không nhìn vợ, mặc dù ngồi sát bên nàng trên hàng ghế phía sau, còn Uynxơn thì ngồi phía trước. Có một lần ông động đậy, không nhìn vợ, cầm lấy tay nàng, nhưng nàng giật ra. Nhìn qua suối về phía những người bản xứ đang lột da sư tử, ông hiểu rằng nàng đã thấy tất cả. Sau đó nàng ngả người về phía trước và đặt tay lên vai Uynxơn. Ông ta quay đầu lại và nàng cúi người qua lưng tựa ghế ngồi, hôn lên môi ông.

- Ồ, ồ, - Uynxơn nói và đỏ bừng mặt ngay dưới lớp da rám nắng.

- Ngài Rôbớt Uynxơn, - nàng nói, - ngài Rôbớt Uynxơn mặt đỏ tuyệt diệu.

Sau đó nàng lại ngồi xuống bên Mắc Cômbơ, quay mặt đi phía khác, và nhìn qua bên kia suối, nơi con sư tử nằm. Nhưng cái chân đã bị lột da với những bắp thịt trắng và các chùm gân chổng ngược lên, cái bụng màu trắng căng phồng, và những người da đen đang lột da ở chỗ ấy. Cuối cùng đám người bản xứ mang bộ da lại, ướt và nặng. Cuộn nó lại, họ cầm bộ da, trèo lên ô tô từ phía sau. Xe chuyển bánh, sau đó không ai nói gì cho đến tận trại.

Chuyện xảy ra như thế với con sư tử. Mắc Cômbơ không biết nó cảm thấy những gì trước khi nhảy, và khi lao mình lên, sức mạnh dữ dội của viên đạn cỡ 0,505, vào khoảng hai ngàn cân, đã quật vỡ tung hàm, rồi sau đó, khi nó gục về phía trước, thì phát súng thứ hai bẻ tan sống mũi, và nó bò lết về phía cái vật vừa phun lửa vừa nổ vang giết nó.

Uynxơn có biết gì đó về những điều ấy và diễn tả thành lời: "con sư tử khá lắm", nhưng Mắc Cômbơ lại cũng không biết

Uynxơn lúc ấy thế nào. Ông cũng không biết vợ ông nghĩ gì, chỉ biết rằng nàng quyết định từ bỏ ông. Vợ ông không phải lần đầu quyết định ly dị, nhưng lúc nào cũng chẳng được lâu. Ông rất giàu và sẽ còn giàu hơn, và ông biết rằng bây giờ vợ ông sẽ không bỏ ông. Cái gì thì không biết, chứ điều này ông biết thực sự... Và còn chiếc mô tô, cái nay ông biết trước tiên, sau đó đến ô tô riêng, những lần đi săn vịt trời, những chuyện câu cá và các vấn đề giới tính - theo sách vở, rất nhiều sách vở, quá nhiều là đằng khác - và ten nít, và chó nòi, và một ít về ngựa, và giá trị đồng tiền, và tất cả những gì còn lại mà nhờ chúng thế giới của ông sống được, và điều nữa là vợ ông không bao giờ bỏ ông. Vợ ông lúc trẻ là hoa hậu, và ở Phi châu này cho đến bây giờ nàng vẫn còn là hoa hậu, nhưng ở Mỹ nàng không còn là hoa hậu đến mức bỏ ông mà tìm đám khác tốt hơn. Nàng biết như thế, và ông cũng vậy. Nếu ông biết chiều chuộng phụ nữ hơn, nàng chắc phải lo lắng rằng ông có thể tìm cho mình một người vợ - hoa hậu khác. Nhưng nàng biết ông quá rõ nên không hề lo ngại về chuyện này. Hơn nữa ông lúc nào cũng rất nhân nhượng, và điều này là nét dễ chịu nhất của ông, nếu không phải là nguy hiểm nhất.

Nói chung, theo ý kiến của giới thượng lưu, đây là một đôi vợ chồng tương đối hạnh phúc, một trong những đôi người ta thường đồn đại là sắp sửa ly dị nhưng không bao giờ ly dị, và họ bây giờ - như phóng viên của những tin tức giới thượng lưu diễn tả - cho rằng yếu tố *phiêu lưu* sẽ đem lại sự sắc bén cho *mối tình* thơ mộng kéo dài nhiều năm, quyết định làm một chuyến *xaphari* vào xứ trước đây là *Châu Phi đen*, trước khi Matin Giônxơn kể về nó trên hàng ngàn màn bạc. Ở đây họ đã săn con sư tử *Simbô già*, săn trâu rừng và con voi *Tembô*, và

cũng trong thời gian ấy đã thu thập tài liệu cho viện bảo tàng. Tự nhiên học. Cũng phóng viên ấy ít ra là ba lần đã đưa tin cho công chúng rằng họ đang "mấp mé" bờ vực ly dị, và dùng như thế thật. Nhưng lần nào họ cũng làm lành. Sự liên kết giữa họ dựa trên một cơ sở vững chắc; sắc đẹp của Magô là sự đảm bảo cho việc Mắc Cômbơ không bao giờ ly dị nàng, và gia tài của Mắc Cômbơ là sự bảo đảm cho việc Magô không bao giờ bỏ ông.

Lúc bấy giờ đã ba giờ sáng, và Phranxix Mắc Cômbơ, vừa ngủ thiếp đi không lâu, sau khi thôi không nghĩ về con sư tử, tỉnh giấc dậy và lại ngủ thiếp đi lần nữa, bỗng nhiên lại tỉnh dậy vì sợ hãi - ông ta thấy trong mơ một con sư tử với cái đầu đẫm máu đang đứng bên ông, và, lắng nghe, cảm thấy tim đập thình thịch. ông hiểu rằng giường vợ ông trống không. Sau phát hiện ấy, ông thức ròng hai tiếng đồng hồ. Hai tiếng sau vợ ông đi vào lều, nhấc màn lên và thoải mái ngả người vào đệm

- Cô vừa ở đâu về?- Mắc Cômbơ hỏi trong bóng tối.

- Hêlô, - nàng nói. - Anh không ngủ à?

- Cô vừa ở đâu?

- Tôi chỉ đi ra thở không khí trong lành một chút.

- Đồ qúy sứ.

- Thế tôi phải nói gì, anh yêu qúy?

- Cô vừa ở đâu?

- Ra thở một chút.

- Cái gì đây? Thuật ngữ mới à? Đồ con đĩ?

- Anh là thằng hèn

- Thế cũng được, - ông nói. - Thì sao nào?

- Tôi thì chả sao cả. Nhưng mà, anh yêu qúy, chúng ta sẽ không nói chuyện bây giờ nữa. Tôi buồn ngủ lắm.

- Cô tưởng rằng tôi nhịn được hết đấy à?

- Tôi biết thế, anh thân mến.

- Thế nghe đây, tôi không nhịn được đâu.

- Xin anh, ta im lặng đi. Tôi buồn ngủ quá.

- Chúng ta đã quyết định chấm dứt trò ấy rồi cơ mà!

- Ừ, nhưng bây giờ lại có, - nàng dịu dàng nói.

- Cô đã bảo rằng nếu chúng ta đến đây trò ấy sẽ không có nữa. Cô đã hứa rồi.

- Vâng, anh yêu qúy, em không định thế. Nhưng ngày hôm qua làm hỏng cả chuyến du hành. Mà có đáng nói về chuyện ấy không kia chứ?

- Cô không bỏ lỡ thời cơ khi có chủ bài trong tay, có phải không?

- Xin anh, ta đừng nói nữa. Tôi buồn ngủ lắm, anh yêu qúy.

- Còn tôi sẽ nói.

- Nếu thế thì, xin lỗi, tôi ngủ đây. - Và nàng ngủ thiếp đi.

Mặt trời còn chưa lên, ba người đã ngồi ăn sáng và Phranxix Mắc Cômbơ hiểu rằng trong số nhiều người bị ông ghét thì ông ghét nhất là Rô bớt Uynxơn.

- Ông bà ngủ ngon chứ?- Uynxơn hỏi bằng giọng hơi khàn khàn của mình trong lúc nhồi thuốc vào tẩu.

- Thế còn ông?

- Tốt lắm, - người đi săn da trắng trả lời.

Đồ đểu cáng. Mắc Cômbơ nghĩ, đồ đểu cáng đến trắng trợn.

Thế nghĩa là nàng đã làm ông ta thức giấc khi quay trở về. Uynxơn vừa nghĩ vừa nhìn hai người bằng đôi mắt lạnh lùng dửng dưng của mình. Đáng lẽ phải theo dõi vợ sát hơn. Chính hắn có lỗi.

- Ông nghĩ thế nào? Chúng ta tìm thấy trâu rừng chứ? - Magô vừa hỏi vừa đẩy đĩa đào ra.

- Chắc là thế, - Uynxơn trả lời và mỉm cười với nàng. - Còn bà thì chắc sẽ ở lại trong trại chứ?

- Không bao giờ, - nàng trả lời.

- Ông hãy ra lệnh cho bà ở lại trong trại, - Uynxơn nói với Mắc Cômbơ.

- Tự ông ra lệnh lấy, - Mắc Cômbơ lạnh lùng trả lời.

- Thời tốt hơn hết đừng cần lệnh truyền gì cả, - và hướng về Mắc Cômbơ: - cũng đừng có những trờ vớ vẩn nữa, Phranxix, - Magarét vui vẻ nói.

- Có thể đi được rồi chứ?- Mắc Cômbơ hỏi.

- Tôi sẵn sàng. - Uynxơn trả lời. - Ông muốn để cho bà chủ đi cùng với chúng ta?

- Chả phải là tôi muốn hay không cũng thế thôi?

"Đấy mới thật là trò quỷ quái. Rồi bớt Uynxơn nghĩ. - Thật đúng là chuyện quỷ quái. Nghĩa là mọi việc sẽ như thế. Thôi được, mọi việc sẽ dùng như vậy"

- Vâng, hoàn toàn là muốn hay không cũng thế thôi, - ông nói.

- Có thể chính ông ở lại với cô ấy trong trại để cho tôi zan trâu rừng một mình? - Mắc Cômbơ hỏi.

- Tôi không có quyền, - Uynxơn nói. - Ông bỏ cách nói lôi thôi ấy đi.

- Chẳng lôi thôi đâu. Tôi thấy tởm lắm.

- Tiếng ấy chả đẹp tí nào - Tởm.

- Phranxix, xin anh bỏ qua cho, và hãy cố gắng nói cho khôn ngoan, - vợ ông ta nói.

- Tôi vẫn đang nói khôn ngoan đấy thôi. Quỷ tha ma bắt nó đi, - Mắc Cômbơ nói - Các người đã bao giờ ăn phải cái của kinh khủng thế này chưa?

- Ông không bằng lòng với thức ăn ư? - Uynxơn bình tĩnh nói.

- Không hơn không kém những người khác.

- Hãy biết tự chủ, con bồ câu nhỏ của tôi, - Uynxơn nói rất bình tĩnh. - Có một đứa trong bọn trẻ biểu chút ít tiếng Anh.

- Quỷ bắt nó đi.

Uynxơn đứng dậy, phì phèo tẩu thuốc và đi thẳng, sau khi nói một cái gì đó với người giữ súng già đơi ông bằng tiếng

Xuahili, Mắc Cômbơ và vợ còn lại trong lều. Ông ta nhìn chằm chằm vào chén cà phê của mình.

- Nếu anh làm chuyện rùm beng, anh yêu qúy, em sẽ bỏ anh. - Magô nói một cách bình tĩnh.

- Không bỏ được đâu

- Thử xem, rồi anh sẽ thấy.

- Cô không bỏ được tôi đâu.

- Vâng, - nàng nói, - em không bỏ anh, và anh sẽ đối xử lịch sự.

- Chính là cô cần phải đối xử lịch sự.

- Tôi cố gắng nhiều rồi. Nhiều lắm rồi.

- Tôi căm thù con lợn đỏ mõm ấy, - Mắc Cômbơ nói. - Chỉ cần nhìn thấy nó đã đủ buồn nôn rồi.

- Nhưng anh biết không, ông ta rất đáng yêu.

- Cô im đi, - Mắc Cômbơ hét.

Đúng lúc ấy chiếc ô tô tiến đến gần lều ăn. Anh tài xế và hai người giữ súng nhảy xuống. Uynxơn đến gần nhìn hai vợ chồng ngồi bên bàn.

- Ta đi chưa?

- Vâng. - Mắc Cômbơ đứng dậy. - Vâng.

- Cầm theo cái áo thun. Đi sẽ lạnh đấy. - Uynxơn nói.

- Tôi đi lấy cái áo khoác da, - Magô nói.

- Áo cậu bé giữ. - Uynxơn nói. Ông ngồi cạnh tài xế, và Phranxis Mắc Cômbơ cùng với vợ im lặng ngồi xuống hàng ghế sau.

Thằng ngốc này có thể bắn vào gáy mình lắm, Uynxơn nghĩ. Và đàn bà thì mang đi săn làm gì?

Xuống hết dốc, chiếc ôtô lội qua suối ở chỗ nhiều sỏi nhỏ, và sau đó, trong ánh sáng xám đục buổi sớm, leo ngoằn ngoèo lên bờ cao theo con đường mà Uynxơn ra lệnh đào trước đó để đưa ô tô vào sát khu rừng thưa và những tràng cỏ

Buổi sáng đẹp thật, Uynxơn nghĩ. Sương xuống nhiều, bánh xe lăn trên cỏ và những bụi cây thấp, và ông cảm thấy mùi cành lá bị nghiền nát. Chúng tỏa mùi sả, ông yêu mùi sương buổi sáng ấy, yêu những cành dương xỉ bị nghiền nát và những thân cây màu đen nổi lên trong sương buổi sớm khi xe đi không cần có đường trong khu rừng thưa như công viên. Hai người ngồi trên hàng ghế sau không làm bận tâm ông nữa, ông nghĩ về những con trâu rừng. Lũ trâu rừng mà ông muốn bắt gặp ban ngày nghỉ ở các hồ nước cây cối rậm rạp, nơi không thể săn chúng được. Nhưng về đêm, chúng đi ăn ở tràng cỏ rộng, và nếu có thể đưa ô tô đến cắt ngang con đường tới hồ của chúng, Mắc Cômbơ chắc là sẽ bắn được chúng ở khoảng trống. Ông không muốn săn trâu rừng cùng với Mắc Cômbơ trong rừng rậm. Ông không muốn cùng với Mắc Cômbơ san trâu rừng hay bất cứ con thú nào khác, nhưng ông là thợ săn chuyên nghiệp, và ông đã phải tiếp xúc với không chỉ những loại như thế. Nếu như hôm nay họ tìm thấy trâu rừng thì chỉ còn có tê giác nữa thôi, và lúc ấy kẻ đáng thương kia sẽ kết thúc trò tiêu khiển nguy hiểm của mình, và có thể đâu sẽ vào đấy.

Ông sẽ không quan hệ với người đàn bà này nữa, và chuyện xảy ra hôm qua Mắc Cômbơ cũng sẽ tiêu hóa được. Hắn ta gặp

cái đó, có thể đoán được, không phải là lần đầu. Một kẻ đáng thương. Hắn ta chắc là đã học được cách tiêu hóa những trò tương tự. Chính hắn có lỗi, kẻ dớ dẩn bất hạnh ấy.

Ông ta, Rôbớt Uynxơn, bao giờ cũng chở theo khi đi săn một cái giường xếp rộng, biết đâu lại chẳng có dịp nào đó. Ông biết rõ khách hàng của mình - tầng lớp trên ăn chơi của xã hội, vận động viên nghiệp dư từ khắp các nước, những người đàn bà, loại bao giờ cũng tưởng rằng người ta vẫn chưa thỏa mãn đủ cho họ những gì mà họ bỏ tiền ra mua, nếu như không được ngủ với tay thợ săn da trắng trên chiếc giường này. Ông khinh họ khi họ ở xa, nhưng khi ở bên họ, nhiều người làm ông rất thích. Dù thế nào đi nữa, họ đã cho ông miếng bánh kiếm sống hàng ngày, và khi họ còn thuê ông, mọi thước đo của họ đều là thước đo của ông.

Đều là thước đo của ông trong mọi chuyện, ngoài chuyện đi săn. Ở đây ông có những thước đo của riêng mình, và những người ấy chỉ còn có cách hoặc tuân theo ông ta, hoặc thuê thợ săn khác. Ông biết tất cả mọi người tôn trọng ông chính vì thế. Thế mà gã Mắc Cômbơ này lại là một kẻ kỳ cục. Thật thế, kỳ cục. Lại còn bà vợ. Thì sao nào? ừ, bà vợ. Thôi được, chuyện ấy đã kết thúc. Ông nhìn họ. Mắc Cômbơ ngồi cau có và giận dữ. Magarêt mỉm cười. Hôm nay nàng có vẻ trẻ hơn, vô tội và tươi tắn hơn chứ không như một hoa hậu nhà nghề. Nàng nghĩ cái gì, chỉ có trời mới đoán được. Ban đêm nàng ít nói. Nhìn nàng dầu sao vẫn thú vị.

Ô tô vượt một dốc con là lăn bánh xa hơn giữa những thân cây, sau đó dọc theo mép một trảng cỏ rộng, lúc nào cũng bám sát cửa rừng, trong bóng râm. Họ cho xe đi chậm và Uynxơn

chăm chú theo dõi phía đằng kia trảng cỏ. Ông ra lệnh cho tài xế dừng lại và nhìn vào ống nhòm. Sau đó vẫy tay ra hiệu và người tài xế cho xe tiến lên xa hơn, tránh không rơi vào các ổ gà do lợn rừng dũi và đi vòng những tổ kiến đùn cao. Sau đó Uynxơn, không rời mắt khỏi mép bên kia trảng cỏ, đột ngột quay lại và nói:

- Nhìn xem, chúng nó kia!

Chiếc ô tô vượt lên phía trước. Uynxơn nói rất nhanh với người tài xế bằng tiếng xuahili, và, nhìn về phía ông ta chỉ. Mắc Cômbơ thấy ba con vật to đen, gần như hình trụ, dài và nặng nề, như những chiếc xe lăng màu đen, đang phóng băng băng qua trảng cỏ. Cổ và thân hình chúng căng ra, trong khi chạy, và ông nhìn thấy những cặp sừng giang rộng cong lên phía trên khi chúng phi nước đại, đưa những cái đầu hoàn toàn bất động về phía trước.

- Ba con đực già, - Uynxơn nói. - Chúng ta sẽ chặn kịp không cho chúng ra hồ.

Chiếc ô tô bay trên các mô đất với tốc độ bốn mươi lăm dặm một giờ, và Mắc Cômbơ nhìn thấy những con trâu rừng cứ lớn dần, đến nỗi ông có thể nhận rõ thân hình màu xám trụi lông, phủ đầy bùn đất của một trong những con thú khổng lồ, có chiếc cổ lớn như liền thẳng với hai vai, và ánh đen lấp lánh của cặp sừng khi nó chạy chậm hơn hai con khác đang vượt lên phía trước với nhịp phi đều đặn. Sau đó ô tô giật mạnh như thể đè lên một vật gì, họ tiến gần sát lại, và Mắc Cômbơ nhìn thấy rõ ràng con thú như một tảng đá khổng lồ đang chạy, với bụi đóng thành lớp dày giữa những sợ lông thưa, gốc sừng rộng và

cái mõm vương về phía trước, với hai lỗ mũi lợn, và ông giương súng lên, nhưng Uynxơn hét:

- Không được bắn từ trên ô tô, ông điên rồi à?

Ông không thấy sợ hãi, chỉ cảm thấy căm thù Uynxơn, và ngay lúc đó người lái xe phanh lại và chiếc ô tô lạng đi. Nó dũi đất mặt đường và gần như dừng lại. Uynxơn nhảy ra từ một phía, còn ông từ phía khác và vấp ngã khi chân vừa chạm mặt đất hãy còn chạy lùi về phía sau, sau đó ông nổ súng vào con trâu rừng đang chạy trốn, nghe thấy đạn cắm vào mình nó, ông nã tất cả kẹp đạn vào đấy, cuối cùng chợt nhớ ra rằng cần phải ngắm gần đầu; và khi đang lắp băng đạn khác, ông thấy con trâu gục xuống. Nó gục xuống, quỵ trên hai chân trước, lắc lư cái đầu nặng, và Mắc Cômbơ, nhìn thấy hai con kia vẫn chạy, lại nã súng vào con dẫn đầu và bắn trúng. Ông bắn phát nữa, trượt, và nghe tiếng "cà rà uồng" chát tai từ khẩu súng của Uynxơn, rồi thấy con trâu đang chạy gục mặt vào đất.

- Bây giờ đến con thứ ba, - Uynxơn nói. - Đấy mới gọi là săn bắn!

Nhưng con trâu cuối cùng ngoan cố chạy xa bằng nước phi đều đặn và Mắc Cômbơ bắn trượt, bùn dựng lên một cột cao, rồi sau đó Uynxơn bắn trượt, làm tung lên một đám mây bụi. Uynxơn hét:

- Lên xe không thì chẳng đuổi kịp nó đâu - và túm lấy tay Mắc Cômbơ, họ cùng nhảy lên bậc ô tô, mỗi người một phía, lướt trên mặt đất gồ ghề, đuổi theo con trâu đang chạy nặng nề và đều đặn phía trước

Họ nhanh chóng đuổi kịp nó, và Mắc Cômbơ lắp đạn, đánh rơi vài viên; khói nòng xộc xệch, ông chỉnh lại. Khi xe họ gần như chạy song song với con trâu, Uynxơn thét lên:

- Dừng lại! - và chiếc ô tô lạng đi đến gần như lật nhào, Mắc Cômbơ lao người xuống đất, nhưng không ngã, ông giật khóa nòng, bắn vào cái lưng đen tròn đang chạy, ngắm và bắn nữa, sau đó lại phát nữa và phát nữa, hầu như tất cả đạn đều trúng đích nhưng con trâu vẫn không hề gì. Sau đó Uynxơn hắn, tiếng nổ làm điếc cả tai Mắc Cômbơ, và ông thấy con trâu loạng choạng. Ông bắn phát nữa sau khi ngắm kỹ, và con trâu nhào xuống, quỵ cả bốn chân.

- Khá lắm. - Uynxơn nói - Rất mát tay. Bây giờ thì cả ba con.

Một nỗi phấn hứng ngây ngất chiếm lấy Mắc Cômbơ

- Ông bắn bao nhiêu lần? - Mắc Cômbơ hỏi.

- Chỉ ba thôi, Uynxơn nói. - Con đầu tiên ông bắn gục. Con to nhất đấy. Hai con khác tôi giúp ông kết liễu. Chỉ sợ nó chạy vào bụi rậm. Nếu cho đúng hai con ấy cũng là của ông cả. Tất chỉ sửa một tý. Ông bắn rất tuyệt.

- Tới chỗ ô tô đi, - Mắc Cômbơ nói. - Tôi muốn uống rượu.

- Trước hết phải kết liễu con này đã. - Uynxơn nói.

Con trâu quỳ gối, và khi họ tiến đến gần, nó giận dữ ngoặt đầu lại, điên tiết gầm lên, lắc lắc cái đầu lớn, giương hai tròng mắt lợn.

- Cẩn thận, chỉ sợ nó vùng dậy, - Uynxơn nói, và tiếp: - đi sang bên kia sườn và bắn vào cổ, phía sau tai.

Mắc Cômbơ cẩn thận ngắm vào giữa cái cổ lớn, giật liên hồi một cách điên loạn, và nổ súng. Cái đầu gục về phía trước.

- Đúng đấy. - Uynxơ nói. - Bắn vào xương sống. Ghê thật. Qủy bắt nó đi, phải không?

- Nào đi, ta làm chén rượu, - Mắc Cômbơ nói. - Chưa bao giờ trong đời ông khoái trá như lúc này.

Vợ Mắc Cômbơ ngồi trong ô tô, khuôm mặt nhợt nhạt khác thường.

- Lúc bây giờ trông anh tuyệt lắm, anh yêu, - nàng nói với Mắc Cômbơ. - Cuộc săn đuổi kinh khủng thật.

- Xốc lắm có phải không? - Uynxơn hỏi.

- Sợ đến phát khiếp đi được. Trong đời tôi chưa bao giờ sợ đến thế.

- Nào ta nâng cốc đi, - Mắc Cômbơ nói.

- Nhất định rồi. Bà chủ phải đầu tiên.

Nàng hớp một ngụm uýtxki nguyên chất từ bi đông và ngả người ra phía sau khi nuốt. Sau đó nàng chuyền cho Mắc Cômbơ, ông này lại chuyền cho Uynxơn.

- Hồi hộp thế! - Nàng nói. - Đầu tôi đau không tả được. Mà tôi không biết là được phép bắn trâu rừng từ trên ô tô.

- Nó chung không được phép làm thế, - Uynxơn nói. - Nhưng hôm nay tôi rất thích. Đi ô tô không đường sá, băng qua mô đất và ổ gà còn nguy hiểm hơn là săn bộ. Con trâu nếu nó muốn, có thể nhảy xổ vào anh sau bất cứ phát súng nào. Bao nhiêu cũng được. Dù sao thì xin đừng kể cho ai nghe. Trò ấy phạm luật đấy, nếu ta muốn nói đến chính điều ấy.

- Theo tôi, - Magarét nói, - đuổi theo những con vật to béo và không ai che chở này bằng ô tô là một trò chẳng lấy gì làm danh dự.

- Thật thế ư?

- Nếu ở Nairôbi người ta biết được thì sẽ ra sao?

- Trước hết người ta sẽ thu giấy phép của tôi. Rồi tiếp đến những trò phiền phức tương tự, - Uynxơn vừa nói với uống rượu từ bi đông. - Lúc bấy giờ tôi sẽ thất nghiệp

- Đúng thế chứ?

- Vâng, đúng thế.

- Đấy, ông thấy chưa? - Mắc Cômbơ nói và mỉm cười lần đầu tiên trong ngày. - Bây giờ thì cô ấy lại dây vào với ông đấy.

- Anh diễn đạt mới duyên dáng làm sao, Phranxix, - Magarét nói.

Uynxơn nhìn họ. Nếu như chồng là thằng ngốc còn vợ là đồ giẻ rách, thì con họ sẽ như thế nào? Nhưng ông nói cái khác.

- Chúng ta bỏ quên một người giữ súng, các vị không nhận thấy à?

- Ồ, lạy Chúa, không. - Mắc Cômbơ nói.

- Ông ấy đến kia, - Uynxơn nói - Sông nguyên. Chắc là rơi khỏi ô tô khi chúng ta rời con trâu thứ nhất.

Ông già Côngôni khập khiễng tiến về phía họ, đầu đội chiếc mũ len, khoác áo bludông bảo hộ, quần cộc, dép cao su. Nét mặt ông ta hầm hầm khinh bỉ. Khi đến gần, ông kêu lên với

Uynxơn bằng tiếng Xuahili, và tất cả nhìn thấy tay thợ săn da trắng biến sắc mặt.

- Ông ta nói gì? - Magarét hỏi.

- Ông ta bảo con trâu thứ nhất vùng dậy được và chạy vào bụi, - Uynxơn nói không có biểu hiện gì trên nét mặt.

- Ra thế đấy, - Mắc Cômbơ nói một cách lơ đãng.

- Nghĩa là bây giờ sẽ giống hệt như với con sư tử, - Maga rét hỏi, linh hoạt hẳn lên.

- Qủy bắt nó đi, sẽ không hoàn toàn giống như với con sư tử đâu, - Uynxơn nói. - Ông có uống nữa không, Mắc Cômbơ?

- Vâng, cám ơn - Mắc Cômbơ nói. Ông chờ cái cảm giác ấy lại đến, cảm giác hôm trước. Nhưng nó không quay lại. Lần đầu tiên trong đời ông không hề thấy sợ hãi một mảy may nào. Thay cho sợ hãi là cảm giác phấn hứng rõ rệt.

- Ta thử đi xem con trâu thứ hai. - Uynxơn nói. - Tôi bảo tài xế lái xe vào bóng râm.

- Các ông đi đâu đấy? - Maga rét hỏi.

- Đi xem con trâu thế nào.

- Tôi đi cùng các ông.

- Nào, mời bà cùng đi.

Cả ba người đến chỗ con trâu thứ hai nằm trên cỏ như một tảng đá màu đen, vươn đầu về phía trước, cặp sừng dang rộng.

- Cái đầu rất tốt, - Uynxơn nói. - Không cách giữa hai sừng phải vào khoảng năm mươi insơ.

Mác.Cômbơ phân khởi nhìn con trâu.

- Một cảnh tượng ghê tởm, - Maga rét nói. - Hay ta đi vào trong bóng râm.

- Tất nhiên, - Uynxơn nói - Nhìn kia! - Ông bảo Mác Cômbơ và đưa tay chỉ. - Ông có nhìn thấy các bụi râm kia không?

- Có.

- Con trâu đầu tiên đã lủi vào đấy. Côngôni bảo rằng khi rời khỏi ô tô, ông thấy con trâu nằm trên mặt đất. Khi ông ngẩng đầu dậy, con trâu đã đứng lên và nhìn ông. Côngôni bỏ chạy và con trâu lặng lẽ lủi vào bụi.

- Ta đi xem nó bây giờ chứ? - Mác Cômbơ háo hức hỏi

Uynxơn như do ông bằng mắt. Thằng cha kỳ cục thật. Hôm qua thì sợ run lên, còn hôm nay thì chỉ cứ muốn xông vào trâu.

- Không, ta chờ chút nữa.

- Xin mời các vị đi vào trong bóng râm, - Magarét nói, khuôn mặt nàng nhợt đi, trông như người ốm.

Họ đi vào dưới bóng cây um tùm, nơi chiếc ô tô đỗ, và ngồi vào xe.

- Rất có thể nó đã ngoẻo rồi, - Uynxơn nói. - Chờ một lát nữa rồi ta đi xem

Mác Cômbơ cảm thấy một nỗi hạnh phúc lớn lao đến khó hiểu, mà ông chưa bao giờ trải qua.

- Vâng, thế mới gọi là cuộc chạy đua. Trong đời tôi chưa từng thấy bao giờ. Đúng là tuyệt quá, có phải không Magô?

- Ghê tởm.

- Cái gì ghê tởm mới được chứ?

- Ghê tởm, - nàng cay đắng nói. - Hèn mạt.

- Các người có biết không, tôi sẽ không bao giờ còn sợ bất cứ cái gì, - Mắc Cômbơ nói với Uynxơn. - Một cái gì đấy đã xảy ra trong tôi khi chúng ta nhìn thấy lũ trâu rừng và đuổi theo chúng. Nhưng có một cái đập nước vỡ tung. Một niềm khoái lạc lớn lao.

- Có lợi cho gan đấy, - Uynxơn nói. - Cái gì cũng có thể xảy ra với người ta được hết.

Mặt Mắc Cômbơ sáng lên

- Đúng thật. Có một cái gì đó thay đổi hẳn trong tôi. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn như một người khác.

Vợ ông không nói gì và nhìn ông một cách lạ lùng. Nàng ngồi ngả mình trên lưng ghế, còn Mắc Cômbơ thì cúi người về phía trước nói chuyện với Uynxơn, ông này quay nghiêng người trên ghế trước để trả lời.

- Ông biết không, bây giờ tôi rất muốn săn sư tử một lần nữa, - Mắc Cômbơ nói. - Tôi bây giờ hoàn toàn không sợ chúng nữa. Nói cho cùng, chúng nó có thể làm được gì?

- Đúng thế, - Uynxơn nói - Trường hợp xấu nhất chúng giết ông là cùng. Séchxpia viết thế nào ấy nhỉ? Một đoạn rất hay. Có một thời tôi cứ hay nhắc lại luôn. Bây giờ tôi thử nhớ. Ồ, một đoạn hay lắm. Nào, thử xem: "*Tôi thì thế nào cũng được, thế danh dự. Không thể tránh được cái chết, thế thì phải*

hiến cho nó cái gì chứ. Và nói cho cùng. Người nào chết năm nay sẽ khỏi phải chết năm sau". Hay thật, có phải không?

Ông rất ngượng ngùng khi nói những lời này. Những lời có ý nghĩa biết nhường nào trong cuộc đời ông, nhưng đây không phải lần đầu trước mắt ông có người đạt tuổi trưởng thành, điều đó làm ông xúc động. Vấn đề không phải ở chỗ họ đạt đến tuổi hăm mốt - Sự kết hợp ngẫu nhiên các biến cố trong cuộc săn, khi bỗng nhiên xuất hiện cái cần thiết phải hành động mà không có thời gian hồi hộp trước - Đấy, - chính điều đấy cần cho gã Mắc Cômbơ này. Dù thế nào đi nữa, dù điều ấy xảy ra như thế nào, thì nó cũng đã xảy ra, không con nghi ngờ gì nữa. Thì hãy cứ xem, ông ta đã trở thành một người thế nào, Uynxơn nghĩ. Vấn đề là nhiều người trong số họ rất lâu vẫn còn là trẻ con. Có đôi người thì như thế suốt đời. Năm mươi tuổi hẳn hoi mà trông như trẻ con. Những *đàn ông - trẻ con* người Mỹ bất hảo. Cái dân ấy kỳ lạ thật, nói có Chúa. Nhưng bây giờ ông thấy có cảm tình với gã Mắc Cômbơ này. Một kẻ kỳ cục, đúng thế, kỳ cục - và ông ta không để người khác cấm sừng cho nữa đâu. Còn gì nữa, đấy là một điều tốt. Một điều tốt, qủy bắt nó đi. Tội nghiệp. Chắc anh chàng sợ hãi suốt đời. Không biết cái đó bắt đầu từ đâu. Nhưng bây giờ thì đã kết thúc. Ông ta không kịp sợ con trâu. Hơn nữa đang nổi khùng. Hơn nữa lại có ô tô mọi việc có vẻ đơn giản hơn. Bây giờ thì không ngăn ông ta lại được nữa đâu. Giống hệt như ở chiến trường. Biến cố này còn hệ trọng hơn chuyện mất trinh. Không còn nỗi sợ hãi nào nữa, như thể người ta cắt nó đi. Thay vào đấy có một cái gì mới. Quan trọng nhất với người đàn ông. Cái làm cho người ta thành đàn ông. Và đàn bà họ cảm thấy điều ấy. Không còn nỗi sợ hãi nữa.

Ngồi tụt vào góc xe. Maga rét nhìn cả hai người. Uynxơn không thể thay đổi. Nàng nhìn thấy Uynxơn như hôm trước đã nhìn thấy, khi lần đầu tiên nàng hiểu, sức mạnh của ông ta là ở đâu. Nhưng Phranxix Mắc Cômbơ đã thay đổi, và nàng thấy điều đó.

- Ông có quen với cảm giác hạnh phúc khi đợi hành động không? - Mắc Cômbơ hỏi trong khi tiếp tục nghiên cứu những sở hữu mới trong tâm hồn mình.

- Về điều này, thường là người ta không nói, - Uynxơn trả lời. - Và chấm hết. Chả ích gì, dông dài. Không thì có thể hỏng cả. Khi nói quá nhiều về một vấn đề gì đấy thì chẳng còn gì là thích thú nữa.

- Cả hai người đều ba hoa vớ vẩn. Ngồi trên ô tô đuổi theo ba con trâu không ai che chở và tưởng tượng mình là anh hùng.

- Xin lỗi, - Uynxơn nói. - Tôi đúng là ba hoa thừa. - "Lo lắng rồi đấy", ông nghĩ thầm.

- Nếu cô không hiểu chúng tôi nói gì, thì xen vào làm gì cơ chứ?- Mắc Cômbơ nói với vợ.

- Anh, chẳng biết làm sao, bỗng nhiên trở nên can đảm dễ sợ. - Nàng nói một cách khinh bỉ, nhưng trong nỗi khinh bỉ ấy không còn niềm tự tin nữa. Nàng rất sợ.

Mắc Cômbơ cười vang. Tiếng cười thoải mái và vui vẻ.

- Thử tưởng tượng xem. Đúng là tôi trở thành như thế đấy.

- Có muộn quá chăng? - Magarét cay đắng nói. Bởi vì nàng đã hết sức cố gắng để mọi việc tốt đẹp, cố gắng nhiều năm, thế

nhưng không thể trách ai có lỗi trong tình trạng họ đang sống hiện nay.

- Đối với tôi thì không, - Mắc Cômbơ nói.

Magarét không nói gì, chỉ ngồi tụt sâu hơn vào góc xe.

- Ông nghĩ thế nào? Đã đến lúc rồi chứ? - Mác Cômbơ hỏi một cách sảng khoái

- Thử xem sao, - Uynxơn nói. - Ông còn đạn không?

- Còn một ít chỗ thằng giữ súng.

Uynxơn kêu lên một cái gì đấy bằng tiếng Xuahili và ông già bản xứ, người lột da một trong những cái thủ trâu, đứng thẳng dậy, lôi trong túi ra một kẹp đạn và đưa cho Mắc Cômbơ. Ông ta lắp đầy vào hộp đạn khẩu súng trường của mình và nhét những viên còn lại vào túi.

- Ông bắn bằng khẩu Xpringphin, - Uynxơn nói - Ông quen nó rồi. Manlichsơ ta để lại trong ô tô, chỗ bà chủ Stấtxơ Côngôni có thể cầm. Tôi dùng khẩu ca nông của mình Bây giờ nghe tôi nói đây. - Ông để cái này đến cuối cùng cho Mắc Cômbơ khỏi lo lắng - Khi trâu rừng tấn công, đầu nó không cúi xuống mà giương thẳng về phía trước. Gốc sừng che kín toàn bộ trán nó, vì thế bắn vào sọ chỉ vô ích Phát súng duy nhất có thể: thẳng vào mõm, còn có thể bắn vào ngực, hay là nếu anh đứng một bên, vào cổ hoặc vào vai. Khi nó bị thương, hạ sát rất khó. Đừng làm bất cứ trò ảo thuật nào. Hãy chọn điểm bắn dễ nhất. Thế nào, bóc da xong cái thủ rồi chứ? Đi nhé!

Ông gọi những người bản xứ, họ tiến đến, lau tay và người cầm đầu lao lên ô tô

Tôi chỉ lấy theo Côngôni thôi, - Uynxơn nói. - Người thứ hai ở lại đây và sẽ đuổi chim.

Khi chiếc ô tô tiến chầm chận trên cỏ về phía hòn đảo rậm rạp trải dài như một cái lưỡi màu lá cây dọc theo đây con suối cạn cắt ngang trảng cỏ, Mắc Cômbơ thấy tim mình đập rộn lên vì trạng thái kích thích chứ không phải nỗi sợ hãi.

- Đến chỗ này nó chui vào bụi, - Uynxơn nói và ra lệnh cho người giữ súng bằng tiếng Xuahili.

- Tìm vết đi.

Chiếc ô tô đi ngang với hòn đảo rậm rạp. Mắc Cômbơ, Uynxơn và người giữ súng nhảy xuống. Quay lại, Mắc Cômbơ thấy vợ nhìn mình và khẩu súng nằm cạnh nàng. Ông đưa tay vẫy nàng nhưng nàng không trả lời.

Những bụi cây trước mãi rất rậm rạp, đất khô xác dưới chân. Ông già bản xứ thoát đầy mồ hôi, còn Uynxơn thì kéo chiếc mũ xuống mắt và Mắc Cômbơ nhìn thấy thẳng trước mặt mình cái cổ đỏ au của ông ta. Bỗng nhiên Côngôni nói cái gì đấy với Uynxơn và chạy lên trước

- Nó nghoẻo kia rồi, - Uynxơn nói. - Giỏi lắm. - Ông quay lại và túm lấy tay Mắc Cômbơ, và đúng phút ấy, khi họ mỉm cười khoan khoái và xiết tay nhau, Côngôni bỗng hét lên chói tai và họ nhìn thấy ông ta chạy ngang từ trong bụi ra, nhanh như một con cua, và theo sau ông là con trâu rừng. Hai lỗ mũi căng rộng răng nghiến chặt, máu nhỏ giọt, đầu vươn thẳng về phía trước. Nó xông về phía họ, hướng thẳng hai con mắt lợn đỏ ngầu máu. Uynxơn đứng gần hơn, qùy xuống bắn, và Mắc Cômbơ không nghe tiếng súng của chính mình, điếc tai bởi

tiếng nổ của khẩu Státxơ. Ông nhìn thấy từ gốc sừng khổng lồ tung lên những mảnh vụn như ngói xi măng và cái đầu trâu giật lên. ông bắn một phát nữa, thẳng vào giữa hai lỗ mũi, thấy cặp sừng hất lên và mảnh bắn tung ra. Bây giờ ông không nhìn thấy Uynxơn và cẩn thận ngắm, bắn thêm phát nữa; còn con trâu thì gần như chồm lên người ông, khẩu súng của ông cầm ngang với cái đầu kinh khủng vươn về phía trước. Ông thấy hai con mắt nhỏ dữ tợn và cái đầu bắt đầu hạ thấp, rồi ông cảm thấy bất ngờ một làn chớp sáng lòa, nóng bỏng nổ tung trong óc ông, và sau đấy ông không còn cảm thấy gì nữa.

Uynxơn chỉ vừa mới tránh ra một bên để bắn vào vai con trâu. Mắc Cômbơ đứng tại chỗ và bắn thẳng vào mõm, lần nào đạn cũng ăn hơi cao hơn chỗ cần bắn - vào cặp sừng và làm chúng vỡ tóe như những tấm ngói xi măng; còn bà Mắc Cômbơ thì từ chỗ ô tô với khẩu Mannlicher cỡ 6.5 bắn thẳng vào con trâu khi sừng nó tưởng như chạm người ông ta, và viên đạn xuyên đúng vào sọ chồng, phía trên gáy chừng hai insơ, hơi dịch về một bên.

Phranxix Mắc Cômbơ nằm úp mặt xuống đất, chỉ cách chỗ con trâu ngã gục chừng hai I át, vợ ông qùy bên cạnh, còn Uynxơn thì đứng liền đấy.

- Đừng lật ngửa ông ta lên, - Uynxơn nói.

Người đàn bà gào khóc vật vã.

- Bà đến chỗ ô tô đi. - Uynxơn nói. - Súng đâu? - Nàng lắc đầu, trên khuôn mặt ngưng đọng dấu ấn kinh hoàng. Một người bản xứ nhặt súng từ mặt đất lên.

- Để nó xuống! Uynxơn nói, và tiếp: - đi tìm Apdula lại đây. Ông ta sẽ làm chứng tai nạn xảy ra như thế nào.

Uynxơn qùy xuống, rút trong túi ra chiếc khăn tay và phủ lên cái đầu cắt tóc ngắn của Mắc Cômbơ. Máu thấm vào lớp đất khô và tơi.

Uynxơn đứng dậy và thấy con trâu nằm nghiêng. Chân nó đang rộng, trên bụng giữa những sợi lông thưa có những on bọ đang bò, "Khá thật, qùy bắt nó đi!" trong óc ông máy móc nhẩm tính không thể kém 50 insơ". Ông gọi người tài xế, ra lệnh cho anh ta phủ chăn lên người chết và ở lại đấy. Sau đó ông đi đến ô tô, nơi người đàn bà đang khóc và thu mình vào góc xe.

- Bà gây ra nhiều chuyện qúa! - Ông nói, hoàn toàn thờ ơ.- Nếu không, thế nào ông ấy cũng bỏ bà.

- Ông đừng nói nữa, - nàng bảo

- Tất nhiên đây là tai nạn rủi ro, - ông nói. - Tôi thì biết thế rồi.

- Ông đừng nói nữa,- nàng rên rỉ.

- Đừng lo, - ông nói. - Sẽ có một ít chuyện phiền phức, nhưng tôi sẽ cho người chụp vài kiểu ảnh, những cái ảnh ấy sẽ rất có ích khi điều tra Bọn giữ súng và tay tài xế cũng sẽ làm chứng. Bà hoàn toàn không phải sợ gì cả.

- Ông đừng nói nữa, - nàng lặp lại.

- Sẽ lắm chuyện đấy, - ông nói. - Phải cho chiếc xe tải ra phía hồ, từ đấy gọi vô tuyến điện cho máy bay, nó sẽ đưa ba người chúng ta đến Nairôbi. Sao bà không đầu độc ông ấy? Ô Anh quốc chính là người ta vẫn làm như thế.

- Ông đừng nói nữa, đừng nói nữa, đừng nói nữa... - người đàn bà gào lên.

Uynxơn nhìn nàng bằng đôi mắt xanh dừng dưng của mình.

- Tôi sẽ không nói nữa, - ông nói. - Tôi chỉ hơi tiếc. Chồng bà vừa mới bắt đầu làm cho tôi thấy mến.

- Ồi, xin ông đừng nói nữa. Xin ông, xin ông, ông đừng nói nữa.

- Như thế tốt hơn, - Uynxơn nói. - Xin ông - như thế tốt hơn nhiều. Bây giờ thì tôi thôi không nói gì nữa.

HOÀNG HỮU PHÊ
dịch từ tiếng Nga

KHU TRẠI NGƯỜI DA ĐỎ

ERNEST HEMINGWAY
(NOBEL 1954)

Bên bờ hồ, một chiếc thuyền có mái chèo vừa ghé bến. Hai người da đỏ đang đứng đợi. Chờ chú bé Nick cùng bố của chú bước lên phía cuối thuyền xong, mấy người da đỏ bên đẩy thuyền đi. Bác Geoocgiơ ngồi ở phía cuối mũi thuyền kia. Người thanh niên da đỏ vừa đẩy chiếc thuyền khỏi bờ, tới ngồi chèo bên Gêoocgiơ.

Hai chiếc thuyền khởi hành trong đêm tối. Nick nhận ra tiếng cọc chèo va nhau của chiếc thuyền kia đang ở phía trước họ một quãng trong màn sương mù. Mấy người da đỏ chèo

thuyền với lối chèo trở mái nhanh nhẹn lạ thường. Nick nằm ngửa trong vòng tay bố chú. Mặt nước hồ lạnh ngắt. Mấy người da đỏ chờ bố con họ chèo cật lực, vậy mà lúc đó chiếc thuyền kia vẫn lướt nhanh về phía trước trong sương.

Nick hỏi:

Chúng ta đi đâu, bố?

- Tới khu trại của người da đỏ. Có một người đàn bà da đỏ đang đau nặng.

- Thế à. - Nick đáp

Khi qua khỏi vịnh, họ thấy chiếc thuyền kia đã cập bến. Gêôocgiơ đang ngồi hút thuốc trong bóng tối, một người da đỏ kéo chiếc thuyền ghếch mũi lên bờ. Gêôocgiơ đưa thuốc lá mời hai chàng trai da đỏ.

Từ bãi cát đi ngược lên, qua một cánh đồng cỏ ướt sũng sương đêm, theo sau anh chàng da đỏ cầm ngọn đèn lồng vào rừng men theo một đường mòn dẫn tới con đường vẫn dùng để chở gỗ, con đường này chạy vòng về phía sau thì tới mấy ngọn đồi. Anh chiếu tà chiếu trên con đường chở gỗ nom tựa một cây gỗ bị đẽo hai bên thân. chàng trai da đỏ từng bước thổi tắt ngọn đèn, rồi bọn họ đi dọc theo đường cái.

Lúc tới chỗ rẽ, một con chó chạy lại sủa ầm ĩ. Trước mặt họ le lói ánh lửa từ đám túp lều lụp xụp nơi trú thân của những người da đỏ làm nghề bóc vỏ cây. Thêm vài con chó nữa lao về phía họ. Hai chàng da đỏ nọ dẫn bố con Nick lại phía mấy túp lều. Trong túp lều dựng gần đường cái, ánh sáng từ một cửa sổ hắt ra. Một bà lão đứng bên cửa lều, tay cầm cây đèn.

Phía trong lều, một thiếu phụ da đỏ còn trẻ nằm trên chiếc giường gỗ. Cô trở dạ đẻ đã hai ngày nay. Mọi bà lão trong khu trại này đều đã tới để đỡ dần giúp cô. Cánh đàn ông đành ra khỏi nhà, họ đi ngược mãi lên đầu đường cái rồi ngồi trong bóng đêm hút thuốc, cốt tránh phải nghe tiếng gào thét xé ruột của cô. Đúng lúc Nick cùng hai chàng trai da đỏ theo sau bố chú vừa tới nơi, cô lại cất tiếng rên. Bác Gêoocgiơ bước vội vào trong lều, cô nằm trên chiếc giường gỗ thấp lè tè trên đắp tấm mền bông to sù. Đầu cô ngát sang một bên. Chồng cô ngồi phía đầu giường, suốt ba ngày qua, không chịu nổi tiếng kêu đau đớn của vợ, anh ta đã dùng rìu tự chém vào chân, vô cùng đau đớn. Anh ta đang phì phèo một tẩu thuốc. Khắp phòng nồng nặc mùi xú uế.

Bố của Nick sai lấy nước bắc lên lò, trong lúc chờ nước sôi, ông bảo Nick:

- Bà ta sắp trở dạ đẻ đấy.

- Con hiểu.

Bố chú vặn lại:

- Mày hiểu làm sao được. Nghe bố nói đây. Người ta thường gọi cái điều bà ấy đang phải chịu đựng là đau đẻ. Đứa bé muốn được ra chào đời, còn bà ấy cũng muốn nó ra sớm. Bà ấy đã phải dùng tất cả sức lực của mình để rặn đẻ ra. Và việc ấy xảy ra cùng lúc bà ấy cất tiếng kêu rên.

- Con cơ nhận thấy thế.

Chợt thiếu phụ lại gào lên.

- Trời ơi, bố, thế bố không thể làm gì để giúp bà ấy đừng kêu lên nữa à?

- Chịu. Bố không có bất kỳ cách nào hết. Nhưng việc bà ấy kêu lên chẳng đáng ngại. Bố không để ý tới chúng, vì biết chúng hoàn toàn không hề trong gỉ.

Anh chồng đang ngồi phía đầu giường co rúm người tựa lưng vào tường.

Người đàn bà từ dưới bếp lên, thưa với bác sĩ rằng nước đã sôi. Bố chú bước vào bếp, ông chút nửa chỗ nước trong chiếc ấm lớn vào một chiếc chậu thau. Ông mở khăn tay, lấy ra mấy thứ dụng cụ rồi thả vào chỗ nước còn lại trong ấm.

- Nước sôi kỹ rồi chứ?

Ông hỏi rồi bắt đầu kỳ cọ hai bàn tay trong chiếc chậu đựng nước nóng bằng miếng xà phòng ông lấy từ lều. Nick nhìn bố đang lấy xà phòng sát hết bàn tay này sang bàn tay kia. Trong khi bố chú vừa rửa hai tay hết sức cẩn thận, ông vừa nói:

- Con nhớ nhé. Nick, trẻ sơ sinh thường đầu ra trước, nhưng đôi khi cũng có thể không thế. Nếu thai không quay thuận chiều, chúng sẽ gây ra vất nhiều phiền toái. May ra thì bố không phải mổ cho ba ta. Chỉ lát nữa thôi là chúng ta sẽ rõ.

Khi đã vừa lòng với đôi tay, ông bước vào lều để bắt đầu làm việc.

- Này bác Gêoocgiơ, bác gập giúp tôi chiếc mền bông lại chứ? Tôi không thể mó tay vào được.

Sau đó khi ông sắp mổ, Gêoocgiơ và ba người đàn ông da đỏ phải ghì cho người đàn bà nằm bất động. Cô cán ngay vào tay Gêoocgiơ bác chửi:

- Đồ chó cái da đỏ đáng nguyền rủa!

Thấy vậy, anh chàng da đỏ chờ Gêoocgiơ tới, bật cười với bác. Nick bưng chậu nước đưa cho bố. Công việc kéo dài căng thẳng.

Bố chú đã lấy được đứa trẻ ra. ông phát phát vào người cho nó thở mạnh rồi trao cho bà lão.

- Thấy chưa Nick. Một thằng nhóc cơ đấy. con có thích trở thành một học sinh y khoa nội trú không?

- Cũng được thôi, bố ạ.

Nó nhìn đi nơi khác nên không rõ bố nó đang làm gì.

- Đấy, cứ làm như thế.

Bố chú nói rồi đặt một vật gì đó vào chậu.

Nick không dám nhìn vật đó.

- Còn bây giờ phải khâu vào đây vài mũi nữa. con có muốn nhìn hay không, tùy thích, Nick ạ, bố sắp khâu lại vết rạch này đây.

Nick không dám nhìn tiếp. Sư tò mò của chú biến mất từ lúc nào.

Bố chú đã xong việc và đứng dậy. Gêoocgiơ cùng ba người đàn ông da đỏ đứng lên theo. Nick bưng cái chậu vào bếp.

Gêoócgiơ nhìn bàn tay mình. Anh chàng da đỏ mỉm cười nhớ lại mọi chuyện.

- Để tôi bôi ít thuốc pêrôxit lên đấy cho bác Gêoócgiơ - giơ - bố Nick bảo.

Ông cúi mình xuống người đàn bà da đỏ. Lúc này cô ta nằm hầu như bất động, đôi mắt nhắm nghiền. Nom cô vò cùng nhợt nhạt. Cô hoàn toàn không nhận thức nổi chuyện gì vừa xảy ra với đứa bé hoặc bất kỳ điều nào khác.

Ông thầy thuốc đứng dậy.

- Đến sáng tôi phải về. Khoảng trưa nay cô y tá sẽ từ Igơna tới đây, và chắc cô ta sẽ mang theo những thứ cần thiết.

Ông cảm thấy mình đang được đề cao, và thích nói năng nhiều hơn như một cầu thủ bóng đá trong buồng thay quần áo sau một trận đấu.

- Đấy là một ca đẻ khó, bác Gêoocgiơ ạ. Tôi đã phải dùng dao nhíp để mổ tử cung, rồi phải khâu tới chín mũi cơ đấy. Chỉ khâu rất mịn

Gêoocgiơ đứng tựa vào tường, mắt vẫn không rời bàn tay bạc ta nói:

Chà ông qủa là người nhân đức, thế là yên ổn cả người thầy thuốc hồ hởi đáp:

- Giờ bác hãy nhìn cái ông bố đây vẻ hãnh diện mà xem. thông thường họ là kẻ phải chịu đựng những nỗi tệ hại nhất trong các trường hợp cón con thế này. Để tôi báo cho anh ta biết tin vui. Phải thú nhận rằng anh chàng này chịu đựng khá đấy chứ.

Ông nhấc chiếc khăn khỏi đầu anh chàng da đỏ nọ tay anh ta ướt đầm đìa. Ông ngồi ghé lên cạnh giường gỗ thấp, một tay cầm ngọn đèn và nhìn ông. Người da đỏ nằm quay mặt vào tường. Cổ anh ta bị rạch toác từ tai bên này sang tai bên kia.

Máu chảy thành từng vũng ngay chỗ cơ thể anh ta dưới mặt giường. Đầu anh ta gối lên cánh tay trái, lưỡi dao cạo vẫn còn đó, lưỡi dao chống ngược qua mấy lớp chăn.

- Bác Gécoegiơ bác đưa giùm tôi cháu Nick ra khỏi lều ngay lập tức, - người thầy thuốc vội vã nói.

Bây giờ thì chẳng cần phải làm gì nữa. Nick đứng ở cửa bếp. Chỉ đủ nhìn rõ mỗi một tất cả cánh ông trên giường, khi bà chủ một tay cầm ngọn đèn, tay kê lại cho đầu anh chàng da đỏ nằm ngửa về sau.

Hai bố con họ đang rảo bước trên con đường gỗ đang sau trại dẫn xuống hồ, thì trời vừa hé sáng.

- Bố vô cùng ân hận vì đã mang con theo, Nick ạ. - Bố chú bao tất cả niềm sung sướng sau cả mồ thành công của ông chợt tiêu tan hết. - Đúng ra bố đã đẩy con vào một nơi nhớp nhúa, qúa ư khủng khiếp.

- Thế ra người đàn bà nào lúc sinh nở cũng phải trải qua những giây phút cực nhọc ấy hả bố?

- Không đâu, đây là một trường hợp hết sức hãn hữu.

- Bố ơi tại sao ông ta lại tự tử thế ạ?

- Bố cũng không hiểu nữa, bố cho rằng ông ta không đủ sức chịu đựng nổi sự đau đớn của vợ.

- Vậy đã có rất nhiều người đàn ông tự họ giết họ thế sao, bố?

- Chàng nhiều lắm đâu, Nick ạ.

- Thế đàn bà có nhiều người hành động như vậy không?

- Hầu như không bao giờ.

- Qủa họ không bao giờ hành động như vậy cả ạ?

- Ừ, phải nhưng đôi khi họ cũng làm cơ đấy.

- Thế hả bố?

- Đúng thế.

- Bác Gêoocgiơ đâu rồi?

- Bác ấy đến ngay bây giờ.

- Chết có khó lắm không bố?

- Không, bố nghĩ gì chứ chết cũng khá dễ, Nick ạ. Nhưng còn tùy.

Hai bố con lên thuyền. Nick ngồi phía sau bố chú cầm mái chèo. Mặt trời đang nhô khỏi rặng đồi. Một chú cá Pecca phóng vọt lên làm thành một gợn tròn trên mặt hồ. Nó gợi cho ta cảm giác ấm áp trong cảnh giá lạnh tê buốt của buổi sáng hôm ấy.

Và cùng vào buổi sớm tinh mơ nọ, trên mặt hồ, ngồi sau thuyền với người bố đang đưa mái chèo, thằng bé vẫn đinh ninh rằng nó sẽ chẳng thể chết được.

NGUYỄN TUẤN KHANH dịch từ tiếng Anh.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NGOẠI TÌNH

ALBERT CAMUS
(NOBEL 1957)

Một con ruồi gầy nhẳng bay vòng vèo đã một lúc rồi trong xe ca mặc dầu các cửa kính đều đóng. No không có vẻ bình thường, bay quanh quẩn lãng lẽ và như thể kiệt sức. Janine đã tưởng nó bay đi nhưng rồi lại thấy nó đậu lên bàn tay bất động của chồng nàng. Trời lạnh. Con ruồi rùng mình mỗi khi có đợt gió ném từng nắm cát vào mặt kính. Xe vừa chạy rất chậm vừa nghiêng ngả. Janine nhìn chồng. Những chùm tóc hoa râm mọc thấp trên vầng trán hẹp, chiếc mũi to, cái miệng hơi méo, Marcel giống như vị thân thôn đã đang cầu kính. Mỗi lần xe gặp ổ gà, nàng thấy anh chồm lên và nghiêng về phía nàng. Sau đó anh lại thả tấm thân nặng nề lên đôi chân doãng, cặp mắt lại bất động như không nhìn thấy gì hết. Chỉ hai bàn tay to, nhăn nhúi trông ngan ngủi do ông tay áo vết bằng vải Phlanen mầu ghi trùm cả ra ngoài mamg-sét sơmi, che lấp cổ tay là còn hoạt động. Bàn tay bấu thật chặt vào chiếc vali nhỏ bằng vải lanh kẹp giữa hai đầu gối, đến nỗi không cảm thấy con ruồi đang đậu ngập ngừng trên đó.

Gió đột nhiên gào rú và lớp bụi đá bao phủ chiếc xe trở nên dày đặc hơn. Bây giờ cát đập vào mặt kính từng nắm như có kẻ vô hình ném vào. Con ruồi nhấc cánh, run rẩy rồi nhún chân bay lên. Xe ca chạy chậm lại gần như đình đỗ. Lát sau, gió bớt mạnh, đám bụi thưa ra trời hửng lên một chút và xe lấy lại tốc

độ như trước một vài mảng sáng như những lỗ thủng trong làn bụi trắng bao phủ cảnh vật xung quanh. Vài ba cây cọ mảnh dẻ, trắng toát như bằng sắt tây hiện ra bên ngoài cửa sổ rồi biến mất về phía sau

"Xứ sở gì mà tồi tệ thế này!" - Marcel nói

Xe ca đầy chật dân A rập. Họ chùm áo choàng [1] kín người làm như đang ngủ. Vài người co hẳn chân lên ghế và lắc mạnh hơn người khác, theo nhịp xe. Thái độ im lặng, vẻ thản nhiên của họ cuối cùng làm Janine ngột ngạt. Nàng cảm giác như đã phải chịu đựng bao nhiêu ngày đường với đám người câm lặng này. Thật ra xe mới rời bến sang sớm hôm nay tại ga xe lửa cuối cùng và mới chạy được hai tiếng đồng hồ trong buổi sáng lạnh lẽo, trên cao nguyên đầy đá hoang vắng, ít nhất thì lúc xe bắt đầu lăn bánh nàng đã thoáng nhận thấy mặt đất tạo thành những nét thẳng tắp kéo dài đến tận chân trời mầu hồng nhạt. Nhưng chỉ lát sau, trời đã trở gió và bụi cát phủ kín cảnh vật xung quanh. Từ lúc đó hành khách không nhìn thấy gì nữa. Dần dần họ im tiếng và lặng lẽ để mặc cho xe chở họ đi như trong một đêm trắng, chỉ thỉnh thoảng lau cặp môi dính cát và chớp chớp mắt để đẩy những hạt cát trong xe lọt vào mắt họ.

"Janine"! Nàng giật mình khi nghe tiếng chồng gọi lại một lần nữa nàng thấy tên nàng hoàn toàn không hợp với vóc người cao lớn mạnh mẽ của nàng. Marcel hỏi chiếc rương nhỏ đựng mẫu hàng để đâu. Nàng quờ bàn chân vào gầm ghế và đụng phải một vật mà nàng đinh ninh đấy là chiếc rương. Nàng ngại cúi xuống vì sợ sẽ tức thở. Vậy mà hồi học trung học nàng giỏi

---

(1) Loại áo choàng đầu bằng vải của người dân A Rập.

môn thể dục nhất lớp và hơi thở của nàng rất tốt. Từ đó đến nay là bao nhiêu năm rồi nhỉ? Hai mươi nhăm năm. Hai mươi nhăm năm có là bao? Bởi nàng tưởng như hôm qua nàng còn cân nhắc đã nên lấy chồng chưa, mới hôm qua nàng lo đến tuổi già phải chịu cảnh cô đơn. Bây giờ thì nàng không cô đơn và chàng sinh viên luật bám riết nàng ngày đó đã đang ngồi bên cạnh nàng. Cuối cùng nàng đã lấy anh mặc dù anh thấp bé và nàng không thích kiểu cười thèm thuồng và ngắn ngủn cũng như cặp mắt đen và lồi của anh. Nhưng nàng ưa cái nết xông xáo mà anh học được ở người Pháp sống tại đây. Nàng cũng thích ở anh vẻ mặt chưng hửng mỗi khi anh phát hiện ra sự việc hoặc con người không đúng như anh chờ đợi. Và đặc biệt nàng muốn được yêu mà anh ta thì hết sức ân cần với nàng. Bằng cách luôn làm nàng cảm thấy nàng tồn tại là vì anh, cuối cùng anh đã giúp cho nàng tồn tại thật sự, không, nàng không phải chịu cảnh cô đơn.

Xe ca bàm những hồi còi báo hiệu, mở một lối đi qua những vật cản vô hình. Tuy nhiên trong xe không ai động đậy. Đột nhiên Janine cảm thấy có ai nhìn mình và nàng đưa mắt về cuối ghế băng đầu bên kia xe. Người ngồi đó không phải dân Ả rập và nàng ngạc nhiên sao lúc lên xe không để ý đến ông ta. Ông ta mặc quân phục của những đơn vị Pháp đóng trên sa mạc Sahara, đội mũ Kêpi vải, khuôn mặt đen sạm, dài và nhọn giống như mặt loài cầy hương. Ông ta nhìn nàng chăm chú bằng cặp mắt sáng và vẻ như cau có. Nàng thoáng đỏ mặt và vội và quay về nhìn chồng. Lúc anh vẫn nhìn thẳng đăng trước về phía đám bụi cát bị gió cuốn lên. Nàng thu mình vào tấm áo mang tô. Nhưng mắt nàng vẫn như nhìn thấy người binh sĩ Pháp, cao và gầy, rất gầy, trong tấm áo dạ lính nghiêm túc

khiến ông ta như được nặn bằng thứ chất liệu khô và bờ, giống như bằng xương và cát vậy. Đến lúc này nàng mới nhận thấy những bàn tay xương xẩu và gương mặt rám nắng của những người dân A rập trước mặt và có cảm tưởng họ ngồi rộng rãi thoải mái, bất chấp áo quần rộng thùng thình trên ghế, trong khi vợ chồng nàng phải cố thu mình lại một cách chật chội. Nàng thu vạt áo măng tô lại. Nàng có to béo gì đâu. Đúng hơn là nàng cao và đầy đặn, chắc nịch và còn hấp dẫn - nàng cảm thấy điều đó qua cách đàn ông nhìn nàng - với vẻ mặt vẫn hơi thơ dại, cặp mắt trong sáng trái ngược với tấm thân mà nàng biết rõ là ấm áp và đem lại cho nàng cảm giác khoan khoái.

Không, mọi sự hoàn toàn không như nàng tưởng. Khi Marcel tỏ ý muốn đem nàng theo trong chuyến đi này, nàng đã cưỡng lại, anh vẫn mong đi một chuyến như thế này đã lâu, ngay từ khi chiến tranh kết thúc, đúng hơn là khi việc kinh doanh trở lại bình thường. Trước chiến tranh hiệu vải anh thừa hưởng của cha mẹ và việc anh bỏ trường luật về nhà buôn bán đã giúp hai vợ chồng sống khá sung túc. Thành phố nằm ven biển, lẽ ra cuộc sống thời trẻ sung sướng biết bao. Nhưng Marcel không ưa vận động và chỉ được ít lâu, anh thôi không dẫn vợ ra bãi biển nữa. Chiếc xe hơi nhỏ chỉ đưa hai vợ chồng ra khỏi thành phố vào những ngày chủ nhật. Còn toàn bộ thời gian, anh thích trông nom cửa hiệu chất đủ loại vải vóc màu sắc, dưới bóng những vòm mái của khu phố nửa bản sứ nửa châu Âu này. Tầng dưới là cửa hàng họ sống trên tầng hai gồm ba phòng, trang trí bằng những điểm A rập và đồ gỗ Bárbe. Họ không có con. Bao năm tháng trôi qua trong ánh sáng mờ mờ của những căn phòng của chợp lúc nào cũng khép, mùa hè bãi tắm, dạo chơi, bầu trời, tất cả đều đã trở thành xa lạ đối với họ.

Không gì làm Marcel thích thú ngoài việc buôn bán. Janine nghĩ rằng nàng đã khám phá ra được niềm say mê thật sự của chồng, đó là mê tiền. Và nàng không thích như thế, không rõ là tại sao. Tuy vậy nó làm có lợi cho nàng. Marcel không có thói keo kiệt, trái lại anh còn hào phóng, nhất là đối với vợ. Anh thường nói: "Nếu như anh làm sao, em cũng được an toàn". Mà đúng thế, nàng cần được đảm bảo nhu cầu tối thiểu khốn nỗi có thứ không phải nhu cầu tối thiểu thì nàng lại không được bảo đảm. Điều này nàng dần dần cảm thấy được lờ mờ. Trong khi chưa có chuyện gì xẩy ra, nàng giúp chồng trông nom sổ sách và thỉnh thoảng, khi cần thiết, trông nom cửa hàng thay anh. Gay go nhất là mùa hè khi cái nóng tiêu diệt cả đến cảm giác êm đềm của mỗi phiền muộn

Thế rồi đột nhiên, đúng giữa mùa hè, chiến tranh bùng nổ. Marcel bị động viên rồi lại được miễn quân dịch. Vải vóc khan hiếm, buôn bán ngưng trệ, phố xá hoang vắng và nóng bức. Nếu xảy chuyện gì thì qủa là nàng không còn được bảo đảm nữa. Cho nên khi thị trường bắt đầu có vải vóc trở lại, Marcel bèn tính chuyện tìm đến tận những làng mạc trên các cao nguyên và ở miền Nam để bán thẳng cho các lái buôn Ả rập không phải qua khâu trung gian và anh muốn đem vợ theo. Janine biết đường xá vất vả, nàng mắc chứng khó thở nên muốn ở nhà chờ chồng. Nhưng Marcel qua tha thiết và nàng đành chấp thuận, cốt để khỏi phải mất công sức chôi từ bấy giờ hai vợ chồng đang ở đây và không có thứ gì giống như nàng hình dung. Nàng vốn sợ nóng bức, ruồi nhặng, khách sạn dơ dáy đầy mùi hôi. Khi ở nhà, nàng không nghĩ đến cái lạnh, đến gió xoáy vào da thịt và những cao nguyên hoang vu, đá lởm chởm. Nàng đã mơ đến cả những cây cọ và cát mịn Bây giờ

nàng thấy sa mạc không như nàng tưởng mà đâu cũng chỉ toàn đá, trên trời lúc nào cũng phủ lớp bụi đá và dưới đất, những cây lúa ngô cằn cỗi chỉ mọc được ở những khe giữa hai tảng đá.

Xe ca đột nhiên dừng lại, Lái xe nói vọng ra phía sau vài câu bằng thứ tiếng suốt đời nàng nghe mà không sao hiểu nổi. Marcel hỏi: "gì thế?" Lần này bằng tiếng Pháp, lái xe nói cát chui vào bít kín bộ chế hòa khí và Marcel lại càng nguyền rủa xứ sở này. Người lái xe cười nhe hết hàm răng, qủa quyết rằng đấy là chuyện bình thường, bác ta thông bộ chế hòa khí rất nhanh và xe sẽ lại tiếp tục chạy. Bác ta mở cửa xe, gió lạnh ùa vào xe quất hàng ngàn hạt cát lên da mặt họ. Nhưng người A rập đều kéo áo choàng lên che mũi và nép vào nhau. Marcel hét to: "Đóng cửa lại!". Bác lái xe cười. Quay vào chỗ cửa, lấy mấy dụng cụ bên dưới bảng máy rồi đi ra không buồn đóng lại. Bóng bác ta lấp sau đám bụi đá. Marcel thở dài ngao ngán:" Em có thể tin chắc rằng bác tài xế này suốt đời chưa hề nhìn thấy một động cơ máy nổ bao giờ!". Janine nói: "anh mặc họ!". Đột nhiên nàng chồm dậy hốt hoảng. Trên con đê cao ngay sát xe ca, xuất hiện những bóng người chùm vải kín mít đứng bất động. Chỉ nhìn thấy cặp mắt của họ bên dưới tấm khăn, đằng sau tấm mạng. Không biết họ từ đâu tới, chỉ thấy họ lạng lẽ nhìn hành khách. Marcel nói "Dân du mục đấy!".

Trong xe, không khí im lặng hoàn toàn. Tất cả hành khách đều cúi đầu, lắng nghe tiếng gió gào rú, tự do lồng lộn trên những cao nguyên nối tiếp nhau đến tận chân trời. Bỗng nhiên Janine giật mình, không thấy hành lý đâu. Lúc ở cửa nhà ga xe lửa cuối cùng, bác lái đã chất chiếc rương và mấy túi vai của họ lên nóc xe. Bây giờ nàng nhìn bên trong xe, trên tấm lưới chăng trên đầu chỉ thấy vài cái gậy bằng thân cây sần sùi và

mấy cái giò bẹt. Hình như dân miền đất phía Nam này đi đâu cũng chỉ chân tay không.

Nhưng bác lái đã quay vào, dáng vẫn lanh lợi. Chỉ cạp mắt bác vui vẻ bên trên tấm mạng mà bác cũng đeo để che nửa khuôn mặt giống mọi người. Bác báo tin xe sắp chạy. Bác đóng cửa xe lại, gió thổi gào rú và tiếng cát đập cửa kính bây giờ nghe rõ hơn. Máy kêu lên được một chút lại tắt. Bác lái loay hoay mãi mới khởi động được và bác ta dận mạnh cần ga. Xe chồm lên và chạy. Đám du mục rách rưới vẫn đứng bất động. Chỉ thấy một cánh tay giơ lên rồi họ chìm vào đám bụi đá phía sau. Ngay sau đấy, xe bắt đầu nẩy lên, đường xấu hơn lúc trước. Những người dân A Rập lác lư không ngừng. Janine đã thấy buồn ngủ thì một chiếc hộp nhỏ màu vàng đựng đầy hạt Cachou hiện lên trước mặt nàng. Ông binh sĩ mắt cầy đang mỉm cười với nàng. Janine ngập ngừng rồi nhóm một hạt và cảm ơn. Ông khách mặt cầy bỏ hộp vào túi và nụ cười tắt ngay lập tức. Lúc này ông ta đã quay mặt chăm chú nhìn con đường trải trước mặt. Janine quay sang chồng, chỉ nhìn thấy cái gáy vạm vỡ của anh. Marcel đang nhìn qua cửa kính đám bụi đá bốc lên mù mịt từ con đê bằng đất bở.

Xe chạy đã nhiều tiếng đồng hồ và nổi một mỏi đập tắt mọi sinh khí trong xe thì đột nhiên họ nghe thấy tiếng reo hò bên ngoài. Những đứa trẻ mặc áo chùm đầu đang quay tít như con quay. Nhảy cỡn lên, vỗ tay, chạy bám theo xe ca. Lúc này xe vào một đường phố dài giữa hai dãy nhà mái thấp. Đã đến một ốc đảo.

Gió vẫn thổi mạnh, nhưng các bức tường chắn cát lại khiến trời sáng lên đôi chút. Tuy nhiên phía trên đầu trời vẫn u ám.

Giữa tiếng ho hét, tiếng phanh rít, xe ca đỗ lại trước những vòm cuốn đắp bằng đất nện của một khách sạn cửa kính nhem nhuốc. Janine bước ra và đứng trên mặt đường nàng hơi loạng choạng. Nàng nhìn thấy một nóc tháp màu vàng mảnh dẻ nhô lên bên trên các nhà. Bên trái, nàng đã thấy những cây cọ đầu tiên của ốc đảo in hình trên nền trời. Và nàng rất muốn đi tới đó. Nhưng tuy lúc này đã gần giữa trưa, cái lạnh vẫn còn buốt. Gió lâm nàng run rẩy bầy. Janine quay sang tìm chồng. Nàng thấy trước hết là viên binh sĩ đang tiến lại. Nàng đợi ông ta mỉm cười với nàng hoặc chào. Nhưng ông ta chỉ đi ngang bên cạnh nàng, không nhìn thấy nàng mà bước thẳng. Marel còn đang bận lấy chiếc rương sơn đen đựng vải trên nóc xe. Việc đó không đơn giản. Bác lái là người duy nhất lo giữ hành lý cho khách. Bác ta đã leo lên nóc, nhưng còn đứng ưỡn ngực như để vây vo với đám người mặc áo choàng A rập vây quanh xe. Janine nhìn thấy xung quanh mình những khuôn mặt giống như tạc bằng xương và bằng da, nghe thấy những tiếng kêu khàn khàn và nàng bỗng thấy mệt rũ. Nàng bảo chồng "Em lên trước nhé", trong khi Marcel vẫn mải gọi lái xe.

Janine vào khách sạn. Chủ khach sạn một người Pháp gầy và lầm lì bước ra đón khách. Ông ta dẫn nàng lên tầng hai, tới dãy phòng trông xuống đường phố, vào một căn phòng hình như có một giường sắt, một ghế tựa sơn trắng, một giá đỡ rèm nhưng không có rèm và sau mảnh trúc là buồng tắm, nhưng chậu rửa mặt phủ một lớp bụi cát. Lúc ông ta đi ra và đóng cửa lại, Janine cảm thấy hơi lạnh tỏa ra từ những bức tường trần trụ quét vôi trắng. Nàng không biết đặt xác tay vào đâu, thậm chí không biết ngồi chỗ nào. Dù nằm xuống hay đứng đó thì nàng cũng vẫn phải run lập cập vì lạnh. Nàng vẫn đứng, tay

cảm xác, mắt nhìn chằm chặp vào một thứ giống như lỗ châu mai sát trần, đục thông ra ngoài trời. Nàng chờ đợi nhưng không biết chờ cái gì. Nàng chỉ thấy cảm giác cô đơn, cái lạnh thấm vào da thịt và một vật nặng đè lên tim. Nàng mơ mơ tỉnh tỉnh , hầu như không nghe thấy những tiếng động từ ngoài phố vắng tới cùng tiếng quát tháo của Marcel. Trái lại nàng cảm thấy rất rõ âm thanh của dòng sông lọt vào qua lỗ châu mai Âm thanh đó phát sinh từ những cây cọ mà lúc này nàng cảm thấy chúng rất gần.

Rồi gió thổi hình như mạnh thêm và tiếng nước chảy êm đềm biến thành tiếng sóng biển gào thét. Nàng hình dung thấy bên ngoài bức tường cả một biển những cây cọ thẳng tắp và mềm dẻo đang uốn lượn trong giông tố. Không có gì giống như nàng chờ đợi. Nhưng những ngọn sóng vô hình ấy đang thức tỉnh cạp mất mỏi mệt của nàng. Janine đứng nặng nhọc, hai tay thõng xuống, lưng hơi gù và cái lạnh tỏa lên, dọc theo hai bắp chân nặng nề. Nàng mơ tới những cây cọ thân thẳng tắp và mềm dẻo, và tới bản thân nàng hồi còn là thiếu nữ.

Rửa tay xong, hai vợ chồng xuống phòng ăn. Trên những bức tường trống trải, người ta vẽ hình những con lạc đà và những cây cọ chìm trong một thứ mứt mầu hồng và tím. Những cửa sổ hình tròn vòm cuốn chỉ để lọt vào rất ít ánh sáng. Marcel hỏi thăm ông chủ khách sạn về những hiệu bán vải tại đây. Rồi một người Ả rập già đeo huy chương hiến công trên ngực áo và rơi bụng thức ăn đến cho họ. Marcel bẻ bánh mì, đầu óc vẫn mải nghĩ công việc. Anh bảo vợ đừng uống nước thường. "Nước chưa đun sôi đâu. Em uống rượu vang vậy". Janine không muốn thế. Rượu vang làm nàng nặng bụng. Rồi trong thực đơn có món thịt lợn. "Kinh coran cấm ăn thịt lợn.

Nhưng kinh Coran không biết rằng thịt lợn nấu kỹ rất lành, không gây bệnh gì hết. Chúng ta rất biết cách nấu nướng. Em nghĩ gì vậy?" Janine không nghĩ gì hết mà cũng có thể là không nghĩ đến việc người đầu bếp đã thẳng đăng Tiên tri Nhưng nàng cần phải vội vã sáng mai họ đã lên đường để đi tiếp về phía Nam, Và trong buổi chiều hôm nay Marcel cần phải đi gặp những chủ hiệu vải lớn nhất tại đây, anh giục người A rập già bưng ca phê lên. Bác ta gật đầu, miệng không cười, đi ra bằng những bước chân ngắn. Marcel bật cười: "buổi sáng ung dung, buổi chiều chẳng cần vội!"

Nhưng rồi cà phê cũng được bưng tới, hai vợ chồng hấp tấp uống cho xong rồi ra ngoài đường phố đầy bụi và lạnh lẽo. Marcel gọi một thằng bé A rập cùng khiêng cái rương, nhưng anh mà cả theo nguyên tắc phân phối Quan niệm của Marcel, anh nhắc lại thêm lần nữa với vợ điều mà anh gọi là nguyên tắc, tức là: Chúng nơi thách gấp đôi để chúng ta trả một phần tư Janine ngượng ngùng đi theo hai người. Nàng đã chốt mặc bộ đồ len bên trong tấm áng tô to tướng trong khi lúc này nàng chỉ muốn được nhỏ xíu Món thịt lợn mặc dù nấu kỹ cùng như ly rượu vang làm bụng nàng ấm ách

Họ đi dọc theo một công viên nhỏ trồng những cây to đầy bụi bám. Những người dân A rập họ gặp trên đường đều tránh sang một bên, mắt không nhìn họ, chỉ kéo vạt áo choàng khép vào người. Janine nhận thấy mặc dù áo quần rách rưới họ vẫn có một vẻ kiêu hãnh mà người A rập sống ở thành phố của nàng không có . Nàng bước theo cái rương, mỗi khi qua đám đông, nó rẽ lối cho nàng đi theo. Họ chui qua một cổng thành đắp bằng đất màu gạch đỏ, tới một bãi trống nhỏ cũng trồng những cây bọc bụi cát như lúc nãy và một phía là dãy nhà có

vòm cuốn và cửa hiệu chiếm suốt cả chiều dài của bãi. Nhưng họ dừng chân ngay trên bãi, trước một ngôi nhà nhỏ hình dạng giống như viên đạn đại bác quét vôi màu xanh lam. Bên trong chỉ có một phòng duy nhất được chiếu sáng bởi ngọn đèn treo ở cửa ngoài. Một ông già Ả rập rìa mép bạc trắng ngồi sau tấm gỗ bóng loáng. Ông ta đang rót trà, nâng lên rồi hạ xuống ấm trà trên ba chiếc cốc nhỏ bằng thủy tinh màu sậc sỡ. trước khi họ nhìn thấy được thứ gì khác bên trong cửa hiệu tối tăm này, mùi chè ướp bạc hà dễ chịu đã bay vào mũi Marcel ngay từ khi họ còn ở bên ngoài. Vừa bước qua ngưỡng cửa, đi ngang những ấm trà bằng thiếc, những tách và khay treo lùng lẳng, những giá bầy bưu ảnh, Marcel đã đứng trước quầy. Janine đứng lại bên ngoài. Nàng đứng tránh sang một bên để ánh sáng đèn khỏi chiếu vào mặt. Đúng lúc đó nàng nhìn thấy ông già chủ hiệu và trong tối mờ mờ hai người Ả rập mỉm cười nhìn họ. Hai người này ngồi trên những bao tải căng phồng xếp chật cửa hàng. Những tấm thảm đỏ và đen, những khăn quàng cổ thêu treo khắp tường. Sàn nhà đầy những bao, những hòm nhỏ đựng hạt hương liệu. Giữa mặt quầy là cái cân bàn hai đĩa bằng đồng sáng loáng. Bên cạnh là tay thước khắc những hình đã mờ. Xung quanh là những phong đường bọc giấy màu lam. Trong đó một phong bị ai mở và cắt mất phần trên ngon. Mùi len và mùi hương liệu phảng phất trong cửa hiệu đến sau mùi trà, lúc ông già chủ hiệu đặt ấm xuống mặt quầy và cất tiếng chào khách.

Marcel nói vội vã, bằng cái giọng trầm trầm mà anh thường dùng khi trao đổi công việc. Rồi anh mở rương giới thiệu các mặt hàng vải vóc và khăn quàng cổ, đẩy cân bàn và thước đo sang một bên để lấy chỗ bầy mẫu hàng cho ông già chủ hiệu

xem. Thái độ anh hấp tấp, bực bội, lên cao giọng rồi cười hềnh hệch, giống hệt như người đàn bà thiếu tự tin đang cần lấy lòng đàn ông. Bây giờ hai bàn tay mở rộng của anh làm điệu bộ bán và mua. Ông già A rập chủ hiệu lắc đầu, bưng khay trà mời hai người ngồi sau ông ta và chỉ nói rất ít khiến Marcel hình như thất vọng. Anh thu vải vóc lại, nhét vào rương rồi lau mồ hôi trên trán thật ra không có. Anh gọi thằng bé khuân vác rồi cả ba người đi về phía dãy cửa hàng bên cạnh bãi. Tại cửa hàng đầu tiên. Mặc dù lúc đầu chủ hiệu làm ra vẻ dửng dưng, nhưng họ gặp may mắn hơn đôi chút. Marcel nói "Họ làm ra vẻ ban ơn cho mình, nhưng thật ra họ cũng kiếm lời chứ! Đúng là để kiếm sống ai cũng vất vả hết"

Janine bước theo chồng, không nói gì. Gió gần như đã ngừng. bầu trời hửng lên vài chỗ. Từ những cái giếng màu xanh da trời chọc thủng lớp mây dày, một thứ ánh sáng gia lạnh và bứng bẩy tỏa xuống. Lúc này họ đã rời khỏi bãi trống. Họ đi trong dãy phố hẹp, dọc theo những bức tường đất bên trên trồng cây tầm xuân hoa thang Chạp đà rả. Thỉnh thoảng họ thấy một cây lựu qủa khô cưng và sâu đục. Mùi bụi, mùi cà phê, mùi khói vỏ cây đốt, mùi đá, mùi cừu thoang thoảng trong khắp khu phố này. Những cửa hàng khoét vào tường đất, cách khá xa nhau. Janine thấy hai chân nặng chình chịch. Nhưng chồng nàng đã dần dần bình thản trở lại. Anh bắt đầu bán được hàng và trở nên dễ tính hơn. Anh gọi vợ là "bé" và thấy chuyến đi này không phải vô ích Janine nói: "Đúng thế. Trực tiếp với họ vẫn hơn".

Họ trở về trung tâm thị trấn theo đường phố khác. Trời đã về chiều. Bầu trời quang đãng hơn nhiều. Họ dừng lại chỗ bãi

trống. Marcel xoa hai bàn tay. Anh trìu mến ngắm cái rương trước mặt họ. "Anh nhìn kia". Janine nói. Từ đầu bãi đằng kia, một người A rập đang tiến về phía họ. Anh ta gầy, gân guốc, mặc áo choàng mầu xanh da trời, đi ủng mềm mầu vàng, tay đeo găng khuôn mặt mầu đồng hun với chiếc mũi khoan ngẩng cao. Chỉ mỗi tấm khăn quấn trên đầu phân biệt anh ta với những sĩ quan Pháp trong bộ bàn xứ mà Janine thỉnh thoảng đã được ngưỡng mộ. Anh ta tiến thẳng về phía họ nhưng mắt lại không nhìn thấy họ mà ngước nhìn bên trên đầu họ. Bước chân anh ta đều đặn và anh ta chậm chạp tháo một bên găng tay ra. "chà! - Marcel nhún vai nói, - lại một thằng cha tự cho hắn là cấp tướng!". Mà đúng thế. Dân A rập ở đây đều có vẻ mặt kiêu hãnh, nhưng anh chàng A rập đi thẳng về phía chiếc rương, làm ra vẻ không nhìn thấy nó, cũng không nhìn thấy họ. Khi anh ta tới gần, có nguy cơ đá phải chiếc rương Marcel mới sực nhớ, vội nắm quai rương kéo lại để nhường chỗ cho anh ta đi. Anh chàng A rập làm ra vẻ như không nhìn thấy điều đó. Vẫn đều bước đi qua về phía bức tường thành. Janine liếc nhìn chồng và thấy vẻ mặt anh sa sầm. "Bây giờ bọn chúng tưởng chúng muốn làm gì cũng được!" Anh nói. Janine không đáp. Nàng ghét thái độ vênh vào của thằng cha A rập và bỗng thấy mình hầm hiu. Nàng muốn đi khỏi đây ngay. Nàng nhớ đến căn phòng nhỏ của mình. Nhưng khi nghĩ trở về khách sạn, đến căn phòng giá lạnh trong đó nàng lại thấy ngán ngẩm. Nàng sực nhớ ông chủ khách sạn có khuyên nàng nên lên tham quan sân trời trên nóc thành cổ. Tại đó có thể trông thấy sa mạc. Janine bèn nói với chồng và bảo có thể gửi rương ở khách sạn. Nhưng Marcel rất mệt. anh muốn ngủ một giấc trước khi xuống ăn bữa tối. "Em rất muốn lên đó xem --nàng nói Marcel

nhìn vợ và đột nhiên tỏ vẻ quan tâm: - Thế thì đi, em yêu qúy - anh nói.

Janine đứng đợi ngoài phố trước cửa khách sạn. Đám dân chúng A rập mặc áo choàng màu trắng mỗi lúc thêm đông. Janine không thấy bóng một phụ nữ nào và có cảm giác chưa bao giờ nhìn thấy lắm đàn ông như thế này. Tuy nhiên không ai nhìn nàng. Một vài người cố tình không nhìn nàng, mặc dù chậm chạp quay bộ mặt gầy gò và nâu sậm về phía nàng, nhưng bộ mặt mà nàng cảm thấy giống hệt nhau, cả khuôn mặt của người binh sĩ Pháp trên xe ca, cả khuôn mặt của thằng cha A rập đeo găng tay, khuôn mặt vừa thâm hiểm vừa kiêu kỳ. Họ quay mặt về phía người phụ nữ nước ngoài mà không hề nhìn thấy nàng, rồi nhẹ nhàng và lặng lẽ đi ngang qua mặt nàng. Mắt cá chân nàng sưng lên, và nàng thấy khó chịu. Nỗi thèm được rời khỏi nơi này càng tăng mạnh. "Mình đến đây làm gì nhỉ?" Nhưng kia Marcel đã bước ra.

Lúc họ lên bậc thang của thành cổ là năm giờ chiều. Gió đã ngừng. Bầu trời hoàn toàn quang đãng. Bây giờ xanh mầu ngọc, giá lạnh lúc này rất khô, như những mũi kim châm vào má nàng. Lúc họ lên đến lưng chừng bậc thang một người A rập già ngồi tựa lưng vào tường thành, hỏi họ có cần dẫn đường không, nhưng ông ta vẫn ngồi yên như biết trước rằng họ sẽ từ chối. Bậc thang dài và thẳng đuốn tuy vài bậc đắp bằng đất. Họ càng lên cao. Không gian càng mờ, ánh sáng càng bao la, lạnh và khô. Mỗi tiếng động từ ốc đảo vọng đến càng rõ nét. Không khí nhuốm ánh sáng rực rỡ rung nhè nhẹ quanh họ. Càng lên họ càng có cảm giác như bước chân của họ tạo nên những tinh thể ánh sáng một tần số bước sóng ngày càng tỏa rộng. Lên đến đỉnh, đặt bàn chân trên nền sân trời, họ bỗng lập

tức thay tâm mắt vượt bên trên đám cây cỏ và mất hút nơi chân trời bao la. Janine có cảm giác như toàn thể bầu trời vang lên rồi tiếng vọng của nó liên tiếp tỏa khắp không gian trên đầu nàng và kết thúc đột ngột khiến nàng bàng hoàng trước viễn cảnh bao la.

Qủa là như thế. Nàng đưa mắt chậm chạp từ đông sang tay, không hề gặp một vật cản nào trên suốt đường cong rộng lớn ấy. Dưới chân nàng, những mảng xanh và trắng của thị trấn chông chéo lên nhua và rỉ máu thành những chấm đỏ do người ta phơi ót. Nàng không nhìn thấy ai. Nhưng dưới những sân sau bốc lên mùi cà phê cháy kèm theo những tiếng cười nói hoặc những tiếng đập mà nàng không hiểu đó là gì Xa xa chút nữa, đám cọ chia thành những ô vuông to nhỏ không đều, ngăn cách bằng những bức tường đắp đất, đang rì rào trong gió mặc dù trên cao này nàng thấy không trung lặng lẽ. Xa hơn nữa, và kéo đến tận chân trời chỉ là vương quốc của đá, mầu đỏ gạch hoặc mâu tro và tịnh không có một biểu hiện nào của sự sống. Chỉ ở gần ốc đảo, bên bờ con sông về phía Tây, nơi hàng cọ kéo dài, nàng nhìn thấy những chiếc lều căng rộng bằng vải đen. Xung quanh đó, một bầy lạc đà đứng bất động, nhỏ xíu vì khoảng cách qúa xa, chúng tạo trên mặt đất thành những ký hiệu mầu thẫm của một thứ văn tự kỳ quái mà nàng không hiểu được ý nghĩa. Bên trên sa mac sự tịch mịch cũng bao la giống như không gian

Tựa hẳn toàn thân lên lan can, janine lặng câm. Nàng như bị hút vào khoảng hư vô rộng mở trước mắt. Bên cạnh nàng, Marcel đang cựa quậy. Anh kêu lạnh và đòi xuống. Thì có gì đáng nhìn ở đây kia chứ? Nhưng nàng lại không thể rời mắt khỏi chân trời. Nơi kia chếch về phía nam một chút, nơi trời và

đất hòa lẫn vào nhau thành một đường dài tinh khiết, nàng đột nhiên cảm thấy một thứ gì đó đang chờ đợi nàng, thứ mà cho đến nay nàng chưa biết đến nhưng cũng chính là thứ mà nàng tư lâu đã cảm thấy khao khát. Trời càng về chiều, ánh sáng dần dần càng loãng ra, giống như đang ở thể rắn chuyển sang thể lỏng. Đồng thời trong trái tim của người phu nữ mà chỉ do ngẫu nhiên lạc bước đến đây, một sợi dây được thói quen và nỗi phiền muộn thắt nút lại bây giờ từ từ cởi ra. Janine ngắm khu lều trại của dân du mục. Không nhìn thấy những người sống tại đó, không thấy một hình bóng nào động đậy giữa những mái lều vải mầu đen, nàng chỉ nghĩ được về họ, những con người mà cho đến nay nàng biết qúa ít. Không nhà cửa, bị tách rời khỏi nhân loại, họ chỉ là một đám người phiêu bạt trên vùng đất đai bao la mà tầm mắt nàng có thể bao quát, vùng đất chỉ kéo dài vùn vụt hàng ngàn cây số về phía Nam và chỉ chấm dứt tại con sông đầu tiên tưới nước cho một cánh rừng nào đó. Không biết từ bao giờ trên mảnh đất cằn cỗi, bị bào mòn đến tận xương và bao la này, một số nhỏ nhoi những con người đó cứ đi, đi mãi. Họ không sở hữu gì nhưng cũng không phục vụ cho ai, họ là những chúa tể thảm hại và tự do của một vương quốc kỳ quái. Janine không hiểu tại sao cái ý nghĩ đó đem lại cho nàng một nỗi buồn tràn ngập. Dịu dàng và bao la khiến nàng phải nhắm mắt lại. Nàng chỉ biết rằng cái vương quốc ấy, trong toàn bộ thời gian vẫn là đất hứa của nàng, vậy mà nàng sẽ không bao giờ tới được, loại trừ khoảnh khắc ngắn ngủi này, có lẽ thế, khi nàng mở mắt ngước lên bầu trời đột nhiên bất công nhìn những đợt sóng hào quang ngưng lặng, trong khi những tiếng người từ dưới thị trấn A rập kia vọng lên đột nhiên im bặt. Nàng có cảm giác như dòng chảy của thế

gian vừa mới chững lại và từ giây phút này không ai già đi hoặc chết nữa. Từ nay, trên khắp mọi miền, cuộc sống đều dừng lại, trừ trong riêng trái tim nàng, một ai đó đang thổn thức vừa đau khổ vừa thán phục. Nhưng ánh sáng bắt đầu chuyển động, vầng mặt trời trong vành vanh và lạnh lẽo đang hạ thấp dần về phía tây. Chân trời nơi đó ửng hồng đôi chút, trong khi một làn sương xám phủ nhẹ lên chân trời phía Đông, sắp sửa từ từ lan tỏa ra khắp không gian bao la. Tiếng chó sủa đầu tiên và âm vang của nó nghe rất xa, bay lên cao tan vào không trung lúc này đã trở nên lạnh hơn. Janine nhận thấy rằng nàng đánh lập cập. "Ôm mất thôi, - Marcel nói - em thật là dở dần. Ta về đi". Nhưng anh cầm tay nàng một cách vụng về. Lúc này nàng đã trở thành ngoan ngoãn. Nàng quay lưng lại lan can và bước theo chồng. Ông già A rập ngồi ở lưng chừng bậc thang vẫn bất động nhìn họ đi xuống thì trấn. Janine đi và không nhìn thấy ai hết. Lưng nàng trĩu nặng và một cảm giác rã rời chợt đến. Nàng cố lê chân và cảm thấy thân thể nàng nặng nề đến mức không con chịu nổi. Niềm phấn hứng đã tan biến. Bây giờ nàng thấy mình quá to lớn, quá trắng trẻo nữa. Trong cái khung cảnh mà nàng sắp bước vào. Một đứa trẻ, một cô gái, một người đàn ông cần cỗi, một con cây nhớn nhác, chỉ những sinh vật ấy mới có thể bước chân lạng lẽ trên mảnh đất này. Từ bây giờ nàng sẽ làm được gì khác ngoài việc lê bước cho tới phút an nghỉ, cho tới cái chết?

Quả thế, nàng lê bước tới cửa phòng an, đằng trước một ông chồng lầm lì, tỏ ra vẻ mệt mỏi, trong khi nàng chống đỡ yếu ớt vậy cơn cảm cúm, thấy rõ cơn sốt trong người đang dâng lên. Nàng lại phải lê bước tiếp cho tới giường. Marcel cũng bước tới đỡ nàng và anh tắt ngay đèn, không cần hỏi nàng. Gian phòng

lạnh giá. Janine cảm thấy cái lạnh tăng lên đồng thời với cơn sốt. Nàng khó thở. Máu trong huyết quản chảy mạnh nhưng không làm nàng ấm lên. Một nỗi sợ lớn dần trong trí óc nàng. Nàng trở mình, giường sắt cũ kỹ kêu cót két dưới sức nặng của nàng. Không, nàng không muốn ốm. Chồng nàng đã ngủ và nàng cũng cần phải ngủ. Những tiếng động yếu ớt từ ngoài phố lọt vào qua lỗ châu mai. Những máy quay đĩa cũ kỹ tại các quán giải khát khàn khàn đưa ra những âm điệu mà nàng chỉ hơi lơ mờ nhớ là đã nghe thấy ở đâu. Kèm theo tiếng nhạc là tiếng rì rầm uể oải của dân ngoài phố. Phải ngủ thôi. Nhưng nàng đang đếm con số những túp lều của dân du mục. Dưới mi mắt nàng, chập chờn những đàn lạc đà cúi xuống gặm cỏ và giữ tư thế bất động. Cảm giác cô đơn quay cuồng trong nàng. Đúng thế. Nàng đến đây làm gì kia chứ? Và nàng thiếp đi trong ý nghĩ ấy. Sau đó một lát nàng thức giấc. Xung quanh hoàn toàn lặng lẽ. Nhưng ở tận ngoài rìa thị trấn, tiếng chó sủa vọng đến trong đêm yên tĩnh. Janine rùng mình. Nàng lại trở mình lần nữa, chạm phải vai chồng rắn chắc. Và đột nhiên, trong trạng thái nửa thức nửa ngủ, nàng nép vào anh. Nàng như thoát khỏi cơn buồn ngủ. Nàng bám chặt lấy chồng với một niềm khao khát từ đâu kéo đến giống như con thuyền bám chặt vào bến bờ vững chãi nhất. Nàng lẩm bẩm nhưng không thành tiếng. Nàng nói nhưng chính nàng cũng không nghe rõ. Nàng chỉ cảm thấy hơi ấm từ thân thể chồng truyền sang. Đã hơn hai mươi năm nay, đêm nào cũng vậy, hơi ấm của anh tỏa sang nàng, bao giờ họ cũng dính liền nhau, cả khi một người đau ốm, cả trong các chuyến đi xa, cũng như hôm nay... Nếu ở nhà một mình, nàng biết làm gì được? Nàng không có con! Phải chăng đấy là thứ mình cần? Nàng không biết. Nàng bám theo

Marcel. Có vậy thôi, thỏa mãn thấy có một ai đó cần đến nàng. Anh chỉ ban cho nàng một niềm vui là cảm thấy nàng cần thiết cho ai đó. Ngoài ra không còn niềm vui nào khác. Chắc chắn là anh không yêu nàng. Tình yêu dù là tình yêu hằn học, cũng không mang bộ mặt cau có như thế. Nhưng nét mặt anh thế nào? Họ yêu nhau trong bóng đêm, không nhìn thấy nhau mà chỉ dò dẫm. Liệu có thứ tình yêu nào khác không, hay chỉ có thứ tình yêu trong đêm tối? Liệu có thứ tình yêu ẩm ĩ giữa ánh sáng ban ngày không? Nàng không biết Marcel cần đến nàng và nàng cần đến cái sự cần đó. Nàng sống bằng nó vào ban đêm và cả ban ngày, chủ yếu ban đêm. Vào tất cả các đêm là lúc anh không muốn nằm một mình, không muốn già, không muốn chết. Với cái vẻ mặt khô cứng, vẻ mặt mà thỉnh thoảng nàng nhận thấy ở nhiều người đàn ông khác, cái vẻ mặt chung cho những kẻ xuần ngốc, họ cố làm ra vẻ bình thản để đến cuối cùng không chịu nổi nữa, đành điên cuồng lao vào một tấm thân phụ nữ, rúc trong đó, không cần ham muốn, chỉ cốt để thoát ra nỗi sợ hãi cô đơn và đêm tối.

Marcel cựa mình một chút như nhích ra để khỏi chạm vào nàng. Không. Anh không yêu nàng, chỉ đơn giản là anh sợ bất cứ thứ gì không phải nàng. Lẽ ra đã từ lâu hai người phải tách nhau ra và ngủ riêng cho đến phút tan cùng. Nhưng ai có thể ngủ riêng được mãi? Một số người làm như thế. Do thiên chức tu hành hay do nỗi bất hạnh tách họ ra khỏi đồng loại và họ đêm nào cũng nằm một mình trên chiếc giường ngủ chung với cái chết. Marcel thì không thể làm thế được, nhất là anh một đứa trẻ yếu đuối và bất lực, luôn sợ đau khổ. Marcel chính là đứa con của nàng, luôn cần đến nàng và lúc này đang nằm bên nàng, miệng kêu khe khẽ, giống như một thứ rên. Nàng áp

người vào chồng, đặt tay lên ngực anh, và nàng gọi anh bằng cái từ âu yếm mà xưa kia nàng đã từng sử dụng và sau này thỉnh thoảng nàng vẫn còn dùng nhưng miệng nói mà óc nàng không nghĩ đến ý nghĩa của nó.

Đêm nay nàng thốt lên cái từ đó bằng cả trái tim. Nàng cũng cần đến anh, đến sức khỏe, những thích thú vật vãnh của anh. Nàng cũng sợ chết. "Nếu ta vượt được lên trên nỗi sợ ấy, ta sẽ sung sướng.." Đột nhiên, một nỗi khắc khoải không tên xâm chiếm tâm hồn nàng. Nàng nhích ra khỏi thân thể chồng. Không nàng không vượt lên trên cái gì hết. Nàng chưa được sung sướng. Nàng sẽ phải chết, đúng thế, nàng không được giải thoát gì hết. Tim nàng quặn đau. Nàng khó thở, cảm thấy như có gì rất nặng đè nén lên ngực và nhận ra rằng nàng đã chịu nó đè suốt hai chục năm nay giá không có thứ gì nặng đó, bây giờ nàng đã tha hồ bay nhảy. Nàng muốn được giải thoát, mặc dù Marcel, mặc dù mọi người khác chưa hề bao giờ được giải thoát. Tỉnh hẳn, nàng ngồi dậy và lắng tai, hình như có tiếng ai gọi rất gần. Nhưng không phải, chỉ có tiếng chó sủa rất xa, tận rìa thị trấn, nơi ốc đảo vọng lại. Ngoài ra không có âm thanh nào khác. Và tiếng gió lách qua đám lá cọ nghe như tiếng nước rỏc rách chảy, từ phía Nam vẳng lại, nơi lúc này sa mạc và đêm tối hòa nhập vào nhau dưới bầu trời bất động, nơi sự sống ngưng lại, nơi không ai con già đi và chết nữa. Rồi tiếng rỏc rách của gió cũng mờ dần khiến nàng nghi ngờ, không hiểu lúc nay có tiếng gió ấy không, hay chỉ là một tiếng gọi câm mà nàng tùy ý có thể nghe thấy hoặc không. Tiếng gọi mà nàng sẽ không Hiểu được ý nghĩa nếu như nàng không đáp lại ngay bây giờ. Ngay bây giờ, đúng thế, điều ấy thì nàng hoàn toàn tin chắc.

Janine nhẹ nhàng bước ra khỏi giường, đứng bất động lắng nghe tiếng thở của chồng. Marcel vẫn ngủ say. Lát sau, hơi ấm trên giường rời khỏi nàng và cái lạnh kéo đến thay thế. Nàng chậm chạp mặc quần áo, tìm áo quần bằng cách mò mẫm trong buồng ánh sáng rất yếu ớt do đèn ngoài phố chiếu lọt vào qua các khe cửa chớp. Tay cầm giầy nàng rón rén ra cửa. Nàng đứng trong bóng tối nghe ngóng, rồi khẽ mở chốt cửa kêu két một tiếng nhỏ. Nàng vội dừng tay, tim nàng đập loạn xạ. Nàng lắng tai. Khi không nghe thấy gì, nàng tiếp tục vạn thật khẽ chốt cửa. Nàng cảm thấy vòng quay của chốt cửa dài đến vô tận, cuối cùng, cánh cửa đã mở và nàng lách ra ngoài rồi khép cửa lại cung thận trọng như vậy. Nàng áp tai vào cánh cửa nghe ngóng. Lát sau, nàng nghe thấy hơi thở đều đều của Marcel, rất xa. Nàng quay mặt ra. Một làn gió lạnh tạt vào mặt nàng. Nàng chạy dọc theo hành lang. Cửa khách sạn đóng. Trong lúc nàng đang loay hoay mở, nhân viên bảo vệ hiện ra trên đỉnh cầu thang vẻ mặt ngái ngủ, hỏi bằng tiếng A rập. "Tôi quay về ngay" Janine nói rồi lao vào bóng đêm.

Những chòm sao rơi khỏi bầu trời tối đen, xuống các ngọn cây cọ và mái nhà. Nàng chạy dọc theo đường phố ngắn, lúc này vắng tanh, về phía thành cổ. Cái lạnh lúc này không còn phải vật lộn với ánh nắng mặt trời nữa đang tha hồ tỏa xuống. Nàng thấy hơi lạnh chui vào tận phổi. Nhưng Janine vẫn chạy, gần như mò mẫm trong đêm tối. Nơi đầu phố, tuy vậy vẫn còn những ngọn đèn đường dọi xuống ngoằn ngoèo trên đầu nàng. Nàng dừng lại nghe thấy tiếng côn trùng. Mấy luồng ánh sáng tiến lại phía nàng và nàng nhìn thấy đằng sau là mấy bộ áo choàng A rập rất to và ánh lấp lánh của vành xe đạp. Mấy tấm áo choàng lướt qua bên cạnh nàng. Nàng quay đầu nhìn theo,

thấy ba chấm đỏ xa dần rồi nhanh chóng biến mất. Nàng tiếp tục chạy về phía tòa thành cổ. Lên đến lưng chừng bậc thang, khí lạnh làm buốt hai lá phổi khiến nàng không chịu nổi phải dừng lại. Nhưng nàng lại cố lao lên đến tận sân trời trên cao và bấu lấy lan can để nghỉ. Nàng áp chặt bụng vào đó. Nàng thở hổn hển và mắt nàng hoa lên. Chạy thế chưa đủ làm ấm nàng và Janine run lẩy bẩy vì lạnh. Nhưng không khí lạnh nàng hớp lấy hớp để lúc này đã lan tỏa khắp người và cảm giác nóng hổi bắt đầu xuất hiện một cách rụt rè giữa những cử động run rẩy Mắt nàng cuối cùng mở to nhìn vào bóng đêm.

Không một làn gió. Không một tiếng động, chỉ thỉnh thoảng tiếng nứt rất khẽ của những tảng đá bị lạnh làm vỡ dần để thành cát khuấy động sự cô đơn và yên tĩnh bao quanh nàng. Tuy nhiên lát sau Janine cảm thấy hình như có một sự xoay vần nặng nề làm chuyển động bầu trời trên bề dầy của đêm tối khô và lạnh, hàng triệu vì sao không ngừng ra đời và những mảnh lấp lánh của chúng tách ra lướt về phía chân trời. Nàng không sao không ngắm những đốm sáng đang bay lượn đó. Janine quay người theo chúng và cảm thấy trong đáy lòng cũng diễn ra sự chuyển động tương tự. Hai chuyển động ấy hòa nhập vào nhau Trong tận cùng thân thể nàng, cái lạnh và nỗi thèm khát vật lộn. Trước mắt nàng các vì sao lần lượt rơi chầm chậm xuống và tắt ngấm trên những tảng đá ngoài sa mạc. Và mỗi lần như thế, Janine cảm thấy tâm hồn nàng mở ra thêm một chút trước đêm tối. Nàng thở và quên cái lạnh, quên trọng lượng của các sinh vật, quên cuộc đời cuồng nhiệt hay lặng lẽ, quên niềm khắc khoải trước sự sinh tồn, sau bao nhiêu năm lao chạy để trốn nỗi sợ, chạy mà không biết chạy đến đâu, cuối cùng lúc này nàng đã dừng lại. Đồng thời nàng cảm thấy tìm

được cội rễ của nàng. Chất dinh dưỡng từ đó tỏa lên thân thể khiến nàng không thấy lạnh nữa. Áp chặt bụng vào bức tường lan can, thân thể dướn lên bầu trời chuyển động, nàng chỉ còn chờ cho trái tim đang bồn chồn của nàng dịu lại và yên tĩnh thiết lập trong cơ thể nàng. Những vì sao cuối cùng của các chòm sao đã để rơi những chùm đốm sáng xuống gần sát đường chân trời xa mạc và dừng lại ở đó. Đúng lúc ấy, với một sự dịu dàng không chịu nổi, nước của ban đêm tuôn vào đáy cơ thể nàng thành từng đợt sóng tiếp nối không ngừng lên đến tận miệng nàng và nàng rên rỉ. Lát sau, bầu trời mở ra toàn bộ trước mắt. Lúc này nàng đang nằm ngửa trên nền đất lạnh.

Khi Janine trở về, cũng làm những động tác thận trọng như trước. Marcel vẫn chưa dậy. Nhưng khi nàng lên giường nằm, anh càu nhàu và mấy giây sau đột nhiên ngồi phắt dậy. Anh nói một tràng nhưng nàng không hiểu anh nói gì. Anh ra khỏi giường, bật đèn và ánh sáng quất vào mặt nàng như một cái tát. Anh lào đảo đi tới chỗ chậu rửa mặt rồi nốc khá lâu chai nước khoáng để ở đó. Anh lại lên giường. Và khi một đầu gối qùy xuống giường, anh ngơ ngác nhìn vợ. Janine khóc như mưa gió, không sao ghìm lại được "Không sao đâu, anh yêu, - nàng nói. - Không sao đâu".

VŨ ĐÌNH PHÒNG dịch

NGƯỜI DẪN ĐẠO

JOHN STEINBECK
(NOBEL 1962)

Chiều thứ bảy, Billy Buck, nhân công của trang trại, cào gom lại mớ cỏ khô cuối cùng của năm ngoái và hất vài lượm nhỏ nhoi qua hàng rào dây kẽm cho lũ bò đang thờ ơ nhìn không vẻ gì hào hứng lắm. Tít trên trời cao, những đám mây nhỏ như những cụm khói của súng đại bác trôi về phía đông theo ngọn gió tháng ba. Có thể nghe tiếng gió lùa qua những bụi cây trên mỏm đồi, nhưng chẳng có tí gió nào lọt xuống tới cái trang trại đáy thung này.

Cậu bé, Jody, từ trong nhà lớ ra đang nhai một mẩu bánh mì phết bơ. Nó thấy Billy đang dọn đống cỏ còn sót. Jody đi ra, kéo lê giày theo cái kiểu đã bị nói bao lần là làm hỏng cả thứ da tốt nhất. Một lũ bồ câu trắng bay vụt khỏi tàng cây bách đen khi Jody đi qua, chúng lượn quanh cây rồi lại đâu xuống. Một con mèo nhị thể mới lớn từ ngưỡng cửa nhà ngủ nhảy ra, phóng những bước cứng còng băng qua con đường, xoay mình rồi lại phóng về. Jody nhặt một viên đá định ném cho nó chạy giỡn tiếp, nhưng đã trễ, chú mèo đã về tới ngưỡng cửa trước khi cậu kịp ném. Cậu ném nó lên cây bách khiến bọn bồ câu lại túa lên bay lòng vòng.

Đến bên đám cỏ khô đã gần cạn, Cậu dựa vào hàng rào kẽm gai:

- Tất cả chỉ còn thế này thôi, phải không chú? - cậu hỏi

Ông nhân công trung niên ngưng tay cào và cắm cây chĩa xuống đất. Chú gỡ cái mũ đen ra và vuốt tóc:

- Còn lại bao nhiêu là bị ẩm mục hết. Chú đội mũ lên và xoa hai bàn tay khô ráp vào nhau.

- Chắc có cả đông chuột, - Jody gợi chuyện.

- Cả lô nhà nó, Billy đáp - Cứ gọi là lổn nhổn.

- À, chắc chừng nào chú dọn xong, cháu sẽ xua chó lùng chuột chơi.

- Được thôi, Billy Buck đáp. Chú chìa một mớ cỏ ẩm và tung lên không. Lập tức ba con chuột phóng ra và cuống quít lủi khuất dưới đám cỏ khô.

Jody thở một hơi hài lòng. Lũ chuột mập mạp tròn trịa và kiêu ngạo này đã bị kết án. Tám tháng nay chúng sống và sinh sôi trong đống cỏ khô. Chúng hoàn toàn thoát khỏi các bọn mèo, các loại bẫy, loại thuốc và cả Jody nữa. Chúng đã lớn lên ngon lành trong sự an toàn, béo múp ra và sinh sôi nẩy nở. Giờ thì đã tới lúc tai họa chúng sẽ không sống thêm được ngày nào nữa.

Billy nhìn lên những đỉnh đồi bao quanh trang trại rồi bảo:

- Có lẽ cậu nên hỏi ba cậu trước khi làm vụ san chuột này.

- Phải. Ba đâu rồi? Để cháu đi hỏi liền.

- Ông chủ lên trại trên đồi sau bữa ăn, chắc sắp về tới, Jody tựa vào cột hàng rào:

- Cháu nghĩ ba cháu chẳng quan tâm đâu.

Billy nói như cảnh cáo khi bắt tay làm việc lại:

- Cậu lên hỏi trước đi. Cậu biết tính ông chủ mà.

Jody biết chứ. Ba của cậu, ông Carl Biflin đã nhất định rằng mọi việc làm trong trại đều phải được ông cho phép, bất kể việc quan trọng hay không. Cậu tựa chùi dần theo cột cho đến khi ngồi bệt xuống mặt đất. Cậu ngước nhìn lên những cụm mây nhỏ trôi theo gió.

- Trời muốn mưa phải không chú Billy?

- Có thể. Gió có rồi, nhưng chưa mạnh lắm.

- Cầu trời mình diệt xong lũ chuột mắc dịch này rồi hãy mưa. - cậu liếc ra sau xem Billy có nhận ra câu chữ ngang tàng như người lớn ấy của cậu không. Billy vẫn làm việc chẳng nói chang rằng.

Jody quay lên nhìn sườn đồi nơi con đường dẫn ra thế giới bên ngoài trang trại. Ngọn đồi ngập trong nắng tháng ba mỏng mảnh. Những cây cúc bạc, đậu Lupin xanh và mấy cây phủ dung đã nở hoa giữa mấy bụi ngải đắng. Lưng chừng đồi, Jody có thể trông thấy Doubletrẽ Mutt, con chó mực, đang đào bới một miệng hang sóc. Nó vẫy vọc một lúc rồi ngừng lại, hai chân sau cào tung bụi lên, và lại đào hang hải tiếp tục như muốn phủ nhận điều mà chắc hẳn nó đã biết là chẳng có con chó nào bắt được sóc bằng cách đào hang như thế.

Đột nhiên, trong khi Jody nhìn, con chó cứng người lại, lui khỏi miệng hang và nhìn lên đồi chỗ cái khe hẻm nơi con đường chạy qua. Jody nhìn theo. Chốc lát sau, bóng ông Carl Tiflin ngồi trên lưng ngựa hiện ra in rõ trên nền trời nhạt rồi ông thả theo con dốc về phía trang trại. Tay ông cầm một cái gì màu trắng. Cậu bé đứng nhổm dậy: "Ba có thư" Jody kêu lên

Cậu phóng vào nhà, bởi vì lá thư chắc sẽ được đọc lớn cho cả nhà nghe và cậu muốn có mặt lúc đó. Cậu tới nhà trước ba cậu và chạy luôn vào trong. Cậu nghe tiếng ông Carl xuống khỏi yên ngựa nghe cọt kẹt, và tiếng ông vỗ vào hông nó ra hiệu cho nó đi vào chuồng cho Billy tháo yên và dẫn nó vào chỗ.

Jody chạy vào bếp: "Mình có thư" cậu la lên.

Mẹ cậu rời mắt khỏi nồi đậu: "ai có?"

- Ba có. Con thấy ba cầm.

Ông Carl đã vào tới trong bếp, mẹ Jody hỏi:

- Thư ai vậy, Carl?

- Sao em biết có thư? - Ông thoáng nhíu mày.

Bà hất đầu về phía thằng bé "Thằng qúi Jody nó nói."

Jody thấy phát hoảng.

Ba cậu nhìn cậu khinh khỉnh: "Nó đúng là thằng qùi. Chuyện gì của ai nó cũng xỉa vào, trừ chuyện của nó. Chỗ nào cũng chõ mũi vào".

Bà Tiflin xoa dịu một tí:

- Ồ, nó thì có bận túi bụi nếu nó không cẩn thận - Carl vẫn nhăn nhó nhìn Jody. Ông móc ra một lá thư còn dán kín - Chắc ba em gửi.

Bà Tiflin rút kẹp tóc trên đầu và rọc mép phong bì. Miệng bà chu ra vẻ rất cẩn thận. Jody thấy mắt mẹ chạy qua chạy lại theo dòng chữ.

- Ba nói, - Bà diễn giải - Ba sẽ lên ở đây chơi một thời gian từ thứ bảy. Ô! Hôm nay thứ bảy rồi. Vậy là thư đến trễ, - bà nhìn dấu bưu điện - Thư gởi bữa kia. Hôm qua lẽ ra phải tới đây rồi, - bà ngước nhìn chồng dò hỏi rồi sạm mặt lại giận dỗi - Ông làm cái bộ mặt như thế làm gì? Ba đâu có tới chơi thường đâu?

Carl lảng mắt tránh cơn bực bội của vợ. Ông có thể cứng rắn với bà mọi lúc khác, nhưng thỉnh thoảng khi bà nổi máu lên, thì ông không thể đương đầu.

- Ông có chuyện gì vậy? - bà hỏi lại.

Trong câu phân trần của ông đã có một giọng dấu dịu mà Jody đã từng dùng tới:

- Chẳng qua là cách ba nói chuyện, - ông nói giọng xuôi xị - cứ nói hoài.

- Vậy thì sao? Chính ông cũng nói chuyện vậy.

- Thì dĩ nhiên. Nhưng ba thì cứ nói hoài một chuyện.

- Chuyện người da đỏ! - Jody bao hứng chen vào - bọn da đỏ và chuyện vượt đồng bằng!

Carl trợn mắt nhìn cậu:

- Cút xéo, thằng quỉ! Nào, đi! Cút ngay!

Jody cụp vòi đi ra cửa sau và đóng lại nhẹ nhàng một cách cố tâm, đi dưới khung cửa sổ nhà bếp, đôi mắt buồn tủi cụp xuống của cậu trông thấy một viên đá hình thù kỳ lạ, một viên đá ly kỳ đến độ cậu ngồi thụp xuống cầm nó lên và trở qua trở lại trên tay.

Tiếng trò chuyện vọng tới chỗ cậu rất rõ qua khung cửa sổ mở rộng.

- Thằng Jody nói đúng. - cậu nghe giọng bà câu nói - cứ chuyện da đỏ với bang đồng hoài. Tôi đã nghe cả ngàn lần chuyện đàn ngựa xua đi thế nào. Cứ nói đi nói lại mãi, và ba cũng chẳng thay đổi lấy một chữ

Khi bà Tiflin lên tiếng thì giọng bà nghe hẳn khiến Jody ở ngoài cửa sổ phải rời mắt khỏi viên đá. Giọng bà nghe mềm mỏng và phân bua hơn. Jody biết bộ mặt mẹ sẽ thay đổi thế nào cho đồng bộ với giọng nói. Bà nói lặng lẽ.

- Hãy nghĩ theo kiểu của ba đi, Carl. Đó là một chuyện lớn lao trong đời ba. Ông dẫn đạo một đoàn xe vượt đồng bằng đi tới bờ biển, khi tới đích thì đời ông cũng xong. Đó là một chuyện lớn đáng làm, nhưng nó chẳng tồn tại lâu. Thấy chưa! - bà tiếp - làm như ba sinh ra để làm chuyện đó, và khi làm xong thì chẳng còn chuyện gì khác để làm ngoài việc nghĩ về nó, nói về nó. Nếu còn có một miền viễn tây nào khác nữa, thì ông đã lên đường tiếp rồi. Chính ba nói với em như thế. Nhưng hỡi ôi là đã tới biển. Ông đành sống tại bờ biển nơi dừng chân.

Bà đã tóm được Carl, đa chạn và bắt bí ông bằng giọng nói nhẹ nhàng của mình

- Thì tôi cũng thấy, - ông tán đồng xuôi theo - ba đi xuống đó nhìn về phía tây ngoài biển, - rồi giọng ông mạnh lên một chút - rồi ông lại la cà tới câu lạc bộ Horseshoe, lại kể cho người ta nghe chuyện bọn da đỏ xua đàn ngựa đi thế nào.

Bà lại cố chặn đầu ông:

- Thì cả đời ba chỉ có chuyện đó. Ông phải kiên nhẫn với ba và giả bộ lắng nghe đi.

Carl nóng ruột quay đi:

- Được rồi, nhưng nếu chuyện nghe chán quá, chắc là tôi xuống nhà dưới ngồi với Billy đấy - rồi ông ra đằng trước và đóng sầm cửa trước lại sau lưng.

Jody lại lao vào công việc mỗi ngày của cậu, cậu ném bừa mớ ngũ cốc cho gà ăn mà chang buồn rượt đuổi theo con nào. Cậu đi nhặt trứng trong các ổ. Cậu ôm củi vào nhà và chất chúng thật cẩn thận trong thùng củi sao cho chỉ cần ôm hai đống là đã đầy tràn cả thùng.

Mẹ cậu đã nấu xong món đậu. Bà cời lửa và lấy túm lòng gà phủi miệng lò. Cậu nhìn mẹ cẩn thận xem có còn vẻ gì bực bội cậu không rồi hỏi: "Ông ngoại tới bữa nay hả mẹ?"

- Trong thư ngoại nói thế.

- Để con đi dài dài đón ông ngoại nghe.

Ba Tiflin đóng nắp lò lại:

- Được lắm - bà nói - ông ngoại thích có người đón.

- Con đi bây giờ nghe.

Ra ngoài, Jody huýt sáo gọi cho "Lên đồi ne" cậu ra lệnh. Hai con chó vẫy đuôi và chạy tới trước. Dọc con đường, cỏ xô thơm đã nhú cối nón. Jody bứt vài ngọn và cho trong tay cho đến khi chúng quanh nục mùi hương. Vút một cái, hai con chó từ lòng đường phóng vào bụi đuổi theo một con thỏ. Jody chẳng còn trông thấy chúng đâu nữa, vì khi không bắt được con thỏ, cả hai con đa bỏ về nhà.

Jody cố leo lên tới mỏm đồi. Khi cậu đến cái khe hẻm nơi con đường bò qua, gió chiều tốc vào cậu, thổi tung tóc và phồng áo lên. Cậu nhìn xuống những qủa đồi nhỏ bên dưới rồi ra xa tới thung lũng Salinas xanh ngát đằng kia. Cậu có thể thấy thị trấn Salina trắng xóa trên bình nguyên đằng ấy và những khung cửa sổ loa lóa trong nang xế chiều. Ngay phía dưới chân cậu, trong một cây sồi, lũ qua đang nhóm họp. Tàng cây chỉ thấy đen thui nhưng qua đang kêu lên quàng quạc.

Anh mắt cậu dõi theo con đường đo dài từ mỏm đồi chỗ cậu đứng xuống phía dưới, khuất sau một lưng đồi khác rồi hiện ra tiếp ở phía bên kia. Mãi đằng đó, cậu trông thấy một cỗ xe do một con ngựa hồng kéo, nó khuất dạng sau lưng đồi. Jody ngồi xuống đất nhìn vào chỗ cỗ xe sẽ lại hiện ra. Gió cứ hát trên nhưng đỉnh đồi và những cụm mây cư vội vàng bay về phía đông.

Rồi cỗ xe hiện ra và dừng lại. Một người đàn ông mặc đồ đen từ trên xe bước xuống, đi tới đầu con ngựa. Mặc dù nhìn từ rất xa, nhưng Jody biết người ấy đang tháo dây cương, vì con ngựa đã ru đầu tới trước. Con ngựa đã tiến tới và người đàn ông đi chậm rãi bên cạnh nó. Jody kêu lên một tiếng vui mừng và chạy xuống phía đó. Những con sóc cuống cuồng chạy tới và phóng khỏi lòng đường, một chu chim cu ngoảy đuôi nhảy khỏi sườn đồi rồi phong ra như một chiếc tàu lượn.

Jody cô nhảy rơi vào bóng mình ở mỗi bước chạy. Cậu đạp nhầm một viên đá tròn và té lộn nhào. Cậu chạy qua một khúc quanh lượn rồi thấy, ngay đằng trước, là ông ngoại và cỗ xe. Cậu ngừng ngay trò chạy nhảy kém nghiêm trang và tiến tới một cách tử tế.

Con ngựa lóng cóng leo dốc còn ông già thì đi bên cạnh. Trong nắng xế chiều, bóng của họ dưới mặt đường phía sau đổ dài và chao động. Ông ngoại mặc bộ đồ vải đen, đi ghệt và cà vạt đen trên cổ cồn ngắn, cứng. Ông cầm cái mũ đen cong vành trên tay. Hàm râu bạc của ông cắt sát còn hàng mày trắng trên mắt thì chia ra như rìa mép.

Đôi mắt xanh của ông lộ nét vui vẻ. Cả khuôn mặt và thân hình ông là một sự chững chạc kiên định, khiến tưởng như ông không thể cử động được. Khi nằm nghỉ, ông gia trông như bằng đá tạc, không bao giờ cử động được nữa. Bước chân ông chậm mà chắc. Đi một bước là không đời nào rút lui lại được, một khi đã hướng về phía nào thì con đường không thể uốn cong và bước đi cũng không nhanh lên hay chậm đi.

Khi Jody xuất hiện ở khúc quanh, ông ngoại chậm rãi vẫy mũ chào và kêu lên:

- A, Jody! Xuống đón ngoại hả?

Jody tránh sang bên, quay người lại và có bước đồng hành với bước đi của ông ngoại, người cậu cứng lên và hơi lẽ gót một tí:

- Dạ, - cậu đáp - sáng nay ở nhà mới nhận được thư của ngoại

- Lẽ ra hôm qua phải tới rồi, - ông ngoại nói - phải thế mới được, ở nhà ra sao?

- Ba má con khỏe, thưa ngoại. - Cậu ngần ngừ rồi rụt rè nói - Ông ngoại chịu săn chuột ngày mai không?

- San chuột hả? Jody - ông ngoại cười khúc khích - kêu mấy người bằng tuổi ông ngoại đi săn chuột sao? Đâu còn khỏe nữa, mà săn chuột đâu phải là trò chơi cho họ

- Không ngoại à. Chỉ chơi thôi, cỏ dọn đi rồi. Con sẽ xua chuột ra cho chó bắt. Ngoại đứng coi cũng được, hay ngoại đập cây vào đống cỏ đó.

Đôi mắt vui vẻ, cương nghị nhìn xuống cậu:

- Hiểu rồi. Con đâu có ăn thịt chuột. Làm gì đến nỗi đó.

- Chó ăn chuột, ngoại à - Jody giải thích - chắc nó đâu có bằng chuyện đánh đuổi bọn da đỏ ngoại nhỉ.

- Không, không đến thế đâu... nhưng sau này, khi quân đội săn đuổi người da đỏ, bắn giết trẻ con và đốt lều trại của họ, thì cũng không khác chuyện con săn chuột lắm

Họ lên tới mỏm đồi và bắt đầu thả dốc xuống trang trại, nắng không còn chiếu trên vai họ nữa:

- Con lớn thêm rồi đó, - Ông ngoại nói, - chắc cao thêm cả hai ba phân chứ ít đâu.

- Hơn nữa kìa, ngoại, - Jody khoe khoang - chỗ ba đánh dấu con trên cửa mới hồi lễ tạ ơn tới giờ là tăng tới ba phân rồi

Giọng khàn khàn của ông ngoại bảo

- Mày cũng như tưới nước nhiều rồi chỉ phát triển vỏ với cuống chớ tới lúc đầu mày lớn rồi hãy coi.

Jody liếc nhìn mắt ông ngoại để dò xem, nhưng chẳng có nét gì là định châm chọc, trong đôi mắt xanh sắc bén kia không có ánh gì là định sửa lưng hay vẻ - chỗ - của - mày - đi cả.

- Nhà mình có thể thịt một con heo, - Jody nói.

- Ô, đừng! Đừng làm thế. Con giỡn ngoại hoài. Đâu phải lúc con biết mà.

- Ngoại nhớ con heo Riley không?

- Nhớ chứ.

- Nó cạp một lỗ trong đám cỏ khô, cỏ đổ xuống làm nó chết ngộp luôn.

- Bọn heo có thể ngốc lắm. - Ông ngoại đáp.

- Trong bầy thì Riley coi đẹp nhất. Có khi con cưỡi nó mà nó không cự nự gì hết.

Có tiếng cửa đóng phía dưới, và họ thấy mẹ Jody đang đứng ở ngưỡng cửa và vẫy chào bằng tấm tạp dề. Rồi họ thấy Carl từ nhà kho đi lên nhà trên để chuẩn bị đón khách.

Mặt trời đã khuất sau đồi. Ống khói bếp nhà lên một làn khói xanh trải mỏng trên trang trại đã ngả sang màu tím tím. Nhưng cụm mây nho nhỏ, hút cơn gió, treo vẩn vơ trên không.

Từ dãy nhà ngủ của nhân công, Billy Buck bước ra và hắt một thau nước xà bông ra mặt sân. Chú ấy vừa cạo râu đợt giữa tuần, vì Billy rất kính nể ông ngoại, còn ông ngoại thì nói Billy là một trong số rất ít người của thế hệ sau đã không bị nhão đi. Tuy Billy đã vào tuổi trung niên, ông ngoại vẫn coi chú ấy như một cậu trai. Billy bây giờ cũng đang vội vã đi lên nhà trên.

Khi Jody và ông ngoại tới nơi, thì ba người ấy đã đứng chờ ở cổng trại. Ông Carl lên tiếng:

- Chào ba. Tụi con chờ ba nãy giờ.

Bà Tiflin hôn ông ngoại vào cạnh chòm râu và đứng yên khi bàn tay to bè của ông vỗ vỗ trên vai bà. Billy bắt tay ông một cách nghiêm trang và toét miệng cười dưới hàng ria mép màu rơm "Để tôi dắt ngựa đi cho", rồi chú ấy kéo nó đi.

Ông ngoại nhìn theo chú rồi quay lại nói với cả nhà như đã từng nói cả trăm lần trước đây:

- Thằng đó tốt. Tao biết ba nó, thằng Buck đuôi - lừa. Không hiểu sao người ta gọi nó là Đuôi - Lừa, ngoại trừ chuyện nó chuyên đóng hàng cho lừa.

Ba Tiflin quay đi dẫn đường vào nhà:

- Ba ở chơi bao lâu, ba? Trong thư ba không nói rõ.

- Tao không biết nữa. Tao định ở chừng hai tuần, mà chưa bao giờ tao ở lâu như dự định hết.

Lát sau họ đã ngồi ở cái bàn phủ vải dầu để dùng bữa. Ngọn đèn có chụp chiếc treo trên mặt bàn. Bên ngoài cửa sổ phòng ăn, những con mối lớn bay va lách tách vào khung kính.

Ông ngoại xắt thịt thành từng miếng nhỏ xíu và nhai chăm rãi:

- Tao đói dữ, - ông nói. - Đanh xe tới đây làm tao thấy ăn ngon, y như hồi tụi tao bằng đồng. Buổi tối đứa nào cũng đói điên lên không chờ thịt chín nổi. Mỗi đêm tao dám ăn được tới hai ký thịt trâu như chơi.

- Đi nhiều mệt thì ăn được như thế, - Billy nói. - Bao tu làm người tải hàng cho chính phủ. Hồi nhỏ tôi có làm phụ ông ấy. Chao, hai cha con tôi là thanh toán bứt một cái đùi nai

- Tao biết ba mày, Billy à. - Ông ngoại nói. - Ba mày tốt lắm. Nó chuyên đóng hàng lên lưng lừa.

- Thì vậy, - Billy đồng ý. - Ông thồ hàng bằng lừa.

Ông ngoại bỏ dao nĩa và nhìn quanh bàn:

- Tao nhớ có lần tụi tao hết trơn thịt để ăn, - giọng ông trầm xuống một cách kỳ lạ, nó rơi xuống một rãnh âm sắc mà câu chuyện đã tự tạo ra cho nó. - Chẳng tìm đâu ra trâu, sơn dương hay cả thỏ nữa. Bọn đi săn không bắn được lấy một con sói. Đó là lúc người dẫn đạo phải cảnh giác. Mà tao là người dẫn đạo, tao phải mở mắt coi chừng. Biết sao không? Tới lúc mà người ta đói thì nó thịt cả bò kéo xe. Bay tin không? Tao nghe kể có những đám nó ăn sạch thú kéo xe. Bắt đầu từ con kéo ở giữa, lần tới con cuối. Sau cùng ăn luôn con đầu đàn, rồi tới ngựa kéo xe. Người dẫn đạo là phải trông chừng đừng để họ làm vụ đó.

Một con mối xoay xở thế nào mà vào được trong phòng và bay lòng vòng trên ngọn đèn dầu. Billy đứng dậy và cố đập nó. Carl khum bàn tay lại chụp ngay được nó và bóp chết. Ông đi lại cửa sổ và thấy nó ra ngoài.

- Thì tao đã nói đó, - ông ngoại tiếp, Nhưng Carl ngăn lại:

- Ba ráng ăn thêm thịt đi Tụi con chuyển sang món bánh Pudding đây.

Jody thấy ánh giận dữ lóe lên trong mắt mẹ. Ông ngoại cầm dao nĩa lên "ờ, tao khá đói mà. phải. Chút nữa tao kể bay nghe".

Khi bữa tối xong, cả nhà và Billy Buck ngồi trước lò sưởi ở một căn phòng khác. Jody bồn chồn nhìn ông ngoại. Cậu trông thấy những dấu hiệu cậu đã qua lành. Khuôn mặt đầy râu ngả tới trước ánh mắt mất đi nghiêm nghị và nhìn xa xôi vào đám lửa, những ngón tay lớn và khẳng khiu kết lại trên đầu gối.

- Không biết, - Ông ngoại bắt đầu. - Tao không biết đã kể cho bay tao đi chưa nhỉ.

- Ba kể rồi mà, - ông Carl ngắt lời. - Ngay lúc ba sắp tới vùng

Ông ngoại quay ngoắt sang ông con rể: "Phải rồi. Tao nghĩ là chắc tao đã kể rồi".

- Nhiều lần rồi, - Carl nói một cách thô bạo và tránh cái nhìn của vợ. Nhưng ông vẫn cảm được ánh mắt giận dữ của bà nhìn mình, và ông tiếp - dĩ nhiên con vẫn muốn nghe lại.

Ông ngoại lại nhìn đống lửa. Những ngón tay đan vào nhau rồi rời ra. Jody hiểu ông ngoại đang cảm thấy gì, trong lòng ông đang sụp đổ và trông trải ra sao. Chính Jody cũng bị gọi là thằng qủi chiều nay đó chứ đâu? Cậu chợt thấy dũng cảm và sẵn sàng chấp nhận tên gọi đó lần nữa.

- Kể chuyện da đỏ đi, ngoại, - cậu nói nhẹ nhàng.

Mắt ông ngoại sắc bén trở lại:

- Bọn trẻ lúc nào cũng muốn nghe chuyện da đỏ. Đó là chuyện của đàn ông, nhưng bọn nhỏ lại muốn nghe. Ồ, để coi. Ngoại đã kể cho con chuyện ngoại bắt mỗi xe phải đeo một tấm sắt dài chưa nhỉ?

Mọi người nín khe, ngoại trừ Jody. Cậu đáp "chưa"

- À, khi bị da đỏ tấn công, tụi tao luôn luôn đánh xe lại thành vòng tròn, núp sau bánh xe mà chống trả. Tao nghĩ nếu mỗi xe đều có một tấm sắt dài đục lỗ sẵn, thì có thể dựng tấm sắt ngoài bánh xe sau khi đã xếp vòng tròn để bảo vệ mình. Nó giảm số thương vong nhưng xe phải chờ nặng thêm chút. Dĩ nhiên là người ta không chịu. Không đoàn xe nào trước đó chịu làm như thế và họ không hiểu ra tại sao phải tốn công như thế. Họ sau này cứ tiếc vì điều đó.

Jody nhìn mẹ và biết bà chẳng để ý nghe gì cả. Ông Carl thì cạy cạy một vết chai trên ngón tay còn Billy dõi xem con nhện đang bò trên tường.

Giọng ông ngoại lại trầm xuống âm sắc ấy. Jody biết trước đích xác ông ngoại sẽ nói chừ gì. Câu chuyện tuần tự đều đều, nhanh hơn ở đoạn tấn công, buồn bã khi nói về thương vong, có giọng điếu tang lúc nói chuyện chôn cất trên đồng cỏ. Jody ngồi im lặng nhìn ông ngoại. Anh mắt xanh nghiêm nghị giãn ra. Trông ông như thể cũng không quan tâm gì tới câu chuyện lắm.

Khi câu chuyện kết thúc, khi đã lịch sự dành một khoảng im lặng sau câu chuyện, Billy Buck đứng dậy vươn người và kéo quần:

- Chắc tôi phải đi nghỉ, - chú quay nhìn ông ngoại - Tôi có một cái sừng dựng thuốc súng hồi xưa, một cái mũ và một khẩu súng xưa dưới nhà ngủ. Tôi đã cho bác xem chưa nhỉ?

Ông ngoại chậm rãi gật đầu:

- Cho xem rồi, Billy. Nó làm tao nhớ khẩu súng của tao hồi làm dẫn đạo người ta.

Billy lịch sự đứng chờ câu chuyện kết thúc rồi nói "Chúc ngủ ngon" và chú đi ra.

Carl Tiflin cố gắng xoay chuyện sang hướng khác:

- Ba thấy đường từ Montetery tới đây ra sao? Con nghe nói chỗ nào trời cũng hạn.

Trời hạn đấy, - Ông ngoại đáp. - Không một giọt mưa nào ở Laguna Seca. Nhưng chưa ăn thua gì so với năm 87. Cả nước hồi đó như hóa thành bột hết, còn năm 61 thì tao nghĩ rằng mọi con sối đều chết đói. Năm nay thì mình có mưa tới 370 mm.

- Đúng, nhưng mưa tới sớm qúa. Bây giờ còn chút thì hay qúa. - Ông Carl liếc sang Jody, - mày đi ngủ không hay hơn sao?

Jody ngoan ngoãn đứng dậy:

- Con săn chuột chỗ đống cỏ khô cũ nghe ba?

- Chuột hả? Ô, được ! diệt hết chúng đi. Billy nói chẳng còn được mấy mớ cỏ tốt.

Jody với ông ngoại kín đáo nhìn nhau đắc ý. Nó hứa hẹn:

- Mai con sẽ lùng sạch

Jody nằm trên giường và nghĩ tới thế giới hoang đường của người da đỏ và những con trâu, một thế giới chẳng bao giờ còn tồn tại nữa. Cậu mong mình được sống vào cái thời oai hùng đó, nhưng cậu biết mình chẳng phải một tay anh hùng gì. Bây giờ thì chẳng còn tay anh hùng nào còn sống, có chăng chỉ cỡ Billy Buck, người đáng mặt làm những chuyện người khác đã

lâm rồi. Một lớp người vĩ đại đã sống hồi đó những người không hề biết sợ hãi, nhưng người vững chãi ngày nay không còn gặp nữa. Jody nghĩ tới những đông cỏ hoang và những cỗ xe vượt qua đó như những con rết. Cậu nghĩ tới ông ngoại ngồi trên một con bạch mã, chỉ đạo đoàn người. Trong trí cậu hiện ra những bóng ma không lõ, lướt trên mặt đất và biến mất.

Cậu lại nghĩ tới trang trại, cậu nghe âm thanh u u đơn điệu do không gian và sự tĩnh lặng tạo ra. Cậu nghe tiếng một trong hai con chó, phía ngoài chuồng, gãi ngứa và khủy chân cứ đập xuống sàn với mỗi cú gãi. Rồi gió lại nổi lên, có tiếng cây bách đen rên rỉ rồi cậu rơi vào giấc ngủ.

Cậu thức dậy khoảng một tiếng rưỡi trước khi kèng đánh báo giờ ăn sáng. Mẹ cậu đang lục đục với cái lò để nhen lửa khi Jody đi qua căn bếp:

- Dậy sớm vậy, - mẹ cậu nói - đi đâu đó?

- Ra kiếm một cây gậy. Hôm nay tụi con sẽ diệt chuột.

Tụi con là ai?

- A, con với ông ngoại.

- Rủ được ngoại rồi hả. Mày thì lúc nào cũng rủ bằng được ai đó để có gì thì đổ lỗi hả?

- Con trở vô liền. Con chỉ cần kiếm một cây gậy để ăn sáng xong là sẵn sàng.

Cậu khép cánh cửa lưới lại sau lưng và bước ra bầu trời buổi sáng xanh ngắt. Bọn chim ồn ào lúc sáng sớm, những con mèo từ trên đồi phóng vê như những con rắn ngốc nghếch. Chúng đi săn chuột túi tối hôm trước và mặc dù con nào con nấy cang

bụng với thịt chuột nhưng chúng vẫn tu lại ở cửa sau kêu meo meo đòi uống sữa một cách thảm thiết. Hai con chó, DouBletrê Mutt và Smasher thơ thẩn đánh hơi theo những bụi cây, chúng thi hành công việc với vẻ hết sức nghiêm trang, nhưng khi Jody huýt gió, chúng ngẩng phắt đầu dậy và vẫy đuôi. Chúng lao về chỗ cậu, ngo ngoáy rồi ngáo. Jody vỗ đầu chúng một cách trang trọng rồi đi lại chỗ đống củi. Cậu lấy một cây cán chổi cũ và một khúc gỗ vuông ngắn ngắn. Cậu móc trong túi ra một sợi dây giầy cột nối hai đầu lại thành một thanh quất vung thanh ấy lên và đập thử xuống đất, hai con chó nhảy bắn ra và rên ư ử e ngại.

Jody quay người đi xuống chỗ chất cỏ để xem qua bãi đất nơi sẽ tan sát lũ chuột, nhưng Billy Buck ngồi kiên nhẫn ở thềm sau đã gọi cậu:

- Đi vô đi. Sắp tới giờ ăn sáng rồi

Jody đổi hướng đi vào nhà, cậu tựa thanh quất ở thềm:

- Cái này để lùa chuột ra, - cậu nói. - Chắc tụi nó mập dữ. Tụi nó đâu biết hôm nay sẽ xảy ra chuyện gì.

- Không, cậu cũng không biết, - Billy ra giọng triết lý, - tôi cũng không biết, chẳng ai biết cả

Jody ngớ ra trước câu nói đó. Cậu biết điều ấy đúng. Óc tưởng tượng của cậu rời khỏi chuyện săn chuột. Khi mẹ cậu bước ra gõ vào kẻng, thì tất cả những ý nghĩ đó sụp lại thành một đòng.

Khi họ ngồi vào bàn thì vẫn chưa thấy ông ngoại đâu. Billy hất đầu về chiếc ghế trống: "Ông cụ khỏe chứ? Đâu có bệnh, phải không?"

- Ba tôi thay đổi lâu lắm, - bà Tiflin nói, - chải râu, đánh giày rồi chải áo nữa.

Carl rắc đường lên món cháo ngô:

- Người từng dẫn đạo một đoàn xe băng đồng thì phải ăn mặc cho cẩn thận.

- Đừng ăn nói thế, Carl! - bà Tiflin quay sang chồng- Làm ơn mà!- nhưng giọng bà có vẻ đe dọa nhiều hơn là nài nỉ. Chính giọng ran đe đó làm Carl bực.

- Thì sao? Đã bao nhiêu lần tôi phải ngồi nghe cái chuyện về những tấm sắt đó rồi? Lại chuyện ba mươi lam con ngựa nữa? Thời đó qua rồi, tại sao ba không quên đi giùm, đã qua hết rồi? - càng nói ông lại càng bực, giọng cứ cao lên. - Sao ba cứ kể đi kể lại mấy chuyện đó hoài? Ông đã băng đồng. Được! Bây giờ nó xong rồi. Chẳng có ai muốn nghe đi nghe lại chuyện đó nữa.

Cửa nhà bếp đóng lại nhẹ nhàng. Cả bốn người ngồi chết lặng. Carl đặt cái muỗng xuống bàn và đưa mấy ngón tay rờ cằm.

Rồi cửa nhà bếp mở ra, ông ngoại bước vào. Miệng ông mỉm cười mím lại, đôi mắt nheo nheo. "Chào buổi sáng", ông nói và ngồi xuống ghế, nhìn đĩa cháo ngô của mình.

Carl không thể để yên chuyện như thế được:

- Ba... ba có nghe con nói hồi nãy không?

Ông ngoại gật đầu nhẹ.

- Con không hiểu sao lại phát khùng như thế, ba à. Con không có ý như thế. Con chỉ định nói giỡn chơi.

Jody lấm lét nhìn mẹ, cậu thấy bà đang nhìn Carl và bà không thở được. Chuyện ba làm thiệt kỳ cục. Nói như thế là tự hại. Bây giờ rút lại lời nói từng chữ một thì quả là kinh khủng, mà rút lại trong nỗi xấu hổ lại còn tệ hại biết chừng nào.

Ông ngoại nhìn tránh sang bên:

- Tao đang cố chấn chỉnh lại mọi chuyện, - ông nói nhẹ nhàng. - Tao không có điên, Tao không buồn chuyện mày nói, nhưng có lẽ điều đó đúng, và tao phải xét tới chuyện đó.

- Không đúng đâu ba, - ông Carl nói. - Sáng nay con thấy không được khoẻ. Con rất tiếc vì đã nói thế.

- Dâu có gì mà tiếc, Carl. Người già đôi khi không nhận ra một số điều. Có lẽ mày đúng. Cuộc bàng đồng đã hoàn tất. Có lẽ nên quên nó đi. Xong hết rồi.

Ông Carl đứng dậy:

- Tôi no rồi, bây giờ đi làm. Chứ cứ thong thả. Billy, - rồi ông đi nhanh khỏi phòng ăn. Billy nuốt vội phần ăn của mình rồi cũng đi theo. Nhưng Jody không rời ghế được.

- Sao ngoại không kể thêm ít chuyện nữa? - cậu hỏi.

- Ồ, sẽ kể chứ, nhưng chỉ kể vào lúc... ngoại biết chắc người ta muốn nghe thôi.

- Con muốn nghe nè, ngoại.

- Ồ, dĩ nhiên, nhưng con còn nhỏ qúa. Đó là chuyện của người lớn, có điều chỉ có bọn trẻ là thích nghe chúng thôi.

- Con chờ ngoại ngoài kia nghe, - cậu đứng dậy, - Con kiếm được cây gậy đập chuột ngon lắm.

Cậu chờ ngoài cổng cho đến lúc ông ngoại ra. Cậu kêu lên:

- Mình xuống kia diệt chuột đi.

- Để ngoại ngồi tắm nắng một lát. Con đi đập chuột đi.

- Nếu ngoại thích thì con cho ngoại mượn cây gậy.

- Khỏi. Ngoại thích ngồi đây một lát.

Jody chán nản quay đi và bước về phía đồng cỏ. Cậu cố hừng chí lên với hình ảnh những con chuột mập lù. Cậu đập gậy xuống đất. Hai con chó lăng xăng và ư ử quanh cậu, nhưng cậu chẳng muốn đi. Ngoái lại, cậu thấy ông ngoại ngồi ở bực cửa, trông nhỏ bé, gầy gò và đen đúa. Cậu bỏ ý định và trở lại ngồi dưới chân ông ở bậc thềm.

- Trở lại rồi hả? Giết được chuột không?

- Không, ngoại à. Để bữa khác con diệt nó.

Những con ruồi buổi sáng bay vu vu sáng mặt đất, những con kiến bò loang quang trước bậc thềm. Mùi cây xô thơm trên đồi nồng nàn tỏa xuống và những tấm ván bậc thềm ấm dần lên trong nắng.

Jody không rõ ông ngoại bắt đầu nói khi nào:

- Ngoại không nên dừng ở đây, theo như ngoại thấy, - ông nhìn xuống đôi bàn tay to và già nua của mình. - Ngoại cảm thấy như cuộc bang đồng không đáng cho mình làm, - ánh mắt ông hướng lên sườn đồi và nhìn một con chim ưng đậu bất động trên một cành khô ngoại kể nhưng câu chuyện cũ đó, nhưng đó không phải điều ngoại muốn nói. Ngoại chỉ biết ngoại muốn người ta cảm thấy thế nào khi ngoại kể những chuyện đó

Điều quan trọng đâu phải những người da đỏ, những phiêu lưu hay chuyện đã đi được tới đây. Vấn đề là cả một đoàn người hợp lại thành một con thú khổng lồ bò đi. Và ngoại là người dẫn đạo. Tiến về phía tây, tiến về tây. Từng người một thì có thể có những khao khát riêng, nhưng cả con thú khổng lồ đó chỉ muốn tiến về phía tây. Ngoại là kẻ dẫn đạo, nhưng nếu lúc đó không có ngoại thì sẽ có người khác làm đầu tàu. Cái gì cũng phải có một cái đầu.

Giữa trưa nắng rực chỉ có bóng râm ở dưới những bụi cây nhỏ xíu. Khi sau cùng đoàn người thấy được dãy núi, tụi ngoại đã khóc, tất cả mọi người. Chuyện tới được chỗ này không thành vấn đề, mà là chuyện di chuyển đi và tiến về phía tây.

Tụi ngoại mang cuộc sống tới nơi đây và dựng lại theo kiểu những con kiến ôm trứng đi. Mà ngoại là người dẫn đạo, cuộc tây tiến lớn lao như trời đất, từng bước chân đi chậm chạp cứ nối tiếp nối tiếp cho đến khi vượt qua hết một lục địa.

Rồi tụi ngoại tới được bờ biển, và thế là xong.

Ông ngoại dừng lời và dụi mắt cho đến khi nó đỏ hoe lên:

- Lẽ ra ngoại phải nói về điều đó thay vì cứ kể những câu chuyện.

Khi Jody lên tiếng, ông ngoại giật mình và nhìn xuống cậu.

- Có thể mai mốt con cũng dẫn đạo người ta.

Ông già mỉm cười:

- Còn nơi nào nữa đâu mà đi. Biển chặn mất đường rồi. Có biết bao nhiêu ông già sống dọc bờ biển này thù ghét nó vì đã chặn bước đi tới của họ.

- Thì mình đi thuyền, ngoại.

- Chẳng có nơi nào để tới, Jody à. Chỗ nào cũng có người rồi. Nhưng đó chẳng phải điều tệ nhất, chưa phải đâu. Mà là chuyện tây tiến đã chết trong lòng người ta. Không còn nổi thèm khát tây tiến nữa. Xong hết rồi. Ba con nói đúng. Kết thúc rồi. - Ông già đan những ngón tay lại trên đầu gối và cúi nhìn chung. Jody thấy buồn hiu.

- Ông ngoại uống nước chanh không, con làm cho?

Ông ngoại đã định từ chối nhưng rồi lại thấy khuôn mặt Jody:

- Hay lắm, - ông đáp - giờ mà uống nước chanh thì thiệt ngon lành.

Jody chạy vào nhà bếp, mẹ cậu đang dọn dẹp những đĩa ăn sáng cuối cùng:

- Con xin một trái chanh làm nước chanh cho ngoại nghe mẹ?

- Rồi một trái nữa cho con nghe mẹ, - mẹ nó nhại giọng nó.

- Không, con xin một trái thôi.

- Jody! Chê hả! - bà chợt ngưng lại. - Lấy trái chanh trong thùng lạnh đó, - bà dịu giọng. - Nè, để mẹ lấy cái đồ vắt chanh xuống cho.

***PHẠM VIÊM PHƯƠNG** dịch*

THẰNG CON NHÀ HƯ ĐỐN

MIKHAIL SÔLÔKHÔP
(NOBEL 1965)

Miska nằm mơ thấy dường như ông nó vừa bẻ trong vườn một cành anh đào to, bước tới bên nó, tay vung cành cây, miệng nghiêm khắc bảo:

- Nào lại đây, thằng ranh Miska, tao phải cho mày mấy roi vào chỗ hai chân mọc ra mới được! .

- Vì tội gì, hở ông? - Miska hỏi.

- Vì tội mày lấy cắp hết trứng ở ổ của con gà lông xù đẻ trong chuồng rồi đem ra nhà đu quay bán!..

- Ông ơi, năm nay cháu có ra chơi đu quay đâu! - Miska sợ hãi kêu lên.

Nhưng người ông nghiêm nghị vuốt chòm râu rồi bỗng giậm chân giận dữ:

- Nằm xuống, thằng ranh con, tụt quần ra!..

Miska hét lên và tỉnh dậy. Trống ngực đánh thình thình như thế nó vừa nếm trận roi thật. Nó mở tí hí mắt trái - trong nhà đã sáng rõ. Bình minh chiếu yếu ớt bên ngoài cửa sổ nhỏ. Miska ngóc đầu dậy, nghe rõ tiếng nói ở phòng ngoài: mẹ đang rít lên, nói gì đó, cười sằng sặc, ông thì húng hắng ho và một giọng nói là lạ của người nào đó: "Bu-bu-bu...".

Miska dụi mắt và nhìn thấy: cánh cửa mở rồi đóng sập lại, ông đang chạy vào buồng, dáng tung tang, cặp kính nảy chồm chồm trên sống mũi. Thoạt tiên Miska nghĩ rằng cha đạo cùng ban đồng ca nhà thờ tới nhà (thường cứ đến ngày lễ Phục sinh khi cha đạo tới, ông vẫn tất bật như vậy), nhưng theo sau ông, một quân nhân lạ mặt, vóc người to lớn, mặc áo lính mầu đen và đội chiếc mũ có dải nhưng không có lưỡi trai, chạy xộc vào buồng, còn mẹ thì hai tay bíu lấy cổ người lính đó, rú lên.

Đến giữa nhà, người lạ mặt gỡ tay mẹ đang bám vào cổ mình và nói to:

- Còn thằng cu nôi đỏi của tôi đâu rồi?

Miska sợ, rúc vào chăn.

- Miska, con ơi, sao mày lại ngủ? Bố con từ đơn vị về đấy! - mẹ nó kêu lên

Miska chưa kịp chớp mắt thì người lính đã túm được nó, tung lên gần trần nhà, sau đó ghì sát vào ngực và cứ thế lấy bộ râu mầu hung hung, chọc thật sự vào môi, má, mắt nó. Râu dính cái gì đó ươn ướt, mằn mặn. Miska giẫy ra, nhưng không sao quẫy nổi.

- Xem này, cậu cả bônsêvích của tôi đã lớn thế này đây!.. Chẳng mấy chốc nó cao hơn bố!..Ô-hô! - ông bố kêu lên và nựng lấy nựng để Miska, - hết đặt nó ngồi trên lòng bàn tay, lại tung bổng nó lên tới tận xà ngang trần nhà.

Miska nén chịu hồi lâu, nhưng sau đó nó chau mày giống ông, ra bộ nghiêm khắc và túm lấy râu bố.

- Buông con ra, bố!

- Bố không buông đâu!

- Buông ra! Con lớn rồi, mà bố cứ nựng con như con nít ấy!...

Ông bố đặt Miska xuống đầu gối mình, vừa mỉm cười vừa hỏi:

- Thế con mấy tuổi rồi, hở cu con?

- Tám tuổi, - Miska gườm gườm nhìn bố vừa lâu bâu.

- Thế cu con còn nhớ năm kia bố làm cho con những chiếc tầu thủy không? Con có nhớ bố con ta thả chúng trong ao không nào?

- Nhớ chứ ạ! - Miska nói to và rụt rè giơ hai tay ra quàng lấy cổ bố.

Thế là vui vẻ cả: ông bố đặt Miska cưỡi lên cổ, giữ hai chân nó và chạy mấy vòng trong nhà, rồi vừa đá hậu vừa hí như ngựa, khiến Miska khoái chí cười ngặt nghẽo. bà mẹ kéo tay áo thằng bé, la lối:

- Ra ngay ngoài sân chơi đi con!..Ra ngay, bảo có nghe không nào, thằng qủi sứ! - Rồi mẹ van vỉ bố: - Buông nó ra Phôma Akimưts! Anh hãy buông nó ra đi! . Nó chẳng cho em được ngắm anh một chút, chàng dũng sĩ của em. Hai năm trời không nhìn thấy nhau, vậy mà anh cứ đùa với nó thôi!

Ông bố đặt Miska xuống sàn và nói:

- Con chạy đi chơi với các bạn, lát nữa về đây bố cho kẹo Bước ra ngoài, Miska khép cánh cửa lại; ban đầu nó định đứng nghe lỏm câu chuyện trong nhà, nhưng rồi sực nhớ: chưa đứa

nào biết bò đã về - thế là nó bảng qua sân, giẫm lên cả những hốc khoai tây ngoài vườn, chạy vụt ra ao.

Miska tắm dưới nước ao tù, mùi hôi thối, nằm phơi mình trên cát, hụp lặn cuối cùng rồi một chân nhảy lò cò, xỏ chiếc quần cộc. Nó định quay về nhà, nhưng ngay lúc đó Vítka - con trái lão cố đạo - đi lại gần nó

- Miska, đừng vé vội! tắm cái đã, rồi đến chỗ chúng tớ chơi đi Mẹ tớ đã cho phép đằng ấy đến nhà đấy.

Miska lấy tay trái kéo ống quần tụt, sửa lại dây đeo quần ở trên vai và miễn cưỡng nói:

- Tớ chả muốn chơi với đằng ấy. Tai đằng ấy thối lắm! .. Vítka ranh mãnh nheo mắt trái, vừa tuột chiếc sơ-mi len dệt khỏi đôi vai gầy guộc vừa nói:

- Vì bệnh tràng nhạc đấy mà, còn đằng ấy là thằng nông dân, mẹ đằng ấy đã đẻ đằng ấy ở bên bờ rào!...

- Thế đằng ấy nhìn thấy à?

- Tớ nghe chị bếp nhà tớ kể cho mẹ tớ thế.

Miska lấy chân cời cát và nhìn Vítka từ đầu xuống chân.

- Mẹ mày nói ba toạng! Chẳng gì bố tao cũng đã đi đánh nhau ngoài mặt trận, còn bố mày là kẻ khát máu và gặm bánh mì của những người khác!

- Thằng con nhà hư đốn! .- con lão cố đạo bĩu môi hét to.

Miska vớ ngay lấy hòn đá cuội bị nước xói mòn, nhưng con lão cố đạo cố cầm nước mắt và mỉm cười mơn trớn:

- Đằng ấy chớ gây gổ, Miska, đừng giận tớ! Đằng ấy có thích tớ cho đằng ấy con dao găm bằng sắt của tớ không?

Cặp mắt Miska ánh lên vui sướng, nó quẳng hòn đá cuôi đi, nhưng sực nhớ đến bố, nó nói hãnh diện:

- Bố tớ đem từ mặt trận về cho tớ con dao gam tốt hơn của đằng ấy cơ!

- Cậu chỉ phịa! ... Vítka không tin, kéo dài giọng.

- Cậu phịa thì có!.. Tớ đã bảo: bố tớ đem về là đem về thật mà! ... Và một khẩu súng tươm lắm...

- Gớm, cậu giàu nhỉ!... Vítka cười khẩy, vẻ ghen tị.

- Bố tớ có cả mũ nồi nữa, trên mũ có băng và những chữ vàng, y như trong các sách của đằng ấy.

Vítka nghĩ mãi cách làm cho Miska phải ngạc nhiên, nó nhăn trán và gãi gãi cái bụng xanh nhợt.

- Bố tớ sắp được lên giám mục, còn bố đằng ấy trước kia chỉ là gã chăn bò. Có phải không nào?

Miska chán không muốn đứng đó nữa, quay lưng đi về phía vườn rau. Thằng con cố đạo gọi với nó:

- Miska, Miska, tớ nói với cậu cái này!

- Nói đi.

- Hãy lại gần tớ!...

Miska đến gần và liếc mắt nhìn với vẻ hoài nghi:

- Nói đi nào!

Thằng con cố đạo nhún nhảy đôi chân ống rộng, vòng kiềng trên cát, vừa mỉm cười vừa nói to với vẻ độc địa:

- Bố mày là cộng sản! Khi nào mày chết, hồn mày sẽ bay lên trời, ông trời sẽ bảo: "Vì bố mày là cộng sản, nên mày phải xuống âm phủ". Ở đó, bầy qủi sứ sẽ bỏ mày vào vạc dầu mà rán!

- Thế mày tưởng là mày không bị bỏ vạc dầu hở?

- Bố tao là cha cô!.. Mày là thằng ngốc vô học không hiểu gì cả

Miska đâm hãi. Nó quay đi và lẳng lặng chạy về nhà.

Nó dừng lại ở bên cạnh hàng rào vườn, vừa giơ nắm đấm lên dọa con lão cố đạo vừa nói to:

- Được, tao sẽ hỏi ông tao. Mày mà nói láo thì chớ có đi qua sân nhà tao nữa nhé!

Nó nhảy qua hàng rào, chạy về đến nhà, nhưng trước mắt cứ hiện lên cái vạc dầu và bầy qủi sứ bỏ nó, bỏ Miska, vào rán... Ngồi trong vạc dầu người nóng bỏng rẫy, còn xung quanh váng sữa sôi sùng sục và sủi bọt. Nó thấy sởn gai ốc, mong chạy thật nhanh đến chỗ ông để hỏi cho ra nhẽ...

Chẳng may một chú lợn mắc kẹt ở cổng sân. Đầu nó bên này cổng, còn thân ở bên kia, bồn chồn tì mạnh xuống đất, cái đuôi ngoe nguẩy và miệng kêu eng éc. Miska liền chạy lại giúp một tay, nó thử mở cánh cổng, nhưng chú lợn bắt đầu rên rỉ. Nó cưỡi lên mình con vật, chú lợn lấy hết sức lật cánh cửa, kêu rống lên một tiếng rồi chạy xồ qua sân tới kho để lúa mới gặt. Miska lấy đôi gót chân thúc vào mạng sườn chú lợn phóng đi,

đến nỗi gió thổi ngược tóc nó lại phía sau. Đến bên kho lúa mới gật, nó nhảy xuống, nhìn lên thấy ông đang đứng trên thềm, giơ ngón tay vẫy gọi nó

- Lại đây, thằng bé ngoan của ông!

Miska không biết ông gọi nó làm gì nhưng bỗng nó sực nhớ tới cái dâu vạc dưới ấm phủ và thế là ba chân bốn cẳng chạy lại chỗ ông.

- Ông ơi ông, thế trên trời có qủy sứ không, hả ông?

- Bây giờ tao sẽ cho mày biết tay bọn qủy sứ ấy! . . Tao phải cho mày một trận roi nên thân mới được! Mày gớm nhỉ, đồ an hại, tại sao lại cưỡi lợn chạy rong hở?..

Người ông túm lấy chòm tóc Miska, gọi mẹ nó ở trong buồng ra:

- Cô ra mà xem thằng con tài ba của cô đây này!

Bà mẹ chạy vụt ra.

- Sao ông mắng nó vậy?

- Lại còn sao nữa? Tao đứng đây, thế mà nó cứ cưỡi con lợn chạy rong trên sân, làm gió cuốn bụi mù!...

- Nó cưỡi con lợn chửa à? ... bà mẹ kêu lên

Miska chưa kịp mở miệng để thanh minh cho mình thì ông đã tháo dây lưng, tay trái túm lấy chiếc quần để nó khỏi tụt, còn tay phải kẹp đầu Miska giữa hai đầu gối. Ông cho nó một trận xong, rồi nói rất nghiêm khắc.

... Từ rầy không được cưỡi con lợn nữa nhá!... Không được cưỡi nữa nhá!...

Miska toan kêu to ầm ĩ lên, nhưng ông nó lại nói:

" ... À ra mày không thương thằng bố mày ả, hở đồ mèo con?

Bố mày vừa trở về, mét lử nằm chợp mắt một tí, mà mày định la ầm lên phải không?

Nó đành phải nín lặng. Nó chực giơ chân đá ông một cái, nhưng không với tới. Bà mẹ tum lấy Miska, đẩy vào trong nhà:

- Mày ngồi đây, mẹ tiên nhân mày! .. Rồi tao sẽ cho mày biết tay.. tao thì cứ gọi là róc xương mày ra, chứ chẳng đánh như ông gãi đầu!...

Ông ngồi trên chiếc ghế dài trong bếp, chốc chốc lại liếc nhìn cái lưng Miska.

Miska quay lại phía ông, giơ nắm tay lên chùi nốt giọt nước mắt cuối cùng, tựa lưng vào cánh cửa, nói:

- Được rồi, ông hãy nhớ đấy nhá!

- Thằng ranh con, mày dọa ông đấy hở?

Thấy ông lại thảo dây lưng, Miska vội vàng mở hé sẵn cánh cửa.

- A, ra mày dọa tao, hà? - ông hỏi lại.

Miska lẻn hẳn ra phía sau cửa. Nó vừa dòm qua khe hở, vừa chăm chú theo dõi từng động tác của ông, sau đó nói:

... Được rồi, được rồi, ông ơi?.. Hễ rang ông rụng, cháu sẽ không nhai cho ông đâu!...Lúc ấy ông có nhờ, cháu cũng chả nhai!

Ông bước ra thềm, nhìn thấy cái đầu của Miska nhấp nhô và hai ống quần màu xanh thấp thoáng trong vườn rau, giữa

bụi gai đâu lá xanh mọc lòa xòa. Ông còn giơ chiếc gậy chống lên dọa nó hồi lâu và trong chòm râu ông ẩn giấu một nụ cười.

* * *

Đối với bố, nó là thằng Miska. Đối với mẹ - nó là Minhiuska. Đối với ông - những lúc ông âu yếm cháu - nó là thằng ranh, còn những khi đôi mày sâu rớm bạc phơ của ông nhíu lại trên đôi mắt, thì: "Này,cậu Mikhailô Phômích, mời cậu lại đây ăn cái béo tai!".

Còn đối với mọi người khác: với các bà hàng xóm hay đi khảo chuyện người khác, với đám trẻ, với cả bản - Miska là "thằng con nhà hư đốn".

Mẹ đẻ ra nó từ khi là cô gái chưa chồng, mặc dù sau đó một tháng, chị ta đã làm lễ cưới với anh chàng chăn bò Phôma là bố đẻ thằng bé, nhưng biệt danh "thằng con nhà hư đốn" đã như cái ung nhọt gắn với nó suốt đời.

Miska trông gầy gò, bộ tóc của nó từ mùa xuân tựa như những cánh hoa hướng dương đang nở, bị cái nắng tháng sáu nóng bỏng đốt cháy sém, làm xù lên những chòm tóc ngắn chỗ sẫm chỗ nhạt; hai má, giống như hai qả trứng chim sẻ lốm đốm đen, đầy tàn nhang, còn da mũi thì vì dãi nắng và tắm ao nhiều, bị tróc nứt nẻ. Cái đẹp duy nhất của thằng Miska chân vòng kiềng là đôi mắt. Đôi mắt xanh, tinh nghịch, nhìn từ kẽ ,mắt ti hí nom như hai giọt băng chưa tan trên mặt sông.

Chính vì đôi mắt ấy và vì tính hiếu động, tinh nghịch mà bô yêu Miska. Ông ta giải ngũ trở về, làm qùa cho cậu con trai thứ bánh bằng kiểu Viadơma để lâu ngày đã rắn cấc và đôi ủng hơi rách. Đôi ủng mẹ nó bọc vào tấm khăn mặt bỏ vào hòm, còn

bánh bằng thì ngay chiều hôm đó Miska lấy búa đập trên bậu cửa, chén sạch.

Ngày hôm sau, Miska thức dậy từ lúc mặt trời mọc. Nó vục một vốc nước ấm trong bình gang, xoa đám ghét bẩn từ hôm qua ra khắp hai má, rồi chạy ra sân phơi cho khô mặt.

Mẹ nó đang lúi húi bên cạnh con bò, ông thì ngồi trên thềm đất ở chân tường. Ông gọi Miska lại.

- Thằng ranh đâu, chui vào gầm kho xem! Con gà mái ngoài đó cục tác mãi, chắc nó đẻ rồi đấy.

Miska bao giờ cũng ram ráp theo lệnh ông: nó chạy chân sáo qua vườn rau đến cái ao, ngoái cổ lại xem ông có nhìn nó không? Chưa kịp chạy tới hàng rào, hai chân đã bị cành tầm ma châm ngứa ran. Còn ông nó thì vẫn ngồi đợi, đằng hắng lên mấy tiếng. Đợi mãi không được, ông liền bò vào gầm kho. Người dính đầy phân gà, mắt lim dim vì bóng tối chập choang và đụng đầu phải xà ngang đau điếng, ông bò đến đầu kia gầm kho.

- Ôi thằng Miska, mày thật là đồ ngốc!...Tìm thế nào mà mãi chửa thấy, hả?!. gà đâu có đẻ ở đây? Trứng nó phải ở dưới hòn đá này chứ! Mày bỏ đi đâu rồi, hử thằng ranh?

Im lặng, chẳng nghe thấy tiếng trả lời. Ông cụ phủi cục phân gà dính ở ống quần, bò ra khỏi hầm kho. Nheo mắt nhìn hồi lâu về phía ao, ông cụ thấy Miska và phẩy tay...

Đám trẻ đứng ở bên bờ ao vây lấy Miska, hỏi:

- Bố mày ra mặt trận, hả?

- Phải.

- Thế bố mày làm gì ở đó?

- Còn làm gì nữa - đánh nhau chứ sao!..

- Mày nói lao!...Ở đó, bố mày chỉ giết chấy rận và gặm xương trong bếp!...

Đám trẻ cất tiếng cười hô hố, lấy tay chỉ trò vào Miska và nhảy nhót quanh nó. Đôi mắt Miska đầm lệ vì bị xúc phạm đau đớn, đã thế Vitka - thằng con lão cố đạo - lại còn chọc thêm làm nó tủi thân.

- Thế bố mày là cộng sản phải không? - nó hỏi.

- Tao không biết..

- Tao biết, bố mày là cộng sản. Sáng nay bố tao nói bố mày đã bán linh hồn cho qủi dữ rồi. Bố tao còn bảo nay mai người ta sẽ treo cổ hết bọn cộng sản!

Đám trẻ im lặng, còn trái tim Miska như thắt lại. Bố nó sẽ bị treo cổ - vì cớ gì? Nó nghiến chặt răng và nói:

- Bố tao có khẩu sung to đùng, bố tao sẽ giết hết bọn tư sản!

Vitka bước một chân ra phía trước, nói với giọng đắc thắng:

- Bố mày làm cóc gì nổi! Bố tao sẽ không ban phước cho bố mày, mà không được ban phước thì bố mày đừng hòng làm gì sất!

Prôska, con chủ quán, phồng hai lỗ mũi, hích vào ngực Miska và hét to:

- Mày đừng có vênh váo về bố mày! Khi bắt đầu cách mạng, bố mày đã tịch thu đồ hàng của bố tao, bố tao bảo: "Nếu chính quyền này đổ, thì ông sẽ giết thằng chán bò Phôma trước tiên!"

Nataska, chị của Prôska, giâm chân:

- Nện cho nó một mẻ, chúng mày ơi, sao lại đứng nhìn thế kia?

- Nện con thằng cộng sản đi!

- Thằng con nhà hư đốn!

Prôska vung cái que, quất xuống vai Miska, thằng con bò cố đạo Vítka giơ chân giang và Miska ngã xuống cát.

Đám trẻ la hét, nhảy xổ vào nó. Nataska rít lên the thé và lấy móng tay cào cổ Miska. Có đứa nào đó giơ chân đá rất đau vào bụng nó.

Miska hất được Prôska khỏi người mình, phóng vụt đi và luồn lách trên bãi cát như con thỏ chạy trốn đàn chó săn, ù té về nhà. Đám trẻ huýt sáo, ném đá nhưng không đuổi theo.

Miska chỉ kịp hoàn hồn, khi nó chui cả đầu vào trong bụi gai dầu xanh um. Nó ngồi thụp xuống mặt đất ẩm ướt, thơm thơm, chùi máu ở trên cổ bị cào cấu và òa lên khóc; mặt trời ở trên đầu luồn qua đám cành lá cô ngố nhìn đôi mắt của Miska. Đưa rào những giọt nước mắt trên má và, như bà mẹ, âu yếm lồn vào chỏm tóc hung của nó.

Nó ngồi đó hồi lâu, đợi cho ráo nước mắt, sau đó đứng dậy và rón rén đi vào trong sân

Dưới tầm mái che, ông bố đang tra dầu vào bánh cỗ xe thổ mộ. Chiếc mũ nồi đội trễ xuống gáy, Những dải quai mũ buông thõng, còn chiếc áo màu xanh ở trước ngực có những sọc trắng, Miska lẻn lén tiến lại gần và đứng cạnh cỗ xe. Nó im lặng hồi lâu. Rồi đánh bạo sờ tay bố, khẽ hỏi:

- Bố ơi, bố làm gì ở ngoài mặt trận?

Nụ cười của bố nở ra dưới chòm râu hung, bố nói:

- Bố đánh nhau, con ạ

- Thế mà lũ nhóc con chúng nó bảo bố ở ngoài đó chỉ đi giết chấy rận thôi! ..

Nước mắt lại trào lên nghẹn họng Miska. Ông bố cất tiếng cười vang và bế Miska lên tay

- Chúng nó nói tầm bậy đấy con yêu qúy của bố ạ! Bố đi trên tàu biển. Con tàu lớn chạy trên biển, bố làm việc trên tàu đó, rồi sau đi đánh nhau

- Bố đánh nhau với ai?

- Bố đánh nhau với bọn chủ giàu có, con yêu qúy của bố ạ Con hãy còn nhỏ, nên bố phải ra trận thay con đấy. Có bài hát nói như vậy

Người bố mỉm cười và vừa nhìn Miska vừa giậm chân, khẽ hát:

Mikhail, Mikhail của ta ơi!
Anh dừng ra trận tuyến, mặc bố anh đi.
Bố anh tuổi già, đã hưởng thụ một đời...
Anh còn trẻ, anh chưa có vợ...

Miska quên cả chuyện bị đám trẻ xúc phạm và cất tiếng cười, vì chòm râu màu hung của bố dựng đứng ở phía trên môi như những nhánh cỏ gai mà mẹ thường dùng để bện chổi, còn đôi môi dưới chòm râu thì lập bập đến nực cười và miệng bố há ra như cái lỗ đen tròn.

- Bây giờ con đừng quấy bố nữa nhé, Miska, - người bố nói - để bố chưa cỗ xe đã, rồi đi ngủ bố sẽ kể hết cho con nghe về chiến tranh nhé!

+ + +

Ngày dài dằng dặc, như con đường dài quạnh hiu giữa thảo nguyên. Mặt trời đã xế bóng, đàn gia súc đã kéo qua bàn, mặt đường đa lắng bụi và trên bầu trời đã tới, ngôi sao nhỏ đầu tiên đã lấp ló.

Miska nóng lòng sốt ruột, mà bà mẹ thì cứ như cố tình lúi húi mãi bên cạnh con bò, vắt sữa hồi lâu, đi xuống hầm kho và lục xục dưới đó suốt một tiếng đồng hồ. Miska chạy quẩn quanh bà mẹ.

- Sắp ăn chiều chưa hở mẹ?

- Đi đâu mà vội, chạy rông về đói rồi hả! ..

Nhưng Miska không rời mẹ nửa bước, bà mẹ xuống hầm kho - nó cũng xuống theo, mẹ vào bếp - nó cũng bám gót. Nó bám mẹ như đỉa đói, bu gâu vậy, lẽo đẽo theo sau

- Mẹ ơi! Sắp ăn chiều chứ!

- Đừng quấn chân tao như cái đuôi nữa. Đói thì bẻ mẩu bánh mì ăn!

Nhưng Miska không nghe. Thậm chí bị mẹ bớp vào gáy, nó cũng chẳng sợ.

Ngồi vào ăn bữa chiều, nó húp quấy quá bát xúp, rồi chạy ù vào buồng ngủ. Nó quẳng quần ra sau chiếc hòm, nhảy phốc lên giường, rúc vào tấm chăn của mẹ may bằng những mảnh

vải vụn đủ màu. Nó nín thở và chớ bố vào kể chuyện chiến tranh.

Người ông quỳ gối trước ảnh thánh lẩm nhẩm đọc kinh, cúi rạp xuống lễ. Miska ngẩng đầu lên, ông đang lúi húi cúi gập lưng, những ngón tay trái tì xuống ván sàn và đụng trán xuống nền nhà đánh cốp một cái.

Con Miska thì huých khuỷu tay vào tường kêu đánh bục.

Người ông lại lẩm nhẩm đọc kinh và cúi đầu lễ. Miska lại huých tay vào tường. Ông nổi giận, quay lại phía Miska:

- Thằng quỷ sứ, lạy chúa, tao cho mày một trận bây giờ.

Hễ còn gõ nữa, ông nện chết!

Suýt nữa thì ông cháu lại sinh sự với nhau, nhưng bố Miska đã bước vào buồng.

- Miska, sao con lại nằm đây? - Ông bố hỏi.

- Con ngủ với mẹ

Người bố ngồi xuống giường và bắt đầu lạng lẽ vê vê chòm râu. Sau đó suy nghĩ một lát, ông nói:

- Bố giải đệm cho con ngủ trong buồng với ông nhé .

- Con không ngủ với ông đâu!

- Tại sao vậy?

- Râu ông sặc mùi thuốc lá hôi lắm!

Người bố lại vê vê chòm râu và thở dài:

- Không, con ơi, con hãy ngủ với ông...

Miska kéo chăn lên trùm đầu và ti hí một mắt nhìn ra ngoài, nói giận dỗi:

- Bố ơi, hôm qua bố đã ngủ chỗ của con, hôm nay lại thế.

Bố ngủ với ông đi!

Nó ngồi dậy ở trên giường và hai tay quàng lấy đầu bố, thì thào:

- Bố ngủ với ông ư, kẻo mẹ nằm với bố, chắc mẹ không ngủ được. Người bố cũng sặc mùi thuốc lá!

- Thôi được, bố ngủ với ông vậy, nhưng bố sẽ không kể chuyện chiến tranh nữa nhé. Người bố đứng dậy và ai xuống bếp.

- Bố ơi!

- Cái gì?

- Thôi bố nằm đây vậy... - Miska vừa thở dài vừa nói và đứng dậy. - Nhưng bố sẽ kể chuyện chiến tranh chứ?

- Bố sẽ kể.

"Ông nằm sát tường và đặt Miska nằm cạnh mép giường. Một lát sau bà nó vào buồng. Ông kê chiếc ghế dài cạnh giường, ngồi xuống và chân, điếu thuốc hối xì hút.

- Con có biết chuyện xảy ra thế nào không. - Con có nhớ ở sau sân đập lúa nhà ta trước kia là cánh ruộng của gã chủ quán không?

Miska nhớ lại ngày nọ nó thường hay chạy trên ruộng lúa mì mọc cao thơm ngào ngạt. Nhảy qua bức tường đá của sân đập lúa là tới ruộng ngay. Lúa mì cao ngập cả đầu nó, những

bông lúa tua tủa râu tơ đen nặng trĩu quết vào mặt buồn buồn. Phảng phất mùi bụi đất, mùi hoa cúc dại và gió đồng cỏ. Mẹ thương nói với Miska

Miska, con đừng vào sâu trong ruộng lúa, kẻo lạc đấy!

Người bố im lặng một lát, đoạn vừa nói vừa vuốt mái tóc Miska:

Thế con còn nhớ con cùng bố đi xe đến đồi Cát không?

Ở đó có ruộng lúa của nhà ta...

Và Miska lại nhớ lại: mảnh ruộng hẹp, vắn vèo, nằm ven đường sau đồi Cát, Miska cùng bố đi tới đó, nhưng cả dải lúa bị gia súc gẫm nát hết. Những bông lúa bị gẫm bẹp dí dưới đất nằm thành từng đống lấm bẩn, còn trơ những thân cây ngả nghiêng trước gió. Miska nhớ bố nó, vóc người to lớn và lực lưỡng làm vậy, đã phải nhăn nhó một cách khủng khiếp, và những giọt nước mắt hiếm thấy từ từ lan trên đôi mà đầy bụi của bố. Khi ấy, nhìn bố, Miska cùng khóc...

Trên đường về, bố hỏi người coi ruộng dưa:

- Anh Phêđôt, anh hãy nói ai phá ruộng lúa nhà tôi?

Người coi ruộng dưa nhổ đanh toẹt xuống dưới chân và trả lời:

- Gia chủ quán đánh gia súc ra chợ, hắn cố tình lùa cả đàn xuống ruộng lúa của anh đấy...

Người bố kéo chiếc ghế dài lại gần, tiếp tục kể:

- Gia chủ quán và bọn giàu có khác chiếm hết ruộng đất, còn những người nghèo thì không có đất trồng lúa. Tình cảnh ấy ở

đâu cũng thấy, chẳng phải riêng bản ta. Thời đó, bọn chúng hà hiếp ta bét mắt. Cuộc sống rất chật vật, bố đã đi chăn bò thuê, sau đó bị bắt đi lính. Trong quân đội bố sống cực lắm, hơi một tí là bọn sĩ quan đánh vỡ mặt. Thế rồi sau đó xuất hiện những người bônsêvích và đứng đầu họ là một người có biệt hiệu Lênin. Bản thân ông ta là người giản dị, nhưng cái đầu thì thông thái lắm, cũng dòng máu nông dân ta mà lại. Những người bônsêvích đặt ra cho bọn bố câu hỏi học búa lắm, đến nỗi bọn bố ai cũng phải há hốc cả miệng. Họ hỏi: "Vì sao anh em nông dân và công nhân lại không hiểu rõ cuộc sống của mình. Anh em hãy quét thẳng cánh bọn chủ và quan lại bằng chiếc chổi bẩn đi! Tất cả sẽ là của anh em!".

Bằng những lời lẽ hùng hồn thuyết phục được bọn bố. Bọn bố suy ngẫm, thấy phải. Mỗi người đã tịch thu ruộng đất và trại ấp của bọn chủ, nhưng bọn chúng không chịu nổi cuộc sống cực khổ, chúng nổ súng tấn công và gây chiến tranh hòng giết hại bọn bố là những nông dân và công nhân. Hiểu chưa con?

Còn bản thân ông Lênin ấy - vì đứng đầu những người bônsêvích, đã kéo nhân dân nổi dậy, vì thế như thợ cày cắm cây vơ đất. Ông Lênin tập hợp binh lính và công nhân, rồi đi đánh bọn chủ! Đánh cho chúng thất điên bát đảo! Từ đấy binh lính và công nhân được gọi là Hồng quân. Bố cũng phục vụ trong đơn vị Hồng quân ấy đấy. Bọn bố sống trong tòa nhà rất to gọi là xmônnưi. Những dãy hành lang ở đó, con biết không, dài lắm và có rất nhiều buồng, đến nỗi có thể bị lạc lối.

Có lần bố đứng gác cửa ban đêm. Trời lạnh mà bố chỉ có độc chiếc áo lính. Gió thổi vù vù. Bỗng từ trong tòa nhà đó có hai người đi ra ngang qua mặt bố. Họ tiến lại gần chỗ bố và bố

đoán được một trong hai người đó là Lênin. Ông đi lại chỗ bố, hỏi giọng thân mật:

- Đồng chí có rét không?

Bố trả lời ông.

- Không ạ, thưa đồng chí Lênin, chẳng những giá rét, mà bất kỳ kẻ thù nào cũng không khuất phục nổi chúng tôi! Chúng ta đã giành chính quyền về tay mình, đâu phải để rồi trao lại cho bọn tư sản ạ!...

Ông cất tiếng cười và bắt chặt tay bố. Đoạn ông thong thả đi ra cửa.

Người bố im lặng một lát, lấy trong túi ra bao thuốc lá sợi, cuốn sột soạt, đánh que diêm hút và Miska nhìn thấy trên sợi râu cứng màu hung một giọt nước mắt nhỏ long lanh trông như hạt sương sáng sáng động trên các chóp lá cây tầm ma.

- Đây ông Lênin như thế đấy. Ông quan tâm đến tất cả mọi người. Ông lo lắng đến từng người lính. Từ đó, bố hay được gặp ông. Mỗi lần đi qua bố, nhìn thấy bố từ xa là ông đã mỉm cười và hỏi:

- Vậy là bọn tư sản không khuất phục nổi ta chứ?

- Không thể khuất phục nổi, đồng chí Lênin ạ! - bố thường nói với ông như vậy.

Mọi việc đã diễn ra như lời dạy của ông, con ạ! Bọn bố đã tịch thu ruộng đất và các nhà máy, còn bọn giàu có - cái quân hút máu mủ chúng ta ấy - bị tống cổ đi nơi khác! Con lớn lên - thì đừng có quên rằng bố của con là thủy thủ và đã bốn năm nay đổ máu vì chủ nghĩa cộng sản. Tới lúc nào đó, bố sẽ chết và

cả Lênin cũng sẽ không còn nữa, nhưng sự nghiệp của chúng ta sẽ sống đời đời!... Khi nào con khôn lớn - con sẽ chiến đấu vì Chính quyền Xô Viết, như bố của con đã chiến đấu, nhé?

- Vâng a! . Miska kêu to, vùng dậy ở trên giường, chực nhảy lên ôm cổ bố, quên mất cả ông nằm cạnh, đang gác chân lên bụng nó.

Ông cất tiếng đằng hắng, quờ tay ra định nắm chỏm tóc Miska, nhưng bố lại bế thốc Miska lên tay và ẵm vào buồng ngủ.

Miska thiếp rồi ngủ trên tay bố. Ban đầu nó nghĩ mãi về con người kỳ lạ - về Lênin, về những người bônsêvích, về chiến tranh, về những chiếc tầu thủy. Ban đầu, trong lúc ngủ gà ngủ gật nó nghe thấy những tiếng nói rì rầm, ngửi thấy mùi mồ hôi ngòn ngọt và thuốc lá vườn nhà, sau đó hai mắt díp lại, mi mắt dường như bị ai đó lấy lòng bàn tay đè lên.

Chưa kịp thiếp ngủ, nó đã nằm mơ thấy thành phố: các phố xá rộng rãi, những chu gà trống đang rúc bới trong đống tro vãi tung; những chú gà ấy ở bản thì vô số, nhưng ở thành phố trông mới to làm sao. Nhà cửa giống hệt như bố kể: một tòa nhà trông rất to, mái nhà lợp bằng lau sậy; ống khói của tòa nhà đó còn có tòa nhà khác, trên ống khói của tòa nhà này lại có một tòa nhà nữa và ông khói của tòa nhà thượng đỉnh vươn cao chọc trời.

Miska đi trên đường phố, nghếch mũi ngắm nghía, và bất thình lình từ đâu đó xuất hiện một người cao lênh khênh, mặc chiếc áo sơ mi đỏ đang tiến lại gần nó.

- Chú bé Miska, sao chú lại rỗi việc đi lang thang thế này? - người đó hỏi rất âu yếm

- Ông cháu cho phép cháu đi chơi. - Miska đáp

- Thế chú có biết ta là ai không?

- Không, cháu không biết.

- Ta là đồng chí Lênin!

Sợ quá, hai đầu gối của Miska khụy xuống. Nó định bỏ chạy, nhưng người mặc áo đỏ đã nắm tay áo Miska và nói:

- Chú Miska, chú chẳng có chút lương tâm nào cả! Chú biết rõ ta chiến đấu vì nhân dân nghèo khổ, vậy sao chú không chịu vào quân đội của ta?

- Ông cháu không cho cháu đi! - Miska phân bua.

- Thôi, tùy chú đấy, - đồng chí Lênin nói, - nhưng thiếu chú, công việc của ta không ổn đâu! Chú cần gia nhập quân đội của ta. Có thể thôi!

Miska nắm tay ông Lênin và nói rất dứt khoát:

- Thôi được, cháu sẽ gia nhập quân đội của bác mà không cần xin phép, và chiến đấu vì nhân dân nghèo khổ. Nhưng nếu ông cháu cho cháu ăn roi vì chuyện này, bác bênh cháu nhé!

- Nhất định ta sẽ bênh chứ! - đồng chí Lênin nói, đoạn lại bước đi trên đường phố, còn Miska cảm thấy trong lòng sung sướng đến nghẹn ngào, khó thở. Nó muốn nói to lên điều gì, nhưng cái lưỡi đã khô không...

Trên giường, Miska giật nẩy người, hai chân đá phải ông và nó tỉnh dậy

Ông đang mê ủ ớ, đôi môi nhóp nhép, qua ô cửa sổ nhỏ, nhìn bầu trời ở phía sau ao đang dịu nhạt dần và từ đông, những đám mây trôi cuồn cuộn mầu hồng nom như những đám bọt máu.

* * *

Từ đó, ngày nào bố cũng kể cho Miska nghe về chiến tranh, về Lênin, về những nơi bố đã đóng quân.

Vào một tối thứ bẩy, nhân viên gác trụ sở ủy ban dẫn một người thấp lùn mặc áo da lính và cắp nách chiếc cặp da đi vào trong sân. Anh ta gọi ông ra nói:

- Cháu dẫn đồng chí cán bộ Xô Viết đến nhà ông đây. Đồng chí đó từ thành phố tới và ngủ lại đêm ở chỗ ông. Ông cho đồng chí ấy ăn chiều với nhé!

- Việc đó tất nhiên chúng tôi không từ chối, - ông nói.- Thế ông có giấy tờ gì không, hở ông đồng chí?

Miska lấy làm ngạc nhiên vì trình độ bác học của ông và đút ngón tay vào miệng, nó đứng lại nghe.

- Có ông ạ, có đủ giấy tờ! - người xách chiếc cặp da mỉm cười rồi đi vào nhà.

Ông theo sau anh ta, còn Miska theo sau ông.

- Ông đến chỗ chúng tôi có việc gì vậy? - ông vừa đi vừa hỏi.

- Cháu đến để tổ chức bầu cử lại ạ! Chúng ta sẽ bầu chủ tịch và các ủy viên Xô Viết.

Một lát sau, bố Miska từ sân đập lúa trở về. Bố chào hỏi người khách lạ và nói với mẹ dọn ăn chiều. Sau bữa ăn, bố và

người khách lạ ngồi cạnh nhau trên chiếc ghế dài, khách mở chiếc cặp da, lấy ra một tập giấy và bắt đầu đưa cho bố xem. Miska đứng ngồi không yên, nó cứ quẩn quanh muốn được ngó nhìn. Bố cầm một tờ giấy nhỏ đưa cho Miska xem:

- Miska giằng lấy tấm ảnh từ tay bố, dán hai mắt vào đó và miệng há tròn và ngạc nhiên: trên tờ giấy là ảnh một người đứng toàn thân, vóc nhỏ nhắn, chẳng phải mặc sơ mi đỏ, mà vận áo vét tông. Một tay đút túi quần, còn tay khác chỉ về phía trước; Miska nhìn chằm chằm vào bức ảnh, lập tức cảm nhận tất cả; nó ghi khắc sâu mãi trong trí nhớ đôi mày cong gập, nụ cười ẩn trong ánh mắt và trong khóe môi, nó nhớ từng đường nét trên gương mặt.

Người khách lạ lấy lại tấm ảnh trong tay Miska, khóa cặp lại rồi đi ngủ. Anh ta cởi quần áo, đi nằm và trùm chiếc áo da kín mít đầu, bắt đầu thiếp ngủ, thì nghe thấy tiếng cửa cọt kẹt. Anh ngóc đầu dậy:

- Ai đấy?

Có tiếng chân đất của ai đó bước trên sàn.

- Ai ở ngoài đó? - anh ta hỏi lại và bỗng nhìn thấy Miska ở cạnh giường.

- Cháu cần gì, cháu bé?

Miska đứng im lặng giây lát, sau đó đánh bạo, nói thì thào:

- Chú ơi, thế này nhé...xin chu...cho cháu tấm ảnh ông Lênin!...

Người khách lạ im lặng, thò đầu từ trên giường xuống nhìn thằng bé.

Miska thấy sợ: biết đâu chú ấy keo kiệt và không cho thì sao? Cố nén cho giọng khỏi run rẩy, nó vừa thút thít vừa thì thào vội vã:

- Chú cho hẳn cháu tấm ảnh ấy, còn cháu sẽ cho chú... cháu sẽ tặng chú chiếc hộp sắt tây đẹp và cho chú tất cả các thứ cờ xương cháu có... - Miska phủi tay một cách thất vọng và nói:

- Cháu đưa chú cả đôi ủng bố cháu đem về cho cháu!

- Cháu cần ông Lênin để làm gì? - người khách lạ vừa mỉm cười vừa hỏi.

"Chú ấy không cho rồi!" - Miska thoáng nghĩ vậy. Nó cúi thấp đầu, giấu từng giọt nước, nói thì thào:

- Cháu cần mà lại!

Người khách lạ cất tiếng cười, rút chiếc cặp từ dưới gối ra và đưa cho Miska tấm ảnh. Miska áp sát tấm bưu ảnh trước ngực, phía trong áo, áp thật chặt trước con tim, và chạy vụt ra khỏi phòng. Ông thức giấc, hỏi:

- Mày đi đâu thế kia, quán mò đêm? Tao đã bảo tối đừng uống sữa nữa mà, bây giờ nó mới buồn đái cho!...Đái vào cái xô bần ấy, chứ tao hơi đâu dẫn mày ra sân!

Miska lẳng lặng đi nằm, hai tay khư khư giữ tấm ảnh, nó không dám trở mình: chỉ sợ làm nhàu bức ảnh. Nó đành nằm thế và thiếp đi.

Nó dậy từ lúc trời chưa sáng. Bà mẹ vừa vắt sữa xong, đang đuổi bò đi ăn. Nhìn thấy Miska, bà vỗ tay đánh đét một cái:

- Ma quỷ nào đãy đọa con thế hử? Dậy sớm thế làm gì chứ?

Miska áp chặt tấm ảnh phía trong áo, đi qua trước mặt mẹ tới sân đập lúa rồi chui vội vào gầm kho.

Xung quanh nhà kho chỉ chít nhưng cây kê, bụi tầm ma mọc tua tủa, dựng như bức tường xanh chắn hết lối. Miska bò vào gầm kho, lấy bàn tay cào gạt cát và phân gà, ngắt tàu lá kê già đã vàng úa, gói tấm ảnh vào đó, rồi lấy hòn đá đè lên cho khỏi bị gió thổi bay mất.

Mưa kéo dài từ sáng đến tối. Bầu trời phủ kín một màn mây tím, những vũng nước trong sân lêu bêu bọt và những dòng nước thi nhau chảy ào ào trên đường phố.

Miska đành ngồi nhà. Trời đã đổ tối, khi ông và bố sửa soạn, rồi đi đến trụ sở ủy ban họp. Miska chụp lên đầu chiếc mũ lưỡi trai của ông, lẽo đẽo theo sau. Trụ sở ủy ban đóng trong chòi canh của nhà thờ. Miska ì ạch bước trên những bậc tam cấp cong queo, lâm lấm bẩn cả thềm, vào nhà. Khói thuốc tỏa um dưới trần nhà; người ngồi chật ních. Người khách lạ ngồi sau bàn gần cửa sổ, đang nói gì đó với bà con Kadắc đã tới tập trung.

Miska rón rén lên tới hàng cuối cùng và ngồi vào chiếc ghế dài.

- Các đồng chí, ai đồng ý bầu Phôma Coócsunôp làm chủ tịch? Tôi đề nghị giơ tay biểu quyết.

Con rể lão chủ quan, Prôkho Lưxenkóp, ngồi ở phía trước Miska, kêu to:

- Bà con ơi! Tôi đề nghị rút tên anh ta ra khỏi danh sách đề cử. Tính tình anh ta không ngay thẳng. Hồi chăn bò cho nhà chúng tôi, anh ta đã bị bắt quả tang

Miska nhìn thấy chú thợ giầy Phêđôt đứng dậy khỏi thành cửa sổ, vừa khoanh tay vừa nói to:

- Các đồng chí ạ, bọn nhà giầu không muốn bầu bác chăn bò làm chủ tịch, nhưng bác ta là vô sản và đấu tranh cho Chính quyền Xô Viết kia mà. .

Đám Kádac khả giả đứng lại một chỗ bên cạnh cửa ra vào, bắt đầu giậm chân, huýt sáo inh ỏi. Những tiếng ồn ào nổi lên trong nhà ủy ban.

- Không cần gã chăn bò!

- Hắn ta đã giải ngũ - cứ để hắn ta đi chăn bò mướn cho thiên hạ!

- Cần đếch gì cái lão Phôma Coócsunốp ấy!

Miska nhìn khuôn mặt tái nhợt của bố đứng bên chiếc ghế dài và mặt nó cũng trắng bệch ra, lo sợ cho bố.

- Trật tự, các đồng chí!. .Tôi mời ra khỏi cuộc họp bây giờ! - người khách lạ giơ nắm tay đập bàn, quát to. - Chúng ta sẽ bầu người Kadac của mình!..

- Không cần đến lão ấy! .

- Chúng tôi không tán thành... Mẹ sư quân vô lại ấy! ..

Đám Kadắc la hét ầm ĩ và to mồm nhất là Prôkho, con rể lão chủ quán.

Một người kadắc lực lưỡng có chòm râu hung, đeo khuyên tai và mặc chiếc áo vét rách, nhảy lên đứng trên ghế dài:

- Anh em ơ!

Người ta muốn xoay ngược công việc thế này đấy!

Những kẻ giàu muốn trắng trơn đưa người của họ làm chủ tịch... Để rồi ở cương vị đó họ sẽ lại...

Qua giọng hét rên rỉ, Miska chỉ nghe rõ từng tiếng rời rạc của người Kadắc đeo khuyên tai:

- Chia lại... ruộng đất... ruộng đất sét cho dân nghèo.. đất đen họ vơ về cho mình...

- Bầu Prôkho làm chủ tịch!...- đám người đứng cạnh cửa ra vào hét ầm ĩ.

- Bầu Prô-ô-kho-o!... Hô-hô-hô!... Ha-ha-ha!...

Dẹp mãi, mọi người mới im lặng. Người khách lạ vừa cau mày vừa phun bắn nước bọt, nói to điều gì đó hồi lâu.

"Có lẽ chú ấy đang quát mắng thì phải, - Miska nghĩ bụng.

Người khách lạ cất tiếng hỏi to:

- Ai đồng ý bầu phôma Coócceunốp?

Nhiều cánh tay giơ lên ở phía trên những hàng ghế dài, Miska cũng giơ tay. Có người nào đó vừa nhảy từ ghế này sang ghế khác vừa đếm to:

- Sáu mươi ba... sáu mươi tư,- và không nhìn Miska, người đó chỉ ngón tay về phía cánh tay giơ lên của nó, nói to,- sáu mươi nhám!

Người khách lạ ghi gì đó trên mảnh giấy, đoạn nói to:

- Ai bầu Prôkho Lưxenkốp, tôi đề nghị giơ tay!

Hai mươi bảy tay Kadác giàu có và lão chủ cối xay Égo nhát tê se giơ tay. Miska đưa mắt nhìn quanh, rồi cũng giơ tay. Người đếm phiếu đi tới bên nó, nhìn từ đầu đến chân và kéo tai nó thật đau

- À ra mày, thằng ôn con! Cút khỏi đây ngay, không ông cho một trận bây giờ! Mày cũng biểu quyết à!

Mọi người ngồi xung quanh phá lên cười, còn anh kia dẫn Miska ra cửa, ấy vào lưng nó. Miska nhớ lại những lời bố nói khi ông bị máng và nó vừa trượt xuống theo các bậc thang trơn, lẩm bẩm, vừa hét to:

- Chú không có quyền làm như vậy!

- Rồi tao sẽ cho mày biết quyền của tao!

Nỗi ấm ức ấy, cũng như mọi sự ấm ức, sao mà cay đắng.

Trở về nhà, Miska khóc thút thít, mách mẹ, nhưng mẹ nói giọng giận dữ:

- Mày đừng bén mảng đến nơi không có phận sự nhé!

Đâu cũng chõ mũi vào!... Tao thì cứ gọi là còn khổ với mày thôi!

Sớm hôm sau, cả nhà ngồi vào bàn ăn sáng, chưa kịp buông thìa đĩa thì đã nghe thấy tiếng nhạc từ xa vẳng đến trầm trầm

Ông bố đặt thìa xuống, vừa lau râu vừa nói:

- Đôi quân nhạc đấy mà!

Miska như bị làn gió thổi bạt khỏi chiếc ghế dài. Cánh cửa phòng ngoài đóng sập lại, bên ngoài cửa sổ nhỏ nghe rõ những bước chân chạy thoan thoắt - thịch thịch, thịch thịch...

Cả bố và ông đều đi ra sân, mẹ thì ngoái hẳn nửa người ra ngoài cửa sổ.

Hàng ngũ Hồng quân, như làn sóng màu xanh lục chao động, tràn đến tận cuối đường phố. Phía trước, các nhạc công đang thổi những chiếc kèn đồng to tướng, tiếng trông khua inh ỏi, vang khắp bản.

Hai mắt Miska đảo ngược đảo xuôi. Nó ngơ ngác quay đi lượn lại tại chỗ, sau đó lao bổ đến đội nhạc. Có cái gì đó nhoi nhói trong lồng ngực một cách dễ chịu, ứ trào lên cổ... Miska nhìn lên những khuôn mặt tươi vui đầy bụi của những người lính Hồng quân, nhìn các nhạc công đang trịnh trọng phồng má thổi kèn và nó quyết định ngay tức khắc, như một câu đáp cộc lốc: "Ta sẽ đi chiến đấu cùng với họ!"

Nó nhớ lại giấc mơ và trở nên mạnh bạo hẳn lên. Nó bíu lấy chiếc túi dế của người lính đi ở phía hàng ngoài.

- Các chú đi đây đấy? Đi chiến đấu à?

- Chứ sao nữa? Đúng thế, đi chiến đấu!

- Thế các chú chiến đấu cho ai?

- Cho chính quyền Xô Viết, chú bé ngốc nghếch ạ! Thôi nào, chú vào đây, đi vào giữa hàng.

Người lính nọ đẩy nó vào giữa hàng ngũ, có ai đó vừa cười vừa búng vào cái gáy lòa xòa đám tóc xoăn, một người khác vừa đi vừa móc trong túi ra miếng đường lấm bẩn, đút vào miếng nó. Trên quảng trường, từ đâu đó các hàng đi đầu có tiếng hô:

- Đư-ứ-ng la-ạ-i!...

Đơn vị Hồng quân dừng lại, tản ra trên quảng trường, họ nằm túm tụm trong bóng mát, dưới bóng râm của hàng rào trường học. Một người lính Hồng quân cao dong dòng, đầu cạo trọc đeo thanh kiếm bên cạnh sườn đi lại chỗ Miska. Anh ta nhếch môi cười, hỏi:

- Chú mày từ đâu lạc vào hàng ngũ bọn ta, hử?

Miska ra vẻ nghiêm trọng, tay xốc lại hai ống quần trễ

- Cháu đi chiến đấu với các chú!

- Đồng chí chỉ huy tiểu đoàn ạ, hãy lấy chú ấy giúp việc cho đồng chí! - một người lính Hồng quân nói to:

Mọi người xung quanh phá lên cười, Miska nháy mắt liên hồi, nhưng người có cái tên gọi tuyệt diệu "đồng chí chỉ huy tiểu đoàn" ấy lại chau đôi mày, cất giọng nghiêm nghị quát to:

- Thôi nào, làm gì mà cười rống lên cả thế, hở bọn ngốc?

Tất nhiên là ta nhận chú ấy rồi, nhưng với điều kiện...- Người chỉ huy tiểu đoàn quay lại phía Míska và nói: - Chiếc quần chú mặc có một quai, thế không được; chú ăn mặc thế này sẽ làm xấu mặt bọn ta!... Chú trông đây: trên ngực ta có hai quai và mọi người đều có hai quai cả. Chạy mau về bảo mẹ đính cho chiếc quai nữa, còn bọn ta sẽ chờ ở đây... - Đoạn anh quay ra phía hàng rào, vừa nháy mắt vừa nói to: - Anh Chêresenkô, anh hãy đem súng và áo dạ lính tới đây cho chú Hồng quân mới!

Một trong số những người nằm bên cạnh hàng rào đứng lên, đặt tay lên vành mũ lưỡi trai, đáp lại:

- Xin tuân lệnh!- và hối hả men theo hàng rào đi khỏi.

- Nào, chú chạy mau lên! Bảo mẹ đính ngay cho chiếc quai nữa! ..

Miska nghiêm nghị nhìn đồng chí chỉ huy tiểu đoàn:

- Chú nhớ nhé, đừng lừa cháu đấy nhé!

- Ô, cái chú này? Sao lại lừa chú được!...

Từ quảng trường tới nhà khá xa, Miska chạy vẽ đến cổng thì đã thở hổn hển. Nó không sao bình tâm nổi. Tới gần cổng, nó vừa chạy vừa tụt quần áo ra và lon ton đổi chân đất, chạy vút vào nhà:

- Mẹ ơi! Quần! Đính cho con chiếc quai! ..

Trong nhà vắng tanh. Đàn ruồi vo ve bâu kín phía trên bếp lò. Miska chạy vòng quanh sân, nhà để lúa gặt, vườn rau - nhưng chẳng thấy bố, cũng không thấy mẹ và ông đầu. Nó chạy tụt vào buồng - vật đầu tiên đập vào mắt nó là cái bị vải. Nó lấy dao xén một dải dài, không đủ thì giờ để khâu với đính, với lại Miska cũng chẳng biết làm việc đó. Nó vội vàng buộc chiếc dải vào quần, quàng qua vai, buộc thêm đầu dải kia ở phía trước rồi ba chân bốn cẳng chạy ra gầm nhà kho.

Nó lật hòn đá lên, liếc nhìn cánh tay của Lênin đang chỉ vào nó, vào Miska, và lấy lại hơi, nó thì thào:

- Đấy, ông thấy không? Cả cháu cũng vào quân đội của ông đấy!. .

Nó cẩn thận gói tấm ảnh vào chiếc lá ngưu bàng, dúi vào ngực áo và chạy bổ ra đường. Một tay áp tấm ảnh trước ngực, tay kia xốc quần cho khỏi tụt. Nó chạy qua hàng rào nhà bên cạnh, gọi to bà hàng xóm:

- Bà Anhiximôpna ơi!

- Cái gì thế?

- Bà nói hộ với ông cháu và bố mẹ cháu cứ ăn trưa đi, đừng chờ cháu!

- Mày chạy đi đâu đấy, hử cái thằng lêu lổng?

Miska phủi tay:

- Chau vào quân đội đấy!

Nó chạy đến quảng trường và đứng ngẩn người ra. Trên quảng trường không còn một bóng người. Bên cạnh hàng rào, vứt lan lác những đầu mẩu thuốc lá, những vỏ hộp, đôi xà cạp rách của người lính nào đó ở tận cuối bản còn nghe rõ cả tiếng nhạc vang lên trầm trầm, khe khẽ, những tiếng chân người đang đi xa dần nện rầm rập trên con đường nhẵn thín.

Từ cổ họng Miska bật lên tiếng khóc nấc, nó thét to và cắm cổ chạy đuổi theo. Hẳn là nó sẽ đuổi kịp, nhất định sẽ đuổi kịp, nhưng trước sân nhà người thợ thuộc da có con chó đực dài đuôi, lông màu vàng, đang nằm chắn ngang đường, nhe hai hàm răng. Trong lúc Miska vượt qua sang phố khác, thì đã không còn nghe thấy tiếng nhạc lẫn tiếng chân bước nữa.

* * *

Hai ngày sau, có một đội gần bốn chục người tới bản. Những người lính đi ủng dạ trắng trẻ và mặc áo vét công nhân vẩy dầu. Người bố từ trụ sở ủy ban về nhà ăn trưa, nói với ông:

- Bố ơi, bố chuẩn bị sẵn lúa mì ở trong kho nhé. Đội thu thóc đã tới. Công việc thu mua nông phẩm thừa đã bắt đầu*.

(*) Những năm 1920-1921 nông dân có nghĩa vụ phải bán nông phẩm thừa cho nhà nước theo giá quy định. ND

Những người lính đi vào trong các sân, lấy lưỡi lê dò trên mặt đất trong các chái nhà kho, cời bới những đống lúa mì được chôn giấu và xếp lên xe ngựa chở đi về kho công cộng

Họ đến nhà chủ tịch. Người đi đầu vừa mút tẩu thuốc vừa hỏi ông:

- Cụ cũng chôn giấu lúa mì đây hả? Cụ hãy thú nhận đi!

Người ông vuốt vuốt chòm râu và kiêu hãnh nói:

- Con trai tôi là đảng viên cộng sản kia mà!

Họ đi vào nhà kho. Người lính ngậm tẩu thuốc đưa mắt đo ước lượng kho để lúa và mỉm cười

- Cụ chở số lúa trong cái kho này ra, còn chỗ khác để lại cho cụ ăn và làm lúa giống.

Người ông thắng con ngựa già Xavraxka vào xe, đang hắng một tiếng, miệng ứ hự rên rỉ, xúc lúa vào tám chiếc bao, ấm ức phủi tay rồi chở đến kho công cộng. Bà mẹ nghĩ tiếc lúa, khóc thút thít, còn Miska giúp ông một tay xúc lúa vào bao, rồi chạy đến chỗ Vitka, con lão cô đơn, chơi

Chúng vừa kịp ngồi trong bếp, bay nhảng con ngựa cái bằng giây ra sân, thì cùng những người lính nọ đi vào bếp. Ông chú lúng túng trong chiếc áo thung, chạy ra đón, dang điệu lê te, mời họ vào nhà, nhưng người lính ngậm tẩu thuốc nói giọng nghiêm nghị:

- Ta hãy đến nhà kho. Lúa của ông cất đâu?

Vợ cô đơn đầu tóc rối bù từ trong buồng chạy vụt ra, mỉm cười ranh ma:

- Xin các ông hiểu cho, chúng tôi không còn tí lúa nào cả!... Chúng tôi chưa kịp đi thu trong xứ ạ...

- Ông bà có nhà hầm không?

- Không, không có ạ - trước kia chúng tôi để lúa trong kho.

Miska nhớ lại nó cùng với Vitka đã từ trong bếp xuống cái nhà hầm rất rộng, bèn ngoảnh đầu về phía vợ cố đạo, nói:

- Thế có lần chau với Vitka từ trong bếp chui xuống nhà hầm, bác quên rồi à?

Mụ vợ cố đạo tái mặt, phá lên cười:

- Cháu nói lẫn rồi, chau nhỏ ạ! Vitka, các con ra ngoài vườn chơi đi!

Người lính ngậm tẩu thuốc nheo mắt, mỉm cười nhìn Miska:

- Xuống đó bằng cách nào, hở chú bé?

Vợ cố đạo bẻ khục các ngón tay, nói:

- Chả nhẽ các ông lại tin thằng bé ngu xuẩn ấy ư? Tôi xin bao đảm với các ông là chúng tôi không có nhà hầm!

Ông chủ vung vẩy hai vạt áo thụng, nói:

- Các đồng chí xơi tạm chút gì nhé! Xin mời các đồng chí vào nhà!

Vợ cố đạo đi qua chỗ Miska ngồi, véo rất đau vào tay nó và dịu dàng cười mỉm:

- Các con ra vườn chơi đi, đừng quấy nhiễu ở đây!

Tốp lính nhảy nhau và đi đi lại lại ở trong bếp, đập đập báng súng trường trên mặt sàn. Họ đẩy chiếc bàn kê sát tường ra chỗ khác, lật tấm thảm lên. Người lính ngậm tẩu thuốc nhấc tấm ván sàn, dòm xuống nhà và lắc đầu:

- Vậy mà ông bà chẳng biết ngượng à? Ông bà nói không có thóc, mà nhà hầm thì chất đầy ắp lúa mì! ..

Vợ cố đạo quắc mắt nhìn Miska khiến nó sợ quá chỉ muốn chạy về nhà cho mau. Nó đứng dậy và đi ra sân. Vợ cố đạo nhảy xổ ra phòng ngoài theo nó, khóc nấc lên và túm lấy tóc Miska, bắt đầu lôi nó xềnh xệch trên sàn.

Nó giãy mãi mới vùng ra được, cắm cổ chạy thẳng về nhà. Vừa khóc sướt mướt, nó vừa kể hết cho mẹ nghe.

- Tao biết làm thế nào với mày? Cút ngay khuất mắt tao, không tao cho một trận bây giờ!. .

Từ đấy, bao giờ cũng vậy, cứ mỗi lần ấm ức cái gì là Miska lại bỏ vào gầm nhà kho, lật hòn đá lên, mở tàu lá ngưu bàng ra và để rơi những giọt nước mắt xuống tờ giấy, nó kể cho Lênin nghe về nỗi khổ của mình và than thở về người đa ức hiếp nó.

Một tuần lễ qua, Miska thấy buồn chán. Nó chẳng có ai để chơi đùa. Lũ trẻ hàng xóm không đến chơi với nó nữa, bên cạnh cái tên "thằng con nhà hư đốn" nó được đặt thêm một biệt danh mượn của người lớn. Chúng hét to sau lưng Miska:

- Ê, cái thằng cộng sản con! Thằng cộng sản con đẻ non, hãy quay lại đây nào!..

Một lần, trước lúc chập tối, Miska từ ngoài ao trở về, chưa kịp vào nhà, nó đã nghe thấy giọng nói gắt của bố, còn mẹ thì

vừa nói vừa khóc than như khóc người chết. Miska len lén đi qua cửa và trông thấy: bố đang khoác chiếc áo dạ lính của mình và xỏ ủng.

- Bố đi đâu thế, hở bố?

Người bố cất tiếng cười, đáp:

- Con hãy vào đỗ mẹ đi! Mẹ mầy cứ khóc rông lên làm bố não cả ruột cả gan. Bố ra trận mà mẹ thì không cho đi!...

- Cả con cũng đi với bố, bố nhé!

Người bố nịt chiếc thắt lưng da ngang lưng và đeo thanh kiếm có buộc dải nơ.

- Con kỳ cục thật, con ạ! Không thể cả hai bố con cùng đi một lúc được! Khi nào bố về, con sẽ đi, bằng không lúa chín, lấy ai đi gặt? Mẹ thì bận việc nhà, còn ông thì già rồi

Miska trong lúc tiễn chân bố đã nén nước mắt, thậm chí còn mỉm cười nữa. Mẹ nó, cũng như lần đầu, nhảy lên ôm choàng lấy cổ bố; bố mãi mới gỡ được mẹ, còn ông chỉ cất tiếng đằng hắng, vừa hôn người con quân nhân ghé vào tai thì thào:

- Phôma con! Hay là con đừng đi? Có thể thiếu con rồi cũng xong nhỉ? ... Chẳng may mà chúng nó giết con, nhà ta sẽ nguy mất!.

Đừng nghĩ thế, bố ạ... Không nên thế. Ai sẽ bảo vệ Chính quyền Xô Viết, nếu như người nào cũng nấp dưới gấu váy đàn bà?

- Thôi, thì con đi đi vậy, nếu con thấy thế là phải đạo, bố đến tận trụ sở ủy ban. Khoảng hai chục người đeo súng trường

đứng túm tụm trong sân ủy ban. Bố Miska cũng cầm lấy một khẩu súng trường và sau khi hôn Miska lần cuối cùng với những người khác cất bước trên con đường lớn.

Miska đi cùng với ông về nhà. Bà mẹ bước chuếch choáng theo sau. Trong bàn, tiếng cho sữa thưa thớt và leo tèo vài ba ánh lửa. Bóng đêm như chiếc khăn đen của bà già trùm lên khắp bản. Trời lâm tâm mưa, đây đó ở phía sau bản, phía trên thảo nguyên, ánh chớp loang loáng và những tiếng sấm ì ầm vang xa.

Hai ông cháu đã về tới nhà. Miska suốt dọc đường im lặng, cất tiếng hỏi ông:

- Ông ơi, thế bố cháu đi đánh nhau với ai vậy?

- Đừng hỏi tôi thôi nữa!..

- Ông ơi!

- Cái gì?

- Bố sẽ đánh nhau với ai ạ?

Người ông cài then cửa, trả lời:

- Một bọn người độc ác đã xuất hiện ở cạnh bản ta. Nhân dân gọi họ là bọn phỉ, còn tao thì gọi thẳng chúng là quân ăn cướp... đấy bố mày đi đánh nhau với bọn ấy đấy!

- Thế bọn chúng đông không, hở ông?

- Người ta đón chúng có chừng hai trăm tên... Thôi, thằng ranh, đi ngủ đi, không chạy lêu têu nữa!

Ban đêm, nhiều tiếng người đã đánh thức Miska. Nó tỉnh dậy, quơ tay sờ trên giường - không thấy ông đâu

- Ông ơi, ông đâu rồi?

- Im nào! ngủ đi, to mồm vừa chứ!

Miska đứng dậy và quờ quạng trong bóng tối lần đến bên cửa sổ. Ông mặc độc chiếc quần lót, ngồi trên ghế dài, lố đầu ra ngoài cửa sổ mở, nghe ngóng. Miska dỏng tai nghe và trong cảnh tĩnh mịch câm lặng nó nghe rõ những tiếng súng đì đoành liên tiếp ở phía sau bản.

- Tạ-a-ch!... Ta-ạ-ch! tạ ch!

Y như người ta nện đinh vậy.

Miska chợt thấy hãi. Nó nép sát vào ông hỏi:

- Bố cháu bắn đấy phải không?

Ông làng thinh, còn mục lại khóc, tai than vãn.

Cho đến sáng, còn nghe thấy nhưng tiếng súng ở sau bản, sau đó tất cả lại im lặng. Miska nằm co ro trên chiếc ghế dài và đánh luôn một giấc nằng nặc không thoải mái. Sáng sớm, một toán kỵ binh phóng ngựa trên đường phố về phía trụ sở Ủy ban. Ông đánh thức Miska dậy, còn mình thì chạy ra sân.

Khói bốc thành một cột đen trong sân ủy ban, lửa đã lên đến các dãy nhà. Toán kỵ binh đi đi lại lại trên đường phố. Một tên phóng tới sân nhà, quát ông thật to:

- Lão già có ngựa không?

- Có.

- Lão hãy đóng ngựa và đi ra ngoài bản! Những tên cộng sản của chúng mày nằm giữa đồng cỏ khô ấy. Hãy chở xác chúng nó về đây cho họ hàng chôn cất!...

Người ông vội vã thắng con ngựa Xavraxka vào xe, đôi tay run rẩy cầm cương và phóng ra khỏi sân.

Tiếng kêu thét vang khắp bản, bọn phỉ đã xuống ngựa, ăn cướp cỏ khô từ các sân, giết thịt cừu. Một tên nhảy từ trên ngựa xuống sân nhà bà Anhiximôpna và chạy vào nhà. Miska nghe thấy tiếng kêu rống ồm ồm của bà Anhiximôpna. Còn tên phỉ vừa vung kiếm vừa chạy ra ngoài thềm ngoi, tháo quay, xé đôi chiếc khăn quàng diên ngày lễ của bà Anhiximôpna, quăng đôi xà cạp bẩn của mình đi và quấn hai mảnh khăn len vào chân.

Miska vào buồng, lên giường nằm, úp cái gối lên đầu và nó chỉ vùng dậy khi nghe tiếng cánh cổng mở cọt kẹt. Nó chạy ra thềm, nhìn thấy ông với chồm râu ướt đẫm nước mắt đang dắt ngựa vào trong sân.

Phía sau, trên chiếc xe ngựa có một người chân đất nằm dang rộng hai tay, đầu người đó nảy lên đập vào thành sau xe, máu đen đặc chảy rỉ xuống vạn gốc.

Miska lảo đảo bước đến gần xe ngựa, ngó vào khuôn mặt đầy những vết kiếm chém; nó thấy rõ hàm răng nhe, một bên mà bị chém đứt cùng với xương đỉnh lủng lẳng, còn ở trên con mắt lồi ra bết đầy máu, đau lắc lư môi con nhạng xanh tơ.

Miska chưa đoán ra được ai, nó hơi run rẩy vì sợ hãi, đứa mắt nhìn đi chỗ khác và khi thấy trên ngực chiếc áo thủy thủ những kẻ sọc xanh và trắng đầy đầy máu, nó rùng mình, dường như có ai từ đằng sau giáng vào hai chân nó. Nó giương to mắt nhìn một lần nữa khuôn mặt.

- Bố ơi, dậy đi bố! Bố yêu quí! - Nó ngã từ trên xe xuống, muốn chạy đi, nhưng đôi chân cứ rìu lại, nó bò bốn chân tới thềm và gục đầu xuống đống cát.

* * *

Hai mắt người ông sâu hoắm lại, cái đầu lúc lắc, lật bật, đôi môi thều thào điều gì đó không ra lời.

Ông im lặng vuốt mái tóc của Miska hồi lâu, sau đó đưa mắt nhìn mẹ nó đang nằm phục trên giường, thì thào:

- Cháu ơi, ta ra sân đi..

Ông cầm tay Miska và dẫn nó ra thềm. Khi Miska đi qua cửa buồng trong, nó nheo mắt và giật mình đánh thót: trong buồng, bố đang nằm im lặng và nghiêm trang ở trên bàn. Máu trên mình bố đã được lau sạch, nhưng trước mắt Miska vẫn hiện lên con mắt đờ đẫn bê bết máu của bố và con nhạng xanh to bầu trên đó.

Người ông tháo chiếc dây gầu giếng hồi lâu, đi xuống chuồng ngựa, dắt con ngựa Xavraxka ra khỏi chuồng, không hiểu vì sao ông đưa ông tay áo lên chùi cái miệng sùi bọt của nó, đoạn buộc dây cương lên mình ngựa và dỏng tai nghe - trong bàn có những tiếng la lét, tiếng cười hô hô. Hai tên cưỡi ngựa đi qua sân, trong bóng tối lập lòe đốm lửa điếu thuốc, ông nghe rõ tiếng chúng nói:

- Đây, chúng ta đã nộp thóc thừa cho chính bọn ấy đây! ..

Ở thế giới bên kia chúng sẽ nhớ lại chúng đã thu thóc của chúng ta như thế nào!

Những tiếng chân ngựa đào đi đào lại đã im bặt, ông ghé xuống sát tai Miska, cất tiếng thì thào:

- Ông đã già... không trèo lên ngựa nổi. Ông bế cháu lên ngựa và nhờ ơn trời cháu hãy đi đến thôn Prônbin nhé ... Ông sẽ chỉ đường cho cháu... Đội quân có kèn trống đã đi qua bản ta ấy chắc phải đóng ở thôn đó... Cháu nói với họ đến bản ta, cháu bảo rằng ở đây đang có phỉ!... Hiểu chưa? .

Miska im lặng gật đầu. Ông bế nó lên lưng ngựa, lấy dây buộc hai chân vào yên cho khỏi ngã, rồi dắt con ngựa Xavraxka qua sân đập lúa, qua ao, qua khu vực bọn phỉ đóng, đi ra thảo nguyên.

- Cái khe hẻm này chạy tới gò, cháu cứ theo bờ nó mà đi, đừng rẽ đâu cả!... Cứ thẳng đường là cháu tới thôn. Thôi, đi đi, cháu yêu quí của ông!

Ông hôn Miska và khẽ lấy bàn tay vỗ vỗ thúc con ngựa Xavraxka.

Đêm trăng, sang rõ. Con ngựa Xavraxka chạy nước kiệu, mũi thở phì phì và cảm thấy trên lưng chở nhẹ, nó rảo bước hơn. Miska cầm cương thúc ngựa, lấy tay vỗ vỗ vào cổ nó, người lắc lư, nhảy chồm chồm.

Đàn chim cun cút hót vang ở đâu đó giữa ruộng lúa xanh đang ngả chín, dưới đáy khe tiếng nước mạch chảy róc rách, gió thổi phả hơi lạnh.

Một mình giữa đồng cỏ, Miska thấy hãi sợ, hai tay ôm lấy cái cổ ấm áp của con ngựa Xavraxka áp sát cái thân hình thu lu nhỏ bé, cóng giá của nó vào mình ngựa

Khe hém bò lên đồi, trườn xuống rồi lại leo lên đồi. Miska không dám ngoái cổ lại phía sau, miệng thì thào, nhưng cố gắng không nghĩ đến điều gì cả. Sự tỉnh mịch bưng lấy hai tai nó, mắt nó nhắm nghiền.

Đầu con ngựa Xavraxka lắc lư, nó thở phì phì, phi nhanh hơn. Miska khé hé mở mắt - nó nhìn thấy những ánh lửa màu vàng nhạt ở phía dưới chân đồi.

Trong giây lát, niềm vui sướng bồi hồi đã sưởi ấm lồng ngực Miska. Nó giơ hai chân thúc con ngựa và nói:

- Đi-i-i! ..

Tiếng chó sủa nghe gần hơn, chiếc cối xay gió mờ mờ ở trên đồi trống đã rõ.

- Ai đi kia? - có tiếng hô từ phía nhà cối xay gió.

Miska im lặng thúc con ngựa Xavraxka chạy nhanh hơn.

Tiếng gà gáy bắt đầu ran lên trên khắp bản còn chưa tỉnh giấc.

- Dừng lại! Ai đi kia? - Tôi bắn bây giờ! ..

Miska hốt hoảng ghì dây cương, nhưng con ngựa Xavraxka đánh hơi thấy đàn ngựa ở gần đó, cất tiếng hí và vùng vằng không chịu nghe theo dây cương.

- Đư-ứng la-ại! ..

Những tiếng súng nổ vang bên cạnh nhà cối xay gió. Tiếng kêu của Miska chìm trong những tiếng chân ngựa. Con ngựa Xavraxka thở phì phì, nhảy lồng lên và nạng nề ngã sang bên phải.

Trong khoảnh khắc, Miska cảm thấy đau nhức không chịu nổi ở dưới chân, tiếng kêu lắng lại trên đôi môi của nó. Con ngựa Xavraxka ngày càng khuỵu xuống thấp hơn và thấp hơn

Tiếng chân ngựa ngày càng gần. Hai người vừa vung kiếm kêu loảng xoảng vừa phóng ngựa tới, nhảy xuống ngựa, cúi xuống trên mình Miska.

- Trời ơi, thì ra thằng bé!

- Ta bắn chết nó rồi sao?!

Có ai đó luồn tay vào trong ngực áo Miska, hà hơi thuốc lá vào sát mặt nó. Giọng nói mừng rỡ của người nào đó cất lên:

- Chú ấy còn nguyên vẹn!... Không sao cả, chân chú ấy bị con ngựa đè lên!...

Lim người đi, Miska thều thào:

-Bọn phỉ đang ở trong bản ...Chúng giết bố em rồi... Nhà ủy ban đã bị đốt, còn ông bảo các chú đến ngay đó!

Trước đôi mắt mờ đục đi của Miska lởn vởn hiện những vòng tròn ngũ sắc

Bố đi qua trước mặt nó, tay vê vê chòm râu màu hung, đang cười, còn ở trên mắt bố có con nhặng xanh to đang lạc lư Ông bước qua, lắc đầu tỏ vẻ trách móc, rồi mẹ, rồi một người vóc nhỏ nhắn, có cái trán dô và cánh tay dang dang ra; cánh tay ấy chỉ thẳng vào nó, vào Miska.

- Đồng chí Lênin! - Miska cất giọng khản khàn hết to, ráng hết sức, cố cất đầu lên - và nó vừa giơ hai tay ra phía trước vừa mỉm cười.

CÁI BỐT

MIKHAIL SÔLÔKHÔP
(NOBEL 1965)

I

Trên mặt bàn, mấy chiếc vỏ đạn khét lẹt mùi thuốc súng, con xúc xắc làm bằng xương cừu, tấm bản đồ dã chiến, bản thông báo, bộ dây cương với diềm tua trang trí bằng kim loại sực mùi mồ hôi ngựa và một góc bánh mì. Tất cả những thứ đó đặt trên bàn, còn Nhicônca Côsêvôi chỉ huy đội kỵ binh, ngồi trên chiếc ghế dài đẽo bằng gỗ đã mốc meo vì tường ẩm, tựa lưng sát bệ cửa sổ. Cây bút chì kẹp giữa mấy ngón tay tê giá, cứng đờ. Bên cạnh những tờ tranh áp phích cũ trải trên mặt bàn có bản khai lý lịch đang viết dở. Tờ giấy sù sì ấy giới thiệu rất ngắn gọn: *Côsêvôi Nhicôlai. Chỉ huy đội kỵ binh, làm ruộng, Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Nga.*

Trước cột "Tuổi" cây bút chì chấm rãi ghi: *18 tuổi.*

Nhicônca có đôi vai rộng, nom anh chẳng hợp với tuổi tác. Đôi mắt với những nếp nhăn và cái lưng gù như ông cụ là mảnh già đi.

- Anh ấy chỉ là chú nhóc búng ra sữa, non choẹt, - anh em trong đơn vị kỵ binh thường nói đùa như vậy! - ấy thế mà đố tìm được ai như anh ấy đấy; diệt được hai băng phỉ mà hầu như không bị thiệt hại gì, và suốt nửa năm trời dẫn đội kỵ binh lao

vào các trận đánh và giao chiến, chẳng thua kém bất kỳ vị chỉ huy già dặn nào!

Nhicônca thấy xấu hổ vì cái tuổi mười tám của mình. Bao giờ cũng vậy, hễ đến cái cột "tuổi" đáng ghét kia là cây bút chì ghi chậm lại, như bò trên giấy, còn hai gò má của Nhicônca thì cứ đỏ ửng lên, như tức tối điều gì. Bố Nhicônca là người Kadắc và nối dõi bố anh cũng là dân Kadắc. Anh còn nhớ mang máng, khi anh lên năm, sáu tuổi, bố anh thường đặt anh lên lưng con ngựa chiến của mình.

- Cu con hãy bám lấy bờm! - giọng ông ta cất to, còn bà mẹ thì từ trong bếp mặt tái xanh, mỉm cười với Nhicônca và giương tròn hai mắt nhìn đôi chân nhỏ xíu đang quắp chặt lấy cái sống lưng nhọn của con ngựa, rồi lại nhìn người bố đang giữ dây cương.

Chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi. Bố Nhicônca lao vào cuộc chiến tranh chống bọn Đức, và mất tích. Không thấy tăm hơi gì nữa. Bà mẹ qua đời. Nhicônca thừa hưởng ở bố cái tính yêu quí ngựa, trí dũng cảm vô song và anh cũng có cái bớt giống hệt bố, to bằng quả trứng chim câu nằm phía trên mắt cá chân trái. Chưa đầy mười lăm tuổi, anh đã lang bạt nay đây mai đó đi làm thuê, rồi sau xin được chiếc áo da lính và theo trung đoàn Hồng quân qua làng đi đánh bọn Vranghen*. Mùa hè này Nhicônca cùng tắm ở sông Đông với cậu chính ủy. Cậu ta ngoẹo cái đầu bị chấn thương, vừa vỗ vỗ cái lưng gù rám nắng của Nhicônca, vừa nói lắp:

(*) Vranghen P.N (1878-1928) - tướng bạch vệ, một trong những kẻ cầm đầu bọn phản cách mạng ở miền Nam nước Nga (1918-1920). Sau khi bị Hồng quân đánh bại, y chạy ra nước ngoài - Nxb.

- Cậu ấy à . Cậu ... Cậu là thằng tốt...tốt số đấy! Thật mà, cậu là thằng tốt số! Người ta bảo cái bớt là tướng tốt số đấy!

Nhicônca nhe răng, ngụp xuống nước, rồi vừa thở phì phì vừa ngoi lên khỏi mặt nước, nói to:

- Cậu chỉ bốc phét, cái anh chàng kỳ quặc này! Mình côi cút từ bé, cả cuộc đời đi làm thuê, mà lại bảo là mình tốt số!...

Rồi Nhicônca bơi ra đoi cát vàng bao quanh con sông Đông.

II

Căn nhà, nơi Nhicônca đóng quân ở nhờ, nằm trên bờ dốc đứng sông Đông. Từ những ô cửa sổ, nhìn thấy rõ một dải sông Đông màu xanh lam, một mặt nước sóng sánh ánh lên như lớp thép láng đen. Những đêm giông bão, sóng vỗ oàm oạp dưới chân bờ dốc, những tấm ván che cửa sổ buồn bã sụt sùi. Nhicônca có cảm giác nước đang lẹ làng luồn vào những khe hở của nền nhà và dâng lên dần, lay động căn nhà.

Anh muốn chuyển sang căn nhà khác, nhưng rồi lại thôi và ở lại đây đến tận mùa thu. Một buổi sớm giá lạnh, Nhicônca bước ra thềm nhà, tiếng giày đinh cồm cộp phá vỡ bầu không khí tĩnh mịch mỏng manh. Anh đi xuống khu vườn anh đào nhỏ và ngả mình trên đám cỏ ướt trắng sương đêm. Anh nghe rõ tiếng bà chủ trong nhà kho đang vỗ về con bò cái cho nó đứng yên, tiếng bê con khàn khàn vòi vĩnh, và những tia sữa chảy va vào thành bình kêu lanh canh.

Ngoài sân, cánh cửa rào kêu kẹn kẹt, có tiếng chó sủa. Nghe thấy giọng trung đôi trưởng nói:

- Thủ trưởng có nhà không?

Nhicônca chống khuỷu tay nhỏm dậy.

- Tôi đây! Lai có chuyện gì ngoài đó hà?

- Có người đưa thư hỏa tốc từ trong xã Kadắc tới.

Anh ta nói bọn phỉ đã xuyên qua khu Xanxki, chiếm nông trường quốc doanh Gơrusinxki rồi .

- Dẫn anh ta vào đây!

Người đưa thư kéo con ngựa đầm đìa mồ hôi nóng hổi vẽ phía tàu ngựa. Đến giữa sân, nó khuỵu hai chân trước rồi ngã kềnh ra, thở phì phì từng hơi đứt quãng rồi nằm chết luôn, đôi mắt lờ đờ của nó còn nhìn trừng trừng con chó xích đang sủa một cách tức tối. Nó chết vì người đưa thư đã chở chiếc bao thư có đóng ba dấu chữ thập, nó phóng vượt bốn chục dặm đường, thẳng một lèo không nghỉ chân.

Đọc xong lá thư của ông chủ tịch yêu cầu anh đưa đội kỵ binh đến ứng cứu, Nhicônca đi vào phòng, vừa đeo kiếm vừa suy nghĩ, vẻ mệt mỏi: "Giá được đi đâu học, nhưng đây lại có phỉ... Cậu chính ủy chả vẫn kê mình rằng chữ nghĩa viết chẳng nên thân mà cũng là chỉ huy kỵ binh .. Mình đây có lỗi gì, nếu chưa kịp học xong trường tiểu học? Tay ấy kỳ cục thật... Giờ lại có phỉ....Máu lại đổ, mà sông thế này mình đã mệt mỏi lắm.... Mọi thứ đều chán ngán lắm rồi..."

Anh bước ra thềm, vừa đi vừa nạp đạn vào khẩu cácbin, nhưng những ý nghĩ, như ngựa quen đường cũ, lại vụt đến với anh: "Giá được về thành phố.. Được đi học . "

Anh đi ngang qua con ngựa chết, vào tàu ngựa. Nhìn vệt máu đen rỉ ra từ hai cánh mũi bám đầy bụi của nó, anh quay mặt đi chỗ khác.

III

Dọc theo con đường mùa hè gồ ghề và những vết xe bị gió xói mòn là những đám cỏ màu lông chuột mọc xoắn xít, những bụi tần lê và ngưu bàng xòe tán um tùm. Trên con đường này, trước đây người ta vẫn chở cỏ khô đến các kho lúa nằm im lìm trên thảo nguyên ánh lên màu hồ phách, còn con đường mòn nằm trải dài đã được vun thành những gò đất dưới những cột điện báo. Hàng cột điện chạy hút vào trong đám sương mù trắng đục của mùa thu, bang qua các khe lạch. Gã thủ lĩnh dẫn năm chục tên Kadắc vùng sông Dông và Cuban - những kẻ bất mãn với Chính quyền Xô Viết - theo con đương bóng nhẫy, đi qua những hàng cột điện này. Đã ba ngày đêm, như con sói bị đàn cừu lạm cho một phen điên đảo, chúng rút chạy theo những con đường bang qua vùng đất hoang không có đường xá. Bám sát sau lưng chúng là đơn vị của Nhicônca Côsêvôi.

Toán phỉ gồm những kẻ bất trị, những tên lính từng trải, song thủ lĩnh của chúng cứ phải suy nghĩ rất lung: y rướn người đứng trên bàn đạp, hai mắt bao quát thảo nguyên, ước tính quãng đường đi tới những rìa rừng màu xanh nhạt trải dài bên kia sông Dông.

Cứ thế, bọn chúng rút đi như bầy sói, còn đội kỵ binh của Nhicônca Côsêvôi vẫn lần theo vết chân phía sau chúng.

Vào những ngày hè đẹp trời, trên các thảo nguyên vùng sông Dông những bông lúa mì đung đưa reo vui xao xác dưới bầu trời trong suốt. Cảnh ấy có trước mùa cắt cỏ, khi những sợi râu tơ trên bông lúa mì chắc hạt đen sẫm lại, tựa đám ria mép lan phủn trên khuôn mặt chàng trai mười bảy. Cây lúa lớn như thổi và vươn cao vượt cả đầu người.

Những người Kadắc để râu ở trong bàn khoanh những vạt ruộng, gieo lúa mạch trên đất sét, trên những đồi cát và ở ngay mảnh đất gần cánh rừng. Chưa bao giờ lúa ấy có thời sinh sôi này nở; từ bao đời nay, một héc ta không thu nổi trên ba chục pút* thóc, nhưng người ta vẫn gieo lúa, vì rượu cất bằng lúa trong hơn cả nước mắt thiếu nữ; và bởi lẽ xưa nay đều thế cả; đời ông, đời cụ đều uống rượu, nên trên huy hiệu của dân Kadắc thuộc khu quân quản sông Đông** chẳng phải ngẫu nhiên lại có hình vẽ anh chàng Kadắc say mềm, cởi trần, ngồi trên thùng rượu. Cứ đến mùa thu, các thôn, bản đều say khướt có bợ, dân bản lang thang khắp chốn, những chiếc mũ lông cao chóp đỏ lảo đảo, ngật ngưỡng ở phía trên những hàng giậu bằng cành liễu cát.

Chính vì thế mà thủ lĩnh của toán phỉ không có lấy một ngày tỉnh rượu, vì thế mà tất cả đam đánh xe và bọn lính bắn súng máy đều say khướt, ngồi vẹo sườn trên các cỗ xe ngựa có nhíp, chở súng máy.

Đã bảy năm nay, thủ lĩnh phỉ không nhìn thấy quê hương của mình. Là tù binh Đức, sau đó theo Vranghen, rồi qua Cônxtanchinôpôn*** trời oi ả, trại giam giữa hàng rào dây thép gai, bốn ba trên tàu buồn nhỏ Thổ Nhĩ Kỳ ngâm nước biển mặn nồng và phả mùi nhựa trét, ẩn náu trong bãi lau sậy ở Cuban, và cuối cùng - làm phỉ.

---

* *Pút: đơn vị trong hương cũ ở Nga, bằng 16,38 kilô-gam. - ND*

** *Khu quân quản sông Đông: đơn vị hành chính thời Nga hoàng, là lãnh thổ dưới quyền quản lý của đoàn quân sông Đông. - Nxb*

*** *Cônxtanchinôpôn (Istanbun): một trong những thành phố cảng lớn nhất Thổ Nhĩ Kỳ, các phần tử Kadắc thâm gia hoạt động phản cách mạng ở miền nam nước Nga trong những năm mươi chín mươi hơn bách vệ đã chạy trốn sang đó. - Nxb*

Thế đấy, nếu đôi về qúa khứ, cuộc đời của gã thủ lĩnh phỉ là như vậy. Tâm hồn y trở nên chai đá, như những vết móng chân bò tách đôi bên bãi lầy trên thảo nguyên bị cái nóng hè thiêu đốt làm rắn đanh lại. Một nỗi đau tê tái, không sao hiểu nổi cắn rứt tâm can, làm rã rượi các thớ thịt, và tên thủ lĩnh phỉ cảm thấy không thể nào quên đi được nỗi đau ấy, và cũng không có thứ rượu nào dập tắt nổi nó. Thế nhưng y vẫn uống - và không có lấy một ngày tỉnh rượu, bởi lẽ những cây lúa mạch đang trổ hoa thơm nức, ngọt ngào trên các vùng thảo nguyên sông Dông đã được cày vỡ một lớp đất đen phơi dưới nắng mặt trời, và trong các thôn, bản, những người vợ lính Kadăc có đôi má rám nắng đều cất một thứ rượu trong đến mức không thể phân biệt được với mạch nước nguồn chảy ra.

IV

Những trận rét đầu mùa đã vẽ lúc rạng đông. Trên các lá cây sung hình chân vịt đã điểm những đốm trắng bạc, còn trên guồng bánh xe của cối xay nước thì từ sáng sớm, Lukich đã để ý thấy những lớp bang mỏng ngũ sắc như mi ca.

Từ sáng, Lukich đã thấy trong người khó chịu, đau buốt vùng thắt lưng, nhức nhối quá, đôi chân cứng lại như đúc bằng gang và lết xết nhấc lên không nổi. Lão lê bước quanh cối xay, khó khăn lắm mới di chuyển được cái thể xác thảm hại chỉ còn da bọc xương. Một đàn chuột con từ trong chiếc cối xay kê thoan thoắt bò ra; lão ngước đôi mắt ướt nhoèn nhìn lên; trên xà ngang phía dưới trần nhà, một chú bồ câu đang gáy lên gù gù, đều đặn và cần mẫn. Hai cánh mũi dường như nặn bằng đất sét của lão hít hít mùi mốc ẩm nồng nặc và mùi thơm của

lúa mạch đã xay giã. Lão chăm chú lắng nghe tiếng nước óc ách đang cuốn hút và liếm quanh chiếc ngống cối một cách đáng lo ngại. Lão vê vê chòm râu rậm, vẻ đây tư lự.

Lukich ngả người trong vườn nuôi ong. Lão nằm nghiêng, đắp tấm áo bông mà ngủ, mồm há hốc; những giọt nước dãi nhờn và nóng ẩm từ hai rìa mép chảy xuống chòm râu cằm. Hoàng hôn buông xuống dày đặc làm căn nhà tiều điều của lão trở nên nhọ nhem. Chiếc cối xay chìm trong đám sương mù màu trắng sữa...

Vừa lúc lão thức giấc thì có hai tên lính kỵ binh từ trong rừng đi ra. Một tên gọi lão, giữa lúc lão đang bước trong vườn nuôi ong:

- Ông già, lại đây!

Lukich nhìn họ với vẻ ngờ vực và dừng lại. Trong những năm giặc giã lao đa từng thấy nhiều hạng người mang súng ống như thế này - những kẻ ăn cướp thức ăn gia súc và bột mì mà không thèm hỏi ai. Tất cả bọn họ, chẳng trừ một ai, lão không ưa chút nào.

- Ra đây mau, lão khom già!

Lukich luồn lách giữa những thùng ong có đục lỗ, đôi môi biến sắc lẩm bẩm không thành tiếng. Lão đứng xa chỗ những người khách và liếc nhìn họ.

- Ông già ơi, chúng tôi là Hồng quân đây - Lão đừng sợ chúng tôi, - Thủ lĩnh phỉ cất giọng khàn khàn nói nhã nhặn.

- Bọn tôi đang đuổi phỉ, bị lạc đơn vị... Thế hôm qua lão có trông thấy đơn vị nào qua đây không?

- Có đấy.

- Họ đi hướng nào, hở lão?

- Có mà ôn dịch nào biết họ đi đâu!

- Vậy có ai trong bọn họ nghỉ lại chỗ cối xay của lão không?

- Không - Lukich nói cụt lủn và quay lưng lại.

- Khoan đã, lão già! - thủ lĩnh phi xuống ngựa, đôi chân vòng kiềng loạng choạng vì say, miệng thở sặc mùi rượu, y nói: - Này thằng già, chúng tao đang tìm diệt bọn cộng sản đây... Thế đấy!... Còn bọn ta là ai, mày không cần biết! - Y vấp chân, đánh tuột dây cương khỏi tay. - Việc của mày là chạy tìm ngũ cốc cho bày chục con ngựa ăn và cấm cái mồm...
Làm ngay lập tức! Rõ chưa? Lúa mì của mày đâu?

- Không có, - Lukich nói, mắt nhìn đi chỗ khác.

- Thế cái gì trong kho kia?

- Rặt những đồ đông nát bỏ đi thôi mà. Làm gì có lúa mì!

- Nào, đi xem đi!

Y túm cổ lão và lôi sềnh sệch đến cái nhà kho đổ nghiêng lún sâu xuống đất. Y mở toang cửa. Trong kho có những vựa chứa lúa mì và đại mạch.

- Không phải lúa mì thì cái gì đây, hở thằng già khốn kiếp?

- Dạ, lúa mì để nuôi người ạ, thưa ông - Lúa này đã được xay giã .. Tôi cớp nhặt nó từng hạt suốt cả năm, vậy mà ông muốn đem cho ngựa ăn hết...

- Theo mày thì để mạc xác ngựa của chúng ông chết đói cả ư? Sao mày dám như vậy - theo bọn đỏ hả? Mày muốn chết à?

- Xin ông tha cho, ông hãy thương tôi. Tôi có tội tình gì mà ông nỡ hại tôi? - Lukich giật chiếc mũ lông xấu xí ở trên đầu ra, qùy sụp xuống, nắm lấy đôi bàn tay lông lá của tên thủ lĩnh phỉ mà hôn...

- Nói đi, mày thích bọn đỏ hả?

- Xin ông rủ lòng thương, tha cho kẻ đau ốm này!...
Ông hãy bỏ qua lời nói ngu dại của tôi. Ôi, xin ông tha cho, đừng treo cổ tôi! - lão già vừa nói vừa ôm lấy chân tên thủ lĩnh phỉ.

- Mày hãy thề là mày không theo bọn đỏ... Không phải làm dấu diếc gì hết, hãy ăn đất đi!

Miệng ông già mớm mém hết răng nhai vốc đất cát trong tay.

- Được, bây giờ thì tao tin mày. Đứng dậy, lão già!

Và thủ lĩnh phỉ cất tiếng cười, nhìn ông già không sao đứng lên được vì đôi chân đã cứng đờ. Còn đám lính kỵ binh mới kéo tới đây thì đang lôi lúa đại mạch và lúa mì trong nhà kho ra, rắc xuống dưới chân ngựa và vung vai khắp sân những hạt ngũ cốc vàng ống.

V

Rặng đồng chìm trong đám sương mù ẩm đục.

Lukich lọt qua được người lính gác và lão không đi theo đường cái mà lần theo con đường mòn trong rừng chỉ một mình lão biết, chạy miết về phía bản làng, băng qua cái khe lạch nhỏ, xuyên cánh rừng như đang cảnh giác trong giấc ngủ tỉnh táo buổi ban mai

Chạy đến chỗ cối xay gió, lão định tắt qua con đường mòn ven bờ giâu rẽ ra đường nhỏ, nhưng trước mắt đã thấp thoáng hiện ra những bóng người cưỡi ngựa.

- Ai đấy? . - một tiếng hô náo động giữa khung cảnh tĩnh mịch.

- Tôi đây.. - Lukich nói thều thào. còn toàn thân thì mềm nhũn, run bắn lên.

Lão là ai? Có giấy tờ gì không? Mò mẫm đi đâu, có việc gì?

- Tôi là thợ xay .. Từ chỗ cối xay nước vùng này tới. Tôi có việc cần vào bản

- Việc với vủng gì? Thôi, hãy theo chúng tôi đến gặp chỉ huy! Lão đi lên trước!. . - một người vừa quát, vừa thúc ngựa.

Lukich cảm thấy đôi môi ngựa nóng ẩm kề sát cổ mình và lão khập khiễng rảo bước đi vào bản.

Họ dừng lại trên bãi đất cạnh ngôi nhà lợp ngói. Người dẫn đường đằng hắng, xuống ngựa, buộc ngựa vào hàng rào và khua xủng xoàng thanh kiếm, bước lên bậc thềm.

- Theo tôi! .

Anh lửa lập lòe rọi qua các ô cửa sổ. Họ bước vào nhà

Lukich hắt hơi vì sặc khói thuốc lá sợi, ngả mũ và hướng về góc nhà có bức tượng thánh hồi hả làm dấu.

- Chúng tôi bắt giữ ông già này đây. Ông lão đi vào bản

Nhicônca ngẩng cái đầu bù xù dính dây lông chim lên khỏi mặt bàn, hỏi với giọng ngái ngủ, nhưng nghiêm nghị:

- Lão đi đâu?

Lukich bước lên phía trước và sung sướng nghẹn lời.

- Anh bạn yêu quý ơi, hóa ra người của ta, vậy mà lão cứ tưởng lại bọn phỉ kia đây... Lão đâm ra nhút nhát, không dám hỏi các anh nữa... Lão là thợ xay. Có lần các anh đi qua rừng Mitơrôkhin đã ghé vào nhà lão, lão còn mời anh uống sữa, anh bạn thân mến ạ... Hay là anh quên rồi?

- Thế lão muốn nói gì nào?

- Vâng, lão sẽ nói, anh bạn quý mến của lão ạ: chả là vào lúc chập tối hôm qua chính bọn phỉ ấy đã kéo đến nhà lão, lấy sạch ngũ cốc cho ngựa ăn... Chúng hành hạ lão...

Thằng cầm đầu bọn chúng nói: hãy thề một lòng một dạ theo chúng tao, rồi nó bắt lão ăn đất.

- Thế hiện nay chúng ở đâu?

- Chúng đang ở đó. Chúng đem theo nhiều rượu, bọn bất lương ấy đang nhậu nhẹt với nhau ở nhà lão, còn lão chạy tới đây báo cho các anh biết: có thể các anh sẽ tìm được phương kế trừng trị chúng.

- Anh nói với anh em lên ngựa!... - Nhicônca đứng lên khỏi ghế, mỉm cười với ông lão và uể oải xỏ tay vào chiếc áo dạ lính

VI

Trời đã hửng sáng.

Nhicônca gương mặt xanh xao vì những đêm mất ngủ, phi ngựa đến gần cỗ xe hai bánh lắp súng máy.

- Khi nào bọn mình tấn công, cậu nã mạnh vào sườn bên phải nhé. Ta cần bẻ gẫy cánh quân của chúng!

Đoạn anh phóng ngựa đến đơn vị kỵ binh đã triển khai thế trận.

Sau rặng cây sồi nhỏ khô héo, trên mặt đường, xuất hiện một toán lính kỵ binh xếp hàng bốn, những cỗ xe lắp súng máy đi giữa

- Phi nước đại! - Nhicônca thét lớn và anh có cảm giác những tiếng vó ngựa rầm rập mỗi lúc một rõ ở phía sau lưng, anh quất roi thúc con ngựa đực của mình.

Bên cửa rừng, tiếng súng máy vang lên xối xả, còn toán lính kỵ binh nọ trên mặt đường thì nhanh nhẹn, như trên bãi tập, tỏa ra bủa vây

*

* *

Từ trong đám cây bị gió bão đánh đổ, một chú sói nhảy chồm ra gò đất, mình mắc đầy cỏ gai. Nó đưới đầu về phía trước, nghe ngóng. Ngay gần đó, có những tiếng súng nổ giòn giã liên hồi và đủ mọi thứ tiếng của trận đánh dậy lên như sóng lừng.

Tạch!... một qủa đạn nổ giữa bụi cây trán, còn đâu đó ở phía bên kia gò đất, sau đám ruộng đã cày vỡ, tiếng vọng của nó nhanh nhảu đáp lại: tặc!

Và cứ thế liên hồi: tạch, tạch, tạch! Còn bên kia gò đất là những tiếng đáp lại: tặc! tặc! tặc!..

Con sói đứng đó một lát rồi thủng thẳng và khang nạng đi xuống cái khe lớn, khuất vào lùm cỏ um tùm chưa kịp cắt đã úa vàng...

- Giữ vững đội ngũ!... Không được bỏ các xe lắp súng máy!... Chạy vào rừng.. Chạy vào rừng, mẹ kiếp! - thủ lĩnh phỉ la ó, rướn mình đứng lên trên đôi bàn đạp.

Trong khi đó toán lính đánh xe và lính bắn súng máy đã láo nháo, chạy ngược chạy xuôi bên những cỗ xe lắp súng máy và chặt đứt cái dây chằng, còn hàng quân bị hỏa lực liên thanh dồn dập phá vỡ thì bắt đầu quay cuồng trong một cuộc thảo chạy không sao kìm nổi.

Thủ lĩnh phỉ quay ngựa lại thì bắt gặp một người phanh rộng chiếc áo khoác Kadắc lao ngựa thẳng vào y, tay vung kiếm. Qua chiếc ống nhòm đeo lủng lẳng trước ngực và qua chiếc áo lính, thủ lĩnh đoán người đang phi ngựa kia không phải lính Hồng quân thường và y ghìm dây cương lại. Từ xa, y đã nom thấy một khuôn mặt trẻ, không để râu, nhăn nhó một cách căm tức và cặp mắt nheo lại vì gió. Con ngựa thủ lĩnh phỉ đang cưỡi bỗng nhảy chồm lên, khuỵu hai chân sau xuống, còn y vừa rút khẩu súng lục mác ở thắt lưng ra, vừa thét lớn:

- Quân chó chết!... Hãy bắn đi, bắn đi! Tao sẽ bắn tan sọ mày! ..

Thủ lĩnh phỉ nhằm bắn vào chiếc áo choàng đen ngày một hiện rõ. Con ngựa chồm lên chừng tám xagiên* thì ngã khuỵu, còn Nhicônca quăng chiếc áo khoác đi, vừa bắn, vừa lao đến gần tên trùm phỉ hơn...

---

* *Xagiên: đơn vị đo chiều dài cũ Nga bằng 2,134 m - ND*

Sau cánh rừng có ai đó kêu rống lên như thú dữ, rồi lặng bặt. Mặt trời bị đám mây đen che phủ và những bóng mây trôi trùm lên thảo nguyên, con đường và cánh rừng bị gió và tiết thu làm trơ trụi hết lá cành.

"Đồ trẻ ranh ngu ngốc, hàng máu, bởi thế cái chết đến với nó càng nhanh" - thủ lĩnh phỉ suy nghĩ ngắt đoạn và đợi đến khi người kia hết đạn, y mới thả dây cương, lao bổ tới đó như con diều hâu.

Ngồi trên yên, y buông thõng người, tay vung kiếm, và trong khoảng khắc y cảm thấy đường kiếm làm cái xác kia mềm nhũn, ngoan ngoãn trườn xuống đất. Thủ lĩnh phỉ xuống ngựa, giật chiếc ống nhòm của người chết, nhìn đôi chân còn khẽ run rẩy, ngó quanh, đoạn qùi xuống tháo đôi ủng khỏi cái xác đó. Tỳ chân lên một bên đầu gối kêu răng rắc, y nhanh nhẹn và khéo léo gỡ một chiếc bốt. Chiếc bốt khác, có lẽ vì bị tất xoắn lại, không tháo được. Y vừa chửi đổng tức tối, vừa giật chiếc bốt cùng với tất ra, và ở phía trên mắt cá chân, y chợt nhìn thấy cái bớt bằng qủa trứng chim câu. Như sợ đánh thức người đã chết, y chậm rãi lật ngửa khuôn mặt đã lạnh giá, hai tay y dây đầy máu từ trong miệng tuôn ra ồng ộc; y ngắm kỹ xác chết, rồi mới vụng về ôm lấy đôi vai vuông thước thợ và nghẹn ngào thốt lên:

- Con ơi!... Nhicônca!... Con yêu qúy!... Hòn máu của cha!...

Mặt y tím bầm, y kêu lên:

- Con hãy nói đi, dù một lời thôi! Sao lại thế này, hả?

Y phủ phục, nhìn vào đôi mắt đờ dẫn. Y khẽ nâng cặp mi mắt ấy đầy máu, lay lay cái xác không hồn mềm nhũn... Nhưng

Nhicônca đã cắn chặt đầu lưỡi tím ngắt, dường như sợ phải hé ra một điều gì qúa đối lớn lao và hệ trọng

Thủ lĩnh phỉ áp đôi tay cứng đờ của con trai lên ngực mà hôn và lấy răng cắn chat lớp vỏ thép đổ mồ hôi của khẩu súng ngắn, y bắn vào miệng mình. .

* * *

Đến chiều tối, khi phía bên kia cánh rừng đã thấp thoáng những bóng lính kỵ binh, những tiếng nói, tiếng ngựa thở phì phò và tiếng bàn đạp leng keng theo gió vẳng tới, - con diều hâu rỉa xác chết mới chịu buông cái đầu xù của thủ lĩnh phỉ. Nó buông mồi và bay mất hút trong bầu trời mùa thu xám nhạt, không mau sắc.

TRẦN VĨNH PHÚC dịch

CÁI VỎ CAM

CHMUEL YOSSEF AGNON
(NOBEL 1966)

Đây chỉ là câu chuyện một cái vỏ cam vứt bỏ giữa đường. Thật ra đây là một cái vỏ rất thường, người ta có thể tìm thấy hàng chục cái tương tự trên khắp các lề đường và dưới những đường mương, trên khắp các công trường và trong những sân

nhà, nơi vắn tắt là khắp mọi nơi trong thành. Những người qua lại lơ đễnh không ai là không trượt chân trên vỏ cam ấy. Những người tinh tế nhất dừng lại để nhìn đế giấy họ và kiểm soát lại coi nó còn sạch được đến chừng nào, rồi rất nghiêm trang họ lại đi. Những người lôi thôi nhất vẫn tiếp tục đi kéo lê bàn chân chẳng thèm thắc mắc; vì thật ra, đến bảy cặp mắt cũng không đủ để đếm được hết tất cả những vỏ rác vứt ngang ngửa ra đường. Vậy nên cái vỏ cam nằm yên chỗ của nó và những người qua lại vẫn tiếp tục bước dẫm lên.

Một hôm có một ông già trượt nhầm cái vỏ cam ấy và té xuống. Sau khi đếm lại xương của ông, ông lão đứng thẳng lên và đi mất. Không một ai nghĩ đến chuyện xúc động cả. Cách đó một ít lâu cùng cái tai nạn ấy xảy đến cho một cô gái. Tay chân cô không sao cả, nhưng cái ví của cô mở bung và có một mớ đồ lặt vặt trong ví tung ra tứ phía. Có một cái gương soi và một cái lược, một hộp đựng phấn bằng vàng, một ống son và một chai nước bóng đánh móng tay, kem xức tóc và dầu thơm, một cái nhíp nhổ lông và những lá thư tình của người chồng cô bạn thân nhất của cô-giữa những đồ lặt vặt khác cùng loại đó, dùng cho thể xác và linh hồn. Bởi vì cô là một người đàn bà và cô không già, cũng không xấu, những người đàn ông đổ xô lại để giúp cô đứng dậy và nhặt những thứ lặt vặt ấy lên. Cái vỏ cam vì không phải là một trong số những món đồ vừa kể nên vẫn nằm nguyên chỗ cũ.

Nó nằm đó một cách hết sức bình thản, không ngờ rằng sẽ trở thành đề tài chính cho những chuyện nhảm nhí của những kẻ xấu miệng, những kẻ độ kị, những người hay gây gổ, tóm lại, của những người xấu miệng xấu mồm trong thành phố, hàng ngày không gặp được một cái cảnh tượng thú vị như vậy.

Họ nhất định tố cáo tính cách cầu trệ của cái vỏ cam kia: phải chăng nó thích thú trong cái việc ác đó? phải chang nó làm hại đến những dân trong thành mà vẫn yên tâm? Nó vẫn tiếp tục làm cái công việc thất đức kia không ít đi mà không ai nghĩ đến chuyện làm phiền nó cả. Thế rồi, nổi cơn ganh tị và giận dữ, lồng lộn với cái vỏ cam cùng chưa vừa ý, họ tấn công tới những kẻ đồng lõa của nó, những người dửng dưng, vô tâm và không biết đến những thảm kịch của Quốc Gia và của Thế Giới. May thay cho cái vỏ cam, trong Xứ cung còn có nhiều người điềm đạm, có thể tự kiềm chế đam mê của mình và phân biệt được nguyên do và hiệu qủa. Sau khi xem xét bị cáo với một con mắt thiện cảm, những người nầy bênh vực nó: "Cái vỏ cam kia, họ bảo, có trách nhiệm về những gì đã xảy ra ở chỗ nào? Kẻ có tội, chính là kẻ đã ném nó ra đường, là một tên trong bọn người phàm ăn vô học vẫn làm nhục cho xứ sở! Nhét cam vô bụng chứ cũng chưa vừa lòng, họ lại còn đem vỏ vứt vãi ra khắp Thành làm tăng thêm số người tàn tật ."

Đó là ý kiến của những nhà tri thức khó mà thỏa mãn được tất cả mọi người. Những người cho rằng những việc dính dáng đến phần tinh thần chỉ quan trọng ở cái mức liên hệ của nó đối với chính trị, những người đó không khỏi chỉ trích những nhầm lẫn đã qua và sắp tới của chính phủ. Kết luận lại, họ qui trách nhiệm của những việc có hại do cái vỏ cam gây ra cho Tòa Thị sảnh mà sở kiểu lộ là cơ quan tồi tệ nhất. Kết tội cái người bóc vỏ cam đó thì có ăn nhập vào đâu? Người ấy đã ăn trái cam rồi! Thật ra đó cũng là một việc hay! Phải chăng ta nên dùng những thứ trái cây trong nước hơn là những thứ nhập cảng? Người ấy là một công dân toàn hảo sao? Câu Trời cho tất cả mọi người đều giống ông ta! Nếu đồng bào ta biết bằng lòng với

những gì xứ sở cho mình, thay vì đi tìm những sản phẩm ngoại quốc, thì Chánh Phủ có thể tiết kiệm được thật sự về các khoản ngoại tệ. Tóm lại là phải hướng dẫn những cuộc tấn công chống Tòa Thị sảnh đã không huy động được đủ số phu vét bùn để quét đường. Vậy thì Tòa Thị sảnh lập ra để làm gì? Để thu tiền sao? Và để đền bù ta bằng cách nào? Bằng vỏ rác và vỏ cà-rốt sao? Phải chăng vai trò độc nhất của Chính Phủ là đánh thuế [illegible] không trả lại cho dân gì cả?

Có một người đi ngang qua đấy nghe được những lời trách cứ và phàn nàn đó

"Mẹ kiếp, người ấy la lên, nếu người thu thuế đến hỏi tôi, tôi sẽ đóng sầm cửa lại trước mặt ông ta... Với số tiền dành dụm được về những khoản thuế má tôi sẽ có thể đóng bảo hiểm tai nạn cho tôi và tôi sẽ không bị họa bất ngờ như cái lão già bất hạnh nọ bị gãy chân vì trượt phải vỏ cam.

Ông ta vừa dứt lời thì có một nhân viên quảng cáo của Công Ty Nông Nghiệp đến hỏi han làm quen với ông. Người ấy đề nghị ông bỏ vốn vào Công ty của mình: bởi vì Công Ty vẫn mua đất bỏ hoang với ý định cứ để đất hoang như vậy, nên sẽ không có một ai có thể an cam và lẽ dĩ nhiên là không thể trượt vỏ cam và té được. Con người vừa thịnh nộ về chuyện thuế má kia nổi giận lên.

- Vừa thấy công việc lôi thôi, ông ta la lên, là mấy nhà đại diện Công Ty Nông Nghiệp đã chạy bám theo gót ta rồi. Không có ngày nào là ngày không có chuyện theo dõi! Cơ hội nào cũng tốt cả, từ những ngày lễ và những ngày ăn chay, cho đến những Phục Sinh, lễ Sonecoth [1] và ngày Đầu năm! Không có

(1) Lễ mùa

ngày lễ truy niệm nào, không có ngay kỷ niệm nào mà không có mặt họ! Họ hiện ra, là ta phải xuất tiền rồi. Chúa ôi! Chúa ôi! Chúa có tạo ra một ngày nào trong năm mà người ta không đến hỏi xin tiền con không? Con có cảm tưởng như những ngày mà con phải mở ví ra còn nhiều hơn là những ngày có ghi trong lịch nữa".

- Ông cho tôi cái gì đây, thưa ông? người đại diện hỏi.

- Cho! Cho!.

- Tôi ghi tên ông bao nhiêu đây?

- "Bao nhiêu" cái gì? Tôi cho các người như vậy chưa đủ sao? Và không phải cho với tiền mặt giả đâu nhé, ông cứ tin tôi đi! Lời danh dự mà! Mỗi đồng xu mà người ta rút rỉa của tôi thì cũng lại chính Nhà Nước lợi dụng được. Thế ông còn muốn gì hơn nữa? Tại sao ông đến đây? Tôi, tôi có xen vào cái Công Ty Nông Nghiệp của ông đâu chứ? Xin ông để cho tôi yên. Tôi đang bận vì một cái vỏ cam đấy...

Ông ta sắp nói tiếp thì vợ của một công chức Nhà Nước bất ngờ hiện ra.

- Một cái vỏ cam à! bà ta la lên. Khổ cho tôi rồi! Ông cứ tưởng tượng là chính mẹ chồng tôi đã bị gãy chân. Dĩ nhiên là vì trượt! Trên một cái vỏ cam, ông tin không chứ? A! Ông đừng nói với tôi chuyện đó nữa! Bà đi... Bà đi đâu nhỉ? À phải rồi... Tôi cũng không biết nữa. Và lại không có gì quan trọng lắm. Đấy! Bà trượt và té loạn cả lên! Vỏ cam đấy! À không, vỏ bưởi, có thể là vỏ chuối! Ông tin không chứ? Nói cho cùng có quỷ thần mới biết là cái gì! Cái gì thì bà cũng gãy chân rồi, chân trái, không, chân phải! Nghĩa là một trong hai chân! A, xin ông

đừng nói với tôi chuyện đó nữa! Tai họa gì mà la lùng! Ông cứ tưởng tượng là bà đã làm hỏng của tôi đến bảy cái nệm! Vì bà nằm mãi trên giường. Vâng, thưa ông! Thật là một tai họa, phải không ông? Và từ khi bà lành bệnh, ông tin không? Bà còn gây cho tôi nhiều lộn xộn hơn nữa. Bà không ngớt lục lọi trong nhà từ trên xuống dưới, từ sáng đến tối. Và bà bước khập khiễng, thưa ông, ghê tởm quá! Cây gậy của bà trên nền lát gạch, thì thôi ông khỏi phải nói! Nhiều khi tôi muốn trốn đi, để thoát khỏi bao nhiêu chuyện đó. A! nếu mà tôi có thể... Đi du lịch, ra nước ngoài! Đã qua lâu rồi tôi không rời khỏi xứ, từ lần Hội Nghị cuối cùng..."

Liền sau khi bà ta nói lên chữ đó, thì câu chuyện đổi hướng và người ta chỉ nói đến chuyện hội nghị.

Tuy nhiên cái vỏ cam vẫn nằm trên lề đường, bị hằng trăm đôi giày dẫm và làm cho dơ. Thật tội nghiệp cho nó! Nó mất cả vẻ tươi tắn và màu sáng của nó. Nó chỉ còn là một vật tồi tàn, cằn cỗi, khô đét, không màu. Thế nhưng nó có một cái may đặc biệt, vì ngược lại với lũ bạn nó bị mất từ lâu trong các đống rác hay phân, nó biết được cái mùi vinh quang.

Trong Thành có một ông thầy dạy văn phạm. Ông là một người viết văn quá trau chuốt có thói quen theo dõi tất cả các cuộc đàm thoại để sửa lỗi cú pháp của những đồng loại với ông. Khi ông nghe nói đến cái vỏ cam, ông nghĩ đến cái việc đem dùng nó để áp dụng những tư tưởng cải cách của ông. Ông thộp cổ ngay người đầu tiên mà ông trông thấy, ông đẩy người ấy vào chân tường:

- Hãy thành thật mà nhận đi, ông ta bắt đầu. Ý kiến của ông về cái vỏ cam là thế nào?

- Vỏ cam, người kia trả lời. Vậy ông muốn tôi nói gì về nó bây giờ? Đó là một cái vỏ cam như bao nhiêu cái vỏ cam khác.

- Ông không hiểu câu hỏi của tôi, ông bạn trẻ của tôi ạ, nhà văn phạm lại nói. Chính cái vỏ cam tự nó không làm tôi chú ý. Cái làm tôi bận tâm, chính là cái cách viết chữ đó. Da nhiều năm nay tôi cố gắng lạp đi lập lại chữ pelure[1] phải viết là *pellure* và *peler*[2] viết là *perlle* với hai chữ *l*. Nhưng lu đần độn không chịu nghe tôi và cứ tiếp tục sống vô tri trong sự sai lầm và viết *pelure* với một chữ *l*. Dứt khoát một lần, ta phải kết thúc chuyện đó!".

Mọi người đều bắt đầu nói về "chính tả". Thiếu một chút nữa là người ta quên bẵng đi cái chính yếu: cái vỏ cam. Nhưng cùng như chúng tôi đã nói, cái vỏ nầy được sinh ra dưới một ngôi sao tốt và phải là chủ điểm của tất cả các câu chuyện. Thiên hạ có thói quen tụ tập lại quanh nó để phê bình những biến cố mới nhất đã xảy ra.

- Tôi lấy làm ngạc nhiên, một người được trông thấy cái vỏ lần đầu tiên lưu ý, là sao người ta chưa nghĩ ra việc in hình nó trên khắp các tờ báo! Đã đến lúc những nhân vật tai mắt của Báo Chí cần nhúng tay vào việc nầy rồi. Phải viết vài bài báo và tung ra sáng kiến tổ chức một cuộc lạc quyên để chụp hình cái vỏ cam. Dân chúng, lúc nào cũng rộng lòng, sẽ giúp nhưng nhà nhiếp ảnh chứng minh rõ trắng đen rằng "cái vật đó" là nguyên nhân làm trở ngại sự lưu thông trong Thành. Nhất là chúng ta không nên keo kiệt về chuuyện giá cả, hãy thâu dụng

---

(1) *Tiếng Pháp, nghĩa là cái vỏ*

(2) *Tiếng Pháp, nghĩa là bóc vỏ*

những người chuyên môn thật sự. Chúng ta còn có thể phổ biến những bản kẽm ra nước ngoài nữa; phải chăng đem chia xẻ cho các người anh em ở ngoài những bài học về biến cố đó - đồng thời cho họ niềm vui được chiêm ngưỡng phong cảnh xứ sở đẹp đẽ của ta, là một việc phải?

Giữa lúc đầy nhiệt thành ông ta bị một người đàn ông ngắt lời trách ông bôi xấu một cái vỏ cam đàng hoàng như vậy. Cái vỏ đó mà làm hại cho Nhà Nước à? Ngược lại đấy! Nó tượng trưng cho Tự Do của xứ nầy, cái xứ mà trong đó ai cũng có quyền làm theo sở thích của mình, không hề có một sự cản trở nào cả

- Thật phi thường, một thính giả cười ầm lên, thật qủa là hết nước! Tự Do được thể hiện qua những nét của một cái rác! Thế thì chúng ta định đi đến đâu chứ? Phải chăng trong kinh Ghémara có nói .

Ông ta không có thì giờ để giải thích. Một ông lão thường vẫn quyện tiền để làm những việc thiện trong Thành ngắt lời ông để quở mắng ông. Nhân danh cái gì mà ông ta dám dùng đến kinh Ghémara, ông ta là người không theo những lời giáo huấn trong kinh đó? Có phải ông theo đảng "Đội Nón"[1] không? Không à? Vậy thì tại sao ông không để yên kinh Ghémara cho những con chiên của Chúa? Sự hỗn láo của bọn "Đầu Trần"[2] này thật đã đi quá lố! Đã không bằng lòng thích

---

(1) và (2): Quốc gia được xem như nằm trong hai đảng-đảng "Đầu Trần" và đảng "Đội Nón" -chống đối nhau kịch liệt, và trong mỗi đảng còn chia rẽ, thù hằn nhau hơn thù hằn kẻ thù chung là ngoại bang nữa. Đảng thứ nhất coi tổ tiên là những người Do thái trước khi có luật của Moise, vốn chưa bị buộc phải che đầu; đảng sau xử cho là con cháu của những người Do thái sống sau luật của Moise, những người vẫn theo truyền thống buộc phải che đầu

nghi theo Thánh Kinh, bây giờ chúng nó còn muốn thôn tính luôn kinh talmud nữa!

Tác giả quyển sách này đã chứng kiến những cuộc tranh luận đó. Ông sợ rằng người ta sẽ đi đến chỗ cãi lộn và từ đó sẽ đánh nhau. Thế nên ông nhất quyết thủ tiêu cái vỏ cam đã gây ra bất hòa và thù hận. Ông cúi xuống, nhặt cái vỏ và vứt bỏ đi. Có một bà có tuổi bèn công kích ông. Bà hỏi ông ta định làm gì với những thứ rác khác trong thành phố, như những mẩu giấy vụn, giấy bao vò nát, tàn thuốc và những thứ dơ bẩn khác không biết gọi là gì đang rải khắp các đường phố.

- Ông không thấy cả cái đống vỏ kia sao? Bà ta rầy. Và đàng kia, ở trong góc, ông có thấy mui bưởi kia không? Ông mở mắt ra và nhìn đi chứ! Có một lá truyền đơn bị xé kìa! Thật đúng là một tai họa! Với những kẻ phiến loạn không ngớt đem dúi vào mặt ta những tập sách như vậy, thì lúc nào đường xá cũng đầy cả giấy. A thật là ghê tởm! Úi chà!!! Một cái bẫy chuột gỉ sét và một con chuột chết kìa! Có thể như vậy được sao? Tất cả những thứ mục rã đó có phải để cho mốc meo ở đây đến khi tận thế không?

Có một người nọ đến trấn an bà:

- Thưa bà, xin bà hãy bình tĩnh, người ấy bảo. Bà không nên lo lắng đến như vậy! Sớm muộn gì rồi xứ ta cũng sẽ bị phân chia ra làm hai Quốc gia, và không ai có thể đoán trước được cái khu phố này sẽ thuộc về bên nào cả. Có thể nó sẽ rơi vào tay kẻ thù của chúng ta. Trong trường hợp đó, có phải tốt hơn là ta cứ để cho những rác rến kia nằm yên chỗ của nó không?.

Nghe đến mấy chữ chia phân đất nước, đông một loạt mọi người đều nổi lên la ó phản đối kẻ chủ bại. Người này vùng vẫy,

la thét om sòm. Người ta muốn làm gì ông đây? Phải chăng ông chỉ để lộ cho họ thấy là ông mong muốn sự chia phân đó? Ông chỉ lặp lại những gì mà tất cả báo chí đều không ngớt cho đăng tải. Nhưng những người kia cứ xô đẩy ông và la lớn thêm lên...

Tác giả quyển sách này[1] bắt đầu suy ngẫm: "Dù tương lai xứ sở có ra sao, ông nghĩ, phân chia hay thống nhất, điều chính yếu là nghĩ đến hiện tại .. Vậy chúng ta nên chùi rửa phía trước nhà chúng ta!". Ông cúi xuống và bắt đầu dọn dẹp rác rến.

Trong lúc ông vất và quét dọn con đường, những người khác giúp ông bằng những lời khuyên. Họ tha hồ tranh nhau cho ông những ý kiến hay nhất: người nầy dạy ông nghệ thuật gom rác, người kia dạy ông nghệ thuật hốt rác, kẻ khác chỉ cho ông phải vứt rác ra nơi nào, người cuối cùng dạy ông cách đốt rác. Chính ông Trời cũng nhảy hùa vô nữa. Gió bắt đầu thổi, làm tung lên tất cả những thứ gì nằm trên mặt đất. Ngọn gió luôn vào mấy tờ giấy báo và những trang sách-là những thứ không phải chỉ thuộc vật chất, như vỏ trái cây, mà còn là tinh thần nữa-những tờ giấy đó bay tung lên phía trên những đống rác mục rã và bắt đầu đập và quất vào mặt giống người có mặt ở đây. Nhưng, bởi vì giấy đó không phải thuần tinh thần mà còn là vật chất, nên nó lại rơi xuống đất. Thế nên tác giả quyển sách này gom chúng lại và đẩy chúng qua một bên, nhờ những lời khuyên của tất cả những kẻ an nói ngon lành kia.

---

(1) Bản Việt văn "Cái vô cùng" dịch trên bản Pháp văn của Rachel và Guy Casaril trong "Les Contes de Jérusalem". Tập truyện bằng Pháp ngữ này, theo bài tựa, là một tập tuyển những truyện ngắn và những đoạn trích văn xôi rác của Ch.Y.Agnon do chính các dịch giả người Pháp chọn và sắp xếp. Bởi vậy, chữ quyển sách này có vẻ chỉ một quyển sách bằng tiếng Hy-lạp của tác giả, trong đó có in nguyên tác truyện "Cái vô cùng".

Rủi thay những lời khuyên lại trái ngược nhau. Tác giả của quyển sách này lượm một cái vỏ cam để ném nó vào thùng rác à? Thì liền đó người ta khẩn khoản yêu cầu ông lo gấp rút đến vỏ bưởi. Ông dọn sạch vỏ bưởi trên đường à? Người ta khuyên ông hãy bắt đầu dọn vỏ chuối trước. Tác giả quyển sách này cố làm vừa lòng tất cả mọi người bằng cách có bao nhiêu bàn tay cùng đem ra dùng một lượt cả. Nhưng số bàn tay con người lại bị giới hạn hơn là những lời khuyên bổ ích. Thế nên con người thiện chí kia càng cố gắng làm vui lòng mọi người bằng cách kết hợp lại những ý kiến trái ngược nhau nhất, thì ông càng thất bại trong việc làm của mình.

Chẳng bao lâu trên đường đầy những người đứng múa tay múa chân, cử động liên miên và bàn cãi về thứ tự cần phải theo và phương pháp cần phải dùng. Và bởi vì cuộc bàn cãi chẳng đi đến đâu, nó trở nên kịch liệt và họ đi đến chỗ phải dùng đến tay chân...

Lúc bấy giờ xảy ra một chuyện thật là bất ngờ, một biến cố lạ lùng, - tác giả quyển sách này phải thú nhận là một biến cố như vậy không phải là ngày nào cũng xảy ra được. Đồng bào có gây gổ nhau, thì đó chỉ là chuyện hằng ngày, người ta có thể kiểm chứng từ đầu năm đến cuối năm. Thế nhưng một người cảnh sát mà can thiệp vào những cuộc ẩu đả của họ, thì đó đúng là có ngoại lệ mới chứng tỏ là có qui tắc. Tuy nhiên, chính ngay lúc những người kia bắt đầu đánh nhau, một người cảnh sát, không hiểu từ đâu ra, xuất hiện và giải tán đám đông. Ai cho phép bọn người vô tích sự kia tụ tập để gây lộn nhau giữa đường thế này? Thoạt nhìn qua, những người vô tích sự đó hiểu ngay là viên cảnh sát không có vẻ muốn cười và họ chuồn đi thật nhanh. Vậy nên tác giả quyển sách này còn lại có một

mình và, thấy chung quanh đã vắng người, ông nghĩ là đã đến lúc bắt tay vào việc, không sợ bị xao lãng hay bị quấy rầy bởi những kẻ phá rối. Bởi thế ông làm việc hăng hái gấp đôi, ông nhặt, ông quét, ông dọn một cách say sưa, vì ông qủa mong muốn quét don cho xong con đường và làm cho nó đẹp ra.

Chỉ có tác giả quyển sách này là người độc nhất không bỏ chạy, điều đó lại là điều đáng nghi đối với người cảnh sát. Anh ta gọi ông lại, giục ông phải trả lời những câu chất vấn của anh và phải nói hết sự thật. Đoạn anh ta mở cuốn sổ tay ra, ghi tên bị cáo và bắt đầu lập biên bản về tội tụ tập bất hợp pháp, ngăn trở lưu thông và gây ồn ào trái phép. Tác giả quyển sách này toan bào chữa:

- Thưa thầy cảnh sát, tôi xin thề, ông nói, tôi xin thề là không có làm gì cả. Chuyện xảy ra như thế này đây. Tôi đang đi dạo, thì tôi trông thấy một cái vỏ-sự thật là thế-vứt bừa trên đường tôi đi Tôi biết đó là một mối nguy thường trực cho những người qua lại và, vì không có ai nhặt nó lên, tôi quyết định làm công việc ấy và tôi đã nhặt nó đi. Chỉ có bước đầu là khó, bởi vậy nên tôi tiếp tục quét luôn cả con đường. Chỉ có thế thôi, tôi xin thề với ông đấy.

Người cảnh sát huýt sáo, rồi nhìn thẳng vào ông bằng một con mắt nghiêm khắc:

- Vậy ra, anh ta bảo, ông nhận đã có nhúng tay vào vụ quét dọn rác.

- Dĩ nhiên là có, bị cáo trả lời. Và lại tôi đâu có che đậy chuyện đó. Tất cả những gì tôi nói với ông là sự thật hoàn toàn, tôi sẵn sàng lặp lại với ông những điều đã nói.

Đến đây thì người cảnh sát đòi ông xuất trình giấy phép của Tòa Thị sảnh cho phép ông làm một công việc như vậy. Đoạn anh ta ghi và chép lại tất cả những gì anh ta nghe và thấy. Anh ta viết đầy nguyên một tấm phiếu buộc tội tác giả quyển sách này. Luật lệ là luật lệ. Không ai lại đi chơi cái trò làm phu vét bùn mà không được phép trước của Tòa Thị sảnh. Làm như vậy là phạm pháp. Tuy nhiên anh cảnh sát vì còn một chút nhân đạo không dẫn kẻ phạm pháp đó về bót. Thật tình là mười hai giờ vừa đổ và anh ta cũng gấp về nhà như bất cứ ai để ăn trưa. Vậy nên anh ta bỏ đi để mặc tác giả quyển sách này đứng đó trầm tư suy nghĩ về mối liên hệ giữa những đống rác và Nhà Nước. Khốn thay cho kẻ nào muốn thu vén sạch sẽ phần nào trong một xứ hãy còn đầy tì vết, những khiếm khuyết và bất công!

NGUYỄN THƯ HỒNG dịch

HOÀN ĂN KIẾN

MIGUEL ANGEL ASTURIAS
(NOBEL 1967)

...Tôi biết rằng những ai ăn giấc ngủ sẽ trở thành đất...

Nghe nói vậy đã khiến tôi bị nghiền nát. Tôi ăn giấc ngủ. Hoàn toàn bị nghiền nát. Chẳng cần phải giải thích điều đó. Tôi ăn giấc ngủ và cảm thấy... Làm thế nào nhỉ? .. Tôi trở thành đất ư?... Làm thế nào để bỏ được tật ăn giấc ngủ để nuôi

nỗi hoang tưởng ban đêm của tôi vốn là cái thực tại duy nhất của sự hiện tồn của bản thân?

Tôi cứ chong mắt thức thâu đêm trong khi những người thân của tôi ngủ ngon lành...

Ăn giấc ngủ... đó chẳng qua là một cách diễn đạt...

Trời oi nóng buộc tôi phải mở toang cánh cửa sổ ăn ra ngoài hiên. Bụi bậm do gió dồn tụ lại đọng trên cánh cửa bị hơi ẩm ban đêm vào những giờ ấy đã trở nên ẩm, xộc vào mũi tôi cái mùi đất ướt. Khi ra mồ hôi lại thở hít cái mùi ấy, tôi trở thành đất. Tóc tôi, nước nhãi tôi, thân xác tôi hoàn toàn vô cảm.

Thứ hương có vị đất ướt, có vị mồ hóng ngọt ấy tôi ngửi thấy nó vì tôi ăn giấc ngủ, không phải vì tôi ngủ mà vì tôi thức, vì tôi không thể nào nhắm mắt ngủ được. Và giờ đây tôi lo lắng bởi cái vị bùn trong mồ hôi tôi, vì thứ đất ướt bết trên mắt tôi, trong móng tay tôi, trong răng tôi .

Và không phải là những ai an giấc ngủ, những ai mất ngủ thì trở thành đất như những người chết. Không phải như thế đâu mà là chuyện khác cơ. Đó là cảm giác về một thứ đất sống, thứ đất mang cơn khát trước giếng nước, thứ khát khô họng và đó còn là cảm giác buồn buồn không thể chịu nổi đọng lại trên các đầu ngón tay đặt lên bình hoa. Và sau đó là cái nóng của chảo đặt trên lửa mà người ta cảm thấy trong lồng ngực mình. Tai tôi, mi mắt tôi có lẽ được rang khô bên cái chảo đặt trên lửa cháy.

Ăn giấc ngủ... tức là ăn giấc ngủ và không ngủ, nuốt giấc ngủ và thức trắng đêm... mà nghe đêm qua đi với tất cả động

tĩnh của nó và có những lúc chẳng nghe thấy gì cả, tưa như mình đã thành đất rồi..

Thứ thịt mới ấy dần dà đông cứng lại. Có lẽ đúng hơn là nó đông cứng ngay lập tức. Không có thời gian để suy nghĩ. Nhưng mà nó dần dà, hết lỗ chân lông này đến lỗ chân lông khác, từ sợi tóc này sang sợi tóc khác. Kẻ trở thành đất vì ăn giấc ngủ là chủ nhân của một trí thông minh héo hắt nhưng không phải vì thế mà nó kém hơn trí thông minh của kẻ ngủ được vừa thức dậy. Trí thông minh của đất...

Ai làm kinh động?

Đó là một tiếng súng nổ... Một tiếng súng nổ xa xôi?... Một con khỉ kêu... Tôi chỉ còn nghĩ đến con khỉ lông lá vừa nhảy qua cửa sổ, chạy vào nhà ẩn ở bên cạnh tôi, đang run rẩy như bầu trời đêm nhấp nháy sao, hàm răng trắng cứ run cầm cập, đôi mắt nó lúc nhắm lại lúc mở ra theo nhịp điệu lúc nặng lúc nhẹ của cơn đau do viên đạn gây lên trên cánh tay nó.

Tôi định vỗ về an ủi nó và nó bang ánh mắt hiền lành cảm ơn tôi. Tôi nói để nó yên tâm. Tôi kể cho nó biết rằng từ ngày tôi đến ngôi nhà ấy tôi không ngủ, tôi an giấc ngủ, tôi đang bị kết án trở thành đất.

Nó không động đậy. Nó nghe tôi kể lể. Nó nghe những âm thanh phát ra từ miệng tôi và nó hiểu rằng tôi đang nói với nó, bởi vì, ôi con vật đáng thương, nó càng run rẩy hơn cái bàn tay đen những ngón dài cầm chắc lấy cái cánh tay đang rỉ máu và nó âm ức khóc.

- Đúng mà, mình đã nghe... - có tiếng nói bỗng vang lên như sấm. Đó là tiếng nói của người vừa bắn súng - Mọi cái thật là đẹp, nhưng con khỉ phải thuộc về tôi..

- Tại sao? - tôi hỏi, mặt đương mặt với một người đàn ông da ngăm ngăm đen, mái tóc dài, và đôi mắt đỏ ngầu.

- Vì là của tôi...

- Anh nói sao? Của anh hả?

- Đúng thế, vì tôi đã bắn nó bị thương...

- Vì thế anh có quyền nhận nó là của mình?

- Dĩ nhiên!

- Đừng hòng. Bởi vì nó vào ẩn trong nhà tôi và tôi không giao nó cho anh.

- Tốt hơn hết là nên giao lại cho tôi, vì như thế nó có ích cho tôi hơn là cho anh. Tôi đang cần nó.

- Chớ có vào nhà tôi vì tôi cũng đã vũ trang rồi.

- Tôi cần có nó. Vợ tôi đang trở thành đất. Muốn cứu được cô ta phải có máu khỉ tưới lên người cô ta.

- Sẽ trở thành đất sao?... - tôi vội hỏi. Hai mắt tôi cũng ngay lập tức biến thành dấu hỏi.

- Vâng, đúng thế, một đống đất nom tựa như một tổ kiến phấp phòng thở .

Con khỉ tiếp tục ra máu và nhảy bần bật. Trong cơn hấp hối, môi nó run rẩy, đôi mắt sống của nó đã đờ đẫn...

- Nào, chúng ta đi thôi - tôi nói với người khách không chờ mà đến-may ra nó sẽ còn ít máu và chúng ta sẽ lấy để tưới lên người vợ anh. . Có phải anh nói rằng vợ anh đang trở thành đất phải không?

- Vâng, đúng thế vì cô ấy ăn giấc ngủ...

- Đúng thế không?

- Anh làm sao vậy? - anh ta hỏi tôi mà không trả lời câu hỏi của tôi khi chúng tôi ra khỏi nhà.

- Chẳng sao cả. Chẳng sao cả! - tôi trả lời anh ta và bước gấp. Tôi lại hỏi: - Chúng ta về liệu có kịp không?...

- Có lẽ kịp đấy... Chúng ta cần về đến nhà trước khi lũ kiến kéo đến ở cái đống đất có hình người đàn bà. .

- Cái gì sẽ xảy ra nếu đám kiến...?

- Nếu đám kiến đến ở đấy rồi-anh ta trả lời tôi-thì không thể cứu nàng được nữa.

- Ôi, nếu biết trước điều đó... Anh đến chậm qúa. Trong lúc đó con khỉ này đã ra mất rất nhiều máu. Bây giờ hầu như nó đã kiệt máu rồi.

- Tôi phải tìm nó trong rừng. Mãi sau tôi mới nghĩ ra là nó chạy vào nhà anh.

Trăng mọc, nóng và bụi.

- Cái chết vĩ đại kia-anh ta nói chỉ tay lên vầng trăng-ăn hết tất cả giấc ngủ của nó và đã trở thành đất, mặt trăng là đất, là thứ đất mà đám kiến bò đến trước khi máu khỉ tưới lên trăng... Vầng trăng là cái tổ lớn của những con kiến đen khi nó tối lại, là tổ lớn của kiến đỏ hoặc kiến vàng khi nó bừng sáng như lúc này...

- Còn xa lắm phải không? - tôi lo lắng hỏi.

- Không còn xa lắm nữa đâu. Sau khe núi kia là nhà tôi. Hiển nhiên là con vật đáng thương này không đủ máu để cứu vợ tôi.

- Chúng ta đi kiếm con khác-tôi đề nghị-. Tôi bán súng lục rất thiện nghệ.

- Điều đó tốt quá rồi nhưng chúng ta nên về nhà trước đã. Có lẽ con vật đáng thương này vẫn còn ít máu.

Chúng tôi dừng lại bên cạnh một túp nhà la tường đất nép bên dưới mấy cây cỏ tán la đã khô. Đó là nhà anh ta.

- Vợ anh đâu? - tôi nghi ngại hỏi.

Anh ta đứng lặng người với hai hàng lệ trào ra. Hai hàng lệ này lăn trên khuôn mặt giá lạnh, xanh xám, nhăn nheo của anh ta.

Người vợ của anh ta chỉ còn là một đống đất hình người bị hàng nghìn, hàng nghìn con kiến đỏ đào thủng lỗ chỗ. Tôi ôm lấy anh trong lúc anh buông xác con khỉ xuống, người là đi với những tiếng than vãn và những lời chửi bới.

Buổi sáng ấy, trên một chiếc thuyền độc mộc tựa như con cá sấu do một người Anh điều lái tôi đã đi khỏi nơi ấy theo những con sông nhỏ nước trong và hiền lành để tới Carabi.

Từ đây tôi đi ngựa đến ga xe lửa. Tôi trở về thủ đô trên chuyến xe khách đầu tiên ..

Người đàn ông đáng thương, chồng của người đàn bà trở thành đất do ăn giấc ngủ, không muốn cùng đi với tôi cho dù tôi đã hứa sẽ tìm việc làm cho anh ta ở thành phố. Anh ta không đi là vì muốn ở bên cạnh người vợ mãi mãi.

- Vợ tôi không chết-anh ta giải thích cho tôi-Vợ tôi vẫn sống, chỉ có điều là nàng trở thành đất...

- Nhưng anh không nhìn thấy ..

- Tôi không nhìn thấy cái đã được nhìn mà chỉ nhìn thấy cái chưa được nhìn...

Anh ta ngừng im và ở lại.

- À...! - anh ta nói với tôi cứ như thế điều này sẽ an ủi tôi-bởi tất cả điều này ở đây, những tổ kiến của tâm cao mỗi người đều được nhìn thấy cũng như những cột mốc. Không phải là những tổ kiến đâu mà là đám người an giấc ngủ. Hàng trăm, hàng nghìn, hàng triệu kiến đen, kiến đỏ sống bằng giấc ngủ bị ăn ấy, giấc ngủ biến thành thứ mật đặc mà bọn gấu rất thích thú ăn. Những cái mõm dài của chúng... cái dang chậm chạp cận thị của chúng.. Chúng không thấy rằng dưới lớp vỏ rất cứng, những con chiên thầy đều biến thành thứ bột vàng quạch giống y hệt bụi của những người chết

Chẳng có cách nào lôi anh ta đi khỏi nơi ấy. Anh ấy sợ cho vợ mình. Sau rất nhiều lần khẩn khoản van nài anh mới chịu thú thật với tôi rằng để cứu vợ mình anh ta phải thay đổi hình dạng, phải thôi không làm con người và phải biến thành gấu vàng, vừa có cái mõm dài vừa có cái vẻ chậm chạp cận thị của gấu.

- Bởi lẽ đó mà không thể...

- Nhưng điều ấy là không thể... - tôi nói.

- Tôi sẽ làm điều đó khi ở một mình và để đạt được hình thù con gấu tôi sẽ bắt đầu liếm đất mùn của tổ kiến cho đến

khi đào được một cái rãnh có thể thò lưỡi vào trong tổ kiến để cho đám kiến bám vào đó. Kiến chính là giấc ngủ mà cô vợ tôi đã ăn. Sau đó, hay đúng hơn, khi kiến bám vào lưỡi đông đặc, đông đặc như một đám mây thì tôi rụt đầu lưỡi lại cho nó vào trong mồm mình và tôi cứ việc ăn kiến cho đến khi không còn một con. Đó chính là lúc vợ tôi lại trở lại làm người như trước đây .. và tôi sẽ tiếp tục là tôi, là Hoan ăn kiến một cách quái đản..

K.D dịch

NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG CƯỜI

JASUNARI KAWABATA
(NOBEL 1968)

Bầu trời hiện ra xanh thẳm, gợi nhớ thứ đồ sứ tuyệt đẹp. Tôi nằm trên giường, đầu óc chỉ mải theo dõi sắc nước trong dòng sông buổi sớm thay đổi ra sao.

Người diễn viên, đóng vai chính trong bộ phim của chúng tôi đúng mười ngày nữa phải trở về với công việc ở một nhà hát, do đó tuần tới phải quay thông tấm cả ngày lẫn đêm. Với tư cách tác giả kịch bản, trong khâu quay phim, tôi không có việc gì đáng kể. Nhưng sau những đêm không ngủ, môi tôi se lại, nứt nẻ và con mắt thì đau nhức bởi ánh sáng chói chang trên trường quay. Đêm qua, tôi lại trở về khách sạn khi mọi vì sao đã tắt hết trên nền trời; cố nhiên là người mệt mỏi vô hạn.

Nhưng sắc trời gợi nhớ tới chất đô sứ tuyệt vời kia lập tức khiến lòng tôi dịu lại. Trong tâm trí tôi hiện lên những hình ảnh đẹp và rất nhiều bóng dáng yêu kiều. Trước tiên, tôi hình dung lại cái phố Xitdô đầy sức quyến rũ. Ở đó tôi từng ngồi ăn ở khách sạn "Coridăngtêma", gần chiếc cầu lớn. Qua khung cửa sổ tầng ba, tôi mải ngắm màu xanh rực rỡ của cây cối trên đỉnh núi Higaxi. Cả ngọn núi như nằm trong lòng bàn tay. Cảnh tượng bình thường, nhưng do chỗ vừa từ Tôkiô tới, tôi không khỏi kinh ngạc trước vẻ tươi tắn của đám lá non mới nhú. Rồi tôi nhớ tới những mặt nạ sân khấu treo ở một cửa hàng đồ cổ. Những mặt nạ cười, loại đã lâu đời lắm.

- Chết thật! Ý nghĩ hay đấy chứ!

Qúa vui bởi một ý đồ sáng tạo này ra bất thần, tôi vớ ngay giấy bút và lia thật nhanh. Tóm lại là tôi muốn chữa lại cảnh cuối cùng trong kịch bản. Đánh dấu chấm hết vào cuối bản thảo xong, tôi thấy chưa yên, còn chua thêm ít dòng để dặn riêng đạo diễn.

Cảnh cuối cùng trong bộ phim tôi viết theo lối ước lệ. Trong các khuôn hình ở phần kết này, các vai chính sẽ hiện ra trong những mặt nạ cười.

Viết về một thực tại hắc ám tôi đã cố nhiên, nhưng không sao điểm thêm vào trong phim được một ít nụ cười tươi tắn. May quá, bây giờ, ít ra là ở đoạn kết, hiện thực sẽ bớt nặng nề đi, nhờ các mặt nạ với nụ cười nhân hậu.

Cuộn bản thảo lại, tôi tính chuyện gửi nó tới xưởng. Trong phòng làm việc chẳng còn gì ngoài chồng báo xếp trên bàn.

Trước mắt tôi chỉ có người phụ nữ bán cáng tin đang nhặt vỏ báo trước xưởng làm đạo cụ trang trí.

- Phiền bà chuyển hộ cái này tới tận tay đạo diễn ngay khi ông ta tỉnh dậy, - tôi nói thêm khi chuyển cho người đàn bà phong bì bản thảo.

Trong kịch bản này của tôi, hành động chính xảy ra tại một bệnh viện tâm thần. Nhưng sau nhiều ngày quan sát những cảnh quay lại cuộc sống của đám người mất trí, tôi đang hoảng: nếu không tìm ra bằng được một ít tia sáng tươi vui nào đó để rọi vào câu chuyện tăm tối khủng khiếp này, bộ phim chắc chắn bị đổ. Nhưng một cái háppi en (1) cần thiết không sao tìm nổi - đấy vốn là một đặc điểm trong cách viết của tôi, dấu vết của một lối nhìn u ám. Do đó, tôi mừng đến mức khó nói nên lời, khi nghĩ ra cảnh mặt nạ. Tôi vui vẻ hẳn lên khi hình dung ra đoạn cuối phim mọi bệnh nhân trong viện, không trừ một ai, hiện ra trong những mặt nạ đang cười. Thật là một cảnh cômich(2) chói sáng.

Những tấm kính dày dặng làm mái che xưởng phim dường như đã thu vào mình tất cả sắc xanh. Anh sáng ban ngày nuốt dần cái màu xanh thẫm từng gợi nhớ tới màu sứ xơtô tuyệt diệu trên trời. Tâm hồn hoàn toàn thư thái, tôi quay về khách sạn, và thiếp đi một lúc hết sức khoan khoái.

Người được cử đi mua mặt nạ quay về xưởng vào lúc mười một giờ đêm.

---

(1) Đoạn kết "có hậu" (tiếng Anh).

(2) Hài hước.

- Từ sáng đến giờ, tôi phóng ô tô đến tất cả các cửa hàng đồ chơi ở Kiôtô - Ông ta kể, - nhưng không tìm đâu được một mặt nạ ra hồn. Chỉ có loại này...

- Để tôi xem nào - tôi bảo, và khi ông ta mở túi ra, tôi chỉ còn cách quay đi thất vọng - Ô... à... Cái này thì chưa được.

- Tôi cũng đã đoán thế, - người nhân viên phụ trách đạo cụ buồn bã gật đầu. - Tôi còn nhớ mang máng rằng ở một cửa hàng nào đó, tôi đã nhìn thấy một mặt nạn rất hợp, nên cả ngày đi sục khắp mọi cửa hàng, vậy mà vẫn công cốc.

Tôi nói gần như phát khóc, khi mân mê trên tay chiếc mặt na kỳ cục, chỗ lồi chỗ lõm.

- Tôi tính mặt na là muốn dùng thứ mặt na sử dụng trên sân khấu. Nó kia. Bản thân mặt na phải là một tác phẩm nghệ thuật thực thụ. Còn thứ đồ giả này đưa ra chỉ tổ mua cười

Nhìn vào chiếc mặt na màu nâu với cái lưỡi thò ra đỏ chói trông rất rợ, tôi nói thêm:

- Tôi cần thứ mặt na trắng, nhẵn, lôi cuốn người ta bằng nụ cười hiền dịu. Mang thứ mặt na này lên phim trước hết trông cứ tối sầm.

- Chuyện khó gỡ đây. - đạo diễn cười khi cho trường quay tạm ngừng công việc và nhìn vào chiếc mặt nạ - Hay ta cứ lấy mấy cái này, quét màu vào dùng tạm vậy

Sáng mai đã bắt đầu quay đoạn cuối: các thứ mua ở cửa hàng đồ chơi không dùng được, nhưng muốn tìm cho ra thứ mặt na cổ như tôi muốn thì không còn thời gian, rút cục đạo

diễn đề nghị: hay cũng lắm, ta tự làm lấy một ít mặt nạ bằng các loại xen lụy lô cố ở xưởng.

- Không, - tôi phản đối, - giữa hai con đường, chỉ được chọn một: hoặc tìm cho ra những mặt nạ có giá trị nghệ thuật thực thụ; hoặc ý định của tôi phải tạm gác lại

- Biết thế, hãy để tìm thêm chuyến nữa. Bây giờ mười một giờ. Ở khu Tân Kiôtô có lẽ phố xá chưa đóng cửa hết đâu.

- Anh đi với tôi? - Tôi tỏ ý hoan hỉ

chúng tôi lên xe, phóng thẳng trên con đập qua sông. Trên bờ sông đối diện, ở khu vực bệnh viện đa khoa, các cửa sổ còn để đèn, ánh sáng lấp lánh trên mặt nước. Thật khó hình dung là sau những cửa sổ đó, các bệnh nhân đang quằn quại trong bệnh tật. "Nếu như không tìm thấy những mặt nạ thích hợp - tôi tự nhủ - không khéo trong đoạn kết phim, mình phải đưa ra hình ảnh những khuôn mặt cửa sổ bệnh viện chói sáng trong đêm và đổ bóng trên mặt sông?"

Cùng với người phụ trách khâu kịch bản, tôi la cà khắp cửa hàng đồ chơi ngay trước khi các cửa hàng này kịp đóng cửa. Cũng mua được khoảng hai chục mặt nạ phụ nữ, loại mặt tròn, bôi bằng giấy. Nhưng vẫn chưa phải thứ mặt nạ tôi cần. Trông chúng có đẹp thật, nhưng còn xa mới đáng gọi là những chế phẩm có ý nghĩa nghệ thuật thực thụ. Còn phố Xitdô thì các nhà đã đóng cửa đi ngủ cả.

- Rẽ cho chút xíu, - người phụ trách khâu kịch bản rẽ vào một phố nhỏ - Ngõ này có nhiều cửa hàng đồ cổ chuyên bán các đồ cúng Phật ngày xưa. Tôi ngờ may ra có thể có các thứ đạo cụ dùng trong sân khấu Nô

Nhưng tất cả các cửa hàng trong ngõ đều đã đóng cửa. Tôi ghé mắt qua lỗ khóa gần như hết tất cả các cửa hàng đó.

- Được, bảy giờ sáng mai tôi sẽ có mặt ở đây, - người đồng hành của tôi quả quyết. - Bây giờ đang đêm, chắc cũng chưa cần làm gì vội.

- Mai tôi sẽ đi với anh. Xin nhớ đánh thức tôi dậy.

Nhưng anh ta không đánh thức tôi, mà đi một mình, và khi tôi đến xưởng mọi người đang bắt tay vào quay đoạn cuối. Rút cuộc, người ta cũng tìm được năm mặt nạ cổ đẹp không chê vào đâu được. Theo đúng ý đồ của tôi, lẽ ra cần đến hai mươi hoặc hơn nữa, ba mươi chiếc. Nhưng chỉ cần năm cái loại này, những nụ cười kỳ diệu chắc đã đủ sức thức dậy trong lòng người xem những cảm giác cao thượng, tốt đẹp. Lòng tôi dịu lại, tôi cảm thấy mình đã hoàn thành nghĩa vụ với những con người bị bệnh tâm thần mà cuộc sống của họ được sử dụng làm cơ sở cho kịch bản.

- Mặt nạ rất quý, tôi không mua nổi nên đành thuê tạm, - người phụ trách kịch bản nói. - Chỉ bôi bẩn một chút thôi, người ta sẽ không nhận trả lại

Sau khi đã dặn dò đủ điều những người sử dụng mặt nạ, chúng tôi yêu cầu họ rửa tay cẩn thận trước khi cầm vào chúng. Ai nấy nâng niu, như những của quý.

Nhưng khi quay xong vẫn không tránh khỏi có chuyện: một trong năm mặt nạ bị ố một vệt vàng trên má.

- Tai họa! - Người phụ trách kịch bản kêu lên buồn bã. - Hay ta thử cố tẩy đi..

- Thôi được, - tôi an ủi anh ta. - Tôi xin trả tiền và lấy cái mặt nạ ấy vậy.

Thật ra, lâu nay, tôi vẫn có ý tìm một mặt nạ loại đó. Tôi thường ước ao con người ta trong tương lai, phải có khuôn mặt đầy ánh sáng và lương thiện, với những nụ cười rạng rỡ như vậy.

Trở lại Tôkiô, tôi lập tức rẽ về nhà và từ đó, đến thăm vợ tôi đang nằm bệnh viện. Bọn trẻ trong nhà cũng đang ở đấy thăm mẹ, chúng truyền tay nhau chiếc mặt nạ, tỏ ý thích lắm. Tôi càng lấy làm hài lòng.

- Bố, bố thử đeo xem sao! - Một đứa đưa mặt nạ cho tôi.

- Bố không thích.

- Bố cứ thử đeo xem.

- Không!

- Bố đeo cơ... - Thằng con trai nhỏ nhất nói giọng nũng nịu và nhón chân lên, toan ấn vào mặt tôi. Tôi bắt đầu cáu, nhưng may, vợ tôi đã lên tiếng cứu vãn.

- Thôi con. - Vợ tôi khẽ quát thằng nhỏ.

- Hay ta đeo cho mẹ vậy! - Lũ trẻ cùng cười rúc rích và quay cả về phía mẹ.

- Không được làm thế các con, mẹ đang ốm!

Tôi đình ngăn chúng lại, nhưng đã muộn.

Một điều khủng khiếp nào đó đã xảy ra khi chiếc mặt nạ được đeo vào mặt người vợ ốm đang nằm trên giường.

Tôi vội giữ chiếc mặt nạ khỏi mặt nàng. Vợ tôi thở hổn hển. Nhưng tôi ngạc nhiên bởi một điều khác. Khi tôi vừa gỡ mặt nạ

ra, khuôn mặt nàng hiện ra xấu xí một cách thậm tệ gần như trở thành kỳ quái. Tôi rợn cả tóc gáy khi nhìn vào khuôn mặt phờ phạc đó. Người tôi thảng thốt như lần đầu tiên trong đời nhìn thấy nó. Chỉ cần chiếc mặt nạ tuyệt vời đặt trên khuôn mặt vợ tôi chốc lát, lập tức tôi cảm thấy tất cả vẻ xấu xí của nó. Hơn nữa, không phải chỉ xấu xí, khó coi, khuôn mặt đó giờ đây còn hiện ra héo hon, trầm uất đến cực độ. Ngay khi đã gỡ khỏi chiếc mặt nạ xinh đẹp kia một lúc, khuôn mặt đó vẫn hiện ra đặc biệt thảm hại, nhạt nhẽo.

- Bây giờ bố đeo thử xem, bố! - Lũ trẻ bắt đầu xoay sang tôi.
- Bây giờ đến lượt bố.

- Đủ rồi, buông ra! - Tôi nói xẳng và kịp đứng lên.

Nếu tôi đeo mặt nạ vào và sau đó gỡ nó ra, biết đâu, trong mắt vợ tôi, tôi chả hiện ra kỳ cục đến quá quỷ sứ!

Cái mặt nạ xinh đẹp thật xảo quyệt. Nó làm nảy sinh trong tâm trí tôi một mối nghi ngờ khủng khiếp: bảy khuôn mặt vợ tôi - mà bấy lâu tôi quen thấy, với nụ cười dịu dàng nhân hậu - chẳng qua cũng chỉ là một thứ mặt nạ? Phải chăng nụ cười trên khuôn mặt người phụ nữ cũng là được tạo ra như chiếc mặt nạn đã được tạo ra như thế này?

Quỷ tha ma bắt những cái mặt nạ này đi! Quỷ tha ma bắt những thứ được bày vẽ này đi!

Tôi quyết định phải lập tức gửi tới xưởng phim ở Kiôtô một bức điện trong đó viết "Bỏ ngay các đoạn phim sử dụng mặt nạ". Nhưng rồi tôi xé bức điện thành từng mảnh nhỏ.

VƯƠNG TRÍ NHÀN dịch (qua bản tiếng Nga)

TIẾNG TRE, HOA ĐÀO

YASUNARI KAWABATA
(NOBEL 1968)

Ông lão bắt đầu cảm thấy trong mình tiếng hát của tre và màu hoa của cây đào từ bao giờ vậy nhỉ?

Và bây giờ, ông không chỉ nghe thấy tiếng tre kêu, - ông trông rõ tiếng kêu ấy, ông không chỉ ngắm nhìn hoa đào - tai ông vâng vẳng nghe thấy tiếng đào reo.

Nhiều khi lắng nghe tiếng tre, ta lại cảm thấy như có tiếng thông reo, mặc dù tre và thông chẳng phải là bà con cùng họ. Đôi khi ngắm nhìn hoa đào, ta lại trông ra hoa mận, tuy bấy giờ chưa đến mùa nở. Người đời chẳng mấy khi có cảm giác ấy, nhưng ông Hixao Miyacava biết đến nó, ấy là lúc đã ở độ cao niên.

Một ngày xuân năm kia, ông Miyacava trông thấy trên sườn đồi sau nhà một con đại bàng, thế rồi ông cảm thấy như con chim giơ đây vẫn còn trước mắt mình.

Dãy núi thấp phía sau nhà ông Miyacava bị ngắt lại, chỗ cuối cùng chỉ còn là một cái đồi trông như phần đuôi của một giọt sáp ong. Những tảng đá màu chì dưới chân gò phủ đầy các loại cỏ nhiệt đới. Trên sườn đồi không có cây cao, nhưng cũng bị loài thực vật này phủ kín, trông như một bức mành xanh. Và chỉ ở trên đỉnh đồi mới thấy có một cây thông to, khô héo.

Cây thông khô héo đã từ bao nam nay, lá nhọn đã rụng hết, những cành con đã gẫy cả, chỉ còn lại những cành to, trơ ra. Cây thông đứng mãi thế, như chọc thẳng lên trời.

Khi Miyacava trông thấy con đại bàng đậu trên ngọn cây thông, ông suýt kêu to lên vì ngạc nhiên. Ông chưa hề bao giờ nghĩ giống chim đại bàng có thể bay đến nơi đây. Điều này thật là kỳ diệu quá. Nhưng con đại bàng to khỏe, dũng mãnh đã đậu trên cây thông.

Cây thông cao lớn trông như thấp bé hẳn, kể từ lúc con đại bàng dừng chân trên ngọn nó. Đại bàng đứng im, không nhúc nhích, kiêu hãnh ưỡn ngực ra phía trước. Miyacava ngắm nhìn con chim, ông cảm thấy như sức sống đại bàng đã truyền vào mình.

Hôm ấy là một tối mùa xuân. Cây thông khô héo như cái kim nhọn đen chọc thẳng lên nền trời màu hồng dịu phủ lớp sương mù mỏng. Trên ngọn cây như diễn ra một sự kiện hoàn toàn không dính dáng gì đến xung quanh.

"Không, không phải đại bàng từ nơi khác bay trên trời chiều sương mù tới đây. Nó hiện lên ngay ở đây, và chỉ vì ta. Con chim sẽ không bay khỏi nơi đây..." - Miyacava nghĩ; ông ngạc nhiên vì những ý nghĩ ấy, và ngắm nhìn chim.

Ông có cảm giác như trong ngọn lửa cháy đỏ rực, tự nhiên có một bông hoa sen trắng khổng lồ hé nở. Trời xuân nhàn nhạt hoàn toàn không giống ngọn lửa, còn con chim đại bang thì khác xa bóng hoa sen trắng. Nhưng hình ảnh con chim khỏe đẹp đậu trên ngọn cây khô héo toát ra một cái gì thật là

êm ái, sự êm ái của bông sen trắng trong lửa đỏ rực. Hoa sen trắng...

Dần dần sự ngạc nhiên và niềm rung động thiêng liêng khiến ông khó thở, được thay bằng một lòng tin vững chắc, rằng chim đại bàng đến đậu là dấu hiệu lành, là điều báo trước cho nhiều may mắn. Miyacava tràn trề một niềm vui sướng vô hạn.

Xưa nay chưa bao giờ ông được tự mắt trông thấy và cũng chưa từng nghe ai kể rằng có chim đại bàng bay đến cái thị trấn nhỏ bên bờ biển gần Tôkiô này. Vậy mà chim đại bàng lại đang trước mắt ông. Nó đến đây như thế nào nhỉ? Đây là một sự tình cờ chăng - nó lạc hướng và ghé qua ngọn cây thông để nghỉ lấy sức? Hay là nó còn có mục đích nào đấy? Và cuối cùng là cái gì đã khiến nó đậu lên đúng cái ngọn cây thông này?

Ông Miyacava không coi đây là chuyện ngẫu nhiên. Không. Dứt khoát đó là điều xảy ra. Miyacava có cảm tưởng rằng chim đại bàng bay đến đây để nhắn nhủ ông một điều gì đó.

"May mà mình lại chưa chặt cái cây thông mục này, - ông nghe như vẳng vằng bên tai. - Phải chăng con chim đại bàng dừng chân đúng tại đây, chính vì trên ngọn đồi có một cây thông khô héo cao lớn kia? Không có cây thông, có lẽ cả đời mình sẽ chẳng bao giờ, dù chỉ trong phút giây ngắn ngủi, được trông thấy chim đại bàng ngay bên cửa sổ nhà mình".

"May mình chưa chặt cây thông, - Miyacava cứ nhắc lại mãi. - Vậy mà có lần mình đã định chặt nó rồi đấy".

Đã có lúc Miyacava đau lòng ngắm cây thông héo đứng cao vút sau nhà ông, coi đó như một dấu hiệu, như thần giữ nhà cho ông.

Cây thông trông rõ ngay từ nhà ga, nơi có tuyến đường sắt chạy qua. Miyacava và người nhà của ông có thói quen nhìn cây thông mỗi khi lên tàu hoặc khi đi xa trở về thị trấn. Người ta nhìn cây thông quen mắt, và tưởng như không còn để ý đến nó nữa.

Nhưng cũng có khi cây thông làm người ta xúc động, nó gợi lên tiếng biết bao tình cảm làm lòng người ấm lại. Chỉ cần bước khỏi toa xuống ga và đưa mắt nhìn cây thông, trong lòng tự nhiên thấy yên tĩnh, tim lắng xuống nhẹ nhàng vì một nỗi buồn khó tả. Miyacava không thể nhìn đoán được cây thông bao nhiêu tuổi. Khi đã bốn mươi chín tuổi, ông đến ở nhà này, mà cách đây mấy năm ông vừa tròn bảy mươi. Nhưng suốt thời gian ấy, cây thông hình như không thay đổi. Quả thật, nó bao nhiêu tuổi nhỉ? Có lẽ ít ra cũng không dưới một trăm năm mươi tuổi.

Cả cây sồi, cả rặng duối mọc bên hàng rào che khuất mất những kẻ tò mò, cả cây xiren Ấn Độ vươn cành rộng trong vườn là những thứ cây trồng đã lâu chúng cũng không thể nào so được với cây thông trên đồi. Vì sao trên đỉnh đồi, ngoài cây thông, không còn có cây nào mọc nữa nhỉ? Hay những cây cùng tuổi với nó đã mục, đổ hết cả, và nay chỉ còn nó đứng đó thôi?

Chắc cây thông ít ra cũng phải già gấp đôi Miyacava, nếu không hơn. Và ngày mới đến ở đây, Miyacava tưởng rằng cây thông thế nào cũng sẽ sống lâu hơn ông. Từ hồi còn trẻ, đi lang thang chơi trong rừng, Miyacava đã xúc động dừng chân hơi lâu trước những cây cổ thụ, coi đó là tượng trưng cho sự trường sinh. Thế nhưng những cây già ấy không gây cho ông cảm giác là đời người ngắn ngủi, mà ngược lại, bắt ông quên đi điều ấy.

Và ông có cảm tưởng con người ông hòa nhịp vào cuộc sống của những cây đại thụ đã cắm rễ rất sâu vào lòng đất.

Ông cảm thấy cây thông mọc trên đồi như ở ngay trong ông. Sườn đồi dốc đứng, không có đường lên ngọn. Vì vậy, Miyacava không thể đi tới chỗ cây thông, ông cũng không thể yêu cầu người trông vườn chăm sóc nó được. Có lẽ từ xưa cây thông này vốn vẫn là cây thông dại, cho nên chẳng ai chăm sóc nó như những cây khác trong vườn. Tuy nhiên, cành lá của nó cũng không mọc tua tủa, bừa bãi, trông nó không đến nỗi hoang dại, tuy rất già. Đến bão lớn cũng không thể nào làm gẫy cành của nó được.

Chẳng phải nói cành, mà ngay những lá nhọn cũng chẳng bị làm sao. Nhiều lần Miyacava nhìn qua cửa sổ trông gió mưa giật, rung cây cối. Những hôm xấu trời, các cửa sổ nhà đều che rèm, nhưng riêng cái cửa sổ cao nhìn ra sau nhà vẫn không bị che đi, Miyacava lo lắng nhìn cây thông. Mưa to quất mạnh vào cửa kính, nước chảy mạnh như suối. Lá xanh rơi phủ đầy sân sau. Chỉ có những lá thông nhọn không hề bị rụng. Cơ thể cũng rụng, nhưng nhìn ra cửa sổ không thấy rõ, nên Miyacava có cảm tưởng không một lá thông nhọn nào bị rụng gió rung, gió giật cành lá cây cối trên đồi, nhưng cây thông dường như vẫn đứng yên trên đỉnh, khiến Miyacava tưởng như xung quanh nó không có giông bão. Đứng bên cửa sổ, ông chìa tay về phía cây thông như muốn ôm nó vào lòng...

Bỗng trước mặt ông hiện lên các hình ảnh cũ. Những cánh hoa cúc trắng lặng lẽ rơi. Cô dâu trong bộ áo cưới trắng, tay ôm bó hoa đi dọc hành lang khách sạn. Chắc cô vội đến đám cưới hay lễ ăn hỏi. Vạt áo dài thướt tha lướt trên sàn. Những cánh

hoa trắng nối tiếp nhau bay xuống. Người đàn bà đi bên cô dâu thỉnh thoảng dừng lại, cúi xuống sàn rải chiếc thảm màu xanh lá mạ, nhặt những cánh hoa.

Những cái đó Miyacava đã trông thấy một lần, khi ông đi trong hành lang một khách sạn. Người đàn bà cô nhặt những cánh hoa thật nhẹ nhàng, như chúng đã nhẹ nhàng rơi. Cô dâu có biết rằng cánh hoa rơi từ bó hoa cô đang cầm trong tay hay không? Ít ra thì cô cũng làm ra vẻ như không trông thấy. Trong khi Miyacava ngẫm nghĩ về sự độc ác của người trồng hoa đã chọn cho cô dâu bó hoa cúc héo, ông này ra ý nghĩ có thể đem những điều quan sát ấy làm cốt truyện tuyệt vời cho một tác phẩm bi kịch: những cánh hoa nhẹ nhàng rơi như cánh hoa cuộc đời bị những cơn bão tố thường ngày của sự sống ngắt khỏi cô dâu...

Khi bước khỏi toa tàu xuống sân ga, đi vào thị trấn, thì cây thông và ngọn đồi lẩn sau những dãy nhà. Nhưng chỉ cần quay ngoắt vào góc, nơi có quầy hàng xanh xanh, thì cây thông lại hiện ra và không còn biến mất nữa, nó cứ hiện mãi trước mắt Miyacava cho đến tận nhà.

Từ phía biển nhìn cây thông cũng rất rõ. Con gái Miyacava là Caiô kể ông nghe rằng khi cô với người yêu lần đầu tiên đi chơi thuyền buồm ra biển, cô đã trông thấy cây thông, tuy hai người đi đã rất xa, xa lắm, ngọn đồi trông chỉ còn lờ mờ trong màn khói của bờ biển. Trông thấy cây thông, cô đã khóc òa lên.

Miyacava sực nhớ lại chuyện này trong ngày ăn hỏi Caiô. Chồng chưa cưới của cô là một thanh niên khác, không phải người đã đi chơi thuyền buồm với cô. Lúc bấy giờ Miyacava

không tiện hỏi con gái rằng tại sao trông thấy cây thông, cô lại khóc. Sau này không có thì giờ để hỏi nữa.

Miyacava không thể ngờ rằng cây thông lại có thể héo được khi ông còn sống. Cũng như ông không hề nghĩ mình sẽ đến ở cái nhà này mà đằng sau lại có cây thông mọc đã sống hàng trăm năm ở đây vẫn chờ ngày gặp ông. Miyacava. Như vậy có nghĩa là cây thông không thể chết trước mà lại không chờ đợi ông. Bởi vì nó mọc cho ông cơ mà.

Bây giờ ông chẳng còn nhớ những cành lá nào đã úa vàng trước: những cành trên ngọn, giữa thân hay ở dưới gốc. Ngay người nhà ông cũng mỗi người nói một phách.

Khi Miyacava thấy những lá nhọn úa vàng, ông không hề nghĩ đấy là dấu hiệu nó sắp chết. Ông không có thợ vườn riêng, nên đành đến nhờ bạn giúp đỡ. Người thợ vườn đến thản nhiên tuyên bố cây thông sẽ chết. Anh ta nói thêm rằng cây này có lẽ bị sâu ăn, và khi lá đã úa thì tức là không thể cứu vãn được nữa. Miyacava nhờ anh ta tìm cách giúp, nhưng anh ta khoát tay vẻ tuyệt vọng.

Từ nhà, từ sân, từ phố, từ ga - từ vị trí nào nhìn cái cây đang chết cũng đều làm ông đau khổ. Quá trình hấp hối của nó kéo dài. Trên cây không còn một lá xanh, nhưng vàng úa rồi, chúng vẫn không rụng xuống đất. Có những ngày Miyacava tưởng như cây thông khô héo sao mà khủng khiếp và kinh tởm, gớm ghiếc. "Thà mắt ta đừng nhìn thấy nó còn hơn": - ông thường nghĩ thế, nhưng rồi, ngược với ý nghĩ, ông vẫn đưa mắt nhìn lên. Ông nghĩ phải mau mau chặt cây thông đi, để không những ông thôi không còn cảm thấy nó trong mình, mà còn để chôn cất nó nữa.

Thêm mấy năm nữa trôi qua. Những chiếc lá úa vàng đã rụng, những cành nhỏ đã mục, nhiều cành lớn cũng đã gẫy.

Miyacava đã ít nghĩ đến sự tồn tại của cây thông khô héo và ông đã định chặt nó. Tuyết trắng phủ đầy những cành cây ruống nát. Tuyết như làm nó sống lại. Những cành nằm dưới tuyết vô cùng giá lạnh, nhưng thỉnh thoảng lại có cảm giác như chúng đang tỏa ra hơi ấm.

Thế rồi ông trông thấy con chim đại bàng trên ngọn cây thông. Chim đậu vì Miyacava chưa chặt cây. Mà cây chưa bị chặt là bởi không dễ dàng gì leo được lên ngọn đồi. Có khi lại là do Miyacava ngại mệt, vì lý do này hay lý do nọ, cây thông vẫn đứng kia như cũ, và chim đại bàng đã đến đậu trên nó.

Con chim đứng im không nhúc nhích. Miyacava nín thở nhìn lên. Ông có cảm giác như được truyền thêm sức sống của đại bàng, như con chim truyền sức sống cho cả cái cây nữa.

Miyacava định gọi vợ ra ngắm đại bàng. Phải gọi thật to, không thì bà ấy chẳng nghe thấy, cho nên Miyacava đã suy nghĩ lại, e tiếng gọi của mình có thể làm chim sợ.

Chim đứng im như tượng đá. Tưởng như móng sắc của nó đã cắm chặt vào cành cây.

Nhưng đại bàng là một loài chim, rồi sẽ đến lúc nó bay đi. Chỉ cái cây khô héo kia vẫn còn lại. Nhưng đó sẽ là cây thông chim đại bàng đã đậu. Miyacava chỉ trông thấy chim đậu trên đó một lần, nhưng giờ đây hình ảnh đại bàng sẽ còn mãi trong tâm trí của ông.

Chim đại bàng đã mang tin gì đến cho Miyacava? Nếu chim đến là dấu hiệu tốt lành, là điều may mắn, thì nghĩa là hạnh

phúc, niềm vui sẽ đến với Miyacava. Phải chăng do chính điều đó mà ông đã trông thấy chim?

Chuyện ấy xảy ra một ngày xuân năm kia. Cây thông cổ thụ khô héo đứng trên ngọn đồi sau nhà từ đó hầu như không hề biến đổi. Chim đại bàng không bay trở lại nữa. Rất có thể, chim có bay đến mà Miyacava không trông thấy.

Giờ đây Miyacava nghĩ rằng đại bàng đã ở trong ông.

Chưa chắc có ai tin, nếu kể cho họ nghe rằng chim đại bàng đã bay đến thị trấn của họ, thẳng trên đồi, ngay cạnh nhà ông! Ông quyết định sẽ không kể cho bất kỳ ai biết chuyện này.

NGUYỄN HÀO dịch.

CON CHÂU CHẤU VÀ CON DẾ ĐEO CHUÔNG

YASUNARI KAWABATA
(NOBEL 1968)

Tản bộ theo bức tường lợp ngói của trường đại học tổng hợp tôi rẽ sang bên lại gần khu trường trung học. Dằng sau hàng rào ván sơn trắng bao quanh sân thể thao, từ lùm cây mờ tối nằm dưới tán cây anh đào đen thẫm có một tiếng côn trùng nỉ non. Vừa lắng nghe, vừa đi chầm chậm. Được một đoạn tôi buộc lòng phải chia tay với tiếng hát nỉ non, rẽ sang phải để không chệch hướng sân vận động. Từ chỗ ngoặt trái, hàng rào

tạo một lối đi tới con đê, hai bên trồng những cây cam. Vừa lớ ra góc khuất vừa kêu lên ngạc nhiên, tôi vội vàng đi tới, cặp mắt bừng sáng trước quanh cảnh phía xa...

Ở chân đê, như một đám rước, những chiếc đèn lồng lông lẫy nhiều sắc màu đang nhấp nhô bồng bềnh. Quang cảnh y chang ngày lễ hội ở một làng quê xa xôi nào đó. Không cần tới gần tôi cũng biết đó là lũ trẻ con đang chui ra chui vào các lùm cây mọc rải rác trên đê tìm bắt côn trùng. Có khoảng hai mươi chiếc đèn, chúng không chỉ mang một sắc đỏ thắm, hồng, chàm, xanh lá cây, đỏ tía hay vàng mà có cái sáng lên năm màu một lúc. Cũng có một vài chiếc đèn nhỏ, ánh sáng đỏ, là thứ mua ở cửa hàng, nhưng số còn lại phần lớn do bọn trẻ tự tay làm ra. Nom đẹp đẽ vuông vắn thế kia hẳn bọn trẻ đã hì hục làm với một tình yêu và một chủ tâm ghê gớm. Đêm vắng vẻ, những chiếc đèn bồng bềnh cùng tụi trẻ con đi trên triền đê, cảnh này là thực hay đang mơ giữa một câu chuyện thần tiên?

Một đứa bé nhà gần đây, vào một đêm đã nghe thấy tiếng côn trùng nỉ non trên triền đê này. Cậu ta đi mua một chiếc đèn lồng màu đỏ, đêm sau quay lại tìm người ca sỹ hay nỉ non ấy. Đêm sau nữa, lại thêm một cậu khác. Nhưng cậu này không mua đèn. Cậu cắt hai mặt hộp bìa, bồi giấy, thắp nến phía trong, làm sợi dây xách tay, thế là xong một chiếc đèn. Rồi năm đứa, rồi bảy đứa. Chúng tìm cách tô màu hoặc vẽ lên mặt đèn. Những chàng họa sĩ thông thái tí hon này bắt đầu cắt mặt đèn theo hình tròn, tam giác, lá cây... Chúng tô mỗi mặt đèn mỗi màu với những đường tròn, thoi, xanh xanh đỏ đỏ, tạo ra các kiểu trang trí giản đơn và hoàn chỉnh.

Thế rồi cậu bé đầu tiên quẳng chiếc đèn màu đỏ đi vì giờ đây nó chỉ là một thứ vô vị nhạt phèo. Cậu thứ hai cũng quẳng

nốt chiếc đèn mình đã làm ra, vì nó đơn giản quá. Những chiếc đèn các cậu đêm trước không còn thỏa mãn các cậu vào sáng hôm sau. Thêm một ngày hì hụi với đống bìa cứng, giấy, bút lông, kéo, dao nhíp, hồ dán, các cậu lại tạo ra, từ nhiệt huyết trái tim, từ sức tưởng tượng tâm trí một kiểu đèn mới. Hãy nhìn đèn của tớ này? Đẹp chưa? Không giống ai hết... Và đêm đêm chúng lại rủ nhau đi bắt côn trùng. Còn tôi thì được ngắm hai mươi đứa trẻ cùng hai mươi chiếc đèn lộng lẫy phía xa xa.

Tôi lang thang đến gần chúng. Những chiếc đèn vuông vắn kia không chỉ trang trí bằng những hình hoa theo lối cổ mà còn có tên người chế tạo. Tụi trẻ cắt từ sách vở lòng ra những chữ cái vuông vuông. Khác với loại đèn sơn đỏ, những chiếc tự tạo từ bìa các tông do có dán hình trang trí trên mặt đèn đã khiến ánh nến dường như phát ra từ chính bức tranh cùng màu sắc riêng của nó. Quầng sáng của những chiếc đèn trộn với bóng đêm mang lại một vẻ lừ mờ. Tụi trẻ hăng hái cúi mình soi bất cứ chỗ nào trên dốc mỗi khi chúng nghe thấy một tiếng hát nỉ nỉ non non.

- "Có ai thích chơi châu chấu không?" - Một cậu bé đang chúi mình vào bụi cây cách những đứa khác khoảng chín mươi mét, chợt đứng dậy kêu lên.

- "Có, cho tớ với nào!" sáu hay bảy đứa chạy tới. Chúng xúm lại quanh cậu, chúng định thò tay vào bụi cây. Nhưng cậu gạt tay lũ bạn ra, đứng dang tay như muốn bảo vệ lùm cây. Cậu huơ huơ chiếc đèn trên tay phải gọi thêm những đứa khác.

- "Châu chấu này, có ai muốn chơi không?"

- "Có, có!..." Bốn năm đứa nữa bổ tới. Nhưng rồi cậu bé lại gọi thêm lượt nữa, cứ làm như bạn không thể tìm được con gì khác qúi hơn châu chấu.

- "Có ai chơi châu chấu không?"

Thêm hai ba đứa chạy tới.

- "Có, cho em!" Tiếng một bé gái thò thẻ sau lưng cậu. Vừa xoay người nhẹ nhàng, cậu vừa cúi mình duyên dáng. Chuyền đèn sang tay trái cậu dùng tay phải thò vào bụi cây.

- "Chỉ là châu chấu thôi!"

- "Ừ, em rất thích!"

Cậu đứng vụt dậy chìa nắm tay có con châu châu cho cô bé thay lời nói: "Đây!". Cô bé khẽ tươt sợi dây treo đèn vào sâu cổ tay trái, dùng hai bàn tay bao bọc lấy nắm tay nhà đi san tỵ hơn. Cậu bé lặng lẽ xòe tay ra. Con côn trùng chuyển sang nằm giữa ngón tay cái và ngón trỏ cô bé.

- "Ồ! Đây không phải là con châu châu. Đây là con dế đeo chuông". Anh mắt cô bé rực sáng trước con côn trùng nhỏ màu nâu

- "Đúng là con dế đeo chuông rồi!" - Những đứa bé đứng xung quanh đồng thanh kêu lên ghen tị.

- "Đấy là con dế đeo chuông... dế đeo chuông!"

Vừa liếc nhìn người tạng mình bằng đôi mắt sáng thông minh cô bé vừa mở nắp lồng đeo bên người bỏ con dế vào đó.

- "Đó là con dế đeo chuông!"

- "Ở đế đeo chuông thật!". Cậu bé lầm bầm. Cậu nâng chiếc lồng lên gần mắt nhìn vào. Cậu cũng nâng chiếc đèn lồng lấy nhiều màu sắc của mình lên, và nhờ ánh sáng của nó cậu liếc khuôn mặt người bạn gái!

Ôi, tôi ngẫm nghĩ. Tôi cảm thấy lúng túng và thoáng ghen tị với cậu bé. Thật ngốc nghếch làm sao đến giờ vẫn chưa hiểu ra hành động của cậu! Tôi nín thở kinh ngạc. Nhìn kìa! Có một cái gì đó trên ngực cô bé mà cả nhà đi san tí hơn, cả nàng tiểu thư bé xinh cùng chúng bạn vây quanh đều không nhận ra. Trên ngực cô bé, làn ánh sáng xanh lá cây nhạt không hắt lên dòng chữ "Fujio" một cách rõ ràng là gì? Cái đèn lồng của cậu bé nâng lên ngang chiếc lồng để, có hàng chữ cắt bằng giấy xanh, đã in vào ngực áo kimônô trắng của cô hàng chữ viết tên cậu. Còn cái đèn của cô bé đang đung đưa dưới cổ tay có hình trang trí không rõ ràng, nhưng ta vẫn thấy trên miếng vải phập phồng theo nhịp thở nơi thắt lưng cậu bé có hàng chữ đỏ viết tên cô "Kiyoko". Sự phối hợp ngẫu nhiên xanh đỏ này là tình cờ hay là một trò chơi? Cả Fujio và Kiyoko không ai biết.

Cho dù hai đứa còn nhớ mãi rằng Fujio đã tặng con dế và Kiyoko đã nhận, thì ngay cả trong những giấc mơ Fujio cũng không bao giờ biết được tên cậu được viết bằng ánh sáng xanh lên ngực Kiyoko và tên của Kiyoko được khắc bằng ánh sáng đỏ lên thắt lưng cậu. Cũng như Kiyoko, cô không bao giờ biết được tên Fujio được viết lên ngực áo mình, và tên cô được thêu vào thắt lưng Fujio. Cậu Fujio ơi! Khi nào cậu lớn, cậu hãy cười thoải mái trước vẻ vui mừng của một cô gái khi cậu nói đây là con châu chấu nhưng lại đưa nàng con dế đeo chuông. Cậu hãy cười trong xúc cảm sâu xa trước nỗi thất vọng của nàng khi

cậu bảo đây là con dế đeo chuông nhưng thực ra lại đưa nàng con châu chấu.

Thậm chí nếu cậu có một trí tuệ để tự mình nhìn được những gì bên trong một lùm cây cách xa bao đứa bé khác thì cái thế gian này cũng chẳng vì thế mà sinh ra nhiều loại dế đeo chuông. Có thể cậu sẽ thấy một cô gái như loài châu chấu nhưng lại nghĩ nàng là loài dế đeo chuông..

Và cuối cùng với một trái tim muộn phiền và rỉ máu thì ngay một con dế đeo chuông đích thực cũng giống một con châu chấu thôi. Sẽ tới một ngày, với cậu hình như cả thế giới này ngập tràn loài châu chấu và tôi nghĩ thật đáng tiếc biết bao khi cậu không có cách nào để nhớ được trò đùa giữa ánh sáng đêm nay, từ cái đèn lồng đẹp lọng lẫy, tên của cậu được viết bằng ánh sáng xanh lên ngực người bạn gái.

XUÂN ANH dịch

NGƯỜI BẠN CÓ MÁI TÓC DÀI

HEINRICH BOLL
(NOBEL 1972)

Thực lạ lùng: Đúng năm phút trước khi cuộc vây ráp bắt đầu, tôi linh cảm thấy mình không an toàn... Tôi nhìn quanh, lo ngại, rồi chậm rãi đi dọc theo sông Ranh tìm đường ra nhà ga; dọc đường tôi cũng chẳng ngạc nhiên khi thấy xe máy chở cảnh sát mũ đỏ lao vút tới, chúng bao vây khu vực rồi bắt đầu khám xét. Mọi việc diễn ra thực nhanh chóng. Tôi đứng ngoài

bình thản châm thuốc lá hút. Tất cả thật êm, không huyên náo. Nhiều túi thuốc bay tới tấp xuống mặt đất. Tiếc thật... tôi nghĩ, và tôi đã vô tình nhẩm tính xem bao nhiêu tiền mặt vừa bị quăng xuống đất. Chiếc xe tải đã nhanh chóng chất ních những người chúng tóm được. Cả Phơranx cũng ở trong số đó... Từ trên xe, anh ra hiệu với tôi biểu thị sự vô vọng, nó cũng có nghĩa na ná như: số phận. Một tên cảnh sát quay luôn lại nhìn tôi. Tôi bỏ đi. Nhưng mà cứ từ từ, cứ bình tĩnh. Lạy Chúa, thì cứ để chúng bắt luôn tôi đi!

Tôi không có hứng quay về nhà và chậm rãi bước tiếp về phía ga. Tôi cầm gậy quất vào những viên đá trên đường đi. Mặt trời chiếu ấm áp, và từ phía sông Ranh, một làn gió nhẹ và dịu mát thổi tới.

Tại phòng đợi, tôi giúi cho Phơrit bồi bàn hai trăm điếu thuốc lá và nhét tiền vào túi sau. Bây giờ tôi yên trí, không có hàng trong người, chỉ còn lại một bao thuốc để hút. Tôi chen lấn trong phòng đợi, cuối cùng cũng tìm được chỗ ngồi, gọi một ít bánh mì và một cốc nước dùng. Tôi lại thấy Phơrit đứng từ xa xa ra hiệu, nhưng tôi chẳng có hứng đứng dậy. Anh ta vội vã đến chỗ tôi. Đi sau anh ta là anh chàng Maubăc thấp lùn. Cả hai hình như rất lo lắng.

- Đồ quỷ, nguy cấp thế mà cậu vẫn bình chân như vại!

Phơrit lâu bâu, rồi anh ta lắc đầu bỏ đi, nhường chỗ cho Maubăc. Anh chàng này thở không ra hơi, lắp bắp:

- Nầy... cậu... phải bốc hơi luôn đi... chúng nó khám nhà cậu, đã tìm thấy than cốc.... Khỉ ạ!

Tôi vỗ vai Maubac trấn an và giúi cho anh ta hai mươi mác.

- Được, cứ yên trí, - tôi nói, và Maubac đi thẳng

Nhưng chợt nhớ ra điều gì, tôi gọi anh ta lại.

- Này, Henri, cậu cất giấu cho mình ít sách và chiếc áo khoác ngoài để trong nhà... hai tuần nữa mình quay về, được chứ?... Những thứ khác còn lại cậu cứ dùng

Maubac gật đầu. Tôi có thể trông cậy vào anh ta. Tôi biết thế.

Tiếc quá... Tôi lại nghĩ... Tâm ngân mác mất tơi... Không ở đâu bình yên...

Một vài ánh mắt tò mò lướt qua tôi trong khi tôi chậm rãi ngồi xuống ghế và thản nhiên cầm lấy tờ báo. Rồi những tiếng ồn ào của đám người quanh tôi lặng đi, tôi biết, không ở đâu tôi có thể bình tâm theo đuổi dòng ý nghĩ của mình tốt hơn ở nơi này, ở giữa sự chen lấn và tấp nập người ra vào phòng đợi.

Rồi bỗng nhiên tôi cảm thấy là mắt mình, không nhìn vào đâu cả, nhưng nó cứ đảo qua đảo lại rồi dừng tại một điểm và chỉ dừng ở điểm ấy, như thể bị hút chặt vào đó trái ngược cả ý tôi. Trong đường vòng lướt qua của ánh mắt luôn luôn vẫn chỉ là điểm ấy, nơi ánh mắt lang dãng của tôi bỗng chững lại, rồi hối hả lướt đi. Như người vừa ngủ mê, tôi bừng tỉnh và nhìn về hướng đó. Cách chỗ tôi hai bàn có một cô gái mặc áo khoác sáng màu, trên mái tóc đen có chiếc mũ màu nâu phơn phớt vàng. Cô ta đương đọc báo. Tôi chỉ nhìn thấy cái dáng hơi khom khom của cô ta, thấy một chút xíu của cái mũi và bàn tay gầy guộc. Tôi cũng nhìn thấy đôi chân đẹp, thanh mảnh và... đứng thẳng, một đôi chân thật đẹp. Tôi không biết là mình đã ngẩy ra nhìn cô ta bao lâu, thỉnh thoảng, khi cô ta lật trang, tôi

cũng thoáng thấy một gương mặt hốc hác. Nhưng đột nhiên cô gái ấy ngẩng lên, nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt xám mở to, nghiêm nghị và lạnh nhạt, rồi lại cúi xuống đọc báo tiếp.

Nhưng cái nhìn ngắn ngủi ấy đã làm tôi xao xuyến.

Tim đập mạnh, tôi kiên nhẫn nhìn cô gái, cho tới lúc cô ta đã đọc xong tờ báo, tay chống lên mặt bàn và nhấm nhẳm cốc bia với một điệu bộ thật tuyệt vời.

Bây giờ tôi có thể nhìn rõ cả gương mặt cô gái. Cô ta xanh xao, miệng nhỏ và mỏng, mũi thẳng, thanh tú... Nhưng mà đôi mắt kia màu xám, to tròn và nghiêm nghị biết bao! Mái tóc đen xoăn dài rủ xuống vai như bức rèm che của nỗi buồn!

Tôi không biết là mình đã trân trân nhìn cô ta bao lâu, có thể hai mươi phút, một tiếng và hơn thế, trong lúc đó cô ta càng trở nên hoang mang, ánh mắt buồn lướt trên mặt tôi mỗi lúc một nhanh hơn, nhưng trên gương mặt cô gái ấy không biểu hiện sự phẫn nộ như thường thấy ở những cô gái trẻ trong tình huống tương tự, mà là sự bồn chồn lo lắng và... khiếp sợ.

Ôi chao, tôi đâu muốn làm cô ta lo lắng và khiếp sợ, nhưng biết làm sao, ánh mắt tôi không thể nào rời cô ta ra được.

Cuối cùng, cô ta hấp tấp đứng dậy, khoác vội lên vai cái tui cũ vẫn đung đưa bánh mì và nhanh chân rời khỏi gian phòng đợi. Tôi đi theo. Không ngoái đầu nhìn lại, cô ta lên cầu thang ra tới chỗ có thanh chắn. Tôi giữ rịt cô ta trong tầm nhìn và nhanh nhẹn lấy vé vào sân ga. Cô gái vượt tôi một quãng xa, tôi phải cắp cây gậy lên tay và cố gắng rảo bước. Suýt nữa thì tôi để mất cô ta trong đường hầm tối tăm lên sân ga. Lên tới trên, tôi thấy cô gái ấy đứng tựa người vào bức tường đổ nát

của ngôi nhà nhỏ bé dành cho khách đợi tàu. Cô ta nhìn chú mục xuống đường ray và không hề ngoảnh lại lấy một lần.

Từ phía sông Ranh, một làn gió lạnh bỗng thổi tới. Nhiều hành khách đứng đợi trên sân ga, vẻ mặt nôn nóng, họ mang theo balô, các gối đồ, valí và hòm xiểng. Họ giật mình quay đầu về hướng có gió lạnh thổi tới và rùng mình. Và ở phía trước kia, một vòm trời xanh xám và bình yên đương ngái ngủ, bị đâm thủng bởi những chấn song sắt của nhà ga.

Tôi đi đi lại lại, chậm rãi và khập khiễng, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn cô gái. Nhưng cô ta vẫn cứ đứng như thế, cứ đứng mãi như thế, lưng dựa vào bức tường đỏ, mắt đăm đăm nhìn vào cái khoảng trống đen ngòm có đường ray lấp loáng ở trước mặt. Cuối cùng thì con tàu cũng chậm rãi bò lui vào sân ga. Trong lúc tôi mải nhìn đầu tàu thì cô ta đã nhảy vội lên con tàu đương chạy và biến mất. Mấy phút hiện, trong cái đám người hỗn loạn, xô lấn chen đẩy nhau trong các toa xe, tôi không nhìn thấy cô ta đâu. Chẳng bao lâu sau tôi thấy thấp thoáng chiếc mũ nâu phơn phớt vàng ở toa xe cuối cùng. Tôi lên tàu, ngồi đối diện với cô gái, gần tới mức tôi nữa thì đầu gối hai người chạm vào nhau. Nhận ra tôi, cô ta nhìn tôi rất nghiêm và lạnh nhạt, chỉ hơi nhíu lông mày, và tôi đọc được trong đôi mắt màu xám mở to ấy: cô ta biết tôi vẫn săn đuổi cô ta suốt từ nãy tới giờ. Anh mắt tôi bất lực chờn vờn trên gương mặt cô ta, trong lúc con tàu lao vào màn đêm đương buông xuống. Tôi không nói nên lời. Những cánh đồng và làng mạc chìm dần trong đêm. Tôi rét lạnh. Đêm nay tôi sẽ ngủ nơi đâu . Ôi, giá như tôi được náu mình dưới mái tóc đen kia... Không có gì hết cả, không có gì... Tôi châm một điếu thuốc. Cô ta ném một cái nhìn

rất nhanh và tươi tỉnh lạ lùng vào hộp thuốc. Tôi đưa thuốc ra mời, nói ngắn gọn bằng một giọng khàn khàn:

- Xin mời!

Tôi có cảm giác trái tim mình muốn nhảo ra khỏi lồng ngực. Cô gái chần chừ giây lát; mặc dù đêm tối, tôi vẫn thấy cô ta thoáng đỏ mặt. Rồi cô ta cầm thuốc lên, hút những hơi dài và ngon lành.

- Anh hào phóng quá đấy!

Giọng cô ta khô khan và trầm tĩnh. Vừa nghe tiếng nhân viên hỏa xa ở phòng bên, hai chúng tôi, không ai bảo ai, như cùng tuân thủ một mệnh lệnh, ngả người vào thành ghế giả vờ ngủ. Qua đôi mắt lim dim, tôi nhìn thấy cô gái ấy mỉm cười. Tôi quan sát nhân viên hỏa xa. Ông ta cầm đèn chiếu ánh sáng vàng nhợt kiểm soát vé. Rồi quầng sang chiếu thẳng vào mặt tôi. Tôi cảm thấy quầng sáng đương run rẩy và ông ta ngần ngại. Rồi quầng sáng ấy chiếu vào mặt cô gái. Ôi, gương mặt xanh xao quá, và cái vầng trán tráng nhợt kia buồn biết bao!

Một người đàn bà béo phục phịch ngồi cạnh tôi giật giật tay áo nhân viên kiểm soát vé, nói thì thầm gì đó, tôi chỉ nghe lõm bõm:

- Thuốc lá Mỹ... đi chui...

Ông nhân viên hỏa xa tức giận huých người tôi.

Trong phòng toa xe rất im ắng. Tôi khẽ hỏi cô gái đi đâu. Cô ta nói tên một địa danh. Tôi mua hai vé và chịu nộp tiền phạt. Khi nhân viên hỏa xa đi rồi, trong phòng rất yên lặng, một sự im lặng bằng giá và khinh thị của hành khách đối với chúng tôi. Cô gái hỏi tôi, giọng có cái gì đó rất lạ, ấm áp, nhưng có vẻ giễu cợt:

- Anh cũng đến nơi đó đấy à?

- Ồ, tôi đến đó cũng được chứ sao! Ở đấy tôi có mấy ông bạn. Tôi không có một nơi ở nhất định.

- À, ra thế...

Cô ta chỉ nói vậy... tôi ngả người vào thành ghế. Chỉ thỉnh thoảng, khi con tàu lướt qua dưới ánh đèn, tôi mới thấp thoáng thấy cô ta.

Khi chúng tôi xuống tàu thì trời đã tối hẳn. Tối và ấm. Và lúc chúng tôi bước ra khỏi nhà ga, thành phố phố này đã ngủ say. Những ngôi nhà bé nhỏ dưới bóng cây yên lành.

- Tôi đưa chị về nhà, - tôi nói giọng khàn khàn. - Trời tối quá!

Nhưng cô gái đã đột ngột đứng lại dưới ngọn đèn. Cô nhìn tôi đam đăm và cố kìm giọng nói:

- Nào em có biết em về đâu!

Gương mặt cô biến sắc như chiếc khăn có một làn gió nhẹ thoảng qua. Không, chúng tôi không hôn nhau... Chúng tôi chậm rãi rời thành phố và cuối cùng chui vào một nhà kho chứa rơm rạ. Ôi, tôi làm gì có bạn bè ở cái thành phố này, một thành phố xa lạ đối với tôi như mọi thành phố khác.

Gần sáng, khi trời trở lạnh, tôi bò sát lại gần cô gái. Cô lấy áo khoác che cho tôi. Và chúng tôi sưởi ấm cho nhau bằng hơi thở và máu mình.

Từ độ ấy chúng tôi sống bên nhau... từ độ ấy...

***QUANG CHIẾN** dịch*

CÁI MẶT BUỒN CỦA TÔI

HEINRICH BOLL
(NOBEL 1972)

Khi tôi đứng bên cảng nhìn theo những con chim hải âu thì cái mặt tôi buồn làm cho viên cảnh sát tuần tra khu vực này để ý. Tôi hoàn toàn đắm mình trong chiêm ngưỡng đàn chim đương chao lượn, chúng uổng công bắn lên và nhào xuống tìm kiếm một chút gì ăn được: bến cảng hoang liêu, nước biển màu xanh lục đậm đặc dầu mỡ bẩn, và trên làn da nhăn nheo của nước biển có đủ thứ rác rưởi được ném xuống đường trôi nổi, không nhìn thấy một con tàu nào, những chiếc cần cẩu hoen rỉ, những gian nhà kho tan hoang, ngay cả lũ chuột cuống hình như cũng không muốn định cư trong những đống đổ nát tối tăm bên kè đá, tất cả đều cô tịch. Đã nhiều năm nay, cảng bị cắt đứt mọi liên lạc với bên ngoài.

Tôi thâu vào tầm nhìn một con chim hải âu và quan sát đường bay của nó. Nó sợ sệt như một con chim én đoán trước được trời xấu nên thường bay là là trên mặt nước, chỉ thảng hoặc mới dám bắn mình lên phía cao, kêu thê thiết để hoà nhập đường bay của nó với bầu bạn. Giá tôi có được một điều ước thì tôi mong muốn nhất là một ổ bánh mì để cho hải âu ăn, bẻ bánh thành mẩu vụn, hoạch định một cái chấm màu trắng cho những đường bay đương rối loạn của chúng, định ra một cái đích để cho chúng lao tới, và cả một mạng lưới những đường bay rối bung đương kêu thê thiết kia sẽ được kéo căng ra

bởi cái mẩu bánh mì được ném đi, nắm vào đó như nắm vào những đường dây để người ta kéo ra. Nhưng tôi cũng đói như chúng, cũng mệt mỏi, song vui sướng bất kể cả nỗi sầu trong tôi, vì khi tôi đứng đó thật dễ chịu, hai tay đút trong túi để ngắm đàn hải âu và để uống nỗi buồn.

Nhưng bất chợt một bàn tay nhà chức trách đã đặt lên vai tôi, và một giọng nói cất lên:

- Ông hãy đi theo tôi!

Trong khi đó thì cái bàn tay ấy tìm cách kéo vai tôi và giật nó quay lại. Tôi đứng im, gạt bàn tay đó ra, nói điềm tĩnh:

- Ông điên rồi.

Và con người vẫn còn vô hình đó đối lại:

- Chiến hữu, tôi cảnh cáo ông!

- Thưa qúy ông, - tôi đáp.

- Không có qúy ông nào ở đây hết! - Hắn nói, giọng giận dữ, - Tất cả chúng ta cùng đều là chiến hữu

Và lúc này, hắn bước lên cạnh tôi, nhìn tôi từ phía bên, tôi bắt buộc phải thu lại ánh mắt nhìn đầy hạnh phúc của mình và thả nó sang đôi mắt đầy mẫn cán của hắn: hắn nghiêm nghị như một con trâu mà đã nhiều thập niên không gặm thứ gì khác ngoài nghĩa vụ.

- Vì lý do gì..., - tôi đang định khơi chuyện.

- Có dư thừa lý do, - hắn nói, - cái mặt của ông buồn!

Tôi bật cười.

- Đừng cố cười!

Sự phẫn nộ của hắn rất thật. Lúc đầu tôi vẫn nghĩ, có lẽ hắn ngạn ngẩm vì chẳng có lấy một con đĩ hành nghề không đăng ký, chẳng có một thủy thủ say rượu, chẳng có lấy một tên trộm cắp hay một kẻ chạy trốn nào cho hắn bắt, nhưng bây giờ tôi nhận ra là hắn rất nghiêm túc: hắn muốn bắt giữ tôi.

- Ông hãy đi theo tôi...

- Tại sao? - Tôi bình tĩnh hỏi lại.

Nhưng trước khi tôi kịp nhận ra thì cổ tay trái của tôi đã bị khóa bởi một sợi dây xích, và trong khoảnh khắc ấy tôi biết mình đã mất. Một lần cuối cùng, tôi đưa mắt nhìn những con hải âu đương chao lượn, nhìn bầu trời xám đẹp, và tìm cách - bằng một động tác quay ngoắt lại bất ngờ - lao xuống nước, vì như thế, tự nguyện chết đuối cái món nước dùng bẩn thỉu ấy tôi cảm thấy vẫn sướng hơn là rồi đây, tại một sân sau ở đâu đó, tôi sẽ bị bọn hạ sĩ bóp cổ hoặc lại bị nhốt tù. Nhưng tên cảnh sát đã kéo giật tôi lại, không thể thoát thân nữa.

- Tại sao? - tôi hỏi lại một lần nữa

- Có một đạo luật bắt buộc ông phải tỏ ra hạnh phúc.

- Tôi hạnh phúc lắm chứ! - tôi kêu lên.

- Nhưng cái mặt buồn... - Hắn lắc đầu.

- Nhưng đạo luật này mới, - tôi nói.

- Đã được bảm sáu tiếng, và ông biết, sau khi ban bố 24 giờ, mọi đạo luật bắt đầu có hiệu lực

- Nhưng tôi không biết đạo luật ấy.

- Điều đó không bênh vực nổi ông tránh khỏi sự trừng phạt. Luật được công bố ngày hôm kia, qua tất cả các hệ thống truyền thanh, trên tất cả báo chí, và đối với những kẻ... - nói tới đây, hắn nhìn tôi khinh bỉ, - với những kẻ không được ban phước bằng báo chí hoặc bằng đài phát thanh, người ta đã ban bố đạo luật bằng truyền đơn, rải khắp mọi ngả đường của Đế chế. Vậy là, rồi chúng ta sẽ biết, ba mươi sáu giờ vừa qua ông làm gì, chiến hữu ạ!

Hắn lôi tôi đi. Mãi bây giờ tôi mới cảm thấy là trời rét và tôi không có áo khoác ngoài, mãi bây giờ tôi mới cảm thấy đói cồn cào trước cổng ngõ dạ dày, và mãi bây giờ tôi mới hiểu là mình cũng bẩn thỉu, râu không cạo, rách rưới, mà đã có những đạo luật bắt buộc mỗi chiến hữu phải tỏ ra sạch sẽ, mày râu nhẵn nhụi, hạnh phúc và no đủ. Hắn đẩy tôi đi trước như một tên bù nhìn, một kẻ bị luận tội ăn cắp và buộc phải rời bỏ xứ sở của mộng mơ bên bờ biển.

Đây đó, trong lúc gì giải đi, tôi nhìn thấy một vài trại Ái Tình đã trương biển Nhà nước, công bố danh sách những kẻ sẽ đến lượt hưởng niềm vui thân xác vào các ngày thứ tư, và một số quán rượu hình như đã được quyền treo dấu hiệu giải khát: một cốc bia dập bằng tôn và được phất lên các gam màu của Đế chế: màu nâu nhạt - màu nâu sẫm - màu nâu nhạt. Chắc chắn niềm vui đương trào lên trong lòng những kẻ có tên trong danh sách Nhà nước được uống vào thứ tư và hưởng niềm vui ngày thứ tư.

Mọi người gặp chúng tôi đều mang dấu hiệu của một sự hăng hái không thể lầm lẫn vào đâu được, một lớp màng-mẫn-cán phủ kín họ, và họ càng tỏ ra hăng hái hơn khi

họ nhìn thấy viên cảnh sát, tất cả ráo bước hơn, những bộ mặt hoàn toàn thấm nhuần ý thức nghĩa vụ được trưng ra, và những người đàn bà khi ra khỏi cửa hàng đều cố bắt mặt mình biểu thị được niềm vui như người ta đòi hỏi, vì đã có lệnh buộc họ phải tỏ ra vui vẻ, phấn hứng về bổn phận của người làm nội trợ, nghĩa là tối tối phải làm cho viên chức Nhà nước phải tươi tỉnh mặt mày bằng một bữa ăn ngon.

Nhưng tất cả những người này đều khôn ngoan tránh né chúng tôi, họ khôn ngoan tới mức không một ai chịu chạm trán với chúng tôi, vừa mới thấy dấu vết của sự sống trên đường phố, chỉ cách chúng tôi hai mươi bước, những dấu vết ấy thoắt cái đã biến mất, mỗi người đều cố sống cố chết bước nhanh vào nhà hàng hoặc ngoặt vào góc phố, có người còn chui vào nhà lạ, sợ hãi náu mình sau cánh cửa chờ cho chúng tôi bước chân qua

Chỉ có một lần, khi chúng tôi đi qua ngã tư đường, một người đàn ông đã luống tuổi gặp chúng tôi, người này - nhìn lướt qua huy hiệu tôi biết là giáo học, ông ta không thể trốn được nữa, và lúc đó, sau khi đã chào viên cảnh sát đúng quy định (tự lấy tay đập đập lên đầu mình ba lần để tỏ mình quy phục tuyệt đối), ông ta bèn cố làm nghĩa vụ người ta yêu cầu ông, tức là nhổ toẹt vào mặt tôi ba lần và chửi tôi bằng câu chửi chính thống. "Đồ con lợn phản quốc!" Ông ta nhổ rất trúng, nhưng hôm ấy trời nóng, có lẽ ông ta khô khốc nơi cần cổ, vì vậy chỉ có vài giọt nhỏ thảm hại hầu như không phải là thực tế bắn trúng tôi, những hạt lỏng ấy - trái với mọi quy định, - tôi đã vô tình lấy tay áo quệt đi, ngay lập tức viên cảnh sát đá thốc vào đít tôi, dùng tay nện thẳng cánh vào chính giữa sống lưng tôi, và hắn nói bằng một giọng trầm tĩnh - "Phạt cấp một!", điều đó có nghĩa đại loại như: đây là hình thức trừng

phạt đầu tiên nhẹ nhàng nhất mà bất kỳ một viên cảnh sát nào cũng có thể áp dụng, viên giáo học đã nhanh chóng biến mất. Nói chung, mọi người đều thành công khi tránh né chúng tôi, duy nhất trừ một người đàn bà - người này đứng bên trại Ái Tình và đương làm cho mình thoáng khí theo quy định trước khi vào niềm vui buổi tối, đó là một phụ nữ tóc vàng hung, mặt nhợt nhạt và sưng sẩy, cô ta thổi vôi sang cho tôi một nụ hôn bằng tay, và tôi mỉm cười để tạ ơn, trong lúc đó viên cảnh sát cố làm bộ hắn không thấy gì hết. Chúng đã được lệnh phải bảo đảm tự do cho những cô ả ấy, còn tự do đối với các chiến hữu sẽ đưa lại sự trừng phạt nặng nề, bởi lẽ những cô ả như thế đã góp phần rất đáng kể vào việc nâng cao niềm vui lao động chung, người ta để mặc họ đứng ngoài vòng pháp luật. Đây là sự nhượng bộ mà ý nghĩa của nó đã được ngài triết gia tiến sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ Blaiguet công kích trên tạp chí chính thống *Triết học (Nhà nước)*, coi đó là dấu hiệu khởi đầu quá trình tự do hóa. Một ngày trước đó, trên đường về thủ đô, tôi đọc được điều ấy trong cầu tiêu của một nhà nông dân, khi tôi tìm thấy vài tờ tạp chí mà một sinh viên - có lẽ con trai bác nông dân - đã viết bậy lên đó những câu rất giàu chất trí tuệ.

Cũng may chúng tôi đã tới trạm, vì đúng lúc đó còi tan tầm rú lên, nghĩa là đường phố sẽ tràn ngập bởi hàng ngàn con người mang bộ mặt hạnh phúc đã phanh hãm có mức độ (vì có lệnh khi hết giờ làm việc không được bày tỏ một niềm vui quá lớn, bởi như thế sẽ chứng tỏ lao động là khổ ải, ngược lại, khi bắt đầu làm việc mọi người phải reo vui, reo vui và ca hát), tất cả hàng ngàn con người ấy có lẽ sẽ đều nhổ nước bọt vào mặt tôi. Tuy nhiên, tín hiệu còi tầm được kéo lên mười phút trước khi hết giờ làm, vì mọi người đều được lệnh phải dãng mình

cho một sự rửa ráy - mười - phút - thực - sạch - sẽ, đúng tinh thần của Quốc trưởng ngày đó: Hạnh phúc và Xà phòng!

Ở cổng vào khu trại, cả một khối bê tông đơn giản, có hai lính canh gác, khi tôi qua đó chúng đã để cho các *biện pháp thân thể* như thông lệ nở rộ trên người tôi, chung dùng súng khoác vai đập tôi vào thái dương, lấy nòng súng lục phang tôi vào xương vai, rất đúng tinh thần của đoạn mở đầu trong đạo luật số I của nhà nước: "Đứng trước bất kỳ ai bị tóm cổ (ý muốn nói bị bắt), mỗi một cảnh sát phải chứng minh rằng mình là sự hiện thân cho quyền lực Nhà nước, trừ những người đã bắt được đối tượng, vì những người này sẽ được hưởng hạnh phúc là áp dụng mọi biện pháp thân thể cần thiết khi hỏi cung đối tượng". Bản thân đạo luật số I của Nhà nước cũng bao hàm một nội dung như sau

"Bất kỳ một viên cảnh sát nào đều có thể trừng trị bất kỳ ai, anh ta *phải* trừng trị bất kỳ ai đã tỏ ra phạm tội. Không có quyền miễn trừ xử phạt, đối với các chiến hữu chỉ có *khả năng* được miễn trừ mà thôi".

Bây giờ chúng tôi đi qua một hành lang dài và lạnh, có nhiều cửa sổ lớn, một cánh cửa được mở ra tự động, vì lính canh đã thông báo chung tôi tới, và trong những ngày ấy - khi tất cả mọi người đều nỗ lực xài bằng hết một nửa cân xà phong quy định cho một ngày, - thì sự xuất hiện của một kẻ bị tóm cổ (bị bắt) là một sự kiện lớn

Chúng tôi bước vào một gian phòng hầu như là rỗng không, chỉ có chiếc bàn viết, máy điện thoại và hai chiếc ghế bành, tôi phải chiếm vị trí đứng giữa phòng, viên cảnh sát giải tôi bỏ mũ sắt kèm đầu và ngồi xuống

Lúc đầu rất yên ắng, không xảy ra chuyện gì, bọn chúng vẫn thường làm như thế, đây là điều tệ hại nhất, tôi cảm thấy mặt mình cứ chảy dài mài ra; tôi mệt mỏi vì đói, cả dấu tích cuối cùng của hạnh phúc trong nỗi buồn của tôi cũng tiêu ma, vì tôi biết; tôi đã đánh mất mình

Vài giây sau, một tên dài ngoẵng, mắt nhợt nhạt, câm lặng bước vào phòng, hắn mặc quân phục nâu của một kẻ hỏi cung tiền sự, hắn im lặng ngồi xuống và chằm chằm nhìn tôi:

- Nghề nghiệp?

- Một chiến hữu bình thường.

- Sinh?

- I.1. Một, - tôi đáp.

- Việc làm gần đây nhất?

- Tù nhân.

Cả hai tên nhìn nhau.

- Được thả ra ở đâu và bao giờ?

- Hôm qua, nhà 12, buồng giam số 13.

- Thả về đâu?

- Thủ đô.

- Giấy tờ?

Tôi moi trong túi ra mảnh giấy được ra tù đưa cho hắn. Hắn dán mắt vào tấm phiếu màu xanh lục, bắt đầu viết lên đó các dữ kiện về tôi.

- Phạm tội gì?

- Một cái mặt hạnh phúc!

Hai tên lại nhìn nhau.

- Giải thích!

- Lúc bấy giờ, - tôi đáp, - một viên cảnh sát để ý tôi có cái mặt hạnh phúc, đúng cái hôm có lệnh phải buồn trong cả nước. Đấy là ngày chết của Quốc trưởng.

- Thời hạn tù?

- Năm năm.

- Thực hiện?

- Tối.

- Lý do?

- Thiếu ý thức lao động.

- Xong.

Và tên hỏi cung tiền sự ấy đứng lên, tiến thẳng đến chỗ tôi, đấm tôi gãy luôn ba răng cửa, một dấu hiệu chứng tỏ là tôi cần phải bị kết án là một tên đồ đốn, đây là biện pháp cứng rắn hơn mà tôi không lường được. Rồi tên hỏi cung tiền sự ấy rời phòng, một tên béo mập mặc quân phục màu nâu sẫm bước vào: tên hỏi cung chính sự.

Tất cả bọn chúng đều đánh tôi: tên hỏi cung tiền sự, tên hỏi cung chính sự, tên cung chủ sự, tên luận tội khởi sự, tên luận tội kết sự, thêm vào đó là viên cảnh sát giải tôi đã áp dụng mọi biện pháp thân thể như luật pháp quy định, và chúng kết án tôi

mười năm tù vì cái mặt tôi buồn, cũng giống như năm năm trước đấy, chúng kết án tôi tù năm năm vì cái mặt hạnh phúc của tôi. Và mười năm tới đây, nếu tôi sống sót được nhờ Hạnh phúc và Xà phòng, tôi sẽ phải tìm cách để không bao giờ có một gương mặt nữa.

QUANG CHIẾN dịch

THỢ CƯỜI

HEINRICH BOLL
(NOBEL 1972)

Hễ ai hỏi tôi về nghề nghiệp của tôi, tôi đỏ mặt bối rối và ấp úng mãi không trả lời được. Thế cơ chứ, vậy mà trong những hoàn cảnh khác tôi là người rất tự tin đấy. Tôi ghen tị với những người có thể trả lời: tôi là thợ nề, tôi là kế toán. Tôi cũng ghen tị với các ông thợ cắt tóc và các nhà văn, những nghề này chỉ cần nói tên, không cần giải thích gì nữa. Còn câu trả lời của tôi: "Tôi là thợ cười" lại buộc tôi phải gật đầu để trả lời câu hỏi tiếp sau: "Ông cười để kiếm ăn?". Đúng là tôi sống bằng tiếng cười của tôi, và sống cũng khá, vì tiếng cười của tôi, nối theo ngôn ngữ thương mại, rất đắt hàng.

Tôi là một thợ cười có nghề. Không ai cười được như tôi, không ai nắm vững các sắc thái của nghệ thuật cười bằng tôi. Hồi đầu để tránh những câu hỏi ngán ngẩm, tôi tự xưng mình là nghệ sĩ, nhưng tôi thấy nói thế cứ giả dối thế nào ấy, mà tôi lại yêu sự thật, sự thật đó là: tôi chuyên nghề cười. Không phải

nghệ sĩ hề cũng không phải nghệ sĩ hài. Tôi không làm mọi người vui, mà tôi thể hiện sự vui vẻ: tôi cười như một hoàng đế La Mã hoặc như một cậu mới chập chững vào nghề gì đó, tiếng cười thế kỷ XVII cũng quen thuộc với tôi như tiếng cười thế kỷ XIX, và nếu cần, tôi có thể cười tiếng cười của bất cứ tầng lớp xã hội nào, từ thế kỷ đầu tiên đến thế kỷ XX này. Trong lồng ngực tôi chứa đựng tiếng cười của châu Mỹ và tiếng cười châu Phi, tiếng cười của người da trắng, da đỏ, da vàng. Tiếng cười của tôi vang lên tùy theo mức thù lao, đúng như đạo diễn yêu cầu. Tôi trở thành một người không ai thay thế được: tôi cười để ghi âm, để phát thanh. Tôi cười u buồn, cười dè dặt, cười như điên dại, cười giống như một nhân viên hỏa xa hoặc một cậu học việc ở cửa hàng thực phẩm. Tôi cười tiếng cười buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều và ban đêm, tôi cười tiếng cười hoàng hôn - tóm lại ai đạt tôi cười thế nào, tôi cười thế ấy, cười kiểu gì cũng xong.

Tôi nghĩ mọi người sẽ tin tôi nếu tôi nói rằng nghề này rất căng thẳng, nhất là tôi biết cả cách cười lôi cuốn. Tôi rất cần cho những nghệ sĩ hài hước, tôi luôn sợ mất danh tiếng, và gần như tôi nào tôi cũng phải ngồi sau cánh gà, sẵn sàng trổ tài cười nếu vở diễn có nguy cơ thất bại. Đúng lúc, tôi cười vang lên, cả rạp cười ầm ĩ cùng tôi, thế là vở diễn được cứu thoát.

Còn tôi, tôi lên ra phòng gửi mũ áo, lấy chiếc áo ngoài của mình mặc vào và cảm thấy sung sướng, vì rốt cuộc tôi đã được tự do. Ở nhà, thường có một đống các bức điện chờ tôi: "Chúng tôi rất cần tiếng cười của ông. Vào ngày thứ ba", và chỉ vài giờ sau, tôi đã ngồi lắc lư trên góc một toa tàu tốc hành, ngẫm nghĩ mà buồn cho số phận của mình.

Có lẽ ai cũng hiểu rằng sau một ngày làm việc như vậy hoặc thậm chí cả trong kỳ nghỉ, tôi cũng rất ít muốn cười: chị vắt sữa vui mừng khi có thể quên đi con bò, còn anh thợ nề lúc nào cũng muốn quên đi xi măng. Bác làm kẹo chỉ thích ăn dưa chuột muối, còn bác nướng bánh lại chẳng thích ăn bánh chút nào. Tôi hiểu rõ như vậy, vì tôi cũng không bao giờ cười sau buổi làm việc. Tôi là người rất nghiêm nghị, và mọi người coi tôi là kẻ bi quan - có lẽ họ có lý.

Những năm đầu tiên sau khi cưới, vợ tôi thường bảo tôi: "Ít ra anh cũng nên mỉm cười chứ", nhưng dần dần cô ấy hiểu rằng điều đó vượt quá sức tôi. Tôi sung sướng nếu có dịp được thư giãn các bắp thịt ở mặt, được nghiêm nghị để tâm hồn tôi đỡ mệt mỏi. Tôi rất khó chịu khi nghe tiếng ai cười, vì tiếng cười ấy nhắc tôi nhớ đến nghề nghiệp của tôi. Tôi cứ sống với vợ tôi như thế, một cuộc sống gia đình lặng lẽ, hiền hòa, vì vợ tôi cũng đã mất thói quen cười. Chỉ thỉnh thoảng thấy vợ tôi mỉm cười, tôi cũng mỉm cười theo, thế thôi. Chúng tôi trò chuyện với nhau rất khẽ. Tôi ghét bất cứ tiếng ồn nào, bất cứ cảnh nhộn nhạo nào.

Những người không biết tôi đều coi tôi là kẻ kín đáo ít nói. Có thể đúng như vậy, vì tôi đã buộc phải mở miệng quá nhiều để cười. Còn bản thân tôi, mặt tôi thường lầm lì, thỉnh thoảng tôi mới mỉm cười chút xíu và tôi rất hay nghĩ, nói chung tôi có cười thực sự bao giờ không. Các anh các chị tôi có thể xác nhận rằng tôi luôn là một người nghiêm nghị. Tôi biết cười đủ các kiểu, nhưng tiếng cười của chính tôi, tôi lại không biết nó như thế nào.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch

NHỮNG BỨC THƯ

PARIC WHITE
(NOBEL 1973)

Bà Pônkinhhon nhớ ra là bà phải viết một bức thư để thông cảm với bà Mốt. Bất kỳ sự ốm yếu nào cũng làm cho bà khó chịu, nhưng đối với bà già Môt Bờlét ngộ nghĩnh, thân thiết, trung thành như thế mà mình lại lạnh nhạt sao được; nhất định bà phải có đôi lời về chứng cao huyết áp của già Môt. Hay là nói về chiếc máy cắt cỏ hiệu Sibin Phansot? Không, nói về chiếc máy Sibin này thì quá thiên về kỹ thuật.

Sau khi ăn điểm tâm qua loa bà Pônkinhhon vẫn còn thích ngồi lại tại chiếc bàn gỗ khảm trong phòng khách và thảo vài bức thư, trong đó có những bức không cần thiết. Hình như trong thời gian này bà giữ được tâm trạng ổn định. Bà lấy làm hạnh phúc vì đã có ông Hariet, mặc dù ông sẽ không ở mãi với bà được.

Bà Pônkinhhon lấy hơi.

Bà vu vơ gọi: "Chácla".

Bà chọn một tờ giấy viết loại hai, nhưng để viết thư thì chữ đậm và đẹp.

Uytphot.
Sacsaparila
N.S.W

Rồi bà Pônkinhhon sẵn sàng viết.

Bác Môt thân yêu nhất (bà cố viết cho rõ nét chữ như lúc tay bà còn cứng cáp). Em nghĩ rằng không gì có thể chán hơn khi bị người ta bảo "hãy đi chậm lại!" Chị có thể tưởng tượng được rằng chúng em sẽ đau khổ biết bao, nếu như hàng năm chị không đến chơi với chúng em được. Mùa hoa này ở "Uytphot" hứa hẹn một năm đầy triển vọng, và chắc chị cũng sẽ vui mừng với điều đó. Chúng ta vẫn còn được đeo cây thánh giá mà.

Em đã báo tin này cho Chácla, nhưng nó có vẻ thờ ơ. Em biết nó sẽ buồn nhớ đến Công ty của bác Ontr Môt quý mến vào những dịp quan trọng. Em rất hy vọng là sẽ dỗ được nó dự buổi tiệc chiều của chúng em trong năm nay, nhất là bữa đó lại đúng vào ngày sinh nhật thứ mười lăm của nó. Em không thể tin điều đó. Dù rằng đã thật rõ ràng. Qua thực nhưng lần Chácla tỏ ra chững chạc như thế, nó đã làm cho người mẹ khốn khổ của nó trẻ lại thực sự.

Viết đến đây thì bà Pônkinhhon phải đọc lướt lại. Bà vẫn chưa phải đeo kính.

Chị Môt thân yêu, như chị biết đấy, em không có cái thói trút mọi điều phiền muộn của mình cho người khác, nhưng cậu con trai đầu đầu của chị đang làm em phải lo lắng hơn mọi khi. Nhưng em không thể vạch đúng ra được đó là sai sót gì ..

Bà phân vân một lát xem điều đó có tỏ ra là tầm thường không. Bà ngại là đã gạch dưới mấy chữ này.

Nhưng... (bà dừng cây viết liệp)... điều rắc rối này đã tăng lên mà. Chị có nhớ là từ khi đề nghị cho nó "rút lui" em đã phải bỏ công sức ra sắp đặt những công việc vun vặt hàng ngày

để chăm sóc nó. Tuy nhiên những cố gắng của em thường chẳng đem lại kết quả mấy. Dự kiến của em để cho nó cắt cỏ có lẽ đã không thành, mà chẳng hiểu vì sao. Chácla không phải là cái máy, còn việc cắt cỏ thì chan ngát. Việc cắt cỏ không thể kéo dài được (Nomin lại phải tiếp tục: bây giờ ông ta điếc quá và trở nên cục cằn, nhưng chúng em thật may mắn, em đã trông cậy vào ông ấy) mới gần đây em bất chợt nảy ra một ý nghĩ là thuyết phục Chácla đi lên Sacsaparila để lấy thư từ. Em đã thuê một hòm thư riêng nhỏ nhỏ, ngộ nghĩnh; và cô Sơcđân, trưởng phòng bưu điện, là một người tốt. Em biết rằng Chácla có cảm tình đặc biệt với cô ấy. Mọi việc đã trôi chảy được mấy tháng, cho đến tuần vừa rồi thì cậu con chán nản đã tuyên bố rằng nó không thể tiếp tục đi lấy thư được nữa, chị thân yêu ạ! vì vậy bây giờ người ta lại phải đưa thư đến tận nhà, và em phải nghĩ đến một công việc gì mới mẻ cho Chácla.

Em tin chắc rằng cho đến nay, tất cả điều này sẽ không làm cho ai ở mãi tận Menbuốc cảm thấy là không có gì đáng kể. Dĩ nhiên là điều đó chỉ liên quan đến em, và em không thể thổ lộ được với người khác ngoài mẹ đỡ đầu của nó, và chị xem ra là người có ảnh hưởng đối với nó, chị Mót thân yêu ạ. Em luôn luôn biết ơn...

Đến đây bà Pônkinhhon lại dừng lại. Thật là khôi hài và bất nhã biết bao, một người chất phác như bà Mót biết làm gì được trong hoàn cảnh như thế này. Điều đó có khiêm nhường quá không? Ô, nhưng bà Pônkinhhon đã luôn luôn quý trọng sự khiêm nhường. Bà đang cau mày suy nghĩ mung lung, và cặp kính làm cho bà cảm thấy khó chịu. Bà Pônkinhhon bắt đầu mỉm cười, nhưng gượng gạo và thiếu tình cảm, như bà đã biết.

Chị Mót thân yêu, em vẫn hằng mong sao cho sức khỏe của chị sớm được bình phục, và em tin rằng cả hai mẹ con chúng em luôn luôn nghĩ về chị với tình cảm sâu sắc nhất, khi chúng em đi dạo trong vườn hoa ở "Uytphot" trước khi đến dự sinh nhật của Hariet.

Chị hãy nhận ở đây tình cảm tốt đẹp nhất của em.

Ơcsula

T.B - Nếu chỉ viết thư cho nó, xin đừng nói gì về những chuyện này.

Khi dán xong, bà thấy chiếc phong bì bẩn quá nên đi tìm chiếc khác.

Cháclơ đang ở trong phòng ăn, ngồi trong chiếc ghế bành bọc da lớn, rách nát quá rồi, nhưng trước kia nó là ghế của ông Dicki. Cháclơ đang đọc hoạc hình như đang đọc cái gì đó. Bà có thể thấy rõ cái gáy của cậu với mớ tóc màu vàng nhạt, cắt tỉa cẩn thận để cố che kín cái chỏm gáy mỏng mảnh ấy. Đôi khi người mẹ này mong được thấy rằng trong đầu cậu con trai của mình vẫn còn những nhịp đập.

Bà lại gần, nhẹ nhàng hỏi: "Cháclơ, con đang đọc sách à?"

Cậu đang đọc và tiếp tục đọc.

Bà hỏi: "Con đang đọc cái gì đấy, Cháclơ?"

"Nuôi gà trong hệ thống chuồng chân thả tự do"

Bộ râu con kiến của cậu có mầu vàng nhạt, có hình một vết xám.

Bà bảo: "Nhưng chúng ta không có gà. Chúng hôi lắm".

Cậu vẫn tiếp tục đọc.

Bà cân nhắc rồi nói: "Hay mẹ mua cho mấy con... sáu con gà nhé". Bà nài nỉ: "Loại đã lớn ấy. Còn những con gà bé mấy ngày tuổi sẽ gây ra nhiều phiền toái, và chắc con sẽ bị cảm lạnh vì chúng mất thôi".

Cháclơ nói: "Không".

Cậu tiếp tục đọc.

Bà Pônkinhhon không thể chịu được tiếng cọt kẹt của chiếc ghế bành bọc da đồ sộ đó. Bà rất vui lòng với chiếc máy xén cỏ của Nomân. Chỉ cần bà đồng tình một chút thôi, là tiếng nổ của chiếc máy hầu như có thể xua tan mọi tiếng ồn, các cảm giác và sự có mặt của các vật khác.

Bà thở dài: "Được".

Bà sửa lại chiếc mũ. Đó là chiếc mũ rơm to bà thường đội khi ra vườn, nhưng nó giống mọi chiếc mũ mềm và rộng khác, nó hợp và làm cho bà Pônkinhhon vừa ý. Những chiếc mũ lớn cụp xuống tạo ra không khí của các lễ cưới.

Bà sực nhớ: "Con đã ra cổng xem người đưa thư mang thư đến chưa?".

Cậu trả lời: "Chưa"

Đôi má cậu chỉ co rúm lại một chút. Hoặc đó chỉ là những nếp nhăn rất nhỏ hiện trên nếp da?

"Nhưng vì sao vậy, con thân yêu?"

Cậu đang đọc và đọc.

Bà Pônkinhhon không kiềm chế được sự bực bội.

"Vậy thì mẹ tự đi lấy thư vậy. Hariet thì đang bận, Nomân thì cục cằn, người ta khó mà chờ được lâu hơn nữa".

Bà đi ra ngoài khu vườn mà bà đã tự quy hoạch và vay tín dụng để tạo nên phong cảnh đẹp này. Ngôi nhà xây gạch lớm chởm nom hơi chéo một chút nằm ở khu Tudo này, đến nay đối với bà ta là quá lớn, nhưng sau khi ông Đicki chết thì bà quyết tâm và cố gắng giữ cho tốt. Bây giờ bà đang đi men theo một lối đi, người bà chạm vào những bông hồng đã từng làm cho bà cảm thấy hãnh diện. Đôi chỗ có cành hoa nhài đập vào cằm bà. Không ai có thể thấy được bà thốt ra một tiếng thổn thức nào, nhưng cành hoa nhài bương bỉnh này đã gợi cho bà nhớ tới sự trái ngược của cuộc đời.

Dĩ nhiên là không có gì ngoài những tờ thương phiếu. Hy vọng nhất là những hóa đơn. Quan trọng hơn là hai tờ thông báo cho Cháclơ và một báo cáo của Hãng do người anh họ là Ken gửi tới.

Sau khi Cháclơ "rút lui", bà Pônkinhhon, đã bí mật dàn xếp với Ken và ông Betđơ gửi báo cáo của Hãng đều đặn cho cậu con của bà. Bà nói điều đó *làm cho cậu vẫn nắm được diễn biến của công việc*. Bà Pônkinhhon thích thú trong việc thu thập những thành ngữ trong các thập kỷ ấy mà bà không bao giờ sử dụng được thành thạo. Việc lén lút thu thập các thành ngữ như vậy làm cho bà cảm thấy mình đang làm một việc vụng trộm.

Nhưng các sự kiện xảy ra buổi sáng hôm nay như đang có âm mưu chống lại bà. Hầu như bà đã lê gần đến các bậc thềm, do chân bà bị vướng vào đám cỏ bàng mà Nomân không bao giờ chịu nhổ hết rễ lên.

Bà tiếp tục đi, tay nắm chặt các tờ thương phiếu. Trước kia ông Dicki thường chú trọng đến các thương phiếu. Dicki Pônkinhhon là một người hào phóng, tuy có phần mềm yếu. Đến mọi hạ nhân mọi người đã quên ông, thậm chí bà vợ góa của ông đôi khi cũng ngạc nhiên bất chợt nhìn thấy khuôn mặt của Dicki ở một trong nhiều chiếc khung ảnh mạ bạc, đó là tất cả những gì còn lại của ông.

Nhưng tôi thì tôi đã yêu Dicki thương mến.

Tin chốc như vậy, bà Pônkinhhon trở lại phòng ăn với những bức thư. Bà không ham thích gì việc này. Nhưng đó là trách nhiệm của bà.

Bà đưa cả những bức thư: "Đây là những bức thư của con".

Cậu cầm lấy.

"Mẹ có định bóc những bức thư này ra xem không?"

Cậu đã đặt cuốn sách nhỏ xuống, lấy bàn tay che miệng một lát. Cậu không giống cha mình, xương của cậu mỏng manh.

Bà đỏ đành cậu: "Hẳn phải có điều gì hứng thú".

"Vâng".

Nhưng cậu đứng lên đặt nó vào chiếc hộp sơn dầu đặt trên mặt lò sưởi.

Bà Pônkinhhon không làm gì được. Bây giờ chỉ có bà Môt giúp được.

Bà bảo: "Mẹ vừa viết thư cho mẹ Onti Môt. Để kể về những mối lo âu của mình". Nhưng ai mà biết được lúc nào thì bức thư

của bà mới được gửi đi. Nomân thì chàng lúc nào chịu rời việc cắt cỏ

Sau đó Cháclơ Pônkinhhon dõng dạc nói:

"Hãy đưa cho con bức thư, con sẽ mang nó đến Sac-sa-pa-ri-la".

Mẹ cậu không thể biết được là mình cảm thấy hài lòng hay khổ tâm.

Bà luôn cảm thấy day dứt khi thấy rằng tính bản thiện của con người sâu sắc hơn là những điều bà có thể cảm nhận được.

Tuy vậy bà đã trao la thư cho cậu, rồi Cháclơ đi ra với bước chân nhanh nhẹn, bối rối do xương ống chân giòn dễ gẫy, khác xa với những bước đi chắc nịch của cha cậu.

Ngồi lại một mình với tấm ảnh của Dicki, bà hồi tưởng lại những người khác cùng làm việc với bà trong Hãng. Trong trí óc bà lại hiện ra những bộ comlê mẫu vải tuýt của Anh và những bàn chân đi giày có mũi bóng loáng. Bà lại muốn ngắm cổ tay của người đàn ông, trong lúc cao hứng đã từng tỏ ra kiêu căng về những điều mà ông ta cho là có thể lôi cuốn được sự chú ý của bà. Bà là người rất thành thạo. Những đôi môi của đông đảo đàn ông mặc đồ tuýt sang trọng và vui tươi vẫn còn hiện ra rõ ràng trong ký ức của Ôcsula Pônkinhhon.

Bây giờ bà đi khắp căn nhà của mình - đó là những bước đi tỉnh táo - kéo lê theo cái vỏ bao trùm tâm hồn bà, mà trong thực tế bà đang mặc quần áo gì, bà nào có quan tâm. Ôcsula Pônkinhhon, (một người thuộc dòng họ Annétlây Rútxen của vùng Turâc) thường ưa thích mặc áo váy dài kéo lê có các ống thụng, các khăn choàng vai viền da rủ xuống tự nhiên quanh

cổ. Ôi cái cổ đó! Bất cứ khi nào bà đi vào dự một lễ cưới, với những chiếc găng tay da dê nhẵn bóng, hoặc với bàn tay trần vuốt lên tấm tóc óng đài có màu xanh nguyên ao, thì mọi người đa quên nhìn cô dâu là ai. Nhưng đôi mắt của bà hầu như không khuyến khích họ, vì dĩ nhiên là bà không bao giờ đùa giỡn với tình cảm của bất cứ người nào. Bà đã *tôn thờ* Dicki của mình.

Dù bà có thể mỉm cười với ai đó, nhưng bà không bao giờ phải tỉ tê chuyện là mình phải bỏ dở buổi tối làm việc.

Bà thường quan tâm đến những đám cưới mà bà tham dự. Bà Ponkinhhon đi vào nhà bếp, nơi sáng sủa bề vân thường ngồi chuẩn bị hoa, sau công việc trang điểm thường lệ. Harriet đã thấy những chiếc lọ để bơ bánh và những chiếc bình lựa chọn không đúng.

Hay để mặc cho bà Pônkinhhon kiểm tra.

"Những bông hoa hồng quả là xinh đẹp!".

Nhưng sáng nay có con vật nào đó đang ăn những bông hồng.

Bà rung chuông. Bà không bao giờ rung chuông vào ban ngày, trừ khi bà cần gọi Hariet để giải thích cho ông ta vô số người cần giải thích sơ qua. Điều đó Hariet ngầm hiểu.

Nhưng hôm nay những tiếng chuông nghe thật giòng giả.

Bà không thể ngăn cản người ta vội vàng nhìn ra ngoài cửa sổ - bà luôn phải phòng ngừa ở mức cao nhất - trước khi yên tâm quay lại phòng ăn. Căn phòng này bây giờ trống rỗng. Không có một tiếng người. Người ta vẫn còn nán ná ở lại ngoài

kia. Hầu như bà mong được nghe tiếng kêu cót két ở chiếc ghế bành của Dicki.

Bà Pônkinhhon mở chiếc hộp sơn dầu. Trong đó vẫn còn nguyên một chồng thư. Tất cả đều còn nguyên trong phong bì. Những lá thư này đã nằm đây mấy hôm rồi.

Điều này làm cho bà bắt đầu cảm thấy lo sợ về một sự việc nào đó mà bà có thể không hiểu được.

Lúc đầu, sau khi bước ra khỏi nhà để vào khu vườn tươi tốt, màu hoa lấp lánh, Cháclơ đã len lén đi chéo là chính. Ánh sáng làm lóa đôi mắt hung hung của cậu. Cậu vẫn nắm chặt bức thư.

Buổi sáng này thật yên tĩnh, ông già Nomân đang ngồi xổm làm việc vớ vẩn với chiếc máy cắt cỏ.

Cháclơ dừng lại hỏi:

"Cái gì vậy bc Nomân? Máy hỏng bánh rang à?"

Bác Nomân không bao giờ ngước lên nhìn Cháclơ.

"Có phải cái bánh rang đâu! Đó là cái trục chết tiệt này!"

Cháclơ có thể yên tâm.

"Hàn vá nó đi!" Nomân phàn nàn: "Hàn vá cái trục chết tiệt này ư?"

Vì bà ta đã bảo bà ấy sẽ không chi thêm một đồng nào nữa cho cái máy cắt cỏ này. Một vật kinh khủng. Trừ khi nó là một thứ gì hấp dẫn. Cháclơ tiếp tục đi qua hàng cây mà mẹ cậu thích thú gọi là Bụi cây tuyệt vời của miền Đông. Cậu đang dứt mẩu da khô mọc sát bên móng tay. Cậu bé được quý như vàng

này bắt đầu chú ý đến những mảnh da trông như đã chết này, cậu thường co cho chúng bong ra cho đến khi chảy máu. Cậu thích đứng bên chiếc lều chứa củi hoặc chui vào trong các bụi cây để dứt các mảnh da đó.

"Bác Onti Mot, bác không thấy chúng đáng quan tâm à? Các mảnh da ở góc ngón tay ấy. Trừ khi thỉnh thoảng bác dứt quá mạnh".

Đối với bà Mot Bòlet thì Pônkinhhon, cậu con đỡ đầu của bà ta là một cậu bé kỳ khôi.

Bà gật đầu "Ừ!"

Và xoa tóc cậu.

Lấy ông mục sư nghèo của một gia đình nề nếp, bà đã không sinh đẻ được.

Chácld đi lên con đường đến Sacpararila. Đó là con đường của cậu, vì không ai biết. Mặc dầu đôi vai của cậu hẹp, có lưng nhỏ, trong bộ quần áo có sọc đen, cậu đang bước đi chậm chạp, nhưng có mục đích. Mặc dù có mấy người nhìn cậu với vẻ nghi hoặc, nhưng cậu không quay đầu nhìn lại. Cũng có một số phụ nữ ngừng phủi bụi hoặc nói chuyện để quan sát "cái ông Pônkinhhon ấy".

Cuối cùng cậu cũng đã đến được. Đi loanh quanh. Lặng lẽ và gọn gàng bỏ lá thư vào hòm.

Sau khi làm xong việc đó là cậu chuồn ngay. Đến cả cô trưởng phòng bưu điện cũng đã không trông thấy: Đó là cô Siêudân có mái tóc dựng đứng, là người mà cậu có cảm tình.

Buổi sáng đó không đến nỗi tối tăm, một cậu bé dáng kính trọng, có Sơđân thường lưu ý đến những ngày Chaclơ đến lấy thư từ trong hòm thư riêng.

Chácлơ đang trở về với dáng điệu vui vẻ hơn lúc đến.

Cậu đa đi xem xiếc với mẹ Onri Môt. Mấy anh hề đã bắt đầu làm cho người ta hoảng sợ, đặc biệt là một anh nói sai ngữ pháp. Bà đã phải khuyên giải cho cậu bé Chacлơ khôn khổ "Bây giờ con có thể xem được rồi, có gì đâu mà sợ, đó chỉ là sự đùa nhơn thôi". Chacлơ hỏi "Xiếc ngựa ư? (sự đùa nhộn là horseplay, nhưng Chácлơ đã hiểu nhầm là xiếc ngựa - ND). Có con ngựa nào đâu mà chỉ có các anh hề đang làm người ta hoảng lên. Bà đã xác định một lần nữa rằng đó là một lời nói vô nghĩa rất ngớ ngẩn. Cậu bé nóng trong lòng bà tự tư ngẩng đầu lên. Bà không cảm thấy điều gì chỉ vì cậu bé thấy ngạc nhiên. Nhưng điều đó cũng chẳng sao cả. Bà xoa tay lên bàn da của cậu rất tự nhiên, cậu vẫn tiếp tục nhạy chưa chạm sau khi các anh hề và rối hoàng sợ của cậu. Bà bỏn đi.

Bà giải thích: điều đó không đúng, nó chẳng có nghĩa gì.

Chácлơ cảm cảm phần vì bà không hiểu thế nào là có nghĩa cả. Bây giờ, lúc đang ngồi xuống đối cậu bé, bà rỉ một câu:

Cô Langlen chào: "Chào cậu Pênkinhhơn!"

"Chào chị Langlen, trông chị khá lạnh!".

Cô ấy có thể mến cậu không?

Sau khi học ở một trường dạy tốt, Pênkinhhơn đã có được những tác phong đúng đắn. Người ta quên rằng cậu đã tự thấy

mình là người có học thức. Mẹ cậu thích ngồi dưới bục để chờ cậu sẽ đạt vào tay bà những giải thưởng

Họ cũng đã gửi cậu đến Cambơrit để học. Bố cậu đã đồng ý. Đầu tiên Pônkinhhon rất thân trọng. Trong năm học thứ hai cậu đã mời hai ba người đến chơi. Rồi họ đã không đến nữa Nhưng Chaclơ mải mê vùi đầu vào mọi vấn đề mà cậu đã khám phá ra. Phải thừa nhận rằng nếu trong lúc viết đến tờ giấy cuối cùng của bài thi, chẳng quên đã không ấp đến, chỉ có một giây thôi, thầy trợ lý cho rằng cậu đã có thể đỗ đầu Hy vọng của Chaclơ đã bị tiêu tan một cách lạng lẽ. Cậu đã từng ấp ủ hy vọng được làm việc lâu dài trong một viện nghiên cứu những ngôn ngữ Rôman. Với sự ham mê học giỏi, ngôn ngữ này đã làm cho cậu có thể giao tiếp được với người khác - dù rằng chỉ ở mức độ đặt.

Nhưng dĩ nhiên là tất cả những điều đó đã không thể thực hiện được. Vì những lý do khác

Mẹ cậu đã viết.

. đã không đánh điện, vì mẹ biết rằng bức điện sẽ gây cho con một cú sốc lớn hơn. Con yêu quý, ít nhất thì con cũng sẽ yên tâm biết rằng bố đã chết, không hề đau đớn trong giấc ngủ của mình. Chỉ có điều là nó đã xảy ra qua đột ngột! Mẹ hy vọng rằng chỉ sau một thời gian mẹ sẽ bình tĩnh lại, nhưng mẹ sẽ cố gắng phó mặc nỗi khổ tâm này . Vì mẹ còn phải luôn quan tâm đến Hang May thay anh Ken và ông Bơđơ là những người có đủ sức để bảo vệ Hang. Bố đã tin họ nhất, nhưng Chaclơ thân yêu, bố luôn luôn hy vọng rằng con mình..

Chaclơ đã về.

Bà không đi thuyền ra đón cậu, mà thích gặp cậu ở xa nơi ồn ào huyên náo, tại chỗ đã dự định mà cả hai mẹ con cùng thích.

Bà đã bước xuống các bậc thềm để tiến về phía cậu, mặt giàn giụa nước mắt mà lâu nay bà đã phải kìm hãm lại. Ánh xanh trong đôi mắt bà trông thật lạ. Bà vỗ nhẹ vào cánh tay cậu và giữ lại một lúc để được thấy thích thú với cảm giác về loại vải tuyệt của Anh

Trong hoàn cảnh ấy, Cháclơ được coi như một người đàn ông bé nhỏ, bảnh bao, với bộ ria nhỏ rẽ đôi đầy đặn, kín đáo trong bộ quần áo có cài khuy mangset. Trong những ngày ấy cậu vẫn còn có thể kể chuyện. Khói thuốc lá như một bức màn che chở. Âm nhạc chưa bắt đầu làm cậu hồi hộp. Một hoặc hai cô gái đã ngắm cậu trong lúc nhảy.

Mẹ cậu đã hỏi "Hãy nói cho mẹ biết chắc con đã có ai đấy"

"Ai đấy là ai ạ?"

Bà cười: "Sao vậy, con là một chàng ngốc! Các cô gái duyên dáng ấy chứ còn ai nữa!"

Cháclơ tỏ ra sửng sốt.

Cậu bảo: "Nhưng con nghĩ rằng con đã làm mọi việc mà người ta yêu cầu con".

Rời khỏi phòng, cậu lấy khăn tay lau trán

Mẹ cậu đã bậm môi suy nghĩ. Và hay trăn trở với những thắc mắc. Khi ấy mắt bà trở nên xanh đậm.

Bà tự nhủ: "Điều chắc chắn là mình không thể tin rằng đã không có vài cô gái đáng yêu. Nếu không thì điều đó thật không tự nhiên".

Bà ngắm kỹ đôi môi cậu khi thấy có các hình xuất hiện.

Cậu nói: "Chẳng có ai cả".

Và cậu vẫn kiên trì trả lời như vậy.

Bà Pônkinhhon bảo cô Lenglân rằng xét về khía cạnh nào đây thì tình hình này là một điều bất hạnh. Nhưng bà và Cháclơ vẫn rất hài lòng với nhau. Họ có nhiều điều cùng quan tâm.

Trong những ngày ấy mỗi khi tập trung vào việc gì, Cháclơ theo dõi rất tỉ mỉ. Sáng sáng cậu đi tàu hỏa đến nơi làm việc. Anh Kon đã giải thích kỹ về các công việc trong xưởng máy. Những người đàn ông này làm việc rất tận tình, vì họ nghĩ rằng mọi người đang trông cậy vào họ. Họ giao cho Cháclơ một phòng làm việc, không phải là phòng của cha cậu - anh Kon đã sử dụng phòng ấy - đó là một phòng nhỏ hơn, nhưng cũng thoáng đãng và có đủ tiện nghi. Trong ngày làm việc thỉnh thoảng các cô thư ký lại các đặt các giấy tờ vào chiếc khay đựng công văn của cậu. Cô Gơrecsơn thường tỏa ra mùi thơm của nước hoa Át op Rôđơ. Cháclơ thường lấy các giấy tờ ra khỏi khay và kiểm tra rất cẩn thận.

Chính là tiếng ồn đã bắt đầu làm cho cậu lo lắng. Đôi khi cậu chỉ thấy mọi cô Gơrecsơn mấp máy mà không nghe thấy âm thanh nào cả. Đó chính là những cỗ máy mà mỗi khi nhìn vào chúng cậu không biết làm thế nào để khỏi phải quay mặt đi

Hàng năm. Hàng thường tổ chức những bữa tiệc chiêu đãi và khiêu vũ mà mẹ cậu muốn tham dự. Ông Betđơ thích nhảy các điệu van với bà. Chiếc đồng hồ đeo tay tỏ ra quá nhỏ đối với ông.

Cô Gơrecsơn hỏi: "Bà có chú ý đến cậu Pênkinhhon không?"

Mẹ cậu hỏi: "Cháu có thấy thích thú không, cháu yêu quý?"

Ít nhất thì bà cũng không bao giờ nhảy sai điệu.

Sau một hoặc hai năm đầu, một số người có ý kiến là nên đưa mũ giấy và các băng giấy màu vào để hội nhảy sinh động hơn.

Chắchẳn hay hoài nghi những lời nói bông đùa mà cậu không bao giờ hiểu được ý nghĩa thực của nó.

Nhưng ở đó cũng có mẹ cậu đang nhảy với những nhà sản xuất máy.

Cậu bắt đầu thấy ngại máy móc một cách tồi tệ hơn. Trong lúc ngồi kiểm tra các giấy tờ của cô Gơrecsơn mang đến, cậu nghĩ đến việc làm sao có thể cho máy chạy bằng dây đai: các tiếng ồn không truyền đi. Như thế chắc chắn là có lợi hơn. Hoặc là không có tiếng ồn.

Dù sao thì ở đây cũng có loại máy của hãng "Betgiơry Thômsơn".

Sau khi nếm một hòn sỏi vào cỗ máy, cậu hỏi:

"Mọi việc đều trôi chảy cả chứ, anh Ken?"

"Trôi chảy ư? Không thể trôi chảy hơn được. Thậm chí với cả bộ hộp số cũ dư của chúng ta!".

Sau đó những mảnh vỡ dính dầu máy hầu như bị văng ra, vào tận phòng làm việc của Cháclơ. Cậu đã đặt nhầm các giấy tờ của cô Gơrecsơn vào một chiếc khay khác.

Sau khi về nhà tối hôm ấy, Pônkinhhơn đã không đến nhà máy trong một tuần.

Mẹ cậu đã gọi điện đến văn phòng. "Anh Ken, tôi phải báo cho anh biết, nhưng phải giữ kín rằng Cháclơ đang bị suy nhược nhẹ. Vâng, nó cần phải nghỉ ngơi... Tôi sẽ thường xuyên thông báo... Cám ơn anh Ken quý mến. Anh là người thật trung hậu".

Nhưng đến cuối tuần ấy thì Cháclơ lại đến Hãng. Cậu đã ngồi được hết buổi làm việc.

Họ cho cậu làm việc ở văn phòng. Cậu tiếp tục đến đấy để đọc tờ tạp chí Hêrên, cho đến cuối cùng thì chính bà Pônkinhhơn phải xin cho Cháclơ "rút lui".

Ở "Uyưhơt" năm tháng qua đi đều đều như cỗ máy tàn nhẫn, chỉ có điều khác là các cỗ máy được bôi trơn lang lẽ. Mặc dù cậu đã bỏ đọc sách, nhưng vẫn trông ngóng những cuốn sách nhỏ và những tờ thông báo, trong đó có những dòng chữ vẫn còn làm cho Cháclơ bối rối. *Với tình yêu tôi hoàn toàn cuồng nhiệt*. Có thể nghe như tiếng kèn trompet bị nghẹt. Cậu thích lên ra ngoài các bụi cây, ở đó với những ý nghĩ thanh thản hơn, cậu có thể dứt những mảnh da đã chết ở bên cạnh các móng tay. Đôi khi những nốt sần ở họng cậu mềm hẳn đi, biến thành những lời nói kỳ lạ, những hình ảnh kết tinh ở đâu đó phía sau đôi mắt.

Đôi khi mẹ cậu muốn gọi cậu, nhưng cậu chỉ trả lời khi nào thấy cần thiết.

Vào buổi sáng ngày sinh lần thứ mười lăm của cậu, Cháclơ biết rằng người ta đã làm cái gì đó. Đó phải là những món quà, những món quà vẫn còn làm cho cậu cảm thấy rộn ràng, dù rằng cậu thường nhanh nhẹn tìm ra trước.

Mẹ cậu đến, mang theo nửa tá sơmi bằng vải sa tanh Thụy Sĩ có thêu hoa. Bà luôn luôn là người dậy sớm nhất trong nhà. Bà hôn cậu. Đôi mắt cậu có nước da huyền ảo như trong truyện cổ tích, nay bà có cảm giác như là nước đá.

Bà nói rất vui vẻ: "Cháclơ thân yêu, có rất nhiều thư chúc mừng sinh nhật".

"Con có cảm thấy thích thú không?", bà nhấn mạnh "cảm thấy".

Cậu nói "Có ạ".

Cậu nhìn vào những bức thư đó.

Bây giờ bà đi xuống vườn, chân bà chạm vào lan sương sớm và lớp mạng nhện. Bà muốn vào trong vườn để cắt những ngọn hồng trước khi trời nóng. Nhưng chiếc gai cố thể làm rách cánh tay áo bằng lụa cũng có màu hồng của bà, nhưng cuối cùng bao giờ bà cũng không để cho chúng làm rách áo.

Hôm ấy bầu trời đã báo trước một ngày tráng rực rỡ, những chiếc lá mới mọc hơi bị héo, có thể làm dịu đi nỗi lo ngại của bà. Cháclơ cũng đang lo ngại điều đó, nhưng chùm hoa rám nắng đang bị héo đi trong làn gió khô hanh. Năm nay gia Onti Môt sẽ không thể đến đây để chia sẻ nỗi đau buồn của cậu. Vì

nhưng chi tiết khác của chương trình thì chẳng có gì thay đổi mấy: món gà quay và món kem sôcôla. Món bánh ngọt thì ông Hariet đã đem bảo quản lạnh. Ông Hariet có bộ mặt nhàn nhã, là một trong những người trung thành lâu năm trong nhà mà cậu không dám nhìn thẳng vào mặt.

Cháclơ đi xuống. Sau bữa điểm tâm, không thấy bà cùng ăn, cậu biết là chắc đã có vấn đề gì đó. Thật hết mức. Đôi khi cậu nghe thấy tiếng tim mình giống như tiếng bước chân tiến lại gần của một người đi giầy đếcrếp đang dẫm trên lớp vải lót dọc theo hành lang.

Rồi cậu nhận thấy rằng có lẽ giấc ngủ đã gieo vào trong cậu sự cần thiết để sửa chữa sai lầm. Đó là một hộp đầy những bức thư chưa mở. Chiếc hộp sơn dầu đó đang ở trên mặt lò sưởi.

Liệu những lá thư còn dán kín này có thể sinh ra những mối nguy hiểm như những bí mật bị khuấy trộn lên, khi độc lan tỏa, các chất độc phát triển hết mức làm cho cậu phải nghĩ đến việc chạy trốn. Trái tim như bằng cao su của cậu đang làm cho cậu phát điên lên. Và đến gần chín giờ thì người đưa thư sẽ đến, đem thêm nhiều bức thư nữa.

Đúng chín giờ, người đưa thư đã đến. Những tiếng chuông đồng hồ đã trở thành nhạc đệm cho sự kiện này. Trong khi Cháclơ đang chăm chú nhìn thì thấy chòm chiếc mũ đang ẩn hiện qua hàng rào.

Linh cảm đã thúc đẩy cậu đi xuống con đường hẹp. Để giải phóng. Vạt áo khoác của cậu bay lên.

Buổi sáng nay có cái gì đó được ngụy trang trông như một thương phiếu. Một cái gì đó còn nguy hiểm một cách vô tội

hơn. Và - Cậu có thể phải cảm ơn Thượng đế? - một bức thư của bà Onti Môt.

Cháclơ quay nhanh về phòng ăn, để quyết định, nhưng không quá hấp tấp, xem nên mở những bức thư nào trước tiên. Để sửa chữa. Phải ngoảnh mặt đi. Chiếc hộp chứa đầy thư được đổ lật nhào trên mặt bàn, lẫn vào với mứt cam, giữa những mẩu bánh vụn.

... Chiếc máy này sẽ cắt được thấp hơn, chịu được hao mòn hơn bất kỳ một chiếc nào khác trên thị trường. Nó có thể phá hủy được những giống cỏ mọc dữ dội nhất như cỏ ludee, cỏ cắt ở vùng Patason, cỏ patpalum, kể cả giống cỏ kikiu là loại cỏ ngoan cố, mọc lan rất nhanh... lưỡi cắt của bộ quay...

Cháclơ chùn lại. Hầu như bị cắt bởi luồng gió do máy tạo ra, khi nó đi qua, khó khăn lắm, cậu mới giữ được thần kinh của mình ở trạng thái cân bằng.

Cậu nhớ lại lần cậu đã đọc được một tin: một con dao máy lỏng ra, rồi văng vào mặt một người.

Nhưng chỉ cần cậu mở một chiếc phong bì là điều tai họa nhỏ nào đó sẽ tan biến đi. Đôi bàn tay cậu ngập ngừng tìm kiếm sự trợ giúp. Để thực hiện nhiệm vụ của cậu. Nếu không phải như vậy - thì cậu không thể tự cho mình là cao cả - để chạy thoát.

Cậu lại mở lần nữa, cuối cùng.

...Nếu không thì (lời đe dọa tiếp) nguồn cung cấp của bà có thể bị gián đoạn mà không cần phải báo trước nữa. Cổ cậu đang bị căng ra, đôi mắt cậu lồi ra, các mạch máu của cậu co lại, dường như chúng không thể truyền được dòng máu.

Rồi Cháclơ nghĩ đến mẹ đỡ đầu của cậu. Cậu tin chắc rằng mẹ Onti Môt phải được cứu vớt. Nếu như cái lưỡi sưng phồng của cậu đã không làm cậu bị nghẹt thở trước khi cậu xé bức thư.

Cháclơ thân yêu của mẹ, (đó là lời nói của chính bà)

Đây chỉ là một lời chúc cho con được hạnh phúc nhất trong ngày sinh nhật. Mẹ rất lấy làm tiếc trong dịp này mẹ không đến được với con. Vì bác sĩ đã cấm mẹ không được cô sức từ khi mẹ bị "cú sốc ấy".

Cháclơ thân yêu, mẹ muốn con biết rằng con đã làm cho mẹ được hạnh phúc vô cùng, và hầu như mẹ coi con như con đẻ của mẹ. Mẹ đã phải làm một người mẹ đỡ đầu không được mãn nguyện, mẹ phải thú nhận rằng, chẳng biết cái khoảng cách thực tế nào đã luôn luôn làm cho mẹ con ta phải xa cách nhau - mà thôi, đó cũng là thiếu sót của chính mẹ. Chỉ có một điều làm cho mẹ được an ủi với niềm tin rằng không thể nói đến những vấn đề về tinh thần mà không làm tổn thương đến sự thuần khiết của nó. Con thân yêu, chắc con cũng sẽ tự an ủi mình khi nhận ra điều này chứ? Mẹ luôn nghĩ rằng chúng ta đã mang đến cho nhau niềm an ủi, đại loại như vậy.

Cháclơ, bây giờ mẹ phải nói kín với con điều này - đó là: mẹ không muốn làm cho mẹ con phải bối rối - nhưng rất có thể là mẹ chẳng sống được bao lâu nữa. Sự thật luôn luôn là một điều nguy hiểm, nhưng đôi lúc người ta cũng phải đánh liều. Mẹ đã hỏi và người ta đã cho mẹ biết, trong lúc chờ đợi, mẹ sẽ tưng niệm rằng mẹ sẽ luôn luôn, luôn luôn giữ con ở trong tâm khảm của mẹ.

Nhân ngày sinh của con, mẹ gửi cho con một gói quà nhỏ. Nếu như người ta chuyển nó đến trước, thì mẹ đề nghị con hãy giữ cho đến ngày đã dự định.

Mẹ dơ dáng thương mến của con.

MỘT - BIẾT

Thế rồi Chácla đã phải hét lên. *Bi thương!* Chẳng ro là hai hay ba lần?

Nhưng phải chăng bà Onui Môi đã không biết tàng cái gói ấy chứa những điều nguy hiểm tồi tệ nhất, đe dọa cuộc sống của các nhà chính trị, các nhà ngoại giao, các ngôi sao điện ảnh và tất cả những nhân vật quan trọng? May mà cái gói ấy đã không đến. Hoặc là người ta đã để nó ở một nơi xa và quên rằng nó đang phát triển mạnh và đang hồi hợp trong bóng tối của một cái tủ nào đó chẳng có ai nhòm ngó tới.

Cậu bắt đầu đi quanh phòng. Các cửa sổ đều mở. Bỗng nhiên vọng lại tiếng của những con thú ở phía trên chiếc máy cắt cỏ của Nôman đang kêu lạp bạp. Những tiếng thú vật đó không ầm ĩ, nhưng dai dẳng và quy quyệt. Hay là trời mưa? Đó là tiếng những giọt nước mưa lớn đầu tiên đang đập vào những chiếc lá dâu. Tuy vậy cậu vẫn phải đóng các cửa sổ lại.

Nhưng cậu không thể chặn được trái tim của chính mình.

Trong lúc đi vào phòng, mẹ cậu vội vã hỏi: "Cái gì thế?" À, con đã mở những bức thư! Mẹ rất mừng! Con đã tìm thấy điều gì thú vị chưa?"

Cậu đã tìm thấy!

Bà Pônkinhhon đã thấy điều đó xảy ra.

Bà bảo: "Chaclơ, chúng ta không được nhượng bộ"

Dù nói vậy, bà vẫn run lên

Đối với Chaclơ, cậu thấy những bức tường đang rít lên.

Khi bà nhìn thẳng vào cậu thì bà cảm thấy choáng váng, hàm răng cắn chặt lại và mắt mờ đi

Cậu lại la lên.

Bà kêu to: "Con thân yêu, chúng ta phải làm gì? Chúng ta cần phải, chúng ta *cần phải mạnh!*"

Sau đó, hai mẹ con cùng ngồi vào chiếc ghế dài, đầu gối họ cũng run lên theo một nhịp. Cậu không còn quá sợ hãi nữa. Tuy vậy cậu vẫn kêu la, vì cậu đã quên không biết cách làm thế nào để ngừng lại. Lúc này bà đã ấn đầu cậu vào đông thực qùy mà trước đây cậu vẫn từng ưa thích, và ngay cả lúc này cậu cũng có thể nhét vào miệng, nếu như đông thực quy trắng này đã không bị vậy máu quá rõ ràng

Cậu tiếp tục kêu la cho bo những điều cậu đã bị mất mát hoặc không bao giờ được thấy.

Bà Pônkinhhon kêu lên như ra lệnh "Mạnh, mạnh!"

Đây có phải là đứa con trai của bà không? cái chùm cành con bà đang ôm trong tay này? hầu như bà đã có thể bẻ gẫy cái đồ rác rưởi dễ gẫy này

Nhưng bà chợt thấy những chiếc răng xiêu vẹo, giả nhạt gần hờ vào những dấu vết còn lại trên mặt mình.

Bà thốt ra, phều phào: "Hãy nhớ rằng, hãy nhớ rằng mẹ sẽ luôn luôn ở bên con".

Lời nói đó cũng không làm cho cậu nín được.

Dù rằng, ít nhất cậu cũng có thể nhớ được. Bà đang đứng ở chân cầu thang. Trong bộ quần áo bằng satanh trắng. Bà nói: *Hãy nhớ, Cháclơ*, khi cậu bước xuống chầm chậm, bám vào tay vịn của cầu thang, *hãy nhớ là con đang ở độ tuổi chưa được bóc các bức thư. Công việc của người khác là việc riêng của họ.* Bà nói thêm: "*Hơn nữa, xem thư, con có thể tìm thấy những điều có hại cho con. Hãy luôn luôn nhớ lấy điều đó*".

Con nhớ. Ôi! Mẹ! Mẹ! Mẹ! Ôi, Mẹ thân yêu...

Mẹ cậu nói: "Mẹ sẽ giúp con, nếu con đồng ý, nếu con tin ở mẹ".

Bà đang ôm đầu cậu sát vào chiếc ghim hoa gài trên cổ áo của bà. Những mặt đá saphia như đang đe dọa móc mắt của cậu ra.

Cậu kêu, hoặc lầm bầm. "Dạ, vâng! Vâng, vâng".

Cậu vẫn còn đang đi xuống chiếc cầu thang xoáy ốc, đi vào một vùng xa xôi hẻo lánh hơn, tới những độ sâu êm ắng.

Cậu dừng lại để lắng nghe giọng nói của bà chỉ còn là tiếng nói mơ hồ: *Con có phải là một thiên thần không? Hãy xem kìa, Đichi? Một thiên sứ đang bay ra khỏi tòa lâu đài! Con là của mẹ! Thiên thần của mẹ!* Ôi! những niềm tin mê mẩn! Và khi bà chạm vào, cậu đã được phủ đầy vải satanh.

Bà Ôcsula Pônkinhhon bắt đầu ngơ ngác "Cháclơ! Cháclơ!"

Bà khẩn cầu "Ôi! Chúa Trời hãy cứu giúp chúng con!"

Nếu tâm trí của Cháclơ không bị thu hút quá, chắc cậu đã phải nghe thấy tiếng rơi của những đồng penni. Nhưng phải đẩy lùi dĩ vãng lại, sâu hơn bao giờ hết, vượt qua những mặt đá saphia và những nếp mặt nhăn nheo này để tìm về cõi tối tăm.

"Ôi! Thật khủng khiếp! Ôi, Cháclơ!"

Ngay lúc cậu bắt đầu rúc vào lòng bà, bà Pônkinhhon đã hất cậu ra. Làm sao bà xứng đáng được? Có bao giờ! Đứa trẻ ghê tởm và thiếu tình cảm thông thường.

NGÔ THỨ LÊ dịch

DỒNG ĐÔLA BẤT HẠNH

PARIE WHITE
(NOBEL 1973)

Tôi gọi điện thoại cho Hâysen Kinchơ xem có phải ông ta định đi vào thành phố không.

- Có, sẽ đi! - Ông ta trả lời tôi với một giọng khô khan, lạnh lùng.

- Tôi có việc cần phải giải quyết ngoài ấy.- Tôi trả lời và tỏ ý cho ông ta biết là tôi sẽ rất thích nếu được đi cùng xe với ông ta.

- Được, ta có thể đi cùng.

Tôi biết Hâysen Kinchơ sẽ chẳng bao giờ đồng ý đi với bất kỳ ai quanh đây và chịu chấp nhận một điều gì tương tự như thế.

- Mười phút nữa tôi sẽ có mặt ở chỗ anh.

Tôi vội vàng mặc quần áo và chạy tới nhà ông ta. Mùa đông năm nay ở chỗ chúng tôi lạnh khủng khiếp. Từ cửa sổ của nhà tôi có thể nhìn rõ cái vịnh lớn của con sông đóng băng trải dài mười ba dặm, từ phía Nam lên phía Bắc. Mọi người có thể đi xe trượt trên mặt sông đã đóng băng tới những đảo xa. Ô tô đuổi nhau trên con đường trước kia tàu thủy vân chạy. Tuyết trắng phủ kín hai bờ sông. Chỉ có màu xám của cây cối nổi bật trên nền trắng của một miền tuyết phủ.

Như tôi đã nói, xung quanh đây có lẽ chẳng ai được Hâysen cho đi nhờ xe bao giờ. Thậm chí trên thế giới này cũng chẳng có ai bao giờ được hưởng một cử chỉ thân thiện nào của ông bà. Đó là một người keo kiệt và cô độc hiếm có. Loại người như ông ta có lẽ chẳng bao giờ có chỗ đứng trong một xã hội công bằng.

Nhưng Hâysen Kinchơ không những sống đầy đủ, mà có thể nói, ông ta chết đuối trong sự giàu có của mình. Cũng chính vì thế mà tôi muốn biết rõ hơn về ông ta. Ông ta có một sức hấp dẫn kỳ lạ, một sức mạnh đặc trưng cho những người dũng cảm đi trên dây qua sông Nilagara hay nhảo lộn trên không. Những người mà ngắm nhìn họ, chúng ta thấy sợ hãi đến tim ngừng cả đập, chúng ta lo sợ cho cuộc sống của họ và không muốn nhìn thấy họ rơi xuống chết. Đôi khi tôi có cảm tưởng là Hâysen đoán biết được những ý nghĩ của tôi về ông ta. Chàng có bằng cách nào, ông ta trông có vẻ chân thành một cách trơ tráo, có lẽ quan hệ của tôi với ông ta đã làm ông phấn khởi chăng? Tôi cho rằng tôi là người duy nhất trên thế giới này được ông ta tin như thế.

Hâysen là người đã có tuổi, thấp và gầy đét.

Tôi tới đúng lúc ông ta thắng yên cương cho ngựa trong chuồng. Đó là một con ngựa cái nhanh nhẹn và tuyệt đẹp, nhưng nó rất sợ ông chủ và căm thù ông ta nữa. Tôi nhận thấy điều ấy qua ánh mắt dè chừng của nó. Không nhìn tôi, Hâysen nói to:

- Đóng cửa lại. Không thấy lạnh à? Đồ qủy tha ma bắt!

Tôi đóng cửa và nhìn thấy trong chuồng cũng khá ấm áp.

- Tuyết sẽ rơi đấy, tôi nói - Tôi tin rằng với thời tiết như thế, chắc anh sẽ không đi vào thành phố nữa chứ?

Ông ta cười nhếch mép và cắt ngang lời tôi:

- Chẳng lẽ tuyết làm thay đổi thời tiết sao? Làm sao anh biết là tuyết sắp rơi?

- Trời tối sầm lại và có vẻ ấm lên chút ít...

Tôi không chịu Thua tuyết đâu. - Ông ta cười mỉa mai. Tôi có cảm giác là ông ta đang theo dõi nét mặt của tôi. - Mở hộ tôi cái cửa!

Ông ta dắt ngựa ra rồi dừng lại trước bếp.

- Ta vào trong uống chút gì cho ấm người đã.

Tôi đi theo Hâysen vào bếp. Ở đó vợ và con của ông ta đang quấn quýt bên nhau. Người vợ là một phụ nữ có thân hình thon thả, nước da tai tái và sợ chồng đến chết khiếp. Các điền chủ xung quanh đây vẫn kể với nhau rằng Hâysen lấy bà về để bù vào món nợ mà bố bà ta không trả được.

"Lần ấy tôi hiểu rằng đó là thời gian tốt nhất để lấy vợ", Hâysen vẫn thường nói như vậy.

Đứa con trai nhỏ ngồi trên sàn. Người vợ chuẩn bị nước giải khát bằng sữa, trứng và rượu rum. Khi chúng tôi uống xong, Hâysen qủy xuống trước mặt đứa con. Trong mắt đứa bé toát

lên cái gì đó có vẻ cam thù. Đấy là một đứa bé tàn tật. Hàng xóm vẫn bàn tán thà rằng nó chết đi có lẽ đỡ khổ hơn. Nhưng Hâysen yêu con một cách đặc biệt. Ông ta âu-yếm bế con trên tay. Thằng bé chỉ trợn tròn đôi mắt nhìn, rồi khóc ré lên khi người mẹ tiến đến gần.

- Cút đi! Cô đừng có quấy rầy chúng tôi...

Người vợ lùi lại và Hâysen chỉ tay vào đứa con, nói một cách huênh hoang:

- Một thằng bé tuyệt diệu, phải không?

Chẳng có ai trả lời ông ta. Hâysen gầm gừ cái gì nghe không rõ trong cổ họng và chơi với con một lúc nữa. Sau đó ông ta đặt con xuống nhà và ra lệnh cho vợ:

- Cô trông lấy nó!

Người vợ gật đầu một cách sợ hãi, đôi mắt lộ rõ nỗi đau khổ và khuất phục. Chẳng thèm chia tay vợ, ông ta đi ra khỏi bếp. Tôi theo Hâysen ra ngoài. Chúng tôi ngồi vào xe trượt và lấy chân trùm lên người. Phía trước chúng tôi là chặng đường khá dài, những sáu dặm trên tuyết. Cơn bão tuyết tới gần. Hâysen lập tức hiểu ngay tôi nghĩ gì khi thấy tôi nhìn ông ta:

- Bão tuyết tôi cũng không sợ. - Ông ta nói khẽ và nhếch mép cười.

Tôi biết rõ ràng chả mấy chốc bão tuyết sẽ đuổi kịp chúng tôi. Tiếng rạn nứt lạo xạo của mặt tuyết đã đóng băng đổ dài theo vó ngựa. Xe trượt lướt trên mặt băng phát ra những âm thanh kỳ quặc. Chúng tôi đi vòng quanh hàng rào rồi hướng về phía thung lũng đằng xa. Chúng tôi dừng lại trước cửa ngôi nhà cũ của Râyboóc cho ngựa nghỉ hơi. Ngôi nhà đã lâu không có người ở, cửa khóa chặt. Những cánh cửa sổ được giữ chặt bằng các thanh gỗ đóng đinh chắn ngang.

- Đó là một gia đình xấu xa, bỉ ổi và ngu ngốc - Hâysen nói gằm gừ, giơ roi ngựa chỉ vào ngôi nhà.

Con trai cả của gia đình Râyboóc thì tôi biết. Đó là một con người tuyệt diệu. Một lần vào mùa thu, anh ta thu hoạch táo chẳng may bị ngã từ trên cây xuống chết. Vợ anh ta muốn làm ăn tiếp tục nhưng đã không cẩn thận vay tiền của Hâysen. Nhờ thế mà ông ta chiếm được cả trang trại này. Tất nhiên đấy không phải là trường hợp tội lỗi duy nhất của Hâysen chứ?

Gió đã bắt đầu rít lên. Trên đường xuất hiện thêm nhiều đồng tuyết bị đóng băng. Khi đi qua một đống tuyết to, lên đến đỉnh thì chiếc xe bị nghiêng và cả hai chúng tôi ngã xuống. Con ngựa sợ hãi hí lên, nhưng Hâysen vẫn cầm chắc dây cương. Chúng tôi rũ tuyết, kéo xe trượt từ trong đống tuyết ra, thắng ngựa, rồi tiếp tục lên đường. Gió rét nổi lên mạnh hơn nữa. Mặt trời lúc này còn chiếu, giờ đã bị mây đen che kín.

Trước khi đi tiếp, Hâysen tiến lại gần con ngựa. Thông thường khi giận dữ người ta đánh hay mắng con vật. Nhưng Hâysen thì khác hẳn. Ông ta nắm chặt hai tai ngựa xoáy mạnh làm cho con vật đáng thương vẫn cả người và cúi đầu sát tận đất. Đặc biệt ông ta không hề nói một câu nào.

Con ngựa vùng vằng giận dữ. Lúc này Hâysen mới lấy roi quật túi bụi vào đầu gối con vật. Sau đó ông ta lại túm lấy tai ngựa vặn và nói:

- Bây giờ chắc mày sẽ không đi nhầm đường nữa chứ.

Nói xong ông lên ngồi cạnh tôi. Tôi im lặng. Tôi có thể can thiệp, nhưng có gì đấy nhắc tôi không nên dính vào. Con ngựa đi có vẻ khập khiễng. Song Hâysen thúc nó đi không thương tiếc. Càng bị thúc ngựa cùng đi chậm, nên khi chúng tôi tới được văn phòng của Hâysen thì tuyết đã rơi phủ kín mọi nơi.

Tôi chia tay với Hâysen trên bậc thềm rồi đi vào phố giải quyết việc riêng. Đi một quãng xa tôi nghe thấy Hâysen nói to:

- Ba giờ quay lại đây nhé!

Tôi gật đầu, tuy biết rằng ngày hôm nay chúng tôi không thể quay trở về được. Giải quyết xong mọi việc, tôi đi đến chuồng ngựa của nhà trọ xem tình hình con ngựa. Máu chảy ri rỉ từ chỗ sưng phồng ở đầu gối nó. Bên cạnh bão tuyết nói lên cảng mạnh hơn. Chủ nhà trọ nhỏ nước bọt và nói:

- Chân ngựa sưng to lắm. Ngày hôm nay chắc chắn các anh không về nổi đâu.

- Tôi biết thế - tôi trả lời

- Đồ man rợ - chủ nhà trọ chửi đổng, nhưng tôi biết là ông ta ám chỉ Hâysen.

Trước ba giờ, tôi đã có mặt ở văn phòng của Hâysen. Đó là một căn phòng sát mái, tối tăm và lạnh lẽo. Ở vào địa vị như thế, Hâysen thừa khả năng có một địa điểm xứng đáng hơn. Khói từ lò sưởi bốc lên mù mịt đến khó thở. Trong phòng chẳng có gì để thông gió. Đồ đạc trong phòng chỉ có một cái bàn, hai cái ghế tựa và một cái két sắt chắc chắn đứng ở góc nhà. Hâysen tin rằng cất tiền ở đây là chắc chắn, còn tôi thì nghĩ chỉ cần tuốcnơvít thông thường cũng mở được.

Tôi gặp Hâysen ở bậc thềm. Nhìn ra tôi, ông ta càu nhàu vẻ khó chịu:

- Tôi đi gọi điện thoại một tí. Đường nghẽn đâu không thể đi nổi.

Hâysen không có điện thoại trong phòng. Mỗi khi cần, ông ta lại xuống nhờ máy của của hiệu ở tầng mặt đất. Ông ta giữ thói quen ấy và chẳng bao giờ chịu thay đổi.

- Tôi sẽ đợi trong văn phòng. - Tôi trả lời Hâysen.

- Ừ.

Vừa bước vào phòng, tôi vội đến che miệng lò sưởi và tìm cách thông gió. Nhưng chiếc cửa sổ duy nhất đã được đóng chặt bằng đinh. Một lúc sau Hâysen quay lại...

- Qủy tha ma bắt những đống tuyết ấy đi! - Hâysen nói với giọng bực tức. - Đường dây không liên lạc được.

- Đường dây nào?

- Điện thoại. Tới trại...

- Anh muốn báo tin rằng...

- Rằng ngày hôm nay tôi không trở về nhà được.

Anh sẽ ngủ lại khách sạn.

- Còn anh thì không ư?

- Tôi ngủ ở đây. - Ông ta cắt ngang.

Tôi nhìn lại căn phòng một lần nữa. Giường tôi không có, chỉ có hai chiếc ghế tựa. Hâysen đoán được ý nghĩ của tôi.

- Tôi vẫn thường ngủ ở đây, tất nhiên là trên sàn.

Quan tâm đến suy nghĩ bên trong của Hâysen, tôi hỏi:

- Anh định báo cho vợ biết là anh không về chứ gì?

- Ồ, đời nào! Tôi muốn hỏi xem sức khỏe của thằng bé ra sao..

Có tiếng chân bước thận trọng lên cầu thang. Hâysen theo dõi và căng mắt nhìn ra cửa. Người đi lên đứng lại trong hành lang tối, chắc là đang tìm nắm đấm cửa.

Cánh cửa bỗng mở, và Đin Mácsay bước vào. Nhà của ông ta nằm bên cạnh trại của Hâysen. Đin sống với vợ và năm đứa con trong một ngôi nhà nhỏ được ngăn cách với chuồng ngựa bằng hàng rào gỗ. Gia đình ông ta nghèo và sống vô cùng vất vả, mặc dầu phải làm việc từ sáng đến tối. Đin gầy như cò hương, cổ dài ngoẵng, hai gò má nhô cao, bộ ria phủ kín cả môi trên. Ông ta có đôi mắt chân thành, thật thà nhưng mệt mỏi.

Đin dừng lại trước cửa, hai mắt nhấp nháy, từ từ cởi chiếc khăn quàng cổ đã rách ra. Hai tay đi găng vẫn để nguyên.

- Vào nhanh lên! Anh nghĩ tôi có lò sưởi ở đây để sưởi ấm cho cả thành phố chăng?

Đin dập dập gót chân vào nhau và đóng cửa lại.

- Xin chào ông Kinchơ. - Ông ta cười gượng gạo và sợ hãi nhìn chủ trại.

- Anh muốn gì? - Hâysen hỏi, không thèm chào lại.

- Anh muốn trả tiền lãi hả?

- Vâng, thưa ông Kinchơ. Nhưng bây giờ tôi không thể trả hết được.

- Lại vẫn bài hát quen thuộc! Thế thì bao nhiêu?

Hâysen hỏi một cách giận dữ.

- Mười một đô la và năm mươi xu...

- Anh nợ hai mươi cơ mà!

- Tôi sẽ trả nốt khi nào gà nhà đẻ trứng.

Hâysen phá lên cười mỉa mai:

- À! thế là quá kéo dài. Nếu như trang trại của anh đáng giá vài đồng tiền rách thì tôi đã tống cổ anh ra khỏi đó từ lâu rồi, thằng già đểu cảng ạ.

- Xin ông rủ lòng thương, ông Kinchơ. Tôi sẽ trả đến đồng xu cuối cùng. Đin trả lời một cách van xin, cầu khẩn.

Hâysen đặt tay xuống mặt bàn:

- Đồ nói dối! Nào hãy đặt lên bàn xem có bao nhiêu.

Cuối tháng này là anh phải trả hết nợ.

Mácsay tiến lên gần bàn Tôi ngồi cạnh lò sưởi. Đôi mắt cận thị cậu Mácsay nhìn Hâysen rồi nhìn tôi. Dễ thấy là ông ta toàn thân lạnh cóng. Ông ta tháo găng tay, và lúc đó nhìn thấy rõ đôi tay sần sùi tím ngắt.

Đặt gang lên bàn, Mácsay rút từ túi chiếc áo khoác rách ra cái túi nhỏ đựng thuốc lá. Lắc lắc trong túi, Mácsay móc tiền ra. Ông ta vừa đặt hai đồng năm mươi xu lên bàn là Hâysen lập tức vồ ngay lấy.

Từ trong túi rơi ra một cái gì đấy. Chắc chắn là tờ giấy bạc. Tôi muốn nhắc cho Mácsay biết thì Hâysen đã dùng lòng bàn tay che lại rồi từ từ kéo về phía mình. Khi Hâysen nhấc tay lên thì tờ giấy bạc cũng không còn ở đấy nữa.

Mácsay móc những tờ giấy bạc cũ nát còn lại đưa cho Hâysen, Hâysen tính rất nhanh:

- Mươi một đôla và năm mười xu, đúng rồi. Đợi tí, tôi sẽ viết giấy chứng nhận cho anh. Đừng quên là anh phải trả hết nợ cuối tháng đấy nhé...

Mácsay thẫn thờ nhìn Hâysen viết giấy chứng nhận. Cất túi thuốc lá vào túi áo khoác, Mácsay đứng chờ, Hâysen xé đôi tờ giấy đưa cho con nợ một nửa

-Cám ơn ông, - Mácsay khẽ nói.

Hâysen gật đầu.

- Đừng có quên đấy nhé. - Hâysen nhắc lại lần nữa.

- Tôi sẽ cố gắng, thưa ông Kinchơ.

Mácsay quay người đi ra.

- Anh ta đánh rơi cái gì trong túi ra đấy? - Tôi hỏi

- Một đô la. Thằng ngốc, nó mất một đô la...

- Anh có trả lại cho anh ta không?

Hâysen cười ngắt:

-Sao? Của cái của mình mà không biết giữ gìn, tôi phải trả lại cho nó ấy à? Nó sống khốn khổ như vậy là vì thế...

- Nhưng đồng đôla ấy là của anh ta.

- Hắn nợ tôi nhiều hơn thế nhiều.

- Thế cũng được, nhưng anh sẽ ghi thêm một đô la vào số tiền trả rồi.

- Thế anh cho tôi là thằng ngu à?

- Anh ta có thể buộc anh vào tội ăn trộm, - tôi nói mặc dù biết sẽ chẳng làm cho Hâysen nao núng. Tôi thấy rõ tôi đã đem lại niềm vui cho Hâysen khi tôi tỏ ý kính trọng về ông ta.

- Nếu như hắn không là thằng ngốc thì hắn đã không trả tám mươi đô la tiền lãi hàng năm vì nợ bốn trăm đôla - Hâysen trả lời với giọng kẻ chiến thắng.

Tôi tò mò không hiểu anh ta có quay lại không khi biết mất tiền.

- Ngoài ra, hắn còn nói dối tới nữa. Hắn nói có mười một đôla và năm mươi xu thôi mà. - Hâysen tiếp tục.

Sau đó Hâysen cúi xuống viết cái gì đó trên bàn. Tôi vẫn ngồi chăm chú theo dõi. Bỗng tôi nghe tiếng chân trên cầu thang.

Mácsay bước vội vào phòng với nét mặt hốt hoảng. Ông ta chăm chú nhìn lên sàn, nhìn tôi, nhìn lên bàn rồi nhìn Hâysen.

- Tôi đánh mất một đôla, - ông ta nói,- Chắc chắn là tôi đánh rơi nó trong phòng này.

Hâysen cau mặt.

- Rõ ràng anh chỉ có mười một đôla và năm mươi xu.

- Đó không phải là đồng đôla của tôi...

- Anh nghĩ là tôi tin anh à? Ai có thể đưa cho anh một đôla? Có nghĩa là lúc nãy anh lừa dối tôi?

- Không phải tiền của tôi. Mácsay nhắc lại. - Tôi phải mua thuốc hộ người khác.

- Thế anh nghĩ cho tôi ăn cắp của anh phải không?

Mácsay buông thõng tay một cách bất lực.

- Không, không, làm sao tôi dám nghĩ như thế được. - Macsay nhìn quanh một lúc rồi lắp bắp.

Có thể là tôi đánh rơi ở chỗ khác. ..

Mácsay quay người và cúi đầu u rũ đi ra. Hâysen nhìn tôi, nở nụ cười đắc thắng.

- Anh đã thấy chưa? - Ông ta nói.

Tôi rời khỏi văn phòng đi về khách sạn. Dọc đường tôi nghé qua hiệu thuốc mua ít thuốc ngủ. Mácsay đang đứng cạnh quầy nói chuyện với người bán thuốc.

Bỗng tôi nghe thấy tiếng người bán hàng trả lời:

- Tôi không thể giúp anh được đâu, Mácsay ạ. Bao nhiêu lần anh không trả tiền tôi rồi...

- Biết làm thế nào bây giờ khi anh không tin tôi.

Mácsay buồn rầu nói rồi bỏ đi.

Nằm mãi trong khách sạn, tôi không tài nào ngủ được. Tôi luôn nghĩ đến Hâysen.

Sang ngày thứ ba, bão tuyết đã tan. Tôi gặp Hâysen ở bưu điện.

- Chúng ta đi chứ? - Ông ta nói.

- Có đi nổi không?

- Chắc chắn là có. -Ông trả lời và cười vui vẻ.

- Tại sao anh lại vội vã như vậy?

- Chẳng sao cả. Tôi nhớ thằng bé quá.

Khi chúng tôi lên đường thì con ngựa vẫn còn khập khiễng. Nhưng đi được chừng hai ba dặm, nó bắt đầu phi nước đại. Như mọi lần, sau cơn bão tuyết, mặt trời chiếu sáng. Anh sáng chiếu xuống nền tuyết trắng xóa phản chiếu lai chói chang. Cảnh cây, hàng rào, đường dây điện... tất cả đều phủ một lớp tuyết mỏng. Rừng thông dưới thung lũng xanh thẫm, trông từ trên cao xuống giống như một bàn cờ tây, ô trắng ô đen chen nhau.

- Dọc đường, Hâysen kể nhiều về đứa con. Còn tôi chỉ im lặng.

Khi dừng lại trước nhà, Hâysen vui vẻ mời tôi.

- Nào, chúng ta hãy vào nhà làm miếng gì cho ấm ngươi đã. Để xem chàng công tử của tôi đang là gì.

Tôi theo Hâysen vào nhà.

Mùa đông, bếp của Hâysen cũng là nhà ăn, và phòng ngủ, vì ông ta rất tiết kiệm củi đốt lò sưởi. Bước vào nhà tôi thấy vợ Hâysen từ giường nhổm dậy. Tôi không thể nhận ra cô ấy nữa. Trông cô ta thiểu não, rũ rượi đau khổ.

- Chúng ta đã ở nhà. Con đâu? - Hâysen nói giọng oang oang.

Vợ nhìn chồng và bỗng môi rung rung. Chị mơ mộng mấp máy không ra lời rồi lại mím môi lại.

Cố gắng lắm mãi sau chị mới nói được.

- Con...chết rồi...

Trong bếp sự sống như ngưng lại. Tôi nhìn lên thân hình thấp lùn của Hâysen, lúc này tôi có cảm giác là ông ta còn lùn thêm nữa. Mặt ông ta xám ngắt như người chết. Chỉ có các thớ thịt trên má khẽ động đậy.

- Con đâu! - Hâysen hỏi với giọng người cúm.

Người vợ nhìn lên giường. Hâysen nhìn theo vợ. Bước mấy bước loạng choạng tới gần giường, chúng tôi nhìn thấy thân hình co quắp của đứa bé. Chắc chị ta nằm ôm sưởi ấm thằng bé cho tới tận lúc chúng tôi về. Chiếc giường ngổn ngang chăn gối nhàu nát, chứng tỏ chị ta đã trải qua một tấn thảm kịch lớn

Hâysen ngắm nhìn con nhưng không động vào người nó. Ông ta giận dữ nhìn vợ.

- Em đã làm tất cả những gì em có thể...

- Cô đã làm những gì? - Ông ta hỏi.

- Con bị ho,- người vợ trả lời.- Em biết là con bị sưng phổi. Anh còn nhớ.... em đã bảo anh mua thuốc cho con, nhưng anh nói là không cần, rồi con sẽ khỏi...

Người vợ tiến tới cửa sổ.

- Em đã nhờ vợ Mácsay giúp đỡ. Cách đây không lâu con chị ấy cũng bị sưng phổi. Chồng chị ấy có việc phải đi vào thành phố. Chị ấy hứa là sẽ mua hộ thuốc. Em không dám nói là cho con chúng ta, vì như thế chắc họ sẽ không mua hộ. Em có đưa cho chị ấy một đôla. Ngày hôm qua Mácsay trở về. Lúc đó tình hình của con đã rất nguy kịch. Em tới ngay nhà họ hỏi thuốc. Mácsay chỉ nhìn em rồi nói là không có.

Người vợ im lặng một chút rồi nói tiếp:

- Khi Mácsay trở về cũng còn chưa muộn lắm, nhưng sau đó thì không còn kịp nữa rồi...

Trông Hâysen như hóa đá. Ông ta đờ đẫn nhìn căn phòng, sau đó dần dần hồi tỉnh lại. Chắc là ông ta đã cảm thấy mối liên quan gì đó.

- Tại sao hắn không mang thuốc về?- Hâysen hỏi thầm.

- Bác sĩ không muốn bán chịu cho anh ta.

Nét mặt của Hâysen trở nên nhúm nhó, hai tay giơ lên, Hâysen thét to:

- Còn tiền? Chuyện gì đã xảy ra với đồng đôla?

- Mácsay nói rằng anh ta... đánh mất... trong phòng của anh.

Lão keo kiệt loạng choạng ngã dựa vào bức tường. Da ông ta trông như da ngỗng, và trên mặt ông ta in rõ những nét nhăn nhó kinh khủng. Ông ta mở to mồm và rú lên khủng khiếp.

ĐINH VIẾT TÚ dịch

DẤU MÁU EM TRÊN TUYẾT

GABRIEN GACXIA MACKET
(NOBEL 1982)

Gabrien Gacxia Macket
(Colombia, 1928, Giải Nobel văn chương 1982)

Vào lúc trời tối, khi vợ chồng họ đến biên giới, Nêna Dacôntê nhận ra rằng ngón đeo nhẫn cưới vẫn tiếp tục chảy máu. Chùm chiếc áo manto len lên chiếc mũ kepi màu vecni, viên cảnh sát kiểm tra các hộ chiếu dưới ánh sáng ngọn đèn pin trong lúc cố hết sức đứng vững trước sức táp bạo liệt của gió từ dãy Pirinêôt thổi xuống. Dẫu đó là hai tấm hộ chiếu ngoại giao, viên cảnh sát vẫn soi đèn pin lên để kiểm tra xem ảnh có giống mặt khách du hành không. Nêna Dacôntê gần như là một cô bé có đôi mắt ngất ngây hạnh phúc và nước da nâu hồng vẫn còn đỏ rộm dấu ấn của một bãi tắm Caribê trong đêm tháng giêng buồn tẻ và mặc ấm che kín đến tận cổ bằng một chiếc áo khoác lông báo mà có lẽ với toàn bộ số tiền lương cả năm của người cảnh sát gác biển không thể mua nổi. Bidi Săngchêt đê Avila, chồng cô, người lái xe con, trẻ hơn cô một tuổi, khá điển trai, mặc một chiếc áo khoác len Tô cách lan kẻ carô và đội một chiếc mũ lưỡi trai của người chơi bóng. Ngược lại với vợ mình, Bidi Săngchêt cao to, vam vỡ và có bộ hàm rắn như thép của các võ sĩ đấu kiếm hay bẽn lẽn. Nhưng cái thể hiện rõ danh phận hai người là chiếc xe con được mạ bạch kim, từ bên trong nó phả ra hơi thở của con vật sống, mà chưa ai từng thấy một cái khác tương tự đi qua vùng biên nghèo nàn

ấy. Những chiếc ghế sau được chất đầy các va li mới và các hộp qùa tặng vẫn chưa được mở. Ngoài ra, trong đó còn có cây kèn săcxôphôn từng là nỗi đam mê chủ yếu trong cuộc đời Nêna Đacônté trước khi cô đắm đuối trong ái tình khác hẳn với nhóm bạn tắm nắng ngây thơ của cô.

Khi viên cảnh sát gác biên trả lại anh hai tấm hộ chiếu, Bidi Sãngchêt hỏi y hiệu thuốc ở đâu để anh đưa vợ đến đấy chữa vết thương, và y gào thật to át cả tiếng gió thổi mà rằng hãy hỏi ở Hendaya thuộc địa phận nước Pháp ấy. Nhưng những người gác biên ở Hendaya đang ngồi trên ghế quanh chiếc bàn trong một bót gác che kính ấm cúng và sáng trưng ánh đèn, mặc phong phanh áo sơ mi dài tay, ăn bánh chấm rượu vả đang chơi bài. Họ chỉ cần nhìn tầm vóc và chủng loại chiếc xe con là đủ để ra hiệu cho vợ chồng Bidi Sãngchêt cứ việc vào nước Pháp. Bidi Sãngchêt bóp còi liền vài hồi, nhưng những người gác biên Pháp lại không hiểu rằng anh đang gọi họ mà chỉ có một người mở cửa kính với giọng còn giận dữ điên khùng hơn cả bão tố, quát rằng:

- Merde! Allez-vous-en![1]

Lập tức Nêna Đacôntê bước xuống xe kéo cổ chiếc áo khoác lên chùm kín hai tai rồi bằng thứ tiếng Pháp chuẩn xác cô hỏi người gác biên rằng hiệu thuốc ở chỗ nào. Mồm đầy bánh y trả lời cô theo thói quen rằng đó chẳng phải là nhiệm vụ của y, càng không phải khi ở trong điều kiện giông bão như thế này và y đóng cửa kính lại. Nhưng sau đó y lại chú ý quan sát người con gái cuộn mình trong ánh hào quang của lông báo tự nhiên đang mút ngón tay bị thương và có lẽ y nhầm lẫn nàng với một

(1) Tiếng Pháp trong nguyên bản, nghĩa: Mẹ kiếp! Cút đi!

sự hiện hình màu nhiệm trong cái đêm đầy sợ hãi ấy bởi vì y đã thay đổi thái độ ngay tức thì. Y giải thích rằng thành phố gần đây nhất là Biarritz. Nhưng vì đang giữa mùa đông và với thứ giông tố cuồng bạo này có lẽ sẽ không có hiệu thuốc nào mở cửa đâu, trừ khi đến được Bayona, một thành phố ở xa hơn Biarritz.

- Bị thương nang lắm không? - Y hỏi.

- Không đáng kể. - Nêna Dacôntê mỉm cười, chìa cho y xem ngón tay đeo nhẫn kim cương mà trên đầu ngón tay bị xước da bởi gai hoa hồng. Đó chỉ là một nốt gai châm phải thôi.

Trước khi đến được Bayona, trời lại rơi tuyết. Chưa đến bảy giờ, nhưng vợ chồng họ thấy đường phố vắng tanh, các nhà đóng cửa im ỉm để tránh cơn cuồng nộ của gió. Sau nhiều lần vòng đi vòng lại mà không gặp một hiệu thuốc nào, bọn họ bèn quyết định cho xe đi tiếp. Bidi Sãngchêt lấy làm thích thú với quyết định này. Anh có nỗi đam mê không thể được thỏa trước những chiếc ô tô lạ kiểu và một ông bố đầy mặc cảm tội lỗi và thừa tiền để làm vui lòng anh, và chưa bao giờ anh lái xe tuyệt vời đến vậy như lái chiếc xe Bentley được biến thành quà tặng đám cưới này. Niềm phấn khích của anh trên tay lái là vô kể đến mức càng đi anh càng cảm thấy ít mệt hơn. Anh đã dự định ngay đêm ấy sẽ đến thành phố Burdeos, nơi vợ chồng họ đã đặt trước một phòng tân hôn ở khách sạn Splendid, và sẽ chẳng có gió ngược, cũng như kha nhiều tuyết trên trời để cản bước anh. Ngược lại, Nêna Dacôntê đang mệt rũ, nhất là trên chặng cuối cùng của quốc lộ từ Madrit vốn là một đoạn đường núi có những con dê cái chạy tơi tả vì bị mưa đá đuổi. Thế là, kể từ chặng đường sau thành phố Bayona, Nêna Dacôntê lấy một chiếc khăn tay cuốn chặt lấy ngón tay bị đau để cầm máu

và cô đã ngủ say. Bidi chỉ nhận ra điều đó vào lúc nửa đêm, sau khi tuyết ngừng rơi và giông tố bỗng dừng lại giữa những cây thông và bầu trời đầy những vì sao lấp lánh trên những cánh đồng hoang. Xe anh đi qua những ngọn đèn ngái ngủ thành phố Burdeos nhưng anh chỉ dừng xe để đổ xăng đầy bình ở một trạm bán xăng trên đường quan, bởi anh vẫn thừa nhiệt huyết để đi thẳng một mạch đến tận Pari mà không cần phải nghỉ lấy hơi. Anh rất lấy làm hạnh phúc với thứ đồ chơi khổng lồ của mình đắt tới 25.000 đồng Xteclinh đến mức cũng chẳng cần tự hỏi xem cô gái lộng lẫy đang ngủ ở bên cạnh với một ngón tay được băng mà vẫn đang rỉ máu cũng có phải là thứ hàng đắt tiền không và giấc mơ tuổi trẻ của anh lần đầu tiên đã phải trải qua những cơn sóng lòng mù mịt.

Ba ngày trước họ làm lễ cưới tại Cactahêna đê Indiat[1] cách đây mười ngàn cây số với sự ngạc nhiên của bố mẹ chàng lẫn sự thất vọng của bố mẹ nàng và sự ban phước cá nhân của đức chủ giáo trưởng. Trừ họ ra, không một ai hiểu cơ sở thực tế và cũng chẳng biết ngọn nguồn của mối tình bất ngờ ấy.

Đó là một mối tình được bắt đầu trước đám cưới ba tháng: một ngày chủ nhật tại một bãi biển nọ nhóm của Bidi Săngchêt đột nhập buồng quần áo của các cô ở bãi tắm nữ Marbêđa. Nêna Dacôntê vừa mới tròn mười tám tuổi, vừa từ trường nội trú Chatellenie ở Saint-Blaise, Thụy Sỹ trở về, nói bốn ngôn ngữ mà đều giọng lơ lớ, có tài tuyệt vời thổi kèn Săcxôphôn giọng cao và lần ấy là lần đầu tiên cô đi tắm biển kể từ khi trở về nước. Cô đang hoàn toàn khỏa thân để mặc quần áo tắm thì cũng là lúc bắt đầu xảy ra nỗi kinh hoàng và những tiếng kêu rú trong các trại bên cạnh, nhưng vẫn không biết điều gì xảy ra

(1) *Thành phố thuộc Côlômbia*

cho đến khi then cửa phòng cô bật gẫy thành từng mảnh và cô nhìn thấy đứng trước mặt mình một tên cướp đẹp hơn cả điều có thể tưởng tượng được. Cái duy nhất hắn mặc trên người là một chiếc quần đùi vẽ ngoằn ngoèo làm giả da báo, và một thân thể đáng yêu, mềm mại và nước da hồng hào của dân vùng biển. Trên cổ tay phải, nơi đeo một chiếc vòng kim loại của hiệp sỹ đấu kiếm thời La Mã, có cuốn một sợi xích sắt được dùng như một thứ vũ khí lợi hại và đeo trên ngực một huy hiệu không có ánh thánh đang lang lẽ phập phồng theo nhịp đập của con tim thằng thốt. Ilo cùng học ở trường tiểu học và cùng phá cỗ sinh nhật không biết bao nhiêu lần, bởi cả hai đều thuộc về xã hội tinh lẻ mà số phận điều hành theo phán quyết của nó kể từ thời thuộc địa, nhưng họ không gặp nhau từ lâu lắm rồi đến mức đã không nhận ra nhau ngay từ cú nhìn đầu tiên. Nêna Dacôntê đứng yên, không hề nhúc nhích làm bất kỳ cái gì ngõ hầu cho đậy tấm thân trần truồng của mình. Bidi Sängchêt lúc đó liền thực hiện một nghi lễ thiên chân của mình: tụt chiếc quần dài giả da báo, trình ra trước cô cái con vật đang ngỏng lên rất đáng tôn kính của mình. Cô nhìn thẳng vào nó và chẳng hề ngạc nhiên

- Tôi đã nhìn thấy những con còn to hơn và cứng hơn kia, - cô nói, cố tự làm chủ. - Vậy xin hãy nghĩ cho kỹ điều anh sẽ làm bởi vì với tôi anh liệu cách mà xử sự sao cho hơn hẳn một người da đen.

Thực ra, Nêna Dacôntê không chỉ là gái trinh mà còn là cô gái chưa bao giờ nhìn thấy một người đàn ông trần truồng, nhưng lời thách đó đã có hiệu quả tích cực. Điều duy nhất mà Bidi Sangchêt nghĩ được là giận dữ đấm mạnh bàn tay cuốn sợi xích sắt vào tường và thế là anh bị gẫy xương. Cô lấy xe của mình chở Bidi Sängchêt đi bệnh viện, và giúp đỡ anh trong lúc

chữa lành vết thương. Và cuối cùng họ đã cùng nhau học làm tình một cách đẹp đẽ. Họ cùng nhau sống qua những buổi chiều thang sáu gian truân ở sân hiên bên trong ngôi nhà nơi sáu đời trước của gia đình Nêna Dacôntê đã sống. Bằng chiếc kèn sacxôphôn cô chơi những bài hát mốt nhất. Nằm trên võng với cái tay bó bột anh thằng thốt đến hết hồn ngắm nhìn cô chơi kèn. Ngôi nhà có vô số cửa sổ rộng mở ra bãi chứa tàu mục của vịnh và nó là một trong những ngôi nhà lớn và cũ kỹ nhất và không nghi ngờ gì, nó là cái xấu xí nhất của khu phố La Mängga. Nhưng sân hiên lát gạch hoa cưrô, nơi Nêna Dacôntê chơi kèn sacxôphôn là một nơi thanh tĩnh và mát mẻ vào lúc bốn giờ chiều và nó nhìn ra một cái sân rợp bóng những cây xoài và cây chuối ngự. Có một ngôi mộ với tam bia đá không khắc tên nằm ngay trước nhà và trước ký ức gia đình. Ngay cả những người ít hiểu biết âm nhạc cũng nghĩ rằng cái tiếng kèn sacxôphôn kia là kì quặc trong một ngôi nhà bao đời đã sống qua. "Nó kêu to cứ như tiếng còi tàu ấy", bà nói của Nêna Dacôntê nói khi lần đầu tiên nghe thấy. Mẹ cô đã cố hết sức nhưng vô ích nhằm để cô chơi kèn theo một kiểu khác, chứ không như cái cách chơi thoải mái phong túng của cô: vậy thì vén lên đến tận bẹn và hai đầu gối cứ chang ra và nó cho bà cái cảm giác đó không phải là bản chất của âm nhạc. "Với mẹ, con chơi nhạc cụ nào cũng được", bà nói, "miễn là con thổi kèn phải khép hai đùi lại". Nhưng nhưng tiếng kèn như tiếng còi tàu gia bến và cái thứ ai tình cháy bỏng ấy là những cái cho phép Nêna Dacôntê đập vỡ cái vỏ bọc cay đắng của Bidi Sängchết. Bên dưới cái vẻ ngạo man thô thiển và buồn bã mà anh chung ta - nhờ ảnh hưởng của hai dòng họ nổi tiếng, cô phát hiện ra anh chỉ là một kẻ mồ côi vừa ngây thơ vừa hay sợ hãi. Bọn họ đã hiểu nhau rất nhanh trong lúc các xương tay liền vết gãy, mà

chính anh ngạc nhiên về sự dễ dãi mà với nó tình yêu đã xảy ra khi cô dẫn anh đến chiếc giường con gái một chiều mưa chỉ có mỗi hai người ở nhà thôi. Trong hai tuần liền, ngày nào cũng như ngày nào cứ vào đúng cái giờ ấy bọn họ khóa thân vần nhau dưới cái nhìn thảng thốt của các quân nhân, các quan chức và các bà nội đầy thèm khát ở trong các bức chân dung treo trên tường. Và những cặp mắt ấy đã dắt dẫn anh và cô đến thiên đường của chiếc giường lịch sử ấy. Ngay cả những lúc ngưng nghỉ, bọn họ vẫn cứ khóa thân bên nhau mặc cho những cửa sổ cứ mở toang cánh để đón cơn gió nhẹ từ bãi tàu mục ngoài vịnh thổi tới, để ngửi cái mùi khẳn như mùi phân của nó, để nghe những tiếng động đời thường ở ngoài sân trong lúc tiếng kèn saxôphon im bặt: tiếng kêu duy nhất của chu cóc dưới bóng những cây chuối ngự, giọt nước rơi trên nấm mộ vô chủ và những bước chân tự nhiên của cuộc sống mà trước đó họ không có thời gian để nhận biết.

Khi cha mẹ Nena Daconte về nhà, cô và anh đã tiến rất xa trong tình yêu đến độ với họ thế giới không đủ đất để làm nhưng chuyện khác nữa. Họ chỉ làm tình với nhau thôi: làm vào bất cứ giờ nào, bất cứ ở đâu, và cứ mỗi lần làm tình họ lại đã trù liệu cho một cuộc mới sẽ tiếp theo. Thoạt đầu, họ làm tình như đã có thể làm tốt hơn trên các xe thể thao mà cha của Bidi Sangchét định dập tắt chính những lỗi lầm của mình. Sau đó, khi các chiếc xe này trở nên qua dễ dàng đối với họ, về ban đêm bọn họ liền chui vào những lán vắng người ở bãi tắm Macbeda nơi số phận đã làm cho hai người đối mặt với nhau lần đầu tiên. Họ còn cái trang tham gia vũ hội hóa trang tháng mười một để chui vào các phòng cho thuê ở Hetsêmani, một xóm cũ của những người nô lệ, trong sự che chở của các tú bà, từng phải an ủi Bidi Sangchét cùng nhóm bạn anh từ mấy

tháng trước. Nêna Dacôntê hiến dâng cho những cuộc làm tình lén lút với chính cái hào hức cố kìm nén mà trước đây cô đã xài phí trên chiếc kèn sacxôphôn cho đến lúc tên tướng cướp được huấn luyện của cô hiểu ra cái điều cô muốn nói với y khi bảo y cần phải xử sự như một người da đen. Bidi Sangchét đã luôn luôn đáp ứng đòi hỏi của cô và lần nào cũng đáp ứng thích đáng và với cùng một sự phấn kích như nhau. Cưới nhau rồi, họ thực hiện nghĩa vụ làm tình với nhau trong lúc các cô phục vụ đã ngủ say giấc khi máy bay bay đến giữa Đại Tây Dương. Họ thật là vất vả lắm mới chui được vào phòng phục vụ và làm tình với nhau ở đấy trong cảm giác buồn cười chết được hơn là thích thú. Chỉ đến lúc ấy, nghĩa là hai mươi bốn giờ sau đám cưới, chỉ họ mới biết rằng Nêna Dacôntê đã có thai được hai tháng rồi.

Vậy là khi đến Madrit họ cảm thấy còn lâu mình mới là đôi tình nhân mãn nguyện nhưng họ vẫn còn tương đối dư sức đủ để ứng xử với nhau như là đôi tân hôn. Bố mẹ của cả hai bên đều đã lo chu đáo tất cả cho họ. Trước khi xuống máy bay, một nhân viên ngoại giao bước lên phòng khách hạng nhất để đưa cho Nêna Dacôntê chiếc áo khoác ngoài lộng lẫy bằng lông báo trắng có sọc đen, vốn là quà cưới của cha mẹ cô, và đưa cho Bidi Sangchét một chiếc áo bludông lông cừu vốn là mốt của mùa đông năm ấy và các chìa khóa không mác của một chiếc xe con đầy hứng thú đang đợi anh ở sân bay.

Đoàn ngoại giao nước nhà đón họ tại phòng khách chính. Ngài đại sứ và phu nhân không chỉ là bạn cố tri của cả hai gia đình mà ngài còn là bác sỹ từng tham dự cuộc chào đời của Nêna Dacôntê và ngài đợi cô với một bó hoa hồng rất chi là rực rỡ và tươi rói đến độ các giọt sương long lanh vọng lại trên đó cũng có vẻ nhân tạo. Cô chào vợ chồng ngài đại sứ bằng những

nụ hôn đua tếu, mà cảm thấy ngưỡng ngượng với việc mình hơi vội vã làm đám cưới, sau đó cô nhận bó hoa hồng. Khi cầm bó hoa một chiếc gai hồng đâm vào ngón tay, nhưng cô đã nhận nổi bật hạnh bằng điệu bộ vui vẻ:

- Em cố ý để gai đam phải,- cô nói,- để mọi người chú ý đến chiếc nhẫn của em

Thật vậy, đoàn ngoại giao thực sự khâm phục về lộng lẫy của chiếc nhẫn không chỉ bởi chủng loại của các viên kim cương mà cả vẻ cổ kính được gìn giữ rất tốt. Nhưng không một ai nhận ra ngón tay cô bắt đầu rỉ máu. Sau đó, sự quan tâm của mọi người lại chuyển sang chiếc xe mới. Ngài đại sứ vui vẻ đưa chiếc xe ra sân bay rồi lấy vải nhựa bọc nó lại với một dải băng to màu vàng ong. Bidi Sangchêt không đánh giá cao tài nghệ của ngài đại sứ. Anh đang qua khao khát muốn được biết chiếc xe đến mức chỉ bằng một động tác anh xé toang tấm bọc rồi anh đứng đàn ra. Đó là xe Bentley có thể chuyển hoán với nghệ thuật bọc da thật. Bầu trời tựa như một chiếc áo mantô màu tro, và dãy núi Gcadorama gửi tới cơn gió lạnh cắt da và với khí hậu nay người ta không chịu nổi nhưng Bidi Sangchêt vẫn chưa nhận ra cái rét. Anh giữ đoàn ngoại giao phải đứng ở ngoài trời mà không biết rằng dù đang chết cóng họ vẫn phải đứng đó theo đúng phép lịch sự cho đến khi anh nhận biết đến cả những chi tiết kín đáo nhất của chiếc xe. Sau đó, ngài đại sứ ngồi bên cạnh anh để chỉ đường cho anh lái xe về đến nhà riêng của đại sứ là nơi đã chuẩn bị sẵn một bữa ăn trưa. Trên đường đi, ngài chỉ cho anh biết những địa điểm nổi tiếng nhất của thành phố, nhưng hình như anh chỉ quan tâm đến sự kì diệu của chiếc xe.

Đây là lần đầu tiên anh xuất ngoại. Anh đã qua các trường tư và trường công mà cụ lắp đi lắp lại một khóa học cho đến

khi anh hoàn toàn nổi trôi trong nỗi chán trường. Cảnh tượng đầu tiên của một thành phố khác hẳn với thành phố quê anh, những khối nhà màu xam tro với ánh đèn thắp sáng giữa ban ngày, những cây cối trụi hết lá; tất cả đều làm tăng thêm một cảm giác trơ trọi mà anh cố giữ nó ở ngoài vành đai của con tim. Tuy nhiên, sau đó ít lâu, anh đã sa vào cái bẫy lãng quên đầu tiên mà không biết. Một cơn bão đầu mùa đã ào tới một cách nhanh chóng và thảm lặng, và khi họ ra khỏi nhà của ngài đại sứ sau bữa cơm trưa, và để tiếp tục cuộc hành trình đến nước Pháp họ thấy thành phố bị phủ đầy một lớp tuyết rực rỡ. Lúc đó Bidi Sàngchêt mới quên chiếc xe, và trước mặt mọi người, anh gào to lên thật sung sướng và ném từng vốc bụi tuyết lên đầu, rồi mặc chiếc áo bludông lông cừu anh ngã lăn quay ngay giữa đường phố.

Lần đầu tiên Nêna Dacôntê nhận ra rằng ngón tay đang chảy máu khi vợ chồng họ ra khỏi thủ đô Madrit trong một buổi chiều trời trở lại trong sáng sau trận bão. Cô ngạc nhiên vì cô đã dùng kèn Sacxôphôn đệm cho phu nhân đại sứ, người thích hát nhạc giao hưởng bằng tiếng Ý sau bữa cơm trưa thết khách, và hầu như cô không nhận thấy khó chịu ở ngón tay đeo nhẫn. Sau đó, trong lúc chỉ cho chồng con đường ngắn nhất đi tới biên giới, cứ mỗi bận ngón tay chảy máu cô lại mút nó một cách vô ý thức, và chỉ khi đến đây Pirinêôt, cô mới nảy ra ý muốn tìm một hiệu thuốc. Sau đó cô đam chìm trong những cơn buồn ngủ tích tụ từ mấy ngày nay và khi thức dậy ngay lập tức cô có cảm giác mạng nhẹ lo sợ rằng xe mình đang chạy trên nước và trong một khoảng thời gian dài cô không nhớ đến chiếc khăn buộc ở ngón tay. Cô nhìn thấy đồng hồ tự sáng gắn trên tấm biển lớn đã chỉ hơn ba giờ và chỉ lúc ấy cô hiểu rằng bọn họ đã bỏ xa thành phố Burdeos, đồng thời cả thành phố

Angulema, cả thành phố Poitiero và hiện đang đi trên con đê rực sáng ánh trăng ba huyện. Ánh trăng xuyên qua lớp sương mù và bong các tòa tháp ẩn giữa những cây thông giống như trong truyện thần tiên. Nêna Dacôntê, vốn thuộc lòng địa dư vùng này, thấy rằng bọn họ chỉ còn cách thủ đô Pari ba giờ đồng hồ. Bidi Sangchêt vẫn hăng hái cầm vô lăng.

- Anh là một kẻ tần bao - Cô bảo chồng. - Anh lái xe hơn mười một giờ đồng hồ mà không hề ăn uống gì cả.

Anh vẫn giữ nguyên nỗi xúc động đến ngất thở vì chiếc xe mới. Dù cho đã ngủ chập chờn được ít giờ trên máy bay, anh vẫn giữ được đầu óc tỉnh táo minh mẫn và còn dư sức để đến Pari vào lúc trời rạng sáng.

- Bữa cơm trưa ở tòa đại sứ vàn làm cho anh thấy no bụng, - anh nói. Rồi bỗng quơ anh buông một câu: - Dù sao đi nữa, ở Cartagena người ta đang lũ lượt kéo nhau ra khỏi rạp chiếu bóng. Có lẽ mới độ mười giờ đêm thôi mà.

Dù thế nào đi nữa, Nêna Dacôntê vẫn cứ sợ anh ngủ mà vẫn lái xe. Cô mở một chiếc thùng trong vô số thùng quà tặng mà người ta biếu vợ chồng cô ở Madrit và cố nhét vào mồm anh một miếng cam ướp đường. Nhưng anh đã nhổ nó đi và nói:

- Bọn đàn ông không ăn của ngọt, nhớ nhé!

Gần đến Orlêang thì sương mù tan. Một vầng trăng rất to soi tỏ những cánh đồng tuyết phủ, nhưng giao thông trở nên khó khăn hơn bởi ảnh hưởng của những chiếc xe tải lớn chở rau và các xe xitec chở rượu vào thủ đô Paria. Nêna Dacôntê muốn lái xe giúp chồng nhưng cô đã không dám nài nỉ anh vì ngay từ lần đầu tiên cùng ngồi trên xe đi dạo anh đã bảo cô rằng đối với mọi người đàn ông thì không có nỗi sỉ nhục nào lớn bằng việc để cho vợ lái xe. Cô cảm thấy sảng khoái sau năm giờ ngủ ngon giấc hơn nữa cô còn thấy thú vị ở đó không nghĩ

lại ở một khách sạn tỉnh lẻ của nước Pháp mà cô biết rõ từ khi còn rất nhỏ tuổi trong nhiều chuyến du chơi cùng với cha mẹ cô. "Quang cảnh thì đẹp nhất trần đời", cô nói, "nhưng người ta có thể chết khát mà không gặp bất cứ ai có thể cho không một ca nước". Cô rất lấy làm hài lòng vào giờ chót trước khi khởi hành mình đã để một cục xà phòng và một cuộn giấy vệ sinh vào túi xách tay vì tại các khách sạn nước Pháp không bao giờ có sẵn xà phòng và giấy vệ sinh là thứ giấy báo tư ân trước được cắt nhỏ vuông vắn, móc vào một chiếc móc. Điều đáy chất vào thời điểm ấy mà cô than vãn là đã để mất chọn cả một đêm không ân ái. Và chồng cô liền đáp lại ngay.

- Khi thật, vào chính lúc này mà em vẫn còn nghĩ đến việc nằm vật vạ trên tuyết sao? - Anh nói. - Ngay tại đây, nếu em muốn, anh chiều!

Nêna Dacônté nghiêm túc nghĩ tới điều đó. Bên vệ đường quan, tuyết dưới trang có vẻ xốp và ấm nhưng cang đến ngoại ô Pari, xe chạy ngày một đông hơn, và có các khu nhà máy sáng chưng nhiều công nhân đạp xe đạp trên đường. Nếu như không là mùa đông hẳn có lẽ bọn họ đã ở giữa ban ngày bạn mặt.

- Vậy, tốt hơn hết là hãy đợi cho đến khi tới Pari, - Nêna Dacônté nói. - Lúc đó cả hai đã thật sự hứng thú và ở trên một chiếc giường với ga trải sạch bong, như là dân có vợ có chồng vậy.

- Ôi, thật là thú. Lần đầu tiên em tới chiều tối.

- Dương nhiên rồi, - có nói. - Đây là lần đầu tiên khi chúng mình cưới nhau.

Trước khi trời sáng hẳn bọn họ rửa mặt và vệ sinh trong một quán ăn bên đường. Họ uống cà phê với bánh mì nóng, ngay tại quầy bán hàng là nơi khách bộ hành ăn điểm tâm với

rượu màu. Trong phòng vệ sinh, Nêna Dacôntê biết rằng máu chảy ướt cả áo và váy nhưng cô không đình gột rửa chúng. Cô ném chiếc khăn ướt dẫm máu vào sọt rác, đổi chiếc nhẫn cưới sang bàn tay trái, và cô lấy nước và xà phòng rửa rõ sạch ngón tay chảy máu. Tuy nhiên, ngay khi trở lại xe máu lại chảy, thế là Nêna Dacôntê liền vắt vẻo treo cánh tay ra ngoài cửa xe mà tự nhủ rằng cái không khí giá lạnh nơi đồng không mông quạnh sẽ có tác dụng chữa lành vết thương. Đó lại là một biện pháp vô ích nữa, nhưng cô vẫn chưa để ý. "Nếu ai đó muốn tìm gặp bọn mình thì thật là dễ", cô nói với niềm vui tự nhiên của mình. "Họ sẽ chỉ việc đi theo dấu máu em trên tuyết". Sau đó cô nghĩ kĩ hơn về điều mình vừa nói và gương mặt cô hân hoan tươi mởn trong ánh bình minh:

- Anh cứ thử nghĩ mà xem, - cô nói.- Một vệt máu từ Mađrit đến tận Pari. Anh không thấy đó là ý đẹp cho một bài ca sao?

Cô không có thời giờ để lại suy nghĩ. Tại vùng ngoại ô Pari, ngón tay cứ rỉ rỉ máu chảy không thể cầm được và thật sự cô cảm thấy hồn phách đang qua vết thương lìa khỏi thể xác mình. Cố tính cầm máu bằng cuộn giấy vệ sinh mang theo trong túi xách nhưng việc băng ngón tay chậm hơn nhiều so với việc ném qua cửa sổ những mẩu giấy dẫm máu. Áo xống mà cô mặc, chiếc áo khoác và ghế ngồi cứ dần dần ướt máu từng tí một không hề ngưng nghỉ. Lúc này Bidi Sângchêt mới thực sự lo lắng và định đi tìm một hiệu thuốc, nhưng Nêna Dacôntê cũng biết rằng tình trạng của cô không còn dừng lại ở việc đi tìm hiệu thuốc nữa.

- Chúng mình gần như đã đến được cửa ô Orlêăng rồi, - cô nói.- Anh cứ cho xe chạy vào đại lộ Tướng quân Lơclec, một đại

lộ rộng hơn cả và có nhiều cây, rồi sau đó em sẽ nói cho anh biết việc anh cần làm.

Đó là một chang đường vất vả nhất trong toàn bộ cuộc hành trình. Đại lộ Tướng quân Leclec là một nút giao thông nguy hiểm của những ô tô con và xe máy, bị nêm cứng lại trong cả hai phía của những chiếc xe tải khổng lồ đang cố tìm cách lăn bánh vào các chợ trong trung tâm thành phố. Bidi Sängchêt bỗng rất lo sợ trước những tiếng còi kêu inh ỏi đến mức anh phải gào to lên để chửi tục với vài người tài xế và có lúc anh định xuống xe để đánh nhau với một người trong bọn họ, nhưng Nêna Dacôntê đã nhanh chóng thuyết phục anh rằng: Người Pháp là dân thô kệch nhất trần gian nhưng chưa bao giờ họ đánh lộn. Đó là một bằng chứng nữa cho nhận thức đúng đắn của cô, vì trong lúc này cô hết sức cố gắng để khỏi bị mất ý thức.

Để thoát ra khỏi ngã năm ở quảng trường Lêông đơ Bơnphóc, bọn họ phải mất hơn một giờ đồng hồ. Các hiệu cà phê và các kho hàng đều thắp sáng chưng như lúc đang đêm, bởi ngày hôm ấy là một ngày thứ ba đặc trưng cho những tháng giêng của Pari, vừa buồn lê thê, vừa bẩn tưởi nhầy nhụa với con mưa dầm dề chưa đạt tới mức mưa tuyết. Nhưng đại lộ Đanhpect Rosrô lại quang đãng hơn cả và sau khi bỏ qua một số ít đầu phố, Nêna Dacôntê chỉ cho chồng rẽ xe về phía phải và đâu xe lại ngay trước một bệnh viện khổng lồ và rám tối.

Để xuống xe cô cần có anh giúp nhưng không mất bình tĩnh cũng như trí sáng suốt. Trong lúc đợi bác sĩ trực đến, nằm trên xe giường đẩy cô trả lời nữ y tá về những câu hỏi thường lệ về gốc gác của mình và tình trạng sức khỏe trước đó. Bidi Sängchêt mang hộ cô chiếc túi và nắm chắc lấy bàn tay trái của

cô đã đeo chiếc nhẫn cưới. Anh cảm thấy người cô yếu đi nhiều, lại lạnh giá, đôi môi bệch bạc. Anh cứ đứng bên cạnh vợ, tay nắm lấy tay cô cho đến khi bác sĩ trực tới và làm một xét nghiệm nhanh trên ngón nhẫn bị thương. Đó là một người đàn ông rất trẻ, nước da màu đồng hun, đầu cạo trọc. Nêna Dacôntê không để ý đến ông ta mà chỉ mỉm một nụ cười tím tái với chồng mình:

- Anh đừng sợ nhé. - Cô bảo chồng với một niềm vui bất khả chiến thắng.- Điều duy nhất có thể xảy ra là cái anh chàng ăn thịt đồng loại này sẽ chặt cái bàn tay này của em để ăn!

Viên bác sĩ làm xong xét nghiệm và lúc đó mới làm cho cả hai vợ chồng ngạc nhiên bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha rất chuẩn xác, dù có mang giọng Á châu lả lạ:

-Các bạn trẻ, không có chuyện đó đâu.- Ông ta nói. - Kẻ ăn thịt đồng loại này thà chết đói trước khi cắt bỏ một bàn tay quá đẹp này.

Đôi vợ chồng bối rối nhưng viên bác sĩ đã an ủi họ bằng một cử chỉ đáng yêu. Sau đó ông ta bảo hãy mang xe giường đi. Bidi Sãngchét định cùng đi với vợ nhưng viên bác sĩ cầm lấy cánh tay anh ngăn lại.

- Dừng, anh đừng đi - Ông ta bảo anh. - Anh hãy giữ sức để mà chăm sóc cô ấy lúc vất vả hơn.

Nêna Dacôntê ngoảnh lại cười với chồng, giơ tay vẫy vẫy tạm biệt cho đến khi chiếc xe giường được đẩy đi khuất ở tận cùng hành lang. Viên bác sĩ đi sau để nghiên cứu các dữ kiện được cô y tá ghi lại trên một tờ giấy. Bidi Sãngchét gọi viên bác sĩ:

- Cô ấy đang có thai, bác sĩ ạ!

- Mấy tháng rồi?

- Hai tháng!

Viên bác sĩ không cho biết điều quan trọng mà Bidi Sãngchêt chờ đón. "Hãy tử tế trong điều anh vừa nói với tôi", ông ta nói, rồi bỏ đi theo sau chiếc xe giường có người đẩy. Bidi Sãngchêt đứng đần ra ngay giữa phòng nồng nặc mùi mồ hôi người ốm. Anh đứng đó mà không biết làm gì, mắt cứ trân trân nhìn hành lang vắng lặng mà trước đó người ta đã mang Nêna Dacôntê đi mất. Sau đó, anh ngồi xuống chiếc ghế gỗ có tâm tựa cùng với một số người khác đang đợi. Anh không biết mình ngồi đó bao lâu nhưng khi quyết định ra khỏi bệnh viện thì một lần nữa trời đã tối và đang mưa dầm, và anh vẫn không biết làm gì ngay cả với chính bản thân mình vì đâu cứ mu đi trước sức nặng của thế giới.

Nêna Dacôntê nhập viện vào lúc chín giờ ba mươi phút ngày mồng bảy tháng Giêng, theo như điều tôi đã có thể kiểm tra được trong kho lưu trữ của bệnh viện mấy năm sau. Cái đêm đầu tiên ấy, Bidi Sãngchêt ngủ ở trong xe đậu ngay trước cửa phòng cấp cứu và ngày hôm sau từ rất sớm anh ăn sáu quả trứng luộc, uống hai cốc cà phê sữa tại quán cà phê anh gặp trước nhất, bởi kể từ khi đi khỏi Madrit, anh chưa hề ăn một bữa ăn đầy đủ. Sau đó, anh trở lại phòng cấp cứu để thăm Nêna Dacôntê, nhưng người ta đã giải thích để anh hiểu rằng mình cần phải vào cổng chính. Tại đây người ta đã tìm được cho anh một nhân viên phục vụ người vùng Asturiat (1), người sẽ giúp anh làm quen với nhân viên gác cổng và người này khẳng định với anh rằng đúng là Nêna Dacôntê đã được nhập viện nhưng chỉ được phép tham cô vào các ngày thứ ba hàng tuần từ chín giờ sáng tới bốn giờ chiều. Nghĩa là phải đợi sáu ngày nữa anh mới được tham vợ. Anh cố tìm gặp viên bác sĩ

đầu trọc nói sõi tiếng Tây Ban Nha nhưng không ai giúp được anh vì hai chi tiết quá ư đơn giản mà anh đã miêu tả ông ta là một người da đen với cái đầu cạo trọc.

Lấy làm yên lòng với tin tức nói rằng Nêna Dacôntô đang nằm viện, Bidi Sãngchêt trở lại nơi anh đậu xe thì một viên cảnh sát giao thông buộc anh phải để xe cách hai ô phố nữa ở phía trước trong một đường phố hẹp và ở đấy nhà cửa lẻ. Ở đấy phố đối diện có một tòa nhà mới sửa với một tấm biển đề "Khách sạn Nicôle"". Nó chỉ là khách sạn một sao và một phòng tiếp đón hết sức nhỏ hẹp đủ để một chiếc ghế xô pha và một cây đàn pianô cũ kỹ, những người chủ có giọng nam cao có thể hiểu các khách hàng nói bằng bất cứ thứ ngôn ngữ nào miễn là họ có cái trả tiền trọ. Bidi Sãngchêt chuyển mười môi va li và chín thùng tặng phẩm vào cái phòng duy nhất chưa có người thuê vốn là một phòng hình tam giác ở sát nóc thuộc tầng thứ mười mà khi lên đến phòng anh một đứa bé vạm vỡ leo một cầu thang xoắn tròn ốc nồng nặc mùi sắp hư hước. Tường phòng được che những tấm rèm buồn buồn và ánh sáng chập chờn nơi sân sau chỉ có thể lọt vào phòng nhờ một cửa sổ duy nhất. Phòng có một giường đôi một tủ quần áo lớn, mấy chiếc ghế, một chậu vệ sinh xách tay và một vòi nước với chậu và gáo múc nước, do vậy mà cái cách thức duy nhất để ở được trong phòng là lên giường mà nằm. Còn tệ hơn cũ kỹ, cả căn phòng thật là bất hạnh, nhưng nó lại rất sạch sẽ và có vẻ vệ sinh vì vừa được phun thuốc.

Đối với Bidi Sangchêt, cả cuộc đời sẽ không đủ để anh giải thích những lời thần ngôn của thế giới này được dựa trên cái tài biến lận. Không bao giờ anh hiểu nổi cái bí hiểm của ngọn đèn cầu thang luôn luôn phụt tắt trước khi anh leo tới tầng mười một của mình, cũng chẳng thể phát hiện ra cách thức bật

cho nó sáng lại. Anh mất tới một nửa buổi sáng để tìm tòi mà biết được rằng tại nơi nghỉ chân của cầu thang ở mỗi tầng nhà đều có một hố tiêu và anh quyết định sử dụng nó trong bóng tối thì ngẫu nhiên ngay lập tức anh phát hiện ra rằng đèn điện sẽ bật sáng ngay lúc cái chốt ở bên trong, để không một ai đang chỉ mà để cho ngọn đèn cứ cháy sáng mãi. Phòng tắm vốn nằm ở cuối hành lang và anh định bụng dùng nó để tắm hai lần một ngày như hồi ở quê mình. Việc sử dụng phòng tắm phải được tính thẳng một khoản chi ở ngoài tiền thuê phòng và được tính giờ rất cẩn thận. Nước nóng trong phòng tắm, vốn bị kiểm soát ngay từ phòng quản trị, sẽ ngắt nước sau ba phút. Tuy nhiên Bidi Sangchêt còn tương đối mình mẫn để hiểu rằng cái nền nếp vốn khác rất xa so với nền nếp của anh kia dù sao chăng nữa vẫn cứ tốt hơn rất nhiều so với khí hậu thảng giêng và ngoài ra anh còn cảm thấy rất đỗi hoang mang đến mức không thể hiểu nổi làm sao mình có thể sống mà không có sự che chở của Néna Dacônte.

Buổi sáng ngày thứ tư, ngay khi vừa trèo được lên phòng, Bidi Sangchêt mặc nguyên áo khoác nam úp mặt ngay xuống giường mà nghĩ đến người con gái kì diệu vẫn tiếp tục chảy máu ở dãy phố đối diện, rồi ngay lập tức chìm trong giấc ngủ rất ngon lành đến mức khi thức dậy đồng hồ đã chỉ năm giờ, nhưng mà anh không biết đó là năm giờ sáng hay năm giờ chiều ngày thứ mấy trong tuần cũng như ở thành phố nào gồm những ngôi nhà kính bị gió và mưa làm cho tơi tả. Anh thức nằm trên giường mà đợi, mà nghĩ tới Néna Dacônte cho đến khi chứng thực rằng đã sáng rồi. Vậy là anh dậy đi ăn sáng ở ngay hiệu cà phê hôm qua và tại đây anh biết hôm ấy là ngày thứ năm. Những ngọn đèn điện nơi bệnh viện vẫn còn đang thắp sáng, và trời đã tạnh mưa. Anh ngồi xuống dựa lưng vào

tấm tựa của một chiếc ghế dài đối diện với cửa chính bệnh viện nơi các bác sĩ và y tá đang nhộn nhịp ra vào với hy vọng gặp được viên bác sĩ người châu Á từng tiếp nhận Nêna Dacôntê. Anh không nhìn thấy ông ta, và cũng chưa phải là muộn sau bữa cơm trưa khi buộc phải rời bỏ cuộc chờ đợi vì anh đã bị lạnh cóng người. Vào lúc bảy giờ anh lại dùng một cốc cà phê sữa và ăn hai quả trứng luộc do chính anh lấy ở quầy hàng sau bốn mươi tám giờ ăn chính một thứ thức ăn ở ngay chính nơi ấy. Khi về khách sạn để nằm ngủ, anh thấy chỉ có độc xe mình trong một lề đường còn tất cả những chiếc khác đậu ở lề đường bên kia và trên tấm kính trước có dán sẵn một tờ giấy báo phải nộp phạt. Người gác cửa khách sạn phải vất vả lắm để giải thích cho Bidi Sãngchêt hiểu rằng trong những ngày lẻ hàng tháng, xe được đậu bên dãy phố số lẻ, còn những ngày chẵn đậu phía bên kia. Biết bao những thủ đoạn hợp lý trở nên khó hiểu đối với một Sangchêt đệ Avila thuộc số những người trong sáng nhất, và hai năm trước đây từng đâm chiếc xe của ngài thị trưởng vào một rạp chiếu bóng của khu phố và gây nên tai nạn chết người ngay trước mũi đám cảnh sát trắng trẻo. Anh càng ít hiểu hơn khi người gác của khách sạn khuyên anh nên nộp tiền phạt mà không nên đổi chỗ xe lúc ấy vì nếu không sẽ phải chuyển chỗ xe một lần nữa vào lúc mười hãi giờ đêm. Lần đầu tiên, cái buổi đêm về sáng hôm ấy, Bidi Sãngchêt không chỉ nghĩ đến Nêna Dacôntê mà còn trằn trọc trên giường xoay hết bên này lại giở bên kia không sao ngủ được mà nghĩ tới những đêm nặng nề của chính mình trong các tiệm nhảy ở chợ Cactahêna, thuộc vùng Caribê. Anh nhớ mùi cá rán và cơm nấu với cùi dừa trong các quán ăn ở bến cảng nơi những tàu thuyền từ Aruba đến đâu. Anh nhớ đến ngôi nhà của mình với những bức tường phủ kín tử la lan, nơi hầu như mới bảy giờ

chiều qua, cha anh mặc bộ pigiama lụa đang ngồi đọc báo trong không khí mát mẻ ngoài sân hiên.

Anh nhớ mẹ mình, người không biết đang ở đâu vào bất cứ giờ nào. Mẹ anh vốn là người ăn khỏe và lắm lời, với bộ váy áo diện ngày chủ nhật và bông hồng gài trên mang tai, bà chịu cái nóng bức do váy áo may bằng thứ vải dày lóng lánh gây nên. Một buổi chiều nọ, khi anh mới bảy tuổi đầu, bỗng dưng bước vào phòng bà và ngỡ ngàng thấy bà khỏa thân nằm trên giường cùng với một trong số những tình nhân ngẫu hứng của bà. Vụ việc chướng tai gai mắt ấy, cái vụ việc mà không bao giờ anh và mẹ anh nói đến, đã tạo nên một quan hệ đồng lõa còn hữu ích hơn cả tình yêu. Tuy nhiên, anh không có ý thức về điều đó, cũng như về biết bao sự việc khủng khiếp; về nỗi đơn côi của anh: một đứa con duy nhất cho đến cái đêm anh nằm một mình trong một căn phòng sát tầng thượng thê lương tại một khách sạn Pari, trằn trọc hoài trên giường mà không ngủ được, không có một ai để mà kể cho họ nghe về nỗi bất hạnh của mình với một cơn giận dữ chính bản thân mình vì không ghìm nổi nỗi khát khao được khóc.

Đó là một đêm mất ngủ mà có ích. Ngày thứ sáu, anh thức dậy người phờ phạc vì mất ngủ nhưng đã sẵn sàng tự định đoạt lấy đời mình. Cuối cùng anh quyết định phá khóa chiếc va li của mình để lấy quần áo ra thay, bởi vì chìa khóa của tất cả va li đều ở trong túi xách của Nêna Dacôntê, hơn nữa trong túi xách ấy còn có phần lớn số tiền mang theo và cả cuốn sổ ghi số điện thoại mà biết đâu anh chẳng tìm thấy số điện thoại của một người quen nào đó đang sống ở Pari. Ở quán cà phê thường lui tới, anh nhận ra mình đã học cách chào hỏi bằng tiếng Pháp và cách gọi món bánh xăngđuych kẹp giăm bông và món cà phê sữa. Anh cũng biết rằng không bao giờ mình có thể

gọi nổi món bơ và trứng luộc được, bởi vì chưa bao giờ anh học đồ nổi, nhưng bơ luôn đi kèm với bánh còn trứng luộc ở ngay trên bàn trước mắt mà lại cứ việc lấy chẳng phải xin. Ngoài ra, vừa được ba ngày, nhân viên phục vụ đã thân quen với anh giúp anh điều anh cần nói. Vậy là, vào bữa cơm trưa ngày thứ sáu, trong lúc cố sắp đặt thứ tự công việc ở trong đầu, anh gọi một đùi cừu với khoai tây rán và một chai rượu. Lúc đó anh thấy rất vui đến mức anh gọi thêm một chai nữa, uống hết nửa chai rồi vượt qua đường với quyết định chắc chắn rằng mình sẽ bằng sức mạnh mà bước vào bệnh viện. Anh không biết tìm gặp Nêna Đacôntê ở đâu, nhưng trong đầu anh đang hiện rõ nhòn một hình ảnh viên bác sĩ người châu Á và anh chắc tin rằng mình sẽ gặp được ông ta. Anh không vào cửa chính của bệnh viện mà lạc vào cửa phòng cấp cứu mà lúc đó anh có cảm giác nó ít được canh giữ cẩn thận, nhưng anh không đi xa hơn hành lang nơi Nêna Đacôntê đã chỉ tay ra vẫy chào tạm biệt anh. Một người gác cửa mặc chiếc áo blu trắng vấy vết máu đã cất giọng hỏi anh điều gì đó khi anh đi qua. Nhưng anh cứ phớt lờ. Người gác cửa liền đi theo anh, liên tục nhắc lại vài câu hỏi bằng tiếng Pháp và cuối cùng, ông ta cầm chắc lấy cánh tay anh buộc anh phải đứng khựng lại. Với vẻ mặt điên khùng, Bidi Sangchêt định dụ ngã ông ta và thế là người gác cửa liền vùng vục bằng tiếng Pháp và bẻ ngặt cả hai khuỷu hai cánh tay anh khóa lại bằng một chiếc khóa kim loại. Miệng vẫn liên tục chửi đổng bằng tiếng Pháp, tay lôi Bidi Sangchêt quẹo mạch ra cửa rồi người gác cửa nem anh ra giữa đường cái như một tải khoai tây.

Buổi chiều ấy, được một bài học đau đớn, Bidi Sangchêt bắt đầu trở thành người lớn. Như Nêna Đacôntê đã tạo ra anh, anh quyết định phải mời đến ngài đại sứ. Người gác cổng bệnh viện, một người có diện mạo cau có khó gần nhưng lại rất tận tụy,

hơn nữa lại có đức tính kiên nhẫn trước bất cứ thứ ngôn ngữ lạ nào, đã tìm được số điện thoại và địa chỉ sứ quán Côlômbia trong cuốn danh bạ điện thoại, và ông ta đã cẩn thận ghi lại trên một tấm thiếp. Một người phụ nữ trả lời anh qua điện thoại vẻ rất đáng yêu. Qua giọng nói điềm tĩnh và không có vẻ hồ hởi, Bidi Sängchêt nhận ra ngay cách nói của người vùng núi Anđêt. Anh bắt đầu xưng tên họ mình đầy đủ mà tin chắc rằng cái họ kép của mình sẽ làm cho bà ta cảm kích nhưng giọng nói của bà ta vẫn không hề lúng túng qua ống nói điện thoại. Anh nghe bà giải thích làu làu cái bài học thuộc lòng rằng ngài đại sứ hiện nay đang đi vắng và chẳng nên đợi ngài đến ngày hôm sau, nhưng dù sao đi nữa ngài không thể tiếp anh mà không có lời hẹn trước và chỉ tiếp trong trường hợp đặc biệt. Bidi Sängchêt liền hiểu ngay rằng bằng con đường ấy cũng chẳng thể nào đến với Nêna Đacôntê và bằng chính sự thân mật mà người nói ở đầu dây bên kia đã trao cho mình, anh đã cảm ơn bà ta cung cấp thông tin. Sau đó anh gọi tắc xi và đích thân đến tòa đại sứ nước nhà ở Pari.

Tòa đại sứ ở số hai mươi hai phố Eliseo, trong một trong những khu vực yên tĩnh dễ chịu nhất ở Pari, nhưng điều duy nhất đã làm cho Bidi Sängchêt cảm động, theo như chính lời anh kể cho tôi nghe rất nhiều năm sau này ở Cartahéna đê Kindiat, là lần đầu tiên kể từ hôm anh tới Pari, mặt trời rất chi sáng tỏ y như ở Caribê và rằng tháp Epphen vượt lên trên thành phố dáng vẻ ngao nghễ trong một bầu trời rạng rỡ. Quan chức thay mặt ngài đại sứ tiếp anh có vẻ vừa được bình phục sau một trận ốm thập tử nhất sinh, điều đó không chỉ biểu lộ ở bộ vét dạ đen, ở cổ cồn và chiếc cà vạt màu tang tóc mà còn ở sự cẩn trọng trong các cử chỉ và sự ngọt ngào trong giọng nói của ông ta. Ông ta hiểu nỗi khao khát cháy lòng của Bidi

Sängchêt, nhưng nhắc nhở anh bằng chính giọng ngọt ngào ấy rằng chúng ta đang ở trong một nước văn minh mà các quy chuẩn chặt chẽ của họ được xây dựng trên những quan niệm uyên bác và cổ kính nhất, ngược lại với châu Mỹ man mọi, nơi chỉ cần hối lộ người gác cổng là có thể vào được bệnh viện. "Không thể như thế được đâu, anh bạn trẻ thân mến của tôi ạ!" Không còn cách nào hơn là phải tắm mình trong bầu không khí duy lí khắc nghiệt và hãy đợi cho đến ngày thứ ba tới.

- Dù thế nào đi nữa, chỉ còn đợi bốn ngày nữa thôi. Ông ta kết thúc. - Trong lúc đợi, anh hãy đi tham quan bảo tàng Luvrơ. Đúng thế, hãy làm đi.

Vào lúc đi ra, Bidi Sängchêt thấy mình không biết làm gì ở quảng trường Concordia. Anh nhìn tháp Epphen nổi lên trên các mái nhà và cảm thấy nó rất gần đến độ anh định bụng đi bộ men theo đường tàu để đến tận tháp. Nhưng ngay lập tức anh nhận ra nó ở xa hơn nhiều so với điều anh tưởng, ngoài ra trong lúc đi tìm tháp thì hướng đi đã thay đổi nhiều. Vậy là anh lại nghĩ tới Nêna Dacêntê trong lúc ngồi trên chiếc ghế băng bên bờ sông Sen. Anh nhìn những chiếc tàu kéo đi ở dưới cầu mà cảm thấy chúng không phải là tàu mà đúng hơn là những ngôi nhà lang thang di động, những ngôi nhà với mái lợp màu sắc sơ, với những giỏ hoa treo bên cửa sổ, với những dây phơi căng ra để phơi quần áo trên các con tàu. Trong lúc lâu, anh tò mò ngắm nhìn một người câu cá ngồi im phăng phắc với một chiếc cần câu bất động và chiếc dây câu bất động trên dòng nước chảy và anh nhìn mãi đến phát mệt để xem có gì xảy ra không cho đến khi trời tối, rồi gọi tắc xi về khách sạn. Chỉ đến lúc này anh mới nhận ra mình đã không biết tên và địa chỉ khách sạn, và hầu như anh không hề có ý niệm về cái vùng Pari, nơi anh đang cư ngụ.

Lòng đầy hoảng loạn, anh bước vào tiệm cà phê gặp đầu tiên, gọi một chai cô nhắc và cố suy nghĩ một cách bình tĩnh. Trong lúc suy nghĩ, nhiều lần anh thấy mình xuất hiện một cách lặp đi lặp lại và từ những góc độ khác nhau trên vô khối những tấm gương treo trên các bức tường. Anh cảm thấy mình bàng hoàng và cô đơn, và lần đầu tiên trong đời kể từ khi sinh ra anh đã nghĩ về tính có thật của cái chết. Nhưng uống đến cốc rượu thứ hai, anh cảm thấy khoan khoái hơn, dễ chịu hơn và anh có ý nghĩ thiếng hêng là nên quay trở lại sứ quán nước nhà. Anh lục tìm tấm danh thiếp trong túi xách để nhớ ra tên đường phố và anh đã phát hiện ra ở mặt sau có ghi tên và địa chỉ khách sạn. Anh hết sức bàng hoàng trước kinh nghiệm ấy đến độ trong suốt những ngày cuối tuần anh chỉ ra khỏi phòng ở để an và đổi chỗ chiếc xe sang phía đường phù hợp mà thôi. Trong suốt ba ngày liên tục trời mưa dầm dề và đường xá lầy lội y như cơn mưa buổi sáng hôm vợ chồng họ đến đây, Bidi Sangchết, vốn không bao giờ đọc trọn một cuốn sách, đã ao ước muốn có một cuốn để đọc cho đỡ buồn, vì cứ phải nằm khàn trên giường, nhưng những cuốn sách mà anh tìm thấy lại là những sách viết bằng những ngôn ngữ khác hẳn tiếng Tây Ban Nha. Thế là anh đành lòng phải đợi cho đến ngày thứ ba bằng cách cứ ngắm đi ngắm lại những con công trong giấy treo trên tường và không một phút giây nào mà không nghĩ đến Nêna Đacôntê. Ngày thứ hai anh sắp xếp lại căn phòng cho gọn gàng đôi chút mà cứ nghĩ đến điều cô sẽ nói nếu thấy anh trong hoàn cảnh lộm thộm này, và chỉ lúc này thôi anh mới phát hiện ra chiếc áo khoác lông báo bê bết vết máu khô. Cả buổi chiều hôm đó anh dành để giặt sạch chiếc áo bằng xà phòng thơm tìm thấy trong túi xách tay cho đến khi lại sạch bong y như hôi người ta đưa nó lên máy bay cho cô ở sân bay Madrit.

Ngày thứ ba trời sáng, gió mạnh và giá lạnh, nhưng không mưa dầm. Bidi Sângchêt thức dậy từ lúc sáu giờ và đứng đợi ở cổng bệnh viện cùng với một đám đông người nhà bệnh nhân mang theo nào hoa và quà tặng. Anh cùng với đám đông ùa vào bệnh viện khi cổng mở, tay khoác chiếc áo khoác lông báo không hề hỏi han và cũng không hề mảy may ý thức được nơi nào sẽ là nơi anh gặp được Nêna Dacôntê. Nhưng lòng vẫn đinh ninh, tin rằng mình sẽ tìm được viên bác sĩ người châu A. Anh đi qua cái sân trong rất rộng rãi với vườn hoa và chim chóc, và ở hai phía sân là hai dãy buồng bệnh: bệnh nhân nữ ở dãy phải, bệnh nhân nam ở dãy trái. Theo sau những người đi tham, anh bước vào buồng bệnh nữ. Anh nhìn thấy một dãy dài các nữ bệnh nhân mặc váy áo bệnh viện ngồi trên giường, được chiếu sáng nhờ những ngọn đèn lớn mắc ở cửa sổ. Điều đó gây ấn tượng mạnh cho anh đến độ anh nghĩ rằng tất cả cái cảnh tượng này còn vui hơn cả điều từ bên ngoài có thể nghĩ tới. Anh đã đi tới tận cùng hành lang, sau đó lại đi trở lại cho đến khi nhận ra rằng không một bệnh nhân nào là Nêna Dacôntê của anh. Sau đó, anh lại đi trở lại một lần nữa hành lang bên buồng bệnh nam cho đến khi anh tin chắc mình đã nhận ra được viên bác sĩ người châu Á mà mấy ngày nay anh để ý kiếm tìm.

Quả nhiên là ông ta. Cùng với vài bác sĩ và các y tá, ông ta đang khám bệnh cho một người bệnh. Bidi Sângchêt bước vào phòng bệnh nhân, đẩy một y tá sang một bên rồi lừng lững đứng ngay trước mặt viên bác sĩ người châu Á vốn lúc ấy đang khom lưng nghiêng người xuống người ốm. Anh cất tiếng gọi ông ta. Viên bác sĩ ngẩng đầu lên nhìn anh bằng đôi mắt ủ dột, nghĩ một lát và nhận ra anh.

- Nhưng mà, cậu đã chui rúc vào xó xỉnh nào vậy hả? - Ông ta hỏi.

Bidi Sangchêt đâm lúng túng:

- Ở khách sạn.- Anh nói. - Ở ngay đây, ở phía sau đây.

Thế là anh đã biết rõ. Nêna Dacôntê mất lúc bảy giờ mười phút tối ngày thứ năm mồng chín tháng Giêng, sau bảy mươi giờ phấn đấu vô ích của các nhà chuyên môn có tay nghề nhất của nước Pháp. Cho đến phút cuối cùng, Nêna Dacôntê vẫn bình thản và sáng suốt, bảo người ta đi tìm chồng mình ở khách sạn Quảng trường Aten, nơi bọn họ đã đặt sẵn một phòng và cho các tư liệu để bệnh viện liên hệ với cha mẹ cô. Sứ quán nước nhà nhận được tin như một bức điện khẩn của Ngoại trưởng khi cha mẹ Nêna Dacôntê đang bay đến Pari. Ngài đại sứ đích thân lo việc ướp hương thi thể và tang lễ, đồng thời thường xuyên liên lạc với sở cảnh sát Pari để tìm Bidi Sangchêt. Một lời nhắn gọi khẩn cấp kèm theo tiểu sử của anh đã được truyền đi trên sóng phát thanh và truyền hình ngay từ đêm thứ sáu cho đến tận ngày chủ nhật và thế là Bidi Sangchêt liền trở thành người được tìm kiếm nhiều nhất ở nước Pháp trong bốn mươi giờ. Bức ảnh của anh, vốn tìm thấy trong túi xách của Nêna Dacôntê, được chưng ra ở mọi nơi. Ba chiếc xe Bentley cùng một kiểu dáng đã bị đưa về đồn kiểm tra nhưng không một chiếc nào là của anh.

Cha mẹ Nêna Dacôntê đến Pari vào trưa ngày thứ bảy, và họ túc trực bên thi hài cô quản trong tiểu giáo đường của bệnh viện và đợi cho đến giờ cuối cùng gặp kỳ được Bidi Sangchêt. Cha mẹ của Bidi Sangchêt cũng được báo tin và họ sẵn sàng bay đi Pari nhưng cuối cùng họ đã từ bỏ ý định vì sợ sự nhầm lẫn của bức điện tín. Vào lúc hai giờ chiều ngày chủ nhật đám tang được cử hành ở nơi chỉ cách hai trăm mét căn phòng một khách sạn nơi Bidi Sangchêt đang chết lặng trong nỗi đơn côi vì tình yêu của Nêna Dacôntê. Quan chức ngoại giao tiếp anh

tại sứ quan nước nhà nói với tôi nhiều năm sau rằng chính ông ta đã nhận bức điện của ngài Ngoại trưởng một giờ sau khi Bidi Sangchêt ra khỏi văn phòng của ông ta và ông ta đã lạn lội dò la tìm kiếm anh ở các quán rượu trong khách sạn Phôbuôc. Ông thú nhận với tôi rằng ông không mảy để ý đến anh khi ngồi tiếp, bởi vì không bao giờ ông ta nghĩ rằng cái anh chàng người vùng biển đang hoang mang trước những thứ tân kỳ của Pari, mặc chiếc áo blu - dông lông cừu thảm hại kia lại mang theo mình một nguồn gốc hết sức danh giá. Buổi tối cũng chính hôm chủ nhật đó, cha mẹ Nêna Dacônté từ bỏ việc tìm kiếm Bidi Sangchêt và họ mang thi hài được ướp hương của cô đát trong một cỗ áo quan bằng kim loại, và những ai kịp nhìn thấy đều nhắc đi nhắc lại rằng họ chưa từng thấy người con gái nào đẹp hơn kể cả sống lẫn chết rồi. Vậy là buổi sáng ngày thứ ba khi Bidi Sangchêt đã đặt chân được vào bệnh viện, thì lễ an táng cho Nêna Dacônté đã kết thúc tại nhà mộ ở nghĩa trang La Mauga, rất gần ngôi nhà bọn họ cùng nhau hiểu được những bông cầm chướng đầu tiên của niềm hạnh phúc. Viên bác sĩ người châu Á đã đặt Bidi Sangchêt vào đúng dòng chảy của nỗi bất hạnh muốn cho anh uống mấy viên thuốc an thần ở phòng khách bệnh viện nhưng anh đã từ chối. Anh ra về mà không nói lời từ biệt, cũng chẳng cảm ơn gì hết, mà nghĩ rằng điều duy nhất anh cần lúc này là gặp được ngay ai đó để đập bể sọ cho hà cơn gian. Khi ra khỏi bệnh viện, Bidi Sangchêt cũng không hề biết rằng từ trên trời cao đang rơi một cơn mưa tuyết không có vết máu, mà những bông hoa tuyết của nó vừa mềm mại vừa ấm áp tựa như lông chim bồ câu, và rằng trên các đường phố Pari, đã có không khí lễ hội vì trong mười năm nay đây là trận mưa tuyết lớn nhất...

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch

BUỔI CHIỀU TUYỆT VỜI CỦA BANTAXA

GABRIEN MARQUER
(NOBEL 1982)

Cái lồng đã xong, Bantaxa treo nó lên ngoài mái hiên bằng một động tác như máy, và khi ăn trưa xong, khắp nơi đã xôn xao đồn rằng đó là cái lồng đẹp nhất trần đời. Người kéo đến xem nhiều đến nỗi trước cửa nhà cứ ồn lên như cái chợ. Thành thử Bantaxa phải nhấc tác phẩm của mình xuống và đóng cửa xưởng mộc. - Mình nên cạo râu đi, Uaxula, vợ anh bảo. -Trông mình giống như ông tu sĩ dòng thánh Phrăngxoa ấy

- Ăn xong cạo râu ngay không tốt... - Bantaxa đáp.

Không kể bộ râu hai tuần lễ và mái tóc ngắn, cứng như rễ tre, anh có vẻ như một cậu bé sợ sệt. Nhưng đó là bề ngoài không đúng với sự thật. Anh vừa mừng sinh nhật lần thứ ba mươi hồi tháng hai, anh đã chung sống với Uaxula từ bốn năm nay, tự do thoải mái, không có con, cuộc đời đem đến cho anh nhiều lý do, cảnh giác đề phòng, nhưng không phải để sợ hãi. Thậm chí anh không biết một số người cho rằng chiếc lồng anh vừa làm xong là đẹp nhất trần đời. Đối với anh, vốn quen làm thứ đồ này từ dạo bé, đây chỉ là một công việc khó khăn hơn những lần khác, thế thôi

- Vậy thì mình đi nghỉ đi một lát, - vợ anh nói. - Với bộ râu này, mình không thể đi đâu được đâu.

Đã nằm trên võng để ngủ trưa, anh vẫn phải dậy nhiều lần để chỉ cho những người hàng xóm xem chiếc lồng. Cho đến lúc này, Uaxula vẫn chưa nhòm ngó tới nó. Chị không hằng lòng

thấy chồng sao lãng công việc xưởng mộc để dốc tâm lực vào cái lồng. Suốt hai tuần lễ, anh kém ngủ, hay giật mình, nói mê lảm nhảm và thậm chí không nghĩ đến chuyện cạo râu. Nhưng chị quên đi nỗi bất bình của mình khi lồng đã hoàn thành.

Lúc Bantaxa dậy, chị đã là xong cho anh chiếc quần và chiếc sơ mi đặt trên ghế tựa cạnh võng; chị cũng đã mang cái lồng sang bàn ở phòng ăn. Chị lặng lẽ ngắm nó:

- Mình định bán bao nhiêu?

- Anh chưa biết, - Bantaxa đáp. - Anh tính đòi ba mươi pêxô xem họ có trả hai mươi không.

- Hay đòi năm mươi pêxô. Mười lăm ngày qua, mình đã làm việc rất khuya. Với lại cái lồng to thế kia mà. Em nghĩ đó là cái lồng to nhất em chưa từng thấy trong đời.

Bantaxa bắt đầu cạo râu.

- Em cho rằng người ta có thể trả anh năm mươi pêxô

- Đối với ông Chêpe Notiten, đó là chuyện vặt. Mà cái lồng cũng đáng giá ấy. Anh nên đòi sáu mươi pêxô

Ngôi nhà nằm trong một vùng tranh tối tranh sáng ngột ngạt. Đây là tuần đầu tháng tư và tiếng ve ran chói tai khiến cho cái nóng càng khó chịu. Mặc đồ chỉnh tề vào, Bantaxa mở cửa sân để lấy chút hơi mát và lập tức một đám trẻ con ùa vào phòng ăn.

Tin đã lan rộng. Bác sĩ Octavio Girandô, một ông thầy thuốc già sung sướng còn được sống, nhưng mỏi mệt với nghề chẩn bệnh, vừa ăn sáng với bà vợ bị liệt, vừa nghĩ đến cái lồng. Trên sân hiên trong nhà, nơi họ bày bàn ăn vào những ngày nóng nực, la liệt những chậu hoa và hai chiếc lồng chim bạch yến.

Bà vợ yêu chim đến mức đâm ghét lũ mèo có thể ăn gói chung. Dẫu vẫn nghĩ đến cái lồng, bác sĩ Girando chiều hôm ấy đến thăm một người bệnh và trên đường về, ghé vào nhà Bantxata xem. Phòng ăn đầy người. Bày giữa bàn là chiếc lồng mái vòm đồ sộ bằng dây sắt, ba tầng, nhiều hành lang và khoang ngăn đặc biệt làm chỗ ngủ, chỗ ăn, lại có cả những chiếc đu cho chim giải trí, nom giống như một nhà máy gương thu nhỏ. Ông bác sĩ xem xét kỹ từng chi tiết, không sờ tay vào, và nghĩ rằng quả thật chiếc lồng này vượt xa danh tiếng của chính ông: nó đẹp hơn nhiều so với mức ông mơ ước cho vợ mình.

- Thật là một kiệt tác của trí tưởng tượng . - ông nói.

Ông tìm Bantaxa trong đám người và nói thêm với một cái nhìn âu yếm như tình mẹ.

- Lẽ ra anh có thể là một kiến trúc sư phi thường.

- Cảm ơn, - Bantaxa nói, mặt đỏ dừ.

- Đó là sự thật.

Ông thầy thuốc béo tròn, mượt mà và nhẵn nhụi như một người đàn bà đã từng đẹp hồi còn trẻ. Hai bàn tay ông thanh tú, giọng ông giống như giọng một mục sư nói tiếng La Tinh.

- Thậm chí cũng chả cần bỏ chim vào trong nữa kia. - ông nói thêm, đồng thời xoay xoay cái lồng dưới mắt đám người đến xem, như thể ông đang rao bán nó. Chỉ việc treo nó giữa lùm cây là tự nó sẽ hót thôi.

Ông đặt lại nó trên bàn, ngẫm nghĩ một lúc, rồi lại ngắm nghía và nói:

- Thôi được, ta lấy đấy.

- Nhà cháu bán rồi ạ. - Uaxula nói.

- Dành cho con trai ông Chêpe Motiten ạ. - Bantaxa nói. - Một đơn đặt hàng đặc biệt.

Ông thầy thuốc làm vẻ quan trọng.

- Nó đưa mẫu cho anh à?

- Không. Nó bảo cháu, nó muốn có một cái lồng to để nhốt đôi chim tước.

Ông thầy thuốc nhìn cái lồng.

- Nhưng cái này đâu phải để nuôi chim tước.

- Chắc chắn là có chứ ạ. - Bantaxa vừa nói vừa tiến lại gần bàn.

Đám trẻ con vây lấy anh

- Kích thước đo đúng cả, - anh nói và chỉ vào các khoang ngăn bằng ngón tay trỏ. Rồi lấy khớp ngón gõ vào vòm mái, và cái lồng đầy ắp những hòa thanh trầm.

- Đấy là loại dây sắt bền nhất có thể tìm thấy và mỗi dong đều được hàn cả bên trong lẫn bên ngoài, anh nói.

- Có thể nuôi được cả vẹt đấy, - một đứa bé xen vào.

- Đúng thế, - Bantaxa nói.

Ông thầy thuốc lắc đầu.

- Phải, nhưng nó đâu có đưa mẫu. Nó không yêu cầu anh cái gì cụ thể, ngoại trừ một điểm là cái lồng đủ to cho chim tước ở, phải thế không?

- Thưa phải, - Bantaxa nói.

- Vậy thì chả có vấn đề gì hết, - ông thầy thuốc nói. - Một cái lồng to cho chim tước là một chuyện và cái lồng cụ thể này lại là chuyện khác. Chẳng có gì chứng tỏ đây là cái lồng nó đã đặt anh.

- Chính cái này đây, - Bantaxa khẳng định, vẻ phật ý. - Chính vì lý do ấy mà cháu đã hoàn thành nó.

Ông thầy thuốc khoát tay ra ý sốt ruột

- Mình có thể làm một cái khác, - Uaxala nhìn chồng nói. Rồi quay sang bác sĩ.

- Bác không phải vội.

- Tôi đã hứa với nhà tôi là chiều nay sẽ có, - ông thầy thuốc nói.

- Cháu rất lấy làm tiếc, thưa bác sĩ, - Bantaxa nói. - Nhưng người ta không thể bán một vật đã được bán.

Ông thầy thuốc nhún vai. Ông lấy khăn tay thấm mồ hôi ở cổ, lặng lẽ ngắm cái lồng, không nhích mắt khỏi một điểm mơ hồ, như kiểu một người nhìn theo con tàu xa bến.

- Họ trả anh bao nhiêu?

Bantaxa không trả lời, đưa mắt tìm Uaxula.

- Sáu mươi pêxô - chị nói.

Ông thầy thuốc vẫn nhìn cái lồng.

- Nó rất đẹp, - ông thở dài. - Đẹp cực kỳ.

Rồi ông đi ra cửa, quạt phành phạch, mỉm cười và kỷ niệm về đoạn này vĩnh viễn biến khỏi tâm trí ông.

- Môngtien giàu lắm.

Thực ra Giôxe Môngtien không giàu như người ta tưởng, nhưng y có thể làm tất cả mọi cái để trở nên giàu như thế. Cách đó mấy vỉa hè, trong một ngôi nhà lên đủ các thứ đô, ở đó người ta không bao giờ thở hít một mùi gì không thương mại hóa, y dửng dưng với cái sự kiện mới mẻ quanh chiếc lồng. Vợ y, bị hành hạ bởi ý nghĩ cố định về cái chết, đã cho đóng tất cả cửa lớn, cửa sổ sau bữa ăn sáng và nằm dài suốt hai tiếng đồng hồ trong căn phòng tranh tối tranh sáng, mắt mở trừng trừng, trong khi Giôxê Môngtien đánh giấc ngủ trưa ngon lành. Cho nên tiếng xôn xao làm mụ ngạc nhiên. Mụ bèn mở cửa, trông thấy đám đông hốn độn trước nhà, đứng giữa là Bantaxa xách cái lồng, râu ria cạo nhẵn nhui, quần áo trắng bốp, phô cái vẻ thật thà tuyệt vời của những người nghèo khi bước chân qua cửa nhà giàu.

- Ôi, kỳ diệu làm sao! - Vợ Giôxê Môngtien kêu lên, mặt rạng rỡ, kéo Bantaxa vào trong nhà. - Tôi chưa từng thấy cái gì tương tự như thế.

Rồi, bất bình với đám người xúm lại trước cửa, mụ nói thêm:

- Mang nó vào đây nhanh lên. Kẻo họ biến nhà tôi thành cái chợ bây giờ.

Bantaxa không phải là khách lạ ở nhà Giôxe Môngtien. Họ biết rõ tính hiệu quả và tính chính xác của anh, nhiều lần họ đã gọi anh đến giao cho một số việc nghề mộc. Nhưng chưa bao giờ anh cảm thấy thoải mái khi ở trong nhà những người giàu. Anh thường hay nghĩ đến họ, đến những mu vợ xấu xí, nhếch nhác của họ với những phẫu thuật thẩm mỹ gớm ghiếc ở mỹ viện và bao giờ anh cũng cảm thấy thương hại. Khi vào nhà họ, anh không thể nào kéo lết chân.

- Pêpê có nhà không? - Anh hỏi.

Anh đã đặt chiếc lồng lớn chiếc bàn phòng ăn.

- Nó đi học, - vợ Giôxê Môngtien trả lời. - Nhưng chắc cũng sắp về. Và mụ nói thêm:

- Môngtien đang tắm.

Thực ra, Giôxê Môngtien chẳng có thì giờ để tắm. Y lấy cồn lọng não xoa vội để ra nghe ngóng tin tức. Đó là một con người thận trọng đến mức ngủ không mở quạt máy để có thể lắng nghe tiếng động trong nhà ngay cả trong giấc ngủ.

- Ông ra mà xem cái kỳ quan này! - Vợ y kêu lên.

Cái thân hình mập mạp và lông lá của Giôxê Môngtien với chiếc khăn tắm trên cổ, ló ra ở cửa sổ phòng ngủ.

- Cái gì đấy?

- Cái lồng của Pêpê. - Bantaxa nói. Mụ vợ nhìn anh bối rối.

- Của ai?

- Của Pêpê - Bantaxa nhắn thêm. Rồi quay về phía Giôxê Môngtien:

- Pêpê đặt tôi làm. Lúc bấy giờ, chẳng có gì xảy ra, nhưng Bantaxa có cảm giác như người ta đã mở cửa phòng vệ sinh. Giôxê Môngtien mặc quần ngủ bước ra khỏi phòng ngủ.

- Pêpê, - y gọi lớn.

- Nó chưa về, - mụ vợ thầm thì, không đồng đậy.

Pêpê xuất hiện ở khung cửa. Nó trạc mười hai tuổi: cung hàng mi cong, cũng cái vẻ lâm ly lạng lẽ như mẹ nó.

- Lại đây, - Giôxê Môngtien bảo nó. - Mày đặt làm cái này hử?

Thằng bé cúi đầu. Giôxê Môngtien nắm tóc nó, bắt nhìn thẳng vào mắt mình.

- Trả lời đi.

Thằng bé cắn môi không nói một tiếng.

- Môngtien, - mụ vợ thầm thì.

Giôxê Môngtien buông thằng bé và quay về phía Bantaxa, vẻ phấn khích.

- Rất tiếc, Bantaxa. Nhưng nhẽ ra anh phải hỏi ta trước khi bắt tay vào làm. Chỉ có anh mới đi nhận cam kết với một đứa con nít.

Trong khi nói, mặt y trở lại bình thản. Y cầm chiếc lồng, không buồn nhìn, đưa cho Bantaxa.

- Thôi, mang về đi và cố mà bán cho ai đồng ý mua. Và nhất là ta xin anh, đừng có cãi vã ta.

Y khẽ vỗ vào lưng anh và giải thích:

- Thầy thuốc đã cấm ta tuyệt đối không được nổi cáu.

Đứa bé vẫn đứng im, mặt lạnh băng. Nhưng khi Bantaxa nhìn nó, phản vân, cái lồng trong tay, thì nó ầm ừ trong họng một tiếng giống như tiếng chó gừ và gieo mình xuống đất gào

khóc. Giôxê Môngtien nhìn nó, không phản ứng gì, trong khi mụ vợ cố gắng dỗ nó nín đi.

- Mặc kệ nó, - y nói. - Cho nó đập đầu xuống đất, rồi bà lấy chanh, muối xát vào cho nó kêu thòa thích.

Đứa bé khóc không nước mắt, trong khi mẹ nó nắm lấy cổ tay nó.

- Mặc nó, - Giôxê Môngtien nhắc thêm.

Bantaxa ngắm đứa bé như thể đang chứng kiến sự hấp hối của một con vật truyền nhiễm. Đã gần bốn giờ chiều.

Vào lúc này, ở nhà, Uaxula đang vừa thái hành vừa khẽ hát một bài hát cổ.

- Pêpê, - Bantaxa nói.

Anh mỉm cười tiến lại gần đứa bé và đưa cho nó cái lông. Thằng bé chôm đứng dậy, vớ lấy cái lông cao gần bằng nó, và nhìn Bantaxa qua những nan sát, chẳng biết nói gì. Nó không nhỏ một giọt nước mắt.

- Bantaxa, - Môngtien khẽ nói, - ta đã bảo anh mang nó về mà.

- Trả nó cho anh ta, - mụ vợ ra lệnh cho thằng bé.

- Em cứ giữ lấy, - Bantaxa nói.

Rồi quay sang Giôxê Môngtien:

- Dù sao, tôi làm cái lông này chính là vì nó.

Giôxê Môngtien theo anh ra tận phòng khách.

- Đừng có ngớ ngẩn, Bantaxa, - y vừa nói vừa chặn đường anh. - Mang cái đồ tầm tầm ấy về nhà và chấm dứt những trò dấm dớ của anh đi. Ta không trả anh xu nào đâu.

- Chẳng sao cả, - Bantaxa nói. - Tôi đã làm lồng cốt là để làm qùa cho Pêpê. Tôi không đòi lấy gì của ông đâu.

Khi Bantaxa lách lối ra giữa đám người hiếu kỳ đứng chắn ở cửa nhà thì Giôxê Môngtien đang gầm thét ở trong phòng. Mặt y tai nhợt, mắt vằn đỏ.

- Đồ ngu! - Y quát. - Mang cái của nợ của mày đi. Chỉ còn thiếu nước một kẻ xa lạ đến làm trời làm đất ở nhà ta nữa thôi. Cút!

Ở câu lạc bộ bia, Bantaxa được đón chào bằng những tràng vỗ tay như sấm. Chính giữa lúc này, anh vẫn chỉ nghĩ rằng anh đã làm một cái lông đẹp nhất, rằng anh phải đem nó làm quà cho con trai Giôxê Môngtien để nó đừng khóc nữa, và chẳng việc gì anh phải làm rộn lên.

Nhưng sau đó, anh nhận ra rằng chuyện này cũng có tầm quan trọng nào đó đối với nhiều người và anh cảm thấy hơi phấn khích.

- Vậy là lão ta đã trả cậu năm mươi pêxô cái lông.

- Sáu mươi chứ! - Bantaxa cải chính.

- Phải đánh dấu ngày hôm nay bằng một chữ thập trắng - một người nói. - Cậu là người duy nhất moi được ngần ấy tiền của Chêpe Môngtien. Phải uống mừng thôi!

Họ mời Bantaxa một cốc bia và anh mời lại tất cả một chầu. Vì đây là lần đầu tiên anh uống nên khi đêm xuống, anh đã say mèm và ba hoa về một dự án làm cả ngàn cái lông, mỗi cái sáu mươi pêxô, rồi sau đó một triệu cái để có đủ sáu mươi triệu pêxô.

- Phải làm rất nhiều thứ để bán cho bọn nhà giàu trước khi chúng chết, - anh nói, say đến độ mù quáng. - Bọn chúng đều bị bệnh hết tất cả và sắp tọi đến nơi rồi. Chúng sẽ lẫn cẫn đến nỗi không thể nổi cau được nữa.

Trong suốt hai giờ đó, máy hát tự động cứ chạy không ngừng, hết bao nhiêu, Bantaxa trả. Tất cả chạm cốc chúc sức

khỏe Bantaxa, chúc anh may mắn và phát tài phát lộc, chúc cho bọn nhà giàu chết sạch. Nhưng đến giờ ăn tối, họ bỏ anh lại một mình trong phòng.

Uaxula đợi anh cho đến tám giờ tối với một món thịt rán phủ những lát hành tây. Có người báo cho chị biết chồng chị đang ở câu lạc bộ bia, đang sướng điên mời tất cả mọi người uống bia, nhưng chị chẳng tin mảy may vì xưa nay Bantaxa không bao giờ chè chén say sưa. Khoảng nửa đêm, khi chị đã đi nằm, Bantaxa còn đang ở một phòng khách sáng choang, đầy nhưng bàn nhỏ bốn chỗ, xung quanh là ghế tựa, với một sàn nhảy ngoài trời. Mặt anh bê bết son môi và vì không còn đủ sức đặt chân no trước chân kia, anh nghĩ rằng mình những muốn ngủ với cả hai người đàn bà trên cùng một giường. Anh đã tốn nhiều đến nỗi phải vứt tại cổng hồ làm tin, hẹn sang hôm sau trả nốt. Một lát sau, chồng bọn vớ lên trời ở giữa phố, anh cảm thấy có người lọt giày mình, nhưng anh không muốn ngắt đứt giấc mơ hạnh phúc nhất đời mình. Những phụ nữ đi ngang qua để đến chầu lễ sớm không dám nhìn: tất cả tưởng anh đã chết.

DƯƠNG TƯỜNG dịch

TÔI ĐẾN CHỈ ĐỂ GỌI ĐIỆN THOẠI

GABRIEL GARCIA MÁRQUEZ
(NOBEL 1982)

Một chiều mưa xuân, trong lúc một mình lái chiếc ô tô thuê về thành phố Bacxêlôna, Maria đê la Lut Xecvantet bỗng xe ngay giữa hoang mạc Mênêgrôt. Maria là một cô gái

Mêhicô khoảng hai mươi bảy tuổi, xinh xắn và đoan trang. Mấy năm trước đây cô có một cái tên nghe tựa như nghệ sỹ đa năng. Cô đã lấy một tay cờ bạc, người mà ngày hôm đó cô sẽ đoàn tụ sau chuyến đi thăm người thân ở Xaragôxa về. Sau một giờ ra hiệu cho các xe ô tô tải dừng lại để xin đi nhờ nhưng vô ích vì chúng cứ phóng như bay trong bão tố về phía trước. Giữa lúc đó có một chiếc ô tô nhếch nhác dừng lại và người lái ái ngại cho cô. Ông ta bảo cô rằng xe này không đi xa lắm đâu.

- Không quan trọng, - Maria nói.- Điều duy nhất tôi cần lúc này là một máy điện thoại.

Đúng thế và cô chỉ cần nó để báo trước cho chồng biết rằng cô sẽ về tới nhà trước lúc bảy giờ tối.

Maria mặc chiếc áo khoác học trò và đi đôi giày vận lúc đi biển tháng tư, tất cả đều sũng nước nom cô tựa như một con chim ướt sũng lông. Maria hết sức bồn chồn lo lắng vì thảm họa không mang theo chìa khóa xe ô tô. Một người phụ nữ ngồi cạnh viên tài xế, có vẻ một nữ quân nhân nhưng lại dịu dàng, trao cho cô một chiếc khăn tam, một chiếc khăn choàng vai và nhường cho cô một chỗ ở bên cạnh. Sau khi chờ cho quần áo khô khó đã, Maria ngồi xuống, choàng khăn kín thân người. Cô định châm thuốc hút nhưng bao điếu đã bị ướt rồi. Người phụ nữ ngồi bên cạnh cho cô lửa, và xin cô một điếu thuốc trong số ít ỏi những điếu thuốc không bị ướt. Trong lúc họ hút thuốc, Maria cảm thấy thảnh thơi và giọng cô sang sảng át cả tiếng mưa rơi và tiếng ô tô. Để tay lên môi, người phụ nữ ra hiệu cho Maria không được nói chuyện.

- Họ đang ngủ đấy, - bà ta thầm thào nói.

Maria nhìn qua vai và cô thấy ô tô chở toàn đàn bà, những người đàn bà khác nhau về thân phận và tuổi tác đang ngủ, người được phủ kín nhờ những chiếc khăn choàng y như chiếc

của cô. Vui lây với họ, Maria cuộn mình trên ghế cũng ngủ luôn, không còn biết đến mưa rơi ở bên ngoài. Khi cô choàng thức dậy thì đã là nửa đêm rồi và cơn mưa rào đã tạnh trong hơi lạnh ngất. Cô không mảy may có được một ý niệm hiện giờ đang ở đâu và đã ngủ được bao lâu. Người phụ nữ ngồi cạnh cô lúc nào cũng có một thái độ tỉnh táo.

- Chúng ta hiện ở đâu nhỉ? - Maria hỏi.

- Chúng ta sắp đến nơi rồi. - Bà ta trả lời.

Xe ô tô từ từ bò vào sân một tòa nhà đồ sộ và thâm u tựa như một tu viện ẩn trong một rừng cây cổ thụ. Những người đàn bà dì trên xe, được ngọn đèn pha trong sân soi sáng, đứng yên cho đến khi người đàn bà có tướng quân sự ra lệnh cho họ xuống theo thứ tự, cả y hệt trong một trường mẫu giáo. Bọn họ thấy đều là người lớn, đi lại với vẻ uyển chuyển lạ lùng đến mức tựa như những hình bóng trong một giấc mơ. Maria xuống xe sau cùng, nghĩ rằng bọn họ là những nữ tu sỹ. Khi nhìn thấy mấy phụ nữ mặc đồng phục đón những người đàn bà này tại cửa xe, lấy khăn choàng chùm lên đầu bọn họ để khỏi bị ướt và bằng những tràng vỗ tay nhịp nhàng đanh chắc lùa họ đi mà không cần phải nói nửa lời thì Maria đã nghĩ khác về họ. Sau khi từ biệt người đàn bà ngồi cạnh, Maria muốn trả lại bà ta chiếc khăn choàng nhưng bà ta đã bảo cô rằng hãy trùm khăn lên đầu mà đi qua sân và sẽ trả lại ở cửa cũng được.

- Ở đây có điện thoại chứ? - Maria hỏi.

- Dương nhiên.- Người đàn bà nói. Ở đấy người ta sẽ chỉ cho cô

Người đàn bà lại xin cô điếu thuốc nữa. Và cô đã trao cả số còn lại của gói thuốc ướt. "Dọc đường, thuốc đã khô", cô bảo vậy. Từ trên cửa xe, bà ta vẫy tay từ biệt Maria và gần như gào

lên bà ta chúc cô: "May mắn nhé!". Xe ô tô rồ máy phóng đi không để cho bà ta có thêm thời gian.

Maria bắt đầu chạy ra phía cổng ra vào của tòa nhà. Với tiếng vỗ tay thật mạnh, một nữ gác cổng ra hiệu cho cô dừng lại, nhưng bà ta buộc phải lên tiếng quát to: "Dừng lại!". Maria nhìn ngược lên qua chiếc khăn trùm đầu và cô thấy đôi mắt lạnh như băng và một ngón tay trỏ kiên quyết ra hiệu bắt cô phải nhập hàng. Cô tuân lệnh. Bây giờ đã ở phòng đợi trong tòa nhà, Maria tách ra khỏi hàng và hỏi người gác cửa điện thoại ở đâu. Một nữ gác cổng khác vỗ tay vào mông cô, buộc cô trở về hàng trong lúc nói với cô giọng ngọt hơn đường:

- Người đẹp hỡi, về phía này, phía này mới có máy điện thoại cơ!

Cùng với những người đàn bà khác, Maria đi dọc theo một hành lang rợn gáy và cuối cùng cô bước vào một phòng ngủ tập thể. Tại đây, những phụ nữ phục vụ phòng đang thu lại các tấm khăn phủ giường và phân giường cam cho từng người. Một bà khác hẳn với những bà kia, người mà Maria nhận thấy bà ta nom phúc hậu hơn lại có vẻ bề trên, đang điểm danh các bà các cô mang phù hiệu máy hẳn vào áo cốc trên nó có ghi rõ họ tên. Khi đứng trước Maria, bà ta ngạc nhiên thấy cô không mang phù hiệu.

- Tôi đến cốt để gọi nhờ điện thoại, - Maria nói.

Cô vội vàng giải thích cho bà ta biết rằng xe cô bị hỏng giữa đường. Chồng cô, một trùm trương các cuộc vui, hiện đang ở Bacxêlôna đợi cô về để chơi ba cuộc chơi bạc cho đến tận nửa đêm đã được hẹn, và cô muốn báo cho chồng biết rằng cô sẽ không thể về đúng hẹn để luôn có mặt ở bên cạnh chồng. Sắp bảy giờ rồi và trong khoảng mười phút nữa chồng cô sẽ phải ra khỏi nhà. Cô lo rằng chồng cô sẽ cáy túi chỉ tại cô vô muôn. Người đàn bà ấy ra cái vẻ chăm chú nghe cô kể.

- Tên cô là gì nào? - bà ta hỏi.

Maria nói tên mình với một cú thở dài nhẹ nhõm. Nhưng bà ta vẫn không tìm thấy tên cô trong danh sách sau vài lần đọc kỹ. Bà ta hoảng hốt hỏi một bà phục vụ và bà này, vì không hay biết gì, nên chỉ còn biết nhún vai mà thôi.

- Tôi đến cốt chỉ để gọi nhờ điện thoại thôi,- Maria lên tiếng

- Ta đồng ý, con gái ngoan ạ! - bà ta nói vậy. Bà ta là trưởng trại. Bà ta dẫn Maria đến giường nằm bằng điệu bộ dịu dàng quá ư kiểu cách. - Nếu con ngoan con sẽ được gọi điện thoại cho người con muốn gọi. Nhưng bây giờ chưa nói được. Sáng mai nhé

Vậy là trong tâm trí Maria đã xảy ra một cái gì đó khiến cô hiểu vì sao những người dân bà ngồi trên ô tô lại đi lại vật vờ như ca đang bơi ở đáy bể cá cảnh. thực tình họ bị thuốc ngủ làm cho đờ đẫn đi và cái tòa nhà ẩn dưới rừng cây cổ thụ kia, với tường vôi đây và cầu thang giả bình kia thực tế là một nhà thương cho những ai bị bệnh thần kinh. Vì hoảng hốt, Maria liền bỏ phong ngủ để trốn. Và trước khi đến cửa chính, cô bị quỉ dạ xoa mặc quần thụng đa ngu và cùng một chiếc khóa to khoá chân lại bắt nằm bất động ở dưới sàn. Maria hoảng hốt nhìn con quỷ cái đó.

- Hãy vì tình thương của Thượng đế, - cô nói. - Tôi thề với bà rằng tôi đến đây cốt chỉ để gọi nhờ điện thoại. Tôi thề với vong linh mẹ tôi đây

Chỉ cần nhìn mặt mụ là cô hiểu ngay rằng không thể van xin mụ quỉ dạ xoa mặc quần thụng này, người từng được mệnh danh là nữ thần Herculina. Mụ được giao giải quyết các trường hợp hóc búa nhất. Đã có hai nữ bệnh nhân tâm thần chết vì cánh tay hộ pháp của mụ. Trường hợp thứ nhất được giải quyết

xong vì được thỏa thuận coi như một tai nạn, trường hợp thứ hai ít sáng tỏ hơn, và nữ quỷ da xoa bị đoạ rằng lần sau nếu còn đánh chết người thì sẽ bị tra hỏi đến nơi đến chốn. Dân chúng lại cho rằng cái con cừu lạc loài kia có cả một nghề bắn thỉu với những tai nạn hiện còn tồn nghi trong vài nhà thương điên ở Tây Ban Nha.

Để Maria ngủ yên đêm ấy, người ta phải tiêm cho cô một mũi thuốc ngủ. Trước khi trời sáng, khi cơn thèm thuốc lá đánh thức cô dậy, thì cô thấy mình bị trói chặt cả ở cổ tay lẫn ở mắt cá chân ở trên giường. Trước những tiếng kêu của cô, không một ai chạy tới với cô. Buổi sáng hôm đó, trong khi ở Bacxêlôna người chồng không tìm thấy cô ở bất kỳ bãi xe nào thì ở nhà thương điên, mọi người phải cáng cô đến trạm xá, vì người ta thấy cô bất tỉnh nhân sự trong một bãi đầm lầy những thứ chính cô thải ra.

Cô không biết thời gian đã qua đi bao lâu khi tỉnh dậy. Lúc đó với cô thế giới là cả một khu vực thanh bình đầy tình yêu và trước giường cô là một ông già to lớn với một cách đi đứng đàng hoàng, vững chãi, với một nụ cười hiền hậu, người chỉ bằng hai cú thoi miễn tài ba đã trả lại cho cô niềm vui của sự sống. Ông là giám đốc trại điên này.

Không chào hỏi ông, chưa hề nói gì với ông, cô đã xin ông một điếu thuốc lá. Ông đưa cô một điếu thuốc đã châm lửa và tặng cô cả bao thuốc hầu như còn nguyên. Maria không thể kìm được tiếng khóc.

- Hay tranh thủ lúc này mà khóc, - bác sĩ nói bằng một giọng du dương. - Không có phương thuốc nào hơn nước mắt cả.

Maria thấy người nhẹ nhõm hẳn đi mà chẳng cần ngượng ngùng. Chưa bao giờ cô có được điều này với những người tình

chốc lát trong những lúc nhàn tản sau buổi làm tình. Trong lúc nghe cô nói, bác sĩ lấy ngón tay gãi đầu cho cô, sửa lại gối để cô dễ thở hơn. Bằng sự hiểu biết và thái độ dịu dàng - một thái độ dịu dàng mà cho đến tận lúc này Maria chưa dám mong đợi - Ông dẫn cô chu du trong chính mê cung lộ tiềm thức của cô. Đó là điều kỳ diệu bởi đó là lần đầu tiên trong đời Maria được một người đàn ông do để toàn tâm nghe cô nói nên hiểu cô mà chẳng hề đòi được ăn nằm với cô. Sau một giờ dài dặc, đã được giải tỏa hoàn toàn, Maria liền đề nghị bác sĩ cho phép cô được nói chuyện với chồng qua điện thoại.

Bác sĩ tiến trình trong đứng dậy. "Nữ hoàng ạ, chưa được đâu", bác sĩ nói trong lúc tát lên má cô một cái tát rất dịu dàng, đến mức chưa bao giờ cô cảm thấy. "Mọi thứ đều được làm đúng lúc mà!". Từ cửa, bác sĩ làm dấu chúc phúc cho cô rồi mãi mãi biến mất tam.

- Hãy tin ở ta mà! - bác sĩ nói với cô.

Ngay đêm đó Maria được đăng ký vào sổ phòng dưỡng bệnh với một con số thứ tự, một lời ghi chú hơi hợt về nguồn gốc xuất thân cũng như những nghi vấn về thể trạng sức khỏe của cô do chính viên giám đốc trại điền tư tay viết.

Đúng như Maria dự đoán, người chồng ra khỏi căn hộ khiêm tốn tại xóm Horta chậm đúng nửa giờ để đi chơi ba cuộc chơi đã được hẹn. Trong gần hai năm chung sống tự nguyện, đây là lần đầu tiên Maria không về đến nhà đúng giờ hẹn, và anh chồng hiểu sự về muộn ấy là do cơn mưa dữ quá đã phá phách tỉnh này trong cái ngày cuối tuần đó. Trước khi đi, anh chồng gài lên cửa một tờ giấy ghi rõ lộ trình đi chơi đêm đó của mình và một thư ngỏ cho cô.

Tại trò vui thứ nhất, với tất cả các em đã hóa trang thành cănguru, anh chồng đã để tuột mất vận may lớn vì anh ta không thể giành thắng lợi mà không có sự giúp đỡ của Maria. Trò vui thứ hai được hẹn diễn ra tại nhà một bà cụ già 93 tuổi. Bà già ngồi trên xe đẩy để mọi người chúc mừng nhân ngày sinh nhật. Ba mươi năm nay, lần sinh nhật nào của bà già cũng được tổ chức trong sự điều khiển của các tay trưởng trò khác nhau. Vì sự vô muộn của Maria, tâm trạng anh ta rất bồn chồn đến mức không thể tập trung tư tưởng vào trò chơi dễ dãi nhất. Trò thứ ba đã được hẹn là trò đêm nào cũng diễn ra tại một quán cà phê nên nếp trên đại lộ Rambla, nơi anh ta trình diễn cho một nhóm khách du lịch người Pháp vốn không thể tin cái điều họ nhìn thấy vì họ không rìn phép mầu. Cứ sau khi trình diễn xong một trò, anh ta lại đi gọi điện thoại về nhà và chờ một cách tuyệt vọng tiếng nói của Maria ở đầu dây bên kia. Lần cuối cùng gọi điện thoại, anh chồng đã không thể tự trấn tĩnh được nữa vì tin rằng có chuyện chẳng lành đã xảy ra.

Trên đường về nhà, ngồi trên chiếc xe chuyên phục vụ các tối công diễn, anh chồng nhìn thấy ánh bình minh của mùa xuân bừng sáng trên ngọn hàng cọ panma trông hai bên Đại lộ Gracia và ý nghĩ bất hạnh vô thành phố này sẽ ra sao nếu thiếu đi Maria đã làm anh rùng mình. Niềm hy vọng cuối cùng biến mất khi anh ta thấy thư ngỏ cho vợ vẫn treo nguyên trên cửa. Anh ta hết sức lo lắng đến đó quên mất cả việc cho mèo ăn.

Chỉ lúc này khi ngồi viết về anh tôi mới vỡ nhẽ rằng chưa bao giờ tôi biết tên thật của anh, bởi vì ở Bacxêlôna chúng tôi quen anh bằng cái tên nghề nghiệp của anh: Saturnô người trưởng trò. Anh là một người có cá tính lạ và một sự vụng về trong quan hệ xã hội không thể sửa được, nhưng sự lanh lẹ và

duyên dáng vốn thiếu ở anh thì lại thừa ở Maria. Cô là người dắt tay anh đi trong cái công đồng những kỳ bí lớn này, nơi chẳng một ai lại đi gọi điện thoại cho ai sau nửa đêm để hỏi thăm tin tức về vợ mình. Saturnô ý thế mình là dân mới đến thành phố và phớt lờ cái lệ tục kia đi. Vậy là đêm đó anh gọi điện thoại đến Xaragôxa và được một cụ già ngái ngủ trả lời một cách thản nhiên rằng Maria đã ra về từ sau bữa cơm trưa. Anh ngủ không hơn một giờ vào lúc trời sáng. Anh mơ một giấc mơ kinh khủng: trong đó anh thấy Maria mặc bộ đồ cô dâu rách bươm nhuốm đầy máu. Liền đó anh thức dậy với ý nghĩ sáng tỏ đầy sợ hãi rằng từ nay trở đi anh vĩnh viễn chỉ có một mình mình trong thế giới bao la không có Maria.

Trong vòng năm năm lại đây, đã ba lần Maria chung sống với ba người đàn ông khác nhau, kể cả Saturnô. Cô bỏ anh sau sáu tháng quen nhau, khi cả hai đều mệt mỏi vì hạnh phúc với thứ ái tình điên loạn trong một phòng dịch vụ của hãng nước hoa Anxurêt. Một buổi sáng nọ Maria không thức dậy trong ngôi nhà sau một đêm có nhưng lạm dụng không thể tự thú nổi. Cô để lại mọi thứ của mình kể cả chiếc nhẫn cưới hồi lấy chồng lần đầu, và một bức thư nói rằng cô không thể nào sống nổi trong giông bão thứ ái tình buông thả ấy. Saturnô nghĩ rằng Maria trở lại với người chồng đầu, một bạn đồng môn thời đi học trung học, người mà cô cưới lén vì còn ít tuổi, và là người cô bỏ sau hai năm chung sống không tình yêu để chạy theo người đàn ông khác. Nhưng, không phải thế. Maria trở về nhà sống với cha mẹ và Saturnô đã tìm đến đấy với bất cứ giá nào. Anh đã hết lòng van vỉ cô, hứa với cô đủ thứ và vượt mức điều mà anh sẵn sàng thực hiện nhưng anh đã vấp phải một quyết định tàm sắt đá không tài nào khuất phục được. "Có ái tình

ngắn ngủi và có ái tình dài lâu", Maria bảo anh vậy. Và không động lòng thương hại, cô kết thúc: "Tình yêu ấy giữa anh và tôi là thứ tình yêu ngắn ngủi!". Anh phải đầu hàng trước sức mạnh của cô. Tuy nhiên, một buổi đêm về sáng ngày lễ tất cả các Thánh, vào lúc trở về căn phòng cô quạnh của mình sau gần một năm lãng quên, anh bắt gặp cô nằm ngủ trên ghế sô pha phòng khách còn đôi nguyên vương niệm tết hoa cam tùng và mặc nguyên bộ váy áo cô dâu có cái đuôi dài.

Maria kể cho anh nghe sự thật. Người tình mới, góa vợ, không có con cái, có cuộc sống thảnh thơi và sẵn sàng kết duyên trăm năm cùng cô tại nhà thờ, đã để cô trang điểm và đợi cô tại bàn thờ chính trong nhà thờ. Cha mẹ cô quyết định bằng mọi giá làm một tiệc linh đình. Cô vẫn tiếp tục trò chơi. Cô nhảy, cô hát cùng với những mariachi[1], cô uống rượu mạnh, và trong trạng thái kinh hãi của sự ân hận muộn màng cô đã bỏ nhà để đi tìm Saturnô ngay giữa nửa đêm.

Anh không có nhà nhưng cô tìm thấy chìa khóa trong giỏ hoa treo ở hành lang, nơi bọn họ thường xuyên giấu nó, lần này cô là người đã đầu hàng không điều kiện trước anh. "Bây giờ yêu lại thì tình yêu ấy phỏng được bao lâu?", anh hỏi cô. Bằng một câu thơ của Vinixiut đề Môraêt cô trả lời anh:

"Ai tình là vĩnh hằng khi nó còn". Hai năm sau tình yêu ấy vẫn vĩnh hằng.

Maria trở nên chín chắn. Cô từ bỏ những ước mơ trở thành nghệ sỹ và hoàn toàn hiến dâng cho anh: trong nghề nghiệp cũng như trên giường nằm. Cuối năm trước hai người đi dự hội nghị các trường trò tại Pecpinhăng[2], lúc trở về họ đi thăm Bacxêlôna. Bọn họ rất thích thành phố này đến mức họ đã ở lại

(1) Những nghệ sĩ dân gian ở tỉnh Tiêhuà ở nhảy và hát điệu dân ca mariachi.

(2) Một đô thành thuộc nước Pháp.

tám tháng, và trong tám tháng ấy họ sống thoải mái đến độ họ tàu luôn một căn hộ trong xóm Horta rất đặc trưng cho dân Catalang[1], một căn nhà ôa ào và không có người gác cửa, nhưng lại rộng rãi thừa chỗ cho nam đứa con trai nữa. Đã có thể coi đó là hạnh phúc có thể có cho đến cái ngày chủ nhật cô thuê một xe con và đi thăm họ hàng ở Xaragôxa với lời hứa sẽ trở về nhà vào lúc bảy giờ tối ngày thứ hai. Đến sang ngày thứ năm vẫn không thấy tăm hơi cô đâu.

Thứ hai tuần sau, hãng bảo hiểm của chiếc xe được Maria thuê đã gọi điện đến nhà hỏi thăm tin tức về cô. "Tôi không biết gì hết", Saturnô nói. "Hãy tìm cô ấy ở Xaragôxa!" Anh dập máy. Một tuần sau, một cảnh sát đến nhà báo cho anh biết rằng người ta đã tìm thấy chiếc ô tô được thuê chỉ còn lại bộ khung tại một con đường hẻm ở Cadiz[2], cách địa điểm Maria bỏ xe lại khoảng tám trăm km. Viên cảnh sát muốn được biết thêm nếu Maria biết các chi tiết về vụ ăn trộm xe ô tô. Saturnô đang cho mèo ăn và hầu như không nhìn ông ta mà miệng vẫn nói rằng xin ông đừng trở lại nữa kẻo chỉ tốn thời gian vô ích vì vợ anh đã đã bỏ nhà và anh không biết cô đi với ai và đi đâu. Đó chính là sự hiểu biết của anh và anh thật lòng nói ra nhưng viên cảnh sát chạnh lòng, đa xin anh thứ lỗi cho. Vụ này thế là được tuyên bố khép lại, không điều tra nữa.

Mối nghi ngờ Maria sẽ một lần nữa bỏ đi đã thộp lấy ngực Saturnô vào dịp lễ Patqua Phlôriđa ở Cadakêt, nơi Rôsa Régat mời hai người đến du chơi trên thuyền buồm. Chúng tôi ở trong Maritinh, một quán nhậu dân dã và bẩn tưởi vào thời hoàng

---

(1) Người vùng Catalanhã, ở Đông Bắc Tây Ban Nha, thủ phủ của nó là Barcêlônã.

(2) Cadiz, một thành phố ở Nam Tây Ban Nha bên bờ Đại Tây Dương.

hôn của chế độ Phrăngcô. Quanh một trong những chiếc bàn sắt với ghế sắt, đáng lẽ chỉ ngồi được sáu người là chật cứng, chúng tôi ngồi tới hai mươi người. Sau khi hút xong bao thuốc thứ hai trong ngày, Maria bị hết diêm. Một cánh tay vàng khè đầy lông tơ đeo một vòng đồng La Mã đã rẽ lối đám đông vây quanh bàn tiến đến chỗ Maria và bật lửa cho cô hút thuốc. Cô cảm ơn mà không nhìn xem ai cho lửa, nhưng Saturnô, người trưởng trò đã nhìn thấy. Đó là một thanh niên choai choai có gương mặt nhẵn nhụi và xương xẩu, nước da vàng bủng và một mái tóc tựa như đuôi ngựa lông đen óng kéo dài tới tận thắt lưng. Trong khi cưa kính quan nhậu chịu không nổi trước sự cuồng nộ của cơn gió bấc đầu xuân thổi thì cu cậu ăn vận rất phong phanh: một chiếc quần ống rộng may bằng vải bông cáo và một đôi dép của người làm vườn.

Cho đến tận cuối thu, bọn họ lại gặp lại cu cậu tại một nhà trọ ở Bacxêlôna, vẫn chính một thứ quần áo vải bông bình thường và một bím tóc dài thay cho mái tóc đuôi ngựa trước đây. Cu cậu chào hai người cứ như thể chào những người bạn cũ, và qua cái cung cách cu cậu hôn Maria cũng như cái cung cách đáp lễ của Maria, Saturnô càng nghi rằng hai người đã từng lén lút gặp gỡ nhau. Mấy ngày sau Saturnô lại bắt gặp một tên mới và một số điện thoại được Maria viết trong cuốn sổ ghi địa chỉ của gia đình, và lòng ghen tuông lại mách bảo anh đó là của ai rồi. Nhưng cuốn sổ ghines đã cho anh sự hiểu biết về anh thanh niên kia: hai mươi mốt tuổi, con một của nhà giàu, họa sĩ trang trí nội thất, nổi tiếng là một đông cô và một người an ủi các bà đã có chồng. Nhưng Saturnô vẫn giữ mãi mối hồ nghi ấy cho đến tận cái đêm Maria không về nhà. Vậy là Saturnô gọi điện thoại cho anh thanh niên kia vào tất cả mọi

ngày suốt từ sáu giờ sáng cho đến tận đêm khuya, những ngày đầu cứ ba giờ anh gọi một lần, những ngày sau này hễ cứ thấy máy điện thoại là anh gọi ngay. Anh cứ gọi và máy điện thoại ở đầu dây bên kia cứ việc đổ chuông. Việc không ma nào trả lời điện thoại khiến anh càng tự dằn vặt mình hơn.

Sang ngày thứ tư, một giọng nữ vùng Anđaluxia trả lời anh. Đó là một phụ nữ chỉ đến để lau nhà thôi. "Cậu chủ tôi đi vắng rồi!", bà ta nói vậy và điều đó vừa đủ để chọc tức thêm anh. Saturnô không thể ghìm được cái ý định hỏi xem Maria có ở đấy không

- Ở đây không có một cô Maria nào đến cả, cậu chủ chưa có vợ.

- Tôi biết rồi, - anh nói. - Maria không sống ở đấy đúng thế, nhưng có lại vãng đến đó phải không? Có hay không nào?

Người đàn bà nổi đóa:

- Nhưng mà, ông là ai vậy mà dám nói năng như thế hả?

Saturnô treo ống nghe vào máy. Anh nhận thấy lời phủ nhận của người đàn bà là một sự khẳng định nữa thêm vào cái mà đối với anh không còn là một sự nghi ngờ mà đã là một thông tin sang tỏ nóng hổi. Anh mất bình tĩnh. Trong những ngày sau đó, cứ theo thứ tự vần ABC anh gọi điện thoại cho tất cả những ai quen biết ở Bacxêlôna. Không một ai tán thành với anh, nhưng với mỗi cú điện thoại nỗi bất hạnh lại càng khắc sâu vào anh, bởi vì những cú điện thoại vì ghen tuông của anh đã trở nên nổi tiếng trong số những kẻ thức đêm không chịu hối cải của quán La gauchê divinê và họ trả lời anh bằng bất cứ lời bỡn cợt nào có thể làm anh đau khổ thêm. Chỉ đến lúc đó anh mới hiểu mình đơn côi đến mức độ nào trong cái thành phố xinh đẹp, náo nhiệt và không thể hiểu nổi này, nơi mà anh sẽ chẳng bao giờ được hạnh phúc. Vẻ khuya, sau khi cho con

mèo ăn xong, anh phải lấy tay day vùng ngực có con tim để khỏi chết và quyết chí quên Maria đi.

Hai tháng rồi mà vẫn chưa làm quen với cuộc sống trong viện điều dưỡng. Cô sống hầu như chỉ nhấm nháp tí chút thức ăn kiểu trại giam với những bát, đĩa, thìa...úp trên chiếc bàn lớn đóng bằng gỗ mộc và ánh mắt dõi nhìn lên bức chân dung của tướng Phrăngxixcô Phrăngcô đang chỉ huy nhà ăn thời trung cổ rất buồn tẻ. Mới thoạt đầu cô phản đối sinh hoạt theo thời gian biểu với thói quen lắp đi lắp lại đến ngu xuẩn; sáng, trưa, tối. Và phản đối luôn cả một số sinh hoạt nhà thờ vốn chiếm gần hết thời gian. Cô từ chối chơi bóng ở ngoài sân của trại điên, từ chối làm việc trong xưởng làm hoa giấy do một nhóm bệnh nhân trông coi một cách khắt khe. Nhưng từ tuần thứ tư trở đi, cô dần dần tham gia vào cuộc sống trong trại điên cách ly hoàn toàn với cuộc sống bên ngoài. Các bác sĩ nói rằng cuối cùng các bệnh nhân tâm thần dù muộn cũng đều hòa nhập vào cộng đồng.

Việc thiếu thuốc hút, từng được giải quyết trong những ngày đầu nhờ một bà gác cổng bán với giá cắt cổ, nay lại tra tấn Maria khi tiêu hết số tiền ít ỏi mang theo. Sau đó cô tự bằng lòng với những điếu thuốc được cuốn bằng giấy báo mà một số bệnh nhân làm với những đầu mẩu thuốc lá nhặt từ các sọt rác, bởi vì cơn thèm thuốc đa diết chẳng kém gì cơn nghiện gọi điện thoại. Những đồng pêséta mà sau này cô kiếm được nhờ làm hoa giấy đã cho phép cô có được một chốc lát thảnh thơi.

Điều khó nhất là nỗi cô đơn của các đêm. Rất nhiều nữ bệnh nhân thức trong bóng tối, như cô, mà chẳng dám làm gì bởi vì người nữ gác đêm đang thức gác ở cổng ra vào đã cài then và khóa lại cẩn thận. Tuy nhiên, có một đêm, vì bức bối trước

không khí nặng nề, bằng một giọng vừa đủ để bệnh nhân giường bên cạnh nghe được, cô hỏi:

- Chúng mình đang ở đâu nhỉ?

Tiếng nói sắc sảo và thông minh của nữ bệnh nhân giường bên trả lời cô:

- Ở địa ngục sâu thẳm.

- Người ta bảo rằng đây là đất của người Môrô[1]- một giọng khác hẳn vang lên trong khung cảnh phòng ngủ nói vậy.- Có lẽ đúng thế, vì vào mùa hè, những đêm có trăng, nghe rõ tiếng chó sủa inh ỏi, rồn rập.

Tiếng xích sắt treo trên móc loảng xoảng vang lên nghe cứ như thể tiếng thả neo của con tàu thủy, và cánh cửa được mở. Người đàn bà gác đêm, con qủi cái gác địa ngục ấy, là người duy nhất sống trong khoảnh khắc im lặng, bắt đầu dạo bước từ đầu này sang đầu kia phòng ngủ. Maria rùng mình và chỉ một mình cô biết vì sao.

Ngay từ tuần lễ đầu tiên trong trại điên, người đàn bà gác đêm đã không úp mở đạt vấn đề với Maria về việc cô sẽ ngủ với mụ ta ở phòng gác. Mụ ta bắt đầu bằng một giọng mặc cả thường thấy: đổi ái tình lấy thuốc lá, kẹo sôcôla hay bất cứ thứ gì. "Em sẽ có tất cả", mụ bảo cô, vẻ tỉnh khô. "Em sẽ là bà hoàng". Trước sự cự tuyệt của Maria, người đàn bà gác cổng liền đổi phương pháp. Mụ để thư tình ở dưới gối, trong túi áo của Maria hay bất cứ chỗ nào ít ngờ tới. Đó là những lời mời mọc tha thiết của một tâm hồn yêu tuyệt vọng đủ sức làm cho

---

(1) Người ở Mơrơtanî cổ theo đạo Hồi, từng xâm chiếm và thống trị Tây Ban Nha từ năm 711 đến năm 1492.

đá cũng phải mủi lòng. Cho đến cái đêm người đàn bà gác đêm gây ra một sự cố trong phòng ngủ, thời gian trôi đi đã được hơn một tháng trong khi đó mụ ta cố hết sức để khỏi bị thất bại.

Khi yên bụng tin rằng đám bệnh nhân nữ đã nghỉ rồi, người đàn bác gác đêm mò đến giường Maria nằm. Mụ thầm thì rót vào tai cô đủ mọi lời dịu dàng đầy tính khiêu dâm, trong lúc hôn cô vẻ đầy sợ hãi: thoạt đầu hôn lên mặt, lên cổ, sau đó hôn lên cánh tay đờ dẫn, lên hai bẹn mềm nhũng. Cuối cùng, vì tin rằng có lẽ sự bất động của Maria không phải vì sợ mà là vì sung sướng, mụ ta dám liều mạng đi xa hơn nữa. Lúc đó, bằng một cú tát trái Maria đã tát cho mụ một cái nên thân khiến mụ văng sang giường bên cạnh. Người đàn bà gác đêm lồm cồm bò dậy lòng đầy giận dữ trong khung cảnh lộn xộn bởi vì các nữ bệnh nhân đã hoảng hốt thức giấc.

- Đồ mất dạy! - Maria gào lên - Chúng tao sẽ cùng nhau mòn mỏi đến mục xương ở đây trong cái nhà tù này cho đến khi mày lại điên lên vì tao.

Vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng sáu, mùa hè đến mà không hề báo trước. Và cần phải có ngay các biện pháp tức thời vì những bệnh nhân kém chịu nóng nực đã bắt đầu cởi phăng những chiếc áo thụng dày mạc ngay trong lúc đang làm lễ Misa. Maria thú vị nhìn đám bệnh nhân nư trần nhồng nhộng bị những người gác xua đuổi chạy như những con gà mù ngay trong gian chính nhà thờ. Trong lúc hơi hoảng hốt, và hơn nữa để tránh những cú đòn lạc, Maria cứ lặng lẽ rút lui ngày càng xa, càng xa chỗ đang náo loạn, rồi bất ngờ cô đã bước vào một văn phòng không có người với một máy điện thoại liên hồi đổ chuông. Maria cầm lấy ống nghe và có nghe thấy một tiếng nói

xa xám, đang rất vui vì nó bắt chước giọng nói của nhân viên bưu điện đang trả lời giờ.

- Bốn mươi tám giờ, tám mươi hai phút, một trăm linh bảy giây.

- Đồ đĩ đực, - Maria nói.

Cô thú vị mắc ống nghe vào máy. Cô đi ra thì cũng vừa lúc nhận ra rằng mình sẽ đổ mất một cơ hội không bao giờ có. Vậy là cô quay sáu số với vẻ hồi hộp và rất cuống quýt, đến mức cô không dám chắc mình gọi đúng số máy của nhà. Với tiếng tim đập thình thịch cô đợi, nghe rõ tiếng chuông thân quen reo lên với giọng chua và buồn. Một lần, hai lần, rồi ba lần chuông reo và cuối cùng cô nghe tiếng nói của chồng cô ở ngôi nhà không có cô.

- Ai đấy?

Cô cần phải đợi cho đến khi nước mắt đọng lại thành hòn ở cổ họng.

- Ôi anh yêu, cuộc sống của em, con thỏ hiền lành của em! - cô nói trong tiếng thở dài não nề.

Nước mắt đã thắng cô. Ở đầu dây bên kia, có một quãng im lặng đầy thảng thốt, và cái giọng nói phẫn nộ vì ghen đã khạc ra từ này:

- Đồ con đĩ!

Và ngắt máy một cách lạnh lùng.

Trong một cơn cuồng nộ, Maria rỡ bức ảnh của Đại nguyên soái Phrăngcô treo ở nhà ăn, rồi với tất cả sức sống của mình cô ném nó vào tấm kính che vườn hoa và cô ngã gục trong

máu. Cơn cuồng nộ vẫn làm chú giúp cô thừa sức chống trả những cú đấm của bọn gác định bắt lấy cô mà không bắt được, cho đến khi cô nhìn thấy Herculina đứng ở cửa với hai tay khoanh lại trước ngực, mắt giương thao láo nhìn cô. Cô đầu hàng. Tuy nhiên, bọn họ vẫn lôi sềnh sệch cô đến tận khu nhà kiên cố chuyên nhốt những bà điên khùng, và họ tiêm thuốc mê vào hai bẹn cô, vì bị đánh sưng vù lên nên không đi lại được, Maria nhận ra rằng trong thế giới không có gì là không thể làm để thoát khỏi cái địa ngục trần gian này. Tuần lễ sau đó khi trở về phòng ngủ chung, cô rón rén vùng dậy đi đến gõ cửa phòng riêng của người gác đêm.

Giá của Maria, được cô yêu cầu khẩn thiết, là mang đến cho chồng cô một lời nhắn. Nữ gác đêm chấp nhận với điều kiện cú giao kèo này mãi mãi được tuyệt đối giữ kín. Chỉa ngón tay trỏ cứng rắn ra, mụ ta chỉa vào mặt Maria mà rằng:

- Nếu một lần nào đó bị lộ, mày phải chết.

Vậy là ngày thứ bảy tiếp đó, Saturnô người trưởng trò đã tới trại điên. Anh đến bằng một chiếc xe tải của gánh xiếc được chuẩn bị chu đáo để đón Maira trở về nhà. Đích thân viên giám đốc tiếp anh trong văn phòng ông ta, một phòng khách sạch sẽ và gọn gàng ngăn nắp tựa như một chiếc chiến hạm, và ông ta trịnh trọng thông báo cho anh biết về tình hình của vợ anh. Không ai biết cô đến từ đâu, từ bao giờ và đến như thế nào, bởi tư liệu đầu tiên của việc cô nhập trại điên là cú khám bệnh chính thức do ông ta thực hiện ngay khi ông ta hỏi chuyện cô. Đó là một cuộc điều tra vẫn chưa đâu vào đâu mới được khởi sự ngay cái ngày hôm đó. Trong mọi trường hợp, điều khiến ngài giám đốc trại điên quan tâm hơn cả, là làm sao Saturnô

lại biết chính xác phòng ở của vợ anh, Saturnô bảo vệ mụ nữ gác đêm:

- Hãng bảo hiểm xe báo tin cho tôi đấy,- anh nói.

Viên giám đốc trại điên lấy làm mãn nguyện, "Tôi không biết những nhà bảo hiểm làm như thế nào để biết được tất cả nhỉ!", ông ta nói. Ông ta lướt nhanh quyển sổ đặt ở trên bàn viết và nói:

- Điều sáng tỏ duy nhất là bệnh điên của bà nhà rất trầm trọng.

Viên giám đốc sẵn sàng cho Saturnô người trưởng trò vào tham người bệnh với một sự thận trọng cần thiết nếu anh, vì điều tốt cho vợ, hứa với ông ta là sẽ thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc ông ta sẽ chỉ bảo. Trước hết là cách ứng xử với cô sao cho cô không bị kích động để tránh những cơn điên ngày một thường xuyên và nguy hiểm hơn.

- Thật là lạ lùng,- Saturnô nói. - Nhà tôi luôn luôn là người có cá tính mãnh liệt nhưng lại rất tự chủ được bản thân.

Viên thầy thuốc làm bộ thông thái lắm. "Có những thái độ ứng xử vốn nhiều nam thường xuyên nhu mì và bỗng một ngày nổi cơn tam bành!", ông ta nói. "Dù sao chăng nữa, vào trại này là phúc lắm đấy vì chúng tôi là những chuyên gia trong trường hợp cần có bàn tay sắt". Cuối cùng, ông ta nói về thói tật lạ lùng của Maira chỉ thích được gọi điện thoại.

- Bệnh điên vẫn theo riết bà nhà! - ông ta nói.

- Bác sỹ hãy yên tâm, - với thái độ vui vẻ, Saturnô nói.- Đó là chuyên môn của tôi mà

Phòng khách, vừa có vẻ nhà giam vừa có vẻ phòng xưng tội, là một phòng nơi chuyện cú của tu viện. Sự kiện Saturnô bước vào phòng khách không phải là cú bùng nổ niềm vui sướng mà cả hai có thể mong đợi. Maria đứng ở giữa phòng, bên cạnh một chiếc bàn với hai chiếc ghế và một lọ hoa không cắm hoa. Rõ ràng là cô đã trong tư thế sẵn sàng ra đi. Cô mặc chiếc áo khoác màu quả dâu tây nom đến thảm hại và đi đôi giày mốc bẩn càng mang lại cho cô lòng thương hại. Tại một xó, Hecrcu -lina hai tay khoanh trước ngực đứng yên hầu như không để lộ nguyên hình. Maria không nhúc nhích khi nhìn thấy chồng bước vào, cũng chẳng mảy may để lộ nỗi xúc động trên gương mặt vẫn còn đỏ những vết gương cào. Họ hôn nhau như thường lệ

- Em thấy thế nào? - Anh hỏi.

- Em thấy rất hạnh phúc vì cuối cùng thì anh đã đến, con thỏ yêu quý của em, - cô nói.- Đây đa là cai chết.

Họ không có thời gian để ngồi. Dẫm chìm trong nước mắt, Maria kể lại cho anh nghe về những nỗi khổ trong trại điên, sự tàn ác của các nữ cai trại, về thứ cơm còn tồi hơn cả cơm cho chó, về những đêm dài như vô tận không nhắm mắt vì sợ.

- Giờ thì em không biết mình đã ở đây bao nhiêu ngày hay bao nhiêu tháng hay bao nhiêu năm, nhưng mà em biết rõ ràng rằng cứ mỗi ngày lại tệ hơn ngày hôm trước.- Cô nói và thở dài não nề với cả tâm hồn mình: - Em nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ mình lại như ngày xưa nữa!

- Giờ đây, tất cả những chuyện ấy đã qua rồi, - anh nói trong lúc các ngón tay xoa xoa lên những vết sẹo mới trên mặt cô.- Tất cả các ngày thứ bảy anh đến thăm em ở đây. Và còn

hơn thế nữa nếu viên giám đốc trại cho phép anh. Rồi em sẽ thấy tất cả sẽ rất tốt đẹp mà!

Maria dõi đôi mắt sợ hãi của cô vào mắt anh, Saturnô cô sử dụng các ngón chơi ở xa lông của mình. Bằng giọng ngọt xớt đầy những điều dối trá, anh kể cho cô nghe về một sự giải thích đường mật của viên thầy thuốc về bệnh tình của cô. "Tóm lại", anh nói, "chỉ còn ít ngày nữa là em bình phục hoàn toàn mà!". Maria đã hiểu ra sự thật.

- Lạy chúa, con thỏ thân yêu của em ơi! - Cô nói đầy phẫn nộ.- Hãy đừng nói với em rằng cả anh nữa cũng tin em bị điên nhé!

- Em làm sao thế!- anh nói, cố mỉm cười.- Có điều là đối với tất cả sẽ tốt đẹp hơn nếu em ở lại đây thêm một thời gian nữa. Dĩ nhiên, ở đây đầy đủ phương tiện chữa chạy hơn cả mà!

- Nhưng chẳng phải em đã nói với anh rằng em đến đây chỉ để gọi điện thoại thôi hay sao!- Maria nói.

Anh không biết nên phản ứng như thế nào trước cơn giận dữ khủng khiếp ấy. Anh nhìn Herculina. Mụ này chớp ngay lấy cái nhìn cầu cứu của anh, để ra hiệu cho anh biết theo đồng hồ của mụ thời gian tham đã hết. Maria nhận ra dấu hiệu đó, nhìn về phía sau và thấy Herculina đã sẵn sàng lao vào một cuộc đấu quyết liệt. Thế là lúc đó cô ôm cổ người chồng mà la thét như một người điên thực sự. Với biết bao tình yêu mến, anh đã khéo léo gỡ được tay Maria ra và để mặc cô cho Herculina, người lúc đó đã tấn công cô từ phía sau lưng. Không để Maria kịp phản ứng, với tay phải mụ nhanh chóng khóa tay cô đồng thời mụ dương cánh tay còn lại rắn như thép thít lấy cổ cô, và ra lệnh cho Saturnô người trưởng trò:

- Chạy ngay đi!

Saturnô mặt tái mét bỏ chạy

Tuy nhiên, ngày thứ bảy sau, khi đã hoàn hồn, Saturnô trở lại trại điên với một chú mèo ăn mặt như anh: một chiếc áo đỏ sọc vàng của nhà làm xiếc Lêôtacđô, một chiếc mũ sáu ống và một chiếc áo khoác rộng khi quay nó phấp pha phấp phới như bay như lượn. Anh cứ thế cho xe xiếc chạy vào tận giữa sân trại điên và tại đây anh biểu diễn một chương trình xiếc đầy thú vị suốt ba giờ đồng hồ. Từ trên các ban công, các nữ bệnh nhân điên bị giam đã thưởng ngoạn chương trình bằng những tràng pháo tay và tiếng hoan hô không an nhịp và không đúng lúc. Tất cả các con điên đều có mặt, chỉ trừ Maria, người không những chỉ từ chối không tiếp anh mà còn từ chối cả việc đứng ở ban công để xem anh diễn trò. Saturnô cảm thấy đau đớn vô cùng.

- Đó là một phản ứng đặc biệt - Viên giám đốc trại điên an ủi anh. - Rồi sẽ qua ngay mà.

Nhưng chuyện đó chẳng bao giờ qua được. Sau nhiều lần cố tình gặp lại cô mà không được, Saturnô gửi thư cho cô nhưng vô ích. Bốn lần anh nhận lại thư vẫn nguyên không bị bóc và cũng không nhận được một lời bình luận nào. Saturnô không cố công nữa, nhưng anh vẫn tiếp tục đem thuốc lá đến cổng trại điên nhờ chuyển cho Maria mà không cần biết chúng có đến tay cô hay không. Anh cứ làm thường xuyên cái công việc ấy cho đến khi thực tế thắng anh.

Không bao giờ người ta biết thêm về anh ngoại trừ sự kiện anh lấy vợ mới và hồi hương. Trước khi rời Bacxêlôna, anh để lại cho một cô nhân tình con mèo đoi và có này ngoài việc nuôi

con mèo còn bứa sẽ tiếp tục tiếp tế thuốc lá cho Maria. Nhưng cô này rồi cũng biến mất tăm. Rôsa Rêgat nhớ lại đã từng gặp cô ta ở siêu thị Corte Inglêt, cách đây chừng mười hai năm, với cái đầu trọc lốc, khoác một chiếc áo choàng không tay kiểu phương đông và bụng chửa kềnh càng. Cô ta kể cho Rôsa Regat biết rằng cô ta vẫn tiếp tế thuốc lá cho Maria một cách luôn luôn cố gắng ở mức có thể có cho đến một ngày chỉ còn thấy đống đổ nát của trại điên, cái trại điên bị nghiền nát như một kỉ niệm tồi về những ngày bất hạnh đó. Lần cuối cùng cô ta gặp Maria thì thấy Maria rất mãn nguyện, người đẫy đà hơn và vui vẻ với không khí thanh bình nơi trại điên. Ngày đó, cô ta cũng mang đến cho Maria con mèo, bởi vì số tiền Saturnô để lại cho cô nuôi mèo hết nhẵn rồi.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch.

TRƯA NGÀY THỨ TƯ

GABRIEN MARQUER
(NOBEL 1982)

Con tàu vừa ra khỏi đoạn đường vòng quanh các núi đá màu nâu, lao thẳng vào những đống chuối um tùm và mênh mông. Không khí nơi đây bắt đầu ẩm thấp và người ta không cảm thấy cơn gió mát từ biển thổi vào. Qua cửa sổ toa tầu một luồng không khí nóng và ẩm từ ngoài ùa vào toa. Trên con đường đất chạy song song với đường sắt có những chiếc xe bò chở đầy chuối xanh đang chậm rãi bò đi. Ở phía bên kia đường

trên những bãi trông, không trồng cấy gì, có những văn phòng treo quạt điện, nhưng dãy lán dài xây gạch đỏ và những ngôi biệt thự mà trên sân hiên của chúng bày những bàn và ghế sơn trắng kê dưới bóng những cây 'Pan-ma" và những luống hồng đầy bụi phủ. Đã mười một giờ trưa nhưng không khí vẫn chưa thật sự oi nóng.

- Tốt hơn hết là con hãy nâng cửa kính lên - người đàn bà nói - Bụi than sẽ phủ kín đầu con bây giờ.

Cô bé định làm theo lời mẹ nhưng khung cửa kính đã gỉ rít chặt lấy khuôn cửa, không tài nào nâng lên được.

Họ là những hành khách duy nhất trên toa xe hạng ba xoàng xĩnh. Vì khói đầu máy vẫn lùa vào toa nên cô bé đã đứng dậy khỏi chỗ mình ngồi và đặt các đồ hành lý mang theo vào đó: một túi xách bằng nhựa đựng thức ăn và đặt bó hoa gói trong giấy báo. Cô bé ngồi trên chỗ đối diện với bà mẹ, cách xa hẳn của sổ. Cả hai đều đề tang.

Cô bé khoảng chừng mười hai tuổi và đây là lần đầu tiên cô đi tàu. Người đàn bà dường như quá già với quầng mắt thâm, thân hình đã nhỏ bé, yếu ớt, lại thêm duỗn, mặc bộ đồ ngắn cũn cỡn khiến ta không thể nghĩ bà là mẹ đẻ của cô gái. Bà ngồi thẳng lưng tựa chắc vào thành ghế, hai tay cầm chắc túi xách đã bạc màu để ở trước bụng. Cứ nom bà trong dáng điệu ấy biết chắc ngay rằng bà thuộc đám dân chúng đã quen với cảnh nghèo túng.

Vào lúc mười hai giờ trưa, trời bắt đầu nóng thật sự. Con tàu dừng lại mười phút tại một nhà ga không có làng mạc ở bên cạnh để lấy nước. Bên ngoài, trong khung cảnh thanh vắng ôm trùm đồng chuối, không khí trong bóng râm rất thoáng

đãng trong lành. Nhưng không khí tù đọng trong toa tàu lại hôi mùi da thô. Con tàu không tăng tốc như trước đây. Nó đỗ lại ở hai làng giống hệt nhau: cũng chính những ngôi nhà vách gỗ sơn màu sậc sỡ. Người đàn bà gục đầu chìm trong suy tư, chịu đựng cái nóng lúc đang trưa. Cô bé gái cởi giầy. Sau đó nó đi đến phòng vệ sinh lấy nước tưới lên bó hoa đã héo.

Khi nó trở lại chỗ ngồi bà mẹ đang đợi nó để cùng ăn cơm trưa. Bà đưa cho cô bé một mẩu bơ, một nửa bắp ngô luộc và một chiếc bánh ngọt rồi bà rút trong túi nhựa ra cho bản thân cũng chính những thức ăn ấy. Trong lúc mẹ con họ ăn, con tàu từ từ chạy qua một chiếc cầu sắt và nó lướt qua một cái làng cũng y hệt như những làng trước, chỉ khác một điểm duy nhất là tại quảng trường làng, dân chúng đang tụ tập đông đúc. Một ban nhạc đang chơi một khúc nhạc vui, dưới trời nắng như đổ lửa. Ở phía bên kia làng đồng chuối dừng lại, cánh đồng đất cằn cỗi.

Người đàn bà ngừng ăn.

- Con hãy đi giầy vào, - bà bảo con gái

Cô bé nhìn ra bên ngoài. Nó chẳng thấy gì hết ngoại trừ cánh đồng hoang và nói con tàu đang chạy trên nó. Cô vội nhét mẩu bánh ngọt vào túi và đi giầy. Người đàn bà chải tóc.

- Con cũng nên chải lại đầu đi.

Con tàu rúc còi trong lúc cô bé gái đang chải tóc. Người đàn bà lấy tay lau mồ hôi ở cổ và mặt. Khi cô bé chải xong, con tàu chạy qua trước mặt những ngôi nhà đầu tiên của một làng lớn hơn nhiều nhưng cũng buồn hơn nhiều so với những làng trước đây.

- Con muốn làm gì thì hãy làm ngay bây giờ đi - bà nói. Sau đó, dù con có chết khát thì cũng không thể uống nước ở bất kỳ chỗ nào. Trước hết, mẹ mong con đừng có khóc.

Cô bé gật đầu tỏ ý vâng lời mẹ. Một cơn gió nóng và khô khốc mang theo cả tiếng còi tàu và tiếng bánh xe nghiến lên đường ray vù qua cửa sổ lọt vào toa. Người đàn bà cuộn chiếc túi vải trong đó có đựng thức ăn lại rồi nhét nó vào chiếc túi xách. Chỉ một thoáng thôi, hình ảnh trọn vẹn của làng chơi chang trong ngày thứ tư tháng tám rực sáng hiện qua khung cửa sổ. Cô bé lại lấy giấy báo ướt bọc bó hoa, lùi xa hơn một chút rồi chăm chú nhìn mẹ mình. Bà mẹ cũng nhìn con như vậy. Con tàu ngừng rúc còi rồi từ từ giảm tốc độ. Sau đó một lúc nó dừng lại hẳn.

Trên sân ga không một bóng người. Ở mé bên kia đường, ngay dưới bóng mát những cây bàng chỉ có quán chơi bia còn mở cửa. Làng chìm trong cơn nóng. Người đàn bà và cô bé xuống xe lửa. Họ đi qua sân ga hoang vắng mà gạch của chúng bắt đầu long ra bởi cỏ dại mọc làm nát mạch ximăng rồi họ băng qua con đường để đi tới bóng râm những cây bàng. Lúc này đã gần hai giờ chiều. Vào giờ này, mệt mỏi trước hơi nóng, cả làng đang ngủ trưa. Các cửa hàng, các công sở, trường học, tất cả đều đóng kín cửa ngay từ lúc mười một giờ trưa và sẽ chỉ mở cửa lại ít nhất là phải từ bốn giờ kém, khi con tàu trở lại. Chỉ có khách sạn trước cửa ga, và phòng điện báo ở góc bên kia quảng trường là mở cửa trong giờ trưa oi nóng này. Nhà dân, phần lớn được xây theo mẫu thiết kế của Công ty chuối, đều đóng kín cửa và buông các mành cửa sổ xuống rất thấp, ở một số ngôi nhà không khí quá nóng bức, người ta phải ăn cơm ở ngoài sân. Có một số người kê ghế dưới bóng râm những cây

bàng và ngồi ngủ ngay ở ngoài đường cái bất chấp người qua kẻ lại.

Cứ men theo bóng mát những cây bàng trồng dọc theo đường phố, người đàn bà và cô bé lặng lẽ đi sâu vào lòng thị trấn mà không hề làm kinh động giấc ngủ trưa của bất kỳ ai. Họ đi thẳng đến nhà ở của đức cha. Người đàn bà dùng móng tay cào trên tấm lưới kim loại che ngoài cửa, rồi đợi một lúc và sau đó lại gọi cửa tiếp. Bên trong vọng ra tiếng chạy o o của chiếc quạt điện. Không nghe thấy tiếng chân người đi lại. Chỉ nghe thấy tiếng cửa khẽ kêu và tiếp sau là một giọng nói rất thận trọng vang lên ngay cạnh tấm lưới kim loại" - Ai vậy". Người đàn bà cố sức nhìn qua tấm lưới kim loại.

- Tôi muốn được gặp đức cha - bà ta nói

- Đã ngủ rồi.

- Tôi có việc khẩn lắm mà - người đàn bà nói và giọng của bà ta vừa bình tĩnh vừa kiên quyết.

Cánh cửa hé mở một cách lặng lẽ và một người phụ nữ đứng tuổi, gọn gàng, da tai tái xanh, tóc sáng màu thép xuất hiện ngay ở cửa ra vào. Đôi mắt bà ta dường như quá bé so với hai mắt kính cận đã to lại dầy như đít chai.

- Mời vào, - người đàn bà ấy nói trong lúc mở rộng cửa.

Họ vào một phòng khách sực nức mùi hoa. Nữ chủ nhân dẫn mẹ con họ đến tận chiếc ghế dài có lưng tựa và ra hiệu cho họ ngồi xuống. Cô bé ngồi xuống ghế. Mẹ cô vẫn đứng lang lẽ, tay cầm chiếc túi xách. Không nghe thấy một tiếng động nhỏ nào ở phía sau chiếc quạt điện.

Nữ chủ nhân xuất hiện ở cửa cuối phòng khách.

- Đức cha bảo mẹ con bà hãy trở lại đây sau ba giờ chiều - bà ta nói rất khô khàng - Người vừa đi nằm chưa được năm phút mà.

- Nhưng tàu hỏa sẽ khởi hành từ đây lúc ba giờ rưỡi, thưa bà, - người đàn bà nói. Đó là một câu nói ý tứ nhẹ nhàng nhưng thể hiện rõ ràng một sự đòi hỏi phải dứt khoát được gặp cha. Nữ chủ nhân, lần đầu tiên, mỉm cười:

Thôi được, - nữ chủ nhân nói. Khi cánh cửa ở phía cuối đóng lại, người đàn bà ngồi xuống ghế bên cạnh con gái mình. Cái phòng đợi đã hẹp, lại rất nghèo nàn, nhưng được cái gọn gàng và ngăn nắp. Phía bên kia bức bình phong gỗ ngăn đôi căn phòng có một chiếc bàn viết rất mộc mạc, trên mặt bàn để một chiếc máy chữ cổ lỗ bên cạnh một chiếc cốc có cắm hoa tươi. Phía sau bàn là tủ hồ sơ của giáo khu. Cái cung cách bày biện này cho ta cảm giác căn phòng được bàn tay một người đàn bà chưa chồng chăm nom chu đáo.

Cánh cửa cuối căn phòng lại mở. Lần này vị cha cố tay cầm khăn tay đang lau cặp kính cận, bước ra. Chỉ khi ngài đeo kính vào lúc ấy ta mới nhận ra ngài và người đàn bà kia là hai anh em ruột.

- Bà muốn thưa bẩm điều gì nào? - đức cha hỏi

- Con chỉ cần mượn chìa khóa nghĩa địa - người đàn bà trả lời.

Cô bé ngồi trên ghế tay cầm bó hoa, hai chân bắt chéo để ở phía dưới ghế. Đức cha nhìn cô bé, sau đó nhìn người đàn bà, rồi qua tấm lưới kim loại giăng kín khuôn hình cửa sổ, ngài nhìn ra phía xa, nhìn bầu trời quang mây rực sáng.

- Đi thăm mộ vào lúc trời đang nóng nắng như thế này ư? - Ngài nói - Các người nên đợi đến khi mặt trời lặn đã.

Người đàn bà lặng lẽ lắc đầu. Đức cha đi sang phía bên kia tấm bình phong gỗ, lấy từ trong tủ ra một cuốn sổ bìa bọc da, một chiếc bút và một lọ mực. Sau đó ngài đến ngồi bên bàn. Hai cánh tay đức cha lông lá đến kinh nhưng cái đầu đức cha lại trốc lốc.

- Các người đến viếng đám mộ nào hả - cha hỏi.

- Mộ của Caclốt Xanhtênô, - người đàn bà trả lời.

- Ai ha?

- Cáclốt Xanhtênô. - Người đàn bà nhắc lại.

Đức cha vẫn chưa hiểu đầu đuôi ra sao.

- Cái gã ăn trộm bị giết tại đây tuần trước, - người đàn bà vẫn nói bằng giọng ban nãy. - Con là mẹ hắn.

Đức cha nheo mắt lại chăm chú theo dõi bà ta. Bà ta vẫn chăm chú nhìn thẳng vào mắt ngài. Trước thái độ điềm tĩnh của người đàn bà, đức cha lúng túng đâm đỏ mặt. Ngài cúi đầu viết.

Khi đức cha viết được một nửa tờ giấy, - ngài yêu cầu người đàn bà trả lời những câu hỏi về hoàn cảnh của bà. Bà ta trả lời trơn tru mọi chi tiết, như thế bà ta đang đọc tiểu sử bản thân. Đức cha bắt đầu toát mồ hôi. Cô bé cởi khóa chiếc giày chân phải, rút bàn chân ra rồi chống nó vào chân ghế. Cô cũng làm tương tự như thế với bàn chân trái.

Câu chuyện xảy ra vào lúc ba giờ sáng ngày thứ hai tuần trước cách nhà đức cha chừng vài ba ô phố. Bà Mêbecca, một

quả phụ cô độc sống trong một ngôi nhà chứa nhiều đồ thờ, qua tiếng mưa dầm rả rích bỗng nghe thấy tiếng động của một ai đó định cậy khóa cửa chính. Bà ta vùng dậy, mò tìm khẩu súng lục cổ lỗ sỹ từ thời đại tá Anrêlianô Buêndya mà không một ai đã dùng đến, rồi bà lạng lẽ bước ra phòng khách không bật đèn sáng. Bà bình tĩnh định hướng cái tiếng động rồi giương súng lên về phía không chỉ có cửa chính mà còn vào đúng vị trí có ổ khóa. Hai tay bà cầm chắc lấy báng súng, nhắm mắt lại rồi bóp cò. Đó là lần đầu tiên bà bắn súng lục. Ngay sau đó bà không nghe thấy gì hết ngoại trừ tiếng mưa rơi trên mái tôn. Sau đó ít lâu bà cảm thấy có tiếng người ngã trên sân ximăng và một tiếng nói rất nhỏ, bình tĩnh nhưng rất đau đớn: "Ôi, mẹ ơi". Sáng dậy, ngay trước nhà có một người đàn ông chết, mũi anh ta bị bắn vỡ toác. Anh ta mặc một chiếc áo kẻ sọc, một chiếc quần bình thường thắt một sợi dây thừng thay cho chiếc thắt lưng. Anh ta đi chân đất. Trong làng không có người nào như thế cả.

- Vậy ra tên y là Cáclốt Xênhtênôđấy - Đức cha thầm thì nói khi ngài viết xong.

- Xênhtênô Alada, thưa cha, - người đàn bà nói - Nó là đứa con trai một của con.

Đức cha trở lại tủ hồ sơ. Trên một cái đinh ở phía sau cánh cửa có treo hai chiếc chìa khóa to sụ và han gỉ đúng y như cô bé đã nghĩ, đúng y người đàn bà khi còn ngây thơ từng nghĩ và có lẽ cũng đúng như chính đức cha đã nghĩ chúng là chìa khóa của Thánh Pêđrô. Đức cha lấy chìa khóa, đặt chúng lên trên cuốn sổ mở trang, rồi ngài lấy ngón trỏ chỉ đích vào trang vở đã viết chữ, nhìn người đàn bà và bảo:

- Hãy kí tên vào đây.

Người đàn bà nguyệch ngoạc ký tên mình trong khi nách kẹp chặt cái túi xách. Cô bé cầm lấy bó hoa, chân lê sên sệt đôi giày đi về phía hàng lan can và chăm chú quan sát mẹ mình.

Đức cha thở dài:

- Không bao giờ người lo dạy bảo nó đi vào con đường tốt đẹp, phải không?

Người đàn bà trả lời, khi cha cố vừa ký xong:

- Nó là một người đàn ông rất tốt, thưa đức cha.

Đức cha lúng túng nhìn người mẹ, nhìn cô bé với lòng thương cảm. Cha nhận thấy họ không có ý định khóc. Người đàn bà vẫn một giọng ấy, tiếp tục nói:

- Con từng bảo nó rằng đừng bao giờ ăn trộm một thứ gì để đến nỗi chủ nhân của nó phải chịu đói khổ và hắn đã nghe lời con. Trước đây, khi nó còn đi đấm bốc, nó nằm trên giường tập chịu đòn suốt ba ngày liền.

- Anh ấy còn phải nhổ cả răng nữa cơ. - Cô bé nói chen.

- Đúng thế đấy, thưa đức cha - bà mẹ xác nhận điều con gái vừa nói - mỗi miếng cơm con ăn trong thời gian ấy, con hiểu ngay đó là miếng ăn được đổi bằng những qủa đấm mà thằng con của con phải chịu vào các tối thứ bảy.

- Ý nguyện của Thượng đế là không thể đảo lộn được - đức cha nói.

Đức cha nói điều đó không được rõ ràng lắm, phần vì ngài chưa tin, phần vì trời oi nóng quá. Cha khuyên mẹ con họ cần phải đội nón để tránh bị nhức đầu. Đức cha ngáp ngủ và hầu

như ngài đã ngủ rồi, tuy nhiên ra phần mộ của Xênhtênô. Khi trở lại đây, mẹ con họ không cần phải gọi cửa mà chỉ cần luồn chìa khóa vào nhà ở phía dưới cửa và nếu có thể thì để lại một ít tiền quyên góp cho nhà thờ. Người đàn bà chăm chú nghe những điều ngài chỉ bảo nhưng chỉ cảm ơn mà không hề mỉm cười.

Trước khi mở cửa chính ăn thông ra đường cái đức cha nhận ra rằng ai đó đang dí mũi vào tấm lưới kim loại để nhìn vào trong nhà mình. Đó là một đám trẻ nhỏ. Khi cánh cửa mở toang, đám trẻ liền chạy tán loạn. Theo lệ thường, vào giờ này không có ai ở ngoài đường sá. Thế nhưng lúc này, không chỉ có trẻ nhỏ mà còn có cả người lớn tụ tập thành từng toán ở dưới bóng râm những cây bàng. Đức cha đưa mắt quan sát con đường sáng rực ánh nắng phản chiếu và thế là ngài hiểu hết. Đức cha đóng cửa lại thật nhẹ nhàng.

- Các người hãy đợi một lát đã! - Đức cha nói mà không nhìn người đàn bà.

Cô em gái của đức cha xuất hiện ở cửa cuối căn phòng, tóc xõa ngang vai, chiếc áo khoác choàng lên ngoài chiếc áo ngủ. Nữ chủ nhân lặng lẽ nhìn đức cha.

- Có gì vậy?- cha hỏi.

- Dân chúng biết cả rồi - cô em gái đức cha thầm thì nói.

- Tốt hơn hết là họ nên đi ra theo cửa sau - đức cha nói.

- Chẳng ăn thua gì đâu - cô em gái đức cha thầm thì nói.- Cả thiên hạ đều đứng ở cửa sổ để theo dõi.

Cho đến lúc này, người đàn bà dường như vẫn chưa hiểu gì cả. Bà ta định nhìn ra đường cái qua tấm lưới kim loại. Sau đó

bà cầm lấy bó hoa trong tay con gái và bắt đầu đi về phía cửa chính. Cô bé lặng lẽ theo sau mẹ.

- Các người hãy đợi cho đến khi mặt trời lặn - đức cha nói.

- Trời ơi, nắng thế này thì các người bị nung chảy ra mất thôi - cô em gái đức cha nói trong lúc vẫn đứng im ở cửa - Hãy đợi một lúc nào để tôi cho các người mượn ô, che nắng.

- Cảm ơn - người đàn bà nói. Chúng tôi đi như thế này cũng được rồi.

Cầm tay con gái, bà đi ra đường cái.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch

THIÊN ĐƯỜNG TRẺ THƠ

NAGUIB MAHFOUZ
(NOBEL 1988)

- Bố ơi...

- Gì thế?

- Con và bạn Nadia bao giờ cũng ở cạnh nhau.

- Tốt lắm.

- Cả ở trong lớp, cả trong giờ chơi, cả ở nhà an.

- Rất tuyệt Bạn ấy đáng yêu và ngoan ngoãn.

- Nhưng trong giờ thần học, con lại vào một lớp, bạn ấy vào lớp khác.

Người bố đưa mắt nhìn vợ đang thêu một tấm khăn thì thấy vợ mỉm cười:

- Và chỉ riêng trong giờ thần học thôi.

- Nhưng tại sao lại thế hả bố?

- Vì con theo một đạo, còn bạn ấy theo đạo khác.

- Thế là sao ạ?

- Còn là tín đồ đạo Hồi, còn bạn ấy là tín đồ Thiên Chúa.

- Tại sao hả bố?

- Con còn nhỏ, bao giờ lớn, con khắc hiểu.

- Con lớn rồi.

- Chưa, con còn nhỏ.

- Nhưng tại sao con lại là tín đồ đạo Hồi?

Đến đây, người lớn phải kiên nhẫn và thận trọng để khỏi vi phạm các phương pháp giáo dục hiện đại.

- Bố theo đạo Hồi, mẹ theo đạo Hồi, nên con cũng là tín đồ đạo Hồi.

- Còn Nađia thì sao ạ?

- Bố mẹ bạn ấy theo đạo Thiên Chúa. Bởi vậy bạn ấy cũng theo đạo Thiên Chúa

- Đó là tại vì bố bạn ấy đeo kính?

- Không, đeo kính không liên quan gì đến chuyện này. Chẳng qua ông của bạn ấy cũng theo đạo Thiên Chúa.

Anh sẽ kể về ông bà, cụ kỵ và tổ tiên xa nữa, xa mãi để con gái anh phát ngán mà nói sang chuyện khác. Nhưng nó đã hỏi:

- Thế theo đạo Hồi tốt hơn hay theo đạo Thiên Chúa tốt hơn hả bố?

Suy nghĩ một chút, người bố đáp:

- Cả hai đều tốt.

- Nhưng phải có một đằng tốt hơn chứ ạ?

- Cả hai tôn giáo đều tốt.

- Hay là con cũng theo luôn đạo Thiên Chúa, để con và Nađia không bao giờ phải tách rời nhau?

- Không, không được. Ai cũng phải theo tín ngưỡng của cha mẹ mình

- Nhưng tại sao ạ?

Giáo dục hiện đại quả không phải dễ!

- Con không muốn lớn lên cái đã rồi hãy hỏi ư? - Anh trả lời bằng một câu hỏi:

- Không ạ.

- Thôi được rồi. Thế con có biết mốt là gì không? Đó, người theo mốt này, người thích mốt khác. Theo đạo Hồi là mốt mới nhất. Bởi vậy, con vẫn phải theo đạo Hồi.

- Nghĩa là Nađia không còn hợp mốt?

Thật chẳng ra làm sao! Có lẽ anh đã phạm một sai sót nào đó. Bây giờ làm sao gỡ ra được đây?...

- Đó là vấn đề thị hiếu, nhưng ai cũng phải theo tín ngưỡng của bố mẹ.

- Con sẽ bảo bạn ấy rằng bạn ấy đã không còn hợp mốt, còn con đang theo mốt mới nhất, được không ạ?

- Tín ngưỡng nào cũng tốt, - người bố vội ngắt lời con, - cả tín đồ đạo Hồi, cả tín đồ đạo Thiên Chúa đều tin vào Thượng Đế.

- Nhưng tại sao họ lại tin trong những căn phòng học khác nhau ạ?

- Vì mỗi người tin theo cách riêng của mình.

- Theo cách riêng là thế nào ạ?

- Điều đó thì sang năm hoặc sang năm nữa con sẽ biết. Còn bây giờ con chỉ cần biết rằng tín đồ đạo Hồi tin ở Thượng Đế và tín đồ Thiên Chúa cũng tin ở Thượng Đế!

- Thế Thượng Đế là ai hả bố?

Tới đây thì người bố lúng túng. Sau đó, cố giữ bình tĩnh, ông hỏi:

- Thế ở trường cô giáo nói những gì về chuyện này?

- Cô đọc kinh Côran, và chúng con học thuộc các câu kinh nhưng con chẳng hiểu gì cả. Thượng Đế là ai hả bố?

- Là người sáng tạo ra tất cả mọi thứ trên thế giới này, - người bố ngập ngừng một chút rồi nói:

- Tất tần tật hả bố.

- Ừ, tất tần tật.

- Thế Đấng sáng tạo nghĩa là gì hả bố?

- Nghĩa là người làm ra tất cả.

- Làm bằng cách nào ạ?

- Bằng ý chí vô biên của mình.

- Thế Thượng Đế sống ở đâu ạ?

- Ở tất cả mọi nơi trên thế giới.

- Nhưng khi chưa có thế giới thì Thượng Đế ở đâu?

- Ở cao lắm, tít trên kia.

- Trên trời ấy ạ?

- Ừ

- Con muốn nhìn Thượng Đế một cái.

- Không thể được.

- Nhìn qua tí vi cũng không được ạ?

- Ừ.

- Thế tạo sao bố lại biết Thượng Đế ạ?

- Là vì đúng như thế.

- Ai là người đầu tiên biết Thượng Đế ở trên kia.

- Các nhà tiên tri.

- Các nhà tiên tri ấy ạ?

- Ừ, ví dụ nhà tiên tri Muhamét chẳng hạn.

- Làm cách nào ông ấy biết được hả bố?

- Vì ông ấy có một sức mạnh đặc biệt.

- Mắt ông ấy rất tinh a?

- Ừ.

- Tại sao vậy hả bố?

- Vì Thánh Ala làm mắt ông ấy tinh.

- Nhưng tại sao mới được chứ, hả bố?

Mất hết bình tĩnh, anh đáp:

- Bởi vì người ta có thể làm tất cả những gì người muốn.

- Thánh là người thế nào hả bố?

- Thánh, rất hùng mạnh, rất khỏe khoắn, có thể làm được mọi việc.

- Giống như bố ấy phải không bố?

Anh cố nén cười:

- Không ai bằng được Người.

- Thế sao Người lại phải sống ở trên kia?

- Vì đối với Người, mặt đất bé quá. Nhưng Người trông thấy tất cả mọi điều.

Cô bé ngẫm nghĩ một chút rồi nói:

- Nhưng bạn Nadia bảo Người đã từng sống trên mặt đất.

- Đó là vì Người biết hết những gì xảy ra trên mặt đất, chẳng khác gì Người sống ở đây.

- Nhưng bạn ấy nói rằng một bọn đã giết chết Người?

- Nhưng người vẫn sống mãi và không bao giờ chết.

- Nhưng Nadia nói Người đã bị giết chết?

- Không phải đâu con ạ, chúng tưởng chúng đã giết chết Người, nhưng Người không chết, Người vẫn sống.

- Thế ông nội con vẫn sống?

- Không, ông mất rồi.

- Ông bị một bọn giết chết ạ?

- Không, ông tự chết thôi.

- Tại sao ạ?

- Ông bị ốm, cho nên ông chết.

- Thế em gái con cũng sẽ chết chứ ạ, vì nó đang bị ốm kia kìa?

Anh cau mày, trông thấy cử chỉ tức giận của vợ.

- Không em con sẽ khỏi, chắc chắn như vậy.

- Thế tại sao ông lại chết hả bố?

- Vì ông ốm yếu và già cả.

- Bố cũng sẽ ốm yếu và già cả, tại sao bố không chết?

Người mẹ mắng cô bé, cô bé ngơ ngác không hiểu ra sao. Nó băn khoăn nhìn mẹ rồi nhìn bố.

- Chúng ta chết là theo ý của Thượng Đế, khi nào Người muốn thế, cuối cùng người bố đã tìm ra cách trả lời.

- Thế tại sao Người lại muốn chúng ta chết ạ?

- Mọi chuyện đều là do ý của Người.

- Thế chết là tốt hả bố?

- Không đâu, con.

- Vậy tại sao Thượng Đế lại làm điều không tốt?

- Người mà đã muốn, thì ai cũng phải chết thôi.

- Nhưng, chính bố vừa nói rằng chết là không tốt cơ mà?

- Bố lầm, con ạ.

- Thế tại sao mẹ lại tức giận khi con nói rằng bố sẽ chết?

- Vì Thượng Đế còn chưa muốn như vậy.

- Bao giờ Người muốn ạ?

- Người gửi chúng ta xuống thế giới này, rồi Người lại gọi về.

- Để làm gì?

- Để chúng ta ở đây làm những điều tốt, chứng nào chúng ta còn chưa phải rời bỏ thế giới này.

- Nhưng tại sao chúng ta không ở lại?

- Nếu mọi người không rời bỏ mặt đất, thì sẽ không đủ chỗ.

- Tất cả những gì tốt đẹp, chúng ta sẽ để lại đây hả bố?

- Chúng ta sẽ đi tới một chỗ còn tốt đẹp hơn nữa

- Tới đâu ạ?

- Lên trên kia

- Lên với Thượng Đế?

- Ừ.

- Và chúng ta sẽ trông thấy Người?

- Ừ.

- Và như vậy là tốt hả bố?

- Tất nhiên.

- Vì vậy chúng ta mới cần phải đi khỏi đây?

- Nhưng chúng ta còn chưa làm tất cả những điều tốt mà chúng ta có thể làm.

- Còn ông nội, ông đã làm tất cả rồi?

- Ừ.

- Thế ông đã làm được những gì ạ?

- Ông đã xây dựng được một ngôi nhà và trồng được một khu vườn.

- Thế thằng Tutu, em họ của con bị chết hồi nọ thì đã làm được những gì ạ?

Người bố tuyệt vọng ném anh mắt về phía người mẹ để cầu cứu. Sau đó anh nói:

- Nó cũng đã xây dựng được một ngôi nhà nhỏ trước khi nó ra đi.

- Còn thằng Lolu ở bên cạnh nhà mình cứ đánh con luôn và chẳng làm điều gì tốt cả.

- Nó là đứa hư.

- Và nó sẽ không chết chứ ạ?

- Nó sẽ chết khi nào Thượng Đế muốn.

- Mặc dù nó không làm được điều gì tốt?

- Mọi người đều chết cả. Nhưng ai làm được điều tốt sẽ được lên chỗ Thượng Đế, còn ai làm điều xấu sẽ bị thiêu trong lửa.

Cô bé buông một tiếng thở dài, im lặng vài phút. Còn anh, anh cảm thấy mệt rã rời. Anh trả lời con gái anh có đúng không? Nhưng vừa lúc ấy, cô bé đã lại nói:

- Con muốn lúc nào cũng ở bên cạnh Nadia.

Anh đưa mắt ngỡ ngàng nhìn con, cô bé liền giải thích rõ:

- Kể cả trong giờ thần học.

Anh cười vang lên. Người mẹ cũng cười.

- Anh không nghĩ rằng có thể bàn luận những vấn đề như thế với các con, anh nói với vợ.

Người vợ đáp:

- Khi nào con gái mình lớn, anh có thể nói hết với nó những mối hoài nghi của anh.

Anh ngoảnh mặt về phía vợ, cố hiểu xem chị nói câu đó là nói thật hay nói đùa, nhưng anh thấy chị đã lại cúi xuống khung thêu.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch

VONG LINH ANH BẠN CAO KỀU

CAMILÔ JOSE XÊLA
(NOBEL 1989)

Điều tệ hại không phải ở chỗ thua mà ở chỗ bỏ cuộc. Trong chiến tranh chỉ cần thắng trận cuối. Các trận khác là

thừa: chúng không được kể đến mà chỉ được nhớ đến (nhớ cũng ít thôi). Ngài Bácmácđô Bênavênhtê Canlbrera biệt hiệu là "Anh bạn cao kều" vì tuổi chẳng đã già từ môn thể thao đấu bò. Ngài Bécmácđô đã thắng mọt số trận và cũng có thua một số trận khác y như các đồng nghiệp vậy. Nhưng có một ngày, một ngày xấu, nỗi buồn chán choán hết tâm hồn ngài và thế là ngài đã nộp giả vũ khí và trang phục của võ sĩ đấu bò. Điều này được gọi là bỏ cuộc. Thưa bạn, đúng thế! Không một mảy may nghi ngờ gì cả. Không bao giờ ngài Bécmácđô ân hận vì đã từ bỏ nghề đấu bò. Người ta được biết rằng ngài đã mệt mỏi, rằng nghề đấu bò bạc lắm và hơn nữa đấu bò không được chơi một cách trong sáng và thẳng thắn mà ngược lại nó được chơi một cách lắt léo và làm vẩn đục ý nghĩ tốt đẹp. Này "Anh bạn cao kều", tại sao lại như thế nhỉ? Ôi chà, chẳng qua là tớ mệt vì lúc nào cũng chỉ làm chính một việc ấy thôi. Nhàm lắm!

Ngài Bécmácđô Bênavênhtê, biệt hiệu "Anh bạn cao kều", chưa bao giờ là một võ sĩ đấu bò cừ khôi cả, đó là một sự thật, nhưng ngài lại là một tay kiếm linh hoạt và một người hoàn thành mọi cam kết vì thế ngài chẳng bao giờ thiếu các hợp đồng. Tại sân đấu bò ở Mađrit, nơi ngài chỉ trổ tài có hai lần không hơn không kém, ngài đã không gặp may và ngài được báo tin mình phải lần lượt hạ sát bốn con bò. Nhưng đến con thứ tư, không hiểu vì sao người ta lại lùa nó trở về chuồng và giữa lúc đó nổ ra cuộc tranh luận giữa những người xem trong đó không thiếu người gọi ngài bằng vô vàn những từ ngữ phong phú. Ôi, cái thứ ngôn ngữ khả kính của Xécvantát mới thật là uyển chuyển trong việc thóa mạ người đồng loại. Người ta không biết rằng sân đấu bò Mađrit đối với "Anh bạn cao kều" là hết sức nặng nề. Ngài chỉ cảm thấy thích thú và thoải mái

khi được trổ tài nghệ ở sân đấu bò các làng quê như EnEbôrina, Chinhchông, Talayêra hay ở các thành phố nhỏ như Avia, Sôria, Goadala, Sêgôvia v v...và v.v...

- Nhưng mà này "Anh bạn cao kêu" cái gì đã xảy ra với cậu ở sân đấu bò Madrit, nơi vốn là quê hương cậu kia mà?

- Anh bạn ạ, mình làm sao hiểu được khi người ta lùa vào sân đấu những con bò hiền khô và mang đi của mình con bò hung dữ, con bò mình phải hạ được nó, thì lúc đó mình thấy cả thiên hạ đổ xô về mình. Mình chẳng hiểu điều đa xảy ra lần đầu tiên trong đời, mình cảm thấy thộn quá và rất bất hạnh. Bạn cứ nghĩ xem mình khổ tâm như thế nào khi cái điều đó lại xảy ra với mình ngay ở sân đấu bò thủ đô. Con vật đã thoát thân một cách cao thượng. Mình không thể đổ lỗi cho con bò. Bạn thử nghĩ xem mình khổ tâm đến mức nào, trước cái sự kiện đó xảy ra ở ngay Madrit, ở ngay trước mũi bạn bè mình, làm sao chịu nổi hở bạn!

- Đúng thế, quả thật là cậu đã không gặp may.

"Anh bạn cao kêu" giã biệt nghề đấu bò tại sân đấu Cuênca vào ngày 15 tháng 3 năm 1921 ngày thánh bà Asunviôn lúc ấy ngài 50 tuổi, và tuổi tác dù chưa phải là nhiêu, và trước hết bệnh ho mãn tính đã làm ngài mất đi hứng thú và tài nghệ. Cùng giã biệt nghề đấu bò với "Anh bạn cao kêu" còn có Pacô Madrit, người từng là đầu bếp trước khi làm thày tu (hay nói đúng hơn, bằng một hình thức khác, ông ta làm thợ đốt lò cho Tập đoàn xe lửa Anđalulia trước khi làm võ sĩ đấu bò, và Rubilôlen..... một số võ sĩ đấu bò ít chiến tích. Con bò gần đây mà "Anh bạn cao kêu" hạ thủ được là con lisong héritô một con bò hung dữ của đàn bò ngài bá tước ở Santa Côlôma. Và chiến tích này cũng chẳng lấy gì làm hiển hách lắm nhưng đối với

ngài nó là một cái giá để mà đòi hỏi. "Anh bạn cao kêu" đã làm điều có thể làm và đã bày tỏ ý nguyện được sung sướng và được tôn trọng cho dù đó là do lòng thương hại. Người ta đã thưởng cho ngài một tràng vỗ tay thương mến và một chiếc tai bò. Thế là tốt rồi!

Kể từ cái ngày đáng nhớ đó, "Anh bạn cao kêu" từ giã trường đấu bò nhưng ngài lại không từ bỏ những việc vặt vãnh sau hậu trường trong cái mạng nhện trùm lên các trường đấu, nhất là khi có các cuộc đấu lớn. Thoạt đầu, ngài là ông bầu cho các cam kết không vượt quá các cam kết mà ngài là kẻ chịu bất hạnh tại các trường đấu bò như Mêlômêrô, Anmônlêphô Chicô-, Ty.... và một trường đấu ít nổi tiếng hơn. Sau đó, khi thấy rằng mắt mình kém tinh nhanh, chẳng mấy khi chúng chịu phát ra những tia sáng tinh nghịch, ngài còn cố làm việc thêm hai mùa đấu bò của các tay võ sĩ trẻ. Mùa đấu bò năm 1925, ngài là ông bầu cho Pênê... kẻ đã bị con bò Xabatêrô của Hôxê Garcia giết chết tại trường đấu bò Ăngnarô, mùa đấu bò năm 1925 ngài lại phục vụ cho Cabômêgrông kẻ đã bị con bò Côtirô của bà Cácmandê Phêdêricô giết chết tại trường đấu bò Sêcuyêcta kinh sợ trước hai nỗi bất hạnh xảy ra liên tiếp kia. "Anh bạn cao kêu" liền suy sụp tinh thần và sau đó ít lần biến mất tăm mất dạng. Một số cụ già yêu thích môn thể thao đấu bò khẳng định rằng các cụ tận mắt mình thấy ngài mang bình nước phục vụ đội võ sĩ đấu bò của Bantaxa Giomết, biết danh là Chônixô đê Mêrida. Nhưng điều này thái quá đến mức không thể chứng nghiệm được. Banlaxa Gômết đã bị con bò Hêxinê thuộc đàn bò của ngài Lêprôxôrut giết chết tại trường đấu bò Layôda này xảy ra đã làm đầy đận nỗi rủi ro khét tiếng của "Anh bạn cao kêu" người bị đám đông chạy trốn như chạy trốn bệnh thổ tả ấy.

- Tôi không dám ca thán dân chúng đâu. -"Anh bạn cao kều" nói với giọng buồn buồn, sự thật là nếu cái số tôi không bị đen thì đâu đến nỗi. Xin nhớ cho là tôi đã nhìn thấy máu trên đường đấu bò.

Dân chúng vẫn nhớ ngài Becmacctô Bêrayêtê Cabrêra.

Già nua và sống bên lề cái thế giới ồn ào, bên lề đường hư vinh của mình, một cụ già sạch sẽ, diện bộ đàng hoàng, điềm tĩnh và hơi buồn đang thận trọng sắp đặt quầy hàng của mình: nào súp gà, súp bò rừng, cá đồ tạp hóa và một số quần áo vùng đảo Caluarita

Ngài Bécmácđô Bênatê không rao hàng. Ngược lại, với vẻ cao thượng và khiêm tốn, ngài cứ lặng lẽ chờ khách hàng đến mua, đó là các khách hàng có mang theo chó và thái độ mua bán sời lời, mau chóng.

- Cảm ơn!

- Không dám, thưa ngài Bécmắcđô!

Hôm qua, ngày 28 tháng giêng năm 1966, ngày hội Thánh Pêđrô Nôlaxcô, sáu người bạn chúng tôi đã xây cất tử tế phần mộ cho vong linh "Anh bạn cao kều", chủ hiệu tạp hóa mà chúng tôi thấy chết dử đừ trong phòng ngủ chật chội. Chatô Côlômbô, một người hầu và tôi đã thấy ngài chết khi chúng tôi mang đến làm quà mừng sinh nhật ngài một chai rượu ngon hiệu LA-I-Na. Ngài chánh án tin lời khai của chúng tôi ngay lập tức, vì thật tình ngài chẳng hề khó chịu với chúng tôi. Ngài thư ký cũng như viên ký lục cũng không hề tỏ ra lạm dụng thời cơ để hoạnh họe chúng tôi.

- Họ và tên?

- Nicanô Ốctít angađêphên nhưng người ta thường gọi tôi là Chatô Côlômbô.

- Tốt! Thế nghề nghiệp?

- Võ sĩ đấu bò, nhưng đã hưu trí.

- Thế còn ngài kia?

Một người hầu khai họ và tên và nghề.

- Thế còn ngài, có phải ngài là người viết trên một số tờ giấy phải không?

- Đúng thế, thưa ngài. Đôi khi, một vài bạn bè còn đăng báo của tôi nữa kia.

- Thôi được! Các ngài có thể về và khi nào cần, chúng tôi sẽ cho gọi.

- Xin đa tạ. Chúc ngài mọi sự tốt đẹp!

Sáu người bạn đã chôn cất cho "Anh bạn cao kêu" người đã chết ở tuổi tám tư hay tám nham gì đó là hai người chúng tôi đã bắt gặp từ thì ngài và bốn người kia là Elêban Phrutốt Sanchông, chủ của hiệ ăn EinNéchta; là Paulinô Cadidăt, Ôchanđô, người làm công trong Ngân hàng Tây Ban Nha; là Ônésimô, Pênharăngđa Sauhoan, công chức của hãng vận tải là Hêmicô Gacxilong Êproridát người gác đêm. Mỗi chúng tôi đã chôn cất ngài trong phần mộ riêng chứ khong đến nỗi phải đưa thi hài ngài vào huyệt chung.

Đám tang buồn lắm và hơi có phần sang trọng. Trước đây, tang lễ được cử hành tốt hơn, có tính cách hơn. Càng về sau, tang lễ càng giản dị nhiều. Phần mộ của nghĩa địa Elê bẩn thỉu, lộn xộn, hèn hạ và hơi kém phần trang nghiêm, nó tựa như một xóm thợ gồm những ngôi nhà tồi tàn hiện đang làm móng. Đất bị giẫm đạp lên nhiều biến thành bùn không có cây cối, chim chóc. Không có sự đón tiếp và dĩ nhiên không có tình thương.

Khi từ nghĩa địa trở về, chúng tôi vào quán La Vanhtas ăn bữa. Vì chúng tôi mệt phờ nên chúng tôi tranh thủ ăn món lòng gà rán để lấy lại sức.

- Ôi, cái món lòng gà rán mới ngon và thanh nhã.

- Phautôt Sanchông giải thích cho chúng tôi - vì chúng được nuôi bằng những mẩu bánh vụn. Ngày trước, khi các mệnh phụ ăn món lòng gà rán vào lúc bọn bò đấu được lùa ra đấu trường, ôi, nếu được nhìn các mẹ lúc ấy thì thích mắt lắm cơ.

Thứ rượu để thành đống thế kia là thứ rượu chẳng ra gì và các chủ quán thường ít chăm nom tử tế. Do vậy, "Anh bạn cao kều" - ôi "Anh bạn cao kều" đáng thương sẵn sàng uống ngay hai cốc rượu xoàng đó nếu như có ai mời ngài.

Khi ngửi thấy mùi chim rán, Gácxiăng Expingácđa bèn thèm ăn ra mặt. Anh ta bảo:

- Đây là món ăn tuyệt vời đã được con người sáng chế ra. Tôi thích ăn món này hơn cái món dưa quả ô liu rất nhiều. Chẳng biết đến bao giờ mới hết tội ăn món dưa quả ôliu! Với một tá hoặc tá rưỡi con chim rán, một người đàn ông hẳn sẽ rất sẵn sàng ăn và ăn ngon miệng. Tôi tin là y sẽ ăn rất ngon miệng mà.

Chatô Côlômbô không mấy để ý của cải vật chất.

- Đúng thế! Có thể lắm chứ!

Vào lúc mặt trời lặn hoặc trước đó một lúc các đôi nhân tình bắt đầu kéo đến quán ăn la Vanhtát. Một vài đôi có vẻ đứng đắn, còn các đôi khác có lẽ từ rất xa tới với vẻ vụng trộm thế nào ấy.

- Chúng mình về được rồi chứ?

- Tùy các ngài!

Tại quán ăn Mácia, anh bạn Phrugốt San không sai để một chiếc khay đặc biệt ở ngay quầy bên hàng để quyên góp tiền làm lễ Misa cho vong linh "Anh bạn cao kêu" đã quá cố - trước khi đóng cửa cũng thu được ngót bốn mươi đồng Durô.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch

CA SĨ HÁT RONG BLANKJTO

CAMILÔ JOSE CELA
(NOBEL 1989)

Ở Calabaxinô, những bài tăngô xứ Huênva[1] được hát hay hơn ở bất cứ nơi nào. Những bài tăngô xứ Huénva, nổi tiếng khắp thế giới: Adamônntê, Lixbôa, Liverpô, Pari... Ở ênamahôma, điệu *phandagô* được hát rất nghiêm chang: *Thàng cut xứ Bornacha* được hát theo điệu phandangô thì tuyệt, chẳng khác gì Thánh Gabriên. Tuyệt vời! Thế mới là tài nghệ chứ! Blankito, người làng Xancarôna dám đọ sức với bài ca vĩ đại. Điệu đêbla và điệu tônađa đối với y chẳng có gì là hóc hiểm. Y là người có tài năng hơn bất cứ ai, Nhưng thật đáng buồn vì y có cuộc đời rất cay đắng và đang bị lao phổi. Cách đây hai hoặc ba năm anh thợ cắt lông cừu tên là Pêpê Phuentêt đã quá cố. Anh là một con người hát hay hơn bất kỳ ai điệu seirna trong toàn xứ Andaluxia. Anh có biệt hiệu là Verdughidô dê Rutê, người mà khi chúng tôi chôn cất vẫn sực mùi rượu anit.

---

(1) Một tỉnh thuộc xứ Andaluxia, nơi có nhiều mỏ của Tây Ban Nha.

Chiếc áo quan tựa như con thằn lằn, con thằn lằn - trườn, đi đầy ruồi bậu, còn anh, cứ tỉnh bơ im lặng, rất im lặng. Verdughidô dê Rutê luôn luôn là một người hoàn hảo. Điệu anbôrêa điệu tridêra vẫn được hát ở Torêđônbinêrô, ở Sêrihuêla dê Goađalima và một số làng lân cận. Các bài hát không có ghita đệm mới thực sự là chúng và rất thực, nhưng dân chúng lại chán không muốn nghe. Raphaen, người làng Vôladôrêt hát tựa như chim Calauđria. Ở Phrihiliana, điệu *verđian* rất phổ biến, vốn là loại bài hát dễ hát, nhưng thú vị. Cả thiên hạ đều hát điệu verđian, có điều là có người hát hay và có người hát dở. Anhêlitô đem Santo Crixtô thuộc số những người hát hay và trang trọng điệu verđian. Ở Rômailikê vẫn còn sống nữ ca sĩ casinđa, từng là bà hoàng của điệu *Granaia*, có lẽ bây giờ bà đã già lắm rồi. Sêbaxtian Campidô, phu huyệt ở Niha, có giọng tuyệt vời để hát các điệu dân ca vùng đông nam Tây Ban Nha. Sebastian Campidô là người làng Agoa Amarga và là võ sĩ đấu bò nghiệp dư ít gặp may. ở Cartahêna người ta hát để ca ngợi người dân Cartabêna. ở Uniông người ta hát để ca ngợi miền mỏ. Tômat Cuênca - người làm bàn giấy, Rôsêndô Nunhêt - người bán hàng rong, Phêlich Martinêt - thợ hỏa xa, và Diêgô Martinêt - thợ xây, đều hát về những con người cartahêna, với một phong cách đứng đắn và hấp dẫn. Nhưng miền mỏ được những người thợ mỏ hát ca: Pênchô Crôt, Anhen Phernandêt, Ninbô Anphônsô, cả ba đều là thợ mỏ Uniông; Mighen Caparôt, thợ mỏ Alumbrêt; Cadêtanô Garxia, thợ mỏ Portman; nữ ca sĩ nổi tiếng Isaben Điat, thợ mỏ, miền Tây Nam, và anh thợ cạo Antonio Rôđrighêt, người giật giải Rosario Cônđê, người nọ nối tiếp người kia, ca hát về miền mỏ. Tất cả những người được dẫn tên ở trên đâu thuộc nhóm

những ca sĩ nghiệp dư mà khi bị bứng khỏi làng quê mình, và khỏi bạn bè của mình đều bị thui chột.

Mađrit nuốt chửng Blankito, người làng Xancarôna, người đã bỏ làng và bè bạn mình mà không được Thượng đế hay Qủi dữ khuyên nhủ. Nuốt gọn cả đuôi chăng? Không, vẫn còn để lại cái đuôi của sự nhớ nhung, chí ít là cho đến tận hôm nay. Mađrit gần như nuốt gọn Blankitô, người làng Xancarôna; cái đuôi còn lại để có thể kể về y nếu y còn sống. Blankitô, người làng Xancarôna không phải là người thông minh; có giọng và tình cảm điều đó thì đúng, nhưng không thông minh. Blankito, người làng Xancarôna có thể nhào nặn ra một hạnh phúc nhưng cuộc đời không theo ý muốn của y và thế là y vẫn nghèo, nghèo hơn cả chuột. Blankito, người làng Xancarôna lại là người không được khỏe mạnh lắm; đôi lúc y phải bỏ hát vì bị ho. Thế y không uống thuốc sao? Có chứ, y có uống thuốc. Thuốc không làm thuyên giảm cơn bệnh vì bệnh tật tự bên trong chui ra. Thương thay Blankito, phải không? Đúng thế, Blakitô thật đáng thương lắm.

Sự thật là ở Mađrit, từ lễ Paxqua lần Lễ Tro, Blankitô hát tại Vida Rôna, hoặc ở đầu phố Echegaray hay ở bất cứ chỗ nào có thể hát. Đôi khi y không thể hát ở bất cứ đâu và thế là y không có cơm ăn, da y vàng võ. Không ai thấy khỏe mạnh và vui vẻ khi phải nhịn ăn, và cái câu chuyện nói rằng bọn người lang thang không ăn chẳng qua chỉ là một sự bịa đặt nhảm nhí. Những kẻ lang thang, cũng như tất cả mọi người, chỉ không ăn khi nào không thể ăn, còn khi có thể thì họ nhồi nhét cho căng bụng, căng phình bụng. Xin nhớ cho là căng phình bụng! Với cái dạ dày rỗng thì chẳng thể làm gì được, bạn ạ, kể cả ngồi chơi bài. Với da dày nằm im lìm thì việc có thể làm được là

nghĩ ra một hoặc hai câu thơ nhưng không phải là những câu thơ tươi rói đâu nhé mà chỉ là những câu thơ ỉu xìu và nhợt nhạt. Thật là tồi tệ nếu không có cái dạ dày lưng lửng. Blankitô, người làng xancarôna, là người hát rất hay nhưng dân chúng thủ đô lại không coi y ra gì. Khi Sebatian Campido bỏ nghề hát, và được người ta cho làm một chân phụ huyệt thì anh bảo rằng anh muốn được sống yên ổn, và ngay cả khi người ta mời anh đến sống ở thủ đô thì anh đã trả lời rằng anh không đi đâu hết, rằng anh không muốn từ bỏ số phận đã như thế của mình. Anh đã ở lại Miha, nơi anh chẳng thiếu thốn thứ gì và được làng xóm yêu mến và đùm bọc. Nếu Blankitô, người làng Xancarôna bắt chước anh, một con gà khác sẽ hát cho y và giờ đây có lẽ y chẳng đến nỗi như hiện đang sống; cái lý duy nhất chẳng phải là nếu ở lại làng thì y sẽ được làm một chân phụ huyệt hay bất cứ công việc bảo đảm nào khác, mà là y sẽ không chết đói. Còn ở Madrit thì y đang trên con đường đi tìm cái đói. Con người là con vật rất mù quáng và dần độn, một con vật mới chỉ được thuần dưỡng một nửa, mà lại mơ chinh phục cả thế giới và luôn luôn bị thất bại.

Khi đến thủ đô, Blankitô, người làng Xencarôna, yêu khá say đắm có bạn gái đông hương, gần như người cùng làng. Đó là cô Nati Anhabara Antông, đang làm hầu gái tin cậy của nữ nghệ sĩ nói giọng bụng nổi tiếng Miss Peggy. Nữ nghệ sĩ này đảm nhận cả một tiết mục múa rối rất nổi tiếng trong gánh xiếc Prixê. Miss Peggy tên thật, đúng hơn, tên khai sinh là Encarnaxiông Carin Garxia, ba mươi tám tuổi, người làng Totana, tỉnh Murhia, chưa chồng, nghề nghiệp nghệ sĩ. Tình yêu của Blankitô và Nita đang thuận buồm xuôi gió thì bỗng dưng tan vỡ, tựa như ráng hồng của buổi hoàng hôn, hoặc còn

tồi hơn thế nữa. Vì Mati Anhabana Antông vốn là cô gái cả ghen, đã bắt gặp người yêu của mình đang hú hí với nữ nghệ sĩ nói giọng bụng. Dĩ nhiên, không hề báo trước cô xông vào dằng hai người ra, và còn hơn thế nữa, cô để cho hai chết đứng. Blankitô chỉ còn cách chạy tháo thân và không dám trở lại với cô gái đồng hương vì y không đủ dũng cảm để chương mặt ra với cô. Đối với y đó là một nỗi xấu hổ thật sự vì Mati không những là cô gái ngoan mà còn thường xuyên mang cho y mấy miếng giămbông và đôi lúc cả những chiếc đùi gà. Tóm lại, như người ta vẫn thường nói: niềm vui chóng qua đi trong nhà kẻ nghèo.

Cô Mati Anhabara cung đến Madrit vì lòng yêu thích ca hát; cô hát không tồi nhưng cũng không hay, và đi theo hầu nữ nghệ sĩ giọng bụng nói tiếng khi bà đạt tới thịnh thời. Cô xếp quần áo cũ vào rương và chấp nhận cuộc sống bằng lặng, hoặc chí ít cũng bằng lặng hơn cuộc sống hát rong. Khi chuyện rắc rối với cô người hầu xẩy ra, nữ nghệ sĩ nói giọng bụng liền lồng lộn tống cổ Mati Anhibata ra đường. Blankitô người làng Xancarôna cũng không đến thăm Misa Peggy. Vì chuyện rắc rối đó, cả ba người đều bại hoại trong cuộc đời. Blankitô không phải con người có vận may và cuộc đời luôn xô đẩy y vào ngay lúc tưởng chừng như được à chiếu. Cuối cùng, y cũng tìm được chỗ nương thân.

Saturiô, người trông coi quán ăn Phêlich, quán bán rượu và cơm là người tốt bụng và có thiện cảm với Blankitô. Khi thấy có cơ hội, anh đã kéo Blankitô vào hẳn trong nhà và cho y ăn một bữa cơm thừa canh cặn.

- Cảm ơn Saturiô!

- Khỏi cần, Blankitô. Chúng ta cung cảnh ngộ mà.

- Có đúng là chúng ta cùng cảnh ngộ không? Anh tốt với tôi quá.

Ngày hôm nào được ăn ngon thì Blankitô cho đó là một ngày tuyệt vời và y bảo: sẽ chẳng có thêm những kẻ bất hạnh. Một bữa ăn nóng sốt với bất cứ thứ gì rơi vào dạ dày đói meo, gây nên cảm giác tựa như giác say. Có lẽ nguyên lý hoạt động của ngũ phủ lục tạng khi chuyển thức ăn thành máu đã làm hệ thống thần kinh thêm nhậy cảm. Điều này chẳng có gì hệ trọng đối với Saturiô. Điều hệ trọng đối với Blankitô là Saturiô là một công tử. Saturiô là người vui tính, và là người từng trải qua những trận đói của mình. Những kẻ đôi lần từng nhìn thấy những chiếc tai của sói đói thường dễ thông cảm với những người đói ăn hơn là những kẻ không hiểu tình cảnh một người đi ngủ mà phải nhịn chay là như thế nào. Tình thương của cả kẻ nghèo hay của người từng nghèo khó bao giờ cũng rất chân thực. Lòng thương của kẻ giàu có vốn thường xuyên giàu có lại được trọng thường, được hàm ơn. Điều đó chỉ tại sự ngu dốt của người đời./.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch

CUỘC ĐỜI MÌNH VỚI SÓNG

OCTAVIO PAZ
(NOBEL 1990)

Mình để lại biển nọ, một cô sóng ào lên nhanh hơn những cô sóng khác. Cô ta có thân hình thon thả và nhẹ nhàng. Bất chấp tiếng gào thét của những cô sóng khác vốn đang ngăn cô lại bằng bộ trang phục nổi bồng bềnh trên mặt nước, cô ta níu lấy tay mình và cùng mình tung tẩy đi. Mình không muốn nói

gì cả vì sợ làm cô ta tên tò trước các bạn sóng của cô. Hơn nữa, những ánh mắt giận dữ của các cô sóng lớn tuổi hơn khiến mình phải im. Khi về đến làng mình giải thích để cô ta hiểu rằng không thể được, rằng cuộc sống ở nơi thành phố không phải là cái cô nghĩ trong sự hồn nhiên của sóng chưa từng rời khỏi biển cả. Cô nghiêm nghị nhìn mình: "Em đã quyết chí rồi! Không thể trở lại được nữa". Mình cố dỗ ngon dỗ ngọt, không xong lại sẵng giọng, lại cười cợt. Cô khóc lóc, kêu gào, hết nỉ non dỗ dành rồi lại de dọa. Mình phải xin lỗi cô.

Sang ngày hôm sau mình bắt đầu lo. Làm sao có thể lên tàu mà lái tàu, hành khách, cảnh sát không nhìn thấy chúng mình? Hiển nhiên là nói quy tàu chẳng đề cập đến việc chuyên chở sóng biển tàu, nhưng chính việc mang theo ấy là một bằng chứng nghiêm trọng để người ta phán xét hành động của mình. Sau khi suy nghĩ lao lung mình có mặt tại nhà ga trước giờ khởi hành một tiếng đồng hồ. Mình lên tàu, ngồi vào chỗ và nhân lúc không ai nhìn mình, thế là mình đổ ngay thùng nước uống dành cho hành khách dùng và thay cho nó, mình cẩn thận rót cô bạn gái của mình vào đấy.

Cú trắc trở đầu tiên xuất hiện khi bọn trẻ của đôi vợ chồng ngồi bên cạnh rùm beng kêu khát. Mình kịp thời chặn chúng lại và hứa sẽ mua kem và nước chanh cho chúng. Khi chúng sắp sửa chấp nhận lại có một thiếu phụ khát nước khác đến gần thùng nước. Mình định mời bà ta luôn một thể nhưng ánh mắt của người bạn trai cùng đi của bà đã ngăn mình lại. Bà lấy một chiếc cốc giấy, đến bên thùng nước rồi mở vòi. Nước gần được nửa cốc, mình liền nhảy đến đứng giữa bà và người bạn gái của mình. Bà ta ngỡ ngàng nhìn mình. Trong lúc mình đang rối rít xin lỗi thì một trong số bọn trẻ lại mở vòi thùng nước.

Mình liền kiên quyết khóa vòi lại. Bà ta đưa cốc nước lên miệng:

- Eo ôi! Nước có muối.

Thằng nhóc cũng hòa theo. Vài vị hành khách đứng dậy. Người chồng đi gọi lái tàu, bảo:

- Người này cho muối vào nước!

Lái tàu gọi viên thanh tra. Thanh tra hỏi mình:

- Có phải ông làm bẩn nước không?

Rồi đi gọi viên cảnh sát trực. Cảnh sát trực hỏi:

- Có phải ông bỏ thuốc độc vào nước không?

Rồi đi gọi viên đại úy đến. Đại úy hỏi:

- Có phải ông là kẻ đã đầu độc thùng nước uống không?

Rồi ông ta gọi ba lính cảnh sát đến. Những người này điệu mình đi ngay đến một toa để không trước những anh mắt và những lời bàn tán oe xèo của hành khách. Ở nhà ga đầu tiên tàu đỗ lại, mình bị buộc phải xuống tàu và ngay lập tức người ta lôi cổ mình đến nhà lao. Nhiều ngày mình không nói năng gì hết trừ những lúc bị hỏi cung dài dòng. Khi mình kể lại vụ việc của mình không một ma nào tin, kể cả người quản tù, người đã lắc đầu nguầy nguậy bảo rằng: "Vấn đề là rất nguy hiểm, thực sự nguy hiểm. Có phải anh thật tình không muốn đầu độc bọn trẻ?". Một buổi chiều nọ, mình bị giải đến trước luật sư. Luật sư bảo:

- Vấn đề của ông thật là nan giải. Tôi sẽ đi tìm Chánh án Penal để hỏi về vấn đề này giúp ông.

Cứ như thế, vụ của mình kéo dài hết cả một năm trời. Cuối cùng mình được xử. Vì không có nạn nhân, bản án của mình nhẹ thôi. Sau đó ít thời gian ngày mình được tự do đã đến.

Ông chỉ huy nhà tù gọi mình đến, bảo:

- Thật là tốt đẹp, anh đã được tự do. Anh may mắn đấy. Cũng nhờ vụ của anh chưa có thương vong. Nhưng tôi mong rằng anh không tái phạm vì lần sau anh phải trả giá đắt đấy!

Và ông ta nhìn mình bằng chính cái nhìn nghiêmg trang mà thiên hạ đã nhìn mình.

Ngay buổi chiều ấy mình đi tầu và sau mấy giờ ngồi tầu vất vả mình đã về tới thành phố Mexico. Mình gọi tắcxi đi về nhà. Khi đến cửa phòng mình nghe thấy tiếng cười và tiếng hát. Mình cảm thấy nhói đau nơi ngực tựa như cú đạp của cơn sóng bất ngờ ập tới đập vào ngay giữa ngực: bạn gái mình ở trong đó đang hát và cười như mọi khi.

- Làm sao em về được?

- Dễ ợt: em đi tầu. Sau khi kiểm tra thấy đó chỉ là thứ nước mặn, người nào đó đã đổ em lên nồi nước trên đầu máy xe lửa. Đó là một chuyến đi thăng hoa: ngay lập tức em đã là một luồng hơi trắng, ngay lập tức em lại rơi trong trận mưa mịn màng xuống đầu máy. Em gầy đi rất nhiều. Em bị mất đi rất nhiều giọt nước.

Sự hiện diện của em đã làm thay đổi đời tôi. Ngôi nhà với những hành lang tối và đồ nội thất phủ đầy bụi đã tràn đầy khong khí, ánh nắng, tiếng cười nói và ánh phản quang của cây cối và màu trời, một làng đông vui và hạnh phúc. Ôi, có bao con sóng trong một con sóng và con sóng này đã làm thế nào để biến bãi tắm hoặc tảng đá hay cái chắn sóng thành một con đập, một bộ ngực, một vầng trán phủ đầy bọt sóng trắng. Ngay đến cả những xó xỉnh bị lãng quên, những xo xỉnh bẩn thỉu của bụi và đồ vô dụng, cung được bàn tay này sờ tới. Tất cả đều sống lại tươi cười và ở tất cả mọi nơi đều bừng sáng những chiếc răng trắng. Anh nắng vui vẻ bước vào các phòng cũ kĩ và

lưu lại đấy nhiều giờ sau khi nó đã ra khỏi những ngôi nhà khác, làng xóm, thành phố và đất nước được một lúc rồi. Mấy đêm liền, đã khá muộn rồi, các vì sao lấm chuyện nhìn thấy ánh mặt trời lén lút ra khỏi nhà mình.

Tình yêu là một trò chơi, một sự sáng tạo liên tục. Tất cả là bãi tắm, là cát, là giường nằm với ga trải giường luôn sạch bong. Nếu mình ôm em thì em vươn thẳng ra, thon thả không thể nào tưởng tượng nổi, như thể thân nước một cây phong; rồi bỗng nhiên cái thân hình mảnh mai ấy trổ hoa thành một dòng những chiếc lông trắng, thành một chuỗi những tiếng cười rơi xuống đầu và lưng mình rồi phủ trắng xóa cả con người mình. Hoặc như đường chân trời trước mặt mình, nàng trải rộng ra đến vô tận đến mức mình cũng biến thành đường chân trời và tĩnh lặng. Tròn đầy và dịu dàng nàng bọc lấy mình như một bản nhạc, hay như hai làn môi mong đỏ bao la. Sự hiện diện của nàng là sự đi sự về của những cú mơn trớn, những tiếng thầm thào, những nụ hôn. Bước vào trong nước của nàng, mình chết chìm một phần và trong một chớp mắt mình đã thấy mình ở trên cao, cảm thấy lơ lửng trên tầm cao chóng mặt một cách kì ảo, để rồi sau đó rơi xuống như một tảng đá và cảm thấy mình được đặt xuống trên nền đất cứng một cách nhẹ nhàng như một chiếc lông chim. Không gì có thể so sánh với việc nằm ngủ đung đưa trên mặt nước của nàng, nếu không bị đánh thức dậy bởi ngàn chiếc rơi vui vẻ và nhẹ nhàng của nàng quất cho, bởi ngàn cú sóng xô đẩy khi rút xa bờ, nàng cười khúc khích.

Nhưng chưa bao giờ mình đến được trung tâm điểm của con người nàng. Chưa bao giờ mình sờ được cái hang hùm của sự sung sướng và của cái chết. Có lẽ trong những con sóng khong

hiện tồn cái địa điểm bí mật ấy vốn làm cho người đàn bà không thể bị tấn công và chết được; cái nút điện nhỏ nhoi nơi tất cả đều được nối lại với nhau, được sướng đến phát run, được cứng lên nóng ấm để sau đó xìu xuống chết luôn. Độ nhậy cảm của nàng như độ nhậy cảm của phụ nữ, được truyền trên những con sóng, chỉ có điều chúng không phải là những con sóng hội tụ mà là lan tỏa, chúng lan tỏa mỗi ngày một xa cho đến khi va đập vào những thân thể khác. Yêu nàng là lan dài mình ra trong những cảm xúc cổ xưa cùng rung ngân với những ngôi sao xa lắc mà chúng ta không nghi ngờ. Nhưng cái trung tâm điểm của nàng... không, nàng không có cái tâm điểm ấy, mà chỉ có một khoảng trống rỗng tựa như khoảng trống rỗng của cơn lốc, hút lấy sinh lực mình rồi làm cho mình lử đử như ông từ giữ đền.

Nằm bên nhau, chúng mình trao cho nhau những tâm sự thầm kín, những lời thầm thào và những tiếng cười. Nàng vờ làm con cừu non, rơi xuống ngực mình và tại đây nàng giãi bày như một âm thanh. Hát bên tai ta, nàng là con ốc biển. Nàng làm nũng và ngây thơ, nằm phục dưới chân mình, nàng là nước hiền hòa. Nàng rất trong sáng đến độ có thể đọc được tất cả mọi ý nghĩ của nàng. Có những đêm da nàng phủ kín lân tinh và việc ôm nàng là ôm một mẩu của đêm được gặm lửa. Nhưng nàng cũng trở nên hắc ám và đắng cay. Có những giờ bất chợt, nàng rên rỉ, thở vắn than dài, quằn quại. Tiếng rên rỉ của nàng đánh thức nàng xóm. Khi nghe thấy tiếng nàng, gió biển liền điên cuồng cào cấu cửa nhà hoặc đam mê du dương hát to trên mái nhà. Những u ám mây phủ làm nàng nổi giận: nàng đập phá giường tủ, bàn ghế, nói những từ ngữ tục tĩu, phủ kín người mình nào những lời xỉ vả và những đờm dãi xanh xám. Nàng khạc nhổ, nàng khóc lóc, nàng thề thốt và nàng tiên đoán. Nàng làm chủ mặt trăng, các vì sao và cả hồi quang của

thứ ánh sáng thuộc thế giới khác, nàng thay đổi tâm trạng và diện mạo bằng cái cách khiến mình thấy nàng như một bóng ma, nhưng thực ra nàng bất hạnh như cơn say sóng mà thôi.

Nàng bắt đầu ca thán về nỗi cô đơn. Mình đem về nhà toàn những ốc biển, sò, hến, toàn những con thuyền buồm mà trong ngày giận dữ nàng đã nhấn chìm chúng. (Cùng với những con thuyền khác mang những hình tượng vốn hàng đêm sinh ra từ vầng trán mình, và chúng đã bị đắm chìm trong những cơn lốc xoáy hung hãn hay kỳ thú). Biết bao báu vật đã mất trong thời gian ấy. Nhưng nàng không thỏa lòng với những con thuyền của mình và cả những bài ca thầm lặng của ốc biển. Mình phải mang vào nhà cả một thế giới cá. Mình thú nhận rằng mình không khỏi ghen với những con cá này khi nhìn thấy chúng bơi trong người bạn gái mình, chúng mơn chớn bộ ngực nàng, chúng ngủ giữa hai háng nàng và trang điểm bộ tóc nàng bằng những ánh chớp ngắn ngủi rực rỡ sắc màu.

Giữa tất cả những con cá ấy có một số con thật đặc biệt nhanh nhẹn và hung hãn, đó là những con hổ con của bể cá. Chúng có đôi mắt to và đẹp, cái mồm bạnh và môi dày. Mình không hiểu vì những sự quá chớn nào mà cô bạn gái mình lại đồng mưu chơi bời với chúng, chiều cho chúng xem một của hiếm mà ý nghĩa của nó mình không muốn quên đi. Qua nhiều giờ nàng cứ một mình hú hí với những sinh vật đáng sợ kia. Một ngày nọ, mình không thể chịu đựng hơn được nữa đã đạp cửa bể cá nhấn chìm nó xuống và mình lao xuống chúng. Nhanh nhẹn và ma quái bọn chúng thoát khỏi tay mình trong lúc đó nàng cười và đẩm mình cho đến ngã mới thôi. Mình cảm thấy mình bị ngạt thở. Và khi mình sắp chết thì nàng lại đặt mình lên bờ và bắt đầu hôn lấy hôn để và nói với mình chuyện gì mình không biết. Mình cảm thấy mình yếu lắm, bị nghiền

nát và bị hạ nhục. Vì giọng nói của nàng ngọt ngào và nàng nói về cái chết kì thú của những kẻ chết đuối. Khi tỉnh lại, mình sợ và căm ghét nàng.

Mình đã không cẩn thận giữ kín chuyện riêng tư. Mình bắt đầu thường xuyên gặp gỡ bạn hữu và nối lại các quan hệ bạn bè và tình yêu cũ. Mình gặp lại một bạn gái thời thanh niên. Bằng cách bắt cô bạn phải thề là sẽ giữ kín chuyện, mình đã kể cho cô bạn nghe cuộc sống của mình với sóng. Không gì có thể gây cảm kích mãnh liệt bằng khả năng có thể cứu vớt một người đàn ông. Thánh bà hộ mạng của mình liền sử dụng tất cả mọi ngón nghề nhưng, một phụ nữ vốn chỉ là chủ nhân của một số hữu hạn về tâm hồn và thể xác làm sao địch nổi cô bạn gái của mình, người luôn luôn biến hóa, đồng thời luôn là chính mình trong những thay đổi không ngừng?

Mùa đông tới. Bầu trời lại xám xịt. Tuyết rơi trên thành phố. Mưa một cơn mưa phùn lạnh cóng. Người bạn gái của mình gào thét ầm ĩ tất cả các đêm. Về ban ngày nàng tách ra sống cô độc, lặng lẽ và cẩn thận, rên rỉ chỉ một âm tiết như một bà già gằm gừ trong một xó nhà. Nàng trở nên lạnh giá. Ngủ với nàng có nghĩa là run lập cập suốt đêm và cảm nhận thấy máu, xương cốt, tư tưởng đóng lạnh từ từ như thế nào. Nàng lại trở nên thầm kín, không thể thẩm thấu được. Mình thường xuyên ra khỏi nhà và sự vắng nhà của mình ngày càng dài hơn. Nàng trú trốn hoài trong xó của mình. Với hàm răng sắc nhọn nàng gặm các bức tường. Đêm nào nàng cũng thức trắng mắng mỏ mình. Nàng nằm mộng, phấn khích với mặt trời, với các bãi tắm nóng bỏng. Nàng mơ lên cung trăng và biến thành một mẩu nước đá khổng lồ, trôi lang thang dưới bầu trời trong những đêm dài tưởng chừng hàng tháng. Nàng chửi mình. Nàng mắng nhiếc rồi cười. Nàng nhồi căn nhà căng phồng những tiếng cười và bóng ma. Nàng gọi những quỷ xứ nơi vực

sâu là thằng mù, là kẻ nhanh nhẩu đoảng và đần độn. Vì mang điện trong người, nàng thiêu cháy những gì sờ phải, mang axít nàng làm mục ruỗng tất cả. Đôi cánh tay ngọt ngào của nàng lại trở thành những sợi dây khô ráp thít chặt lấy người mình. Và cơ thể nàng vốn xanh và mềm mại, là một chiếc roi không thể bị bẻ gẫy cứ quật hoài, quật mãi. Mình bỏ chạy. Những con cá khủng khiếp cười sằng sặc với tiếng cười man dại.

Ở trên núi ấy, giữa những cây thông cao chót vót mình thở thứ không khí lạnh và nhẹ nhàng như một tư tưởng tự do. Được một tháng, mình trở về nhà. Lạnh lắm, lạnh đến mức mình thấy một bức tượng nước đá ở trên bệ đá hoa cương của một ống khói lò sưởi đã tắt lửa. Mình không mảy may cảm động trước sắc đẹp của nàng. Mình nhét bức tượng nước đá ấy vào một cái túi gai và đi ra đường. Tại một tiệm nhậu ở ngoại ô, mình bán bức tượng nước đá ấy cho một chủ cửa hàng vốn là bạn mình. Người bạn này đập tượng nước đá thành nhiều miếng nhỏ rồi cẩn thận nhét chúng vào các hộp để ướp lạnh những chai bia./.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch

MỘT KHOẢNG TRỜI KHÁC

NADINE GORDIMER
(NOBEL 1991)

Từ dãy nhà lớn, vượt qua bãi cỏ tối đen để về căn nhà tắt đèn của mình lúc mười một giờ đêm chủ nhật, ông vấp bờ gạch viền. Những viên gạch chôn nghiêng xuống đất, tạo thành một

đường viền rang cưa ngăn cách nhưng lối đi và những luống hoa. Những cậu trai đã làm đường viền này với niềm vui đơn sơ của những người nông dân ở đây theo một kiểu mẫu đơn giản lặp đi lặp lại, ký ức về một thời sống dưới những mái tôn cũ nát, mặc áo vải bố khiến họ nhớ tới lớp đất sét trắng tô hình đích dắc chạy quanh vách đất của những căn chòi. Ông mỉm cười thầm nghĩ, thế nào cũng tới lúc chúng nó muốn quét vôi trắng cho hàng gạch.

Bên trong hàng gạch là những cây hoa hồng, điểm trong bóng tối những tấm lá còn sẫm màu hơn nữa. Cũng mấy cậu trai trồng chúng. 'Người đã cho phá đổ những bức tường nhà tù để trồng phong lữ thảo trong đó' - dĩ nhiên báo chí đã hiểu sai hết. Sai, hoàn toàn sai. Khi người ta khởi sự viết về điều gì là chuyện đó hỏng toẹt, ít nhất là cũng có sai lầm gì đó; đến lúc chúng được in ra, chữ đã đổi nghĩa cho dù họ muốn nói tới bất kỳ sự thật gì. Phong lữ thảo thay vì hoa hồng; điều đó cũng chẳng đáng nói: nhưng "người đã cho phá đổ những bức tường nhà tù để trồng phong lữ thảo trong đó' quả là một tóm tắt quá đơn giản gạt bỏ mọi chuyện khác ra ngoài. Sự thực là: trong chín năm làm giám đốc trại cải huấn, ông đã cho hạ bức tường hai thước đầy những miếng chai cắm phía trên xuống, ông đã tập cho bọn trai làm vườn, giúp chúng xây sân chơi, đi xin xò nhạc cụ cho chúng. Bức ảnh chụp ông ngồi ở bàn, chấm mực một cây bút. Bức ảnh những cậu trai ngồi xếp bằng trong vườn, trên lưng áo kaki có những con số, những bóng nắng trên những mái đầu loãn xoan như lông cừu của chúng. Những lúc ấy, những lục bài viết đã ghi nhận, trong tất cả những bài được viết về ông, những bài diễn văn phát biểu về vinh quang của ông - những lúc ấy là những lúc nào nhỉ?

Khi tiếng chân ông bất chợt lào xào trên sỏi, ông thở nhẹ, gạt qua một bên những tán tụng không thật đó. Nó đã bỏ hết mọi chuyện khác ra ngoài. Cái mà nó đang liên quan tới bây giờ là, bóng tối im ắng của trai cải huấn sau lưng ông, những bài viết trang báo loáng thoáng kinh hoàng trong tâm trí, sự tĩnh lặng của đêm đen thảo nguyên, nỗi ưu tư đong đầy mọi ngõ ngách trong người như hơi thở hít vào của ông vậy.

Sáng nay ông đã đứng giữa âm thanh của bọn trai trong buổi lễ ở nhà thờ, chiều nay đã viết phác thảo cho cuốn sách nhỏ về cải huấn, sau bữa tối ông đã ngồi làm việc với một lô báo cáo. Lỗ mũi ông nở ra mỗi đoạn tạm ngưng tập trung, mắt ông không nhìn thấy nữa. Vợ ông đang khâu vá món quần áo gì đó trên lòng mà không nhìn; thỉnh thoảng ông cũng nhận ra tròng kính chớp chớp khi bà quan sát ông.

Suốt ban ngày, và nửa phần ban đêm, nỗi ưu tư đó cứ quanh quẩn bên ông. Bây giờ khi ánh sáng ban ngày tàn đi, chỉ còn lại ông với nỗi ưu tư đó, ông mang nó theo khi bước lên bậc tam cấp, lên tấm thảm cửa làm bằng những sợi vỏ xe, đi qua khung cửa chỉ chạm nhẹ là mở ra như để ngỏ sẵn chờ ông. Trong thoáng chốc bầu trời đêm như đứng ngay khung cửa: bầu trời mùa đông mênh mông trong trẻo, một mẩu trang non chẳng sáng là bao giữa đám sao trắng chói, phía trên những đồi gò thấp kia chẳng một câu trả lời; thang con trai có cái đầu như đầu thần lần đang ở đâu trong cõi âm u này? Rồi cánh cửa đối mặt với đêm, và bên trong, bầu không khí khô kín của căn nhà cũng mang một câu hỏi thầm lặng (Có nghe không? Có tin gì không?), bóng dáng cái điện thoại đang chực chờ réo lên. Mày không thể tránh khỏi câu trả lời đang tới ... Cái điện thoại như một sợi thần kinh, chỉ chờ giật nảy lên.

Cậu trai từng được khép vào kỷ luật nghiêm túc của một khu tập thể, đã mau chóng học được cách làm lụng cám cúi cho ngày tháng qua mau, hiện giờ đang nằm phục đầu đo trong một căn chòi đầy khói và những ánh mắt lấp lánh, đầy mùi hơi người và bia, kéo lê hàng giờ qua với sự uể oải vận vơ, vô công rồi nghề, thức dậy rồi quằn quại trong bóng tối mơ mờ. Lúc mơ biến thành bạo lực, lòng thèm muốn biến thành được cơ. Ngồi trong mùi cái sào huyệt của những gương mặt cúi gằm nhuốm một nỗi sợ hãi không rời bên ánh đèn đầu hồi, soi lưng lính với những mảnh báo cũ bẩn thỉu nhét trong xó (những tờ báo rất gớm ghếch nói về làn sóng tội phạm .. cướp bóc, ông già bị đâm trên đường phố) và tự do. Đó là tự do của cậu trai, là cái cậu đã chạy đuổi theo một tuần trước. - Để quá mà, chỉ có phóng lư tháo, đâu có tường ngăn. Mỗi năm lại vài vụ như thế, lúc nào cũng gây nỗi đau kỳ lạ ấy cho ông giám đốc: đó là điều chúng đã chạy đuổi theo những cậu trai ấy; đuổi theo cái điều ấy: cái cuộc sống rối như một cơn mộng mị đầy nhưng đấu tranh, sợ hãi và kinh hoàng vốn chúng đã quá biết, mà với chúng đó là tự do. Hội đồng quản trị an ủi: Ông đừng quá nản chí khi kế hoạch của ông có những thất bại lẻ tẻ - nó đã tự minh chứng về lâu về dài, Collins ạ. Ông đã mỉm cười với họ, vì đã quen giữ kiên nhẫn với những người mà sự hiểu biết chỉ ngang bằng với khả năng của cảm giác. Collins tội nghiệp, họ nói với nhau như thế - ông ta là kẻ mơ mộng, kẻ lý tưởng, vậy thôi - ông ta cũng như mọi người khác khi bị chứng tỏ là sai lầm. Lòng kiêu hãnh đâu chịu nổi những cú như thế.

Cậu trai đó đã trốn đi cả tuần nay và giống như những cậu khác rời bỏ cái tập thể nhỏ yên ấm này để đưa lưỡi nếm thử những vị lạ, có thể cậu đã chìm mất vào bao khuôn mặt vô

danh trong các khu định cư của dân bản xứ hay đã bị bắt lại để phải cúi gằm đầu và chịu sự kiểm soát gắt gao. Nhưng hôm qua điện thoại đã reo với một giọng rất là công vụ của một ông trung sĩ để nối lại những điều ông ta được lệnh phải báo lại: Cậu trai đó trốn khỏi trại của ông tuần rồi-Có một bà già ở Jeppe bị tấn công và cướp của, và lời mô tả của người ta có vẻ giống cậu ta - Vâng, vâng - Ông cảnh sát chậm rãi đọc lại bản mô tả nhân diện - Vâng, đúng thế - Được rồi, chỉ vậy thôi, chúng tôi chỉ muốn thông báo cho ông hay. Không may, hình như chẳng tìm được dấu tay nào.

Nhưng chúng tôi vẫn có thể tóm được nó. Chúng tôi chỉ muốn chắc chắn là bản tả đúng. - Còn bà kia, bị thương nặng không? - Nứt sọ, gãy xương sườn, và còn gì nữa, hung khí nó dùng là một quả tạ, thứ ta tay người ta thường bỏ trong bếp.

Cậu trai với cái đầu hớt gọn, như đầu một con thằn lằn, đôi bàn tay nhỏ, dài và khéo léo. Khi ông quản đốc lần đọc theo lối đi vào phòng tắm, ông lại thấy lần thứ một ngàn, cảm giác an lòng thoáng qua với khuôn mặt cậu ta, ngẩng lên khi mình bước vào. Như nỗi đau qua đi, sự khuây khỏa lại đến: cậu ta chắc chẳng làm điều đó.

Ông khép cẩn thận cánh cửa buồng tắm để khi bật đèn trong đó, ánh sáng không lọt qua và rọi lên tường phòng ngủ gần chỗ vợ ông nằm. Dư hương ấm áp của một buổi tắm phả vào ông. Ông nhẹ nhàng mở vòi nước nóng, nước tuôn ra như một cuộn chỉ mềm mại trên tay ông. Trong khung kính nhỏ mờ hơi nước từ dòng suối nóng nhỏ bé dưới bồn tắm, ông nhìn thấy khuôn mặt mình với sự mệt mỏi ẩn khuất trong đôi mắt. Có được một giây lát thoải mái kiểu trẻ con, như thế, đã ưu sầu quá nhiều, thì toàn bộ sự vụ được thanh toán, được chuộc lại.

Cậu ta chắc không làm chuyện đó; không thể là cậu ấy , và ông hiểu các cậu, đa nghiên cứu cả ngàn đứa như thế, trong mỗi giờ trong ngày, suốt chín năm nay. Tốt cả thôi. Cậu ta không làm điều ấy. Bản mô tả có thể là bất cứ ai, đã là bất cứ ai. Chỉ vì cảnh sát tình cờ có bản mô tả cậu ta bởi vì cậu ấy vừa bỏ trốn nên họ lật ngược ra trước tiên. Bất cứ lúc nào, khi chẳng có đầu mối nào để dò tìm, họ sẽ rơi vào một cái gì dễ ợt đại loại như thế, nó ra cái vẻ như họ đã làm được cái gì đó, đã truy được tới đâu đó."Cảnh sát đang điều tra và đã nắm được tình hình." Chín năm qua, ông cũng đã quá hiểu cảnh sát. Cả ngàn vì ngàn khuôn mặt, cái nào cũng đa nâu, mắt sâu, mỗi đây. Đàn đa trắng ở thành phố chỉ nhìn thấy người da đen là như thế [illegible] cũng như ai, làm sao phân biệt người nào với người [illegible] không có một cái sẹo, một cái chân quẹo? Như thế nếu [illegible] trai trốn khỏi trại, và một cậu trai tấn công một phụ nữ, thì cả hai cậu ấy là một.

Ông rửa mặt dưới vòi nước, cố đừng gây tiếng [illegible] miệng thở trong dòng nước. Rồi ông mò tìm cái khăn [illegible] mặt, lau sạch cả một ngày ra khỏi gương mặt và để cho mát sang lên, như thưởng thức sự khuấy lòng trong nỗi mệt mỏi của nó. Một bắp thịt mí mắt dưới giật dãn ra.

Rồi ông thấy đôi bít tất của mình, đã gột và treo kề nhau trên thanh vắt khăn.

Trông thấy chúng, dấu hiệu nề nếp của bà ấy, lối sống ngăn nắp từng ngày mà bà ấy luôn duy trì, dù có chuyện rắc rối tới đâu, dù là bao ưu phiền bà trải qua cạnh ông, cùng với ông-đôi khi ông kể lể ưu phiền với bà, đôi khi lại không kể nhưng bà vẫn biết và lặng lẽ chịu đựng nhưng không cho ông hay là bà đã biết, - trông thấy chúng, ông hiểu ngay bà ấy còn thức trong

buồng ngủ. Bà ấy còn thức và lo lắng. Đôi tay bà đã làm những việc thường làm trong một nỗ lực vô thức muốn giữ gìn một sự an tâm lặng lẽ và lành mạnh, cái an toàn của đời sống thường nhật. Nhưng chính sự trấn an đó đã cho thấy có mặt nỗi lo lắng. Ông có thể cảm thấy đôi mắt bà vẫn mở trong bóng tối ở căn phòng bên, nhìn lên trần nhà mà không thấy gì cả, lập tức sự thoải mái trong ông biến mất và hình như ông phải thở gấp hơn để vơi đi sức nặng đè trên ngực. Ông đứng đó một lát với cái đầu vật vờ lắc lư theo mỗi hơi hít vào và thở ra, mọi chuyện trở lại như cũ: Cậu ta giờ ở đâu? Có phải cậu đã làm chuyện đó. Cậu đã làm chuyện đó. Liệu như thế chăng? Liệu cậu có phải loại người làm những chuyện ấy không? Lạp đi lặp lại một cách máy móc, ông diễn trò nói chuyện với cảnh sát, cứ nói đi nói lại. Vâng, thế thôi, chúng tôi chỉ muốn thông báo cho ông biết. Chúng tôi chỉ muốn chắc là bản mô tả đúng. Còn bà kia, có bị thương nặng không?-Nó dùng thứ tạ tay mà người ta vẫn để lăn lóc đầu đó. Chúng tôi chỉ muốn thông báo cho ông biết - Vâng, vâng. - Chúng tôi chỉ muốn thông báo... Cái lạnh từ nền nhà làm tê rần đôi chân ông khi ông đứng cứng chết ở đó như thể nỗi ưu tư chỉ là một cơn đau mà nếu cứ để yên nó sẽ qua đi, cứ chịu đựng cơn hành hạ của nó, không chọc giận nó bằng bất cứ nỗ lực chạy trốn nào có thể khiến móng vuốt nó bấu chặt hơn.

Chân ông lạnh ngắt khi ông tắt đèn phòng tắm trước lúc mở cửa ra (bà ấy cũng thấy ngay qua những cần thận tỉ mỉ của ông rằng ông cũng biết bà không ngủ được) và mò mẫm vào buồng ngủ. Mớ quần áo của ông tuột xuống nhẹ nhàng khi ông thay đồ cũng y như bóng đêm trùm xuống; có một khoảng im lặng khá lâu cho đến khi cái giường kêu lên vì ông đặt mình nằm xuống.

Phía bên kia tấm thảm ngăn cách giường của ông và của bà, ông nghe ra bà đang lắng nghe ông. Bà ấy cực kỳ lặng lẽ, lặng lẽ một cách tỉnh táo, lặng lẽ hơn cả giấc ngủ vốn rất sâu và mong manh, bồng bềnh và chìm xuống. Thứ hai... ngày mai chang? Họ đã tìm thấy cậu ấy. Cậu đã gây chuyện đó. Làm sao ngăn được dòng thời gian đừng lăn đến, nếu nó phải đến; đến lúc phải nghe thấy tin ấy: cậu ta đã gây chuyện đó.

Và mặc dù bà không để ông nghe thấy tiếng thở của bà vì bà không muốn thở ra, nhưng nỗi sợ hãi xác quyết của bà vẫn lặng lẽ tràn ra với hơi thở vô thanh của bà, và tỏa đến ông. Ôi, cậu đã làm chuyện đó chang?

Nhưng họ không nói một lời. Họ chẳng bao giờ nói. Dấu đó dưới khuôn mặt cậu ta, một nỗi đau khuất nẻo được hiện lên yếu ớt như một ánh chớp nhả rồi tắt lịm ở một khoảng trời khác. Bao giờ sẽ tới lúc phải nói hết với bà, phải đọc rõ khuôn mặt bà như ông đã từng đọc rõ bao nét mặt đớn đau của bao kẻ vô danh trơ trọi mà Thượng đế đã buộc ông phải dành cả đời đọc cho hết.

Khuôn mặt đó lại ngẩng lên trên mặt bàn. Đôi mắt nâu với đường viền xanh đục, đôi tai bẹt, bờ thái dương nghiêng nghiêng, cái đầu gọn như đầu thằn lằn .. Ông ngắm kỹ khuôn mặt đó, cứ gợi nhớ lại, tìm kiếm.

Đêm thức trắng, chờ nghe

Cả hai người chợp ngủ được một lúc trước khi có tiếng gõ cửa. Nó sộc vào giấc ngủ như một tiếng sấm, nhưng lúc tỉnh hẳn thì nó chỉ là tiếng gõ cửa. Nỗi kinh hoàng, sau cùng, cũng tới! Nó bùng máu me của ông tràn khắp châu thân như tên bắn. Vợ ông ngồi dậy tìm nút đèn. Ánh sáng làm hai người chói mắt. Ông thả chân xuống mò tìm đôi dép và với tay lấy tấm áo; tiếng gõ cửa dai dẳng nhưng không ồn, cố ý đủ sức đánh thức

nhưng không gay hoảng hốt. Tim ông đập chậm rãi và mạnh mẽ đủ sức làm cang cứng những huyết quản cứ như đang có vật gì to quá khổ đang bị đẩy đi theo mạch máu gây căng nhức cả người. Ông bước ra cửa, cả căn nhà đã sáng đèn, như sau cùng dành công nhân sau lưng ông, rồi mở chốt cửa. Vậy thôi, ông lẩm bẩm, đến rồi, đến rồi. Đó là những âm thanh mà các tử tù nghe được trong xà lim, một tiếng nói từ cõi nào vọng đến, bao giờ ông cũng phải nghe rõ.

Ngubane, một trong những phụ tá của ông, đứng đó. Nói nhân biết lạnh người, ông cảm thấy điều đó, toàn bộ máu me của ông tuôn chảy ào ạt, trơn tru và nhịp tim loạn cuống đập cứ như những giọt nước xô nhau đổ tràn đầu ngọn thác. Ông chầy tay mình cầm đôi mắt kính và đeo lên. Ngubane đứng đó với áo sơ mi tinh tươm vì hôm nay là Chủ nhật và anh đã ăn mặc để đi chơi. Bóng dáng cao lớn của ông phủ lên khuôn mặt Ngubane, nhưng ông vẫn thấy cái miệng của anh hé ra như đang hổn hển thở khi cúi người bước tới.

Hẳn đã có điều gì khủng khiếp, Ngubane cứ chực nổ ra như thế cánh cửa mở ra đã làm chứ nghĩa tuôn ra, và khi ông giám đốc lui lại cho anh bước vào, đưa khuôn mặt vào vùng sáng đèn, ông thấy rõ nét nhăn nhúm kỳ lạ của một người không kìm giữ được cảm xúc từ mũi tới môi Ngubane, những vệt mồ hôi trên trán anh. Hình như nỗi kinh hoàng của hai người cùng dâng lên rồi gặp nhau, ngang bằng. Cả hai cùng dời dần đi qua gian tiền sảnh, qua khung cửa phòng khách, nuốt nước bọt và ngồi xuống. Bốn con mắt nhìn nhau.

- Tôi, thưa ... thưa ngài - Ngubane nói.

- Tôi biết, tôi biết, - ông nói ngay. Hai lỗ mũi dưới sống mũi ngắn và khỏe của ông chợt đau, hai nếp nhăn ưu phiền dề hai

khóe miệng chạy dài xuống hàm. Đầu ông ngẩng lên trong một cử chỉ cam chịu bất giác. Ngubane, đã từng thấy nét mặt này nhiều lần, cảnh mũi cũng phập phồng chực khóc vì cảm ơn cái sức mạnh, sức mạnh trần tình của Collins.

- Ông anh tôi, - cái đầu anh run rẩy như muốn ru sạch đi những điều đã chứng kiến, - anh tôi bị xe đụng. Tôi đang chạy xe cạnh ông ấy thì tai nạn xảy ra... Ông ấy chết ngay.

- Ông anh à?

Ông anh cùng tôi đi chơi ở Johannesburg. Ông anh Peter dạy học ở Germiston. Ông biết anh ấy mà, anh ấy đã tới... Cái xe buýt không thấy mà anh ấy chạy xe phía ngoài. Nó cán anh ấy, tôi không kịp thấy chuyện xảy ra thế nào, anh ấy đang cưỡi xe song song với tôi rồi chết luôn...

- Anh của anh à? - Collins nghiêng người tới trước, khuôn mặt nhăn lại với cái nhìn vạn hoi sát sao, cứ như ông sắp nổi cáu lên vì không hiểu điều người kia muốn nói.

Gân hai bên cổ Ngubane co giật. Anh ta gật đầu lia lịa cho đến khi nói được thành lời.

- Peter, ông anh của tôi.

- Anh nói ông ta bị xe cán chết à? Chết trên đường phố à... Collins lẩm bẩm lặp lại như một điều gì rất lý kỳ; trong căn phòng có Ngubane, tiếng nói của ông vang lên một cách kỳ cục, như nó cứ tuôn ào khỏi miệng ông. Ông rướn cổ lên để thở, hai bàn tay đặt trên bàn gật lên, rồi giãn ra, lỏng ngỏng.

- Tôi rất tiếc, - ông nói, - Ngubane ạ, tôi rất tiếc. - Ông nói vội vàng. Mặt ông nóng bừng lên. Ông vụt đứng dậy và đặt tay lên vai người phụ tá. - Kể cho tôi nghe xem nào, Ngubane, - ông nói, - kể đi.

Như một đứa trẻ chờ được phép khóc, anh ta gục mặt xuống đôi tay, giụi mũi vào tay áo, rồi ngước mặt lên, đôi mắt trắng

ngá vàng, nhìn vào mặt Collins, rồi chậm rãi trút hết nỗi buồn phiền.

Khi anh phụ tá đã ra về (họ đã cho anh thứ gì đó để anh ngủ yên được, đã an ủi, đã hứa hẹn bảo đảm rằng ngày mai anh cứ nghỉ việc để lo thu xếp đám tang) ông giám đốc và vợ ngồi uống chút trà trong căn bếp. Những hớp trà trôi dễ dàng xuống cổ họng. Nào, ông nói và bà thử xem cửa sổ đã đóng kỹ chưa và vuốt hai tay dọc tấm váy một chút trước khi trở vào phòng ngủ. Ông đi loanh quanh, xem lại của nẻo, tắt đèn, cám mớn này mớn kia lên tư hỏi sao mình lại bỏ chung ở đâu ở đó. Rồi ông vào phòng ngủ và lên giường. Cả hai đều thở ra khi chui người bên dưới mền, nằm trong ấm áp và chờ giấc ngủ.

Rồi họ nằm im.

- Lúc đầu, ông hiểu không, - bà nói đột ngột, - tôi cứ tưởng anh ta đến báo tin chẳng lành về cậu trai.

- Tôi cũng vậy, - ông đáp.

Bà phát ra âm gì đó như thể muốn nói ra điều gì, mà cũng có thể chỉ là âm thanh ậm ừ khi sắp thiếp ngủ.

Ông nằm đó trong bóng tối phủ tràn, lan dần tới bên cái tôi của ông, rồi tràn qua bờ mép đó như nước biển tràn lên bãi cát. Nhưng khi nó sắp phủ qua đầu ông và xóa bằng mọi điểm cao của hình hài ông như một lâu đài bằng cát, thì ý thức trong ông chợt trỗi dậy và chặn nó lại.

Tôi cũng vậy.

Đột nhiên ông nhìn ra điều đó và nó khiến ông ưu phiền cỏ quạnh như khi choàng tỉnh dậy với tiếng gõ cửa. Nó khiến ông tê cứng từ đầu tới chân với nỗi tan nát còn đắng cay và trọn vẹn hơn bất kỳ điều nào ông đã từng nghĩ được. *Tôi rất tiếc. Tôi rất tiếc. Hãy kể cho tôi nghe.* Cậu trai sống nghĩa là Ngubane phải chết. Cậu trai không làm điều đó, nghĩa là ta có

thể uống trà được. Cậu trai không làm chuyện đó nghĩa là mình có thể nhẹ nhàng nằm xuống giường trong bóng tối. Tâm trí anh có thể bình yên trong khi Ngubane trở về nhà với cái chết của đứa em. Nếu chỉ có chỗ cho cậu trai, thì sẽ không có chỗ cho Ngubane. Tâm thức đó như một cơn thèm khát khiến ông muốn nói thẳng với tất cả những khuôn mặt, với tất cả những khẩn cầu của bao kẻ trơ trọi - ông có thể làm gì được? Ông đã làm gì được với chuyện đó? Người đã phá đổ tường nhà giam và trồng phong lữ thảo thế vào đó. Ông nhìn thấy mình, đứng đây trong một buổi họp, đôi tròng kính lóa lên sự chú ý khi họ đều quay nhìn ông. Sự lặng lẽ của bà vợ, vẫn loanh quanh với công việc của bà ấy trong khi ông ưu tư, chín năm rồi đã ưu tư, xoay từ bà ấy sang vấn đề này vấn đề nọ. Nếu bạn quan tâm tới một kẻ này, tức là đã quay lưng với một kẻ khác.

Ông không hiểu làm sao mình sống được qua cái giây phút của điều tâm thức đó, và ông nhắm đôi mi mắt lại ngăn dòng nước đắng cay như sắp tràn ra, chảy bỏng, từ đôi mắt.

PHẠM VIÊM PHƯƠNG dịch

KHÔNG CÓ MỘT NƠI NÀO KHÁC ĐỂ CHÚNG TA GẶP NHAU ĐƯỢC SAO

NADINE GORDIMER
(NOBEL 1991)

Đó là một buổi sáng mát mẻ và mờ xám, không khí th tựa như khói. Với sự đảo nghịch của các yếu tố tự nhiên đôi khi

xẩy ra ấy, bầu trời xám dịu, bị che phủ chuyển động như mặt biển một ngày êm ả.

Chiếc cổ áo choàng áp chặt vào cổ nàng và đôi mà nàng mang vẻ lạnh mong manh, dường như nàng vừa rửa mặt bằng nước giá lạnh. Nàng thở nhẹ nhẹ; bên trái, một lưỡi lửa đang liếm đám cỏ cao, uốn lượn lặng lẽ, không bốc ngọn. Trên đầu nàng, một con bồ câu đang gù. Nàng bước đi, chan xẻo lên mặt cỏ bằng và khô, men theo những cây to khi thì ở trên lối đi, khi thì ở ngoài lối đi. Trước mặt nàng, phía xa xa, mở cành cây hỗn độn, những đường nghiêng của cỏ đen và bạch kim - nơi tất cả mọi thứ trộn lẫn vào nhau, chỉ có sắc giai ma không màu, - là đường chân trời, là cái bến bờ sương mù vừa mới liếm qua.

Từ đám cỏ ấm ngún lửa bốc lên những ang mây nhẹ nhàng, những đám bụi đen dưới chân nàng. Nàng nghe thấy miệng nuốt nước bọt.

Ở phía xa, nàng bắt gặp một bóng người có một vật đỏ gì đó ở trên đầu, và nàng có cảm giác thang hằng như nàng từng cảm thấy khi đứng trước một cái chấm nhỏ do một người nào đó vừa mới chỉnh lại trong bức tranh ở điểm cụ thể. Nàng ở đây, và có một ai đó ở kia... Thế rồi cái chấm đỏ biến mất đang sau đường cong cây cối. Nàng đổi tay cầm chiếc túi, cảm thấy buổi sớm mai như sờ mó được trên thân, một buổi sớm mai rất lạnh và bám chặt lấy mắt nàng.

Nàng đa tới cuối đoạn thẳng của lối mòn, men theo vòng cung quanh một cây thông có bóng tối viền quanh, một thân cây nhỏ bây giờ trông giống một bộ xương mảnh khảnh mà nàng nhớ lại rằng nó đã từng được trang điểm những chùm quả trắng giống như những hạt thủy tinh trong mùa hè. Có bóng một người bản xứ đội mũ len đỏ nổi lên trước một khóm cây, nơi lối mòn viền đá cuội trang đi qua một cái hồ. Nàng hãi

một quả thông con con, có ba chiếc kim bọc trong màng nâu mỏng dính và vừa đi nàng vừa dùng ngón tay cái cọ cọ vào những chiếc kim ấy. Bên dưới: trơn dốc. Bên trên: cái gì đó vướng víu nhẹ nhàng như có những rang cưa li ti bám vào da. Anh ta quay lưng lại, mắt nhìn chằm chằm vào con đường anh ta vừa tới đây. nàng áp mạnh ngón tay cái vào đầu những chiếc kim. Anh ta mặc một ống quần, rách tận đầu gối, phía sau bắp chân trần cũng như phía sau chiếc ống quần bám đầy bụi đen, xỉn lại một cách lạ kỳ vì giá lạnh. Bây giờ nàng ở gần anh ta hơn, nhưng nàng biết anh ta không nghe thấy tiếng chân nàng đi tới trên lối mòn dầy bụi ẩm. Nàng đi ngang anh ta và vượt qua; anh ta chậm chậm quay lại, nhìn ra xa quá người nàng, không hề chú ý, tựa như một con bò cái nhìn thấy một kẻ nào đó đi qua.

Mắt anh ta đỏ ngầu, như đã lâu không ngủ và mô hôi lâu ngày thành nang mui của anh ta làm hai lỗ mũi nàng cháy bỏng. Vượt quá khỏi chỗ anh ta đứng, nàng như muốn nôn, nhưng lòng sẽ lại như cảm thấy phạm tội khi nhớ lại đôi mắt đỏ ngầu và mệt mỏi của anh ta, nên nàng nén được. Trên mình anh ta chỉ có một miếng vải cũ ghét, - phần còn lại của chiếc sơ mi cũ chăng? -Không có ống tay và sơn đến mức chỉ còn là một cái lỗ to từ bên dưới cánh tay đến hông anh ta. Mảnh vải tung lên vì một làn gió lạnh khi nàng đi qua. Nàng để rơi ba chiếc kim thông ở đâu đó, chẳng biết từ bao giờ, bỗng nhiên bị lay chuyển bởi một ký ức tuổi thơ. nàng đưa tay lên úp mặt và thở mạnh: đúng, giống như thế đó: không phải như mùi thuốc muối mà ở những người bán thuốc để tắm, mà là một mùi thơm của lá cây và bụi phấn. Thứ mùi sạch tinh, chẳng hề giống mùi người. Nó cũng dính dính có thể bám vào những ngón tay mãng. Đên đàng kia rồi hãy rửa sạch đi. It ra cũng phải có hai bàn tay hoàn toàn sạch sẽ, nếu không đuổi được cái mùi kia khỏi óc mình; nàng bị nó ám ảnh.

Nàng nghe thấy một tiếng nện nặng nề lan khắp mặt đất, giống như tiếng một con thỏ chạy trốn vì hoảng hốt. nàng định quay trở lại lúc anh ta hiện lên trước mặt nàng. Ngạc nhiên và hoàn toàn bất ngờ, cả khuôn mặt nàng bị hơi thở hổn hển của anh ta phả vào. Anh ta đứng im, nàng cũng đứng im. Mọi dấu vết của sự tự chủ, của lương tri, của suy nghĩ bị xóa hẳn đi ở trong nàng, như một căn phòng chìm vào đêm tối khi điện bị hỏng, nàng thấy mình đang rên rỉ như một kẻ xuẩn ngốc hay một đứa trẻ. Những tiếng kêu thú vật phát ra từ cổ họng anh ta. Những âm thanh không rõ nét. Trong khoảnh khắc, nỗi sợ ôm lấy hai cánh tay, đôi chân và cổ họng của nàng; không phải sợ con người kia, sợ một mối đe dọa nào đó có thể hình dung ra được, mà là nỗi sợ tuyệt đối, trừu tượng. Nếu như mặt đất bị cháy rực lên dưới chân nàng, nếu như có một con dã thú há cái mõm khủng khiếp ra để đón nàng, nàng cũng không thấy mình co rúm người lại như lúc đó.

Trước mặt nàng là một bộ ngực nhô lên qua chỗ áo rách; một cái mặt phờ phạc, ở dưới chiếc mũ len đỏ đầy lông là hai con mắt đỏ, vàng vàng nhìn nàng một cách ngờ vực. Bàn chân nứt nẻ vì mưa gió, giống với một thứ gỗ bị rạn, động đậy chỉ cốt tìm lại thăng bằng sau khi bị choang vì chạy. nhưng mỗi cử động của anh ta lại như nhằm chống lại nàng, khiến nàng chợt cố kêu to lên, một cảm giác kinh khủng người ta thường cảm thấy trong giấc mơ biến thành hiện thực và chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Nàng vứt cái túi vào anh ta và quờ quạng như một con điên để giành lại cái túi, nàng nghe thấy anh ta lấy lại hơi thở, một hơi thở sâu và khàn khàn; anh ta làm một cử chỉ như để xâm chiếm nàng - ôi! Thế đó. Nàng cảm thấy bàn tay mạnh nhu chặt trên vai anh ta.

Bây giờ thì nàng vật nhau với anh ta, thân thể nàng rung mạnh. Bụi bay tung quanh đôi giày của nàng và những ngón

chân trần của nàng cũng xông vào cuộc ẩu đả. Mũi anh ta bốc lên làm nàng nghẹt thở - đó là một chiếc Pijama cũ, không phải một chiếc sơ mi. Khuôn mặt anh ta cáu kỉnh, có một vết hồng hồng ở chỗ da bị trầy ra. Anh ta hít một cách tuyệt vọng, không còn thở hổn hển nữa. Nàng nghiến răng lại: như một kẻ man dại, nàng dùng đầu húc vào anh ta, rồi lại tránh thoát, nhưng anh ta đã chộp được đuôi áo khoác của nàng và bất thình lình kéo nàng về phía sau. Mặt nàng ngửa lên và nàng nhìn thấy những làn sóng của bầu trời xám bị chẻ ra vì một con sếu bay qua, đẹp như một cái mũi tàu. Chân nàng lảo đảo, nàng lấy lại thăng bằng, chiếc túi trên tay nàng rơi xuống đất. Ngay lập tức, anh ta đè lên chiếc túi, nàng quay ngoắt lại nhưng ngay lúc nàng sắp quỳ xuống để chụp lấy chiếc túi trước khi anh ta chụp được, bỗng một cảm giác nhẹ nhõm, như thể nước mắt trào lên, chiếm lấy nàng, và nàng bèn bỏ chạy. Nàng chạy, chạy, chuệnh choang một cách man dại giữa những ngọn cỏ khô, gót chân quằn quại trên những đám cỏ cứng mùa đông. Nàng xông tới một cách vô định giữa những cây to, những bụi cây nhỏ. Những cây mimôda nhỏ ngăn nàng lại, cành lá rậm rạp của chúng sà xuống đất, nhưng nàng vẫn lướt qua được, bụi phấn xộc vào mắt nàng, nhúng cành nhỏ sần sùi bám lấy tóc nàng. Một cái hố đầy cỏ may ngập tận đầu gối; giống như những chiếc kim bị nam châm hút, cỏ bám chặt lấy chân nàng. Nhưng ở phía bên kia nàng đã nhìn thấy một dãy hàng rào, rồi một con đường . Bíu chặt lấy thanh chắn đường,- hai bàn tay của nàng chẳng làm được gì nữa hết - và khó nhọc chui qua những sợi dây thép gai, nhưng chiếc áo khoác của nàng lại bị móc vào một mấu sắt, thế là nàng cứ nằm nguyên ở đó, như một tù binh, người gập đôi lại, chìm ngập giữa một đợt sóng khủng khiếp, người đầm đìa mồ hôi và run rẩy. Cuối cùng, sợi dây thép gai vừa giữ nàng lại đã kéo tuột áo nàng; lảo đảo, run rẩy, nàng lần sang được hàng rào.

Và bây giờ nàng đứng ở bên ngoài. Bên ngoài con đường. Xa hơn, là những ngôi nhà có vườn, những hộp thư, một cái đu trẻ con. Một con chó nhỏ ngồi canh một cái cửa chính. Nàng nghe thấy người ta trò chuyện ở đâu đó, hay có thể là những đường dây điện thoại, tiếng rì rào yếu ớt của sự sống.

Nàng run lên như thể không đứng nguyên tại chỗ được. Nàng phải tiếp tục đi, phải bước xuống con đường kia thật nhanh. Một cái đều yên tĩnh và xám mờ như buổi sáng, và cũng mát mẻ như vậy. Bây giờ nàng cảm thấy làn không khí giá lạnh ở quanh miệng nàng, ở giữa đôi lông mày của nàng, nơi da ướt đẫm mồ hôi. Và ở cả sự ẩm lạnh nhúng ngập cả hai cánh tay và chỗ mông trũng của nàng. Tim nàng đập nặng nề, chậm chạp, đờ đẫn. Đúng thế, gió thật lạnh; nàng cảm thấy hơi lạnh bất thân, thứ hơi lạnh ẩm ướt xuyên thủng nàng. Nàng đưa một bàn tay lên, bàn tay còn run rẩy không kiểm soát được, vuốt thẳng mái tóc còn ướt tận gốc. Nàng cho tay vào túi tìm một chiếc khăn tay để xỉ mũi.

Cửa chính của ngôi nhà đầu tiên kia, trước mặt nàng.

Nàng hình dung một người đàn bà ra mở cửa cho mình, rồi những lời giải thích, rồi khuôn mặt của người đàn bà ấy, rồi cảnh sát. Tại sao ta lại phải đánh vật, nàng liền nghĩ ngay. Ta muốn bảo vệ cái gì? Tại sao ta lại không cho anh ta tiền, không để cho anh ta đi? Những con mắt đỏ ngầu của anh ta, cái mũi của anh ta, những chỗ nứt nẻ trên chân anh ta, những chỗ rách, một sự mòn mỏi. Nàng rùng mình. Hơi lạnh ban mai xâm chiếm nàng.

Nàng rời khỏi cửa chính bước xuống con đường với những bước đi chậm rãi, như một kẻ bị còi, rồi bắt đầu nhổ bông cỏ may bám vào những ống tất của mình.

HUY YÊN dịch

MỤC LỤC

		Trang
HENRYK SIENKIEVICH (1905)	(BA LAN)	
* Đioklex	Nguyễn Hữu Dũng	7
* Người gác đèn biển	Nguyễn Hữu Dũng	18
SELMA LAGERLOF (1909) (THỤY ĐIỂN)		
* Câu chuyện vợ một người dân chài	Ngọc Thọ	41
RABINDRANATH TAGORE (1913) (ẤN ĐỘ)		
* Người đàn ông xứ Kabul	Phạm Viêm Phương	53
* Ảo ảnh tan vỡ	Hoàng Cường	64
* Quan chánh án	Hoàng Cường	84
KNUT HAMSON (1920) (NA UY)		
* Tiếng gọi đời thường	Phạm Viêm Phương	95
* Nô lệ của tình yêu	Đào Minh Hiệp	101
THOMAS MANN (1929) (ĐỨC)		
* Luido bé bỏng	(Hoàng Hữu Kỹ)	112
IVAN BUNIN (1933) (NGA)		
* Say nắng	Phan Hồng Giang	137
* Hơi thở nhẹ	Phan Hồng Giang	148
* Trên biển đêm khuya	Phan Hồng Giang	156
* Ruxia	Phan Hồng Giang	169
LUIGI PIRANDELLO (1934) (ITALIA)		
* Hãy suy nghĩ đi, Giacôminô	(Quỳnh Dung)	184
* Vòng Hoa	Hoàng Hải	199
* Cuộc báo thù con chó	Hoàng Hải	214
* Đêm tân hôn	Quỳnh Dung	226
PEARL BUCK (1938) (MỸ)		
* Những mảnh hồn sâu xứ	Phạm Viêm Phương	240

WILLIAM FAULKNER (1949) (MỸ)

* Bông hồng cho Emily — Hoàng Hữu Phê — 252

PAER LAGERKVIST (1951) (THỤY ĐIỂN)

* Chiếc thang máy đi xuống địa ngục — Nhật Chiêu — 268
* Bố và tôi — Nhật Chiêu — 279

WINSTON CHURCHILL (1953) (ANH)

* Rơi xuống biển — Phạm Viêm Phương — 284

ERNEST HEMINGWAY (1954) (MỸ)

* Gã võ sỹ — Phạm Viêm Phương — 289

* Hạnh phúc ngắn ngủi của Mắc Cômbơ — Hoàng Hữu Phê — 303
* Khu trại người da đỏ — Nguyễn Tuấn Khanh — 352

ALBERT CAMUS (1957) (PHÁP)

* Người đàn bà ngoại tình — Vũ Đình Phòng — 360

JOHN STEINBECK (1962) (MỸ)

* Người dẫn đạo — Phạm Viêm Phương — 383

MIKHAIL SHOLOKHOV (1965) NGA (XÔ VIẾT)

* Thằng con nhà hư đốn — Trần Vĩnh Phúc — 406
* Cái bớt — Trần Vĩnh Phúc — 449

SAMUEL AGNON (1966) (DO THÁI)

* Cái vỏ cam — Nguyễn Thu Hồng — 464

MIGUEL ASTURIAS (1967) (GUATEMALA)

* Hoan ăn kiến — K.D. — 476

YASUNARI KAWABATA (1968) (NHẬT)
* Người đàn ông không cười — Vương Trí Nhàn — 483
* Tiếng tre, hoa đào — Nguyễn Hào — 491
* Con châu chấu và con dế đeo chuông — Xuân Anh — 499

HEINRICH BOLL (1972 (ĐỨC)
* Người bạn có mái tóc dài — Quang Chiến — 504
* Cái mặt buồn của tôi — Quang Chiến — 511
* Thợ cười — Vũ Đình Bình — 520

PATRIC WHITE (1973) (ÚC)
* Những bức thư — Ngô Thứ Lễ — 523
* Đồng đôla bất hạnh — Đinh Việt Tú — 547

GABRIEL GARCIA MARQUEZ (1982) (CÔLÔMBIA)
* Dấu máu em trên tuyết — Nguyễn Trung Đức — 561
* Buổi chiều tuyệt vời của Bantaxa — Dương Tường — 588
* Tôi đến chỉ để gọi điện thoại — Nguyễn Trung Đức — 597
* Trưa ngày thứ tư — Nguyễn Trung Đức — 619

NAGUIB MAHFOUZ (1988) (AI CẬP)
* Thiên đường trẻ thơ — Vũ Đình Bình — 629

CAMILO JOSE CELA (1989) (TÂY BAN NHA)
* Vong linh anh bạn cao kều — Nguyễn Trung Đức — 636
* Ca sĩ hát rong — Nguyễn Trung Đức — 643

OCTAVIO PAZ (1990) (MÊXICO)
* Cuộc đời mình với sống — 648

NADINE GORDIMER (1991) (NAM PHI)
* Một khoảng trời khác — Phạm Viêm Phương — 656
* Không có nơi nào khác — Huy Yên — 667

Chịu trách nhiệm xuất bản: LỮ HUY NGUYỆN
HOÀNG THUỶ TOÀN

Chịu trách nhiệm bản thảo: PHẠM ANH TRÚC

Biên tập: NGÔ THANH TÂM

Sửa bản in: BAN VĂN NGHỆ NƯỚC NGOÀI

Trình bày bìa: VĂN SÁNG

In 500 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Xí nghiệp in 15.
Giấy phép xuất bản 389 - CXB cấp ngày 31 - 5 - 1997.
In xong và nộp lưu chiểu quý I/1998.

Giá: 50.000đ

Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Ernest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...
Henryl
Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Ernest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN CÁC TÁC GIẢ ĐOẠT GIẢI NOBEL

Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Ernest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia
Marquez
Octavio
Paz...
Henryl
Sienkievich
R. Tagore
Knut
Hamson
Thomas
Mann
Ivan Bunin
Luigi
Pirandello
Pearl Buck
William
Faulkner
Winston
Churchill
Ernest
Hemingway
Albert
Camus
John
Steinberk
Yasunari
Kawabata
Gabriel
Garcia

DA8-12 003
50000